

**Những
Cuộc Sống
Phi Thường**

Những Cuộc Sống Phi Thường

34 linh mục kể chuyện đời mình

© 2013 by Phạm Đình Đài

International Standard Book Number: 978-0-9898114-0-8

Nguyên tác Anh ngữ: Extraordinary Lives: thirty-four
priests tell their stories.

Tác giả: Msgr. Francis P. Friedl and Rex Reynolds

Ave Maria Press xuất bản 1997 tại Hoa-Kỳ

Giấy phép chuyển dịch Việt ngữ ngày 13-6-2012

Xuất bản lần thứ nhất tại Hoa-Kỳ, Giáng Sinh 2013
Hồng-Trần Publishing

Tạ ơn Thiên Chúa

– đã cho con làm người và làm con Chúa

Kính dâng Thân Phụ An-tôn Phạm Đình Tong

– đã đưa con vào đời

Tưởng niệm

Thân Mẫu An-na Lê Thị Bốn

– đã dưỡng nuôi con

Hai Sư Phụ

Linh mục Đa-minh Nguyễn Quang Thản

Linh mục Đa-minh Đinh Xuân Bách

– đã uốn nắn con

Bào đệ An-tôn Phạm Đình Thọ

– đã phụng dưỡng Thân Phụ Mẫu

MỤC LỤC

Lời Ngỏ – 6
Lời Mở Đầu – 10
Giới Thiệu Dịch Phẩm – Ấn Bản Việt Ngữ – 12
Ghi Chú Của Người Dịch – 19

I. Hãy Thắp Đèn Lên

Những Linh Mục Trong Các Mục Vụ Đặc Biệt

Đức ông John J. Egan – 25
Linh mục Walter J. Burghardt, S.J. – 41
Linh mục Richard Gielow, C.M. – 51
Linh mục Charles A. Gallagher, S.J. – 65
Linh mục Geread S. Sloyan – 79

II. Đừng Mang Theo Túi Xách

Các Linh Mục Trong Cộng Đoàn Dòng Tu

Linh mục Steve Doyle, O.F.M. – 91
Linh mục Juan Rivas, L.C. – 105
Linh mục Thomas W. Cummings, S.J. – 115

III. Hãy Thả Lưới Xuống

Các Linh Mục Tại Xứ Đạo

Đức ông Michael Heras* – 129
Linh mục Thomas M. Anglim* – 137
Linh mục Richard W. Moyer* – 147
Linh mục Arnold Weber, O.S.B.* – 157
Linh mục Williams Trienekens* – 167
Linh mục William J. Bausch* – 175

IV. Hãy Chấn Các Chiên Ta

Những Linh Mục Trở Thành Giám Mục

Giám mục Leonard J. Olivier, S.V.D. – 191
Giám mục John Mackey – 201
Giám mục Michael W. Warfel – 213

** Những câu chuyện đã được dịch ở Việt Nam*

V. Các Bầy Chiên Khác Của Ta

Những Linh Mục Đến Từ Các Truyền Thống Đức Tin Khác

Linh mục Jack D. Barker – 227

Linh mục Louis A. Sigman – 237

VI. Hãy Theo Ta

Những Linh Mục Chiến Thắng Được Các Nghi Nan

Linh mục Ned J. Blick – 249

Linh mục Andrew J. Umberg* – 259

Linh mục Donald J. Goergen, O.P.* 267

Linh mục James A. Krings* – 281

VII. Ta Đã Từng Gặp Hiểm Nguy

Các Linh Mục Vượt Qua Được Những Khó Khăn Bất Thường

Linh mục Raymond B. Kemp – 297

Linh mục Robert L. Marciano – 315

Linh mục John F. Carney – 227

Tổng giám mục Michael Sheehan – 245

VIII. Hãy Chối Dậy Mà Đi

Các Linh Mục Đã Thay Đổi Với Cái Nhìn Nội Tâm Mới

Đức ông Thomas C. Brady – 351

Đức ông Charles Fortier – 361

IX. Để Niềm Vui Của Các Con Được Trọn Vẹn

Những Linh Mục Sẽ Chọn Lại Lần Nữa Y Như Thế

Đức ông John V. Sheridan* – 373

Đức ông Francis J. Smith – 387

Linh mục Edward Ramacher – 397

Linh mục Patrick J. Waite – 403

Linh mục Theodore M. Hesburgh, C.S.C. – 413

Lời Cuối – 425

Ghi Ân – 426

Đôi Dòng Về Hai Tác Giả – 427

Phụ Lục: Những Khác Biệt Quan Trọng... – 428

Lời Bình – 438

LỜI NGỎ

Một cuốn sách viết về sứ vụ linh mục –hay đúng hơn, một cuốn sách ghi lại những suy tưởng của các linh mục về chính cuộc đời linh mục của họ với những lý do tại sao và từ đâu– ngày nay rất cần thiết, khi mà nhiều người được Thiên Chúa gọi làm linh mục đã không đáp lại tiếng Ngài.

Từ nhiều năm qua, các Hiệp Sĩ Columbus¹ đã và đang quảng bá ý thức ơn gọi và cổ võ cũng như nâng đỡ ơn gọi làm linh mục qua chương trình ơn gọi hiện tại của chúng tôi. Chúng tôi đã chú trọng vào ý niệm cho rằng “gia đình là vườn ươm trồng ơn thiên triệu.” Thật vậy, nhiều câu chuyện về cuộc sống trong cuốn sách này chứng tỏ điều đó.

Song cũng có thể nói rằng chính các linh mục –những vị tốt lành, thánh thiện, sống vui tươi– đang tuyển mộ các linh mục mới nhờ sự hiện diện của họ, gương sáng của họ và niềm vui trong ơn gọi. Điều này cũng được minh họa nhiều trong *Những Cuộc Sống Phi Thường*.

Một truyền thống đáng hãnh diện của các Hiệp Sĩ Columbus là chúng tôi kết hợp chặt chẽ với các linh mục của mình. Trong ánh sáng của truyền thống ấy, tôi muốn ôn lại một

¹ *Knights of Columbus* – một tổ chức anh em Công Giáo hiến thân phục vụ lớn nhất thế giới. Được khai sáng bởi linh mục Michael J. McGivney (đáng Đáng Kính) tại New Haven, tiểu bang Connecticut, năm 1882, lấy tên để vinh danh nhà hàng hải Christopher Columbus người đã tìm ra Châu Mỹ. Hiện nay hội Hiệp Sĩ Columbus chuyên lo các công việc bác ái, cổ võ nền giáo dục Công Giáo và bảo vệ đạo Công Giáo tại nhiều quốc gia.

suy tư tôi đã viết năm 1993 cho hội nghị thường niên của chúng tôi, cắt nghĩa tại sao chúng tôi kết hợp như vậy:

“Một cách nào đó, chức linh mục là siêu việt; chức linh mục là điều thần bí; chức linh mục là một cái gì đấy độc đáo để được kính trọng bởi những người như chúng ta đang được mời gọi vào các bậc sống khác trong đời.

“Tuy nhiên, các linh mục đứng ngay ở trung tâm cuộc trải nghiệm đức tin của chúng ta. Trong một cách thế đặc biệt nào đấy, cuộc đời của chúng ta đan kết với cuộc đời của họ, kể từ ngày chịu rửa tội, khi được đổ nước cứu chuộc, chúng ta hòa nhập vào mối liên hệ thiêng liêng với người đã đón nhận chúng ta vào trong Thân Thể Mầu Nhiệm của Đức Ki-tô.”

Cuốn sách này viết về các linh mục như thế, và chúng ta mắc nợ các ngài, cũng như chúng ta mắc nợ Đức ông Friedl và Rex Reynolds bởi đã giúp chúng ta nhìn thấy Đức Ki-tô qua các “Ki-tô Khác” này.

Nguyện xin Chúa sai nhiều thợ hơn nữa vào mùa gặt! ●

VIRGIL C. DECHANT

Hiệp Sĩ Tối Cao

Hội Hiệp Sĩ Columbus

Người ta đã ghi lại rằng ơn gọi tu trì được nuôi dưỡng chính yếu là bởi gương sáng của một ai đó đang phục vụ trong sứ vụ linh mục hay cuộc sống tu trì, và do lời đề nghị dứt khoát từ một ai đó mà người trẻ nghĩ đến một sứ vụ như vậy.

Có một nhu cầu cần các linh mục thành công và hạnh phúc chia sẻ những câu chuyện về cuộc đời của họ. *Những Cuộc Sống Phi Thường* ghi lại những câu chuyện của 34 linh mục và ơn gọi sứ vụ linh mục của họ. Họ chia sẻ với chúng ta các giá trị trong ơn gọi của họ. Những chuyện họ kể đều cởi mở, phần chân, vui tươi, thành thật và nhiều khi trào lộng. Các chuyện kể cũng độc đáo như những người kể chuyện, luôn hấp dẫn và hứng khởi.

Những Cuộc Sống Phi Thường cho các bạn trẻ được nghe chuyện kể làm thế nào tiếng gọi của Thiên Chúa đã thể hiện trong đời sống của nhiều linh mục khác nhau. Ngày nay, hơn bao giờ hết, người ta đang tìm kiếm sự hướng dẫn tâm linh và cần được thấy các linh mục như những cá nhân đạo đức và thánh thiện.

Trong *Những Cuộc Sống Phi Thường* chúng ta được hé mở để thấy một số linh mục cảm nghĩ thế nào về ơn gọi của họ, tiếng gọi từ Thiên Chúa, và họ phản ứng ra sao trước tiếng gọi đó. Chúng ta sẽ thấy ai đã ảnh hưởng trên họ –gia đình họ, các thầy giáo, các linh mục và cả bạn bè nữa. Đây không phải là một cuốn tiểu thuyết, nhưng là một sưu tập các câu chuyện về sự cam kết trong sứ vụ linh mục, và niềm vui được làm một linh mục. Nó mang lại sự khích lệ cho những ai có thể đang

nghĩ tới sứ vụ linh mục, và kể về những phước hạnh của đời linh mục: việc giảng Lời Chúa, đời sống độc thân, tình yêu đối với Thiên Chúa, sự chăm sóc người khác, và trên hết là món quà Thánh Thể.

Serra International² là một hiệp hội mà mục tiêu chính là cổ vũ ơn gọi sứ vụ linh mục và đời sống khấn hứa tu trì. Là thành viên của Serra, chúng tôi biết được tầm quan trọng của việc có được các bạn trẻ lắng nghe những câu chuyện về các linh mục nhận được ơn gọi thế nào. Nhưng làm cách nào chúng tôi có thể mang thông tin này đến với họ? *Những Cuộc Sống Phi Thường* đã cố gắng trở thành một khí cụ giúp hoàn thành thách đố này vậy. ●

RAYMOND F. MOHRMAN

Chủ Tịch

Serra International

² Từ năm 1935, câu lạc bộ *Serra International* đã phát triển từ một bữa ăn trưa của bốn người bạn tại Seattle, tiểu bang Washington thành một hiệp hội toàn cầu với trên 19,000 thành viên trong hơn 36 quốc gia. Đây là một hiệp hội tông đồ giáo dân chuyên cổ vũ ơn gọi linh mục và đời sống tu trì.

LỜI MỞ ĐẦU

Không ai chối cãi rằng chức linh mục Công Giáo đang trong tình trạng khủng hoảng, nhưng nhiều người không đồng ý với những dự đoán thê thảm của một số người là chức linh mục mà chúng ta được biết đó đang đến hồi kết thúc. Cha Bill Bausch đã viết trong cuốn sách *Này Cha, Hãy Can Đảm Lên*¹ (xuất bản lần thứ 23 năm 1991) rằng những dấu chỉ này “tất thấy đều nhắm vào việc tái sinh, chứ không phải là hủy diệt. Và trong cuộc tái sinh này, chúng ta được chọn làm những bà đỡ.” Nhà thần học nổi tiếng Bernard Häring viết:

“Phải phân biệt giữa khủng hoảng như một biểu hiện suy đồi và khủng hoảng như một dấu hiệu tăng trưởng (hay một cơ hội cho phép một sự tăng trưởng mới). Mười năm sau Công Đồng Vatican II, một linh mục sinh ở Tây-Ban-Nha đã phục vụ ở Châu Mỹ La-tinh, dưới sự hướng dẫn của tôi, đã viết một luận án tiến sĩ về cơn khủng hoảng không thể chối cãi được trong đời linh mục. Cha đã kết luận rằng cơn khủng hoảng này rất có thể biến thành một sự khủng hoảng làm cho tăng trưởng, nếu sự huấn luyện và đời sống tâm linh của linh mục được hiểu và được khai triển theo khuôn khổ của *Hiến Chế Mục Vụ Công Đồng Về Giáo Hội Trong Thế Giới Hiện Đại*² (Báo *America* số ra ngày 21/9/1996, trang 19)”

¹ *Take Heart Father* – Cuốn sách nổi tiếng của linh mục William J. Bausch được tái bản nhiều lần. Câu chuyện của cha Bausch được kể nơi trang 175

² *Pastoral Constitution on the Church in the Modern World*.

Ngôn ngữ Trung Hoa có một hướng đi tương tự. Cách viết chữ khủng hoảng là một kết hợp của hai chữ *wei* (nguy hiểm) và *qi* (hy vọng hay cơ hội) như dưới đây:

危机

NGUY HIỂM CƠ HỘI

Cuộc khủng hoảng đang đối diện với chức linh mục có thể dẫn đến một trong hai hướng, và theo phán đoán của những nhân vật tuyệt diệu mà câu chuyện của họ được kể lại trong tập sách này, thì hình như sự thiếu thôn linh mục công hiến cho chúng ta một cơ hội để tăng trưởng, để đổi thay, và đưa đến một bước nhảy vọt trong công cuộc mở mang vương quốc của Thiên Chúa.

Trong lần công kích của các bản tường trình tiêu cực về chức linh mục mới đây, ai đã có thể tiên đoán được kết quả sau cùng của hai cuộc thăm dò dư luận quốc gia năm 1994 – một của báo *Los Angeles Times* và một của Liên Đoàn Quốc Gia Của Các Hội Đồng Linh Mục³? Những cuộc thăm dò này trình bày một hình ảnh linh mục khác xa với những cuốn sách, những bài báo mô tả linh mục như những người bất đồng chính kiến với Giáo Hoàng, không thích các giám mục của mình, muốn lập gia đình và có khuynh hướng không muốn chọn đời sống linh mục nếu được chọn lại lần nữa.

Trong tháng 7 và tháng 9 năm 1994, cha Andrew Greely, một linh mục thuộc Tổng Giáo Phận Chicago và là một giảng sư tại Đại Học Chicago và Đại Học Arizona, đã viết hai bài cho báo *America* rút từ những kết luận của hai cuộc thăm dò nêu trên (“*Một Biển Cả của Những Nghịch Lý*,” ngày 16/7/1994, trang 6, và “*Để Bảo Vệ Đời Sống Độc Thân?*” ngày 10/9/1994, trang 10). Linh mục Greely đã khám phá những kết quả trái

³ National Federation of Priests' Councils.

ngược với hình ảnh thường được phác họa về linh mục Công Giáo Hoa-Kỳ. Đây là những kết luận của ngài:

1. Cuộc khủng hoảng luân lý trong đời linh mục đã được bàn luận nhiều, thực ra không hiện hữu.

– 70% nói rằng họ sẽ nhất quyết chọn lại đời linh mục;

– 20% nói có lẽ họ sẽ chọn như thế.

2. Độc thân hình như không phải là vấn đề giống như thường được giả thiết.

– Chỉ 4% nói họ sẽ nhất định lập gia đình nếu Giáo Hội cho phép.

3. Các linh mục thường thoả lòng với phẩm chất của công việc mà các ngài thi hành.

4. Phần đông các linh mục đánh giá cao sự lãnh đạo của Giáo Hội.

– 83% ủng hộ công việc Giáo Hoàng Gio-an Phao-lô II đang làm;

– 71% ủng hộ công việc các giám mục của họ đang làm.

Chúng tôi, hai tác giả của tập sách này, một giáo sĩ và một giáo dân, tin rằng sẽ rất đáng công để khảo sát tỉ mỉ những điều mà các linh mục hạnh phúc nghĩ về ơn gọi của mình. Chúng tôi tin công việc như thế sẽ hữu ích đặc biệt cho những thanh niên đang suy nghĩ về ơn gọi làm linh mục, cũng như cho các bậc cha mẹ, linh mục, tu sĩ và tất cả những ai có thể nâng đỡ và ảnh hưởng trong những lựa chọn như vậy, cùng công nhận một lần nữa về các linh mục đã và đang làm việc trong vườn nho Chúa. Kết quả là cuốn sách *Những Cuộc Sống Phi Thường* này.

Để có được tập sách này, chúng tôi đã đi khắp mọi miền nước Mỹ, ra cả ngoài biên giới và phỏng vấn hơn 40 linh mục. Câu chuyện của các ngài rất hấp dẫn và phong phú, đến nỗi công việc thực hiện và ghi lại những cuộc phỏng vấn thật dễ dàng so với sự khổ sở mà chúng tôi trải nghiệm khi chỉ lựa lấy

34 câu chuyện và phải bỏ đi khỏi bản thảo hơn 75,000 chữ trước khi xuất bản. Cuối cùng chúng tôi chọn các linh mục trong những địa hạt khác nhau – ở 16 tiểu bang, ở Hoa-Thịnh-Đôn, Canada và Tân-Tây-Lan; trong những thẩm quyền khác nhau – 10 vị là thành viên của cộng đoàn dòng, 24 linh mục giáo phận⁴; trong các lứa tuổi khác nhau – 16 vị chịu chức trước 1960, những người khác từ sau 1960; và trong những mục vụ khác nhau – chánh xứ⁵, phó xứ, giám mục, quản trị viên, chuyên viên, hoạt động viên xã hội, và các linh mục trước đây thuộc hệ phái Tân Giáo⁶.

Bạn đọc nên thận trọng đừng vội cho rằng những gì được trình bày nơi đây là một cố gắng nào đấy nhằm định nghĩa chức linh mục hoặc thậm chí cho rằng đây là những gì mà một trong các linh mục sẽ viết nếu như ngài phải viết tiểu sử đời mình.

Để kích thích và thực hiện những cuộc phỏng vấn, chúng tôi đã soạn ra một loạt các câu hỏi với cố gắng bao trùm nhiều khía cạnh khác nhau của đời linh mục. Một số vị được phỏng vấn đã theo sát thứ tự các câu hỏi hơn các vị khác. Vì bản chất của các đề tài thảo luận và những nét tương đồng của cuộc sống và công việc của các linh mục, nên mới có một số chủ điểm cho tập sách. Chúng tôi quyết định chọn một chủ điểm nêu cao tính đa dạng của nhiệm vụ và năng lực cũng như sự mãn nguyện và niềm hân hoan được tìm thấy trong sứ vụ linh mục.

Những chuyện kể đôi khi gây ngạc nhiên, đôi khi là những gì chúng ta mong đợi, song chẳng bao giờ tầm thường cả. Đây thật là những chuyện phi thường do những con người tầm

⁴ Linh mục giáo phận – cũng quen gọi tắt là *linh mục triều*.

⁵ Người miền Nam Việt Nam thường gọi là *cha sở*.

⁶ *Episcopal* – một hệ phái Tin Lành, phát sinh từ Anh Giáo, với các nghi lễ và giáo lý rất gần với Công Giáo, kể cả việc kính Đức Mẹ và các thánh. Hệ phái này phong chức linh mục cho phụ nữ lần đầu tiên năm 1944, nhưng mãi đến 1997 mới có văn kiện chính thức; phụ nữ đầu tiên được phong giám mục năm 2006 là Katharine Jefferts Schori.

thường dân thân vào những công việc thiết yếu và đầy thách thức, những câu chuyện biểu lộ khát vọng sâu xa và sự thoả lòng khi phục vụ Chúa Ki-tô qua việc phục vụ tha nhân.

Các suy nghĩ của những con người này vén mở bức màn che sự vụ linh mục, đem lại cho tất cả chúng ta –giáo sĩ cũng như giáo dân– một cơ hội để nghe các linh mục phát biểu một cách thẳng thắn về cuộc đời của họ, cả những lúc thăng trầm. Chúng ta biết rằng nước thánh không chảy trong huyết quản của họ, và rằng họ, giống như tất cả chúng ta, đều đối diện cuộc sống với những nghi nan, những gian khó, lúc nản lòng, và rằng niềm hy vọng nơi Chúa Ki-tô nâng họ dậy mỗi ngày.

Có lẽ chúng ta tự hỏi tại sao những người đàn ông này lại có thể tình nguyện bước vào và tiếp tục một cuộc đời không có người vợ, vượt qua được cái ước muốn tự nhiên là có con cái nối dòng. Chúng ta cũng có thể hỏi cuộc sống độc thân liệu có thể mang lại những giá trị gì, liệu nó có phải là một hiểm họa đã lỗi thời cho các linh mục trong việc mang Chúa đến cho con người và mang con người đến với Chúa không. Mỗi một linh mục mà chúng tôi phỏng vấn đều đã động đến vấn đề một cách trực diện. Để tránh những lập đi lập lại không cần thiết, chúng tôi đã chọn không in tất cả mọi lời bình; thay vào đó, chúng tôi lựa ra những điều đặc trưng, hoặc những điều tôi thêm một chiều kích khác cho chủ đề. Chúng tôi có thể báo cáo rằng không có một linh mục nào bày tỏ ước muốn lập gia đình ngay cả khi đời hôn đó được tháo gỡ, và rằng mỗi một linh mục đều nói cách này hay cách khác rằng đời sống độc thân có ý nghĩa nhiều hơn một đời hôn vu vơ nào khác. Cùng lúc đó, cái nhìn nội tâm của họ về tương lai của cuộc sống độc thân đều chín chắn và lôi cuốn.

Ân sủng của Chúa Thánh Linh, lúc thì rõ ràng khi thì tiềm ẩn, luôn luôn tỏ hiện trong những câu chuyện này. Chúng ta kinh ngạc khi thấy những con người này có thể cởi mở và thổ lộ về những gì đang xảy ra trong thâm sâu nhất của con tim và

tâm trí của các ngài. Những câu chuyện của họ thật cảm động và phấn khích, chan chứa đời sống tâm linh thiết thực.

Một trong các tiêu đề được đề nghị cho cuốn sách này là *“Hãy Trèo Lên Cây.”* Có một câu chuyện trong Tin Mừng Luca kể về Gia-kêu, một tay thu thuế giàu có ở Giê-ri-cô, vì không thể nhìn thấy Chúa Giê-su bởi vóc dáng thấp bé của mình, nên đã trèo lên một cây sung để nhìn Chúa rõ hơn khi Ngài đi ngang qua. Mỗi một linh mục đều là một Gia-kêu. Linh mục là những con người với những tài năng khác nhau đã làm như lời của cha Francis J. Freney là *“leo lên một chiếc cầu quay đơn độc và bước lên một chiếc thang hẹp”* để được xem thấy Chúa Giê-su một cách tường tận. Cuốn sách *Những Cuộc Sống Phi Thường* này trình bày những thành quả về cuộc leo của họ.

Giả như không có ai đọc những mẩu chuyện này, chúng tôi vẫn nghĩ các nỗ lực của mình là đáng công lắm, dù chỉ là để được khai mở và tăng trưởng cho chính mình. Khi xuất bản những câu chuyện này, chúng tôi tin tưởng là bạn cũng sẽ đọc qua những cuộc đời tích cực của các linh mục đó, và những cơ hội đang được phô bày bởi cuộc khủng hoảng trong chức linh mục Công Giáo. ●

ĐỨC ÔNG FRANCIS P. FRIEDL
TIẾN SĨ REX V.E. REYNOLDS

GIỚI THIỆU DỊCH PHẨM

ẤN BẢN VIỆT NGỮ

Đức Giáo Hoàng Phao-lô VI nói là con người hôm nay không muốn nghe những nhà giảng thuyết mà họ cần những chứng nhân. Khi nhà giảng thuyết không còn sống ơn gọi làm chứng nhân của mình thì họ đã trở thành một loại “muối nhạt” làm buồn lòng Chúa Giêsu và cả nhiệm thể của Ngài. Những gương mù của một thiểu số trong Giáo Hội trong thời gian qua đã là đề tài vẫn còn đang được các phương tiện truyền thông thuộc khuynh hướng “liberal” tận tình khai thác. Những gương mù này được thổi phồng cho đến nỗi trở thành một trong những con giông tố lớn nhất của Giáo Hội trong thời đại cận kim và làm cho nhiều tín hữu lo lắng cho tương lai Giáo Hội. Điều kỳ diệu là con phong ba này đã không nhận chìm được con thuyền Giáo Hội mà còn trở thành cơ hội để Chúa Thánh Thần thanh tẩy và canh tân Hội Thánh của Ngài. Ôn gọi làm mục tử cũng mang một sắc thái triệt để hơn và tinh tuyền hơn. Hơn bao giờ hết, mọi thành phần Dân Chúa được mời gọi để sống trung thành với vai trò chứng nhân của mình.

Trong bối cảnh đó “*Những Cuộc sống Phi Thường*” đã xuất hiện như một cố gắng của tác giả cũng như dịch giả để góp phần xây dựng Giáo Hội. Tôi thiết nghĩ cuốn sách “*Những Cuộc Sống Phi Thường*” nói về cuộc sống của 34 mục tử được gửi đến như một lời mời gọi hơn là để nêu gương. Vì chính những vị được nói đến trong cuốn sách cũng còn đang tiếp tục cuộc hành trình đức tin và ơn gọi của mình giữa những phong ba. Và phong ba lớn nhất luôn vẫn là “kẻ nội thù”, là tâm hồn còn to vương tội lỗi của thân phận làm người.

Đây là một lời mời gọi rất khiêm tốn vì những vị mục tử này chưa bao giờ coi cuộc sống của họ là phi thường; vì họ nhìn thấy hơn ai hết những nét tầm thường trong cuộc sống của mình. Có chăng là sức mạnh phi thường của Ôn Chúa Thánh Linh, có thể làm biến đổi lòng người và hoàn toàn thay đổi cả một cuộc đời. Ta hãy nghe một lời tâm sự: *“Song Thiên Chúa lúc ấy không quan trọng gì lắm đối với tôi. Các hứng thú của tôi lúc bấy giờ là tiệc tùng, các bạn gái, xe cộ, tiền bạc...”*

Cuộc đời đó của cha John Carney⁹ đã được Ôn Thánh biến đổi để trở thành vị giám đốc ơn gọi của Tổng Giáo Phận Santa Fe với sự gia tăng kỳ diệu của ơn gọi tại Tổng Giáo Phận giữa những tai tiếng của gương mù.

Ta cũng sẽ gặp thấy nhưng cố gắng để theo đuổi và trung thành với ơn gọi làm linh mục, vượt qua những khó khăn và thử thách, có khi từ chính gia đình thân yêu của mình như trường hợp của Đức Ông Michael Heras¹⁰. Thân phụ của ngài quyết liệt phản đối việc ngài đi tu vì sợ không có người nối dõi. Cho đến nỗi ông không đến tham dự và còn ngăn cản gia đình tham dự trong ngày truyền chức linh mục của ngài. Nhưng rồi với lời cầu nguyện, với tình thương yêu mà ngài vẫn tiếp tục bày tỏ với thân phụ, và với Ôn Thánh, ông đã đến trong ngày ngài được trao phẩm phục Đức Ông. Thân phụ ngài đã được rước Mình Thánh Chúa, được giao hòa bằng chính Hy Lễ Tình Yêu và vui vẻ mỉm cười chỉ 5 tháng trước khi qua đời.

Cuộc hành trình trong ơn gọi của thiên chức linh mục được diễn tả rất tuyệt vời qua lời tâm sự sau đây: *“Đời linh mục của tôi phải nói là vô cùng hạnh phúc. Điều duy nhất khiến tôi thất vọng thật sự là việc tôi thiếu sót về mặt thiêng liêng. Tôi mong muốn là một người thánh thiện hơn, song dường như không đủ can đảm và tài khéo để mang lại những thay đổi mà tôi cần phải làm ở chặng đời này. Dầu sao tôi vẫn cố gắng thử.”*

⁹ Xem câu chuyện của linh mục John F. Carney nơi trang 327.

¹⁰ Xem câu chuyện của đức ông Michael Heras nơi trang 129.

Đó phải chăng cũng là thách đố và là hứng khởi tuyệt vời của ơn gọi của từng tín hữu của Chúa Giê-su: cố gắng trung thành giữa những yếu đuối của phận người. Cố gắng vững niềm tin ngay trong cùng tận nỗi nghi ngờ. Vẫn trung kiên niềm hy vọng khi quanh mình là tuyệt vọng bủa vây. Và cố gắng để yêu thương khi tâm hồn mình đã mang bao nhiêu thương tích. Tin rằng sau đám mây mù dày đặc nhất của bao cơn giông tố, mặt trời trung tín của Thiên Chúa Đáng Là Tình Yêu vẫn luôn luôn nồng ấm đợi chờ.

Trung thành theo Chúa giữa sự yếu đuối của mình là nét đẹp tuyệt vời của đời sống làm chứng nhân, đời sống của từng Ki-tô Hữu. Vì bên bờ giếng Rửa Tội, họ đã được biến đổi trong nước và Thánh Thần và được Chúa Giê-su mời gọi để trở thành chứng nhân cho Ngài: cho tới tận cùng trái đất.

Ước chi cuốn sách “*Những Cuộc Sống Phi Thường*” được góp phần mời gọi các tín hữu Chúa, để trở thành nhân chứng tình yêu trong mọi cảnh vực của cuộc đời. ●

BÁC SĨ TRẦN VIỆT CƯỜNG

California

GHI CHÚ CỦA NGƯỜI DỊCH

Đầu thập niên 2000, chúng tôi nhận được từ các thân hữu ở Việt Nam một bản dịch Việt ngữ của 10 câu chuyện về cuộc đời của 10 trong số 34 vị linh mục được in trong cuốn sách *Extraordinary Lives* tại Hoa-Kỳ, lúc ấy được dịch là “*Những Cuộc Đời Ngoại Hạng*.” Tài liệu không ghi tên dịch giả, như 8 bài được đăng trên trang web www.SongDucTin.de.¹

Riêng trang web www.VietCatholic.net² chỉ đăng 3 bài: Phần mở đầu, câu chuyện của linh mục Thomas Anglim và câu chuyện của linh mục Richard Moyer trong đó ghi là *Gioan từ Việt Nam dịch*.

Vào thời điểm năm 2001, khi mà các vụ kiện về những linh mục liên quan đến hành vi xách nhiễu tình dục bùng nổ ở Hoa-Kỳ, tập tài liệu “*Những Cuộc Đời Ngoại Hạng*” trên quả là những chứng từ hùng hồn để nói lên sự thánh thiện và tận tụy với sứ vụ của đại đa số linh mục Công Giáo, mà con số các linh mục dấy dựa vào những chuyện lem nhem chỉ là những con số rất nhỏ. Nhận thấy tính cách hộ giáo đặc biệt của những bản dịch này, Việt Linh đã bắt đầu lần lượt cho đăng trên nguyệt san Diễn Đàn Giáo Dân từ số 23 xuất bản tháng 9/2003 trong đề mục hằng tháng *Linh Mục, Người Là Ai?*

¹ <http://songductin.de/Noi%20Dung/KhuVuonVanHoa/Chuyen%20Doi%20Song/ChuyenDoiSong.htm>

² <http://vietcatholic.net/News/Query.htm?keywords=nhung%20cuoc%20doi%20ngoai%20hang>

Sau khi khởi đăng được ba câu chuyện đầu tiên, vì không thấy phía thân hữu ở Việt Nam gửi tiếp các bản dịch, chúng tôi đã đặt mua ấn bản nguyên ngữ tiếng Anh *Extraordinary Lives* để tiếp tục công việc dịch thuật một tài liệu quý báu vào đúng thời điểm mà Giáo Hội cần nhất. Song cũng nhờ có nguyên bản trên tay, chúng tôi có cơ hội rà soát lại những đoạn văn rất tối nghĩa trong bản dịch từ Việt Nam. Điều này đưa đến nhiều sùng sờ: 1) ngoài một vài câu bị thiếu hẵn; 2) có những câu khác đã được chuyển nghĩa một cách quá phóng đại, khiến không lột tả được hết ý nghĩa thâm thúy của mạch văn; 3) và tệ hại nhất là nhiều đoạn văn khi chuyển sang tiếng Việt lại hoàn toàn trái ngược với ý của tác giả, bởi lẽ không nắm được các cụm từ của những thành ngữ (idioms) dùng trong văn chương Anh-Mỹ.

Trước hết chúng tôi phải cảm ơn dịch giả “Gioan” hay một nhóm thân hữu nào đó đã nhiệt thành bỏ ra nhiều công sức khởi đầu việc dịch thuật một cuốn sách quý và cần thiết cho thời đại. Thứ đến, xin thứ lỗi khi chúng tôi phải nêu lên những đoạn văn tiêu biểu, vì tính cách nghiêm trọng của những đoạn văn đó, hầu những ai đã từng đọc bản dịch từ Việt Nam –dù đọc trên mạng hay qua nguyệt san Diễn Đàn Giáo Dân– có thể đọc lại và tìm thấy ý nghĩa mới trong những câu chuyện được kể. Đồng thời đó cũng là cách trả lại cho những linh mục kể chuyện sự công bằng cần thiết. Những đoạn văn đối chiếu này được ghi trong phần Phụ Lục, trang 428: *Những Khác Biệt Quan Trọng Giữa Bản Văn Đã Dịch Tại Việt Nam Và Hoa-Kỳ*.

Sau đây là một vài nguyên tắc được chọn khi phiên dịch và trình bày bản dịch “*Những Cuộc Sống Phi Thường*” này:

1) Trong nguyên bản Anh ngữ, hai tác giả không in *chữ nghiêng* cho những mẫu đối thoại. Chúng tôi chọn in *chữ nghiêng* cho những đoạn văn đó để bản văn thêm phần linh động.

2) Tất cả những trích đoạn **in đậm trong khung** cũng do chúng tôi chọn ra từ bài kể chuyện, hầu làm nổi bật những ý tưởng then chốt của người thuật chuyện.

3) Những câu Kinh Thánh trích đoạn được dịch sang Việt ngữ với bản văn của *Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ*, ấn bản trên mạng.³

4) Tất cả những ghi chú cuối trang đều là phần thêm vào của người dịch để độc giả tiện đối chiếu, hầu hết đều sưu tầm từ mạng Anh ngữ www.wikipedia.org và tóm lược tiếng Việt.

5) Theo thói quen cung kính với bậc trên của người Việt Nam, người ta thường hay viết Chữ Hoa cho các danh xưng như Đức Giáo Hoàng, Đức Giám Mục, Hồng Y, Tổng Giám Mục hay Đức Tổng... Thói quen ấy không hẳn là tốt hay xấu trong nền văn hóa Việt. Người có lòng cung kính sẽ khó chịu, cho là xéch mé, khi thấy người khác viết “giám mục” vừa viết chữ thường lại vừa thiếu chữ “đức” đi trước. Trong bản dịch này, người dịch muốn hoàn toàn tôn trọng nguyên bản. Chữ “Bishop” được dịch là “Giám Mục” và chữ “bishop” được dịch là “giám mục.” Tương tự, “Pope” được dịch là “Giáo Hoàng” và “pope” được dịch là “giáo hoàng;” “Cardinal” được dịch là “Hồng Y” và “cardinal” được dịch là “hồng y”... Và trong nhiều trường hợp, chúng tôi chọn không dùng chữ “Đức” hay “đức” đi trước các danh xưng giáo hoàng, giám mục, tổng giám mục hay hồng y, để người ngoài Công Giáo khi đọc không cảm thấy quá nặng nề; ngoại trừ trường hợp tiếng “đức ông” thì không có lựa chọn, cho đến khi có người đề xướng một từ ngữ mới.

Đây là ấn bản Việt ngữ đầu tiên, nếu có gì sai sót, xin quý độc giả và các chư huynh lượng tình tha thứ. Và xin tận tình góp ý để lần tái bản sẽ tốt đẹp hơn.

³ www.chungnhanduckito.net.

Người dịch trân trọng tri ân sự đóng góp hết sức quý báu của các Chư Huynh sau đây: Cựu nghị sĩ Trần Tấn Toan –đã dành rất nhiều thời giờ hiệu đính qua việc đối chiếu ấn bản Anh ngữ và bản dịch Việt ngữ; Giáo sư Nguyễn Đức Tuyên –hiệu đính chính tả và thuật ngữ; Bác sĩ Trần Việt Cường –viết lời giới thiệu dịch phẩm ấn bản Việt ngữ; Quý Chư Huynh viết lời bình sau khi đọc bản thảo: Cô Chú Nguyễn Văn Nhuệ & Thu-Nhi, *Đạo Bình Hòa Nhỏ*; linh mục Tổng Đình Quý, I.C.M.⁴, *chánh xứ Ninh Loan, Đức Trọng*; linh mục Trần Đình Thụy, *giám học Đại chủng viện Thánh Quý, Cần Thơ*; bạn Lê Văn Phán, *cựu chủng sinh Long Xuyên, Sài-gòn*; và nhà văn Quyên Di, *giáo sư Ngôn Ngữ và Văn Hóa Việt Nam đại học UCLA*.

Chúng tôi xin cống hiến bản dịch này, với niềm xác tín mạnh mẽ rằng Chúa Thánh Linh sẽ hoàn tất công việc của Ngài trên tất cả các bạn đọc, hầu những mâu chuyện của những con người phi thường này góp phần xây dựng và đổi mới Giáo Hội cũng như thế giới theo Thánh Ý Thiên Chúa. ●

PHẠM ĐÌNH DÀI

HongTranPhamDinhDai@gmail.com
California

⁴ I.C.M. – viết tắt của chữ *Incarnatio-Consecratio-Missio*, Tu Hội Nhập Thể Tận Hiến Truyền Giáo, gọi tắt là Tận Hiến, do linh mục Micae Maria Nguyễn Khắc Tước, hiệu là Việt Anh (1924-1993) sáng lập năm 1949 tại Việt Nam trước khi thụ phong linh mục. Ngày 02.02.2000, Hiến Pháp Tu Hội Tận Hiến Nam được giáo quyền Đalat phê chuẩn theo giáo luật. Kể từ đó Tu Hội Tận Hiến chính thức được mang danh là Tu Đoàn Đời Sống Tông Đồ.

I. HÃY THẮP ĐÈN LÊN

Những Linh Mục Trong Các Mục Vụ Đặc Biệt

“Chẳng có ai đốt đèn lên rồi đặt vào chỗ khuất
hoặc dưới cái thùng, nhưng đặt trên đế, để
những ai đi vào thì nhìn thấy ánh sáng.”
– Lu-ca 11:33

Hầu như mỗi linh mục đều muốn một lúc nào đó trở thành cha xứ, hoặc trong xứ sở của mình hay nơi các xứ truyền giáo, song vì các nhu cầu đặc biệt của Giáo Hội hay vì những đặc sủng khác thường, một số đáng ngạc nhiên các linh mục đã được cất cử hoặc đã chọn những công tác khác. Và họ thường ngỡ ngàng khi nhận ra rằng các mục vụ này đã phát triển những tài năng tiềm ẩn hoặc bất ngờ khiến họ có thể cống hiến cho Giáo Hội. Giả như các ân tứ của họ không được sử dụng, chúng ta hẳn đã nghèo nàn hơn rất nhiều. Năm linh mục trong phần này chứng tỏ các mục vụ không ngờ tới đã làm phong phú và bổ túc cho cuộc đời họ. ●

Đức Ông

John J. Egan

Chicago, tiểu bang Illinois

Đức ông Jack Egan¹ sinh tại Thành Phố Nữu-Uớc và lớn lên tại Chicago. Ngài thụ phong linh mục năm 1943 cho Tổng Giáo Phận Chicago.

Không một linh mục nào, chính trị gia nào, hay những công chức sống tại miền Trung Tây trong thập niên 50 và 60 lại có thể tránh được việc gặp gỡ con người năng động này, một người đã nổi lên từ vùng miền Nam của Chicago để đấu tranh cho những dân thiểu số và phát động những chương trình dành riêng giúp giáo dân –đặc biệt những cặp vợ chồng– ý thức được lệnh truyền làm tông đồ qua việc chịu bí tích thánh tẩy. Đức ông Egan đã nổi tiếng đến độ khi có người đề cập đến cái tên “Jack” trong một cuộc thảo luận của các chương trình xử đạo hay hoạt động xã hội, ai cũng hiểu người đó đang có ý nói tới Đức ông Jack Egan.

Đức ông Egan có tài khơi được ngọn lửa từ những người không ủng hộ các chương trình của ngài, và tạo được sự kính trọng nơi những ai thấy được tầm nhìn rộng và tính bác ái

¹ Jack là tên gọi thân mật của John. Bạn bè và những người quen biết thường gọi ngài là đức ông Jack Egan, mặc dù tên thật đầy đủ của ngài là John Joseph Egan. Là một nhà hoạt động xã hội, ngài là một trong các giáo sĩ Công Giáo đã từng đồng hành cùng với Mục Sư Martin Luther King, Jr. trong cuộc biểu tình phản đối nạn kỳ thị chủng tộc năm 1965 từ Selma đến Montgomery, tiểu bang Alabama. Ngài sinh ngày 9 tháng 10 năm 1916; qua đời ngày 19 tháng 5 năm 2001.

trong công việc ngài làm. Nhà kinh viện Richard A. McCormick, dòng Tên, giảng sư đại học Notre Dame về Đức Tinh Người Ki-tô Hữu², đã viết về Đức ông Egan như sau: “Chúng ta tìm kiếm tài lãnh đạo trong giáo hội Công Giáo tại Hoa-Kỳ. Chúng ta không thể đòi hỏi giáo hoàng nào cũng là một Gio-an XXIII, hay giám mục nào cũng phải là một Helder Camara. Chúng ta không thể trông đợi thần học gia nào cũng là một Karl Rahner, linh mục nào cũng là Đức ông Jack Egan, hay mỗi một nhà hoạt động Kitô-hữu là một Dorothy Day...” (trích “Authority and Leadership: The Moral Challenge,” tạp chí America, số ra ngày 20 tháng 7 năm 1996, trang 17). Khi bạn cảm nhận được sự thích thú trong công việc của Đức ông Egan, hãy tự hỏi Giáo Hội ngày nay sẽ đi về đâu nếu ngài đã không có mặt tại hiện trường và đã không gánh vác những trách vụ mà ngài kể lại sau đây.

Đức tin sâu xa của gia đình tôi, đặc biệt là của thân phụ tôi, đã khiến tôi nghĩ tới chức linh mục. Cha tôi rất đạo đức. Sáng nào tôi cũng thấy người quỳ bên một chiếc ghế trong bếp trước khi đi làm. Sau này tôi biết được người đã dự thánh lễ hằng ngày tại ngôi nhà thờ cũ xứ Thánh Hyacinth³. Điều đó gây ấn tượng nơi tôi. Tôi đã chớm có ước mơ được đi tu làm linh

Đức tin sâu xa của gia đình tôi, đặc biệt là của thân phụ tôi, đã khiến tôi nghĩ tới chức linh mục.

mục khi học lớp Tám. Một vài bạn học cùng lớp và tôi đều muốn tham gia một tu hội truyền giáo. Và rất ngạc nhiên, cha tôi lại cản không cho tôi ghi danh. Người bảo: “Con còn quá trẻ không biết được cả tâm tư của mình. Con sắp được

² Christian Ethics.

³ Thánh Hyacinth – Trong giáo hội có đến 5 thánh Hyacinth với tên họ khác nhau. Đây có ý nói tới thánh Hyacinth dòng Đa-minh người Ba-Lan (1185-1257), bốn mạng của vương cung thánh đường tại Chicago, tiểu bang Illinois. Ngài cũng được coi là bốn mạng cứu người sắp chết đuối.

học bổng tại DePaul. Cứ nhận đi!” Thế là tôi theo học trường Trung Học DePaul và sau đó lên Đại Học DePaul luôn.

Năm 1935, tôi làm việc cho một văn phòng lo trả tiền lương của Câu Lạc Bộ Xe Máy Dầu Chicago. Tôi bắt đầu tự hỏi có cách nào khá hơn không để giúp mọi người. Tôi đã đến gặp cha Ray O’Brien, vị linh hướng tại Chung Viện Quigley, và cha O’Brien mời tôi đến học tại Quigley ngay mùa thu năm ấy.

Nhưng rồi một sự thất vọng ê chề xảy đến. Cha tôi đã từ chối không chấp thuận mơ ước đi học làm linh mục của tôi. Người nói tôi nên đi học làm luật sư thì hơn. Nhưng tôi đã quyết chí rồi, và tôi nhất định ương ngạnh với người. Suốt 6 tháng liền cha tôi đã không thềm nói chuyện với tôi nữa. Tôi vẫn nhớ sáng hôm ấy lên xe buýt đi Quigley lần đầu tiên với tâm hồn trĩu nặng. Nhưng ngày hôm ấy cũng mang lại cho tôi niềm vui lớn lao, vì tôi biết rằng mình đang bắt đầu thực hiện một tham vọng rồi đây sẽ qui tụ hết mọi thứ khác trong đời tôi. Mãi sau khi cha tôi qua đời, mẹ mới cho tôi biết cha tôi đã từng là một Sư Huynh⁴, nhưng người đã bỏ cuộc trước khi khấn trọn đời. Việc người cản trở tôi vào chung viện bắt nguồn từ mối lo sợ rằng điều mà người cho là thất bại của mình sẽ lại tái diễn trong trường hợp của tôi.

Tôi không phải là một học sinh giỏi, nhưng sự cản trở của cha tôi lại càng khiến tôi làm việc cần mẫn hơn. Ấy cũng là sự phấn đấu thật khủng khiếp. Một ngày kia tôi đã xin hai bạn cùng sinh học giỏi kèm giúp tôi học. Họ chấp nhận sự thách đố ấy. Nhờ họ kèm cho, tôi đã có thể thi đậu được. Rồi từ đó việc học được dễ hơn –dễ hơn một chút thôi.

⁴ *Christian Brother* – thành viên của tu hội *Congregation of Christian Brothers* Các Sư Huynh Công Giáo dịch từ nguyên ngữ tiếng La-tinh là *Congregatio Fratrum Christianorum*, vì thế viết tắt là C.F.C. Tu hội do Chân Phước Edmund Ignatius Rice sáng lập.

Sau ngày chịu chức, tôi làm việc nhiều năm với các tổ chức trong cộng đồng. Chúng tôi cố gắng quy tụ những người trong một cộng đoàn đặc thù nào đấy lại với nhau để xem xét những vấn đề họ đang gặp phải, và để phát triển sự gắn bó giữa họ hầu có thể cùng nhau đạt được những điều mà họ không thể làm được riêng lẻ. Chúng tôi làm việc để

Chúng tôi cố gắng quy tụ những người trong một cộng đoàn đặc thù nào đấy lại với nhau để xem xét những vấn đề họ đang gặp phải, và để phát triển sự gắn bó giữa họ hầu có thể cùng nhau đạt được những điều mà họ không thể làm được riêng lẻ. Chúng tôi làm việc để phát động những chương trình thăng tiến cuộc đời họ, nâng cao điều kiện sống, và giúp họ cảm nhận được phẩm giá của mình.

phát động những chương trình thăng tiến cuộc đời họ, nâng cao điều kiện sống, và giúp họ cảm nhận được phẩm giá của mình. Chúng tôi giúp họ đối diện với các thể lực –về chính trị, kinh tế, và văn

hóa— đang cản trở không để họ đạt được các mục tiêu cho chính họ và cho gia đình. Tôi thực sự làm người trung gian giữa Saul Alinsky, con người nổi tiếng về việc tổ chức các nhóm tự giúp nhau trong làng xóm, và Tổng Giáo Phận Chicago.

Trong khi tôi làm việc chặt chẽ với các tổ chức cộng đồng, chính tôi lại không phải là người tổ chức. Tôi làm công việc của người tạo điều kiện và khuyến khích. Tôi khuyến khích mọi người họp thành tổ chức. Công việc của tôi là giúp người ta có tầm nhìn rộng về những gì sắp đến. Rồi tôi đồng hành với họ trong khi họ kiện toàn tổ chức. Tôi đã làm loại công việc như thế đó suốt cả đời mình –trong các chương trình Cana, Tiền-Cana, và Đời Sống Gia Đình Ki-tô Hữu⁵. Để vận động và khuyến khích những chương trình ấy,

⁵ *Christian Family Movement* (CFM) – do hai cặp vợ chồng Burnie/Helene Bauer và Pat/Patty Crowley sáng lập năm 1948 khi gặp nhau tại Cana Conference.

tôi đã phát triển được mối liên hệ cá nhân với các cha xứ, các linh mục và giáo dân của nhiều giáo phận, đặc biệt là các bạn trẻ mới lập gia đình và những cặp mới đính hôn. Có thể nói tôi dành suốt ngày suốt đêm để thúc giục mọi người tham gia. Một lần kia có một linh mục bảo tôi: *“Jack à, cậu không thuộc loại thông minh lắm, nhưng cậu lại biết cách chọn người để biến họ thành thủ lĩnh.”* Đúng vậy. Tôi không đặc biệt thông minh, nhưng tôi lại biết nhận xét về người ta, và có năng khiếu khuyến khích họ tiến một chút xa hơn mức bình thường của họ.

Khi tôi gặp Saul Alinsky, lúc ấy tôi vẫn đang phục vụ trong phong trào Đại Hội Cana giữa thập niên 50. Tôi bắt đầu làm việc với Saul và khám phá ra rằng các chương trình của anh ta có thể áp dụng được vào những gì tôi đang làm trong phong trào Cana. Anh đã yêu cầu mỗi người chúng tôi viết lại bản báo cáo hằng ngày về những gì chúng tôi đã làm. Rồi ngày thứ Sáu, anh thu thập các báo cáo lại, duyệt xét tỉ mỉ, phân tích và phê bình, gọi cho chúng tôi nghĩ xem làm thế nào sự cố gắng của một ngày có liên quan đến những nỗ lực của ngày khác.

Saul đúng là một khuôn mặt hấp dẫn trong lịch sử. Anh ta có tài năng kỳ lạ trong việc hoạch định và tổ chức. Nhưng rồi đã đến lúc tất cả các nhóm của anh ta tan rã, trong khi những nhóm của Ed Chambers –một người khác có óc tổ chức tài ba thời ấy– lại vẫn hoạt động. Tại sao có điều khác biệt đó? Hoá ra trong mỗi nhóm của mình, Chambers khai triển những thủ tục phân phối trách nhiệm thật chính xác, và một chương trình lượng giá trọn vẹn. Hai thủ tục đó giúp cho các tổ chức của Ed được quân bình và vĩnh viễn. Một yếu tố thứ ba là thế này: Ed cất đặt một người tổ chức trong mỗi một chương trình. Còn Saul đã không huấn luyện đủ những người tổ chức. Thành thử bao lâu anh ta còn ở với

nhóm thì nhóm sinh hoạt được; đến khi anh ta bỏ họ lại mà không phân nhiệm và không người tổ chức, nhóm tất nhiên tan rã.

Tôi đã thuyết phục được vị tân tổng giám mục Chicago là Hồng Y Meyer quy tụ các linh mục lại và thành lập Tổ Chức Cộng Đồng Miền Tây Nam⁶. Ngài đã cho phép các cha xứ dùng ngân quỹ giáo xứ cho kế hoạch này. Công việc của tôi là đi thăm hết các cha xứ, để xin họ cam kết ngân khoản, và để ngăn chặn nhiều nhóm người ganh ghét muốn những người Mỹ da đen không len vào được thôn xóm của họ. Tổ chức này gồm hầu hết dân Mỹ trắng.

Mặt khác, một tổ chức tương tự mang tên Woodlawn lại là tổ chức đầu tiên trong nước gồm phần lớn là thành viên người Mỹ gốc Phi Châu. Đức ông Vincent Cooke và tôi thuyết phục được Hồng Y Stritch, lúc ấy đang là tổng giám mục Chicago, tặng cho tổ chức này \$150.000 Mỹ-kim trong 3 năm đầu tiên. Các ngân khoản khác do Hội Thánh Trưởng Lão Đầu Tiên⁷ và các quỹ từ thiện trao tặng.

Một tổ chức khác mà tôi giúp thành lập là Viện Thái Bình Dương Chuyên Về Tổ Chức Cộng Đoàn⁸ tại miền Tây. Viện vẫn còn hoạt động. Rồi một tổ chức nữa mang tên Quỹ Khu Công Nghệ⁹. Alinsky và tôi đã phát triển trong thôn xóm người Ba-Lan một nhóm mang tên Tổ Chức Cộng Đoàn Tây Bắc¹⁰, với các mục đích tương tự như các nhóm khác.

Dĩ nhiên điều không thể tránh được đã xảy ra: tất cả những công việc đó dẫn đến những lần nghiền tim năm 1962, 1980 và 1988. Có lẽ tôi đã làm việc quá độ.

⁶ The Organization of the Southwest Community.

⁷ *Presbyterian Church* – một hệ phái Tin Lành, bắt nguồn từ Tô-Cách-Lan thế kỷ 16, tuân thủ thần học của Calvin, do Hội Đồng Trưởng Lão điều khiển.

⁸ The Pacific Institute on Community Organizing.

⁹ The Industrial Area Foundation.

¹⁰ The Northwest Community Organization.

Tôi nghĩ rằng trong quốc gia này, hiện nay những người gốc Tây-Ban-Nha và Mỹ da đen là những nhóm cần linh mục hơn cả. Nhu cầu và cơ hội ngày hôm nay xuất hiện nơi những nhóm thiểu số. Chúng ta cần phải gửi đến với họ những linh mục tuyệt hảo nhất để phục vụ họ, chăm lo đời sống tâm linh của họ, giúp họ tìm việc làm, được săn sóc sức khỏe, có hưu trí và nhà ở. Chúng ta cần khuyến khích họ bằng cách phát triển tinh thần lãnh đạo ngay trong nhóm họ qua các tổ chức. Khá nhiều người Á Đông đang dồn về Chicago, và chúng ta còn chưa đủ bốn phận với họ. Trong những năm tôi còn trẻ, linh mục làm việc với những người di dân –thế hệ đầu tiên của Ái-Nhĩ-Lan, Ba-Lan và Đức. Hiện nay chúng ta có lớp người di dân mới, những người Á Đông, Tây-Ban-Nha và Mỹ da đen. Chúng ta cần phải tập trung các nỗ lực tốt nhất giúp họ. Họ đã chịu nhiều khổ cực, và vẫn còn khổ sở vì nạn kỳ thị.

Nhìn lại, kinh nghiệm đầu tiên của tôi với Hồng Y John Cody cho tôi thấy giá trị của sự vâng lời. Tôi gặp hồng y lần đầu khi ngài bổ nhiệm tôi làm cha sở giáo xứ Dân Con¹¹ vào tháng Giêng năm 1966. Cùng lúc đó, ngài cho tôi biết rằng ngài không nghĩ Văn Phòng Bộ Cư Dân¹² mà tôi đang điều khiển đã làm được gì hay ho.

Điều lưu ý này làm tôi bị thương tổn nhiều lắm, bởi vì các cộng sự viên cùng tôi đã và đang vận động mỗi ngày với các hội đường Do-Thái và các nhà thờ Tin Lành trong thành phố để gây dựng những tổ chức cộng đoàn, và để giúp giải quyết nhiều vấn đề xã hội ảnh hưởng đến người dân tại Chicago, nhất là người nghèo.

¹¹ Presentation.

¹² Office of Urban Affairs.

Hồng y hỏi tôi có thể nhận làm mục vụ trong cái thôn xóm hoàn toàn da đen ở phía cánh Tây của Chicago không. Tôi hỏi lại ngài: *“Đây có phải là điều ngài muốn không?”* Ngài khẳng định lập trường. Và tôi đáp lại: *“Nếu thế, con xin nhận.”*

Tôi không biết rõ lắm toan tính của ngài. Sau này tôi mới biết hồng y đã nói với cha John Fahey rằng có một nhóm gây rắc rối trong tổng giáo phận, và ngài hồng y muốn “cắt bớt vây cánh của họ.”

Rõ ràng tôi bị coi là đầu sỏ trong những kẻ gây rắc rối. Tiếp sau tôi là Đức ông Daniel Cantwell, Đức ông William Quinn, cha Jake Kilgallon, và cha Gerard Weber –tất cả những vị này đều được bài sai đi làm cha sở những xứ đạo lớn của dân da đen. Họ là bốn trong số những linh mục tuyệt hảo của giáo phận. Thời điểm ấy là khởi đầu của Hiệp Hội Linh Mục Chicago¹³.

Mặc dầu tôi được bầu vào ban giám đốc đầu tiên của Hiệp Hội, tôi đã không dính dáng chút nào tới việc khai sáng Hiệp Hội. Việc ấy đã được thực hiện một cách tuyệt vời bởi cha Jack Hill và cha Patrick O’Malley.

Bây giờ xin đi vào điểm nóng của câu chuyện.

Chính vì tôi vâng lời nhận bài sai đến giáo xứ Dân Con, tôi đã có được cơ hội sống và làm việc với người da đen tại Lawndale trong 5 năm tiếp theo đó, một kinh nghiệm cần cho tôi biết chừng nào, và cũng là một kinh nghiệm sinh hoa trái thiêng liêng và tâm lý nhiều nhất.

Với các thứ trách nhiệm của một cha sở và sau đó trách nhiệm làm chủ tịch thứ tư của Hiệp Hội, sức khỏe của tôi ngày càng trở thành có vấn đề. Vào thời điểm này, một hôm

¹³ Association of Chicago Priests.

tôi gặp cha Theodore Hesburgh¹⁴ là viện trưởng lỗi lạc của Đại Học Notre Dame tại O'Hare. Ngài chào tôi và nói: "*Này Jack, trông cậu khiếp quá.*" Tôi cho ngài biết tôi đang mệt phờ người vì đủ các thứ trách nhiệm. Ngài mời tôi đến Notre Dame một năm để lấy lại sinh khí. Tôi xin ngài viết một thư mời, và ngài đã viết rất chi tiết. Tôi trao cho hồng y ngay khi nhận được lá thư. Mặc dầu ngài phản đối việc tôi rời tổng giáo phận một năm, nhưng sau một giờ đồng hồ đối thoại, ngài bảo ngài sẽ không cản lối tôi đi.

Điều tiếp diễn sau đó là 13 năm làm việc hiệu quả với Ủy Ban Công Giáo Về Mục Vụ Cư Dân¹⁵ và Viện Huấn Luyện Mục Vụ Giáo Xứ Và Xã Hội¹⁶ tại Notre Dame.

Khi tôi cảm thấy công tác của tôi tại Notre Dame đã hoàn tất, tôi đến trình diện Hội Đồng Nhân Sự Linh Mục trong tổng giáo phận và cho họ biết tôi sẽ trở về Chicago. Họ dường như vui mừng quá đỗi và bảo tôi chờ đến khi vị tân tổng giám mục nhậm chức.

Tôi đã biết Hồng Y Bernadin 20 năm trước khi ngài về Chicago. Ngài trân trọng đặt tôi làm Giám Đốc Văn Phòng Liên Lạc Đại Kết Và Nhân Bản¹⁷ trong tổng giáo phận, một chức vụ tôi làm trong 4 năm.

Khi vừa 70 tuổi, tôi chuyển về Đại Học DePaul và vẫn còn đang sung sướng phục vụ tại đây.

Tất cả những ân phước này đã đến với tôi, vì tôi đã vâng phục các bề trên của mình.

**Tất cả những ân phước này
đã đến với tôi, vì tôi đã vâng
phục các bề trên của mình.**

¹⁴ Linh mục *Theodore Hesburgh* – xem câu chuyện trang 413.

¹⁵ Catholic Committee on Urban Ministry.

¹⁶ Institute for Pastoral and Social Ministry.

¹⁷ Office for Ecumenism and Human Relations.

Dầu rằng tôi còn có những khuyết điểm khác, song tôi nghĩ tôi có thể thành thật nói rằng thân phụ tôi đã dạy dỗ tôi nên người, và tôi đã chưa bao giờ bất tuân một yêu cầu hay lệnh truyền của bất cứ một bề trên nào trong suốt 55 năm linh mục. Và tất cả những thứ đó đã được bù đắp lại trong những công việc rất xây dựng và một đời linh mục thật hạnh phúc.

Lời cam kết rất quan trọng trong cuộc đời linh mục, cũng như trong hôn nhân. Nhưng việc cam kết làm linh mục trọn đời là một đề tài thật lý thú và rộng mở. Toàn bộ truyền thống đời linh mục trước đây căn cứ trên giả luận rằng đàn ông chỉ sống được đến khoảng 50 tuổi thôi. Thế mà giờ tôi đã 79 tuổi. Chúc linh mục có nên là vĩnh viễn không? Tôi đã có đọc một vài tranh luận về việc chấp nhận cái ý tưởng làm linh mục tạm thời. Thực sự điều ấy đang xảy ra qua việc hỏi tục của giáo sĩ. Dầu vậy, xã hội vẫn đặt giá trị rất cao về lời cam kết vĩnh viễn của linh mục và các cặp hôn phối. Tôi nghĩ rằng đây là một khía cạnh cần được nghiên cứu, thảo luận và cầu nguyện nếu chúng ta muốn giải quyết vấn đề

Xã hội vẫn đặt giá trị rất cao về lời cam kết vĩnh viễn của linh mục và các cặp hôn phối.

thiếu hụt linh mục. Tôi cảm thấy buồn trước sự kiện nhiều giáo phận đang hoạch định để những xứ đạo không có linh mục, trong khi tất cả nền thần học của chúng ta nhấn mạnh đến Thánh Thể là trung tâm của đời sống thiêng liêng. Liệu chúng ta có khiến giáo dân phải chịu thiếu vắng Thánh Thể chỉ vì vấn đề kỷ luật? Đó là một việc hệ trọng cần được nghiên cứu kỹ lưỡng. Nếu không, Bắc Mỹ chẳng bao lâu nữa sẽ phải đối diện với cùng một tình trạng như đang diễn ra tại Nam Mỹ.

Tôi không có câu trả lời cho vấn đề thiếu sót ơn gọi, song có một Vị có được câu trả lời, và Vị ấy là Chúa Thánh Linh. Và nếu chúng ta cố gắng hết sức, vào thời điểm tốt

Chúa Thánh Linh cùng với các linh mục của Giáo Hội sẽ canh tân Giáo Hội như đã từng xảy ra vào mỗi thời điểm đen tối trong lịch sử.

Tôi đến từ một thế hệ khi mà lời cam kết giữa chủ với nhân viên và nhân viên với công ty được coi là rất quan trọng. Thân phụ tôi thường khoe rằng người đã làm việc 49 năm cho Công Ty Xe Hơi Chicago. Sự trung thành với công ty được đặt ưu tiên cao. Điều ấy bây giờ đã thay đổi. Một người thợ có thể trải qua 3 đến 4 lần đổi việc trong đời mình. Cam kết với một người chủ hãng thôi không còn nữa. Với tất cả những chuyện giảm bớt nhân công đang xảy ra, ngay cả chủ nhân cũng không giữ được lời cam kết. Và ngay cả những người đang lo cưới hỏi cũng thường ngần ngại với cái ý tưởng phải cam kết trọn đời. Một lần kia có một bạn trẻ nói với tôi: *“Hôn nhân là một chuyện... nhưng còn chuyện cam kết thì sao?”*

Và nếu chúng ta cố gắng hết sức, vào thời điểm tốt Chúa Thánh Linh cùng với các linh mục của Giáo Hội sẽ canh tân Giáo Hội như đã từng xảy ra vào mỗi thời điểm đen tối trong lịch sử.

Dù lời cam kết có quan trọng đối với xã hội hay không, tôi cũng đã có lời khấn trọn đời với sứ vụ linh mục và tôi có ý giữ nó đến cùng.

Tôi cũng bị một vài lần khủng hoảng trong đời. Một lần cơn khủng hoảng đến vào giữa lúc tôi đang làm công việc tổ chức hội đoàn. Lúc ấy tôi ở trong tình trạng hoang mang, không biết đời mình sẽ đi về hướng nào trong tương lai. Rồi tôi thấy băn khoăn về ơn gọi của mình. Tôi đang làm việc với các cặp thanh niên thanh nữ cưới hỏi nhau thật hạnh phúc. Cuộc sống của họ xem ra hấp dẫn quá, thế là tôi đi gặp cha Charlie Curran (vị tâm lý gia, chứ không phải nhà thần học). Ngài là một vị cố vấn không đặt ra chỉ thị, theo học

trường phái Carl Rogers. Tôi trú ngụ tại nhà của ngài 10 ngày ở Columbus theo sự hướng dẫn của ngài. Ngài giúp tôi phân loại ra những vấn đề đang làm khổ tôi. Khi 10 ngày qua đi, tôi cảm thấy hoàn toàn rũ sạch. Thật là một kinh nghiệm đáng kể, một móc xoay trong đời tôi. Khi tôi nhìn lại, tôi coi đời sống độc thân như một phúc lành cho mình. Điều đó không có nghĩa là tôi đề nghị lối sống này cho hết mọi linh mục. Đó là một quà tặng mà Giáo Hội cần phải trân quý, và luôn luôn cần có hàng giáo sĩ độc thân. Song điều đó không dành cho tất cả.

Kể từ thời gian cha Charlie cô vấn cho tôi, ngài và tôi trở thành rất gần gũi. Tôi đã xin cho ngài được dạy tại Đại Học Loyola. Tôi cũng tổ chức một chương trình hằng tuần về các lớp cô vấn do cha Curran dạy cho các linh mục trong tổng giáo phận. Đã có đến hơn 200 linh mục tham dự. Cha Curran cũng thành lập một trung tâm huấn luyện cho các cô vấn tại Đồi Sinsinawa của các nữ tu Đa-Minh gần Dubuque, tiểu bang Iowa.

Khi tôi nhìn lại, tôi coi đời sống độc thân như một phúc lành cho mình. Điều đó không có nghĩa là tôi đề nghị lối sống này cho hết mọi linh mục. Đó là một quà tặng mà Giáo Hội cần phải trân quý, và luôn luôn cần có hàng giáo sĩ độc thân. Song điều đó không dành cho tất cả.

Một ngày kia thư ký của cha Charlie gọi báo tin cha sắp từ trần. Thế là tôi ngưng hết mọi việc, bay về Dubuque và lái xe lên Đồi. Ngài bị

chứng vàng da, đau đớn lắm, và hiển nhiên là đang ra đi rất nhanh. Chúng tôi ngồi ôn lại những chuyện về một đời sinh hoạt bên nhau. Ngài cảm ơn tôi về tất cả những gì tôi đã làm cho ngài, và tôi cũng vậy. Chúng tôi cầu nguyện với nhau và chúc lành cho nhau. Tôi bảo: *“Charles à, mình sẽ không còn được nhìn thấy cậu nữa, có điều gì cậu muốn mình thực hiện, có điều gì cậu muốn mình ghi nhớ không?”* Ngài nhìn tôi và

nói: “*Này Jack, cậu là dân Ai-Nhĩ-Lan, và thỉnh thoảng cậu sẽ có cảm tưởng là đời cậu chưa hoạt động đủ. Nhưng đừng bao giờ quên những điều tốt mà cậu đã làm được.*” Đây là những lời cuối cùng ngài nói với tôi. Ba ngày sau ngài qua đời. Ngài đã giúp tôi điều mà không một nhà cố vấn hay bác sĩ tâm thần nào có thể làm được. Đã có một lúc ngài giúp tôi tìm lại đời mình, và vào cuối đời ngài, ngài lại đổi mới tôi một lần nữa.

Đời linh mục của tôi phải nói là vô cùng hạnh phúc. Điều duy nhất khiến tôi thất vọng thật sự là việc tôi thiếu sót về mặt thiêng liêng. Tôi mong muốn là một người thánh thiện hơn, song dường như không đủ can đảm và tài khéo để mang lại những thay đổi mà tôi cần phải làm ở chặng đời này. Dầu sao tôi vẫn cố gắng thử.

Để quân bình lại phần khiêm khuyết đó, tôi đã cảm nghiệm được niềm vui khôn tả vì có rất nhiều cơ hội giúp đỡ những người cần an ủi và hy vọng. Làm việc với các tổ chức cộng đồng và với các nhóm lao động và dân sự cũng là một niềm vui, khi giúp cuộc sống của dân nghèo trong cộng đồng được cải tiến. Đôi khi tôi nhìn lại việc mình làm và tự hỏi liệu có bỏ công không, bởi vì có những lúc mọi chuyện xem ra tệ hơn là khi tôi bắt tay vào giúp họ. Một lần kia tôi tâm sự điều nghĩ ngợi này với Đức ông William Quinn. Ngài bảo: “*Này Jack, đừng quên rằng cậu là người đã chịu ra mặt. Cậu cho Giáo Hội được có cơ hội hiện diện nơi mà mọi chuyện đang xảy ra. Giả như cậu đã không đến, thì Giáo Hội có lẽ cũng đã không còn hiện diện.*” Tôi đoán là từ ngữ “chỉ cần ra mặt” đã được sử dụng lâu rồi. Tôi không rõ ai nói câu ấy trước; có thể là Saul Alinsky. Có lẽ do Woody Allen. Có khi là Mai-sen cũng không chừng.

Bước dần vào tuổi bát tuần, tôi thường ngẫm nghĩ về câu hỏi: “*Phải chăng tôi đã làm được điều khác biệt bởi vì tôi đã*

chịu ra mặt?” Câu hỏi ấy do người nào khác trả lời có lẽ hay hơn. Tuy nhiên, tôi thực sự cảm thấy đời mình đáng sống và tôi đã làm được điều khác biệt trong phần đất nhỏ bé này của thế giới. Tôi đã làm được điều khác biệt trong những cộng đoàn người thiểu số mà tôi đã giúp họ tổ chức, và trong công việc liên tôn với người Do-Thái và Tin Lành. Tôi nghĩ rằng công việc tôi làm trong phong trào Tiền-Cana và Cana đã tạo được sự khác biệt trong hàng ngàn gia đình Ki-tô hữu. Tôi biết rằng tôi đã tạo được sự khác biệt trong đời sống của những người tham gia công tác của Ủy Ban Công Giáo Về Mục Vụ Cư Dân¹⁸ tại Đại Học Notre Dame, cũng như Viện Huấn Luyện Mục Vụ Giáo Xứ Và Xã Hội¹⁹ cũng tại Notre Dame, qua đó tôi đã huấn luyện cả một thể hệ linh mục, nữ tu, và giáo dân theo những giáo huấn của Giáo Hội về mặt xã hội. Tôi đã tạo được sự khác biệt với các linh mục trong tổng giáo phận khi tôi giúp họ thành lập Hiệp Hội Các Linh Mục Chicago. Tôi đã tạo được sự khác biệt trong cuộc sống của dân chúng tại giáo xứ Dâng Con nơi mà Hồng y Cody đã sai tôi đến như thể đi lưu đầy.

Xin kể một thí dụ nhỏ về một người tôi đã giúp trong giáo xứ đó: Hai mươi lăm năm trước, tôi có nói chuyện với một thiếu niên Mỹ da đen trên sân bóng rổ phía bên kia nhà xứ Dâng Con. Tôi khích lệ em gắng hoàn tất chương trình trung học và nên người hữu dụng. Năm 1980, lúc tôi sắp phải giải phẫu tim lần thứ nhất, một người đàn ông rất bảnh bao bước vào phòng và đứng cạnh giường tôi. Anh ta giới thiệu tên và nhắc tôi nhớ lại ngày hôm ấy trên sân bóng rổ. Anh ta cho biết đã đọc thấy trên báo về việc tôi sắp phải giải phẫu, và muốn đến thăm để cảm ơn tôi vì anh ta được nên người như bây giờ. Anh kể: *“Con đã học xong trung học nhờ sự khuyến khích của cha, và cả đại học nữa. Sau đó con*

¹⁸ Catholic Committee on Urban Ministry.

¹⁹ Institute of Pastoral and Social Ministry.

trở thành một kiến trúc sư, và bây giờ đang làm cho một hãng kiến trúc nổi tiếng nhất ở Chicago.” Một kinh nghiệm đó cũng đủ trả lời câu hỏi về việc tạo được sự khác biệt trong cuộc đời người khác.

Tôi phải nói rằng hạnh phúc đối với một linh mục trong việc phục vụ người khác thật tuyệt đối không gì sánh được trong bất kỳ mục vụ nào khác. Chỉ cần hình dung những cơ hội khi linh mục rửa tội một em bé, giúp một kẻ liệt sắp qua đời, chủ lễ một đám tang, và trên hết khi đọc lời nguyện thánh hiến phép Thánh Thể. Nếu chỉ vì muốn cảm nghiệm những niềm vui đó thôi thì cũng chưa đủ lý do để tìm cách được chịu chức. Khi tôi là một linh mục trẻ, người ta quý trọng chỉ vì mình là linh mục. Ngày nay họ kính trọng linh mục vì ngài là người thế nào và vì điều ngài làm, vì năng lực làm việc, sự nhiệt thành, lòng quảng đại, tình yêu thương, hiền hậu và biết chạnh lòng thương. Dầu thánh để truyền chức vẫn là điều quan trọng, song chưa phải là đủ.

Tôi khuyến khích các bạn trẻ hãy nghĩ đến ơn gọi làm linh mục. Tôi cho họ biết đây là ơn gọi tuyệt diệu nhất trên thế giới vì

Khi tôi là một linh mục trẻ, người ta quý trọng chỉ vì mình là linh mục. Ngày nay họ kính trọng linh mục vì ngài là người thế nào và vì điều ngài làm, vì năng lực làm việc, sự nhiệt thành, lòng quảng đại, tình yêu thương, hiền hậu và biết chạnh lòng thương. Dầu thánh để truyền chức vẫn là điều quan trọng, song chưa phải là đủ.

lý do sau đây: không có ơn gọi nào khác đòi hỏi và lại sử dụng tất cả mọi tài năng và quà tặng mà một người có thể đem vào trong ơn gọi của mình. Tôi chẳng phải là một học sinh giỏi, và tôi nghĩ rằng việc cha tôi cản trở không cho tôi vào chủng viện đã khiến tôi làm việc chăm chỉ hơn nữa để tiếp tục ngay cả khi các điểm của tôi thật kém. Sự siêng năng

làm việc và ở lại trong chức vụ linh mục đã cho phép tôi được “ra mặt” khi một ai đó cần đến tôi.

Ngày nay người ta cần linh mục biết chừng nào. Nếu ngài làm việc có năng lực và biết quan tâm, người ta sẽ trott đến ngài để xin cứu giúp. ●

Linh mục

Walter J. Burghardt, S.J.¹

Hoa-Thịnh-Đốn

Cứ nhắc đến cái tên Burghardt với bất kỳ linh mục nào, hẳn ngài sẽ nói: “Bạn muốn nói đến nhà giảng thuyết phải không?” Vẫn thường được gọi là khoa trưởng của các nhà giảng thuyết Mỹ, cha Burghardt nổi tiếng về những bài giảng chính xác, trau chuốt cẩn thận. Ngài đã xuất bản 12 bộ sưu tập các bài giảng, và một tác phẩm được đọc rất nhiều, đó là cuốn “Giảng Thuyết, Nghệ Thuật Và Sự Trau Luyện.”

Kể từ năm 1991, ngài đã cống hiến cho hàng giáo sĩ Hoa-Kỳ và ngoại quốc chương trình “Rao Giảng Lời Chân Lý,”² một dự án của Trung Tâm Thần Học Woodstock ở Hoa-Thịnh-Đốn. Kỳ tĩnh tâm và khóa hội học năm ngày kết hợp việc cầu nguyện cá nhân và việc suy niệm trên Kinh Thánh, những giáo huấn về xã hội của Giáo Hội, văn hóa hiện đại, bài giảng và phụng vụ.

Bình thường chúng ta lý tưởng hóa vị chánh xứ như là người của mọi mùa cho hết mọi người, nhưng ngay cả ngài chánh xứ tuyệt vời nhất cũng có thể hưởng lợi nhờ những tài năng của vị linh mục là người có cơ hội mang một ngọn đèn nữa soi sáng cho cộng đoàn đức tin mà ngài phục vụ. Và đó là vai trò của cha Burghardt.

¹ *Society of Jesus* – dòng Tên, tiếng La-tinh *Societas Iesu*, viết tắt là S.J., do thánh I-nhà-xi-ô Loyola sáng lập năm 1540 mặc dù đã khởi sự từ năm 1534 cùng với thánh Phan-xi-cô Xa-vi-ê và bốn tu sĩ khác nữa..

² *Preaching the Just Word.*

Cha Burghardt sinh tại Manhattan năm 1914, thụ phong linh mục năm 1941 khi là thành viên của Dòng Tên. Ngài hiện là giảng sư bậc đàn anh tại Trung Tâm Thần Học Woodstock.

Là người di dân từ Gallipean, phần giáp ranh của Đế Quốc Áo và Hung-Gia-Lợi, cha mẹ tôi vốn sống thâm lặng. Một số người cho tôi biết cả đời của các ngài đặt trọng tâm vào người anh tôi và tôi. Tôi đã không nhận ra quả đúng như vậy cho đến mãi sau này. Cha tôi là người lao động làm việc trên toa xe chở sữa do ngựa kéo. Chúng tôi có rất ít tiền, song không bao giờ cảm thấy thiếu thốn điều gì. Cả cha lẫn mẹ tôi đều nặng cảm tính về sự công bình, tôi có ý nói là nếu chúng tôi bảo sẽ làm điều gì, thì có lên trời cũng phải liệu mà làm. Cuối cùng khi tôi thưa với cha tôi là mình muốn đi tu dòng Tên, ông chỉ nói vồn vện: *“Nếu đó là điều con muốn trở thành, thì hãy trở thành một linh mục thật tốt.”*

Anh tôi và tôi theo học trường Thánh Gio-an Thánh Sứ của giáo xứ trên đường 55 ở Thành Phố Nữ-Uớc. Chúng tôi đã có được một nhóm các linh mục xuất sắc ở đó. Không những họ là những linh mục tốt, mà còn là những người dễ nói chuyện với, đặc biệt là một vị đã mất lâu rồi, đó là cha Francis X. Shea, ngài thường hay chặn tôi lại giữa đường để hỏi thăm tôi xem có muốn làm linh mục không. Ý nghĩ về ơn gọi sớm nhất của tôi bắt nguồn từ những con người tốt lành như thế. Tôi không nhớ là có bao giờ mong muốn điều gì khác ngoài việc trở thành linh mục. Chúng tôi đi học trường Trung Học Xa-vi-ê ở phía Tây. Các tu sĩ dòng Tên dạy học ở đó gây ấn tượng mạnh trong tôi, một số trong nhóm họ là linh mục, số khác là học giả. Họ có một tập hợp khác thường về các đức tính khiến tôi cảm thấy bị lôi cuốn. Họ vừa thông thái vừa thân thiện. Họ chơi banh chuyên tay và bóng rổ với chúng tôi. Bởi vậy, khi nhìn lại, ý tưởng đầu

tiên về linh mục đến từ khi tôi học tiểu học. Còn ước mơ làm linh mục dòng Tên chỉ đến khi tôi học Trung Học Xa-vi-ê.

Tôi ở tại học viện Woodstock từ năm 1946 đến 1974. Khi trường đóng cửa, chúng tôi di chuyển về Thành Phố Nữ-Uớc, khởi đầu mối liên hệ với Viện Thần Học Union. Năm 1974, tôi được mời đến Đại Học Công Giáo, tôi dạy về môn giáo phụ tại đây cho đến năm 1978. Thế rồi, một mối vì những trở ngại kèm theo việc dạy học –nào là sách vở, thi cử, họp hội đồng– tôi bèn nhận lời mời của cha Timothy Healy, viện trưởng Đại Học Georgetown, để làm Thần Học Gia Thường Trú ngay trong đại học. Tôi tiếp tục vai trò này cho đến năm 1990. Tôi được phép tự viết ra công việc phải làm, và rất là đơn giản: tôi làm những gì tôi muốn làm, và được trả lương cho công việc ấy. Tôi vẫn có thể đi lại khắp nước, giảng lớp và đọc diễn văn, mà không phải sửa bài thi gì cả. Và tôi cũng có thể dành thời giờ nghiêm chỉnh cho việc rao giảng, lúc ấy ngày càng trở nên ưu tiên đối với tôi. Chính lúc bấy giờ tôi mới nghĩ tới việc xuất bản các bài giảng của tôi một cách đều đặn. Trước đó, tôi đã in hai cuốn sách về bài giảng. Kể từ đó, tôi đã in thêm mười cuốn nữa.

Rất sớm trong đời linh mục, tôi đã bắt đầu thấy thích thú trong việc rao giảng một cách sâu sắc. Một kinh nghiệm cảm động nhất là khi giảng về *Tre Ore*³ ở nhà thờ thánh Mi-ca-e tại Buffalo. Tuần tĩnh tâm đó gồm một loạt 9 bài giảng. Bài thứ nhất là phần giới thiệu mở đầu, sau đó là 7 bài giảng về 7 lời cuối cùng của Chúa Giê-su, và một bài giảng kết thúc. Thật là một kinh nghiệm tuyệt vời khi giảng ba tiếng đồng hồ liền về cuộc khổ nạn của Đức Ki-tô.

Cuốn sách mới nhất của tôi do nhà xuất bản Yale University Press ấn hành, mang tên *Rao Giảng Lời Chân Lý*.

³ *Tre Ore* - tiếng La-tinh, có nghĩa là “ba giờ,” ý nói giờ hấp hối của Chúa, hay phụng vụ cử hành vào Thứ Sáu Tuần Thánh.

Nó bắt nguồn từ những bài giảng lớp của Lyman Beecher năm 1994 khi giảng dạy tại Yale Divinity School. Cuốn sách xoay quanh một luận án của tôi cho thấy việc rao giảng là phương thể rõ rệt nhất và khơi động nhất để loan truyền tin mừng của Giáo Hội liên quan đến xã hội. Nhà Xuất Bản Yale gửi bản thảo cho William Sloane Coffin, một mục sư Tin Lành có thể giá. Ông ta thích cuốn sách nhưng nói thêm: *“Coi này, bạn sẽ bị phê bình rất nhiều nếu không thêm một chương nói về ba vấn đề của thời đại: giúp người ta tự tử, truyền chức linh mục cho phụ nữ, và các vụ nam hay nữ đồng phái luyến ái.”* Tôi đánh giá cao lời bình phẩm và ý nghĩ sâu sắc của ông ta, và thế là tôi đã thêm một chương thứ tư về những vấn đề xã hội đó, một chương mà đến lượt nó có lẽ sẽ gợi ra nhiều lời bình phẩm riêng.

Đối với tôi, một sự thất vọng lớn trong sứ vụ linh mục là ở sự vô hiệu quả của biết bao bài giảng của chúng ta. Chúng ta có một cử tọa bị bó buộc phải nghe, và điều rất phổ biến là cử tọa đó không được cho ăn đủ.

Đối với tôi, một sự thất vọng lớn trong chức linh mục là ở sự vô hiệu quả của biết bao bài giảng của chúng ta.

Thật là một cơ hội! Và rất thường chúng ta để nó vượt mất. Giảng thuyết đem lại những cơ may vĩ đại cho điều lợi ích. Tôi nhận được thư của người ta từ khắp cả nước

cảm ơn tôi về một điều gì đó họ đọc được từ một trong các sách bài giảng của tôi. Một thí dụ: phu nhân của một viên chức chính phủ kỳ cựu thỉnh thoảng gọi cho chồng bà ở văn phòng khi ông ta phải đối diện với quyết định về một vấn đề then chốt. Bà ta sẽ nói: *‘Mình nghe này’* và rồi đọc một đoạn nào đó từ trong cuốn sách của tôi. Giảng dạy có thể rất là ảnh hưởng.

Cơ hội để giảng một cách hiệu quả ngày càng trở nên lớn lao, và trong một ý nghĩa nào đó, có lẽ trở nên thúc bách hơn

sau khi một bài báo *Newsweek* trong đó Ken Woodward cho in danh sách của Baylor University về 12 nhà giảng thuyết hiệu quả nhất trong thế giới nói tiếng Anh. Được là người Công Giáo duy nhất trên danh sách đó thì cũng hơi sờ sờ, nhất nữa lại liên quan tới tình trạng của những nhà giảng thuyết Công Giáo khác.

Phản ứng thường có và cứ lớn dần nơi những người nghe tôi giảng vẫn là sự ngạc nhiên lớn đối với tôi. Đúng là một nguồn kỳ diệu bất tận khi người ta trong mọi môi trường sống nói với tôi điều gì đó họ nghe hay đọc được trong một buổi thuyết trình của tôi đã đem lại cho họ hướng đi mới, niềm hy vọng mới, và niềm vui mới như thế nào! Rao giảng không phải là công việc dễ dàng. Nó đòi hỏi tôi toàn bộ, kể cả việc nghiên cứu, khoảng 40 đến 60 tiếng đồng hồ để sản xuất ra một bài mà tôi gọi là bài giảng chấp nhận được. Những tiếng đồng hồ chuẩn bị đó không phải chỉ là ngồi xuống đánh máy. Tôi lấy những kinh nghiệm của tuần lễ trước. Tôi tìm cách nói nhắm vào các nhu cầu, những niềm vui, những hy vọng và các nỗi lo sợ của cộng đoàn. Điều đó, nhân thể cho bạn biết, chính là sứ điệp căn bản của các khóa học hội “*Rao Giảng Lời Chân Lý*” của chúng tôi.

Đúng là một nguồn kỳ diệu bất tận khi người ta trong mọi môi trường sống nói với tôi điều gì đó họ nghe hay đọc được trong một buổi thuyết trình của tôi đã đem lại cho họ hướng đi mới, niềm hy vọng mới, và niềm vui mới như thế nào!

Quyền bính là một trong những vấn đề mà tất cả chúng ta đều phải đối diện –chẳng những đối với chúng tôi là những người được truyền chức, mà cả với từng người Ki-tô hữu. Nó vẫn là một vấn đề đối với tôi trong cái trật tự thực tiễn. Tôi đã từng thấy nó bị lạm quyền, và từng thấy cái hệ

quả nó tạo ra trên các linh mục. Năm 1968, Hồng Y O'Boyle của Hoa-Thịnh-Đồn triệu tập 48 linh mục trong tổng giáo phận của ngài là những người đã biểu lộ sự chống cưỡng lại tông huấn *Humanae Vitae*, và ra lệnh cho họ hoặc tuyên bố rút lại hoặc bị huyền chức. Hơn một nửa đã rời bỏ hàng ngũ linh mục. Cùng lúc đó, tôi đang ở Tổng Giáo Phận Baltimore và đã bày tỏ thái độ không hoàn toàn chấp nhận sự tuyệt đối của lệnh cấm đó. Hồng Y Shehan viết cho mỗi người chúng tôi là những kẻ đã đặt vấn nạn và hỏi: "*Liệu quý cha có thể nào trong các bài giảng, trong tòa giải tội, và trong việc tư vấn, trình bày giáo huấn của Humanae Vitae như là giáo huấn chính thức của Giáo Hội được không?*" Tôi trả lời: "*Dĩ nhiên là được. Con không nghĩ là sẽ làm gì khác.*" Hai phương cách hành xử quyền bính đó cách xa nhau hằng bao nhiêu năm ánh sáng!

Humanae Vitae quả là vấn đề quyền bính duy nhất trong lãnh vực thần học đã đưa đến cho tôi sự khó khăn trầm trọng. Đó là vì tôi đã xác tín từ kinh nghiệm thực tế rằng nên có những ngoại lệ trong lãnh vực này. Một nhà thần học luân lý kia đưa ra một thí dụ điển hình về một người phụ nữ mà ngài biết rõ cứ mỗi lần mang thai là càng trở nên đe dọa đến mạng sống. Sau khi có 11 đứa con, bà ta chịu đề cho cắt tử cung. Bà ta bị gọi là chống lại sự sống. Sau này bà và chồng bà còn nhận nuôi thêm ba đứa con nữa. Đôi khi chúng ta có cái thứ nhãn quan hẹp hòi của đường hầm là vậy!

Một vấn đề thường được nhắc đến với các linh mục là cái ý tưởng linh mục vĩnh viễn. Trong thời của tôi, khi người Công Giáo bước vào sứ vụ linh mục hay hôn nhân, chúng tôi mặc nhiên coi nó là vĩnh viễn. John Haughen có một cuốn sách mang đề tài có liên quan là "*Có Ai Có Thể Nói Vĩnh Viễn Được?*" Nói một cách trừu tượng, người ta hẳn sẽ đồng ý rằng cam kết vĩnh viễn là một điều tốt. Trong trật tự

thực tiễn, nhiều người sẽ nói rằng không chắc được như vậy, nếu không nói là không thể được. Ngày nay một chủ nhân không cam kết thuê mướn ai suốt đời. Không lạ gì các nhân viên không còn cam kết với hãng xưởng của họ nữa. Và tôi tự hỏi, trong các cuộc hôn nhân, được bao nhiêu người có cùng một quan điểm về sự cam kết mà Giáo Hội mong mỏi nơi họ?

Đối với tôi, dường như một trong các lý do tại sao quá nhiều người đã rời bỏ chức linh mục, hoặc giả đã gặp những vấn đề trầm trọng mấy năm gần đây, đó là vì họ đã đồng hoá sứ vụ linh mục với các chức năng –nào là thánh hiến bánh và rượu,

Bất kể tôi đang làm gì, bao lâu tôi đang đáp lại điều mà Giáo Hội yêu cầu nơi tôi vào một thời điểm cụ thể nào, đó là tôi đang dẫn thân vào công việc tư tế linh mục.

hay là tha thứ tội lỗi– một thứ chức năng mà chỉ có họ chứ không phải người giáo dân có thể làm được. Điều đã giúp tôi nhiều nhất là xa tránh các chức năng. Đương nhiên là tôi vẫn công nhận tầm quan trọng của chúng. Những việc ấy là một phần sứ vụ linh mục của tôi. Tôi muốn nói là: bất kể tôi đang làm gì, bao lâu tôi đang đáp lại điều mà Giáo Hội yêu cầu nơi tôi vào một thời điểm cụ thể nào, đó là tôi đang dẫn thân vào công việc tư tế linh mục. Đó là cách chúng ta có thể cắt nghĩa làm sao linh mục lại đi dạy một lớp hóa học hay khoa học chính trị. Không phải là một cách nào đó chúng ta đem Chúa Ki-tô vào hóa học hay khoa học chính trị, song là chúng ta đang làm điều mà Giáo Hội muốn chúng ta làm ngay lúc này trong lịch sử và sứ mệnh của Giáo Hội. Như thế, mỗi hành động của tôi đều có tính cách tư tế, với hai ngoại lệ khả hữu là tội lỗi và chơi gôn.

Biết bao bạn đồng môn của tôi đã rời bỏ sứ vụ linh mục. Điều gì đã giữ tôi lại? Câu trả lời của tôi là: Tôi chưa bao giờ tìm thấy có điều gì trên đời lôi cuốn tôi hơn là sứ vụ linh

mục. Nó đã như thế ngay từ đầu rồi. Và vẫn cứ như vậy. Đương nhiên đã có những lần tôi cũng thích có một gia đình. Mỗi đêm tôi lên giường một mình và đôi lúc cảm nhận một sự cô đơn đã được gói ghém sẵn vào đời linh mục. Tuy nhiên, đây không phải là vấn đề trầm trọng đối với tôi. Qua việc du hành, giảng dạy và thuyết trình, tôi đã thu thập được vô số bạn bè, và họ vẫn đang là một thứ giải thoát cho tôi. Một điều nữa đã giúp tôi nhiều lắm, đó là được sống trong cộng đoàn dòng Tên. Sự hiện hữu của dòng Tên vẫn là điều sống còn cho chức linh mục của tôi. Tôi thấy sống một mình như linh mục ở xứ đạo là hơi khắt khe. Sự kết hợp của việc sống trong cộng đoàn, và có thể hành xử tài năng của mình trong nhiều phương cách khác nhau đã làm cho đời sống tôi sung mãn. Trong một phân tích cuối cùng, tôi vẫn thừa rằng tôi chưa hề tìm thấy điều gì so gán được với sứ vụ linh mục về một cuộc sống lôi cuốn và thỏa lòng như vậy.

Tôi nghĩ rằng sứ vụ linh mục cho ta rất nhiều cơ hội để sử dụng năng khiếu của mình. Chẳng hạn, làm sao tôi đã gia nhập vào được dự án

Qua việc du hành, giảng dạy và thuyết trình, tôi đã thu thập được vô số bạn bè, và họ vẫn đang là một thứ giải thoát cho tôi. Một điều nữa đã giúp tôi nhiều lắm, đó là được sống trong cộng đoàn dòng Tên. Sự hiện hữu của dòng Tên vẫn là điều sống còn cho chức linh mục của tôi. Tôi thấy sống một mình như linh mục ở xứ đạo là hơi khắt khe.

“Rao Giảng Lời Chân Lý”? Ngành dạy học của tôi là giáo phụ, những thần học gia Ki-tô hữu đầu tiên. Lúc ấy tôi đang là chủ bút của tờ *Nghiên Cứu Thần Học* dưới quyền linh

mục John Courtney Murray, S.J., từ năm 1946 đến 1967. Khi cha Murray mất năm 1967, tôi trở thành chủ bút chính và thế là gắn liền với tờ tạp chí gần 40 năm, cho đến 1990. Sau đó, vào tuổi 76 trẻ trung, tôi sẽ làm gì đây với cuộc đời còn lại,

một việc gì đó có thể xài được những năng khiếu cá biệt của tôi –như là truyền thông, thuyết trình, rao giảng, viết lách? Dự án “*Rao Giảng Lời Chân Lý*” này hóa ra lại trở thành một nỗ lực để trau dồi việc rao giảng về công lý.

Năm 1991 cha Ray Kemp⁴, một linh mục triều thụ phong năm 1967, được Hồng Y Hicky bổ nhiệm để phụ giúp tôi phát triển dự án rao giảng. Cha Kemp thật là tuyệt diệu đối với cả hàng linh mục lẫn giáo dân và là một điều hợp viên vô cùng thông thạo cho dự án này. Chúng tôi đã có hơn 60 khóa hội học 5 ngày này tại Úc, Jamaica, Canada và trong 22 tiểu bang. Dự án đã và đang thành công lớn, và thời khóa biểu của chúng tôi gần như đầy kín cho 2 năm sắp tới.

Một khía cạnh tuyệt vời của 6 năm qua là “*Rao Giảng Lời Chân Lý*” là một trong những dự án mà tất cả mọi điều tôi đã làm hay đã dự phần đều được liên kết lại. Tôi ý thức được những món quà mà Thiên Chúa đã ban tặng cho tôi đều có hiệu quả trong việc giúp người ta trở thành những con người tốt hơn, những Ki-tô hữu tốt hơn, yêu mến Giáo Hội nhiều hơn. Ngay cả trong thời buổi khủng hoảng này, tôi tin rằng là một linh mục, tôi có khả năng để dâng hiến một điều gì đó cho thế giới mà tôi không thể làm được trong bất kỳ một chức năng nào khác.

Tôi ý thức được những món quà mà Thiên Chúa đã ban tặng cho tôi đều có hiệu quả trong việc giúp người ta trở thành những con người tốt hơn, những Ki-tô hữu tốt hơn, yêu mến Giáo Hội nhiều hơn. Ngay cả trong thời buổi khủng hoảng này, tôi tin rằng là một linh mục, tôi có khả năng để dâng hiến một điều gì đó cho thế giới mà tôi không thể làm được trong bất kỳ một chức năng nào khác.

⁴ Xem câu chuyện của linh mục Raymond B. Kemp trang 297.

Đối với tôi, đời linh mục quả thật là một cuộc đời đáng kể để sống. Và chỉ có ân sủng của Thiên Chúa mới làm cho nó trở thành khả hữu. ●

Linh mục

Richard Gielow, C.M.¹

Independence, tiểu bang Missouri

Cha Richard Gielow là thành viên của Tu Hội Truyền Giáo, thường được biết đến dưới danh hiệu các linh mục Vinh-Son. Các linh mục Vinh-Son là những linh mục thuộc tu hội đòi gắn bó với những lời khấn đơn sơ, và thêm một lời khấn suốt đời sống đời tu hội. Nguyên thủy được đặt tên là các linh mục “Lazarist” từ Học Viện Thánh La-za-rô, nhà chính của tu hội Vinh-Son, Tu Hội Truyền Giáo quốc tế do thánh Vinh-Son đệ Phao-lô sáng lập năm 1625 để tổ chức các buổi giảng truyền giáo và huấn luyện giáo sĩ. Ông gọi thứ ba của họ là việc giáo dục, đặc biệt cho những ai chuẩn bị làm linh mục. Vào một thời điểm trong lịch sử của nước Mỹ, bất kỳ một linh mục nào được truyền chức từ phía tây của sông Mississippi và phía nam của tiểu bang Nebraska đều được huấn luyện bởi các linh mục Vinh-Son. Hiện nay, các linh mục Vinh-Son dần thân vào các mục vụ xứ đạo là chính yếu, ngoại trừ 3 trường đại học mà họ đang điều khiển –đó là DePaul ở Chicago, Thánh Gio-an ở Thành Phố Нью-Йорк và Niagara ở Niagara Falls, tiểu bang New York.

Cha Gielow chào đời ở La Salle, tiểu bang Illinois năm 1943, và thụ phong linh mục năm 1970. Hiện nay ngài là trưởng ban truyền giáo cho quê nhà của Tỉnh Dòng St. Louis ở

¹ C.M. – Viết tắt bởi tiếng La-tinh *Congregatio Missionis* có nghĩa là Tu Hội Truyền Giáo. Tiếng Anh *Congregation of the Missions*. Cũng thường hay được gọi các linh mục là Vincentians, Lazarites, Lazarists hoặc Lazarians.

Independence, tiểu bang Missouri.² Với các linh mục thăm viếng từ xứ đạo này tới xứ đạo khác, họ phải đối diện với những thách đố nào? Chuyện ngài kể nói về những vết chân thỏ trên tuyết, trở ngại khi khởi công xây dựng đền Đức Mẹ trong vùng núi Rockies, và ánh sáng rạng ngời phát ra từ lòng yêu mến Thánh Thể của ngài.

Tôi lớn hơn Bob người em sinh đôi của tôi chỉ 5 phút đồng hồ. Em sinh ra là tay đã bị gãy rồi và lúc nào cũng đổ diết rằng tôi đã làm gãy tay em khi tìm cách chui ra khỏi bụng mẹ trước. Khi tôi lớn lên, các cô giáo đều là các Nữ Tỳ Bác Ái, tu hội do thánh Vinh-Son đệ Phao-lô sáng lập. Các linh mục ở giáo xứ chúng tôi đều thuộc tu hội Vinh-Son. Các nữ tu và linh mục đã là nguồn ảnh hưởng mạnh mẽ nhất với ơn gọi của tôi. Cha mẹ tôi luôn luôn khuyến khích sự lôi cuốn về chức linh mục, song không bao giờ ép buộc. Có một linh mục đặc biệt nổi bật, đó là cha Charlie Saunders, cha phó xứ chúng tôi, ngài vẫn còn sống. Ngài đã làm tất cả mọi thứ mà tôi nghĩ một linh mục nên làm. Ngài là huấn luyện viên thể thao của chúng tôi. Ngài đã biến căn hầm trường tiểu học của chúng tôi thành một câu lạc bộ thể thao cho con trai, có một bồn nước uống, có máy ném banh, có bàn chơi thủy đĩa, sân đánh quyền thuật, sân chơi bóng rổ, và bất kỳ thứ trò chơi nào của trẻ em có thể tưởng tượng ra được. Câu lạc bộ mở cửa vào các tối Thứ Tư. Chỉ tốn 25 xu là bạn được vào, nhưng trước hết, bạn phải tham dự tuần Chín Ngày Khấn Áo Đức Bà Huyền Nhiệm.

Tôi đã có một tuổi thơ tuyệt đẹp. Gia đình chúng tôi nghèo, nhưng không bao giờ thiếu bất kỳ thứ gì chúng tôi cần. Thời ấy, chọn ơn gọi làm linh mục thật dễ lắm. Tôi

² Địa chỉ hiện tại: Fr. Richard Gielow, C.M., 2100 N. Noland Rd., Independence, MO 64050, USA.
Email: dg@vpmc.net; điện thoại 816.254.3700

quyết định vào chủng viện trung học ở Lemont, tiểu bang Illinois, do các linh mục Vinh-Son điều khiển. Vị tuyên mộ đã không hé cho tôi biết rằng người em sinh đôi của tôi đã ghi danh rồi, và cũng chẳng nói với em tôi về tôi. Trong thập niên 50, anh em sinh đôi mặc quần áo giống nhau, và người ta cũng kỳ vọng là sẽ cư xử giống nhau. Chúng tôi phải phấn đấu để có được cái căn tính riêng của mình. Tôi mà biết được Bob sẽ đi Chủng Viện Lemont, hẳn tôi đã ghi danh vào bất kỳ nơi nào khác để tỏ ra mình tự lập. Sau khi hoàn tất lớp 8, tôi hỏi Bob sẽ đi học trường trung học nào. Em nói em sẽ đến một trường đặc biệt. Tôi hỏi: *“Em không có ý muốn nói đó là trường Thánh Vinh-Son đấy chứ?”* Em trả lời *“Thì đúng rồi!”* Và tôi bảo *“Em không được làm như vậy! Đó là trường mà anh sẽ học.”* Em không chịu nhượng bộ, mà tôi cũng nhất định không, bởi thế chúng tôi đã cùng vào chung một chủng viện.³

Khi tôi học lớp 11 ở Lemont, tôi bị đuổi ra khỏi chủng viện. Số là đáng lẽ tôi phải gặp cha linh hướng vào một ngày đã định, nhưng rồi lại trì hoãn. Thế là cha bề trên Schulte bảo tôi thu dọn đồ đạc và ra khỏi chủng viện ngay. Tôi thưa với ngài tôi không thể về được bởi vì tôi có ơn kêu gọi. Ngài bảo *“Anh bị đuổi rồi!”* Tôi đến gặp cha Trapp, vị linh hướng của tôi. Tôi khóc. Tôi năn nỉ ngài. Ngài truyền cho tôi trở lại gặp cha Schulte lúc bấy giờ rốt cuộc đã ân hận và cho tôi ở lại. Sau khi tôi được truyền chức năm 1970, người đầu tiên đến thăm tôi là cha Schulte. Ngài xin tôi ngồi tòa giải tội cho ngài.

Tôi đến trường đại học ở Perryville, tiểu bang Missouri, và lại gặp rắc rối ở đó nữa. Là niên trưởng của các sinh viên, tôi xin cha giám đốc Ed Riley cho phép một nhóm sinh viên

³ Người em sinh đôi của cha Richard Gielow là *Robert Gielow* (tên gọi thân mật là *Bob*) chịu chức linh mục tháng 5 năm 1971. Hai anh em làm linh mục trong cùng một tu hội, và thường cùng nhau đi giảng truyền giáo.

đi thành phố Saint Louis chơi một ngày. Chúng tôi đã có một khoảng thời gian lý thú. Một số người trong chúng tôi đến gặp các đức Hồng Y, những người khác đi dạo phố một vòng. Tất cả chúng tôi đi vào một nhà hàng và uống rượu, tất nhiên đó là điều cấm ngặt. Khi cha Riley biết được ngài quả trách tôi thậm tệ. Nhiều năm sau ngài bảo tôi: *“Dick⁴ này, thời nay tôi không nghĩ là mình sẽ truyền chức linh mục cho người nào mà lại không từng gây một chút rắc rối nào trong chủng viện.”*

Sau chương trình đại học cộng đồng, tôi đi học tại Viện Thần Học Deandreis ở tiểu bang Chicago, do các linh mục Vinh-Son điều khiển. Mãi cho đến thời gian đó quyết định chịu chức của tôi vẫn còn hơi mù mờ. Tôi đã nghĩ đến việc lập gia đình một cách nghiêm chỉnh, nhưng cuối cùng trong năm thần học thứ hai tôi đã ít nhất có một quyết định sơ khởi là sẽ tiến tới. Lúc chỉ còn một năm trước khi chịu chức, tôi đến gặp cha Trapp, người đã cứu tôi thoát khỏi bị đuổi ra khỏi tiểu chủng viện. Tôi thưa với ngài: *“Con đang học đủ mọi thứ thần học hấp dẫn, nhưng con không chắc mình có thể thông truyền nó cho người ta ra sao.”* Cha Trapp tạo cho tôi thách đố đầu tiên làm sao thành một nhà giảng thuyết giỏi. Ngài bảo tôi:

“Trước hết, ta hãy xét vấn đề xem làm sao để truyền thông sứ điệp đến cho người ta được. Khi chúng ta dạy đức tin cho người ta, là chúng ta đối diện với Mâu Nhiệm. Song nếu con quyết định làm một linh mục, con hãy dạy đức tin cho họ hết sức đơn giản. Hãy đụng chạm đến trái tim họ chứ không phải lý trí họ. Chúng ta gán công việc tạo dựng cho Chúa Cha, việc cứu chuộc cho Chúa Con, và tình yêu giữa hai ngôi ấy là Chúa Thánh thần. Tình yêu đó ngày nay rất mạnh mẽ, và đó là thứ tình yêu dẫn

⁴ Dick – tên gọi thân mật của Richard.

dắt Giáo Hội; và cũng tình yêu đó sẽ hướng dẫn con.”

Cho đến ngày hôm nay, tôi vẫn còn nhớ lúc ấy đã rất cảm kích trước những lời khuyên nhủ đơn sơ của ngài, cũng như phương thức kiến hiệu của ngài trong việc rao giảng.

Nhưng trong số tất cả mọi người, giáo dân và giáo sĩ, thân phụ tôi là một giáo sư tuyệt vời nhất về vụ bài giảng. Không lâu sau khi tôi chịu chức, ông nói với Bob và tôi:

“Này các con, ba đã không được học hết trung học. Ông nội các con mất sớm, ba phải ở nhà lo cho bà nội các con. Ba muốn nói thẳng một điều: Ba đã hy sinh rất nhiều, mẹ các con cũng vậy, để hai con có thể đi học trường Công Giáo. Ba mẹ đã mất các con lúc các con rời mái ấm từ sau khi tốt nghiệp trung học. Cộng đoàn của các con cũng tốn hàng trăm ngàn Mỹ-kim cho các con được học hành. Khi ba đến nhà thờ ngày Chúa Nhật, ba không cần biết Mai-sen và Aaron hay những người khác đã làm gì. Khi các con bước lên tòa giảng, hãy nói với trái tim chúng tôi từ trái tim các con. Đừng bận tâm về đầu óc chúng tôi; hãy đừng chạm đến trái tim chúng tôi đây này.”

Khi các con bước lên tòa giảng, hãy nói với trái tim chúng tôi từ trái tim các con. Đừng bận tâm về đầu óc chúng tôi; hãy đừng chạm đến trái tim chúng tôi.

Lời khuyên thứ hai của ba tôi là: *“Hãy cho người ta ra về trong vòng một tiếng đồng hồ.”* Và lời khuyên thứ ba: *“Cứ sẵn sóc người đau yếu và già nua, rồi các con sẽ chẳng bao giờ phải bận tâm về sứ vụ linh mục của mình.”*

Vào cuối năm 1982 khi tôi hoàn tất nhiệm kỳ làm giám đốc chủng viện ở Kansas City, cha bề trên của tôi là Hugh O'Donnell, hiện giờ là Giám Tỉnh ở Đài-Loan, nói với tôi:

“Cứ sẵn sóc người đau yếu và già nua, rồi các con sẽ chẳng bao giờ phải bận tâm về chức linh mục của mình.”

“Dick à, cha có năng khiếu về giảng thuyết; tôi muốn cha nghĩ tới việc tham gia nhóm truyền giáo cho quê nhà.” Tôi

cảm thấy vinh dự, và bắt lấy cơ hội liền. Trong 25 năm làm linh mục, 15 năm cuối đã là những năm tương lệ nhất, vui tươi, hạnh phúc, và tâm linh phong phú nhất trong đời tôi. Tôi đã có thể làm được những điều mà đáng lẽ không bao giờ dám mơ ước. Người em sinh đôi Bob của tôi, trước đây là giám đốc điền kinh ở Đại học DePaul, nay sống ở Lemont và tham gia nhóm truyền giáo cho quê nhà năm 1987. Chúng tôi là bạn thân và giảng truyền giáo 5 lần một năm chung với nhau. Một trong những kinh nghiệm cảm động nhất trong đời linh mục của tôi xảy ra khi tôi cử hành lễ Ngân Khánh Linh Mục. Lúc Bob và tôi sánh bước xuống khỏi cung thánh, em quay qua tôi và nói: *“Đại diện cho cộng đoàn có mặt nơi đây, và đại diện cho Giáo Hội, em muốn cảm ơn người anh sinh đôi của em về tình yêu đối với bí tích Thánh Thể của anh. Em không thể nghĩ tới một ai khác lại đủ tiêu chuẩn hơn anh để làm giám tỉnh của tỉnh dòng chúng ta. Nhưng em sẽ nài xin Chúa đừng bao giờ để chuyện đó xảy ra, bởi vì như thế sẽ đưa anh xa rời công việc anh đang làm.”*

Những lời của em Bob đưa tôi lên chín tầng mây.

Tôi luôn luôn tìm kiếm ơn kêu gọi, và bao giờ cũng nói về sứ vụ linh mục như một phần của mỗi lần đi giảng truyền giáo. Một buổi chiều kia ở Omaha, tôi nói với giáo dân rằng tôi tự cho mình là người rất may mắn. Sau bài giảng truyền

giáo, một cậu bé đến gặp tôi nói: “*Thưa cha, sao cha lại nói cha là người may mắn?*” Câu trả lời của tôi là vì tôi được làm những điều mà tôi yêu thích. Em hỏi lại: “*Cha nói thế nghĩa là gì?*” Tôi trả lời:

“Coi nè, ngày nay có bao nhiêu người có thể làm được chính điều mà họ thích làm nhất, và còn cảm thấy Chúa đã gọi họ để thực hiện công việc đó? Đây chính là điều đã xảy ra trong đời tôi. Và khi người ta thấy tôi làm những điều này, họ ngợi khen Chúa. Em có nhớ một câu trong tin mừng Mat-thêu khi Chúa Giê-su phán: ‘Các con là ánh sáng thế gian và muối ướp đời?’ Em sẽ may mắn biết bao khi em đang làm điều mình thích thú nhất, và vì em làm điều ấy, người ta sẽ ca tụng Thiên Chúa? Chúa Giê-su đã khiến tôi thành muối và ánh sáng. Em có biết tại sao Chúa Giê-su gọi các môn đệ của Ngài là muối không? Không biết à? Em không thích rắc chút muối lên khoai tây chiên sao? Không có muối, nó sẽ thật là vô vị. Chúa Giê-su muốn chúng ta làm cho điều này điều nọ thêm hương vị cho người khác. Và các linh mục hạnh phúc có thể làm được điều ấy.”

Nhìn từ quan điểm truyền giáo của các linh mục Vinh-Son, người ta có thể mong đợi tôi nói rằng, điều quan trọng nhất mà một linh mục phải làm là rao giảng. Tôi vẫn ý thức lệnh truyền của các giám mục và của Vatican II dạy chúng tôi rằng nhiệm vụ chính yếu của linh mục là công bố Lời Chúa,

Thánh Thể là trung tâm đời tôi, và việc rao giảng kiện toàn bí tích Thánh Thể. Tôi coi việc cử hành Thánh Thể không chỉ giới hạn trong 45 phút. Nó là cuộc cử hành nối dài. Và vì thế việc giảng dạy nơi tòa giảng của tôi hay trong lớp học chỉ đơn thuần là sự tiếp nối của bí tích Thánh Thể. Đúng vậy, việc rao giảng đi trước theo thứ tự quan trọng, song Thánh Thể vẫn là điều thánh thiêng nhất mà tôi cử hành.

nhưng tôi nhìn vào những ưu tiên trong chức linh mục với ánh sáng khác. Thánh Thể là trung tâm đời tôi, và việc rao giảng kiện toàn bí tích Thánh Thể. Tôi coi việc cử hành Thánh Thể không chỉ giới hạn trong 45 phút. Nó là cuộc cử hành nối dài. Và vì thế việc giảng dạy nơi tòa giảng của tôi hay trong lớp học chỉ đơn thuần là sự tiếp nối của bí tích Thánh Thể. Đúng vậy, việc rao giảng đi trước theo thứ tự quan trọng, song Thánh Thể vẫn là điều thánh thiêng nhất mà tôi cử hành.

Sự nổi loạn và tính cách âm ỉ của những người bất mãn trong Giáo Hội ngày nay làm tôi rất buồn. Song tuy vậy, tôi tin rằng những điều ấy không ảnh hưởng đến khối đại đa số người Công Giáo chúng ta. Khi người ta đến tham dự một buổi giảng truyền giáo, tôi thấy trong họ có một sự đói khát

Nếu chúng ta muốn tìm ra chiều sâu đích thực của đời sống tâm linh một con người, chúng ta sẽ tìm thấy nó trong bí tích hòa giải. Tôi cảm thấy run sợ bởi cái kinh nghiệm được làm khí cụ ban ơn tha thứ của Thiên Chúa. Nó đã đem lại cho tôi cái nhìn thăm sâu vào điều kiện của con người mà có lẽ không bao giờ tìm được bằng cách nào khác; thật là một đặc quyền kỳ diệu được tiếp xúc với người ta ở mức độ thâm sâu nhất, để thấy vẻ đẹp và sự tốt lành của họ.

muốn được gần Chúa Giê-su hơn. Hầu hết họ đều không quan tâm gì tới những chuyện mà truyền thông thời phong lên như thể là kinh thiên động địa. Nếu chúng ta muốn tìm ra chiều sâu đích thực của đời sống tâm linh

một con người, chúng ta sẽ tìm thấy nó trong bí tích hòa giải. Tôi cảm thấy run sợ bởi cái kinh nghiệm được làm khí cụ ban ơn tha thứ của Thiên Chúa. Nó đã đem lại cho tôi cái nhìn thăm sâu vào điều kiện của con người mà có lẽ không bao giờ tìm được bằng cách nào khác; thật là một đặc quyền

kỳ diệu được tiếp xúc với người ta ở mức độ thâm sâu nhất, để thấy vẻ đẹp và sự tốt lành của họ.

Một trong các câu chuyện tôi thích thú nhất về công việc giảng truyền giáo đã xảy ra tại giáo xứ Thánh Gio-an Vianney ở Bettendorf, tiểu bang Iowa. Sau một khóa học tối thứ Tư, một em bé trai 10 tuổi đến nói với tôi:

– *Thưa cha, tất cả những thứ truyền giáo này nghĩa là gì? Con còn không chắc là con tin có Chúa không nữa.*

– *Sao con lại nói như vậy?*

– *Bởi vì mẹ con bệnh nặng; mẹ bị ung thư và đang chờ chết. Nếu có Thiên Chúa, làm sao Ngài lại để điều này xảy ra với mẹ của con được?*

Trái tim tôi xỏ ra cho em bé. Tôi cầu xin Chúa giúp tôi nói ra điều nên nói. Cuối cùng, tôi giơ ba ngón tay lên bảo:

– *Có bao giờ con thấy dấu chân trên tuyết bên ngoài nhà con mà trông giống thế này chưa?*

– *Có chứ, đó là những dấu chân thỏ.*

– *Mà con có bao giờ thấy thỏ không?*

– *Dạ không, chúng đến vào ban đêm, và thường là lại đi khỏi trước khi con thức dậy vào buổi sáng.*

– *Nhưng con thừa biết rằng những con thỏ đã có mặt ở đó phải không?*

– *Dạ biết.*

– *Vậy thì, nói cho cha biết điều này: mẹ con có thương con không?*

– *Mẹ thương con hơn bất cứ sự gì.*

– *Còn ba con thì sao?*

- *Chắc chắn rồi, ba con cũng thương con.*
- *Làm sao con biết được ba con thương con?*
- *Vì ba lau chùi nhà cửa, nấu nướng và làm nhiều thứ lắm.*
- *Còn các anh chị em của con, tụi con có đánh nhau nhiều không?*
- *Dạ có, trước đây thì như vậy, từ khi mẹ con bệnh thì không đánh nhau nữa.*
- *Thế còn thầy giáo dạy toán ở trường?*
- *Con làm toán không có giỏi mấy, nhưng cô giáo ở lại trường sau giờ học và giúp con.*
- *Tất cả những điều ấy là dấu vết của Thiên Chúa đấy. Con không thể thấy Thiên Chúa, nhưng con biết rằng Ngài ở đó, bởi vì các dấu vết của Thiên Chúa đều ở đây quanh con.*

Đêm hôm ấy tôi cầu nguyện cho em bé. Tối Thứ Bảy sau bài giảng truyền giáo, em bé lại gặp tôi và bảo: “*Con chưa sẵn sàng để thưa với cha rằng con tin có một Thiên Chúa, nhưng con hứa là con sẽ tìm ra thêm các dấu vết khác của Thiên Chúa.*”

Tôi có một kinh nghiệm khác thường tại Medjugorje⁵. Giáo dân cứ hỏi tôi hoài khi nào tôi mới chịu đến đó, và trong suốt ba năm tôi chống cự lại ý tưởng ấy. Rốt cuộc, tôi đã đi, song tôi không muốn đi theo một chuyến hành hương,

⁵ *Međugorje*, hay *Medjugorje*: Người Việt bắt đầu phiên âm thành Mễ-Du. Đây là một thị trấn nhỏ thuộc miền Tây của nước Bosnia và Herzegovina, trước đây thuộc Yugoslavia. Ngày 24 tháng 6 năm 1981, sáu em bé kể lại việc nhìn thấy Đức Mẹ hiện ra trên núi Podbrdo: Ivan Dragićević, Vicka Ivanković, Marija Pavlović, Ivanka Ivanković, Mirjana Dragićević, Jakov Čolo. Ngày hôm sau các em bắt đầu được Đức Mẹ hiện ra đều đặn với...

nên đã quyết định đi với bà thư ký của một giáo xứ mà tôi đang giảng phòng, cùng với con gái của bà ta. Trời mưa tầm tã suốt giờ thánh lễ của một buổi sáng nọ tại Medjugorje. Tôi được yêu cầu là một trong những người cho rước lễ bên ngoài nhà thờ bởi vì số người quá đông. Khi tôi bước ra đến cửa, có người tiến đến mang theo cây dù để che cho tôi và bánh thánh. Ra ngoài tôi thấy một nhóm sinh viên đến từ Đại Học Kansas. Đây không phải là những người công giáo lỗi thời. Họ cũng không phải là người cánh hữu gì. Họ là những người Jayhawks⁶, đang đứng sững dưới trời mưa đã hơn một giờ rồi để được rước Chúa. Xong lễ tôi đến gặp một người trong bọn họ và hỏi tại sao anh ta làm như vậy. Anh trả lời: *“Thưa cha, thật khó mà nói với các bạn bè đồng trang lứa ở sân trường đại học rằng trái tim con ở đâu; nhưng ở đây thì nói dễ lắm.”* Tôi không phê phán gì về sự xác thực của Medjugorje, nhưng tôi muốn nói rằng đức tin thật sống động và phong phú ở đó, và rằng người giáo dân khắp nơi vẫn tin vào Chúa và yêu mến Người.

Tại Pueblo năm 1998 tôi đang giảng một bài vào ngày lễ Đức Mẹ Mông Triệu. Gần cuối bài giảng tôi nói:

“Anh chị em là những người ở Colorado đây tuyên bố rằng mình đang sống trong xứ sở của Thiên Chúa. Còn tôi thì từ Thành Phố Kansas. Khi anh chị em nghe đến chữ Kansas, có lẽ anh chị em không nghĩ

...những sứ điệp kêu gọi cầu nguyện và ăn chay. Medjugorje từ đó trở thành một trung tâm hành hương cho hàng trăm ngàn tín hữu mỗi năm. Hai giám mục địa phương là Pavao Žanić và sau đó vị kế nhiệm Ratko Perić đều khuyến cáo giáo dân nên sáng suốt về các cuộc hiện ra này. Tháng Ba 2010, Tòa Thánh Vatican thành lập một Ủy Ban điều tra do Hồng Y Camillo Ruini dẫn đầu, dưới quyền giám sát của Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, để đánh giá tính chân thực của các cuộc hiện ra cũng như các sứ điệp. Cho đến nay, Tòa Thánh vẫn chưa đưa ra công bố chính thức nào.

⁶ Tên của đội bóng rổ của Đại Học Kansas.

đến gì khác hơn là một tiểu bang ảm đạm và chết chóc. Nhưng cho anh chị em biết nhé: ở vùng trung tâm chúng tôi có đền Đức Mẹ khắp mọi nơi. Tôi không thấy nhiều lắm ở miền Tây này.”

Sau thánh lễ, một người đến gặp tôi nói: “*Khi nào cha sẵn sàng làm chuyện gì về vụ đền thánh nơi đây, xin gọi cho con.*” Thế là tôi quyết định nắm lấy cơ hội khi anh ta có ý dâng hiến như vậy. Tôi nói với giáo dân ở đó rằng tôi chỉ cần họ kiếm cho một miếng đất. Còn người đàn ông đã đưa ra ý tưởng ấy nói ông sẽ dâng \$25.000 Mỹ-kim. Khởi đầu là như vậy. Cha Schwaab, một linh mục dòng Benedictine, là cha sở, không cảm thấy xác tín gì lắm và nói ngài cần một dấu chỉ. Ít tháng sau đó, khi tôi đang ở Medjugorje, bà thư ký của tôi thuê băng bài giảng của cha Joro nói với người Mỹ. Ngài nói: “*Tôi hiểu rằng quý anh chị em ở Mỹ có các ngôi đền. Thật ra anh chị em còn xếp ghế của mình thành một vòng tròn, và 8 tiếng đồng hồ một ngày anh chị em ngồi nhìn vào cái ngôi đền này.*” Tôi chợt hiểu ra là ngài đang nói về các máy truyền hình. Ngài phân phát ra các tấm ảnh Đức Mẹ và bảo: “*Tôi không xin các bạn phá hủy ngôi đền đó. Nhưng tôi muốn anh chị em về nhà xây thêm một cái khác.*” Bà thư ký của tôi mang cuốn băng đó đến cha Schwaab. Ngài nghe xong, xem xét, gật gù và bảo: “*Chúng ta sẽ xây đền thánh.*” Cho đến hôm nay, giáo dân đã dâng hiến \$302.000 Mỹ-kim cho việc xây đền. Nó đã được hoàn thành và hiện nay được in trong sách Hướng Dẫn Du Lịch Miền Nam Colorado.

Điều kiện không được lập gia đình đôi lúc cũng đã là vấn đề đối với tôi. Khi tôi còn trẻ hơn, tôi đã có những liên hệ thân mật với phụ nữ, không phải về tình dục, nhưng chắc chắn trong một phương cách ngoại biệt. Và sự căng thẳng vì có bạn gái trong một nền văn hoá vội vàng phán đoán thì lúc

nào cũng là vấn đề hết. Tôi đã có được các vị linh hướng tốt lành để giúp tôi vượt qua chặng đường đó. Tôi biết rằng tôi không thể vừa lập gia đình vừa thi hành công việc truyền giáo mà hiện thời tôi đang làm. Giả như tôi lập gia đình, thì người vợ và con cái hẳn sẽ là những gì quan trọng nhất trong đời tôi. Nếu các con tôi có một trận đấu bóng chuyền hay trận đấu bóng thiếu niên, hẳn tôi sẽ phải ở đó, chứ không thể ở chỗ giảng truyền giáo hay một ngày tĩnh tâm được. Hôn phối có thể thích hợp với người khác. Nó không thích hợp với tôi. Tôi không tin rằng độc thân là sự cản trở chính yếu với ơn gọi hôm nay. Một cuộc thăm dò của Trung Tâm Nghiên Cứu Áp Dụng Trong Việc Tông Đồ⁷ (tại Georgetown University, Hoa-Thịnh-Đốn) báo cáo rằng ngăn trở số một chính là cha mẹ. Tôi cho rằng vấn đề số một là sự thiếu khích lệ ơn gọi linh mục. Chúng ta không nên bạ cái gì cũng đổ lỗi cho vấn đề độc thân.

Nếu chúng ta muốn tăng thêm ơn gọi, chúng ta cần phải nói cho thế giới biết chúng ta đang hạnh phúc như thế nào. Trong các buổi giảng phòng, tôi bảo các bạn trẻ: *“Tôi đã trên 50 tuổi. Thật là một đời sống*

Ngăn trở số một chính là cha mẹ. Tôi cho rằng vấn đề số một là sự thiếu khích lệ ơn gọi linh mục. Chúng ta không nên bạ cái gì cũng đổ lỗi cho vấn đề độc thân. Nếu chúng ta muốn tăng thêm ơn gọi, chúng ta cần phải nói cho thế giới biết chúng ta đang hạnh phúc như thế nào.

phong phú. Rõ ràng các bạn thích điều tôi làm, bằng không thì đã không đến đây tới nay. Tôi muốn các bạn nghĩ đến việc thay thế vào chỗ của tôi khi tôi già hơn chút nữa.” Đôi mắt họ sáng lên, và một số trong các em đã nhận lời mời gọi của tôi. Tôi cho các em biết rằng người ta cần các em biết chừng nào, và cũng cho biết rằng tôi đã nhận được nhiều sự nhận biết, công nhận và tiếp đón từ sau khi chịu chức còn

⁷ Center for Applied Research in the Apostolate.

hơn tôi có thể hình dung ra được. Và sự kính trọng đó ngày càng tăng lên, không giảm đi trong những năm gần đây. Dường như có một sự kính trọng xa lạ và khác biệt dành cho những người vừa mới được truyền chức thời đại này, vì người ta nhận ra rằng các linh mục đang đón lấy một công việc gay go trong một thời đại đầy khó khăn và nhức nhối. •

Linh mục

Charles A. Gallagher, S.J.

Elizabeth, tiểu bang New Jersey

Cha Chuck¹ “Xin đừng gọi tôi là Charles” Gallagher sinh ngày 18 tháng 8 năm 1927 tại Garisson, tiểu bang New York, và thụ phong linh mục năm 1960 với tư cách một thành viên Dòng Tên.

Cha Gallagher là một con người tuyệt diệu, được biết đến khắp thế giới với danh hiệu Cha Gặp Gỡ Hôn Nhân. Ngài thông thạo việc khai triển và cổ súy những chương trình mới, phần nhiều thoát thai từ Phong Trào Gặp Gỡ Hôn Nhân². Ngài là một cây viết phong phú, với 50 cuốn sách và nhiều cảm nang mang tên ngài. Phong Trào Gặp Gỡ bắt đầu ở Tây-Ban-Nha, nhưng cha Gallagher chính là người, hầu như một mình ngài (một sự kiện mà ngài vội chối ngay), đã biến nó thành một cuộc cách mạng trải khắp nước Mỹ và đến tận hơn 50 quốc gia. Ngài là nhân vật truyền kỳ giữa các cặp vợ chồng. Khi ngài giảng thuyết ở các hội nghị quốc gia, ngài được dành cho một phòng hội lớn nhất để chứa được hàng ngàn người, những người biết ngài một cách thân thiết và muốn được nghe ngài giảng lần nữa.

Cùng với mục vụ của ngài cho những cặp hôn nhân, sự yêu mến chức linh mục của cha Gallagher khá rõ rệt. Hiện ngài

¹ Chuck – tên gọi thân mật của Charles.

² Phong Trào Gặp Gỡ Hôn Nhân – *Marriage Encounter Movement*: Ba ngày tĩnh tâm cuối tuần dành cho các cặp vợ chồng; sinh hoạt tương tự như Phong Trào Thăng Tiến Hôn Nhân hoặc Gia Đình Na-gia-rét cho người Công Giáo Việt ở Hoa-Kỳ.

đang phụ trách Trung Tâm Canh Tân Đời Sống Hôn Nhân ở Elizabeth, tiểu bang New Jersey.

Suốt thời niên thiếu của tôi, xứ đạo là trung tâm đời sống xã hội của mọi người. Có các cuộc khiêu vũ, và sinh hoạt đủ loại của những Tổ Chức Giới Trẻ Công Giáo. Đức ông McMahon, cha sở của chúng tôi, là một linh mục ngoại hạng, một người thông thái, và đầy bản lĩnh. Ngài luôn đi trước thời đại của mình. Ngài mang các linh mục từ Anh Quốc về để giảng phòng Mùa Chay trong xứ, và có một ban kịch để diễn màn Thương Khó hàng năm, và cả những vở kịch khác mang chủ đề thiêng liêng, để cho việc giảng dạy trong xứ đạo không bị giới hạn vào tòa giảng. Ngài điều hành một trường học xuất sắc, và tôi đã theo học bốn năm ở đó. Một nhóm các nữ tu dạy chúng tôi học thật tuyệt làm sao!

Tất cả bọn trẻ chúng tôi trong trường của xứ đạo dự thánh lễ và rước Chúa mỗi ngày. Sơ Mary Antoine, cô giáo của tôi, là một phụ nữ khôn ngoan. Sơ nói với chúng tôi rằng điều tách biệt đàn ông khỏi bọn con trai là việc đi dự thánh lễ và rước lễ ngày thứ Bảy. Khá là thông thái đấy chứ, biết cách biến nó thành một chuyện của đảng nam nhi cho chúng tôi! Mẹ tôi dự thánh lễ mỗi ngày. Cha tôi làm việc ban đêm với nghề đốc công của những người phát thư cho tờ *Tin Tức Hằng Ngày*. Ông cũng rất thường hay dự lễ hằng ngày. Các linh mục được mời đến ăn bữa tối, và họ không bao giờ bị chỉ trích. Không phải vì cha mẹ tôi ngây ngô; chỉ là vì họ yêu mến các linh mục.

Tất cả mọi kinh nghiệm gia đình chúng tôi có đối với Giáo Hội đều là tích cực. Giáo Hội là trung tâm đời sống của chúng tôi. Khi tôi còn vị thành niên và đi khiêu vũ, nếu ai đó hỏi tôi từ đâu đến, tôi sẽ không nói từ "*Washington Heights*" nhưng từ "*xứ Đức Mẹ Lộ Đức*," và tôi cũng mong

đội cô gái kia nói cho tôi nghe những thông tin như vậy, cho tôi biết cô ấy từ xứ đạo nào đến.

Giáo xứ chúng tôi được biết đến là một xứ ơn gọi. Chúng tôi có nhiều thánh lễ Mở Tay mỗi tháng Sáu hơn là các đám cưới. Câu chuyện đối thoại các ngày Chúa Nhật luôn luôn nói về một trong các cậu con trai trong xứ đang ở chủng viện. Cậu bé thuộc về cả giáo xứ, và khi chàng trai được truyền chức, cả xứ đạo dự thánh lễ Mở Tay của người ấy. Tất cả những điều này là một kích thích rất lớn cho một người trai trẻ nghĩ đến việc làm linh mục. Những bài học về đức tin được dạy bởi người tín hữu cũng nhiều như bởi các linh mục vậy.

Khi tôi lên khoảng mười tuổi, lúc ấy tôi đang thả bộ trên đường, vừa đi vừa ném một trái banh vào tường nhà, tôi đi ngang một viên cảnh sát người Ái-Nhĩ-Lan đang quay quay chiếc

Câu chuyện đối thoại các ngày Chúa Nhật luôn luôn nói về một trong các cậu con trai trong xứ đang ở chủng viện. Cậu bé thuộc về cả giáo xứ, và khi chàng trai được truyền chức, cả xứ đạo dự thánh lễ Mở Tay của người ấy. Tất cả những điều này là một kích thích rất lớn cho một người trai trẻ nghĩ đến việc làm linh mục. Những bài học về đức tin được dạy bởi người tín hữu cũng nhiều như bởi các linh mục vậy.

dùi cui. Ông ta nhìn tôi và nói: *“Này, em trông giống một bé trai ngoan đấy. Em có bao giờ nghĩ đến chuyện làm linh mục không?”* Tôi không nói gì, nhưng từ lúc ấy trở đi, tôi không thể nào gạt bỏ ý tưởng đó khỏi tâm trí.

Vì muốn tôi học với các thầy giáo, cha mẹ tôi đã gửi tôi đến học tại All Hallows, một trường dành cho Các Sư Huynh³ của Ái-Nhĩ-Lan. Tôi đã có một thời kỳ hạnh phúc ở đó. Các thầy đều tuyệt vời. Rất nhiều người biết quan tâm, ai

³ Christian Brothers – xem ghi chú trang 27.

cũng muốn chúng tôi học giỏi. Rồi tôi đi Trung Học Regis, do các linh mục dòng Tên dạy, và bắt đầu nghĩ đến việc trở thành linh mục. Các thầy giáo ở Regis đối xử với tôi tử tế, và tôi cảm thấy gần gũi với các ngài, nhất là cha Tom Burke, một con người vừa thánh thiện lại vừa rất thực tế. Ngài thích thể thao, đồng thời ngài cũng là người của niềm tin và cầu nguyện. Ngài làm cố vấn cho học sinh, nhưng không bao giờ cưỡng bách kỷ luật. Chúng tôi thường hay tuyên bố rằng nếu ngài đi ngang qua một ngôi nhà mà chúng tôi vừa đốt cháy xong, ngài sẽ nói *“Lửa đẹp đấy, các bạn trẻ.”* Song nếu có đứa nào nghịch ngợm trong nhà thờ, ngài sẽ biến thành một thiên thần báo oán ngay.

Trong những năm Trung Học, nhờ dự lễ hằng ngày mà tôi tìm được các nàng để hẹn hò. Tôi biết mình không được nhìn ngang dọc trong nhà thờ, nhưng tôi đã gian lận. Tôi cho phép mình được cái ưu quyền nhìn ngắm một số vẻ đẹp của Thiên Chúa. Chúng tôi được dạy là phải đến viếng nhà thờ trước và sau một cuộc hẹn hò, bởi thế khi chúng tôi đón một bạn gái đi chơi, chúng tôi đến nhà thờ trước. Ngày nay nghe có vẻ hơi kỳ lạ đấy; lúc đó thì không đâu.

Khi tôi thưa với mẹ rằng tôi muốn làm một linh mục

Ông ý thức về những linh mục đã không theo đuổi ơn gọi cho đàn ông, song điều đó không làm cho ông ngừng yêu quý các linh mục. Và ông cũng không vướng vào cái vinh dự được dành cho một gia đình vì có một người làm linh mục. Ông lưu tâm hơn đến những gì Giáo Hội sẽ nhận được.

dòng Tên, bà đã phản ứng lại như tôi đã mừng tượng ra: bà khóc. Tôi biết chắc trong tâm trí bà đã hình dung tôi mặc áo lễ, ban phước lành bên phải, bên trái và hai bên nữa. Cha tôi

thì phản ứng khác, ông trở nên rất nghiêm nghị: *“Điều ấy thật là tuyệt vời. Ba hạnh diện về con.”* Nhưng rồi ông nhìn

tôi thấu tận tâm can và bảo: “*Nếu con định trở thành một linh mục, phải chắc chắn là con sẽ làm một linh mục tốt.*” Điều ấy là một mặc khải cho tôi. Ông ý thức về những linh mục đã không theo đuổi ơn gọi cho đảng hoàng, song điều đó không làm cho ông ngừng yêu quý các linh mục. Và ông cũng không vướng vào cái vinh dự được dành cho một gia đình vì có một người làm linh mục. Ông lưu tâm hơn đến những gì mà Giáo Hội sẽ nhận được.

Chương trình dòng Tên huấn luyện linh mục mất 13 năm, gồm cả thời gian dạy học như một kinh sĩ. Bài sai của tôi là dạy ở Trung Học Canisius tại Buffalo. Sau ba năm thần học, chúng tôi được lãnh chức Phụ Phó Tế ngày Thứ Năm, chức Phó Tế ngày Thứ Sáu, và chịu chức linh mục ngày Thứ Bảy. Khi tôi nằm sấp trên cung thánh, tôi đã cầu xin một ân huệ: chỉ xin cho tôi đừng là kẻ vô tích sự. Ngày hôm sau tôi dâng thánh lễ Mở Tay trọng thể tại nhà thờ thánh I-nha-xi-ô, nơi tôi đã dự lễ thường xuyên khi còn là học sinh Trung Học Regis. Một trong những niềm vui đặc biệt ngày hôm ấy là khi 20 học sinh –mà tôi đã dạy ở Canisius– cuộc bộ từ Buffalo đến dự thánh lễ đầu tay của tôi, kể cả một chàng trẻ vẫn còn diện nguyên bộ tuxedo mặc khi nhảy đầm với bạn cùng lớp! Tôi rất cảm động về điều ấy. Và tôi sẽ không khi nào quên được sự kỳ diệu của cái giây phút thánh hiến. Tôi gần như đã không muốn nói những lời đó, bởi cảm thấy mình không xứng đáng nói chúng ra, song biết rằng đây là điều mà Chúa và Dân Ngài đã mời gọi tôi cử hành.

Từ năm 1961 đến 1967, tôi được bài sai đến nhà tĩnh tâm cho các nam học sinh ở Monroe, tiểu bang New York. Ngôi nhà ấy đã khởi sự từ thời chiến tranh Triều Tiên để chuẩn bị bọn trẻ gia nhập quân đội, do một linh mục vĩ đại nhất mà tôi từng biết, là cha John Magan. Sau này, cha Walsh biến nó thành một trại hè cho các trẻ trai nghèo từ vùng Hạ phía

Đồng, với bốn buổi tĩnh tâm mỗi tuần. Những chuyến xe buýt đến để đón tụi trẻ về nhà, đồng thời cũng chở đến một nhóm mới. Những trẻ em thành thị cứng đầu này đến nơi ấy vừa nổi loạn vừa khó chịu. Thế mà trước khi chúng rời khỏi đó, chúng khóc trước tượng chịu nạn.

Năm 1968, một thay đổi lớn xảy đến trong đời tôi. Lúc ấy tôi đang làm việc với Phong Trào Gia Đình Ki-tô Hữu, có tổ chức một đại hội quốc gia mỗi hai năm một lần tại Notre Dame. Một người bạn yêu cầu tôi điều hành một khóa học về sự hình thành của lương tâm Công Giáo. Trong thời gian tôi ở đó, người bạn ấy đến nói với tôi rằng cô vừa tham dự một khóa học khác gọi là Gặp Gỡ Hôn Nhân. *“Phong trào ấy cần một linh mục. Họ sẽ tổ chức một khoá cuối tuần ở tiểu bang New Jersey, cha đi chứ?”* Tôi đã đến đó, và hết sức cảm kích bởi việc chương trình này đã đến với các cặp hôn nhân thế nào. Cuối tuần ấy là điều mà tôi cần làm cho các giáo dân của tôi, và thế là chúng tôi lập thành một nhóm, soạn một số bài nói chuyện, và lên lịch trình một cuối tuần Gặp Gỡ ngay tháng kế tiếp.

Chúng tôi tổ chức cuối tuần ấy ở giáo xứ thánh An-rê, nơi thực tập cũ của tôi. Chúng tôi chỉ có năm cặp vợ chồng tham dự, song họ là những con người kỳ diệu. Tôi vẫn còn nhớ cái anh chàng to con chơi bóng đá ở đại học. Vào ngày Chúa Nhật, anh ta ngồi trong phòng hội, đắm xuống bàn thành thịch, nước mắt ràn rụa trên má. Anh ta cứ nói mãi: *“Tôi đã làm nàng bị tổn thương; tôi đã làm tổn thương nàng, dù tôi đã hứa yêu thương nàng.”* Nếu như không làm được cái gì khác, thì nguyên cái kinh nghiệm đó thôi cũng đã bán đứt tôi cho Phong Trào Gặp Gỡ Hôn Nhân rồi.

Sau cuối tuần đầu tiên đó, vào tháng 11 năm 1968, chúng tôi đã tổ chức thêm những buổi khác. Cho đến tháng Ba năm 1970 chúng tôi đã tổ chức bốn cuối tuần mỗi tháng. Trong tháng Tư chúng tôi tổ chức đến sáu khóa, tất cả trong

khu vực Long Island. Rồi chúng tôi bay qua Sioux Falls và Buffalo để tổ chức các buổi cuối tuần tại đây. Tất cả đều là những cơ hội nhất thời. Chúng tôi không có kế hoạch gì cả, nhưng cứ tiếp tục phát triển. Vào khoảng thời gian này, chúng tôi quyết định là mình không có quyền gì để chỉ dành chương trình ấy cho người Công Giáo, vì thế chúng tôi bắt đầu dành 1 trong 4 chỗ cho những người thuộc các niềm tin khác. Lý do đơn giản để không đi quá “1 trong 4” là vì chúng tôi muốn nói về các bí tích và những đề tài Công Giáo nữa. Chúng tôi không thể thực hiện điều đó nếu đại đa số các cặp lại thuộc các niềm tin khác. Khoảng năm 1971, chúng tôi giúp cho Gặp Gỡ Hôn Nhân qua cách diễn tả của Do-thái giáo khởi sự. Chủ trương của chúng tôi là giúp bất cứ tôn giáo nào muốn tự họ tổ chức buổi cuối tuần. Chúng tôi huấn luyện cho các nhóm của họ và tặng họ tài chánh cùng các tiếp liệu cần thiết. Lúc ấy chưa có hội đồng cấp quốc gia, mới chỉ có hội đồng ở Long Island thôi. Việc huấn luyện Nhóm bắt đầu vào năm ấy, và chúng tôi đẩy mạnh trọng tâm hoàn toàn mới về sự khác biệt giữa điều cảm nghiệm và phán đoán, một khái niệm then chốt trong các buổi thuyết trình.

Đến cuối năm 1971, chúng tôi bắt đầu hệ thống hóa kế hoạch của mình. Chúng tôi tuyên bố *“Hãy chọn 10 thành phố có nhiều người Công Giáo nhất trong nước và nhắm tổ chức các buổi cuối tuần Gặp Gỡ Hôn Nhân ở đó trong vòng hai năm tới.”* Thật là lòng thay! Gặp Gỡ Hôn Nhân phát triển nhanh như cỏ mọc vậy.

Gặp Gỡ Hôn Nhân thực là một kinh nghiệm đối đời. Chúng tôi không thể thực sự hữu hiệu cho

Gặp Gỡ Hôn Nhân thực là một kinh nghiệm đối đời. Chúng tôi không thể thực sự hữu hiệu cho người ta nếu không có thứ kinh nghiệm đối đời ấy. Nguyên những món trí thức thôi không làm được như vậy.

người ta nếu không có thứ kinh nghiệm đời đời ấy. Nguyên những món trí thức thôi không làm được chuyện đó. Song cũng lạ, cuối tuần Gặp Gỡ đã không là một kinh nghiệm đời đời cho bản thân tôi, không phải trong cái ý nghĩa của điều đã xảy đến cho thánh Phao-lô trên đường đi Đa-mas. Song dần dà, trải qua một thời gian, nó đã thay đổi cả chức linh mục của tôi vậy.

Một hiện tượng đáng kể trong đời sống Ki-tô hữu là mối liên hệ giữa tính cách bí tích của hôn nhân và sự độc thân của linh mục. Xuyên qua cái phổ quang của các giáo hội Ki-tô có hai cách biểu lộ tình yêu phái tính đan kết với nhau. Chỉ những giáo hội thực hành và tôn trọng đời sống độc thân (Chính Thống, Anh Giáo và Công Giáo) mới gìn giữ quan hệ hôn nhân như một trong những dấu hiệu đặc biệt về sự hiện diện của Chúa Ki-tô giữa họ.

Không phải ngẫu nhiên mà tính cách bí tích của Hôn Phối lại là độc đáo trong những giáo hội chọn đời sống độc thân linh mục. Có một ý nghĩa cánh chung trong cả hai. Cả hai mời gọi sự chết đi của chính bản thân mình. Cả hai sống một cuộc đời vượt qua sự gần gũi. Cả hai phản chiếu vinh quang của nhau.

Các giáo hội chọn đời sống độc thân linh mục còn đi xa hơn để nhận ra mối quan hệ giữa một Ki-tô hữu nam và nữ là thánh thiện và đẹp lòng Thiên Chúa. Những giáo

hội này tuyên bố rằng tình yêu của các tín hữu còn hơn là hôn nhân. Tình yêu hôn nhân của tín hữu không được coi là quan hệ riêng tư chỉ để được nâng đỡ và khích lệ bởi cộng đoàn giáo hội. Hôn nhân là điều thiết yếu để hiểu được sứ điệp của Chúa Giê-su cho cả cộng đoàn tín hữu, dù lập gia đình hay không lập gia đình. Bí tích này vén mở cho thấy bản chất thâm sâu của Giáo Hội là được chọn và được yêu thương bởi Chúa Giê-su.

Không phải ngẫu nhiên mà tính cách bí tích của Hôn Phối lại là độc đáo trong những giáo hội chọn đời sống độc thân linh mục. Có một ý nghĩa cánh chung trong cả hai. Cả hai mời gọi sự chết đi của chính bản thân mình. Cả hai sống một cuộc đời vượt trên sự gần gũi. Cả hai phản chiếu vinh quang của nhau. Sự bền lâu tuyệt đối của hôn phối là một mẫu nhiệm vĩ đại, một điều nan giải trong một thế giới không có đời sống độc thân.

Khoảng năm 1973 tôi rời vai trò lãnh đạo trong Phong Trào Gặp Gỡ Hôn Nhân và bắt đầu lo cho Trung Tâm Mục Vụ và Canh Tân Hôn Phối⁴. Mục tiêu của tôi là khai triển những chương trình liên hệ tới các mối tương quan có thể được sử dụng bởi Giáo Hội khắp nơi. Chúng tôi khởi sự bằng một chương trình chuẩn bị hôn phối dài 14 buổi học cho các học sinh Trung Học đệ nhất và đệ nhị cấp. Nó được gọi là *“Hôn Phối: Chúa Giê-su Mời Gọi Chúng Ta Yêu Thương.”* Hàng ngàn học sinh đã tham dự chương trình này, hầu hết qua sự khích lệ của các cặp vợ chồng đã tham dự khóa Gặp Gỡ cuối tuần. Kế đến chúng tôi khai triển Những Buổi Chiều Cho Người Đính Hôn và Gặp Gỡ Đính Hôn⁵. Chương trình Những Buổi Chiều gồm có sáu đêm thuyết trình bởi một cặp vợ chồng nói chuyện với 5 hay 6 cặp đính hôn. Nó được tổ chức tại các tư gia. Chương trình đó nay vẫn đang hoạt động. Thế rồi chúng tôi khai triển một chương trình dành cho các người trưởng thành độc thân gọi là Barnabas. Theo sau là các chương trình Canh Tân Xứ Đạo⁶, Cuối Tuần Chữa Lành Xứ Đạo⁷, Cuối Tuần Gia Đình Trong Xứ Đạo⁸, Cử Hành Yêu Thương⁹, và Các Buổi Chiều của

⁴ Pastoral and Matrimonial Renewal Center.

⁵ Evenings for the Engaged and Engaged Encounter.

⁶ Parish Renewal.

⁷ Parish Healing Weekend.

⁸ Parish Family Weekend.

Xứ Đạo Cử Hành Yêu Thương¹⁰ (với một loạt 19 cuốn sách *Cử Hành Yêu Thương*). Cả thảy 50 chương trình và sách vở tài liệu. Canh Tân Xứ Đạo thật là một kinh nghiệm tuyệt vời. Khi làm việc với Gặp Gỡ Hôn Nhân, tôi đã dùng tất cả những gì tôi biết về Giáo Hội và ứng dụng vào Hôn Phối. Khi tôi làm việc với Phong Trào Canh Tân Xứ Đạo, tôi dùng tất cả những gì biết được về hôn phối để ứng dụng vào Giáo Hội. Nó khiến người ta thấy yêu mến Giáo Hội. Tôi đã huấn luyện sáu ngàn linh mục để điều hành các khóa cuối tuần. Vào cuối một khoá họ, có một linh mục lớn tuổi đến gặp tôi với nước mắt lưng tròng và nói: *“Tôi cảm thấy như đã được cha truyền chức linh mục cho tôi. Trước đây tôi đã gần bỏ cuộc rồi.”*

Ngày nay có khá nhiều những bài nói chuyện về sự cam kết tạm thời. Không có chuyện tạm thời. Không có chuyện đó. Cam kết lâu dài là loại cam kết duy nhất có thể có được. Tôi nghĩ rằng đây là một điều hay khi người ta đoan hứa làm việc với những điều giống như Đoàn Tình nguyện Dòng Tên¹¹ trong một năm, nhưng tôi sẽ không gọi đó là một cam kết. Đối với tôi, sự cam kết thì giống như Hôn Phối vậy. Một người đàn ông không tự cam kết với một người đàn bà trong vòng ba tháng tới hay hai năm tới. Một cam kết hôn phối phải là trọn vẹn và vĩnh viễn. Tôi đã cam kết trọn đời với sứ vụ linh mục; đối với tôi thực không có con đường nào khác. Tôi không nghĩ rằng bởi ngẫu nhiên mà tôi có được cha mẹ Thiên Chúa ban cho, mà cha sở của chúng tôi lại là đức ông McMahon, mà cha linh hướng của tôi lại là cha Burke. Không phải ngẫu nhiên mà giáo dân xứ Đức Mẹ Lộ Đức lại

⁹ Celebrate Love.

¹⁰ Celebrate Love Parish Evenings.

¹¹ Jesuit Volunteer Corps.

sung sướng đến run lên với những người được truyền chức linh mục.

Tôi nghĩ rằng vai trò của linh mục ngày nay phải là một người cha. Một số linh mục chúng ta làm mục vụ, một số làm giáo sư, một số làm việc hành chánh, một số viết lách, số khác chuyên giảng thuyết. Ôn gọi của chúng ta, nghề nghiệp của chúng ta là làm một người cha. Nói thế tôi không có ý nhằm đến chủ nghĩa gia trưởng. Và tôi không nói về chuyện phải làm đầu. Điều trước hết một người cha làm là ban cho sự sống. Thứ đến, người cha cho con cái khả năng để làm việc. Người mẹ thì gọi con cái làm thành viên của gia

Vai trò chính yếu của linh mục là khám phá ra các khả năng của giáo dân mình, là mời gọi họ dần thân, và tạo cho họ cơ hội thực thi các tài năng của mình. Bởi thế, bài trắc nghiệm thực tế của một linh mục không phải là “Tôi có đang sống đúng khả năng của mình không?” mà là “Giáo dân của tôi có sống đúng với khả năng của họ không?”

đình. Người cha thì gọi con trẻ hoàn thành công việc. Đương nhiên người mẹ cũng khích lệ con mình làm việc tốt, song việc tui trẻ gần gũi với gia đình quan trọng đối với bà hơn. Đối với người cha, gần gũi chưa phải là

tốt đủ nếu tui trẻ không sản xuất. Tương tự như vậy, vai trò chính yếu của linh mục là khám phá ra các khả năng của giáo dân mình, là mời gọi họ dần thân, và tạo cho họ cơ hội thực thi các tài năng của mình. Bởi thế, bài trắc nghiệm thực tế của một linh mục không phải là “*Tôi có đang sống đúng khả năng của mình không?*” mà là “*Giáo dân của tôi có sống đúng với khả năng của họ không?*”

Chưa bao giờ có lúc nào tôi muốn làm một điều gì khác ngoài việc làm linh mục. Thật là một cuộc sống tuyệt diệu, nhưng cũng có nan đề như trong mọi cuộc đời khác. Một

trong những niềm vui và là một điều ngạc nhiên trong đời linh mục là khi thấy sự trung thành của giáo dân đối với linh mục. Với tất cả những thay đổi trong Giáo Hội và tất cả những điều ảo tưởng tan vỡ bởi có những linh mục đã phá giới, người giáo dân chưa bao giờ làm chúng ta thất vọng. Họ đến cùng chúng ta với lời của chính Phê-rô: *“Lạy Thầy, con sẽ theo ai?”* Sự trung thành có đó bởi vì Thánh Thể, và bởi vì chúng ta đại diện cho Thánh Thể. Người đàn ông tôi đã nhắc đến là người hối hận vì đã xử tệ với vợ mình, một lần kia nói với tôi:

“Cha có một lợi điểm mà tôi không có. Tôi nghĩ rằng tôi yêu mến Giáo Hội cũng như cha yêu, và tôi có tài năng cũng như cha có. Song từ cái lúc cha thức dậy buổi sáng, đến khi cha lên giường ngủ, cha làm công việc phát triển Nước Thiên Chúa. Tôi không thể làm vậy. Vì tôi phải đi làm nuôi gia đình.”

Đặc quyền mà Giáo Hội đã ban cho tôi là tôi có thể làm việc trọn thời gian.

Một trong những điều tiêu cực trong sứ vụ linh mục là sự mất đi rất nhiều bạn linh mục của tôi. Cái hàng dài áo chùng thâm không còn nữa. Ba mươi người đã thụ phong linh mục cùng với tôi. Năm nay sẽ chỉ có hai người được truyền chức tại chủng viện của chúng tôi.

Và bạn biết tôi yêu mến bọn trẻ thế nào. Điều kinh sợ là vì những chuyện nhục nhĩ mà một số linh mục vấp phải, ngày nay tôi không dám ôm hôn một em bé nào nữa. Những linh mục ấy chẳng những gây tổn thương đến Giáo Hội; họ cũng làm tổn thương đến tôi nữa.

Một ý tưởng mà tôi mong muốn được thấy thực hiện là thế này: trong mỗi xứ đạo, chúng ta nên lập ra một hội đồng giáo dân đặt căn bản trên sự thánh thiện của họ, và sự tận tụy

của họ với Giáo Hội. Một trong những vai trò của họ sẽ là phân biệt xem ai nên được mời làm linh mục cho xứ đạo đó. Hãy để những người giáo dân chọn lựa nhóm người này. Hội đồng này sẽ gặp gỡ thường xuyên trong cầu nguyện và quyết định xem họ nên xin ai. Rồi họ sẽ đến gặp em bé trai đó và nói *“Nhân danh Đức Mẹ Lộ Đức (hay danh xưng nào đó của xứ đạo), chúng tôi mời gọi em làm linh mục cho chúng tôi.”*

Nếu em bé nói *“Cháu không có ơn gọi,”* thì hội đồng sẽ bảo: *“Có, em có đấy chứ. Chúng tôi vừa nói với em là em có ơn gọi mà. Em có tự do để trả lời chấp nhận hoặc từ chối, nhưng đừng nói là em không có ơn gọi.”* Nhóm người này sẽ không khôn ngoan nếu cứ đi vòng vòng hỏi bất kỳ em bé nào họ gặp để làm linh mục; điều ấy sẽ trở thành vô nghĩa. Nếu tôi là giám mục, tôi sẽ đến một xứ đạo chưa hề sản xuất ra một linh mục nào và bảo họ: *“Hãy trao cho tôi một chủng sinh trong vòng năm năm tới, nếu không tôi sẽ đóng cửa xứ đạo này. Nếu quý vị không sản xuất ra linh mục, quý vị không hoàn thành điều luật truyền của Giáo Hội là hỗ trợ cha xứ của mình.”*

Tôi cũng muốn nói với các bạn thanh niên rằng bây giờ là thời điểm tuyệt vời để làm linh mục. Với tất cả những điều điểm nhục, giáo dân vẫn yêu mến chúng ta và trung tín với chúng ta, dù rằng chúng ta đã không luôn luôn trung tín với họ. Có một điều làm tôi ngạc nhiên: Tôi chỉ là một người Ái-Nhĩ-Lan ăn thịt và khoai tây, chẳng có gì phi thường, song vì tôi là một linh mục, tôi được cất nhắc lên cao hơn mọi thứ mà tôi đã có thể tự mình làm được. Thật là đáng

Tôi được phép trở thành có ý nghĩa trong cuộc đời của biết bao nhiêu người chỉ vì tôi là một linh mục.

nê khi biết được một sự kiện là tôi được phép trở thành có ý nghĩa trong cuộc đời của biết bao nhiêu người, chỉ vì tôi là một linh mục. ●

linh mục

Gerard S. Sloyan

Hyattsville, tiểu bang Maryland

Cha Gerry¹ Sloyan là một Giáo Sư Danh Dự về Tôn Giáo Học tại Đại Học Temple, và là Diễn Giả Lỗi Lạc trong khoa nghiên cứu Tôn Giáo tại trường Đại Học Công Giáo America. Ngài là một người độc đáo trong các giáo sĩ mà câu chuyện được kể đến ở đây. Trong khi những ngày đầu đời linh mục của ngài gồm công việc ở xứ đạo, và trong khi các tài năng của ngài thực sự xứng hợp với việc quản trị, thì quá trình đào tạo của ngài đã chuẩn bị ngài cho một cuộc sống khác. Ngài là một học giả thông thái, suốt đời tận tụy với việc giáo dục. Suốt cuộc đời ngài đã luôn đắm thân trong việc dạy học, nghiên cứu, học hỏi về tôn giáo, viết lách, và đại kết. Hơn thế nữa, ngài thích thú trong việc san sẻ mục vụ cộng đồng qua việc tham dự vào phụng vụ thánh.

Cha Sloyan sinh ra trong khu Fordham của thành phố Bronx năm 1919, và thụ phong linh mục cho địa phận Trenton năm 1944. Hai trong bốn chị em của ngài đã vào dòng tu.

Các linh mục của xứ đạo tôi thời thơ ấu là những con người vĩ đại, bắt đầu từ cha sở là người rất chú trọng đến sức sống của trường học giáo xứ. Cha John B. McCloskey xuất thân từ một khu phố ở miền Nam tiểu bang New Jersey, nơi mà thiên kiến chống Công Giáo cũng sâu

¹ Gerry – tên gọi thân mật của Gerard.

đậm như ở đồng quê miền nam. Nó đã biến ngài thành nhà hộ giáo cho đức tin qua ngành giáo dục. Không những ngài chăm lo để lớp 12 được cung cấp các Sơ dòng Thương Xót² giỏi nhất và thông thái nhất mà ngài đã khéo léo xin được từ

Sự thấy được và đến với được của các linh mục cũng như đời sống của họ là điều quan trọng để phô diễn sứ vụ linh mục như một ơn gọi hấp dẫn.

Mẹ Bề Trên, song ngài cũng báo cáo trên tòa giảng về mỗi một chiến thắng nào của trường Công Giáo mà ngài biết, dù là hội chợ khoa học ở

tiểu bang Kansas, hay cuộc thi đánh vần ở tiểu bang Ohio. Sự thấy được và đến với được của các linh mục cũng như đời sống của họ là điều quan trọng để phô diễn sứ vụ linh mục như một ơn gọi hấp dẫn. Tôi coi các linh mục như đời sống của người sống, và như một phần của văn hóa.

Các linh mục phó được sai đến xứ đạo tôi thuộc loại thích thể thao. Nhìn tổng thể, các linh mục là một nhóm đàn ông hấp dẫn. Tôi đã quyết định mình muốn là một người trong số họ rất sớm. Thật ra, tôi không thể nhớ được có lúc nào mà tôi lại không muốn. Khi niềm ước ao trở thành linh mục lớn dần, nỗi lo sợ duy nhất của tôi là mình không giỏi về thể thao. Tôi chơi hết các môn, nhưng tệ lắm. Môn thể thao duy nhất mà tôi khá là bơi lội và lặn, một môn thể thao không có thi đấu ở trình độ của tôi. Hầu hết các năng lực lúc trẻ của tôi dồn vào sinh hoạt Hướng Đạo. Tôi đã nghĩ rằng nếu có ngày trở thành linh mục, tôi sẽ có thể sử dụng những khả năng hướng đạo vào sứ vụ linh mục.

Tôi nhận được một học bổng ở Đại Học Seton Hall, do các linh mục Tổng Giáo Phận Newark hướng dẫn. Hai năm

² *Sisters of Mercy* – tên trọn vẹn *Religious Sisters of Mercy*, viết tắt R.S.M., do Mẹ Bề Trên Catherine McAuley sáng lập năm 1831 tại Dublin, Ái-Nhĩ-Lan, chuyên phục vụ người nghèo qua các cơ quan bác ái khắp thế giới.

kế tiếp đã mở mắt tôi. Tôi được biết một người có thể vừa là một linh mục thuộc giáo phận, và cùng lúc là một người chuyên lo sách vở và học hành. Cho đến thời điểm đó, các mẫu người linh mục của tôi có đủ mọi nhân đức, song họ đã không giảng thuyết hay dạy học giỏi. Từ lúc bước vào đại học, ước muốn trở thành linh mục của tôi trùng hợp với thích thú của tôi trong đời sống trí thức.

Hoa-Kỳ đang trong thời Đệ Nhị Thế Chiến, lúc tôi sắp chịu chức Năm. Tôi bắt đầu cảm thấy không chắc chắn về ơn gọi của mình. Tôi nghĩ rằng đức tin của tôi không mạnh đủ để phục vụ như một người lãnh đạo tinh thần cho người ta, hoặc không thể giảng đạo cho bất kỳ ai trừ mình tôi. Tôi đã đến gặp cha linh hướng chủng viện, một người được mọi người kính trọng. Khi tôi nói lên nỗi lo sợ của mình và thưa với ngài rằng tôi đang nghĩ đến việc nhập ngũ, thì ngài liền xua đi. Ngài bảo: *“Này Gerry, con sẽ làm một người linh tôi, song sẽ là một linh mục tốt. Quên điều đó đi.”* Tôi đã quên đi thật. Năm cuối trong trường thần học tại Đại Học Công Giáo ở Hoa-Thịnh-Đốn khiến tôi quên hết mọi ý tưởng đó. Các sinh viên ở đây là một nhóm người thật lý thú. Tôi đã mất hết sự nhút nhát và hiên ngang tiến tới.

Ở chủng viện mà chúng tôi theo học, việc đào tạo khá nặng về mục vụ. Chúng tôi không bao giờ được phép quên rằng còn nhiều việc phải làm trong

Đọc sách là một cách dùng thời giờ rảnh tốt nhất. Nó vừa mở rộng chân trời tâm trí tôi, vừa có lợi lớn lao cho những người nghe tôi giảng.

các xứ đạo thuộc tiểu bang New Jersey hay bất cứ giáo phận nào, nơi mà các sinh viên từ đó đến. Các linh mục giáo sư, hầu hết như mọi người đàn ông, đều ra giúp các xứ đạo vào những ngày cuối tuần. Cha linh hướng, cũng là một giảng sư, thường hay bảo: *“Này các cậu, đây sẽ là một cuộc sống đơn độc; mấy cậu cần phải biết giải trí một cách khôn ngoan.”*

Hãy giữ liên lạc với các bạn linh mục của mình. Lấy ngày nghỉ và đi nghỉ hè với một số bạn linh mục.”

Đương nhiên chúng tôi biết là ngài đang nói về đời sống độc thân, song tôi đã học biết là còn có gì hơn thế, hơn là chỉ đơn thuần không có người vợ và gia đình. Ít lâu sau trong đời linh mục, rõ ràng là tôi cần những phương thế để đối phó với nhiều tiếng đồng hồ thật dài một mình. Đọc sách là một cách dùng thời giờ rảnh tốt nhất. Nó vừa mở rộng chân trời tâm trí tôi, vừa có lợi lớn lao cho những người nghe tôi giảng. Thêm vào đó, bất cứ hoạt động nào ngoài trời đều là liều thuốc tốt chống lại một cuộc sống dễ trở thành nhàn rỗi.

Giám mục của tôi nhận được một thỉnh cầu từ vị giám đốc trường Đại Học Công Giáo America xin tôi phục vụ trong khoa tôn giáo dạy các sinh viên sắp ra trường và cũng cấp bằng tốt nghiệp.

Về đời sống xứ đạo, tôi đã ngồi tòa giải tội và chủ tọa tiệc thánh thể trong các nhà thờ giáo xứ vào các Chúa Nhật suốt cả đời mình. Dầu vậy, tôi đã ít khi tham gia việc chăm sóc cho người bệnh và người hấp hối. Tôi nghèo đi nhiều vì không có cơ hội phục vụ ấy.

Đức giám mục đã chấp thuận thỉnh cầu đó, và 47 năm sau tôi vẫn còn dùng phấn viết lên chiếc bảng đen. Tôi đã trải qua 17 năm ở trường Đại Học Công Giáo. Bốn năm trong những năm ấy thì Công Đồng Vatican II đang

nhóm họp. Trong thời gian họp Công Đồng và những năm liền ngay sau đó, tôi bận rộn trong việc du thuyết khắp cả nước để giải thích những tài liệu nào của Công Đồng đang được dạy. Đây là một công việc lý thú, song điều còn quan trọng hơn nhiều chính là việc tôi dạy hằng trăm sinh viên đại học, các thầy giáo, các sơ và người giáo dân, tuyên úy quân đội, và các linh mục đến từ nhiều giáo phận và dòng tu. Dạy học là một công việc mục vụ không có cái ồn ào huyên náo

như ở xứ đạo. Riêng về đời sống xứ đạo, tôi đã ngồi tòa giải tội và chủ tọa tiệc thánh thể trong các nhà thờ giáo xứ vào các Chúa Nhật suốt cả đời mình. Dầu vậy, tôi đã ít khi tham gia việc chăm sóc cho người bệnh và người hấp hối. Tôi nghèo đi nhiều vì không có cơ hội phục vụ ấy.

Sau những ngày dạy học ở Hoa-Thịnh-Đôn, tôi đã trải qua 25 năm kế tiếp trong phân khoa tôn giáo tại Đại Học Temple. Đại Học Temple là một học viện thuộc tiểu bang của Khối Thịnh Vượng Chung Pennsylvania, nơi tôi thường được các sinh viên biết đến với danh hiệu Tiến Sĩ Sloyan. Thỉnh thoảng, vào khoảng giữa hay cuối lục cá nguyệt, một sinh viên sắp ra trường lại gần bàn giấy sau giờ lớp với một cái nhìn xa lạ trên gương mặt và nói: *“Tôi đã nói chuyện với một linh mục trong giáo xứ hôm trước đây...”* Tôi hẳn sẽ biết ngay tức khắc rằng sinh viên ấy đã nhắc đến tên tôi, và một linh mục địa phương Philadelphia đã tiết lộ hành tung của tôi mất rồi.

Những năm ở Temple đã đưa tôi đến liên hệ gần gũi với các sinh viên sắp ra trường theo đạo Do-Thái và Hồi Giáo, và các thành viên của hệ phái Mennonite³ cũng như Brethen⁴ trong số các tín đồ Tin Lành. Một số nam nữ sinh viên thuộc Reconstructionist Rabbinical College tọa lạc gần đó cũng lấy hai bằng cấp cùng một lúc. Họ thuộc tầng lớp những sinh viên xuất sắc nhất mà tôi hướng dẫn trong các cuộc nghị luận. Các sinh viên Hồi Giáo hầu hết đến từ Pakistan, Nam Phi, Mã-Lai, Ấn-Độ, Nam Dương và Nigeria. Tất cả họ đều đã từng là giáo sư trong xứ sở của họ, và rất trí thức. Tôi cảm thấy có một ràng buộc đặc biệt với họ, không chỉ về những

³ *Mennonite* – một hệ phái Tin Lành bắt nguồn khoảng năm 1525 trong trào lưu Cải Cách, không chấp nhận việc rửa tội trẻ sơ sinh, chọn đường lối bất bạo động khi bị bách hại. Được đặt tên theo một trong các thủ lãnh là *Menno Simons*, một linh mục Công Giáo rời bỏ Giáo Hội năm 1536.

⁴ *Brethen* – *Hội Thánh Anh Em*, tên gọi chung của một số hệ phái Tin Lành.

điểm tương đồng của Ki-tô giáo với việc dạy kinh Koran⁵ (một điều làm họ ngạc nhiên), song cũng vì các thần học gia trung cổ và các kinh sĩ Công Giáo nói cùng một ngôn ngữ. Chúng tôi có chung toàn bộ truyền thống triết lý Aristote⁶. Về những điểm chung với các sinh viên Tin Lành, chúng tôi chỉ có Kinh Thánh và Thánh Au-gus-ti-nô được đọc dưới lăng kính của Lu-the-rô⁷ và Calvin⁸.

Kinh Thánh là bộ môn sở trường của tôi, đặc biệt phần Tân Ước. Các sinh viên Mỹ gốc Phi Châu thuộc những câu Kinh Thánh rất khá, các sinh viên Tin Lành Mỹ trắng và

Công Giáo thì không thuộc lắm. Các sinh viên Do-Thái thuộc Kinh Thánh như các thầy Rabbi dạy họ, được gọi là sách chú giải. Như các Cơ-Đốc nhân⁹ thường dạy Kinh Thánh theo sự soi sáng của những khai triển thần học rút ra từ đó thể nào, thì các thầy Do-Thái

Những cuộc đối thoại đại kết đó (ngày nay nhiều cuộc đối thoại vẫn còn tiếp tục) giữa những sự hiệp thông khác của Đông và Tây đang có tác động, đầu hơi chậm và thâm lặng để giảm bớt căng thẳng và tăng thêm sự hiểu biết lẫn nhau. Hy vọng chúng cũng sẽ giảm thiểu cái gương mù của một Ki-tô giáo bị chia rẽ, một gương mù cho cả những người bên trong và bên ngoài niềm tin Ki-tô giáo.

⁵ Kinh *Koran* – còn viết là *Quran* hay *Qur'n*, kinh thánh của Hồi Giáo, được coi là do thiên sứ Gabriel mặc khải cho Muhammad, vị “tiên tri” sáng lập Hồi Giáo, trong suốt 23 năm từ năm 609 đến 632, năm ông qua đời.

⁶ *Aristotle* – triết gia và bác học Hy-Lạp, sinh năm 384 trước Công Nguyên, mất năm 322 trước Công Nguyên, là học trò của Plato, và thầy của A-lích-son Đại Đế.

⁷ *Martin Luther* – (1483-1546) linh mục Công Giáo người Đức, tách rời khỏi giáo hội Công Giáo Rô-ma năm 1521 vì muốn trở về nguồn Kinh Thánh, phản đối việc dùng tiền để mua ân xá thời giáo hoàng Leo X.

⁸ *John Calvin* – (1509-1564) mục sư Tin Lành người Pháp (*Jean Calvin*), gây ảnh hưởng lớn thời Cải Cách với nhiều chủ thuyết thần học Ki-tô giáo.

⁹ *Cơ-Đốc nhân* – tiếng phiên âm của chữ *Chrétien* tiếng Pháp theo cách gọi của người Tin Lành; người Công Giáo dịch là Ki-tô hữu.

cũng dạy kinh Torah¹⁰ qua những bài giảng soạn thảo kỹ lưỡng theo cách kể chuyện để minh họa cho câu văn thể ấy.

Ngoài khuôn viên Đại Học Temple, tôi bận rộn với một số những cuộc đối thoại song phương giữa các nhóm thần học gia và giáo sư Công Giáo và Tin Lành. Những cuộc đối thoại này được hỗ trợ bởi các Giám Mục Công Giáo Hoa Kỳ và vài giáo hội khác. Tôi khá may mắn được dự phần trong ba cuộc đối thoại liên tục với giáo hội Tin Lành Giám Lý¹¹ và một lần với một số giáo hội cải cách, chính yếu là Presbyterian¹², song cũng có giáo hội cải cách Hòa-Lan và Hung-Gia-Lợi. Đáng nhớ hơn cả, có lẽ bởi vì nó đã kéo dài đến 8 năm liền và đưa đến một số tình bạn thân thiết, chính là việc tôi được bổ nhiệm làm quan sát viên cho Ủy Ban Dòng Tu Giáo Hội của 9 Giáo Hội thành viên của Hội Tham Vấn về Hiệp Nhất Giáo Hội –hiện nay được đổi tên là Liên Kết Giáo Hội của Chúa Ki-tô¹³. Những cuộc đối thoại đại kết đó (ngày nay nhiều cuộc đối thoại vẫn còn tiếp tục) giữa những sự hiệp thông khác của Đông và Tây đang có tác động, dầu hơi chậm và thâm lặng để giảm bớt căng thẳng và tăng thêm sự hiểu biết lẫn nhau. Hy vọng chúng cũng sẽ giảm thiểu cái gương mù của một Ki-tô giáo bị chia rẽ, một gương mù cho cả những người bên trong và bên ngoài niềm tin Ki-tô giáo.

Trong tất cả những hoạt động này, chương trình giáo dục tôi học được ở chủng viện về triết lý, thần học, những hình thức thờ phượng theo nghi lễ Rô-ma tạo cho tôi một chỗ

¹⁰ *Ngũ Kinh* – tiếng người Do-Thái gọi năm cuốn sách đầu tiên của bộ Kinh Thánh Cựu Ước.

¹¹ *Methodist* – một hệ phái Tin Lành phát sinh từ Anh Giáo, có nhiều điểm thực hành phụng vụ gần giống với Công Giáo, nhất là khi cử hành Tiệc Thánh. Hội thánh Giám Lý bắt nguồn từ cuộc canh tân của *John Wesley*, vốn là một giáo sĩ Anh Giáo, trong thế kỷ 18. Giám Lý ủng hộ việc phong chức mục sư cho phụ nữ. Hàng giáo sĩ cao nhất là giám mục.

¹² Presbyterian – xin xem ghi chú trang 30.

¹³ Church of Christ Uniting.

đứng tốt. Trong khi nó có vẻ như hạn hẹp, song rất phong phú và đa dạng so với nền giáo dục của một vài thành phần khác trong đối thoại đại kết. Nhiều thần học gia Tin Lành có chút ganh tị về những chương trình đào tạo thiêng liêng của các chủng viện Công Giáo. Họ thường ca ngợi đời sống cầu nguyện của các linh mục Công Giáo là những người được mong đợi trở thành lãnh đạo trong việc cầu nguyện cho suốt đời còn lại của mình.

Việc các linh mục theo Công Giáo Rô-ma không lập gia đình đã là một sự kiện khá phổ biến nên không cần bàn thêm. Nó là một vấn đề gây tò mò không ngớt ở một mức độ nào đó, có người thì ân hận, người khác lại cổ vũ. Tuy nhiên, các tham dự viên trong các buổi thảo luận thần học biết rằng đời sống độc thân, không khác gì đời sống gia đình, đều có những điểm tích cực và tiêu cực. Việc trung tín với lời cam kết, dù là trong mục vụ Ki-tô giáo hay hoàn toàn tách biệt

với nó, đều là một điều kỳ diệu của ân sủng Thiên Chúa.

Được dự phần trong nghi lễ với tất cả ân sủng và vẻ đẹp mà Giáo Hội đã mặc cho, được làm người hướng dẫn mọi người cầu nguyện, thì còn hơn cả những gì tôi đã trông đợi lúc chuẩn bị đón nhận chức linh mục.

Tôi có mối liên hệ thường xuyên với người Do-Thái, là những người không thuộc Ki-tô giáo.

Việc này đã diễn ra chính

là qua việc phục vụ lâu dài trong Hội Đồng về Lò Sét Sinh¹⁴ đặt ở Philadelphia (sau này là Liên Tôn). Tôi là thành viên trong Hội Đồng về Lò Sét Sinh đó đã tiếp tục được 15 năm. Nó khiến tôi nhận ra cách thức mà những người Do-Thái bình thường nhìn vào Ki-tô hữu. Toan tính của một số Ki-tô hữu muốn loại trừ người Do-Thái hoàn toàn khỏi mọi lãnh thổ dưới quyền kiểm soát của Nazi chính là hệ quả của mối ác cảm lâu dài với Ki-tô hữu. Tôi cho là mình may mắn học

¹⁴ Council on the Holocaust.

được quan điểm phổ thông này của người Do-Thái trực tiếp qua những người sống sót của một số trại chết chóc và các con trưởng thành của những người sống sót đó. Sự kiện tôi là một linh mục của Giáo Hội Công Giáo vẫn luôn luôn là một phần của phụ đề trong bất kỳ mối liên hệ nào với người Do-Thái, dù là tốt hay xấu.

Điều định nghĩa rõ nhất về vai trò linh mục đối với tôi, và là điều tôi luôn luôn thích thú, chính là năng quyền được diễn một vai trò chủ động trong phụng vụ cộng đồng của Giáo Hội mỗi ngày. Chủ sự những bí tích thánh, có thể giải bày sự phong phú của Kinh Thánh trong bối cảnh đó, vẫn là niềm vui của tuổi thanh xuân nơi tôi, và còn tiếp tục trong tuổi trung niên. Được dự phần trong nghi lễ với tất cả ân sủng và vẻ đẹp mà Giáo Hội đã mặc cho, được làm người hướng dẫn mọi người cầu nguyện, thì còn hơn cả những gì tôi đã trông đợi lúc chuẩn bị đón nhận sứ vụ linh mục.

Giáo Hội của chúng ta bất toàn trong một thế giới bất toàn. Song có một niềm hạnh phúc lớn lao cho những ai sống cuộc đời mình trong thân thể Chúa Ki-tô. Chức linh mục là một vai trò công khai trong Giáo Hội. Vì lý do đó, bất cứ ai sống quá riêng lẻ theo cách nói thời nay đều không nên hướng đến việc làm linh mục và không nên chịu chức. Cũng chẳng nên làm linh mục nếu người nào đó không có khiếu cử hành phụng vụ. Để trở thành những linh mục hữu ích, chúng ta cần cái khả năng để làm bạn với nhiều hạng người và đây là sự hoàn hảo của tình yêu nhân loại.

Đời linh mục là một con đường tuyệt vời của cuộc sống Ki-tô hữu, và tôi đề nghị điều ấy cho bất kỳ ai nghĩ rằng mình có khuynh hướng và những đặc tính cần thiết. Anh ta có thể nói: *“Phải, nhưng tôi lại cứ hay dễ phải lòng. Thật vậy, ngay cả bây giờ tôi cũng đang yêu.”* Tôi cũng thế thôi,

đã từng yêu qua năm tháng. May mắn thay cho các bà, đã không hề có điều gì xảy ra cả. ●

II. ĐỪNG MANG THEO TÚI XÁCH

Các Linh Mục Trong Cộng Đoàn Dòng Tu

“Đừng mang theo túi tiền, bao bị, giày dép.”

– Lu-ca 10:4

Khi Đức Ki-tô sai 72 môn đệ đi rao giảng trong những cộng đoàn mà Ngài sẽ đến viếng sau, huấn lệnh của Ngài gồm những lời ghi trên. Ngày nay có hai loại linh mục tiếp tục công việc của những môn đệ đầu tiên. Các linh mục giáo phận¹ thì gắn liền với một vùng đất nào đó. Họ phục vụ dưới quyền một vị giám mục, hứa tuân phục ngài, và thề hứa sống độc thân. Họ được cấp cho một nơi ở, lương thực và một khoản lương khiêm tốn. Các linh mục khác không thuộc địa phận nhưng thuộc về một cộng đoàn tu sĩ hay dòng tu. Họ phục vụ dưới quyền một bề trên được gọi là giám tỉnh trong một khu vực tỉnh dòng rộng lớn hơn. Họ khăn trọn đời sống khó nghèo, khiết tịnh và vâng lời. Những tu sĩ này không có của cải riêng theo như lời khấn khó nghèo của họ, chỉ nhờ cộng đoàn của mình để có đủ nhu cầu tài chánh. Suốt trong cuốn sách này có một số tu sĩ, căn tính được nhận ra qua những chữ viết tắt sau tên của họ. Sau đây là câu chuyện của ba người kể về cộng đoàn của mình, tại sao họ phục vụ trong đó, và niềm vui liên hệ tới việc không mang theo túi xách. ●

¹ Linh mục thuộc địa phận cũng được gọi là linh mục *triều*.

Linh mục

Steve Doyle, O.F.M.¹

Boston, tiểu bang Massachusetts

Cha Steve Doyle sinh tại Philadelphia ngày 12 tháng 8 năm 1934. Ngài được truyền chức ngày 27 tháng 3 năm 1962 trong Dòng Anh Em Hèn Mọn (Phan-xi-cô). Trụ sở chính của ngài ở Đền Thánh An-tôn thuộc khu nội thành của Boston.

Cha Doyle là một con người phi thường. Ngài không chạy theo đám đông. Ngài là một người tự tin, kiên quyết và có mục đích, với nhiều tài năng. Ngài sử dụng mỗi tài năng hết sức khéo léo để mang ích lợi cho người khác. Ngài đã hướng dẫn trên 80 chuyến hành hương Đất Thánh, chia sẻ những suy tư nội tâm, và gợi hứng cho tất cả những ai cùng hành hương với ngài. Nếu có ai có thể làm cho lịch sử Israel và Ki-tô giáo trở thành sống động trên phần đất mà những niềm tin đó đã được khai sinh, thì người ấy chính là cha Steve Doyle. Không ai có được sự dẫn nhập về những Nơi Thánh hay hơn thế. Ngài biết các thứ ngôn ngữ. Ngài là một học giả Kinh Thánh với kiến thức trồn vẹn về câu chuyện Do-thái và Ki-tô hữu. Và vì các linh mục Phan-xi-cô giám quản hầu hết các ngôi đền trong Đất Thánh, ngài chỉ cần gọi một cú điện thoại là tìm được cánh cửa hiếu khách và các nguồn thông tin mở rộng cửa đón mời.

Mỗi một cộng đoàn tu sĩ có tinh thần riêng. Tinh thần của các linh mục dòng Phan-xi-cô đã đóng một vai trò đáng kể

¹ O.F.M. - Tiếng La-tinh *Ordo Fratrum Minorum*: Dòng Anh Em Hèn Mọn. Tiếng Anh viết là *Order of Friar Minor*. Do thánh Phan-xi-cô Assisi sáng lập năm 1209 tại Ý, cũng gọi là dòng Phan-xi-cô.

trong Giáo Hội hằng bao thế kỷ. Cái tinh thần vui vẻ, chăm sóc và đầy thương mến ấy có thể thấy được khá hiển nhiên qua những suy tư của cha Doyle.

Tôi xuất thân từ một gia đình không bình thường, và tôi ngờ rằng việc tôi vào chủng viện một phần là để trốn tránh nó. Thân phụ tôi là một người nghiện rượu – một người nghiện ngập tọc tần. Cách ông đối xử với mẹ tôi và các con đã khiến bọn trẻ chúng tôi bỏ nhà đi khi chúng tôi đủ tuổi. Ngoại trừ tôi, tất cả anh chị em đều lập gia đình hoặc gia nhập Hải Quân. Riêng tôi thì vào chủng viện.

Thực ra, còn có một cái gì đó đằng sau việc tôi muốn làm linh mục hơn là chỉ bỏ nhà đi thôi. Lý tưởng của một gia đình Ái-Nhĩ-Lan và sự hết sức kính trọng chức linh mục là hai đà nhảy cho cái chí thú trở thành linh mục của tôi. Lúc nào cũng có nhiều linh mục quanh quẩn nhà chúng tôi, và họ là gương mẫu cho tôi. Và các Nữ Tu dòng Thánh Giu-se đã dạy dỗ chúng tôi là những người phụ nữ cao cả tuyệt vời. Tuy nhiên, ngay cả với một bối cảnh như thế, tôi không nghĩ là mình có ơn gọi khi tôi vào chủng viện. Chính khi ở trong chủng viện tôi mới khám phá thấy ơn gọi của mình.

Tôi chưa từng gặp một linh mục dòng Phan-xi-cô nào, bởi thế tôi không thể nói được tại sao tôi nộp đơn với các ngài. Dầu sao, tôi đã được Tỉnh Dòng Thánh Danh của Dòng Anh Em Hèn Mọn đón nhận để học tiểu chủng viện, lúc ấy tôi mới chỉ 15 tuổi. Trong tiểu chủng viện tôi tìm được bạn bè, sự triển nở của đời sống thiêng liêng, và niềm hạnh phúc thực sự đầu tiên trong đời mình. Đến năm cuối cùng, tôi được cho biết là tôi sẽ không được phép vào Nhà Tập bởi vì gia đình bất bình thường của tôi. Tôi phản đối, và quyết định đã được đảo ngược lại.

Cha giám học hỏi chúng tôi sẽ làm gì sau khi được truyền chức. Mặc dù những năm ở chủng viện khá tuyệt vời, song những kinh nghiệm trong lớp học lại không tuyệt như vậy. Tôi nhận ra rằng nếu không ai làm gì cả về chương trình thần học khủng khiếp mà chúng tôi phải học về môn giảng thuyết, về đời sống thiêng liêng, và việc nghiên cứu Thánh Kinh, thì việc học của chúng tôi cứ tiếp tục ở mức độ đáng sợ đó. Và vì thế, tôi tình nguyện học thêm chương trình sau khi ra trường. Người ta yêu cầu tôi lấy bằng chuyên đề thần học tại Đại Học Công Giáo và rồi dạy môn hộ giáo ngay năm sau trong chính cái chủng viện mà tôi vừa rời bỏ.

Sau khi ra trường với văn bằng, và làm việc trong mùa hè tại nhà thờ Thánh Phan-xi-cô ở New York, tôi mong đến ngày trở lại Washington để dạy học. Bỗng dưng danh sách bài sai được gửi đi. Tôi được phái đến chủng viện giáo phận Buffalo để dạy Cựu Ước (là môn mà tôi chưa bao giờ học) cùng với Kinh Thánh tiếng Hy-bá, Kinh Thánh Hy-lạp, và rồi khi một linh mục đau yếu, tôi dạy luôn môn triết sử. Trước khi lục cá nguyệt bắt đầu, cha giám đốc nói ngài có trở ngại về khóa giảng thuyết; hai linh mục dòng Đa-minh đã từ chối không dạy môn ấy. Liệu tôi có dạy môn đó không? Từ đó cho đến khi tôi rời bỏ việc dạy học cách đây một, hai năm, tôi đã dạy cả Kinh Thánh lẫn giảng thuyết, một tập hợp hết sức tự nhiên.

Tôi đã luôn mong ước được học Kinh Thánh, song đã phải bỏ ý tưởng đó qua một bên vì việc huấn luyện thực là khó khăn. Tôi sẽ phải làm quen với đến chín ngôn ngữ lộn mới lấy được bằng cấp về Kinh Thánh: trước hết, những ngôn ngữ mà Kinh Thánh được viết bằng tiếng Hy-bá, Hy-lạp và A-ram; rồi hai ngôn ngữ mà Kinh Thánh được dịch sang trước tiên là Syria và La-tinh; rồi những ngôn ngữ hiện đại được dùng cho việc học hỏi Kinh Thánh đó là Đức, Pháp và Anh; và cuối cùng, khi tôi đặt chân đến Viện Kinh Thánh

ở Rô-ma, tôi phải học tiếng Ý nữa để có thể sống chung với người khác, và để xin các bạn học đưa bánh cho vào bữa ăn. Cha Roland Murphy, một linh mục dòng Carmelite ở Đại Học Công Giáo cho tôi một lời khuyên rất hay: *“Lo cho xong các đòi hỏi về ngôn ngữ khi còn ở Mỹ đi. Bằng không lúc đến Rô-ma lại phải học tiếng Hy-lạp từ văn phạm tiếng Pháp được dạy bằng tiếng La-tinh bởi một giáo sư người Ba-lan. Những người đi theo con đường đó gặp nhiều trở ngại lắm.”* Lời khuyên của ngài chí lý. Nhờ lời khuyên ấy, tôi đã học xong hết trong một năm, một thời gian kỷ lục. Thường phải mất đến ba năm lận.

Tôi lấy xong bằng Kinh Thánh ở Rô-ma, trong khi trú ngụ tại nhà dòng chúng tôi. Điều kiện ăn ở thì tuyệt đối là thuộc thời Trung Cổ rồi, nhưng có một bầu khí vui tươi nơi các sư huynh đệ và tôi đã trải qua một thời gian tuyệt vời. Suýt nữa thì tôi thi trượt. Số là khi tôi đang chuẩn bị kỳ thi vấn đáp thì cha giám tỉnh đến Rô-ma. Tôi đã mất một số thời giờ đáng kể cho ngài và còn lại rất ít thời gian để ôn bài thi. Một linh mục dòng Tên người Đức đã dạy chúng tôi một khóa trọn năm học về chương 17 của sách Sáng Thế Ký. Tôi

“Khi bạn làm mục vụ cho dân Chúa, không ai sẽ hỏi bạn lúc ở chủng viện bạn được điểm gì. Họ sẽ hỏi ‘bạn giảng có hay không?’ ‘Bạn làm mục vụ có tốt không?’ ‘Bạn có tử tế, nhã nhặn không?’”

chắc chắn rằng vị giám khảo sẽ không hỏi về chương đó, bởi vậy tôi đã không xem lại. Song ngài đã hỏi về Sáng Thế Ký chương 17 một câu thôi, mà tôi trả lời rất tệ.

Cuối cùng ngài nói: *“Này cha, tôi không nghĩ là có thể cho cha đậu được. Hãy ra ngoài cho trí óc tỉnh táo một chút, rồi vào thi lại.”* Tôi đã làm như vậy. Đến lúc thi xong lần thứ hai, ngài cho tôi điểm “suýt soát sáu” (Vix Six) nghĩa là chỉ vừa đủ để đậu. Tôi thường hay kể lại chuyện này với các chủng sinh của tôi và bảo họ: *“Khi bạn làm mục vụ cho dân Chúa, không ai sẽ hỏi bạn lúc ở chủng viện bạn được điểm*

gì. Họ sẽ hỏi ‘bạn giảng có hay không?’ ‘Bạn làm mục vụ có tốt không?’ ‘Bạn có tử tế, nhã nhặn không?’”

Khi tập viện được mở lại ở Brookline, tiểu bang Massachusetts, ban giảng huấn dùng phương thức làm việc chung và cần một thần học gia. Tôi nhận lời mời của họ. Quả là một giai đoạn lý thú khi huấn luyện các tu sĩ Phan-xi-cô trẻ. Đây là thời gian mà nhà dòng trở lại với tinh thần của đáng sáng lập, và đặc sủng của chúng tôi không phải là dòng giáo sĩ, song chính yếu là sư huynh đệ. Chúng tôi khám phá ra rằng chính cộng đoàn là một thuộc tính quan trọng nhất của chúng tôi và nó tràn lan vào các mục vụ. Chúng tôi phải là một Giáo Hội trong hình thức thu hẹp. Mục tiêu của chúng tôi là trở nên một cộng đoàn gồm những con người sống trong yêu thương, cầu nguyện chung, và cử hành tình yêu của Thiên Chúa với chúng tôi. Đây là điều mà chúng tôi cố gắng làm chứng nhân cho những người đến gia nhập dòng của mình.

Vào cũng khoảng thời gian đó tôi được mời làm giảng sư dạy Kinh Thánh và giảng Kinh Thánh tại Giáo Hoàng Học Viện Gio-an XXIII cho những ơn gọi muộn màng. Thật là một kinh nghiệm ngoại hạng được thấy những người đàn ông lớn tuổi hy sinh thật nhiều để đến phục vụ Giáo Hội. Họ sẵn lòng từ bỏ chức quyền, hưu bổng, nhà cửa và gia đình để bước theo Chúa Giêsu. Tôi đã dạy họ vẻ đẹp của Lời Chúa.

Sau 17 năm làm công tác đó, tôi quyết định đã đến lúc nên thay đổi, bởi thế tôi nhận lời làm phụ tá cho viện trưởng

Chúng tôi khám phá ra rằng chính cộng đoàn là một thuộc tính quan trọng nhất của chúng tôi và nó tràn lan vào các mục vụ. Chúng tôi phải là một Giáo Hội trong hình thức thu hẹp. Mục tiêu của chúng tôi là trở nên một cộng đoàn gồm những con người sống trong yêu thương, cầu nguyện chung, và cử hành tình yêu của Thiên Chúa với chúng tôi.

ở Tantar, là Viện Đại Kết ngay bên ngoài thành Giê-ru-sa-lem. Khi rời Tantar, tôi dành đôi ba tháng hướng dẫn một khóa học cho người lớn trong một giáo xứ nổi tiếng Anh ở Tokyo dành cho các người đến từ nhiều quốc gia. Trong mỗi một bài sai, dường như tôi đều đã học được một điều gì mới mẻ. Lúc ở Nhật, tôi tin rằng tôi đã lớn lên trong khả năng cởi mở đối với mọi người và bày tỏ cho họ thấy sự hiền từ và lòng thông cảm. Khi tôi được truyền chức năm 1962, tôi đã tưởng công việc của mình chỉ là ban phát các bí tích. Sau này tôi đã hiểu ra chính tôi phải là một bí tích. Người ta phải thấy được Chúa Ki-tô trong con người linh mục. Chúng ta

Khi tôi được truyền chức năm 1962, tôi đã tưởng công việc của mình chỉ là ban phát các bí tích. Sau này tôi đã hiểu ra chính tôi phải là một bí tích. Người ta phải thấy được Chúa Ki-tô trong con người linh mục. Chúng ta phải sống một đời sống thiêng liêng thân mật với Chúa Ki-tô như vậy. Trước hết, chúng ta phải là bí tích, rồi mới có thể ban phát chúng được.

phải sống một đời sống thiêng liêng thân mật với Chúa Ki-tô như vậy. Trước hết, chúng ta phải là bí tích, rồi mới có thể ban phát chúng được.

Tôi trở lại Đền Thánh An-tôn ở Boston, và từ đó tôi

đã cố gắng làm no thỏa sự đói khát của dân Thiên Chúa về Lời của Ngài bằng cách rao giảng và bằng việc hướng dẫn những buổi tĩnh tâm cũng như những khóa học hỏi về Lời Chúa.

Một cuốn sách khá mới, mang tên *Hình Ảnh Của Thiên Chúa – Tiểu Sử*², cho thấy hình ảnh về Thiên Chúa đã thay đổi trong Kinh Thánh qua các thời đại. Trong cùng một cách thức như vậy, hình ảnh của tôi về linh mục cũng đã đổi thay.

² *The Image of God, a Biography.*

Lúc đầu, khi tôi mới được truyền chức, thì giáo luật là luật chính yếu. Chúng ta phán đoán các hành động của mình xem hợp luật hay trái luật. Người bắt thi hành luật pháp phải là một người lính kỵ binh trong tình trạng thánh thiện, hoặc một thẩm phán. Các linh mục dòng Phan-xi-cô đã giúp tôi thay đổi hình ảnh đó. Họ nổi tiếng là những linh mục giải tội bởi sự hiền hậu, tử tế và thông cảm. Họ khiến tôi thấy được Thiên Chúa là như vậy, và cách tôi phải trở thành ra sao. Sức thu hút và cuộc đời thánh Phan-xi-cô đã nắn nên hình ảnh tôi có về chính mình. Khi tôi ngồi toà và thấy người ta có mặc cảm tội lỗi, tôi nói cho họ nghe điều tuyệt diệu nơi Thiên Chúa là Ngài có một trí nhớ rất đoảng. Ngay khi bạn xưng tội, Thiên Chúa liền quên ngay, và Ngài muốn bạn cũng quên nó đi.

Ngày nay sự cam kết không còn là một mặt hàng tối thượng nữa. Tôi đã cam kết khi tôi khấn trọn đời năm 1959. Tôi đã phải vật lộn với quyết định đó. Tôi tự hỏi mình liệu có làm được không? Câu trả lời đến với tôi cũng là câu trả lời đã đến với Giê-rê-mi-a và những người khác khi Thiên Chúa yêu cầu họ làm một điều gì không kham nổi. Họ trả lời họ không thể làm được. Và Thiên Chúa phán *“Tốt lắm. Giả như Ta nghĩ rằng con có thể làm được, thì hẳn Ta đã không yêu cầu con làm. Con có thể làm được chỉ vì Ta ở bên con.”*

Mỗi ngày tôi nhận ra tôi có thể giữ được lời cam kết chỉ vì Chúa ở với tôi. Một số trong chúng ta được kêu

Giáo Hội là một cộng đoàn tình yêu, nhưng Giáo Hội cũng thường bị quyến rũ bởi ngẫu tượng, và cần được tái Phúc Âm hóa dài dài.

gọi một cách tiên tri để tỏ cho thế giới biết sự cam kết vừa có thể thực hiện được, vừa có giá trị nữa. Khi tôi làm phép cưới cho người ta, tôi lo lắng không biết liệu có được lâu bền không. Tôi hy vọng là đối với một số họ, một trong những

điều sẽ giữ họ bên nhau là nhờ tấm gương về việc tôi giữ lời thề hứa của mình như thế nào.

Một số người nhìn vào sự giảm sút số người đến nhà thờ và việc người ta ngày càng tục hóa, và tự hỏi liệu có phải Giáo Hội đang thất bại? Không thất bại chút nào. Giáo Hội là một cộng đoàn tình yêu, nhưng Giáo Hội cũng thường bị quấy rối bởi ngẫu tượng, và cần được tái Phúc Âm hóa dài dài. Các ngôn sứ là những người nhắc nhở Giáo Hội đã được thiết lập với mục đích gì. Giáo Hội đương thời cần các ngôn sứ lắm.

Chắc chắn là Giáo Hội đã thất bại, và thất bại nhiều lần. Nhưng tôi cũng thế, bởi vậy tôi không thể phàn nàn gì hết. Tôi đã thất bại trong việc chỉ coi mình là trung tâm, cứ muốn cầm đầu thôi. Tôi đã thất bại vì biếng nhác và tự hãnh. Như Chúa Giê-su, tôi đã bị cám dỗ bằng nhiều cách. Một vài cám dỗ tôi đã vượt qua được, một ít cám dỗ khác thì không khá lắm. Song tôi luôn luôn có thể trở lại với cái sự kiện là: toàn bộ tiến trình làm một Kitô-hữu có nghĩa là để cho Chúa Giê-su làm Chúa của cuộc sống mình. Tôi thường cầu nguyện bằng lời của thánh Phao-lô, một kinh nguyện ngắn nhất và tuyệt hảo nhất trong Kinh Thánh: "*Giêsu là Chúa.*" Khi tôi có thể nói như vậy và thực tình có ý như vậy, tôi biết rằng có Chúa Thánh Linh ở với tôi.

Toàn bộ tiến trình làm một Kitô-hữu có nghĩa là để cho Chúa Giê-su làm Chúa của cuộc sống mình.

Khi Chúa Thánh Linh ở với chúng ta, hầu như chúng ta có thể làm bất kỳ chuyện gì. Chúng ta có thể vượt thắng những trở ngại. Có những lần tôi thực hiện được một số điều làm tôi kinh sợ bởi vì tôi biết rằng một mình tôi không tài nào làm được. Lần kia tôi cố vấn cho một phụ nữ mà suốt 25 năm qua đã sợ phải nói chuyện với một linh mục. Một năm sau bà ta viết

thư cho tôi nói rằng toàn bộ cuộc đời bà đã thay đổi hẳn. Tôi không tài nào tự làm điều ấy một mình được. Tôi có khuyen một lời trong tòa giải tội mà tôi đã nghĩ rằng không quan trọng lắm. Thế mà, thật là đầy ơn phước đến độ người ta trở lại sau đó và cho biết điều ấy có ý nghĩa với họ biết bao. Quyền năng mà Thiên Chúa hành động qua một linh mục thật kỳ diệu.

Để duy trì mối tương giao với Thiên Chúa, linh mục chúng tôi cần phải phát triển đời sống thiêng liêng của mình. Tôi không nghĩ rằng đó là vấn đề sinh hoạt qua những nghi thức phụng vụ. Đúng hơn, chính là trung thành với Chúa và đáp lại tiếng Chúa. Một cặp vợ chồng cần phải dành thời giờ cho nhau; linh mục cũng phải dành thời giờ cho Thiên Chúa. Thiên Chúa là sự cam kết của chúng tôi. Chúng tôi phải cẩn thận không để trở thành quá bận rộn đến nỗi quên sót một điều mà người ta thực sự mong muốn. Đó là họ muốn gặp được Thiên Chúa qua chúng tôi.

Có bao giờ tôi nghi ngờ về điều gì chưa? Có chứ, tôi đã lãnh một bài sai khó khăn khiến tôi đâm ra ngờ vực. Và tôi đoán là người độc thân nào cũng có lúc nào đó tiếc rằng mình không có một mái gia đình riêng.

Đôi lúc tôi có cảm tưởng mình là một người đàn ông kỳ dị. Cộng đoàn đã giải quyết vấn đề đó giúp tôi, đó là những sư huynh đệ và các linh mục đã nâng đỡ tôi bằng nhiều cách với sự tin tưởng, tình yêu thương và chăm sóc.

Đối với nhiều người, đời sống độc thân vẫn từng là một cơ vấp ngã. Song nó đã giúp tôi, và tôi tin là nó cũng giúp

Để duy trì mối tương giao với Thiên Chúa, linh mục chúng tôi cần phải phát triển đời sống thiêng liêng của mình... Một cặp vợ chồng cần phải dành thời giờ cho nhau; linh mục cũng phải dành thời giờ cho Thiên Chúa. Thiên Chúa là sự cam kết của chúng tôi.

những người mà tôi phục vụ. Nó đã giải thoát tôi để lúc nào tôi cũng sẵn sàng cho mọi người. Tôi đã dành một số lượng thời giờ khá nhiều để hành hương Đất Thánh, tham dự những hội nghị về Kinh Thánh và giảng thuyết. Thật khó mà làm những điều đó được nếu như tôi lập gia đình. Có thể việc loại bỏ đòi hỏi này sẽ giúp một số linh mục trong công tác của họ. Độc thân có lẽ đã từng là một truyền thống lâu đời của Giáo Hội La-tinh, nhưng không phải của Giáo Hội hoàn vũ. Tuy nhiên, tôi cũng coi đó như một điều tích cực. Sau này độc thân có thể sẽ chỉ là thực hành của những người sống trong cộng đoàn dòng tu. Những người trong đời sống tu trì có cả một cộng đoàn để nâng đỡ họ, một điều thường là vắng bóng trong mục vụ giáo phận.

Dầu sao vẫn còn một vấn đề nữa cần phải đối diện không chỉ bởi các linh mục, mà bởi bất kỳ ai đang sống, đó là quyền bính. Sự vắng phục giám mục là chuyện khó nuốt với nhiều người chúng tôi. Các giám mục là những người tốt, nhưng họ cũng cần được phúc âm hóa. Một linh mục trẻ gần đây nói với tôi rằng ngài tin là hoàn toàn sai khi phê bình Đức Thánh Cha. Không đâu! Phê phán quyền bính của giáo hoàng vẫn có trong chúng ta từ buổi đầu, và bạn có biết ai là người đầu tiên làm chuyện đó không? Chính là Đức Ki-tô đó. Ngài vừa mới đặt Phê-rô làm kẻ kế vị Ngài, làm Đá Tảng. Rồi khi Đức Ki-tô nói với các tông đồ rằng Ngài sẽ là Đấng Messia chịu đau khổ, thì Phê-rô, vị Giáo Hoàng tiên khởi, thưa rằng: *“Thầy sai rồi; việc gì Thầy phải làm như vậy.”* Và thế là sự bất mãn đầu tiên với quyền bính giáo hoàng xảy ra: *“Người, Phê-rô, người là Sa-tan.”* Bởi thế, đôi khi còn có bốn phận phải phê phán nữa. Nếu đó chỉ là việc chấp nhất, nói rằng những người có quyền bính không thể làm được điều gì đúng, thì tôi không chấp nhận. Nhưng nếu có lý do để phê phán, nghĩa là có tính cách ngôn sứ, thì phải làm thôi để có cái gì đó thắng bớt lại thứ quyền bính lệch lạc.

Dường như ai cũng có một giải pháp đối với sự giảm sút con số ơn gọi ngày nay, dù rằng không có giải pháp nào hữu hiệu cả. Tôi có nghe một số người nói rằng vấn đề ấy nảy sinh từ một thế giới tiêu cực, khinh xuất, ích kỷ và tục hóa. Có thể có một phần nào sự thật trong phán đoán đó, nhưng thật quá dễ để chỉ tay vào người khác. Có lẽ chúng ta nên có một cái nhìn kỹ lưỡng hơn về chính mình, xem chúng ta có là mẫu mực để khích lệ người khác theo mình chẳng. Một trong những điều khiến người ta xa lánh là cơn khủng hoảng căn tính nơi các linh mục về việc mình là ai. Khi chúng ta xin một bạn trẻ vào chủng viện, chúng ta đang nói với họ: *“Tôi muốn bạn trở nên giống tôi.”* Nhưng nếu chúng ta còn không biết mình là ai, thì họ sẽ bảo: *“Tại sao lại phải giống anh? Vậy chứ anh là ai đây?”* Và chúng ta sẽ trả lời: *“Tôi không chắc lắm, nhưng chúng tôi sắp có buổi họp Thứ Sáu này để tìm cho ra đấy.”*

Thực ra tôi không thấy hoang mang vì chuyện giảm sút ơn gọi. Theo lịch sử thì tình trạng từ năm 1920 đến 1960 vốn là điều may mắn. Chưa bao giờ trong lịch sử mà chúng ta lại có được một thời nở rộ các ơn gọi như thế. Chúng ta đã truyền chức linh mục để dạy toán cho trẻ em ở trung học. Một trong những lý do của việc giảm ơn gọi là sự kiện người giáo dân đang tìm ra vai trò của họ, còn linh mục thì lại đang gỡ bỏ những ràng buộc trong đời mình.

Có lẽ chúng ta nên có một cái nhìn kỹ lưỡng hơn về chính mình, xem chúng ta có là mẫu mực để khích lệ người khác theo mình chẳng. Một trong những điều khiến người ta xa lánh là cơn khủng hoảng căn tính nơi các linh mục về việc mình là ai.

Vào thời buổi này chúng ta đang ở trong tình trạng lúng túng. Điều mà Giáo Hội cần ngay bây giờ là các vị ngôn sứ biết phê phán. Yves Congar, một thần học gia, đã là ngôn sứ, và đã một thời phải khốn khổ vì làm ngôn sứ. Ngài bị cấm không được viết sách hay giảng thuyết. Tuy vậy ngài

Một trong những lý do của việc giảm ơn gọi là sự kiện người giáo dân đang tìm ra vai trò của họ, còn linh mục thì lại đang gỡ bỏ những ràng buộc trong đời mình.

vẫn yêu mến Giáo Hội, và không bao giờ bỏ cuộc. Trong những ngày của Công Đồng, ngài đã trở thành một *chuyên gia thần học*; thậm

chí ngài được phong hồng y bởi giáo hoàng Gio-an Phao-lô II. Giáo Hội chẳng bao giờ chịu xin lỗi; nhưng chỉ việc ban mũ đỏ cho bạn thôi. Hai thần học gia lỗi lạc khác là Teilhard de Chardin và Lubac cũng đã chịu khốn khổ nhưng không hề bỏ Giáo Hội. Họ cũng không xé Giáo Hội ra từng mảnh. Người ta thường nói họ là những phê bình gia có lòng yêu thương, và họ đã phê phán một cách đầy thương mến.

Có một điều mang lại phần thưởng cho tôi khi làm linh mục, đó là sự biết ơn của những người đã chịu ảnh hưởng bởi 25 năm dạy học và giảng thuyết của tôi. Tôi đã không được huấn luyện kỹ càng về giảng dạy. Tôi đã phải phát triển năng khiếu với sự trợ giúp của ơn Chúa. Sau khi tôi đã giảng một bài đến nơi đến chốn, và sau khi đã cử hành phụng vụ thật đàng hoàng, thật là khích lệ biết bao và cảm thấy được đón nhận khi người ta tiến đến gặp tôi và bảo tôi rằng: vì Thiên Chúa đã nói qua tôi, nên đời sống họ đã có phần ảnh hưởng. Điều ấy làm tôi cảm thấy đã sống cuộc đời mình một cách hữu ích. Nó cho tôi nhận ra là mình đã làm được điều khác biệt, rằng tôi đã trở thành một bí tích vậy. •

– Ít lâu sau cuộc phỏng vấn này, có một người lịch lãm đến chào cha Doyle ở Đền Thánh An-tôn và nói với ngài: “Tôi chỉ muốn cho cha biết rằng tôi đã dự thánh lễ cha dâng ở Đền Thánh trong mấy năm qua. Cha cử hành phụng vụ với lòng tôn kính đặc biệt. Các bài giảng của cha thật tuyệt vời, chúng có ý nghĩa với tôi nhiều lắm.” Khi người đàn ông ấy bước đi rồi, cha Doyle quay lại và nháy mắt. Ngài chẳng cần phải nói rằng “Tôi đã bảo mà,” nhưng ngài đã có thể nói như vậy lắm.

Linh mục

Juan Rivas, L.C.

El Monte, tiểu bang California

Cha Juan Rivas sinh tại Guadalajara thuộc Mê-Tây-Cơ. Ngài thụ phong linh mục cho một dòng tương đối mới mẻ, đó là Đạo Binh Chúa Ki-tô¹. Khá đẹp trai, toát ra sinh lực tràn trề, ngài là một người trẻ tuấn tú, luôn mặc tu phục chỉnh tề. Sự yêu mến chức linh mục của ngài và lòng trung thành với Đức Thánh Cha mở ra một cửa sổ dẫn vào tinh thần và mục đích của một cộng đoàn tu ít được biết đến.

Một vài bài báo mới xuất hiện gần đây trên truyền thông có nói về dòng Đạo Binh, một số chỉ trích họ về sự trịnh trọng và lối sống rồi dán nhãn hiệu cho họ là quá bảo thủ. Con người này dường như không rơi vào khuôn khổ ấy. Ngài khá là chính thống, pha một chút bảo thủ, song không hề thuộc nhóm cổ hủ. Thân phụ ngài đã không muốn ngài trở thành linh mục chút nào, vì lẽ ông nghĩ rằng Giáo Hội đã thay đổi quá nhiều từ sau Công Đồng Vatican II, và coi dòng Đạo Binh là quá phóng túng.

Cha Rivas có văn phòng ở El Monte, tiểu bang California, trụ sở đài Phát Thanh Truyền Giáo của dòng Đạo Binh Chúa Ki-tô.

¹ *Legion of Christ.*

Vì đây là một cộng đoàn khá mới mẻ và tân tiến, nên tôi sẽ bắt đầu với vài lời về cộng đoàn tu của mình, dòng Đạo Binh Chúa Ki-tô. Vị sáng lập của chúng tôi, cha Marcial Maciel, lớn lên trong thời gian chiến tranh Cristeros [*Cristeros là những người Công Giáo chiến đấu ở Mỹ-Tây-Cơ đã sử dụng binh khí khi mà các phương thế hòa hoãn để bảo vệ Giáo Hội đều thất bại*]. Ngài vào chủng viện năm 1936, và đến năm 1941 ngài nhận ra ơn gọi sáng lập dòng Đạo Binh Chúa Ki-tô. Dòng Đạo Binh khởi sự từ Mỹ-Tây-Cơ, được Đức Giáo Hoàng Pi-ô XII phê chuẩn, và di chuyển về Rô-ma năm 1950. Trọng tâm việc đào tạo của chúng tôi là con người của Đức Giê-su Ki-tô. Chúa Giê-su là mẫu mực mà một linh mục phải noi theo. Chúng tôi đặt căn bản thâm sâu vào sự sùng kính Thánh Thể và Đức Nữ Đồng Trinh. Chúng tôi cũng trung thành với giáo hoàng. Chúng tôi là một dòng quốc tế. Việc tông đồ chính yếu của chúng tôi là đào tạo các giáo dân lãnh đạo, và sứ mệnh của chúng tôi là đổi mới thế giới bằng phúc âm. Ở Hoa-Kỳ, chúng tôi làm việc trong 10 giáo phận. Các việc tông đồ gồm có các thí điểm truyền giáo, trường học, trung tâm cho gia đình và giới trẻ, các nhà tĩnh tâm, các khoá đào tạo dành cho linh mục giáo phận, và truyền giảng trên truyền thanh cũng như truyền hình. Chúng tôi sử dụng tất cả mọi phương tiện mà thế giới công hiến để truyền bá phúc âm.

Việc đèn sách thời thơ ấu của tôi bắt đầu với các cha dòng Tên ở Guadalajara, Mỹ-Tây-Cơ. Trong thời gian này, tôi được hướng dẫn việc sùng kính Thánh Mẫu qua Đạo Binh Đức Mẹ. Cuộc đời trai trẻ của tôi được chia đều cho việc học hành và thể thao. Tôi theo học ngành kỹ sư tại Đại Học Công Lập Guadalajara, và chơi quần vợt khá nhiều. Một lần kia, có một linh mục đến xứ đạo chúng tôi giảng về việc truyền giáo, thế là tôi vừa bị lôi cuốn với ơn gọi đó lại

vừa sợ sẽ được chấp nhận. Tôi thưa với Chúa: *“Nếu Chúa muốn con làm linh mục, Chúa phải làm hết mọi sự, con sẽ không nhúc nhích ngón tay nào hết.”* Vậy mà Chúa làm thật. Mẹ tôi mời một linh mục thành viên của dòng Đạo Binh Chúa Ki-tô đến nhà chúng tôi chơi. Vừa làm quen với nhau xong, ngài đã yêu cầu tôi nghĩ đến chuyện trở thành hội viên của dòng Đạo Binh. Tôi coi đó như một dấu hiệu, và thế là tôi chuyển hoán rất tự nhiên từ Đạo Binh Đức Mẹ sang Đạo Binh Chúa Ki-tô.

Vào thời điểm ấy, chúng tôi không có chủng viện ở Mỹ-Tây-Cơ, nên tôi đi học ở Salamanca Tây-Ban-Nha. Sau ba năm ở đó, tôi đến Rô-ma học triết và thần học tại Đại Học Thánh Tô-ma Aquina. Tôi được truyền chức đêm Vọng Giáng Sinh năm 1982. Khi Đức Thánh Cha trở thành giáo hoàng năm 1978, tôi đã giúp lễ cho ngài. Lúc ngài bị bắn năm 1981, tôi cũng có mặt ở đó.

Sau khi được truyền chức, tôi đến Hoa-Kỳ làm việc, trong một nỗ lực giúp những người Công Giáo, đặc biệt dân gốc Tây-Ban-Nha, những người đang tham gia các giáo phái. Có người ước lượng

Tuy nhiên, sử dụng truyền thanh và truyền hình cũng chẳng đi đến đâu nếu chúng ta không có một sứ điệp. Sứ điệp của chúng tôi là giáo huấn và kinh nghiệm phong phú của Giáo Hội. Chúng tôi cố gắng nói lên vẻ huy hoàng của sự thật.

khoảng 50 ngàn người gốc Tây-Ban-Nha gia nhập các giáo phái này mỗi năm. Hầu như do sự quan phòng, tôi đã bắt đầu một chương trình phát thanh cố gắng đem họ về với đạo Công Giáo. Tôi cũng đang thử một vài chương trình truyền hình. Tuy nhiên, sử dụng truyền thanh và truyền hình cũng chẳng đi đến đâu nếu chúng ta không có một sứ điệp. Sứ điệp của chúng tôi là giáo huấn và kinh nghiệm phong phú

của Giáo Hội. Chúng tôi cố gắng nói lên vẻ huy hoàng của sự thật.

Trung tâm của chúng tôi thực ra có hai tên: Một là *Hombre Nuevo*, có nghĩa là Con Người Mới. Đó chính là con người mà Đức Giê-su đã được hình dung trong Tin Mừng. Còn cái tên chính thức được in ấn là Trung Tâm Truyền Thông Công Giáo. Chúng tôi dùng cả âm thanh lẫn hình ảnh trong các buổi phát sóng và gọi chương trình truyền thanh của chúng tôi là Phát Thanh Truyền Giáo. Chúng tôi phát sóng mỗi ngày lúc 11g30 sáng. Chúng tôi cũng phát sóng ở Laredo và phát cho làn sóng ngắn của Mẹ Angelica. Tôi gửi các băng nhựa đến những đài phát thanh đó. Hiện nay chúng tôi đang phát sóng trên 10 đài phát thanh ở Hoa-Kỳ, 30 đài ở Trung Mỹ và Mễ-Tây-Cơ. Lúc này chúng tôi không có đài truyền hình ở Hoa-Kỳ, nhưng hy vọng sẽ dùng đến phương tiện đó trong tương lai. Bởi vì lời cam kết của cộng đoàn tu chúng tôi với Đức Thánh Cha, và cũng vì lòng mộ mến của cá nhân tôi đối với ngài, tôi quảng bá những buổi nói chuyện Ngày Thứ Tư của ngài trên đài phát thanh. Mỗi Thứ Sáu chúng tôi cũng có một chương trình đặc biệt về ngài.

Trong các chương trình, chúng tôi rao giảng và dạy về đức tin Công Giáo, đồng thời trả lời các thư từ người ta gửi đến để tìm sự hướng dẫn trong đời sống cá nhân cũng như đức tin. Một phụ nữ nọ viết thư hỏi xem chị có thể phá thai không. Có bác sĩ đã nói với chị rằng chị có thể sẽ chết nếu không phá thai. Tôi nhắc nhở là chị sẽ phải trả lời Thiên Chúa về điều mà chị lựa chọn. Thế là chị quyết định không phá thai nữa, và đã sinh một cháu bé vừa kháu khỉnh lại khỏe mạnh. Một lá thư khác đến từ một gia đình đã gia nhập một nhóm chính thống. Tôi gửi cho họ những cuộn băng giảng về sự thật của đức tin chúng ta. Cả gia đình đã trở lại với Giáo Hội. Tôi cố gắng giảng về niềm vui được làm

người Công Giáo và giải thích về huy hoàng của đức tin của chúng ta. Các chương trình của tôi đã giúp nhiều người khám phá lại niềm tin của họ.

Rao giảng là cuộc đời của tôi. Các chương trình phát thanh và truyền hình đều chủ yếu là giảng dạy. Và khi tôi ra ngoài các xứ đạo để giúp họ, tôi đều giảng. Các linh mục chúng ta phải rất thận trọng trong việc rao giảng. Chúng ta có một cử tọa bất đắc dĩ. Họ phải đến dự, mặc dầu họ không nhất thiết phải nghe.

Chúng ta có thể học nơi các anh chị em Tin Lành; nếu họ không giảng dạy cho tốt, một ủy ban sẽ chấm dứt hợp đồng với họ. Chúng ta luôn luôn bị cấm

Khi tôi giảng trong lễ cuối tuần, tôi nhận biết đây là một cơ hội quý báu biết bao để phân phát sứ điệp của Chúa Ki-tô. Tôi đào sâu Tin Mừng, và tôi không tránh né những đề tài gai góc –thiên đàng, hỏa ngục, phá thai, đồng phái luyện ái, làm sao để sống cuộc đời Ki-tô hữu.

đồ đem thức ăn nhanh đến cho người nghe. Nếu chúng ta làm như thế quá lâu, dạ dày của họ sẽ trở chứng, và họ sẽ không nghe chúng ta nữa. Khi tôi nói trên đài phát thanh, tôi tự hỏi mình: *“Tôi đang đem lương thực nuôi dưỡng họ, hay chỉ mua vui cho họ thôi?”* Khi tôi giảng trong lễ cuối tuần, tôi nhận biết đây là một cơ hội quý báu biết bao để phân phát sứ điệp của Chúa Ki-tô. Tôi đào sâu Tin Mừng, và tôi không tránh né những đề tài gai góc –thiên đàng, hỏa ngục, phá thai, đồng phái luyện ái, làm sao để sống cuộc đời Ki-tô hữu.

Tôi nghĩ rằng điều thu hút các bạn trẻ đến chủng viện là đời sống tâm linh của chúng tôi vốn đặt trọng tâm nơi Chúa Giê-su, Thánh Thể và Đức Mẹ. Việc tông đồ mục vụ của chúng tôi khá thách đố, ấy là việc đào tạo các thủ lãnh giáo dân. Công tác của chúng tôi là huấn luyện người giáo dân và để họ hòa mình với thế giới. Chúng tôi không có các linh

mục hoạt động ở xứ đạo, ngoại trừ một sự sắp xếp họa hoàn nào đó khi một cha sở công hiến cho chúng tôi nơi ăn chốn ở. Tôi là thành viên duy nhất của hội dòng làm việc trong lãnh vực truyền thông tại miền này. Sự sắp đặt công việc của chúng tôi, qua truyền thanh và truyền hình, giúp mỗi linh mục bao quát được một vùng rộng lớn. Chúng tôi sống thành cộng đoàn nơi nào có thể. Tôi thì sống chung với hai linh mục người Ái-Nhĩ-Lan đang làm mục vụ trong sân trường đại học.

Nhóm người cần sự quan tâm đặc biệt của chúng ta ngày nay là giới trẻ. Lúc giáo hoàng thăm viếng Denver, cả thế giới kinh ngạc khi thấy những người trẻ yêu mến Giáo Hội biết bao và họ muốn hoạt động cho Giáo Hội biết chừng nào. Truyền thông thì đặt giả thiết là những người trẻ phải đến đó ngoài ý muốn của họ, và nếu có đủ sự thúc đẩy hẳn sẽ biểu lộ sự thù nghịch với Đức Thánh Cha, nên đã không ngừng phỏng vấn họ những câu hỏi tiêu cực có chủ hướng về Đại Hội Denver, về Giáo Hội, và về Đức Thánh Cha. Họ đã khám phá ra là không cách nào tìm được một câu nói chống đối từ hàng ngàn người trẻ ở đó. Người trẻ có rất nhiều năng lực. Cứ nhìn các nhân viên của tôi ở đây mà xem, họ đều là trẻ trung; họ làm việc tận tụy, thường hay ở lại sau giờ làm việc trễ đến 8-9 giờ tối. Hầu hết các công tác của tôi dành cho việc đào tạo những người giáo dân trẻ.

Người trẻ tự bản chất được lôi cuốn tới các lý tưởng. Nếu chúng ta giới thiệu cho họ một ơn gọi kêu mời họ yêu mến Chúa Giê-su và Đức Mẹ, sự trung thành với giáo hoàng, và những việc tông đồ mục vụ mang tích cách thách đố, nếu chúng ta đem đến cho họ một hình ảnh về linh mục thực sự thế nào, không chỉ là một nghề nghiệp, nhưng là một ơn gọi kêu mời sự cam kết toàn diện của con tim, họ sẽ đáp lời. Tôi thường hay nói về ơn gọi khi thăm viếng các trường đại học.

Khi một bạn trẻ thổ lộ rằng anh ta đang nghĩ đến sứ vụ linh mục, tôi liền bảo anh ta hãy cho Chúa Giê-su một cơ hội trong đời mình. Liệu anh ta có tìm được hạnh phúc trong sứ vụ linh mục mà anh ta không thể tìm thấy nơi nào khác không? Tôi kể lại kinh nghiệm bản thân. Lúc ấy tôi đang theo học ngành kỹ sư. Tôi thích thể thao. Trong dòng Đạo Bình, tôi tìm được cơ hội để phát triển trọn vẹn nhân cách, trí thông minh, hết mọi phẩm chất nhân bản nơi tôi. Tôi là một linh mục hạnh phúc. Tôi không nói là không có những xáo trộn, hoặc tôi không có những yếu hèn. Có đầy luôn. Nhưng tôi chưa bao giờ hạnh phúc như lúc này.

Tôi tạ ơn Chúa mỗi ngày về ơn gọi của mình, và cầu nguyện hằng ngày xin Chúa ban cho tôi ơn bền đỗ để tiếp tục mãi. Ơn gọi của tôi là một quà tặng hết sức lớn lao khiến tôi khó lòng hiểu được làm sao một linh mục lại rời bỏ sứ vụ. Sự ra đi của một linh mục gây cho tôi đau đớn nhiều, và khi tôi thấy nhiều người Công Giáo bỏ đạo, đôi khi tôi tự hỏi liệu họ có ở lại không nếu các linh mục mà họ quen biết đã bền đỗ.

Các linh mục chúng ta có một vai trò đặc biệt phải hoàn thành trong cuộc đời. Cơ bản là việc thánh hoá các linh hồn. Một số linh mục có thể

Một số linh mục có thể vương bận vào những lãnh vực chuyên môn mà các chuyên gia giáo dân có thể làm một cách xứng hợp. Chúng ta phải là những chuyên viên trong lãnh vực tâm linh, trong việc rao giảng Tin Mừng, trong việc rao giảng tình yêu Chúa Ki-tô.

vương bận vào những lãnh vực chuyên môn mà các chuyên gia giáo dân có thể làm một cách xứng hợp. Chúng ta phải là những chuyên viên trong lãnh vực tâm linh, trong việc rao giảng Tin Mừng, trong việc rao giảng tình yêu Chúa Ki-tô.

Tôi tin rằng mỗi linh mục có một ơn gọi phải phản ánh tầm quan trọng của lời cam kết cho thế giới. Đối với tôi, cam

kết nghĩa là bền đỗ làm điều tôi cần phải làm trong cuộc sống mà tôi đã chọn lựa, cuộc sống mà Chúa đã chỉ cho tôi. Vấn đề thiếu cam kết sẽ xây đến khi bạn không thực hành điều mà bạn chọn lựa. Khi những người đã lập gia đình lại sống như những người chưa lập gia đình, hay những người chưa lập gia đình lại sống như thể đã có gia đình, thời sẽ có chuyện không hạnh phúc, chán nản, và thiếu bền đỗ. Một linh mục không làm điều mà một linh mục được gọi để làm thời sẽ không hạnh phúc. Nói cho cùng, đương nhiên, sự bền đỗ đó, sự cam kết đó, là một ân sủng của Thiên Chúa.

Tôi đã từng cảm nghiệm những lúc xuống dốc trong đời linh mục, nhưng tốt hơn tôi nên nghĩ đến chúng như những ngọn núi phải trèo. Chẳng hạn, khi tôi bắt đầu làm công việc này đây, tôi có một chương trình truyền hình. Một năm sau người đã hỗ trợ dự án này không thể giúp được nữa. Tôi đã phải đương đầu với cái lựa chọn không làm gì nữa cả hay bắt đầu một cái gì mới. Bởi thế tôi đã khởi sự những chương trình phát thanh này với \$200 Mỹ-kim trong túi, và với niềm tin tưởng rằng sự trợ giúp rồi sẽ đến. Và nó đến thật. Chỉ trong 7 năm chúng tôi đã xây dựng xong trung tâm hoàn mỹ này từ số không. Ngọn núi kế tiếp mà tôi phải leo là thiết lập một đài truyền hình.

Khi nghĩ đến sự khiết tịnh, đức vâng lời và khó nghèo, tôi phải thú nhận là có những khó khăn. Chúng là những ngọn núi không dễ leo.

Công tác của linh mục là đặt con tim mình trọn vẹn vào việc tông đồ mục vụ của mình đến nỗi không thể có chỗ cho sự cô đơn, không còn nhu cầu nào khác.

Bản tính tự nhiên coi bộ lên tiếng chống lại những điều đó. Nhưng khi tôi có niềm tin tôi có thể đương đầu với tất cả. Tôi coi độc thân là một

quà tặng rất đặc biệt. Chúa Giê-su đã chọn nó, thánh Phao-lô

và Gio-an cũng vậy. Tôi không coi nó như thể từ chối yêu một ai đấy; song trái lại: nó chỉ dẫn cho tôi yêu nhiều người hơn với sức mạnh lớn hơn và sống mà không dính bén đến họ. Công tác của linh mục là đặt con tim mình trọn vẹn vào việc tông đồ mục vụ của mình đến nỗi không thể có chỗ cho sự cô đơn, không còn nhu cầu nào khác.

Bởi còn nhiều chiền cho mỗi một mục tử, nhiều linh hồn để chăm sóc, nên đây là thời điểm tuyệt nhất để trở thành linh mục. Cánh đồng thì rộng mở, cơ hội thì không giới hạn. Chúng ta đang ở bên thềm thiên niên kỷ thứ III, và chúng ta cần những trái tim can đảm cho việc truyền giáo trước mặt. ●

Linh mục

Thomas W. Cummings, S.J.

Denver, tiểu bang Colorado

Từ lúc khởi sự năm 1540, dòng Tên đã và đang là một dòng tu nổi bật trong Giáo Hội. Các linh mục dòng Tên đã dự phần vào những hoạt động và mối thương cảm với thế giới đương đại trong vai trò nhà truyền giáo, thầy dạy, giáo sư, linh mục xứ, văn sĩ, linh mục giải tội cho các vua và giáo hoàng, các nhà chuyên môn về tinh tâm – nói cho vắn gọn, bất cứ điều gì mà Đức Thánh Cha xin họ làm. Để hoàn thành sứ mệnh của mình, các linh mục dòng Tên bị đòi hỏi phải trải qua một thời kỳ huấn luyện dài và khắc nghiệt trong cả học vấn lẫn tâm linh. Tinh thần của các linh mục dòng Tên, phương cách kinh viện của họ để mang Nước Thiên Chúa đến cho thế giới, khó có thể nắm bắt được qua câu chuyện của một người. Tuy nhiên, cha Cummings, một trong 25 ngàn tu sĩ dòng Tên, thể hiện rất tốt niềm hãnh diện mà những con người này có trong dòng tu của họ.

Cha Tom¹ Cummings sinh ra ở miền Nam thành phố Saint Louis, và sau một thời gian huấn luyện thông thường 13 năm trong dòng Tên, được truyền chức linh mục năm 1969 cho Tỉnh Dòng Missouri. Ngài đã từng làm hiệu trưởng hai trường trung học dòng Tên danh tiếng, và bây giờ đang dạy Đại Học Regis ở thành phố Denver, tiểu bang Colorado, và làm khoa trưởng của một trong các phân khoa.

¹ Tom – tên gọi thân mật của Thomas.

Không một ai trong các tổ tiên gần nhất của tôi đã từng là người Công Giáo. Mẹ tôi theo Tân Giáo² rồi chuyển sang đạo Công Giáo. Cha tôi sinh vào một gia đình Công Giáo bằng một con đường quanh co. Thân phụ của cha tôi dạy tiếng Hy-lạp, rồi bởi yêu thích phụng vụ của Công Giáo Rô-ma, nên đã trở lại. Mẹ của cha tôi nhập Giáo Hội 30 năm sau lặn. Đức tin trong gia đình chúng tôi không hề là một gánh nặng, nhưng là một quà tặng. Tuy nhiên, cả cha lẫn mẹ tôi đều không được theo học nền giáo dục Công Giáo. Các ngài thường yêu cầu bọn trẻ chúng tôi chỉ dẫn lại cho họ những điều các sơ dạy chúng tôi trong trường.

Tôi theo học trường tiểu học Công Giáo ở miền Nam thành phố Saint Louis, do các Sơ Dòng Thánh Giu-se Carondelet³ dạy, họ đã ảnh hưởng rất lớn trên cuộc đời tôi. Khi chúng tôi sắp học xong chương trình tiểu học, cha tôi bảo: *“Các con đã học tám năm trong trường Công Giáo, ba muốn các con đi học trường trung học công lập như mẹ và ba đã làm, để các con có thể đối phó với thế giới thực tế.”* Sơ Daria Joseph lúc ấy là giáo viên lớp Tám của chúng tôi, một nữ tu rất nghiêm nghị, và là một nhà giáo tuyệt vời. Sơ nói người em sinh đôi của tôi là Terry có năng khiếu, vì thế tất cả chúng tôi lập một kế để nó được thi vào trường dòng Tên ở địa phương, tức trường trung học Saint Louis University. Em đã nhận được một học bổng, và cha tôi bảo vì là miễn phí nên em có thể nhận nó và đi học. Tôi không muốn bị phân cách với Terry, nên thuyết phục cha tôi để tôi được ghi danh chung với em. Tôi đã thuyết phục được ông, và là một trong số 18 người trong lớp gồm 45 người chúng

² *Episcopal* – xem ghi chú trang 13.

³ Dòng *Sisters of St. Joseph of Carondelet* được Giáo Hội chuẩn nhận năm 1877, mặc dầu đã được thành lập từ năm 1836 khi tám nữ tu của tu hội Lyon được mời đến thành phố Saint Louis để dạy học cho các trẻ bị diếc và người dân da đỏ bản xứ.

tôi vào học làm linh mục dòng Tên. Mười bạn khác sau này trở thành linh mục giáo phận.

Tôi có ba thứ rất yêu thích trong đời: đó là bơi lội, thể dục và khiêu vũ. Tôi hẹn hò khá nhiều trong hai năm cuối trung học, và có một liên hệ tuyệt vời với một cô gái mà gia đình cô ấy tôi vẫn còn liên hệ gần gũi. Thế rồi trong năm học cuối cùng, tôi ghi tên tham dự một buổi tĩnh tâm cho lớp tốt nghiệp, và trong vòng vài tiếng đồng hồ, tôi bắt đầu cảm thấy được gọi làm linh mục. Một buổi chiều kia tôi bỏ không dự tĩnh tâm; tôi dự định trốn khỏi sân trường và gọi cho cô bạn gái. Đêm hôm ấy tuyết rơi nặng. Tôi băng qua bức tượng Đức Mẹ mà tôi luôn có lòng mến mộ đặc biệt, và tôi đã dừng lại trước pho tượng, bối rối và bức tức. Tôi nói với Đức Mẹ: *“Mẹ làm ơn nói với Con Trai Mẹ đừng có quá rầy con nữa được không? Mẹ có biết là con đang yêu cô gái này không?”* Thế rồi bỗng dưng, với một sự rõ ràng mà cho đến nay tôi vẫn còn lấy làm lạ, một nhận thức đến với tôi rằng nếu tôi có thể yêu một người con gái tuyệt vời như thế, thì Thiên Chúa là Đấng tạo dựng nên nàng sẽ còn như thế nào? Cái ý tưởng đó làm tôi choáng ngợp, và tôi đứng trước bức tượng suốt hai tiếng đồng hồ. Từ lúc đó trở đi, tôi xác tín rằng Người Con Trai của Đức Maria đã mời gọi tôi làm linh mục.

Tôi gia nhập dòng Tên, và tôi ngạc nhiên khi người em sinh đôi của tôi lại quyết định học làm linh mục giáo phận. Chúng tôi không bao giờ quên cái ngày nói cho cha mẹ biết. Họ đều sững sốt. Họ yêu mến và kính trọng các linh mục, nhưng như vẫn thường xảy ra với điều tốt nhất nơi các cha mẹ, họ muốn con cái mình thành công trong thế giới trần tục. Tuy nhiên, họ đã chấp nhận, và trong ngày lễ Mở Tay của tôi, ngay giữa các bạn bè Tin Lành của ông, cha tôi đã chúc phước đặc biệt cho tôi khi tôi bắt đầu dâng thánh lễ, và nói thắm vào tai tôi: *“Đây là người con trai yêu dấu của cha, và*

cha rất hài lòng về con.” Sau hai năm học, Terry rời bỏ chủng viện giáo phận và lập gia đình.

Với lòng ngưỡng mộ, tôi nhìn lại sự cam kết hiến thân mà cha mẹ tôi dành cho nhau và cho con cái. Lúc tôi đang hẹn hò, tôi chống cưỡng lại quyết định trở thành linh mục. Tôi đã muốn cưới vợ và có con cái. Tôi đến gặp cha Johnny Doyle, một người Ái-Nhĩ-Lan nhỏ bé dẻo dai mà không ai

Ai cũng có thể cho một sự sống mới, nhưng đem lại được một phẩm chất mới cho cuộc sống mới là người cha thực sự.

kiềm chế được, và nói với ngài rằng tôi không nghĩ mình được sinh ra để làm linh mục. Ngài bảo:

“Phải có cùng một sự cam kết, sinh lực, và đức tính cảm thông cũng như yêu thương để làm một linh mục tốt, y như làm một người chồng và người cha tốt. Nhưng một khi cam kết rồi, dù là với đời sống hôn nhân và làm cha mẹ hay với đời linh mục, sự thách đố mới bắt đầu.” Câu nói ấy có lý đối với tôi. Tôi bỏ cái ý tưởng phải trao ban một sự sống mới để khoác một phẩm chất mới cho cuộc sống. Tôi nghĩ rằng sự sống thứ hai này vừa gai góc vừa xứng đáng với sự thách đố. Ai cũng có thể cho một sự sống mới, nhưng đem lại được một phẩm chất mới cho cuộc sống mới là người cha thực sự. Và nhân đây cũng nói luôn, tôi thường yêu cầu các học sinh gọi tôi là “cha.” Tôi phải mất 13 năm để có được danh hiệu đó, và khi nghe gọi như thế, nó nhắc nhở tôi rằng các bạn trẻ này quý báu đối với tôi biết bao. Tôi đang cố gắng đem lại cho đời họ một phẩm chất mới trọn vẹn, một khái tượng mới, một sinh lực mới.

Tôi coi việc rao giảng là một sự nối dài của vai trò dạy dỗ. Tôi dành nhiều thời giờ để chuẩn bị. Các học sinh chăm chú nghe, họ biết phê phán, họ đón nhận rất dễ dàng khi họ thích điều họ được nghe. Phần đáng sợ trong việc rao giảng là cái đòi hỏi sự thánh thiện bản thân về phía người rao giảng.

Một cách nào đó, chúng tôi phải là lời trước khi chúng tôi trình bày nó cho người khác. Điều ấy vừa tạo sự khiêm tốn vừa đáng sợ. Ki-tô giáo thì do cảm nhận nhiều hơn là thụ huấn.

Trong khoảng thời gian 40 năm tôi ở dòng Tên, phần lớn lo việc giáo dục, sứ vụ linh mục đã trải qua nhiều khúc quanh mới. Trong thập niên 1950 chúng ta bàn luận về chức linh mục được tôn trên bệ thờ: cha biết rõ nhất, cha biết sự thật. Lúc ấy ngài có thanh thế trong xã hội. Rồi chúng ta trải qua giai đoạn của linh mục có gạch nối: linh mục - kiêm giáo sư, linh mục - kiêm quản trị. Ngày nay chúng ta ý thức hơn về linh mục với tư cách là tôi tớ dẫn đầu. Chúng ta không thể chối cãi vai trò lãnh đạo—đặc biệt chủ tể bí tích Thánh Thể—điều ấy đã không thay đổi và sẽ không bao giờ đổi thay. Nhưng ngày nay, linh mục thật sự là một người tôi tớ.

Phản đáng sợ trong việc rao giảng là cái đòi hỏi sự thánh thiện bản thân về phía người rao giảng. Một cách nào đó, chúng tôi phải là lời trước khi chúng tôi trình bày nó cho người khác.

Có một ân sủng đặc biệt trong sứ vụ linh mục mà tôi thường cảm nghiệm. Một điều gì đó tuyệt vời xảy ra, và tôi biết nó xảy ra qua tôi nhưng không phải vì tôi. Có thể là một ai đó trở về với Giáo Hội trên giường bệnh chờ chết của ông hay bà ấy, hoặc sự thức tỉnh của những cha mẹ trẻ đã từng hơi bị lung lạc; sau đó tôi thấy sự diệu kỳ của đức tin trong ánh mắt họ khi các con gái hay con trai họ rước lễ lần đầu. Rất nhiều lần các sự việc xảy ra trước sự hiện diện của một linh mục mà vượt quá chuyện chúng ta là ai. Thần học gia dòng Tên Teilhard de Chardin có lần đã nói rằng một linh mục có được quyền năng từ nơi Thiên Chúa để thánh hóa từng người và từng vật mà ngài đang đụng chạm đến. Điều

đó diễn tả cái cốt lõi nhiệm mầu của sứ vụ linh mục một cách nào đây.

Tôi nhớ lại đã từng ở bên cạnh một người bạn linh mục, người bạn thân nhất của tôi, khi anh ấy sắp chết. Anh ấy tên là Pat Lawless. Chúng tôi đã gia nhập dòng Tên cùng với nhau. Ngay trước khi được bổ nhiệm làm hiệu trưởng trường trung học Rockhurst, anh ấy bị ung thư. Các bác sĩ đã chạy xạ trị cho anh ấy nhiều quá, và tôi đã trải qua những chặng đường chót của cái chết với anh ấy. Chưa bao giờ tôi cảm nghiệm điều gì đau đớn như vậy, song cùng một lúc thật là đáng khích lệ và rất cảm động. Anh ấy mê sảng hết ba ngày. Tôi ôm lấy anh và bắt đầu đọc lại bằng tiếng La-tinh những lời khấn hứa của mình. Đôi môi anh ấy mở ra và lặp lại những lời ấy với tôi, từng lời một. Chúng tôi đã chia sẻ với nhau trong khoảnh khắc cuối cùng của anh ấy cái chiều sâu của lời cam kết linh mục của mình.

Khi tôi phản tỉnh về cuộc đời mình, tôi thấy trân quý những lần tôi dường như đã giúp một người trẻ nào đó trưởng thành. Tôi có một cuốn tập trên kệ sách với khoảng 300 tấm thiệp cảm ơn của các học sinh mà tôi đã dạy. Tôi sẽ chia sẻ một tấm thiệp với các bạn. Người ta làm một bữa tiệc chia tay khi tôi rời trường trung học Rockhurst, và tôi yêu cầu các học sinh phụ giúp các chi tiết trong việc nấu nướng, phục vụ và thu dọn. Khoảng 2 giờ sáng, tôi nhận được một tấm thiệp từ một trong số các học trò:

“Thưa cha, con xin cảm ơn cha đã cho phép con được là một thành phần trong bữa tối chia tay của cha, và cảm ơn cha về nhiều lần cha đã phục vụ chúng con. Một lần nữa công việc phi thường của cha đã là nguồn hứng cho chúng con, và tạo những giấc mơ mới trong đầu óc con cho năm học tốt nghiệp. Bỗng dưng con nhận ra rằng năm học cuối không phải là chuyện đạt điểm 4.0 GPA,

hoặc một danh hiệu tiểu bang về quần vợt hay một phần thưởng cho sự trung thành hay tình yêu. Nó là về việc xây dựng một tương lai với các bạn học của con và với những người khác nữa. Đêm qua cha cảm ơn tụi con vì đã cho cha quá nhiều sinh lực trong cuộc sống. Đáp lại, con xin cảm ơn cha vì đã dạy con trưởng thành làm người trẻ Ki-tô hữu, người Công Giáo, biết quan tâm và yêu thương nghĩa là gì, với sự giúp đỡ của mọi người quanh con. Con đã được nghe rằng khi cho đi là lúc lãnh nhận. Đêm qua con đã cho đi thời giờ của mình, nhưng con đã nhận được từ nơi cha một số ước mơ vĩ đại. Ít lâu nữa con sẽ xin chia sẻ chúng với cha.”

Hiện nay người bạn trẻ đó đang là một linh mục dòng Tên.

Dĩ nhiên cũng có lúc xuống tinh thần trong đời một linh mục. Một trong số đó là sự thỉnh thoảng cảm thấy cô đơn. Điều ấy quật tôi khá nặng khi người em sinh đôi của tôi qua đời. Tôi đã chứng kiến tình yêu bao la mà vợ chú ấy đã dành cho chú trong hai năm cuối đời. Thím ấy ngủ trên chiếc ghế bành bên cạnh giường bệnh của chú mỗi đêm. Thím cầm tay của chú. Mỗi 15 phút thím lại lật chú qua một bên và phục vụ mọi nhu cầu của chú. Tôi nghĩ về bản thân mình, là một linh mục, tôi sẽ chẳng bao giờ được cảm nghiệm thứ tình yêu và quan tâm đó. Tuy nhiên, tôi biết rằng sự cô đơn không chỉ đến với một người độc thân. Tôi biết nhiều cặp vợ chồng cũng có những lần cô đơn như vậy. Khi điều ấy xảy đến với tôi, tôi cố gắng chuyển biến từ nỗi cô đơn thành một sự đơn độc có sáng tạo với Thiên Chúa là bạn đồng hành của mình.

Tôi cũng đã có những khoảnh khắc đen tối. Tôi sẽ không bao giờ quên lần xúc dầu đầu tiên ở Nữ-Uớc. Một bạn trẻ vị thành niên người Puerto Rico đã dùng súng tự sát. Tôi lật

tắm vải che lên để xúc dầu và không thấy có khuôn mặt để mà xúc dầu. Tôi đã bị khủng hoảng với niềm tin của mình. Nhưng cuộc khủng hoảng đó tốt cho tôi, bởi vì chúng chuẩn bị tôi để giúp các học sinh hiểu được những khoảnh khắc ngỡ vực và tăm tối của họ. Nếu bản thân tôi không có những lúc như vậy, tôi sẽ không biết được họ đang nói về điều gì.

Tôi đã bị khủng hoảng với niềm tin của mình. Nhưng cuộc khủng hoảng đó tốt cho tôi, bởi vì chúng chuẩn bị tôi để giúp các học sinh hiểu được những khoảnh khắc ngỡ vực và tăm tối của họ. Nếu bản thân tôi không có những lúc như vậy, tôi sẽ không biết được họ đang nói về điều gì.

Các linh mục dòng Tên chúng tôi khẩn hứa khó nghèo, khiết tịnh và vâng lời. Nghèo khó không dễ gì. Tuy nhiên, đây chưa phải là thứ khó nhất phải đối phó. Lời khẩn vâng lời mới là

thứ khó nhất, dầu rằng có một khía cạnh thiêng liêng thâm sâu với lời khẩn khiến nó trở thành dễ dàng hơn. Thật sự đây là một lời khẩn về sự chuyển chuyển. Chúng tôi phải sẵn sàng bất kỳ lúc nào trong đời sống để bật rẽ khỏi các bạn bè, và di chuyển tới một địa điểm mới.

Là một thành viên trong cộng đoàn tu, tôi nhìn sự độc thân trong một bối cảnh khác. Tôi đã tự do giữ lời khẩn khiết tịnh vĩnh viễn, và nó không phải là cùng một thứ như sống độc thân. Nó là một lời cam kết sống thanh sạch vô điều kiện trước nhan Chúa. Việc sống độc thân chỉ đơn thuần là một sự nối tiếp như hệ quả của lời khẩn ấy. Nếu mai đây Giáo Hội cho phép linh mục được lấy vợ, thì tôi sẽ không thể lấy được, bởi vì là một linh mục tu dòng, tôi vẫn bị ràng buộc bởi lời khẩn khiết tịnh, là điều rộng lớn hơn việc sống độc thân và bao gồm cả điều ấy. Hầu như văn hóa của mỗi một dòng tu đều có một thứ ưu tiên về sứ vụ linh mục. Trong mỗi nền văn hóa có những tầng lớp khác nhau, cấp bậc khác

nhau trong hàng linh mục. Chẳng hạn ngay trong một số hội thánh Cơ-Đốc⁴ giáo, nếu bạn là giám mục, bạn sẽ không cưới vợ, hay nếu vợ của bạn qua đời, bạn sẽ không lấy vợ khác. Tôi thích được thấy trường hợp trong đó một số linh mục sẽ lựa chọn không lập gia đình, song những linh mục khác (chẳng hạn như trong các xứ truyền giáo nơi mà sự đơn độc là một vấn đề hệ trọng) có thể lập gia đình. Theo lịch sử, điều đó rồi sẽ không tránh được.

Trong tất cả những bận tâm về việc tăng nhân số linh mục, tôi không nghĩ rằng động lực của chúng ta phải là ngăn ngừa cái gọi là cạn kiệt sinh lực trong hàng ngũ anh em linh mục. Tôi cho rằng điều chủ yếu là linh mục phải học cách đặt ra những ranh giới cho cuộc sống mình. Tôi cố gắng làm một người quảng đại. Tôi muốn giúp bất kỳ ai cần giúp đỡ, song tôi không phải là vị cứu tinh. Chuyện cạn kiệt sinh lực là điều không tránh được, bất kể là số linh mục ít nhiều thế nào.

Trên phương diện cá nhân, tôi muốn nói rằng một trong các lý do chúng ta không có đủ ơn gọi là vì các linh mục chúng ta không vui vẻ đủ. Chúng ta không công khai chia sẻ lòng biết ơn của mình đối với ơn phước làm linh mục. Và chúng ta cần chia sẻ đời sống tâm linh của mình nữa. Tôi làm việc chặt chẽ với các bạn trẻ nam và nữ có tài khéo mà dường như cũng có ơn gọi. Thật vậy, tôi được bổ nhiệm làm

Tôi muốn nói rằng một trong các lý do chúng ta không có đủ ơn gọi là vì các linh mục chúng ta không vui vẻ đủ. Chúng ta không công khai chia sẻ lòng biết ơn của mình đối với ơn phước làm linh mục.

⁴ Hội thánh Cơ-Đốc - Từ hơn 100 năm qua, anh em Tin Lành Việt Nam dùng tiếng phát âm theo kiểu người Trung Hoa của chữ Christ tiếng Pháp là Cơ-Đốc, nên gọi tín hữu là Cơ-Đốc nhân theo đạo Cơ-Đốc; người Công Giáo phát âm là Ki-tô, vì thế gọi tín hữu là Ki-tô hữu theo Ki-tô giáo.

Người Cổ Võ Ôn Gọi trong sân trường này –không phải là người điều khiển, nhưng người cổ võ. Và tôi cảm thấy kinh ngạc về sự Chúa làm việc trong những người trẻ ra sao. Tôi chưa làm gì cả ngoại trừ thông báo về việc bổ nhiệm của mình, thế mà tôi đã trao đổi với khoảng 20 sinh viên muốn nói về ơn gọi. Trong con số 20 đó, có 12 người rất thích thú. Tất cả bọn họ đều là sinh viên đã ra trường hay sắp tốt nghiệp. Một người trong số họ là thợ điều khiển thang máy ở Vail, một sinh viên tốt nghiệp đại học Boston “*với ban khen*,” sẽ ở với các linh mục dòng Tên ba ngày Tuần Thánh. Một người khác, một tín hữu mới trở lại đạo, là một cựu hậu vệ trong đội banh đại học. Một người khác nữa ở Trường Sĩ Quan Không Quân. Tôi chưa gọi hứng cho ai cả. Đơn thuần là họ đến với tôi. Có lẽ vì tôi cố gắng làm một linh mục vui vẻ. Tôi kể họ nghe những khó khăn, và hỏi họ: “*Các bạn có hiểu những vấn nạn của đời sống độc thân, sự cô đơn, và sự kiệt quệ của linh mục không?*” Tôi càng làm cho nó có vẻ gay go, họ càng muốn làm linh mục. Đối với những người được nuôi lớn trong bối cảnh Công Giáo truyền thống, chức linh mục được kể là một chuyện đương nhiên, chứ không phải là một đặc quyền. Nó giống như cái không khí chúng ta thở. Có các linh mục sống quanh đây, nên các sinh viên mong gặp một vị linh mục khi họ cần. Các sinh viên theo những trường đời thường phải chiến đấu cho đức tin của mình. Tôi tự hỏi chẳng lẽ không nên sắp xếp thêm một số linh mục có tài năng nữa trong các sân trường đó sao? Mặc dù họ đã có hai linh mục triều cư trú trong trường rồi, ban quản trị của một đại học thuộc miền Trung Tây đã mời một số chúng tôi nghĩ đến việc sống ở đó như các thần học gia nội trú, và như các “linh mục lắng nghe.” Thật là một lời mời hấp dẫn!

Khi tôi được truyền chức, làm được điều gì khác biệt trong xã hội vào thời điểm ấy khó hơn, bởi vì lúc ấy không có nhiều vấn đề cấp thiết. Ngày nay mỗi một linh mục đều có một cơ hội nói theo sát nghĩa là để thay đổi thế giới. Tôi nói với các bạn trẻ đang nghĩ tới sứ vụ linh mục rằng đây là một thời đại tuyệt vời để làm linh mục, bởi vì chúng ta sống trong một xã hội mang một niềm tin ngược lại với văn hóa, ngay cả đối với một số trong hàng ngũ linh mục chúng tôi. Đúng vậy, tôi nói với họ về những người đã rời bỏ sứ vụ linh mục; tôi nghĩ đó là điều tốt cho họ để thấy rằng đây không phải là dịp bộc lộ sự giận dữ về phía mình, nhưng là sự trung tín, tình yêu thương và tha thứ. Những người trẻ này đầy sức sống; họ muốn đảo ngược lại hình ảnh hiện thời về chức linh mục. Họ có được một nguồn dự trữ những điều thiện hảo trong họ thật đáng ngưỡng mộ. ●

III. HÃY THẢ LƯỚI XUỐNG

Các Linh Mục Tại Xứ Đạo

Giảng xong, Người bảo ông Si-môn: “Chèo ra chỗ nước sâu mà thả lưới bắt cá.” Ông Si-môn đáp: “Thưa Thầy, chúng tôi đã vất vả suốt đêm mà không bắt được gì cả. Nhưng vâng lời Thầy, tôi sẽ thả lưới.” Họ đã làm như vậy, và bắt được rất nhiều cá, đến nỗi hầu như rách cả lưới. Họ làm hiệu cho các bạn chài trên chiếc thuyền kia đến giúp. Những người này tới, và họ đã đổ lên được hai thuyền đầy cá, đến gần chìm.

— Lu-ca 5:4-7

Một chủ đề xuyên suốt hầu hết các chuyện kể trong cuốn sách này là ơn gọi làm linh mục được coi như một ơn gọi phục vụ trong một xứ đạo, làm cha sở. Đôi khi một số người có thể nghĩ rằng các mục vụ khác trong Giáo Hội thì quyến rũ hơn và có thể quan trọng hơn là phục vụ như một mục tử chăn bầy. Nhưng vị linh mục quản xứ là linh mục cơ bản. Ngài là người liên hệ thường xuyên với, đồng thời hướng dẫn cũng như phát triển cộng đoàn đức tin. Ngài có mặt ở đó ngày này qua ngày khác, tuần nọ qua tuần kia. Ngài ở đó để rửa tội, để hòa giải, chứng hôn phối, an ủi người u sầu, chôn xác người chết, và dự phần vào cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Linh mục quản xứ là ông dẫn trực tiếp nhất cho chúng ta từ Thiên Chúa và Giáo Hội của Người. Chuyện kể của sáu người sau đây nói về những

phương thế và đời sống mà các linh mục quản xứ đang hoàn thành. ●

Đức Ông

Michael Heras

Corpus Christi, tiểu bang Texas

Đức Ông Michael Heras sinh tại El Paso, tiểu bang Texas. Ngài theo học Đại Học Bắc Mỹ ở Rô-ma và được truyền chức năm 1984 cho Giáo Phận Corpus Christi, tiểu bang Texas, là nơi hiện nay ngài đang làm cha sở giáo xứ Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp.

Trong vòng ba năm, Đức Ông Heras đã tái lập một giáo xứ tiêu điều thành một cộng đoàn Ki-tô-hữu đầy nhựa sống. Kể từ khi ngài về đây, giáo xứ đã tăng nhân số gấp đôi và trường học phát triển thực sự. Dân xứ nói rằng ngài không chỉ là cha sở của họ; ngài còn là bạn họ nữa. Mọi sinh hoạt nở rộ. Vào một buổi chiều bình thường, mỗi một căn phòng trong tòa nhà đều đầy người học Kinh Thánh, dự các buổi họp cầu nguyện, hay lo trang trí khung cảnh tùy theo mùa lễ.

Để khám phá ra một cha sở đã thành công trong việc xây dựng và thành lập một cộng đoàn không có gì khó. Để khám phá ra một cha sở cống hiến từng phút cho một ngày làm việc không phải là điều bất ngờ. Để tìm được một cha sở hạnh phúc trong việc mình làm không có gì ngạc nhiên. Trong câu chuyện tiếp theo đây, chúng ta tìm thấy một cha sở có tất cả những đặc tính trên, và một con người mà niềm vui của ngài bùng lên trong lòng dân xứ. Lời phát biểu mà Đức Ông Heras nhận được từ bấy chiên của mình làm cho ngài thêm năng lực mỗi ngày.

Tôi lớn lên trong một môi trường hết sức Công Giáo. Chúng tôi được dạy về Chúa Giê-su, Mẹ Maria và các thánh lúc còn thơ ấu. Chúng tôi luôn luôn có buổi cầu nguyện ở nhà và không bao giờ để mất Lễ. Trong phòng ngủ của cha mẹ tôi có một bức ảnh Thánh Tâm Chúa trông rất cảm động và đầy yêu thương như thể chúc lành cho ngôi nhà chúng tôi đang ở. Bức ảnh ấy giờ đây được treo trong nhà xứ để nhắc nhở tôi về những ngày tôi được nuôi lớn. Từ lúc lên năm tuổi, tôi đã muốn làm linh mục rồi. Tôi thường hay dâng Thánh Lễ cho tụi trẻ trong xóm, dùng bánh mì và nước ngọt Kool-Aid. Tôi lại còn nghe xưng tội nữa kìa. Tôi học trường Chúa Ki-tô Vua ở Corpus Christi, và tôi nghĩ rằng từ lúc học lớp bốn hay lớp năm, tôi đã biết là Thiên Chúa đang mời gọi tôi.

Thời gian khó khăn nhất tôi gặp phải trong chủng viện là phải cố sức để khắc phục sự phản đối của ba tôi. Ông cảm thấy ngượng ngập, bối rối, và giận dữ vì ơn gọi của tôi cho đến chính ngày tôi chịu chức. Tại sao vậy? Tôi cho rằng chỉ là vì văn hóa thôi, và càng lớn tôi càng hiểu rõ hơn. Bởi ông muốn có cháu nội. Đường như ông nghĩ rằng tôi bị dụ dỗ và ép buộc mà không có mục đích nào của riêng mình. Ít nhất thì mẹ tôi ủng hộ một cách thận trọng. Ngay cả đến giờ phút chót, bà vẫn hỏi: *“Con có hạnh phúc không?”* Thế nên không bao giờ có sự ủng hộ tuyệt đối từ nơi bà. Điều ấy để lại một đám mây mù suốt những năm tôi học ở chủng viện. Tôi thưa với các ngài: *“Con không thể sống cuộc đời mình cho Ba Mẹ, và Ba Mẹ cũng không thể sống cuộc đời của con giúp con.”* Tuy nhiên, sự thiếu nâng đỡ ấy khiến quyết định của tôi rất khó khăn. Tôi nhận ra rằng việc này phải làm cho được, và rằng tôi phải cố gắng hết sức. Điều gì sẽ xảy ra, nếu đến một thời điểm tôi cần tình yêu thương và sự nâng đỡ của các ngài trong sứ vụ linh mục mà tôi lại không có được?

Điều ấy ép tôi vào trong một đời sống thiêng liêng khá đặc biệt.

Ba tôi từ chối không đến tham dự lễ truyền chức của tôi. Thậm chí ông còn khóa cửa trước với ý định giữ không cho mẹ tôi và em tôi đi. Họ phải lên ra bằng cửa sau. Ba tôi cũng không đến nhà thờ vào ngày lễ Hiến Phụ, khi mà tôi cử hành Thánh Lễ tạ ơn. Thật là giai đoạn khó khăn cho tôi. Chỉ một năm rưỡi sau, tôi được bổ nhiệm làm cha sở giáo xứ Vô Nhiễm ở Gregory, một thành phố nhỏ phía Bắc vùng này. Người dân trong giáo xứ bắt đầu làm việc về vụ Ba tôi. Họ cầu nguyện cho ông. Họ mời ông đến các buổi hội họp của họ. Họ tìm cách làm cho ông tham gia vào hội thánh Vinh-sơn Đệ Phao-lô. Ông trở nên chấp nhận hơn mỗi ngày một chút. Ông không nói chuyện với tôi, song tôi vẫn nói với ông. Tôi bảo: *“Thưa Ba, con thực yêu kính Ba. Sao Ba không nói chuyện với con?”* Chậm lắm, nhưng chắc chắn ông đã bắt đầu thân thiện lại.

Thế rồi một ngày tháng Mười Một nọ đã đến mà tôi không bao giờ quên được. Tôi thức dậy quá trễ không kịp tắm gội. Đầu tóc tôi rối bù. Tôi có một buổi họp hội đồng quản trị. Giám Mục Gracia gọi tôi ra khỏi phòng họp và bảo: *“Này Michael, cha đã là một linh mục trung thành, trung tín với tôi và với Đức Thánh Cha, và cha đã làm việc tận tụy. Chúng tôi mới nhận được tin là Đức Thánh Cha đã ban tước Đức Ông cho cha.”* Tôi hết sức sung sướng. Lễ mặc phẩm phục đã diễn ra tại giáo xứ của tôi hôm 8 tháng Mười Hai, ngày lễ Vô Nhiễm. Ba tôi đến dự Thánh Lễ, lên rước lễ, quỳ gối và cầu nguyện. Rồi ông mỉm cười. Năm tháng sau ông qua đời. Mới đây tôi đã phải đương đầu với những trường hợp về điều hành rất khó khăn, không phải chuyện cá nhân, song là những vấn đề tế nhị. Tôi tin rằng Ba tôi đã cầu bầu cho tôi để giúp tôi đưa ra những quyết định đúng đắn cho các vụ này. Ngày nay tôi rất biết ơn vì ông đã đổi mới con tim.

Khi tôi được yêu cầu chuyển về xứ Mẹ Hằng Cứu Giúp, giáo xứ đang có một vấn đề, nhưng tôi không biết chắc đó là chuyện gì. Khoảng 1.000 gia đình ghi danh, song chỉ có khoảng 1.500 người đến dự Thánh Lễ cuối tuần. Trường học thì tài chánh eo hẹp. Lại đang có các vụ kiện những người làm việc trong giáo xứ. Giáo xứ mắc nợ lên đến \$633.000 Mỹ-kim. Và người ta đang bỏ đi từng đàn. Chỉ có bốn Thánh Lễ vào cuối tuần. Trường học đã mất đi 35 gia đình vào năm trước. Thực là một địa điểm mà một cha sở sẽ tránh né, nhưng tôi coi đó là một thách thức. Mặc dù đây là một giáo xứ đa phần nói tiếng Tây-Ban-Nha, song lại không có gì dành cho những người gốc Tây-Ban-Nha cả.

Ngày nay chúng tôi có đến bảy Thánh Lễ vào cuối tuần, và chúng tôi đã lập thêm cả một toán thừa tác viên và các sinh hoạt cho người gốc Tây-Ban-Nha. Gần 2.500 gia đình ghi danh, và gần 4.000 người tham dự Thánh Lễ. Thu nhập của giáo xứ đã lên tới \$110.000 một năm, và món nợ đã giảm được 30 phần trăm. Chúng tôi đã có thể thực hiện các tân trang quan trọng trong khu vực thánh đường. Trường học đông trở lại, và chúng tôi nhận thêm các học sinh mới mỗi năm. Chúng tôi cũng có đủ lợi nhuận để giúp các xứ đạo

Các ơn gọi đến từ các gia đình, y như Thánh Gia đã sản xuất được ơn gọi đầu tiên. Các ơn gọi sẽ bắt đầu tăng thêm trở lại nếu chúng ta tiếp tục cố võ những gia đình vững chãi và lành mạnh.

khác. Chẳng hạn, chúng tôi đã xin giáo dân giúp cho một xứ đạo bị tàn phá trong vụ bỏ bom ở Thành Phố Oklahoma. Chúng tôi đã trao tặng xứ đạo đó \$5.000 Mỹ-

kim, cùng với thực phẩm, bánh kẹo và quần áo.

Công việc chính yếu của chúng tôi trong giáo xứ là sinh hoạt với các gia đình. Chúng tôi có các nhóm giới trẻ học Kinh Thánh. Chúng tôi cẩn thận khi làm việc với họ để

không làm suy yếu đi sự hiệp nhất và gắn bó trong gia đình. Các ơn gọi đến từ các gia đình, y như Thánh Gia đã sản xuất được ơn gọi đầu tiên. Các ơn gọi sẽ bắt đầu tăng thêm trở lại nếu chúng ta tiếp tục cố vỡ những gia đình vững chãi và lành mạnh.

Tôi đã từng có những phen trắc trở trong sứ vụ linh mục, nhưng sự nâng đỡ của giáo dân tôi đã bù đắp lại còn nhiều hơn thế. Sự kiên nhẫn của họ, sự tử tế, dịu dàng, quảng đại, và hiểu biết của họ khiến cho việc làm cha sở trở thành một kinh nghiệm tuyệt vời. Tôi tìm được một sự thanh thản trong sứ vụ linh mục của tôi mà tôi không nghĩ có thể tìm thấy nơi nào khác. Tôi có thể đụng chạm đến người dân của tôi lúc khởi đầu cuộc đời họ, khi họ mãn phần, và vào những cao điểm giữa hai biến cố đó. Một linh mục trở thành phần tử dẹt nên cuộc đời họ. Đường như thế tôi được sinh ra để làm linh mục. Tôi thích cống hiến đời mình cho người ta. Tôi thấy nhiều khúc quanh trong cuộc đời tôi, kể cả những giây phút đen tối. Song tựu chung hầu hết đều là những khoảnh khắc tuyệt diệu.

Tôi có thể đụng chạm đến người dân của tôi lúc khởi đầu cuộc đời họ, khi họ mãn phần, và vào những cao điểm giữa hai biến cố đó. Một linh mục trở thành phần tử dẹt nên cuộc đời họ.

Khi hiệp nhất với nhau, người ta có thể thực hiện bất cứ điều gì. Trong thời gian tôi nhận nhiệm sở đầu tiên, Giáo Hội đã đứng về phía chống lại một quy định sắp được thành phố thông qua, cho phép buôn bán các loại rượu. Với những lý do hiển nhiên, điều ấy hẳn sẽ là một tai họa cho cộng đồng Pima. Các giáo dân chúng tôi tranh đấu chống lại nó, và quy định ấy đã bị thất bại. Điều đó cho tôi thấy Giáo Hội có một vài trò sinh động và tích cực trong xã hội. Ở Corpus Christi này, một thành phố với 400.000 dân, chúng tôi đã

thực sự đóng cửa được một trạm xá phá thai nhờ vào áp lực thường xuyên của phong trào phò sự sống. Chúng tôi đã đóng cửa trạm xá đó vĩnh viễn. Và đây nhà ấy giờ đây đang được treo bằng bản.

Rao giảng là việc vô cùng quan trọng trong mục vụ tại giáo xứ. Tôi bỏ ra hằng giờ cho mỗi bài giảng. Tôi cầu nguyện, tôi toát mồ hôi, tôi hồi hộp. Tôi thu băng bài giảng của mình rồi cho đánh máy lại. Tôi không thích nhìn xuống giấy khi giảng. Tôi muốn nhìn thẳng vào mọi người. Tôi cầu xin Chúa: *“Xin đừng để con quên mất những gì Chúa muốn con nói với họ.”* Đôi khi bài giảng thật tẻ, song đôi khi, người ta bảo tôi bài giảng được lắm.

Nói chung tôi thấy được phần khích bởi các linh mục bạn và thích làm việc với họ. Cách đây không lâu, một linh mục trong các bạn thân của tôi đến với tôi về một vấn đề anh ta gặp phải đây đưa đến một phụ nữ. Chúng tôi coi nhau như anh em, và chúng tôi nói chuyện lâu giờ về vụ đó. Anh cảm thấy tan nát vì mối liên hệ ấy, và trông anh thật thảm hại. Không có cách nào để tôi có thể nói với anh ấy rằng mọi chuyện rồi sẽ ổn. Tôi không định nói rằng: *“Tớ hiểu, những người độc thân như chúng mình thỉnh thoảng cần một chút xả hơi.”* Trái lại tôi cứng rắn, nhưng không phũ phàng với anh ấy. Tôi bảo anh đã đến lúc phải chôn vùi nó đi và bắt

Thiên Chúa yêu thương nhân loại. Bất kể sự bất xứng của tôi, sự yếu đuối của tôi, những thất bại của tôi, Thiên Chúa vẫn đừng chạm đến người ta qua tôi.

đầu lại. Rồi tôi hỏi anh có muốn đi xưng tội không. Anh đã xưng tội. Anh gục xuống khóc nức nở. Rồi anh về nhà, bắt đầu lại tất cả, và hiện nay anh

ấy là một linh mục vĩ đại, đang làm một công việc tuyệt vời. Điều đó hẳn đã không xảy ra nếu như tôi đã bảo anh ấy đừng

lo lắng, rằng tất cả chúng ta đều có vấn đề như thế. Anh tìm một sự cảm thông, và tôi đã thông cảm với anh ấy. Song anh cũng muốn tìm ra đâu là thực tế, và tôi cũng đã đối diện với anh về điều đó.

Độc thân vừa là một đặc sủng, vừa là một động lực cho tình bác ái trong mục vụ. Tôi sẽ là kẻ nói dối nếu tôi không thú nhận rằng tôi hẳn sẽ thích thú khi có được một mối liên hệ nồng ấm và thân mật. Song đây là một trường hợp chẳng lợi lộc gì cả, bởi vậy tôi đã cố gắng tập trung và dồn hết năng lực của mình vào giáo dân của tôi, và đó là lý do tại sao tôi có thể làm được rất nhiều việc.

Cha linh hướng và giải tội của tôi có một quyển sách trên bàn làm việc, sách có hỏi một câu thế này: *“Ngày nào là ngày tốt nhất trong năm?”* Và nó tiếp tục hỏi có phải là ngày sinh nhật của bạn hay lễ Giáng Sinh, hoặc một ngày đặc biệt nào khác. Rồi sách nói: *“Câu trả lời chính là ngày hôm nay. Ngày hôm qua qua rồi, tương lai có thể không đến. Chỉ ngày hôm nay mới có giá trị.”* Đây có phải là một thời điểm tốt để làm linh mục không? Câu trả lời của tôi là *“phải,”* bởi vì nó chính là ngày hôm nay; tôi không thể sống trong quá khứ hoặc trong tương lai. Đây là thời gian Chúa ban cho tôi. Đây là một thời điểm tốt để được sống, và chính là một thời điểm hết sức tốt để làm linh mục vậy.

Sau khi làm cha sở được 10 năm, tôi rút ra được hai kết luận. Điều thứ nhất là Thiên Chúa yêu thương nhân loại. Bất kể sự bất

xứng của tôi, sự yếu đuối của tôi, những thất bại của tôi, Thiên Chúa vẫn đừng chạm đến người ta qua tôi. Nếu Thiên Chúa yêu thương họ đến thế, thì Ngài còn yêu thương tôi

Để làm một linh mục tốt, chuyện cần thiết bậc nhất là phải bắt đầu biết yêu và ở lại trong tình yêu với Thiên Chúa cũng như với những con người hiện thân của Thiên Chúa.

đến thế nào? Điều thứ hai là để làm một linh mục tốt, chuyện cần thiết bậc nhất là phải bắt đầu biết yêu và ở lại trong tình yêu với Thiên Chúa cũng như với những con người hiện thân của Thiên Chúa. Nếu tôi làm được điều đó, tôi sẽ chẳng bao giờ đi trệch đường. Đạo Ki-tô là một hình thức của sự lành mạnh, và tình yêu thương gìn giữ chúng ta được lành mạnh luôn. ●

Linh mục

Thomas M. Anglim

Fort Myers, tiểu bang Florida

Sinh ngày 15 tháng 11 năm 1928 tại Quận Clare nước Ái-Nhĩ-Lan, cha Tom Anglim thụ phong linh mục năm 1954 cho Giáo Phận Thánh Au-gus-ti-nô, tiểu bang Florida. Ngài luôn có lòng sùng kính đặc biệt với Thánh Phan-xi-cô Xa-vi-ê. Bạn có biết không, về sau ngài làm cha sở của một giáo xứ mang tên vị thánh mà ngài yêu thích nhất¹.

Cha Anglim là một con người vui tính, đạo đức sâu xa, nhiều khả năng, thực tế và hiểu biết về những thay đổi của công đồng Vatican II. Ngài chu toàn đều đặn kinh nguyện hằng ngày. Mới đây ngài đã lập một nhà nguyện ở tầng lầu trên cùng của nhà xứ, nơi ngài đến cầu nguyện mỗi ngày một giờ, hầu được đổi mới cho những công tác của một giáo xứ bận rộn.

Chúng ta thường bảo mình có thể nói lên cá tính của một con người qua những giao tiếp của người ấy. Cha Anglim họp đoàn với các gia đình, những người trẻ, người già cả, các bà mẹ không kết hôn, các nhóm sắc tộc, các linh mục bạn, và với Chúa trên nhà nguyện. Câu chuyện của ngài là câu chuyện của người mục tử hôm nay. Đây là chứng từ đầy thuyết phục rằng chẳng có thời nào tốt để làm linh mục hơn thời bây giờ.

Tôi lớn lên trong một ngôi làng nhỏ bé của Feakle ở Ái-Nhĩ-Lan. Cha mẹ tôi rất nghèo. Cha tôi làm

¹ Linh mục Thomas Anglim qua đời tại Ái-Nhĩ-Lan tháng Giêng năm 2010.

công chức cho chính phủ. Mẹ tôi chủ yếu là một bà nội trợ. Bà rất đạo đức và đã giáo dục con cái có một đức tin căn bản. Đời sống của cả làng tập trung quanh nhà thờ. Ngày Chúa Nhật không một ai đi làm. Mọi người đều mặc bộ quần áo đẹp nhất, chẳng những để đi dự thánh lễ mà còn mặc suốt ngày.

Khi lên độ 15 tuổi, tôi bắt đầu suy nghĩ về tương lai. Thời đó ở Ái-Nhĩ-Lan, việc làm linh mục được coi là quà tặng lớn lao của Thiên Chúa. Tôi đã theo học bảy năm tại Mungret, một tiểu chủng viện ở Quận Limerick, do các linh mục dòng Tên điều khiển. Các tuyển mộ viên đến thăm chủng viện từ khắp nơi trên thế giới: Úc, Anh, và Hoa-Kỳ. Khi Đức Ông O'Donovan từ giáo phận thánh Au-gus-ti-nô đến Mungret nói chuyện, ngài đã thuyết phục được tôi và một bạn nữa cùng lớp ghi danh gia nhập giáo phận của ngài, một lựa chọn mà tôi không bao giờ hối tiếc.

Trong năm thứ hai ở đại chủng viện, tôi bắt đầu có những băn khoăn về ơn gọi của mình. Bản tính tôi nhút nhát, nên cái ý nghĩ phải đứng trên toà giảng mà nói khiến tôi hoảng sợ. Tôi thưa với cha linh hướng rằng tôi đang nghĩ đến việc rời chủng viện. Sau khi nghe tôi trình bày lý do, ngài bảo: *“Những lý do của thầy không đủ chính đáng.”* Tôi đã từng được huấn luyện phải vâng lời. Tôi nghe lời ngài và quyết định không quay đầu trở lại nữa. Kể từ lúc đó, tôi không bao giờ còn đặt nghi vấn về ơn gọi của mình. Và tôi sẽ luôn chọn lại như vậy vì tôi yêu mến sứ vụ linh mục.

Năm 1958 Giáo Phận Thánh Au-gus-ti-nô được chia đôi và Miami trở thành giáo phận mới. Đức cha Colman Carroll, giám mục Miami, đang tìm các linh mục để thiết lập những giáo xứ mới. Ngài bổ nhiệm tôi làm chánh xứ của giáo xứ đầu tiên trong giáo phận đang thành hình, xứ Đức Mẹ Mân Côi ở Perrine. Sau này giáo xứ ấy trở thành một điểm nóng. Trong cuộc khủng hoảng hỏa tiễn ở Cuba, hàng trăm xe

quân sự đổ về xa lộ gần nhà thờ chúng tôi. Ai nấy đều sợ một cuộc tấn công nguyên tử. Cuối tuần đó tôi bắt đầu giải tội từ 7 giờ chiều, mãi tới nửa đêm mới xong.

Năm 1966 cha sở giáo xứ thánh Phan-xi-cô Xa-vi-ê ở Fort Myers đồng thời là hạt trưởng của một giáo hạt bị rơi từ trên núi ở Colorado xuống và tử thương. Giám mục yêu cầu tôi nhận giáo xứ ấy và làm hạt trưởng. Tôi ghét việc phải rời bỏ bờ biển phía Đông này, nhưng tôi đã nhận lời, và tôi đã ở đây gần 30 năm rồi. Năm 1983 giáo phận mới Venice của Florida được thiết lập, với John J. Nevins làm giám mục. Giáo xứ Thánh Phan-xi-cô Xa-vi-ê thuộc về giáo phận mới ấy. Giám mục yêu cầu tôi làm Tổng Đại Diện, và tôi giữ công việc này đã hơn 10 năm.

Khi tôi mới đến, giáo xứ thánh Phan-xi-cô Xa-vi-ê không phải là một xứ lớn, nhưng rồi nó đã lớn mạnh đến không khiếp. Khoảng 3.600 gia đình đã ghi danh nhập xứ; còn 1.000 nữa thì chưa. Ngôi trường nhỏ xíu đã phát triển thành một trường tiểu học lớn nhất giáo phận với 640 học sinh. Nhiều người già cả trong giáo xứ cần sự giúp đỡ cả về tinh thần lẫn vật chất. Chúng tôi đã xây Biệt Thự Phan-xi-cô, một dự án chung cư riêng của giáo xứ gồm 60 căn hộ cho họ. Vì chúng tôi không sử dụng tiền của chương trình HUD², nên khu chung cư hoàn toàn biệt lập khỏi quyền kiểm soát của chính phủ. Ngày nay dự án đã hết nợ nần. Và dự án đó thật là một điều ích lợi cho những giáo dân già cả trong xứ! Giá thuê vừa phải –rất quan trọng với những người có lợi tức cố định. Chung cư có một nhà nguyện riêng và các cư dân có thể đi bộ đến dự thánh lễ sáng tại giáo xứ. Ba linh mục và hai ba nữ tu đã về hưu trí ở đây. Khi những giáo dân già cả đến lúc tuổi đời xế bóng, được sống trong một môi trường đạo đức là điều rất quan trọng đối với họ.

² HUD: *Housing and Urban Development*, tạm dịch là Phát Triển Nơi Cư Trú và Thành Thị.

Khoảng 15 năm trước đây chúng tôi cũng đã xây được một ngôi nhà cho các bà mẹ không kết hôn. Nhân viên gồm một bà mẹ điều hành và một thư ký được trả lương; ngoài ra đều là tình nguyện viên. Các bà mẹ ở trong ngôi nhà đó đã sinh đến hơn 500 đứa con.

Có một số đồng người trong vùng từ Haiti đến. Giám mục nghĩ rằng có một nhà thờ riêng và một trung tâm để họ có thể xác định căn tính của mình trước khi hoà nhập vào dòng chính thì tốt hơn cho họ, bởi thế chúng tôi đã mua lại một nhà thờ Tin Lành bỏ trống cách đó vài khu phố, và khởi sự một thí điểm truyền giáo Haiti ở đây. Trong số bốn linh mục nhóm chúng tôi, có một linh mục người Haiti vừa chịu chức, ngài sống tại nhà xứ và làm mục vụ cho dân tộc của ngài.

Nhiệm vụ đầu tiên và cơ bản nhất của một linh mục là công bố Lời Chúa; để làm tốt nhiệm vụ này, ngài phải là một người có đời sống tâm linh.

Theo phán đoán của tôi, nhiệm vụ đầu tiên và cơ bản nhất của một linh mục là công bố Lời Chúa; để làm tốt nhiệm vụ này, ngài phải là một người có đời sống tâm linh. Giảng dạy là một phần then chốt trong

mục vụ của tôi. Mỗi bài giảng tôi đều soạn cẩn thận. Rõ ràng là giáo dân của tôi thích thú với những bài giảng ấy; ít nhất họ đã nói với tôi như vậy. Một phần quan trọng của bài giảng mà thường hay bị quên lãng, đó là linh mục phải sống những gì mình giảng. Nếu giáo dân thấy sự trái ngược giữa những điều linh mục nói trên tòa giảng và những gì ngài hành xử trong văn phòng nhà xứ, thì ngay cả một nhà giảng thuyết lợi khẩu nhất cũng mất hết tác dụng. Ngài cần giảng Tin Mừng, và rồi cho dân chúng thấy rằng ngài đang sống sứ điệp ấy. Người ta có giác quan thứ sáu về đời sống tâm linh. Họ có thể nhìn ra một linh mục thánh thiện ngay lập tức.

Tôi nghĩ rằng, là một linh mục, tôi cần phải sống với dân chúng. Tôi được truyền chức chính là vì điều ấy. Nhiệm vụ của tôi là giúp họ lớn lên trong sự thánh thiện. Tôi không thể chu toàn nhiệm vụ này trừ khi tôi cũng đang lớn lên trong sự thánh thiện, và phương thức duy nhất để đạt được điều ấy là phải dành nhiều giờ cho việc cầu nguyện.

Gia đình với các con nhỏ có nhu cầu đặc biệt. Một phần tư trong số 640 học sinh trong trường của chúng tôi sống

với cha hoặc mẹ đơn chiếc. Chúng tôi dành một người làm việc hầu như toàn thời gian lo cho thiếu niên và những gia đình này. Cha mẹ bó buộc phải đến lớp khi con cái của họ chuẩn bị lãnh bí tích hòa giải lần đầu, và cách đây hai đêm chúng tôi đã có đến 100 phụ huynh trong phòng hội.

Ngày nay có phải là thời điểm khó khăn để làm linh mục không? Tôi không tin là khó như thời mười hai tông đồ đầu tiên, cũng chẳng như Chúa Giê-su. Không ai trong chúng ta bị yêu cầu phải trải qua những gì Chúa Ki-tô đã từng trải. Nếu đây là những thời gian khôn khó, tốt thôi. Chúng là thời gian tuyệt hảo để được đồng hình đồng dạng với Chúa Ki-tô chịu đau khổ. Xã hội chúng ta thấm nhiễm sắc dục. Truyền hình, phát thanh, báo chí và cuộc cách mạng tình dục đòi hỏi linh mục phải có đời sống thiêng liêng vững chắc, nếu không sẽ phải đầu hàng ra đi.

Một phần quan trọng của bài giảng mà thường hay bị quên lãng, đó là linh mục phải sống những gì mình giảng. Nếu giáo dân thấy sự trái ngược giữa những điều linh mục nói trên tòa giảng và những gì ngài hành xử trong văn phòng nhà xứ, thì ngay cả một nhà giảng thuyết lợi khẩu nhất cũng mất hết tác dụng. Ngài cần giảng Tin Mừng, và rồi cho dân chúng thấy rằng ngài đang sống sứ điệp ấy.

Một cảnh rất đau lòng trong đời linh mục của tôi xảy ra khi tôi làm cha sở giáo xứ Thánh Tâm ở Lake Worth. Một thanh niên đã bắn chết mẹ anh và cả vợ anh, rồi leo lên chóp ngọn tháp Đại Học Texas xả súng vừa bãi vào các sinh viên. Tôi tin rằng anh đã sát hại cả thầy 16 người. Gia đình anh thuộc giáo xứ này, và anh của anh ta lại là giảng viên giáo lý. Gia đình yêu cầu làm lễ an táng cho mẹ và con trong nhà thờ. Giới truyền thông tường thuật đầy đủ chi tiết về thảm cảnh đó, kể cả việc có thể họ sẽ không được làm lễ an táng trong nhà thờ. Trong khi giám mục và tôi đang cùng thảo luận về lời yêu cầu của gia đình cũng như các hệ lụy của quyết định mà chúng tôi sẽ chọn, thì công việc giáo nghiệm tử thi cho biết chàng thanh niên có một khối u trong não. Ý kiến của y học cho rằng khối u có thể đã tác động vào những hành vi cuối cùng trong đời anh. Chúng tôi quyết định làm lễ an táng tại giáo xứ. Điện thoại tràn ngập gọi đến tôi, hầu hết từ các nhân viên truyền thông, hỏi rằng làm sao chúng tôi lại có thể cử hành nghi lễ an táng Công Giáo cho một tên sát nhân. Chúng 200 đại diện truyền thông tụ họp chung quanh nhà thờ trong giờ hành lễ. Chúng tôi không cho họ vào nhà thờ, song đã niêm yết một bản văn giải thích tại sao chúng tôi làm lễ an táng Công Giáo cho người thanh niên. Chúng tôi nhận hàng trăm lá thư, nhiều thư chỉ trích quyết định của chúng tôi. Làm sao bạn có thể làm cho giới truyền thông và công luận hiểu rằng lòng thương cảm là điều thiết yếu cho lễ an táng Công Giáo và Thiên Chúa mới là vị thẩm phán cuối cùng? Tôi chưa bao giờ vượt qua hẳn được nỗi đau buồn về biến cố đó, nhưng tôi chẳng khi nào hối tiếc về quyết định ấy, một quyết định đã đem lại sự nâng đỡ và an ủi cho những người trong một gia đình bất hạnh.

Nguyên việc được truyền chức thôi đã là niềm vui lớn lao biết bao! Ngày đó lại hóa ra hạnh phúc gấp đôi, bởi sự

kiện là lễ truyền chức đã diễn ra tại một địa điểm lịch sử, Đền Đức Mẹ Leche tại xứ Thánh Au-gus-ti-nô, tiểu bang Florida, nơi mà Thánh Lễ đầu tiên trên đất nước Hoa-Kỳ được cử hành vào năm 1565. Đối với một người Ái-Nhĩ-Lan, trở về quê hương trên mảnh đất Ái-Nhĩ-Lan mà dâng Thánh lễ đầu tay với gia đình là một niềm vui hết sức đặc biệt mà tôi sẽ luôn luôn ghi nhớ.

Mỗi một lễ hôn phối tôi cử hành, mỗi lần tôi làm phép rửa tội, mỗi khi tôi giúp một ai đó dọn mình chết, đều là những dịp vui chẳng những cho bản thân tôi, mà cả cho đôi tân hôn, cho cha mẹ và cho các gia đình nữa.

Tôi đã ảnh hưởng đến cuộc đời của nhiều người, và đã làm được điều khác biệt trong xứ đạo này cũng như phần đất này của Hoa-Kỳ. Chẳng hạn, cùng với một số giáo dân, tôi đã làm được điều khác biệt cho tương lai của giáo xứ Thánh Phan-xi-cô Xa-vi-ê, khi xảy ra chuyện xung khắc với Bộ Giao Thông Vận Tải. Họ muốn làm một nhịp cầu khác bắc qua Sông Caloosahatchee khiến lấy mất đi 110 chỗ đậu xe của nhà thờ và sẽ cắt mất đường vào trường học của chúng tôi. Như thế chẳng khác nào là muốn chẹt cổ cho giáo xứ chết ngạt, và rồi chúng tôi sẽ phải dời đi chỗ khác thôi. Các luật sư bảo rằng việc chúng tôi phản đối chỉ là phí thời giờ vô ích, bởi vì “*Bộ Giao Thông Vận Tải sẽ chẳng bao giờ đổi ý đâu.*” Chúng tôi vẫn cứ phản đối. Chúng tôi đã khởi đầu một chiến dịch viết thư, liệt kê sự ủng hộ của những người làm chính trị trong giáo xứ, đến gặp thống đốc tiểu bang, và cầu nguyện. Cuối cùng chúng tôi đã thắng cuộc. Bộ Giao Thông Vận Tải đã thiết kế một dự án mới không còn dính dáng đến việc lấy đi phần đất nào của chúng tôi nữa.

Tôi thường xuyên cổ vũ ơn gọi trong các bài giảng và nói chuyện với những trẻ em nào xem ra có đủ các phẩm hạnh. Chúng phải trực diện với những khó khăn thực sự của ngày hôm nay khi chấp nhận ơn gọi làm linh mục. Tuy nhiên Giáo Hội đã luôn luôn phát triển mạnh trong nghịch cảnh và khi bị bách hại. Ba mươi năm trước đây, khi những người trẻ ở Ba-Lan bị cấm không được đến nhà thờ, hầu hết

Nếu chúng ta được nhìn nhận là những linh mục thánh thiện, thời người ta sẽ phá cửa nhà chúng ta vào xin được cứu giúp. Ngày nay, các chủ chiên thường được thánh hoá bởi con chiên. Đó không phải điều xấu hử, song nên là sự hổ tương của cả đôi bên.

bọn họ vẫn cứ đi. Mới đây tôi được chứng kiến sự trẻ trung hóa trong việc huấn luyện tại chủng viện, và tôi rất hy vọng. Tôi thật sự nghĩ rằng chúng ta đang trải qua một giai đoạn thanh luyện trong Giáo hội, và trong vòng 50 đến 100

năm sắp tới chúng ta sẽ thấy một Giáo Hội mới, một sự cam kết mới, một hàng ngũ linh mục mà dân Chúa sẽ một lần nữa có thể tự hào.

Tôi chưa hề thấy một thời điểm nào mà những cơ hội cho một linh mục lại lớn lao đến thế. Ngày nay ai cũng đang tìm kiếm một sự hướng dẫn tâm linh. Nếu chúng ta được nhìn nhận là những linh mục thánh thiện, thời người ta sẽ phá cửa nhà chúng ta vào xin được cứu giúp. Ngày nay, các chủ chiên thường được thánh hoá bởi con chiên. Đó không phải điều xấu hử, song nên là sự hổ tương của cả đôi bên.

Hãy kể tôi là một trong những linh mục hạnh phúc. Tôi chẳng muốn là một thứ gì khác ngoài việc làm linh mục. Phải thú thực tôi thường cảm thấy căng thẳng trong nhiệm vụ chủ chăn của một giáo xứ lớn, với một ngôi trường lớn nhất giáo phận, điều hành một dự án chung cư cho những

người già cả, yểm trợ một mái ấm cho các bà mẹ không kết hôn, phục vụ trong vai trò Tổng Đại Diện của Giáo Phận, chủ tọa các ủy ban kế hoạch và phát triển, cũng như chương trình hưu trí của giáo phận. Tuy nhiên, khi tôi lên trên nhà nguyện của mình, làm một vài động tác hô hấp và một chút chiêm niệm, tôi bước ra khỏi đó với nhịp tim đập dưới 70.

Tôi xin gửi tặng một lời cho tất cả các linh mục nào có thể sẽ đọc cuốn sách này:

“Hãy cảm ơn Chúa từng phút giây trong cuộc đời bạn, vì bạn là linh mục. Nếu bạn không cảm thấy hạnh phúc trong ơn gọi của mình, thì bạn vẫn có thể hạnh phúc. Tất cả những gì bạn phải làm là chỉnh đốn lại đôi chút. Nếu bạn quá bận đến nỗi không thể cầu nguyện, thì bạn bận rộn quá rồi đó. Nếu cần, bạn hãy lấy sổ hẹn ra, ghi vào đó một giờ cầu nguyện và đừng để ai hẹn bạn vào lúc ấy. Đó là thời giờ của bạn dành cho việc gặp gỡ Chúa. Đó là thời giờ phải được thực hiện, và đối với dân chúng, việc thực hành ấy là một ơn phước vĩ đại biết bao!

Mỗi sự khó khăn chúng ta gặp phải đều có thể được giải quyết trên hai gối quỳ. Hãy đọc các thư của Thánh Phao-lô, Phê-rô và Gia-cô-bê; các ngài đã chia sẻ với bạn bè của mình về mối tương giao của các ngài với Chúa. Chúng ta có một món quà vĩ đại. Chúng ta cần giữ gìn nó, cho phần rỗi của chúng ta, và cho phần rỗi của mọi người trong Hội Thánh.” ●

Đức Ông

Richard W. Moyer

Carefree, tiểu bang Arizona

Đức Ông Richard Moyer sinh ngày 12 tháng 1 năm 1932 tại Sandusky, tiểu bang Ohio. Ngài thụ phong linh mục cho Giáo Phận Tucson, tiểu bang Arizona năm 1964, và hiện nay đang là cha sở giáo xứ Đức Mẹ Vui Mừng.

Đức Ông Moyer là một thứ đạo quân chỉ có một người. Ngài là cha sở của một xứ đạo tương đối mới và đang phát triển, đồng thời giữ một số công tác quan trọng của giáo phận. Kho sinh lực của ngài thật ngoài sức tưởng tượng. Ngài đã từng phục vụ trong Hải Quân Hoa-Kỳ, là một nhạc sĩ tài ba, một chuyên viên tài chánh lỗi lạc, và dấn thân tận tụy vào một trong các chương trình cho giới trẻ thành công nhất nước Mỹ, đó là “Thiếu Niên Sự Sống”¹, một chương trình đang lan rộng đến nhiều giáo phận. Chúng ta có thể không mong đợi cha sở của một xứ đạo lớn, một tổng đại diện, và một chuyên viên tài chánh lỗi lạc lại tận tụy dấn thân vào mục vụ giới trẻ. Song đây là câu chuyện của một linh mục như thế.

Ba tôi không phải là người Công Giáo lúc cha mẹ tôi lấy nhau. Vài năm sau ông mới gia nhập Giáo Hội.

¹ *Life Teen* – Phong trào *Thiếu Niên Sự Sống* là một mục vụ giới trẻ Công Giáo được linh mục Dale Fushek (nay là đức ông) khởi xướng năm 1985 tại giáo xứ Thánh Ti-mô-thê ở Mesa, tiểu bang Arizona với mục đích đưa dẫn thiếu niên đến gần Đức Ki-tô.

Ông là một tấm gương tuyệt vời cho tôi, một con người trung tín, làm việc chăm chỉ, người đã chăm sóc mọi nhu cầu của chúng tôi giữa những năm kinh tế Đại Khủng Hoảng. Ông mất năm 1960 vì đau tim ở tuổi 54, ngay trước khi tôi vào chủng viện. Mẹ tôi tái giá với một người đàn ông đã góa vợ, và tôi đã chứng hôn trong lễ nghi đó. Người chồng của mẹ tôi có một con trai đang ở trong chủng viện, và năm năm sau khi họ làm đám cưới, tôi đã giảng trong thánh lễ Mở Tay của người em kế ấy.

Tôi học tiểu học và trung học tại trường Thánh Giu-se ở Sandusky, và tốt nghiệp trung học năm 1950. Chưa biết chắc sẽ phải làm gì, tôi chơi nhạc tài tử một thời gian, thay thế tay chơi đàn phòng cầm ở nhà thờ địa phương, và làm thân ngân viên trong cửa hàng A&P. Tôi không có đủ tài chánh để vào đại học. Chiến Tranh Triều Tiên đã bùng nổ và tôi quyết định làm hai chuyện: đi thưởng ngoạn một số nơi trong nước và chọn cho mình một binh chủng thay vì để cho bị động viên. Tháng Hai năm 1951, tôi làm một chuyến đi tiểu bang Arizona với hai người bạn và ghé thăm chú em tôi đang làm việc trong vùng Yuma. Tôi cảm thấy yêu thích Arizona ngay và biết rằng một ngày nào đó tôi muốn sống tại tiểu bang này. Khi trở lại Ohio, tôi đầu quân vào Hải Quân và được gửi đi Ngũ Đại Hồ huấn luyện. Tôi ở đó hai năm, làm việc trong văn phòng tuyên úy với tính cách là thư ký và nhạc công. Thời gian đó tôi bắt đầu nghiêm chỉnh nghĩ đến sứ vụ linh mục cũng bởi vì một thứ kinh nghiệm trở về.

Trong Hải Quân, tôi nhận ra hai loại người căn bản: có những người sống cuộc đời liêu lĩnh và vứt bỏ luân lý theo chiều gió, và một nhóm người khác là những người rất tốt sống gần gũi với Thiên Chúa. Tôi ngưỡng mộ nhóm người thứ hai này. Người ở con đường trung dung không nhiều lắm. Hoặc là họ chọn chỗ đứng cao thượng, hoặc là họ hòa theo cả bầy còn lại và dính bén vào rượu chè say sưa, tình

dục và bài bạc. Tôi cố gắng ngẩng mặt nhìn về cuộc đời tôi đang sống và quyết định một cách ý thức chọn lấy chỗ đứng cao thượng. Khi tôi thổ lộ với các vị tuyên úy cái ý tưởng trở thành một linh mục, các ngài đã khích lệ tôi rất nhiều. Tôi thừa với cha mẹ về dự định của mình, và cả hai đều rất ủng hộ. Ở quê nhà có một người bạn gái mà tôi đã nghĩ đến chuyện cưới cô ấy. Tôi về gặp cô ta và bảo nàng rằng tôi đang nghĩ đến những lựa chọn khác. Nàng nói rằng nàng hiểu, và biết thừa rằng các thủy thủ đều có một cô gái nào đó ở mỗi một hải cảng. Tôi cho nàng biết nàng không hiểu đúng về tôi, rồi bật mí cho nàng dự tính sẽ làm linh mục. Nàng bị chấn động mạnh, song theo một cách mà tôi nghĩ rằng nàng cảm thấy vui lòng.

Năm 1953, sau thời gian ở Ngũ Đại Hồ, tôi được phái đến một hàng không mẫu hạm, chiếc *USS Biển San Hô*², đang hành quân trên biển Đại Tây Dương, vùng Địa Trung Hải, và vịnh Caribbean. Tôi đã hoàn tất hai phiên tuần ở Âu Châu với Hạm Đội Sáu, được kể là một phần của lực lượng chuyên nghiệp³ sau Thế Chiến Thứ II. Tôi có nhiều cơ hội du hành đến viếng nhiều địa danh trong Kinh Thánh, kể cả Rô-ma, Hy-Lạp, và một số các thành phố đã được thánh Phao-lô ghé qua trong các chuyến hành trình truyền giáo của ngài.

Một trong những ảnh hưởng mạnh nhất đến ơn gọi của tôi là một vị tuyên úy kỳ diệu của chiếc *Biển San Hô*, ấy là Đức Ông Richard Holmes.

Quan điểm của nhà thần học Đa-minh Edward Schillebeecx được giới thiệu vào. Các bí tích bổn chức trở nên có liên hệ, sống động và cá nhân. Sự hiểu biết này – một sự chuyển rời khỏi cái suy nghĩ như máy bán hàng – đã thay đổi cuộc đời tôi.

² *U.S.S. Coral Sea*

³ Occupational Forces – gần giống như lực lượng đặc nhiệm.

Trong năm huấn luyện cuối cùng của tôi ở chủng viện, quan điểm của nhà thần học Đa-minh Edward Schillebeeckx được giới thiệu vào. Các bí tích bỗng chốc trở nên có liên hệ, sống động và cá nhân. Sự hiểu biết này –một sự chuyển rời khỏi cái suy nghĩ như máy bán hàng– đã thay đổi cuộc đời tôi.

Bài sai đầu tiên của tôi đến xứ thánh Phan-xi-cô Assisi ở Yuma quả là một ơn phước lớn. Cha sở là cha Henry Miller. Ngài thuộc loại người thảo luận với bạn về các ưu điểm của bạn, rồi trao cho bạn các công tác căn cứ theo đó, và để bạn làm công việc của mình. Năm 1967 giám mục lại cử tôi đến xứ Thánh Phê-rô và Phao-lô ở Tucson rồi sau đó đến Phoenix, làm phụ tá giám đốc cơ quan bác ái. Khi Giáo Phận Phoenix được thành lập, tôi đã trở thành giám đốc cơ quan Bác Ái Công Giáo ở đó. Năm 1982 Giám Mục O'Brien cử tôi về xứ Thánh Jerome. Xứ Thánh Jerome là niềm vui của đời tôi. Một thời gian ngắn sau đó, giám mục đã đặt tôi làm tổng đại diện của giáo phận.

Năm 1984 giám mục lại sai tôi đến miền Bắc Arizona làm đại diện giáo phận ở vùng đó. Hai năm sau, trong khi vẫn tiếp tục công việc ấy, tôi được bổ nhiệm làm cha sở giáo xứ Thánh Gio-an Vianney ở Sedona. Tôi thích việc quản trị, nhưng cũng mong phải chỉ được làm công việc tại xứ đạo mà thôi. Năm 1988 tôi về nhà thờ chánh tòa làm cha chánh.

Ít lâu sau khi tôi đến nhà thờ chánh tòa, giám mục yêu cầu tôi làm tổng quản. Năm 1993 giám mục cho tôi một cơ hội làm giám quản xứ Đức Mẹ Vui Mừng, nếu tôi có thể đảm nhiệm công việc ấy đồng thời với công tác tài chánh của giáo phận. Sau đó ngài bổ nhiệm tôi làm cha sở. Giờ đây tôi có đến ba công việc khó nuốt: cha sở của xứ đạo, tổng đại diện, và chuyên viên tài chánh của giáo phận. Dùng một máy điện toán, tôi có thể làm được nhiều chuyện cho hai công tác sau từ văn phòng giáo xứ.

Suốt 32 năm qua tôi vẫn luôn cố gắng truyền đạt cho người ta biết rằng Chúa Giê-su có thật, và mỗi chúng ta có thể xây dựng mối tương quan với Ngài như chúng ta có thể làm với bất cứ con người nào. Khái niệm đó đã tăng cường năng lực cho tôi trong những ngày đầu của đời linh mục.

Chúa Giê-su có thật, và mỗi chúng ta có thể xây dựng mối tương quan với Ngài như chúng ta có thể làm với bất cứ con người nào.

Tôi cử hành Thánh Lễ đầu tiên ở quê nhà với các trẻ em lớp Sáu sau khi chúng được dậy dỗ sáu tuần về Thánh Thể. Tôi yêu cầu các em vẽ lên tờ treo tường những gì chúng đã học được. Sau này tôi đã dùng những tranh treo tường ấy làm bức màn hậu cho Thánh Lễ. Điều mà các em diễn tả một cách nghệ thuật thật là sững sốt. Một năm sau tôi đã dùng các em học sinh tiểu học này để dạy một nhóm các giáo lý viên trong một đại hội của giáo phận. Điều chúng làm được thật là tuyệt diệu, y như Chúa Giê-su dạy người ta trong đền thờ khi Ngài mới 12 tuổi.

Chúng tôi học từng bí tích với mục tiêu là hoàn tất với một cuộc cử hành cộng đồng. Thí dụ, khi chúng tôi học về bí tích thánh tẩy, một người mẹ của các em trong lớp đang mang thai. Đó là đứa con của chúng tôi suốt thời gian này. Tụi trẻ làm giấy báo khai sinh và áo rửa tội. Đứa bé sắp sinh ra trở thành đứa con của chúng, gia đình của bé trở thành gia đình của chúng. Chúng học bằng cảm nghiệm, hay hơn bất cứ bài học trong lớp nào, về việc làm sao chào đón một người vào trong gia đình của Thiên Chúa.

Tôi cảm nhận được nhu cầu của người ta là những người đang tuổi 24 đến 45 cần sự chăm sóc của linh mục nhiều hơn cả. Họ đã trải qua một quãng thời đầy biến động –Chiến

Tranh Việt Nam, cái gọi-là cách mạng giới tính, rồi sự sa sút những giá trị. Họ thuộc nhóm người lần đầu tiên có con số lớn những người mẹ phải đi làm. Họ mất mát nhiều thứ, và đời sống đức tin của họ bị đe dọa. Chúng ta phải tìm mọi cách để khuyến khích họ tham gia những chương trình giáo dục cho người trưởng thành, ngõ hầu bồi bổ niềm tin của họ. Ngày nay nhiều cha mẹ có rất ít đức tin để mà thông truyền lại cho con cái mình. Việc dự thánh lễ không còn là quan trọng đối với họ. Chúng ta có khá nhiều người Công Giáo tùy hứng, những người chỉ đến khi họ cần một điều gì đó cho chính họ hoặc cho con cái họ thôi.

Chúng ta phải tìm mọi cách để khuyến khích họ tham gia những chương trình giáo dục cho người trưởng thành, ngõ hầu bồi bổ niềm tin của họ. Ngày nay nhiều cha mẹ có rất ít đức tin để mà thông truyền lại cho con cái mình.

Các trẻ vị thành niên cũng cần được giúp đỡ. Họ đối diện với thách đố lớn hơn nhiều so với chúng ta lúc ở tuổi ấy. Công việc tôi đang làm

với bọn trẻ cho thấy rằng nếu chúng ta cung cấp cho họ một điều gì vững chắc, nếu chúng ta mở lòng cho họ thấy đức tin thực sự là gì, họ sẽ đáp lại rất nồng nhiệt.

Năm 1978 cha Dale Fushek lãnh bài sai đến xứ Thánh Jerome ngay sau khi được truyền chức. Ngài có một tài năng khác thường với giới trẻ và đã sáng lập hội Thiếu Niên Ki-tô Hữu Hành Động⁴. Ngài và tôi cùng nhau tổ chức những buổi tĩnh tâm cho giới trẻ. Năm 1985 ngài trở thành cha sở giáo xứ Thánh Ti-mô-thê ở Mesa và sáng lập ở đó chương trình Thiếu Niên Sự Sống mà nay đã lan rộng đến 350 giáo xứ trên khắp đất nước. Tôi bị lôi cuốn vào chương trình đó, và vẫn còn dạy trong các buổi huấn luyện vào những tháng hè. Trong năm hay sáu năm vừa qua, chúng tôi đã huấn luyện trên 800 linh mục và những thừa tác viên cho giới trẻ. Chúng

⁴ Active Christian Teens

tôi có một chi nhánh nhỏ của hội Thiếu Niên Sự Sống tại xứ đạo này.

Chương trình đó xoay quanh bí tích Thánh Thể và Thánh Lễ Cho Thiếu Niên Sự Sống. Khoảng 1.500 đến 1.700 tham dự Thánh Lễ cho thiếu niên tại nhà thờ Thánh Ti-mô-thê. Không phải tất cả những người tham dự đều là thiếu niên. Một số là phụ huynh và các đứa em trẻ hơn. Âm nhạc và bài giảng đều nhằm vào thiếu niên: các thiếu niên giúp Lễ, chúng đọc sách thánh, chúng dâng lễ vật, và chúng hát. Phần lớn chương trình đặt căn bản vào mục vụ của trẻ đồng trang lứa, và được trợ giúp bởi một nhóm trẻ nòng cốt có kinh nghiệm trong hội Thiếu Niên Sự Sống. Một chương trình thôi cũng có đến 30 thành viên trong nhóm nòng cốt. Ngay sau Thánh Lễ, thi Đêm Sự Sống⁵ diễn ra. Một số đêm chỉ là để giao lưu, một số khác có tính cách giáo dục, một số có tính cách hướng về các chủ đề hầu giải quyết những vấn nạn mà thiếu niên đang gặp phải, chẳng hạn như luân lý, phá thai, và áp lực của bạn đồng trang lứa. Chúng tôi cố gắng lợi dụng những gì đang xảy ra trong vùng địa phương. Những khủng hoảng thời cuộc có thể nhanh chóng thay đổi hướng đi của Đêm Sự Sống. Thánh Lễ kéo dài khoảng một giờ rưỡi. Các thiếu niên ở lại với nhau một giờ rưỡi nữa sau đó. Họ sinh hoạt vào mỗi Chúa Nhật suốt năm. Nhiều ơn gọi đã phát sinh từ chương trình Thiếu Niên Sự Sống của chúng tôi. Năm ngoái khoảng 30 thiếu niên gia nhập Giáo Hội tại xứ Thánh Ti-mô-thê. Họ được mang đến xứ đạo bởi các bạn thiếu niên khác, và đã tham gia với sự cho phép của cha mẹ họ.

Những giáo xứ nào tham gia? Tất cả những giáo xứ có chương trình Thiếu Niên Sự Sống. Một số giáo xứ không có khả năng thực hiện chương trình mỗi Chúa Nhật, và có thể thực hiện mỗi tháng một lần thôi. Trong xứ đạo của tôi, chúng tôi có một số ít thiếu niên, bởi thế chúng tôi còn chưa

⁵ Life Night

có Thánh Lễ Cho Thiếu Niên Sự Sống. Thay vào đó, chúng tôi cho những người trẻ tiếp cận với phụng vụ thường xuyên. Chúng tôi đề họ đọc sách thánh, ca hát, và làm việc trong những mục vụ khác nhau của giáo xứ. Phần lớn các công việc được làm cho những buổi tĩnh tâm. Chúng tôi cố gắng để có hai buổi tĩnh tâm riêng cho thiếu niên trong năm. Chúng tôi mang các thiếu niên lên núi, cắm trại giữa lâm viên quốc gia. Không có gì làm cho phân tâm. Mỗi lần như thế chúng tôi có đủ giường cho 192 em. Nhiều kinh nghiệm biến đổi đã xảy ra ở đó. Cha Dale là người cha sáng lập của Thiếu Niên Sự Sống. Tôi vẫn là một cộng sự viên lặng lẽ và vẫn còn thực hiện một số buổi tĩnh tâm ba ngày. Bạn không cần phải kêu gọi tụi trẻ tham gia; lúc nào cũng có cả một danh sách chờ đợi.

Tôi cũng làm việc tận tụy với bí tích hòa giải, đặc biệt

Những người trẻ ngày nay muốn chia sẻ đời sống của họ với bạn. Họ mở lòng đón nhận các đề nghị và sẵn sàng thay đổi.

cho các người trẻ. Tôi thấy được sự thành thực gấp bội nơi các thanh thiếu niên hơn tìm thấy trong các bạn đồng trang lứa của tôi khi tôi còn niên thiếu. Những người trẻ ngày

nay muốn chia sẻ đời sống của họ với bạn. Họ mở lòng đón nhận các đề nghị và sẵn sàng thay đổi. Thật là bổ ích thêm cho tôi khi lắng nghe họ, khích lệ họ, thách thức họ, và chấp nhận họ.

Mặc dầu khá nhiều bạn bè tôi đã rời bỏ sứ vụ linh mục, tôi chưa bao giờ nghĩ đến việc sẽ làm như thế. Trước hết, tôi đã làm một cam kết, và tôi không coi nhẹ những cam kết. Thứ hai, nó vẫn đang là một cuộc sống thật khích lệ và bổ ích biết bao. Thật hết sức kỳ diệu được trở nên một phần quan trọng trong cuộc đời của rất nhiều người, không phải chỉ một người. Chúc linh mục đã giữ cho đức tin của tôi

sống động. Tôi đã từng thấy người ta trải qua những khủng hoảng và các thảm cảnh, và đức tin của họ là điều duy nhất còn giữ vững được trong đời họ. Khi chúng ta đến với những người đang đau khổ, chúng ta làm được một sự khác biệt lớn lao trong đời họ.

Các mối quan hệ chúng tôi tạo được với tính cách là linh mục thật là tốt đẹp. Khi chúng ta xây dựng một ngôi nhà, sau khi nó hoàn tất chúng ta có thể nhìn thấy thành quả việc mình làm. Còn khi chúng ta làm việc với con người, chúng ta chẳng bao giờ thấy được những thành quả trọn vẹn trừ khi họ đến nói cho chúng ta hay. Nhưng chúng tôi quả đã tạo ra những mối quan hệ còn tồn tại và hữu ích. Khi tôi còn là một cán sự xã hội, lúc cố vấn cho họ tôi đã đưa họ tới một điểm nào đó, rồi chuyển giao họ cho một linh mục. Tôi đã vào chủng viện bởi vì tôi đã muốn làm con người ấy, người mà không cần phải dừng lại ở ngưỡng cửa bí tích rồi chuyển giao họ cho một ai khác. Tôi muốn thông phần trọn vẹn vào quá trình đó. ●

Thật hết sức kỳ diệu được trở nên một phần quan trọng trong cuộc đời của rất nhiều người, không phải chỉ một người.

Linh mục

Arnold Weber, O.S.B.¹

Medina, tiểu bang Minnesota

Giáo xứ Thánh Danh Chúa Giê-su ở thành phố Medina, tiểu bang Minnesota thành hình vào năm 1865, lúc ấy chỉ là một xứ đạo nhỏ của những người gốc Đức. Ngày nay giáo xứ đã lên đến 8.000 giáo dân. Linh mục chánh xứ, cha Arnold Weber, được biết đến khắp miền Trung Tây như một nhà lãnh đạo có tài, nhà giảng thuyết lợi khẩu và nhà phụng vụ tuyệt vời. Giáo dân đã quay video những thánh lễ của Cha và sao chép thành nhiều bản để gửi cho những người không thể đến nhà thờ được. Trong mỗi thánh lễ, đến phần tiến dâng lễ vật, các thiếu nhi dâng thực phẩm lên bàn thờ để tặng cho những người nghèo. Nguyên năm 1995 thôi giá trị thực phẩm phân phát cho các gia đình nghèo lên tới \$40.000 Mỹ-kim. Những chương trình này và các hoạt động khác làm cho giáo xứ Thánh Danh Chúa Giê-su nổi tiếng là một cộng đoàn đức tin sinh động, và tích cực dự phần.

Xét theo bề ngoài, những gì mà mỗi linh mục coi xứ làm đã định nghĩa ngài là một linh mục thế nào, đồng thời tăng thêm ý nghĩa cho chức linh mục. Trong câu chuyện của cha Weber, chúng ta khám phá thấy một linh mục đã khơi nguồn sinh lực cho giáo xứ của ngài qua việc giải quyết thỏa đáng các nhu cầu của dân chúng và khuyến khích họ mở rộng vòng tay giúp đỡ những người cần trợ giúp.

¹ O.S.B. – chữ viết tắt của *Ordo Santi Benedicti*, tiếng Anh *Order of Saint Benedict*: Dòng Thánh Bê-nê-đíc-tô hay Biển-Đức.

Cha Arnold sinh năm 1925 trong một gia đình nói tiếng Đức và lớn lên trong một nông trại. Một nửa trong số 12 người con của gia đình Weber đi tu dòng: bốn chị em của ngài trở thành nữ tu dòng Bê-nê-đic-tô, còn ngài và một người em nữa làm linh mục dòng Bê-nê-đic-tô. Ngài chịu chức linh mục năm 1952.

Sứ vụ linh mục của tôi luôn là niềm vui cho bản thân tôi. Tôi coi bốn phạm chính yếu của linh mục là phục vụ người dân trong giáo xứ. Người giáo dân không mong đợi nơi chúng ta để học hỏi điều gì vĩ đại, mà là sự thánh thiện. Họ muốn

Tôi coi bốn phạm chính yếu của linh mục là phục vụ người dân trong giáo xứ. Người giáo dân không mong đợi nơi chúng ta để học hỏi điều gì vĩ đại, mà là sự thánh thiện. Họ muốn chúng ta có đức tin, lòng yêu mến và kính trọng họ.

chúng ta có đức tin, lòng yêu mến và kính trọng họ.

Nông trại của gia đình chúng tôi ở gần giáo xứ thánh Mar-ti-nô,

một thành phố nhỏ mà 100% là người Công Giáo. Ôn gọi làm linh mục và vào tu viện rất nhiều. Thành phố này chỉ có 200 gia đình, thế mà đã sản xuất ra khoảng 75 nữ tu và 25 linh mục.

Khi tôi bước vào bậc trung học, cha tôi gửi tôi đến học ở Tu Viện Bê-nê-đic-tô mang tên Thánh Gio-an. Mười ba trong số 35 người thuộc lớp tôi sau này trở thành linh mục. Ngay sau khi thụ phong linh mục, tôi được cử về dạy tại Tu Viện Thánh Gio-an để giúp các tu sĩ chuẩn bị lên đại học. Chẳng bao lâu sau tôi được cử làm giám đốc ơn gọi đầu tiên của tu viện. Năm 1970 trường Trung Học Benilde ở Minneapolis suýt bị đóng cửa vì thiếu tu sĩ quản trị. Đức giám mục xin tu viện Thánh Gio-an tiếp nhận. Chúng tôi đã nhận lời và tôi dạy học ở đó ba năm liền.

Sau khi phục vụ một giáo xứ ở Hồ Detroit được bốn năm, tôi trở lại Benilde. Lúc đó có nhiều vấn đề đang diễn ra trong giáo xứ Thánh Danh Chúa Giê-su ở Medina và tôi được yêu cầu đến đây. Trong thời gian đó tôi còn rất nhiều sinh lực để thừa rằng tôi có thể vừa trông coi giáo xứ Thánh Danh vừa quản trị trường Benilde. Tôi đã hoạt động như vậy cho mãi đến năm 1980 mới dành toàn thời giờ cho giáo xứ. Vào ngày đầu tiên khi đặt chân đến cái giáo xứ rất chia rẽ này, tôi đã nhận được 20 lá thư của những người muốn lấy hẹn để bàn về những vấn đề đã gây nên chia rẽ giữa họ. Tôi bằng lòng gặp tất cả những người đã viết thư. Tuy nhiên, vào cuối tuần sau tôi lại đổi ý. Trong bài giảng, tôi nói rằng tôi muốn giữ những cuộc hẹn đó, song với hai điều kiện: một là bất cứ ai đến với tôi không được chỉ trích nhóm khác trong giáo xứ. Điều kiện thứ hai là mỗi người chỉ kể cho tôi nghe những vấn đề riêng của họ thôi. Thế là sau đó không có ai đến gặp tôi cả!

Trở nên người mà dân chúng tìm đến là một việc phục vụ vừa hay bị bỏ quên vừa phải hạ mình. Nếu chúng ta không sẵn lòng, giáo dân không đến với chúng ta. Nếu chúng ta sống xa giáo xứ, người ta không đến với chúng ta được. Chúng ta không cần bắt chước cái thế giới của doanh nghiệp với những giờ giấc hành chánh.

Khi làm việc về ơn gọi, tôi có cơ hội quen biết với cha Andrew Greeley, một tác giả viết sách và một nhà xã hội học. Ngài thường viết cho tạp chí dòng Bê-nê-đic-tô, tập san *Orate Fratres*.² Ngài đã đưa ra một định nghĩa hay nhất về chức linh mục mà tôi từng được nghe: “*Linh mục là người để người ta tìm đến.*” Trở nên người mà dân chúng tìm đến là một việc phục vụ vừa hay bị bỏ quên vừa phải hạ mình. Nếu chúng ta không sẵn lòng, giáo dân không đến với chúng

² *Orate Fratres* - tiếng La-tinh “anh em hãy cầu nguyện”.

ta. Nếu chúng ta sống xa giáo xứ, người ta không đến với chúng ta được. Chúng ta không cần bắt chước cái thế giới của doanh nghiệp với những giờ giấc hành chánh. Tôi thấy khó mà hoàn tất công việc nếu chỉ làm việc có 40 giờ một tuần. Tôi đã đọc nhiều về các linh mục làm việc quá sức, song chẳng coi đó là vấn đề đối với tôi. Chúng ta phải là những linh mục hăng say làm việc. Cũng thế, chúng ta không cần gì cho riêng tư. Dĩ nhiên là một linh mục đồng, tôi không mong mỗi các linh mục giáo phận làm theo thời khóa biểu của tôi.

Những người trẻ hỏi tôi cần phải làm gì để trở thành một linh mục. Tôi trả lời rằng:

“Bạn cần hai điều: một cái xương biết hài hước, và một cái xương lưng vững chắc. Nếu không có hai thứ đó bạn không làm linh mục được, bởi vì văn hoá của chúng ta quá khác với lý tưởng của các linh mục. Nếu bạn không có tính hài hước, lúc bạn bị căng thẳng khi gặp các vấn đề gai góc bạn sẽ không thể giảng Tin Mừng được. Bạn cũng cần một cái xương lưng có nền tảng; vì nếu không, bạn sẽ sớm ngã theo nền văn hoá chung quanh bạn.”

Hàng giáo sĩ chúng ta cần nền tảng vững chắc hơn. Họ hoàn hảo chúng ta mới tấn công vào những vấn đề gay cấn của thế giới chúng ta, bằng các bài giảng hay bằng tờ thông tin Chúa Nhật. Chúng ta tránh nói về những vụ ly hôn, có lẽ vì chúng ta sợ đụng chạm đến nhiều người ly hôn trong giáo xứ. Song những người ly hôn chỉ muốn chúng ta cảm thông

Chúng ta phải loan truyền sứ điệp với sự cảm thông; không hề lên án... Việc chúng ta phải làm không phải là thành công, mà là trung thành với công việc.

hơn với họ thôi. Linh mục như chúng ta cần cả hai: lý tưởng cao thượng và lòng cảm thông. Nhiều năm qua chúng ta đã có đủ thứ lý tưởng nhưng lại không

biết chạnh thương cho lắm. Bây giờ thì chúng ta lại coi thường lý tưởng mà hoàn toàn chỉ chú trọng vào thương cảm. Chúng ta cần cả hai. Chúng ta không nên để lòng chạnh thương phá hủy lý tưởng của mình. Đó là điều đang xảy ra với các vấn đề phá thai, ly hôn và sống chung không cưới hỏi – một dấu hiệu cho thấy lý tưởng không còn. Nếu chúng ta chỉ kêu gọi sự thông cảm thì hóa ra chúng ta đang quên mất giáo huấn của sứ điệp Chúa Ki-tô. Trái lại, nếu chúng ta rao giảng sứ điệp Tin Mừng mà không biết người chúng ta đang nói với là ai, thì chúng ta sẽ bị kể là những con người vô tâm. Bởi vậy, chúng ta phải loan truyền sứ điệp với sự cảm thông; không hề lên án. Cá nhân tôi thấy rằng thực hành được cả hai thật là một thách đố. Tôi học được nhiều ở các dụ ngôn: cứ để cỏ lùng và lúa mọc bên nhau; một vài hạt giống gieo trên đất tốt, vài hạt rơi rớt trên sỏi đá. Việc chúng ta phải làm không phải là thành công, mà là trung thành với công việc.

Bất cứ cộng đoàn nào muốn vững mạnh trong phụng vụ và trong công tác xã hội, thì cần hiểu bí tích Rửa tội đã trao quyền cho giáo dân như thế nào. Một số linh mục chẳng những đã không trao, mà còn độc quyền.

Một trong những điều làm cho đời linh mục của tôi dễ dàng hơn, đó là bây giờ tôi hiểu được thế nào là trao quyền cho giáo dân, và thế nào là thật sự tin vào bí tích Rửa tội. Bất cứ cộng đoàn nào muốn vững mạnh trong phụng vụ và trong công tác xã hội, thì cần hiểu bí tích Rửa tội đã trao quyền cho giáo dân như thế nào. Một số linh mục chẳng những đã không trao, mà còn độc quyền. Đã có một thời tôi nghĩ rằng mình phải có tiếng nói trong bất cứ quyết định nào. Việc tôi được đào luyện theo kiểu người Đức đã khiến tôi đi theo hướng đó. Tuy nhiên, bây giờ tôi không những chỉ trao quyền cho giáo dân, mà còn tin cậy họ sẽ hoàn thành tốt công việc như tôi, nếu không nói là tốt hơn cả tôi nữa. Ngày nay mà độc tài kẻ như bạn không hiểu Vatican II là gì.

Công việc quan trọng nhất đời linh mục của tôi là tập trung vào Thánh Thể. Công việc quan trọng nhất trong việc dạy dỗ là bài giảng. Tôi dành ra từ 7 đến 10 tiếng đồng hồ mỗi tuần để soạn các bài giảng Chúa Nhật. Giáo xứ lớn mạnh một phần nhờ việc giảng dạy. Giáo dân của tôi đến từ khoảng 75 vùng bưu số khác nhau. Họ đến nhà thờ Thánh Danh Chúa Giê-su vì phụng vụ và vì bài giảng. Khi tôi bắt đầu về đây 16 năm trước, xứ đạo có 250 gia đình; hiện nay chúng tôi có cả thảy 2.500 gia đình với 8.000 giáo dân. Ngày nay giáo dân sẽ không hưởng ứng, trừ khi phụng vụ, thánh nhạc và bài giảng phải thật hay. Chẳng hạn, tôi sẽ không đề cập đến chiến tranh hay hạn chế sinh sản mọi ngày Chúa Nhật, dầu đó là những đề tài quan trọng. Thật ra chúng chẳng cung cấp món ăn tinh thần gì cho dân chúng. Phụng

Giáo xứ lớn mạnh một phần nhờ việc giảng dạy... Cần phải nhấn mạnh nhiều vào lãnh vực hoạt động xã hội.

vụ Chúa Nhật đòi hỏi giảng Phúc Âm. Là chủ tịch câu lạc bộ Serra, tôi đã làm cuộc thăm dò xem hội viên mong đợi gì nơi linh mục. Hết thảy họ đều trả lời điều họ muốn thấy nhất là lòng đạo đức vững vàng và sự am tường thần học.

Người dân đói khát những lương thực tinh thần. Một trong những mối phúc tôi thích nhất là *“Phúc cho ai đói khát điều chính trực, vì họ sẽ được thỏa lòng.”* Nếu quả như thế, thì những ai không đói khát hẳn lòng họ trống rỗng nhất. Trong công việc làm cố vấn cho người ta, tôi khám phá rất nhiều sự trống rỗng. Cần phải nhấn mạnh nhiều vào lãnh vực hoạt động xã hội. Tôi có thể dùng nhiều thời gian để giúp họ đạt tới việc tận hiến cá nhân với Chúa Giêsu và sự cứu độ duy chỉ bằng đức tin thôi mà quên mất đoạn Tin Mừng Mat-thêu 25:

*“Vì xưa Ta đói, các người đã cho ăn.
Ta khát các người đã cho uống,
Ta là khách lạ các người đã tiếp rước,
mình trần các người đã cho mặc.
Ta ốm đau các người đã chăm sóc.
Ta ngồi tù các người đến viếng thăm.” (35 - 36)*

Giáo xứ chúng tôi triệt để lưu tâm đến Lời Chúa trong đoạn Mat-thêu 25 này một cách nghiêm chỉnh. Chúng tôi vừa hoàn thành một cuộc lạc quyên giúp một giáo xứ trong vùng nội thành với số tiền đạt tới \$600.000 Mỹ-kim. Chúng tôi sẽ cung cấp cho họ mỗi năm \$60.000 Mỹ-kim trong vòng 10 năm để ngôi trường của họ được hoạt động. Khi xảy ra vụ bom nổ ở Oklahoma City, tổng giáo phận chúng tôi gửi tiền cứu trợ; 14% của tổng số tiền đó là do giáo xứ chúng tôi góp vào. Chúng tôi có chương trình xe bán bánh kẹo. Chúng tôi gom những người lang thang hè phố lại để họ làm bánh và đem bán. Qua chương trình này, năm nay chúng tôi gây quỹ được \$75.000 Mỹ-kim. Lợi tức của giáo xứ chúng tôi được gần \$3.000.000 Mỹ-kim, và chúng tôi dành 24% cho công việc bác ái. Chúng tôi có 360 trẻ em học trường giáo xứ. Chúng tôi giúp các bạn trẻ vào học trường Trung Học Benilde với học bổng là \$1.200 Mỹ-kim. Chúng tôi không giữ lại một xu nào từ lợi nhuận của nhiều kế hoạch. Lễ hội của giáo xứ sắp tới. Chúng tôi sẽ thu được \$35.000 Mỹ-kim, và chúng tôi sẽ tặng toàn bộ cho công việc từ thiện. Trong giáo xứ có khoảng 500 người cần có ai đó giúp họ đi chợ. Chúng tôi đã mở chương trình bán phiếu đi chợ cho các dịch vụ trong vùng, và cho bà quản lý biết rằng toàn bộ tiền lời được dùng vào các chương trình xã hội trong xứ. Lần quyên góp thứ hai dùng vào việc bác ái. Chúng tôi có cả thầy 10 dự án xã hội như vậy.

Giáo dân ngày nay không vững mạnh về phương diện tinh thần. Họ cần được chữa lành. Khi tôi mới chịu chức và có người qua đời, chúng tôi đã không có thánh lễ chữa lành cho gia đình họ. Nay thì trước khi an táng, chúng tôi đã khởi sự sắp xếp để trợ giúp người còn sống. Dĩ nhiên về khía cạnh cực đoan thì có thể nói rằng tất cả là ý Chúa. Thế nhưng lòng thương cảm chân thành vẫn là điều cần thiết. Bằng cấp của tôi liên quan đến việc cố vấn cho hôn nhân, và tôi dành cho công việc này trung bình 20 giờ một tuần. Tôi kêu gọi đức tin của người ta và sức mạnh ý chí của họ. Tôi luôn ngạc nhiên là nhiều người sẽ có đủ khả năng để tự giải quyết các vấn đề của chính họ, chỉ cần họ dựa trên hai điều – đức tin và sự phán đoán của họ.

Theo ý tôi, một giáo xứ cần có nhiều những thực hành

Tôi luôn ngạc nhiên là nhiều người sẽ có đủ khả năng để tự giải quyết các vấn đề của chính họ, chỉ cần họ dựa trên hai điều – đức tin và sự phán đoán của họ.

đạo đức khác nhau. Tôi không đẩy mạnh các việc sùng kính cá nhân, song cũng không loại trừ các việc đạo đức ấy. Chúng tôi tổ chức cầu Thánh Thể trong tuần từ

2 giờ sáng đến 9 giờ tối, năm ngày một tuần. Giáo dân trong xứ đạo lần chuỗi sau thánh lễ hằng ngày. Một số người trong nhóm Medjugorje³ có khuynh hướng muốn thái quá, song những cuộc hành hương ấy cũng phát sinh kết quả tốt. Tôi đã dẫn một nhóm 40 bạn trẻ đến đó tĩnh tâm. Khi chúng tôi trở về, ba em trong số ấy đã gia nhập Cơ Quan Hoà Bình⁴, một em vào chủng viện. Người ta hỏi tôi có tin chuyện xảy ra ở Medjugorje không? Câu trả lời của tôi là: ý kiến phán

³ *Medjugorje* – xem ghi chú trang 60.

⁴ *Peace Corps* – Cơ Quan Hoà Bình do tổng thống Kenedy ban hành năm 1961. Mỗi tình nguyện viên thường có trình độ đại học, sau ba tháng huấn luyện sẽ làm việc 24 tháng tại hải ngoại, giúp cho người Mỹ hiểu văn hóa của các dân tộc khác và ngược lại.

đoán về các cuộc hiện ra không phải là nhiệm vụ của tôi. Tôi chỉ biết rằng một số người được tôi đem đến đó, không phải là những người cầu nguyện nhiều, thì nay họ thích cầu nguyện. Tôi đã gửi một cô gái bị bệnh thần kinh tới đó; nay cô đã lập gia đình, có bốn con và từ đây trở đi không cần gặp bác sĩ nữa. Như vậy vấn đề đối với tôi không phải là “*Đức Mẹ có hiện ra hay không?*” mà là “*Medjugorje có biến đổi người ta yêu thích cầu nguyện hơn không?*” Đức giáo hoàng đã có lần đề cập về vấn đề này, và ngài nói rằng hiện tượng không thể xấu được, nếu kết quả lại quá tốt như vậy.

Vấn đề đối với tôi không phải là “Đức Mẹ có hiện ra hay không?” mà là “Medjugorje có biến đổi người ta yêu thích cầu nguyện hơn không?”

Một trong những niềm vui của đời linh mục là được thấy người ta trở lại với Giáo hội trước khi chết. Ở vùng Hồ Detroit, tôi biết một gia đình có bảy người con mà người cha rượu chè say sưa. Từ mẹ đến con không ai thêm nói chuyện với ông cả. Lúc tôi đến thăm ông ta trong bệnh viện, ông sắp chết. Tôi nói: “*Người ta cho tôi biết ông chẳng còn nhiều thời gian nữa, nếu ông chịu làm hoà với gia đình thì tốt biết mấy.*” Ông trả lời: “*Vâng, nhưng họ sẽ không tới gặp đâu.*” Tôi gọi điện thoại cho vợ ông ta; bà ấy bằng lòng đến. Tối hôm đó cả gia đình họ tới bệnh viện. Tôi rời căn phòng và một giờ sau trở lại. Vợ và các con đang ôm ông ta, tất cả đều xin lỗi nhau. Rồi ông đã chết một cách hạnh phúc.

Trong bao nhiêu năm đời linh mục của tôi, năm năm sau cùng là khó khăn nhất, song cũng là những năm nhiều khích lệ và vui thích nhất. Tôi là linh mục duy nhất trong xứ. Tôi cử hành hết mọi Thánh Lễ. Cuối tuần có năm lễ, đôi khi bảy lễ nếu có đến hai đám cưới. Trung bình có 80 hôn lễ một

năm và 250 nghi lễ rửa tội. Khi những người tôi làm phép hôn phối sinh đứa con đầu lòng, họ lại muốn tôi rửa tội cho chúng. Cuối cùng tôi phải yêu cầu ngưng cái truyền thống đó lại và nhường việc rửa tội cho các phó tế. Mặc dầu phục vụ đến 8.000 giáo dân, tôi vẫn không cảm thấy bị căng thẳng. Tôi không lấy một ngày nghỉ nào. Tôi thường làm việc cả bảy ngày mỗi tuần. Mỗi năm tôi đi đâu đó một lần. Và tôi sắp xếp thời giờ một cách thoải mái. Tôi không đề nghị người khác theo một thời khóa biểu như tôi, và không cảm thấy đó là nhân đức gì cả. Nhưng tôi làm được, và tôi làm thế bởi nghĩ rằng đó là điều giáo dân tôi cần.

Tôi thường nói với bất cứ bạn trẻ nào suy nghĩ về ơn gọi linh mục rằng họ đang chọn một quyết định trong thời buổi

Làm linh mục ngày nay là một thách thức còn lớn lao hơn nữa, bởi vì chúng ta đang sống trong một xã hội cần rất nhiều ơn trở về. Giúp cho người ta quyết định tận hiến cho Chúa Giê-su thì cần nhiều thứ hơn tiếng gọi phục vụ nơi bàn thánh; nó đòi hỏi một sự biến đổi của hệ thống giá trị.

tốt nhất. Trong cả đời tôi chưa bao giờ có nhiều thách thức như bây giờ. Có phải lúc này đi vào thế giới vĩ tính là tốt không? Cái không chắc chắn trong thế giới đó thì nhiều lắm. Tuy vậy người ta cứ dần thân vào, và

khám phá ra đó là một thách đố tuyệt vời. Làm linh mục ngày nay là một thách thức còn lớn lao hơn nữa, bởi vì chúng ta đang sống trong một xã hội cần rất nhiều ơn trở về. Giúp cho người ta quyết định tận hiến cho Chúa Giê-su thì cần nhiều thứ hơn tiếng gọi phục vụ nơi bàn thánh; nó đòi hỏi một sự biến đổi của hệ thống giá trị. Tôi không biết có ai làm được nhiều hơn trong lãnh vực này bằng linh mục. ●

Linh mục

Williams Trienekens

Calgary, tỉnh Alberta, Canada

Cha Bill Trienekens sinh tại Hoà-Lan năm 1932, và chịu chức linh mục năm 1961 cho Giáo Phận Calgary nước Canada. Ngài là cha sở xứ Thánh Lu-ca ở Calgary, tỉnh Alberta, Canada.

Thời thơ ấu ở Hoà-Lan, cha Trienekens và gia đình ngài đã trải qua những điều mà những người lớn lên ở Hoa-Kỳ không cảm nghiệm được – một nước bị người ngoại quốc chiếm đóng. Đức Quốc Xã đã xâm chiếm đất nước của ngài. Việc làm, thức ăn và trường học đều thiếu thốn. Sau một thời gian dài vật lộn để giúp đỡ gia đình tiếp theo cái chết của thân phụ và gắng sức hơn nữa để có được nền học vấn căn bản, chàng trai Trienekens di cư sang Canada và theo học làm linh mục.

Mặc dầu những thử thách đầu đời đã tạo nên một con người trưởng thành nơi cha Trienekens, song ngài vẫn khiêm nhường cho rằng có được sự trưởng thành đó là nhờ chức linh mục mà ngài yêu quý.

Tôi sinh ra trong một ngôi làng nhỏ chuyên về nông nghiệp ở Hoà-Lan. Lúc Thế Chiến thứ II gần kết thúc, cha tôi qua đời khi tôi mới 13 tuổi. Sau khi cha tôi mất, chúng tôi rời đến một trang trại nhỏ ở ngoại ô, và lối sống của chúng tôi thay đổi khá nhiều. Chúng tôi sống gần một

phi trường quân sự bị lính Đức chiếm đóng. Họ chiếm cứ hết các trường học. Trong thời gian chiến tranh chúng tôi được học rất ít. Khi họa hoãn được người Đức cho phép đến lớp, thì chúng tôi phải học trong những hội quán công cộng tại địa phương, trong xưởng mộc, hay nhà kho. Một vài thầy giáo làm nghề dưới hầm mỏ, nên có những ngày các thầy không đến lớp dạy được. Kết quả là, khi chiến tranh kết thúc, vài người chúng tôi chỉ biết đọc, biết viết sơ sơ.

Sau chiến tranh tôi vào học nội trú một năm. Vừa đến nơi, tôi khám phá ra mình đàn quá sức, kém xa các học sinh khác. Song có một người đàn ông rất tốt đã cho tôi núp bóng và đã giúp tôi học văn và toán. Sau đó tôi ra ngoài học, tiếp theo là bốn năm văn phạm và trung học, là nơi mà cuối cùng tôi đã bắt đầu thành công trong việc học văn.

Tôi đã ấp ủ ý tưởng làm linh mục từ những năm thơ ấu. Nhìn lại, tôi nhận ra rằng cha mẹ tôi đã có công rất nhiều với ơn gọi của tôi, vì các ngài yêu mến Giáo Hội và chức linh mục. Cha sở giáo xứ chúng tôi cũng gây một âm hưởng.

Cha mẹ tôi đã có công rất nhiều với ơn gọi của tôi, vì các ngài yêu mến Giáo Hội và chức linh mục. Cha sở giáo xứ chúng tôi cũng gây một âm hưởng. Ngài là một người tốt, đạo đức, có tinh thần cầu nguyện, tích cực và tấm lòng mẫn cảm.

Ngài là một người tốt, đạo đức, có tinh thần cầu nguyện, tích cực và tấm lòng mẫn cảm. Ngài không chỉ ảnh hưởng trên tôi, mà còn trên một số người trẻ cả nam lẫn nữ bước vào đời sống linh mục hay tu dòng. Vóc dáng nhỏ nhắn như cái làng của tôi, song

ngài đã có cái nhìn bao quát vào thế giới, đầu tư phần lớn số lương của ngài vào việc giáo dục thanh thiếu niên, đặc biệt những em muốn vào chủng viện. Ngài giúp đỡ người ta cả tinh thần lẫn vật chất. Ngài hướng dẫn chúng tôi đi theo ơn gọi, không phải ngồi chờ mọi chuyện xảy ra, mà phải có

những quyết định khiến cho mọi việc xảy ra. Khi Ngài qua đời, người ta từ khắp nơi trên thế giới đến dự lễ an táng của ngài.

Được khích lệ trong bối cảnh này, tôi quyết định vào nhà tập. Đây là nơi lạc hậu nhất mà tôi từng được thấy, và tôi chỉ ở được có hai tháng. Vào thời điểm này cha tôi qua đời, người để lại một gia đình đông đúc, em nhỏ nhất mới có ba tháng, và lợi tức thì rất ít. Hai chị lớn của tôi, một anh trai và tôi thay phiên nhau làm việc để nâng đỡ gia đình, trong khi các em khác tiếp tục đi học. Lúc 22 tuổi, tôi đi lại khá đều đặn với một cô bạn gái, song tôi cố trì hoãn cái ý tưởng làm đám cưới, vì còn phải làm để giúp đỡ gia đình đã. Ba em trai nhỏ coi tôi như là người cha, đi đâu cũng theo. Sau cùng cô bạn gái nói với tôi: *“Tốt hơn anh nên quyết định xem anh muốn làm chồng em hay tiếp tục làm cha của các em trai em gái của anh.”*

Trong khi đầu óc tôi mang hai áp lực đó, một áp lực thứ ba xảy đến: niềm ao ước học làm linh mục. Cha sở bảo tôi: *“Nếu con thực sự muốn làm linh mục, con đừng cảm dùi ở đây. Bao lâu con còn cầm chân nơi làng quê này, con vẫn còn bị yêu cầu làm người cha của gia đình con.”* Vì thế tôi di cư sang Canada và học sáu năm ở chủng viện Thánh Giu-se tại Edmonton.

Tôi phải cẩn thận để không bao giờ gây ra những mối bất hòa; đúng hơn, tôi là người giải quyết những bất đồng xảy ra không tránh được bất cứ ở nơi đâu có những nhóm người mang các mục tiêu khác nhau. Tôi cần phải giữ họ ngồi với nhau, để mỗi khi họ đến cử hành tiệc Thánh Thể, họ chỉ là một nhóm, cùng một trí, đồng một lòng.

Quan niệm về vai trò linh mục quản xứ của tôi là trước tiên tôi phải là người của hiệp nhất, là người đem người ta đến với nhau và giữ họ lại với nhau. Tôi phải cẩn thận để

không bao giờ gây ra những mối bất hòa; đúng hơn, tôi là người giải quyết những bất đồng xảy ra không tránh được bất cứ ở nơi đâu có những nhóm người mang các mục tiêu khác nhau. Tôi cần phải giữ họ ngồi với nhau, để mỗi khi họ đến cử hành tiệc Thánh Thể, họ chỉ là một nhóm, cùng một trí, đồng một lòng. Khi tôi thấy thế giới của linh mục ngày nay khác xa với thời tôi còn nhỏ, tôi có thể sẽ nghĩ là vai trò của linh mục đã thay đổi. Song nó thực ra không đổi. Vị cha sở đáng kính ở làng quê tôi và tôi chia sẻ với nhau cùng một vai trò; chúng tôi là những người hiệp nhất các giáo dân trong xứ.

Dường như mỗi linh mục đều có một mục vụ tông đồ đặc biệt thích hợp với tài năng riêng của mình. Tôi thích làm việc ở một giáo xứ trong thành phố. Tôi thích làm việc với người trẻ và tôi thích thú trong việc giảng dạy.

Tôi đã thành công trong việc đem các nhóm lại với nhau. Thanh niên và các gia đình trẻ đã quá quen với điều mà xã hội bảo họ phải làm, cái gì nên mua, cái gì nên tạo mãi, đến

Khi tôi nói với họ, tốt nhất tôi phải nói điều đáng nói. Những giờ phút hiếm hoi đó sẽ là những khoảnh khắc cao điểm của cả một tuần lễ của tôi. Sẽ chẳng có lúc nào khác để tôi có thể ảnh hưởng trên con số đông như vậy với chỉ một vài lời... Giảng dạy là cơ hội tuyệt vời để liên kết người ta lại.

nổi những mối tương giao không được lưu tâm đủ. Mỗi giây ràng buộc vợ chồng lỏng lẻo; nó không tiến triển đúng cách. Quá nhiều học sinh trung học xuất thân từ những gia đình đổ vỡ. Có nhiều em lang thang. Bởi vậy sự dấn thân và lưu tâm của

chúng ta cần tập trung vào người trẻ. Nếu chúng ta có người trẻ, chúng ta sẽ có tương lai.

Giảng dạy là cơ hội tuyệt vời để liên kết người ta lại. Trong giáo xứ tôi có 2.400 gia đình; chừng 3.000 thành viên đến dự lễ cuối tuần. Còn ai khác có được cái tai nghe của

3.000 người thường xuyên như thế? Khi tôi nói với họ, tốt nhất tôi phải nói điều đáng nói. Những giờ phút hiếm hoi đó sẽ là những khoảnh khắc cao điểm của cả một tuần lễ của tôi. Sẽ chẳng có lúc nào khác để tôi có thể ảnh hưởng trên con số đông như vậy với chỉ một vài lời.

Song là nhà giảng thuyết, tôi phải có lòng thương cảm và hiểu biết những vấn đề mà giáo dân tôi phải đương đầu. Vừa rồi một bạn trẻ đến thăm tôi. Vị mục tử của anh đã giảng một bài nầy lửa chống lại việc ly dị. Người bạn trẻ nói với tôi: *“Con đã lập gia đình được bảy năm và có ba đứa con. Vợ con bị bệnh tâm thần. Cô ta ra đi đem cả các con theo. Con cần một chút hy vọng để có thể giải quyết được vấn đề của mình bằng cách nào đó. Thế mà con chỉ được nghe toàn những mạt sát về ly dị, không có một chút cảm thông hay hiểu biết gì về hoàn cảnh của con cả.”*

Những người có vấn đề trong hôn nhân hay có khó khăn về việc làm hoặc sức khỏe rất cần một người nào đó đem hy vọng lại cho họ. Khi chúng ta có hy vọng, chúng ta sẽ có bình an.

Những người có vấn đề trong hôn nhân hay có khó khăn về việc làm hoặc sức khỏe rất cần một người nào đó đem hy vọng lại cho họ. Khi chúng ta có hy vọng, chúng ta sẽ có bình an.

Chẳng còn gì có vẻ vững bền nữa cả trong xã hội của chúng ta. Đặc biệt là khó khăn cho các bạn trẻ của chúng ta để cố gắng cam kết vĩnh viễn. Khi chúng ta đảm nhận một nhiệm vụ, chúng ta cần thiết phải gạt qua một bên một số việc để chỉ nhắm vào một đích điểm. Song ngày nay chúng ta lại muốn xía ngón tay vào mọi thứ chuyện. Chúng ta muốn mọi cái tốt, mọi cái dễ chịu, và xã hội ngày nay không khuyến khích chúng ta bỏ đi một thứ gì cả. Cái kiểu môi trường đó chẳng gọi hứng được cho một người nào cam kết suốt đời với sứ vụ linh mục. Khi một người nam quyết định

cưới một người nữ, thì có cả 10.000 người nữ khác mà chàng không cưới. Như vậy khi chúng ta quyết định làm bất cứ một điều gì, thì chúng ta phải gạt qua một bên vô số những hành vi khả thi khác. Khi tôi nói tôi sẽ sống đời độc thân, có nghĩa là tôi phải bỏ qua một bên nhiều thứ, dĩ nhiên kể cả tình bạn riêng tư với một phụ nữ, cũng như những con

Có lẽ cứ phải phấn đấu lại là một điều tốt. Một sự cam kết mà dễ dàng thì chẳng còn phải là cam kết nữa.

cái từ đó mà ra. Bất cứ một sự cam kết nào cũng phải có phấn đấu. Tôi phải thường xuyên nhắc nhở bản thân tôi rằng tôi là một người độc thân, và rằng tôi muốn theo

đuôi quyết tâm này trong suốt quãng đời còn lại của mình.

Khi tôi chịu chức, tôi đã chấp nhận sự kiện đây là chuyện suốt đời, song sự phấn đấu vẫn luôn có đó. Có lẽ cứ phải phấn đấu lại là một điều tốt. Một sự cam kết mà dễ dàng thì chẳng còn phải là cam kết nữa. Niềm vui đến khi ở giữa những cơn gió lốc tư bề mà mình vẫn không nao núng. Cuối đời nhìn lại mà thấy mình phạm một lỗi lầm tệ hại nhất là rời bỏ sứ vụ linh mục thì sẽ buồn biết bao! Lúc ấy tôi sẽ tự nhủ: *“Bao nhiêu năm miệt mài học hành để cuối cùng được chịu chức, bây giờ tôi đã để trôi xuống cống rãnh hết cả.”* Chúng ta rất thường hay quên rằng bất cứ lời cam kết nào cũng đòi phải hy sinh, một sự tận hiến trọn vẹn bản thân mình. Nó không phải là lời cam kết một lần. Chúng ta phải lập lại lời cam kết ấy mỗi buổi sáng.

Đã có những lần tôi đã nghĩ tới việc thu xếp va-ly và ra đi. Hầu hết các bạn lớp tôi đã rũ áo bỏ về cả rồi. Một số người trong bọn họ có viết thư bảo họ không hạnh phúc. Thật là buồn khi thấy họ xoay trở không lối thoát. Một trong những khó khăn tôi thấy khi đem những linh mục đã lập gia đình trở lại phục vụ là: rất nhiều người trong số ra đi đã già

rồi. Người trẻ của giáo xứ lại cần một linh mục trẻ trung hơn để họ có thể gần gũi.

Niềm vui mà hằng ngày tôi cảm nghiệm được là biết rằng sự phục vụ tôi đang dâng hiến được người ta tri ân đón nhận. Thật tuyệt vời biết mấy khi nghe giáo dân nói: “*Con rất sung sướng có cha ở đây,*” hoặc “*Con vui mừng thấy cha tinh tâm trở về.*” Mới đây trong lúc tập dượt cho hôn lễ, một cô phù dâu xin được nói chuyện với tôi. Cô nói: “*Con đã xung tội với cha gần một năm rồi. Đời sống con trước đó rất bê bối và cha đã thực sự giúp con. Con đã làm đúng những gì cha chỉ bảo và chấp nhận*

Tôi tin rằng vì tôi có đức tin vững chắc vào Chúa. Hằng ngày tôi cảm ơn Chúa về đức tin đó. Một điều khác được củng cố mỗi ngày và dễ dàng giúp tôi đứng vững là tình thương mến dạt dào của giáo dân dành cho linh mục. Mỗi liên hệ mật thiết với dân xứ của tôi là một món quà vô giá.

những giá trị mà Chúa Ki-tô bày ra trước mặt chúng ta. Con đã đổi đời hoàn toàn và bây giờ con rất hạnh phúc. Hôm nay con đã thoát khỏi nghiện ngập và những thói xấu đã làm khổ con.” Một sự kiện nhỏ nhoi, nhưng đầy tương lệ.

Tại sao tôi còn đứng vững được? Tôi tin rằng vì tôi có đức tin vững chắc vào Chúa. Hằng ngày tôi cảm ơn Chúa về đức tin đó. Một điều khác được củng cố mỗi ngày và dễ dàng giúp tôi đứng vững là tình thương mến dạt dào của giáo dân dành cho linh mục. Mỗi liên hệ mật thiết với dân xứ của tôi là một món quà vô giá. Linh mục đến với giáo xứ gần giống như một con tàu. Ngài dỡ hàng và dỡ hàng mãi qua đời sống phục vụ và giảng dạy. Song ngài cũng chất cái khác lên. Ngài nhận được rất nhiều thứ từ nơi giáo dân, và khi ngài rời bến cảng, con tàu của ngài lại chất đầy.

Nếu không có linh mục, giáo dân sẽ đi đâu khi gặp khủng hoảng? Người ta rất thường hay trở lại với tôi sau một thời gian dài từ khi tôi khuyên nhủ họ và nói: *“Con không biết điều gì sẽ xảy ra nếu trước đây con đã không nói chuyện với cha.”* Một hay hai người như thế cũng đủ nặng ký hơn tất cả những hy sinh mà chúng tôi được kêu gọi để cống hiến. Chức linh mục có giá trị rất lớn lao trong xã hội, cho dù ngày nay chúng tôi vẫn nhận được những bêu xấu trên báo chí.

Sứ vụ linh mục đã đưa đẩy tôi đi khắp nơi, song cũng đã giúp tôi nên người, và cũng đem lại cho tôi niềm vui. Linh mục bây giờ hoàn toàn khác lúc tôi còn là cậu bé. Không còn phải là tiếng gọi đầy mộng mơ của những năm xưa; mà là một ơn gọi thực tế hơn nhiều. Chúng tôi giống như các ngôn sứ thời Cựu Ước. Nhiều người trong số họ bị bách hại; nhiều người đã mất mạng sống. Chúng tôi là những dụng cụ Thiên Chúa dùng để đem sự thật đến cho dân chúng, một cách rõ ràng và thuyết phục bằng hết khả năng chúng tôi. Nếu có ai đang đi tìm một cuộc chơi dã ngoại, cứ để người ấy xách giỏ của mình và đi xuống giòng sông. Người ấy sẽ không tìm thấy điều đó trong sứ vụ linh mục. Song người ấy sẽ thấy rằng: linh mục là một đời sống tuyệt diệu, một cuộc sống chan chứa niềm vui. Người ấy cũng sẽ khám phá ra rằng mình có thể tạo một ảnh hưởng tốt cho hàng trăm, hàng ngàn người vậy. ●

Linh mục

William J. Bausch

Point Pleasant, tiểu bang New Jersey

*Cha William Bausch là một cha sở tài khéo và có óc sáng tạo, một nhà văn, một người kể chuyện tuyệt vời và là nhà giảng thuyết với những bài giảng hấp dẫn đến nỗi giáo dân đã ghi âm và yêu cầu ngài cho xuất bản. Tinh thần lúc nào cũng trẻ trung của cha phân nào được kể là do sự kiện ngài đã xin về hưu sớm vào tuổi 67 hồi năm 1996. Có lần cha được báo *National Catholic Reporter*¹ mô tả là một con người có “năng lực của một đứa bé năm tuổi thích sô-cô-la” và coi giáo xứ cha phụ trách trước khi về hưu, xứ Thánh Mary ở Colts Neck, tiểu bang New Jersey là một “mô hình kết hợp giữa mục vụ và phụng vụ sau Công Đồng Vatican II.”*

Bất cứ linh mục nào lãnh đạo việc phát triển một giáo xứ kiểu mẫu theo tinh thần Vatican II đều là một vị mục tử chẳng những cho hiện tại mà cho cả tương lai. Đó là cha Bausch. Sinh ngày 3 tháng 3 năm 1929 tại Janesburg, tiểu bang New Jersey, cha Bausch chịu chức linh mục năm 1955 cho Giáo Phận Trenton.

Ngay từ khi học lớp ba tôi đã là một đứa trẻ cứng đầu. Để giữ tôi vào khuôn phép, Sơ Frances Carmel đã di chuyển bàn học của tôi tới gần bàn của sơ. Sự

¹ National Catholic Reporter - tạm dịch là *Thông Tin Viên Công Giáo Toàn Quốc*.

gần gũi như thế đưa đến những cuộc đối thoại thường xuyên, và rồi sơ đã khiến tôi thích thú muốn trở thành một nhà truyền giáo, đặc biệt là thừa sai ở Trung Quốc. Đất nước ấy đã làm tôi say mê chỉ với một lý do đơn giản là nó ở tận cùng xa tắp bên kia thế giới.

Sau hai năm trung học, tôi quyết định vào chủng viện. Tôi được nhận vào trường Đại Học Thánh Charles ở Catonsville, tiểu bang Maryland, thời ấy đi từ nhà đến đó phải mất 8 hoặc 9 tiếng đồng hồ. Một tuần sau tôi trở lại ngay ngưỡng cửa nhà cha mẹ tôi ở Brunswick. Cha giám đốc Gleason khám phá ra là tôi không biết tiếng La-tinh. Trong bài thi sơ khởi tôi được cả thầy 16 điểm, kể cả 10 điểm người ta cho vì tôi đọc đúng tên mình. Thế là các ngài trả tôi về nhà. Khi tôi bấm chuông, người mẹ khốn khổ của tôi suýt bị đứng tim. Song cả nhà đều thông cảm nâng đỡ tôi.

Sau khi theo kịp năm thứ ba trung học, tôi lại xin vào Catonsville. Các ngài nhận tôi, song chỉ coi là học sinh lớp dự bị. Và như thế, tôi là một học sinh 17 tuổi còn hăng hái lắm, ở lại trường học một năm tiếng La-tinh với những học sinh 13 tuổi. Năm sau tôi được xếp vào một lớp ai cũng biết

Là những giáo sĩ, các linh mục chúng tôi cống hiến cho nhân loại một sự hàn gắn trong một thế giới rời rạc, nơi mà các mối tương quan dễ dàng bị cắt đứt.

là dành cho những người tối dạ. Tôi có rất nhiều thời giờ rảnh, và thế mà lại hóa ra may mắn. Tôi khám phá ra một thư viện ở tầng lầu trên cùng của chủng viện và thế là tôi bắt đầu ngẫu nhiên đọc sách.

Việc đó đã khởi sự một tiến trình tự học. Điều bị coi như là một đại họa trong đời tôi từ lúc khởi sự, tức là việc bị học xuống lớp ở trường, đã hóa thành một món quà quý báu.

Là những giáo sĩ, các linh mục chúng tôi cống hiến cho nhân loại một sự hàn gắn trong một thế giới rời rạc, nơi mà

các môi tương quan dễ dàng bị cắt đứt. Chúng tôi đang móc nối họ lại với điều còn lớn lao hơn bản thân họ –đó là với giáo phận, với giáo hội toàn cầu, với mỗi thông công lớn lao cùng các thánh, và với một cộng đoàn có cả chiều ngang lẫn chiều dọc, cả tự nhiên lẫn siêu nhiên. Chúng tôi cố gắng hiến cho dân chúng một dấu hiệu bí tích cho thấy luôn luôn có một điều gì đó lớn lao hơn những gì họ trông thấy.

Một bản thăm dò mới đây cho hay 75% người Công Giáo yêu mến đức tin của họ; họ không hề có ý tưởng rời xa Giáo hội. Tôi nghĩ một phần của sự cam kết này là nhờ các linh mục đã ở đó nối kết họ, cộng tác với họ, giúp họ biết họ có liên đới với nhau. Đó là một điều mà các linh mục có thể làm được. Điều khác nữa là chúng tôi có thể nói thoải mái về những thực tại thiêng liêng. Dân chúng đói khát Thiên Chúa.

Hãy coi những cuốn sách viết về các thiên thần và về đời sau. Các kệ trong tiệm sách đầy đầy những loại như vậy, cũng như những sách viết về Kinh

Các linh mục hiện diện ở đây để chỉ lối cho họ đến với Phúc Âm đích thực, để cử hành với họ các thời điểm có tính cách bí tích then chốt trong đời họ mang nhiều ý nghĩa cả với những người Công Giáo hững hờ.

Thánh và đời sống thiêng liêng. Và dân chúng vẫn đang tìm mua. Các linh mục hiện diện ở đây để chỉ lối cho họ đến với Phúc Âm đích thực, để cử hành với họ các thời điểm có tính cách bí tích then chốt trong đời họ mang nhiều ý nghĩa cả với những người Công Giáo hững hờ. Truyền thông xã hội chỉ cố gắng hiến cho họ một chiều kích nhạt nhẽo, chiều kích trần tục cho cuộc đời họ. Còn linh mục cố gắng hiến cho họ một chiều kích khác .

Có một nhóm người ngày nay rất cần đến linh mục, đó là các bạn thanh niên. Nhiều người trong số họ không có ý

niệm gì về Công Đồng Vatican II và họ không có các từ ngữ mà những người Công Giáo lớn tuổi hơn vẫn thường dùng. Chẳng hạn, họ không có kinh nghiệm gì về tuần chín ngày hay về chuỗi Mân Côi. Họ coi mình là Ki-tô hữu hơn là người Công Giáo, và do đó lý lịch Công Giáo là một vấn nạn lớn đối với họ. Nhiều người trong bọn họ còn không đến nhà thờ nữa. Tuy vậy, họ thật thà và chân thực một cách lạ lùng. Hãy ngắm nghĩ điều này: hàng trăm hàng ngàn bạn trẻ lớp tuổi 30 sẽ lang thang tới Taizé² và tới Tu Viện Weston³. Những bạn Công Giáo lớp tuổi này cũng là những người đang mua các sách thần học sơ sài. Họ đói khát một thứ gì đó và họ quá dễ dàng chạy theo nhóm Pied Piper⁴. Họ vừa cần mục vụ lại vừa trưởng thành đủ để đón nhận mục vụ do phẩm chất tự nhiên của họ.

Vì một vài lý do, tôi đã không cố vẽ ơn gọi nhiều trong mấy năm qua như tôi đã làm khi mới chịu chức. Tôi không nắm chắc lý do tại sao. Có lẽ vì tinh thần tôi bị giao động bởi các bạn linh mục đã bỏ đời tu. Hoặc, vì có lẽ do tôi cảm thấy quá buồn bởi những vụ xì-căng-đan của hàng giáo sĩ. Tôi đã và đang cố gắng cố vẽ ơn gọi nhiều qua sách báo tôi viết hơn là bằng lời mời gọi cá nhân. Tôi không chắc là có ai đã

² Taizé hay *Taizé Community* - một cộng đoàn huynh đệ đại kết ở Taizé, thuộc tỉnh Burgundy nước Pháp, sống như một dòng tu. Sáng lập năm 1950 do một tu sĩ Tin Lành là Roger Schutz, cộng đoàn qui tụ hơn 100 tu sĩ cả Tin Lành lẫn Công Giáo từ 30 quốc gia trên thế giới. Taizé là nơi đón nhận hàng trăm ngàn bạn trẻ Ki-tô hữu khắp thế giới đến hành hương mỗi năm; họ học hỏi Kinh Thánh, chia sẻ và làm việc theo tinh thần cộng đoàn.

³ *Weston Priory* - Nhà chính của các tu sĩ dòng Biển-Đức tại Weston, tiểu bang Vermont. Sáng lập năm 1953 do viện phụ Leo A. Rudloff, Tu viện Weston nổi tiếng với những sáng tác thánh ca dùng trong phụng vụ Công Giáo. Người ta cũng đến Tu viện Weston để tĩnh tâm tại những khu vườn rất đẹp, và thưởng thức những đồ sứ nghệ thuật do các tu sĩ làm ra.

⁴ *Pied Pipers* - Nhóm người chuyên hát nhạc dân gian từ cuối thập niên 1930 tại Hoa-Kỳ; có thời gian cộng tác với Frank Sinatra thực hiện nhiều đĩa nhạc nổi tiếng.

vào chủng viện vì đọc các sách của tôi, song tôi biết có một vài linh mục vẫn ở lại trong hào lũy của họ sau khi đã đọc sách tôi viết, đặc biệt là cuốn *Take Heart, Father*.⁵

Lời cam kết của các linh mục có giá trị minh chứng hùng hồn cho xã hội. Trong nền văn hoá ngày nay, mối liên hệ của chúng ta rất mong manh: có đến 40% ly dị, một phần tư số trẻ em sống trong

mái gia đình không có người cha; người ta không giữ lời hứa; các công ty thu nhỏ lại đã phá huỷ sự trung thành của công nhân với mình. Các linh mục hạnh phúc sống với lời

Các linh mục hạnh phúc sống với lời thề của mình sẽ nói cho dân chúng biết rằng: thề hứa chẳng những là có thể giữ được, mà còn mang lại phần thưởng nữa.

Song điều ấy cũng đúng đối với các cặp vợ chồng đã lấy nhau 50 hay 60 năm. Chính họ cũng là một dấu chỉ bí tích cho xã hội.

thề của mình sẽ nói cho dân chúng biết rằng: thề hứa chẳng những là có thể giữ được, mà còn mang lại phần thưởng nữa. Song điều ấy cũng đúng đối với các cặp vợ chồng đã lấy nhau 50 hay 60 năm. Chính họ cũng là một dấu chỉ bí tích cho xã hội. Hãy để ý cách người ta đứng lên vỗ tay chúc mừng mỗi khi có thông báo về những đôi vợ chồng cử hành lễ ngân khánh hay kim khánh hôn phối. Người ta cảm thấy một sự chân thực đang mời gọi, dấu rằng chính họ có lẽ đã không thể cam kết lâu dài như vậy.

Tôi đã tìm thấy nơi sứ vụ linh mục một cuộc sống hạnh phúc và sung mãn quá sức đến nỗi tôi không thể mơ tưởng đến một lối sống nào khác. Bởi thế, tôi không thể tự hào về việc đã giữ lời thề hứa với đời mình; đó là một kinh nghiệm tuyệt vời không chỉ có tính cách sáng tạo, mà còn là cơ hội để thực hiện lý tưởng của mình nữa. Tôi nghĩ sự cam kết sẽ trở nên khó khăn những lúc cuộc đời xuống dốc. Song tôi có

⁵ *Take Heart Father* - Nay Cha, Hãy Can Đảm Lên.

biết bao sự nâng đỡ, biết bao sự công nhận từ những giáo dân tôi phục vụ, nên những lúc tinh thần sa sút xảy đến rất ít.

Thật thú vị, có một điều ngăn cản hay ít ra giới hạn các bác sĩ, luật sư, nhà báo và những chuyên viên khác về việc hướng dẫn cuộc sống thiêng liêng, đơn giản chỉ vì họ được coi là những nhà khoa học. Nếu họ đề cập đến những lãnh vực thiêng liêng, họ sẽ bị kể là vượt quá lãnh vực nghề nghiệp. Tuy nhiên, họ mong mỗi một linh mục nói về những điều siêu nhiên, và nếu vị linh mục có khả năng, họ sẽ kính trọng sự chuyên môn của ngài trong lãnh vực đó.

Đời linh mục của tôi có những niềm vui khôn tả, trong đó phải kể đến việc áp dụng những giáo huấn của Công Đồng và được thấy các giáo xứ sống động hẳn lên, đặc biệt là giáo xứ Thánh Maria⁶ ở Colts Neck. Ngay cả bây giờ mỗi khi tôi đến xứ Thánh Maria, tôi vẫn thấy xứ đạo thật sinh

Từ cung thánh nhìn xuống, tôi thường có một cảm nghiệm rất mạnh mẽ về sự hiện diện lạ lùng của Chúa Ki-tô

động. Người ta từ khắp nơi đổ về để uống cho no thỏa sự sung mãn ở nơi đây. Việc trở thành một khí cụ đem lại sức sống cho xứ Thánh Maria cả

về tinh thần cũng như vật chất là một niềm vui vĩ đại cho tôi. Và chỉ có linh mục mới làm được như vậy. Mỗi Thứ Năm Tuần Thánh khi lập lại lời thề hứa, tôi được nhắc nhở một cách thật diệu kỳ rằng: tôi là cha không phải của riêng ai, mà là cha của mọi người; là ‘chồng’ không phải của một ai đó, mà là của mọi người. Phần thưởng của linh mục là sự thân thiết, là biết được những điều thầm kín của người ta, là biết

⁶ *St. Mary's Parish* – Căn cứ theo trang web của giáo xứ này, trong đó có nhắc đến Lazarus Ministry và Martha Mary Guild, chúng tôi nghĩ rằng đây là Maria em của La-za-rô và Mar-tha, tuy rằng mục *St. Mary's windows* lại gồm toàn những kiếng màu về Đức Mẹ Maria.

họ tín nhiệm mình không bao giờ tiết lộ những điều ấy, là biết rằng mình là một thành viên lặng lẽ của gia đình họ.

Tôi thật sự tin –tôi *biết*– rằng giáo dân tín nhiệm linh mục trong những điều mà họ không thổ lộ cho một ai khác. Dĩ nhiên là họ tín nhiệm, nếu linh mục sống chân thực. Tất cả chúng tôi mang trong mình cả triệu điều kín ẩn của dân chúng. Một trong những niềm vui trọng đại của chúng tôi là được cử hành phụng vụ với người dân mà mình biết. Chúng tôi ngồi trên ghế chủ tế và nhìn xuống dân chúng. Chúng tôi biết trong họ có người là phụ nữ đồng phái luyện ái, người khác có đứa con trai tự tử, có người đang chết dần mòn vì ung thư, có người đang gặp khó khăn trong đời sống hôn nhân. Song họ hiện diện nơi đây, dầu bao thánh giá đè nặng, họ vẫn ca hát, vẫn cầu nguyện, vẫn là một cộng đồng lớn hơn cả tổng số những cá nhân riêng rẽ. Từ cung thánh nhìn xuống, tôi thường có một cảm nghiệm rất mạnh mẽ về sự hiện diện lạ lùng của Chúa Ki-tô. Khi giáo dân lên rước Chúa, tôi có thể thấy Chúa Ki-tô ở đó, cho dầu tôi biết chuyện đời của họ. Thật là một phần thưởng lớn lao cho tôi. Tôi được chia sẻ những điều kín nhiệm của họ. Tôi chính là gia đình của họ. Đôi

khi tôi lại có cái cảm nghiệm lớn lao là được thấy rõ hơn những gì hiện diện, và sâu xa hơn những gì đang có đó. Đây là những giây phút tuyệt đẹp mà tôi trân quý. Những giây phút này chỉ có linh mục mới cảm nghiệm được .

Mặc dầu bị bề trên chuyển tới chuyển lui, tôi vẫn luôn luôn hạnh phúc trong chức linh mục. Chẳng có gì làm trì trệ tôi xuống được, vì tôi thấy có rất nhiều sự đóng góp tốt đẹp mà tôi có thể cống hiến cho thế giới.

Dĩ nhiên, đời linh mục cũng có những lúc ảm đạm. Tôi cho rằng một trong những điều khó nhất mà tôi phải gánh chịu là thiếu sự công nhận của các vị bề trên. Vài năm sau

khi chịu chức, tôi được cử về giáo xứ Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp ở Maple Shade, tiểu bang New Jersey. Sự chuyển đổi này được kê là một cuộc lưu đày, bởi vì tôi đã viết một bài đăng trong tạp chí *Ave Maria* nói về những bước đổi thay chậm chạp sau Công Đồng. Giáo phận không thích điều đó. Họ định hạ bệ tôi, nhưng cha sở nơi tôi nhận bài sai đầu tiên, là Đức Ông Robert Bulman, đã bào chữa cho tôi. Vì thế, văn phòng chương án đã thực hiện được một tuyệt chiêu sau đó: họ đổi tôi đi rất xa mãi tận ranh giới giáo phận. Mặc dầu bị bẻ trên chuyển tới chuyển lui, tôi vẫn luôn luôn hạnh phúc trong sứ vụ linh mục. Chẳng có gì làm trì trệ tôi xuống được, vì tôi thấy có rất nhiều sự đóng góp tốt đẹp mà tôi có thể cống hiến cho thế giới. Chúng tôi đã đấu tranh sát vắn về nhiều vấn đề. Hầu như mỗi năm giám mục gọi tôi trình diện một lần và tôi sẽ đến văn phòng chương án để chịu la rầy. Ngài sẽ lại bảo tôi không được tổ chức một số buổi hội học. Song tôi sẽ trở về giáo xứ, và vẫn cứ làm những gì tôi cảm thấy là tốt nhất. Tờ báo giáo phận bị cấm không được dùng tên tôi. Tôi giải quyết vấn đề của mình bằng cách đơn giản là không bàn hỏi với các ngài nữa. Tôi không tự hào về giải pháp như vậy, nhưng nó đã xảy ra như thế đó. Nét đẹp cuộc đời tôi là giáo dân tại các xứ đạo. Họ là những cộng sự viên. Lời thề hứa linh mục không phải là sự thách đố đối với tôi,

song là một người bạn đồng hành làm đời tôi sung mãn.

Xét theo khía cạnh thiêng liêng, sự độc thân làm cho linh mục trở thành một phần tử trong cuộc sống dân chúng. Tôi trở thành người cha, người mẹ, là anh, và là chị của họ.

Tôi cũng có những nỗi thất vọng khác nữa. Khi mới chịu chức, tôi rất lý tưởng. Rồi tôi gặp mấy lần sự tình khá phũ phàng.

Một bà người Ý nọ sắp chết vì ung thư. Tôi mang Mình Thánh Chúa cho bà mỗi ngày. Bà đã không làm phép cưới ở nhà thờ. Lúc gần chết, bà hỏi tôi liệu có được chôn cất trong

nghĩa địa Công Giáo không. Tôi viết thư xin phép toà giám mục thì bị từ chối. Đối với người Ý, được an táng trong nghĩa địa Công Giáo thì kẻ như được ơn cứu rỗi, và bị từ chối thì không khác gì bị luận phạt. Tôi không thể nào chấp nhận quyết định của toà giám mục. Hiện nay bà được yên nghỉ nơi một mảnh đất xinh xắn trong nghĩa trang giáo xứ.

Độc thân là một vấn đề của hầu hết các linh mục. Tuy nhiên với cá nhân tôi, tôi phải nói đó là một điều tốt cho tôi, cả về phương diện thực tế cũng như thiêng liêng. Tôi có khuynh hướng là một người hoạt động. Để làm cho được việc, tôi không thể nào có vợ và con cái mà vẫn giữ trọn cái chương trình kỳ quặc này được. Xét theo khía cạnh thiêng liêng, sự độc thân làm cho linh mục trở thành một phần tử trong cuộc sống dân chúng. Tôi trở thành người cha, người mẹ, là anh, và là chị của họ. Chính cái chiều kích ấy, sự hiện diện ấy, và cái sự kiện là tôi ở đây không theo một thời khóa biểu nào, đã giúp tôi tạo được mối liên hệ thân tình. Dĩ nhiên nó sẽ không đến mà không phải phấn đấu.

Ý kiến riêng của tôi về viễn tượng của việc độc thân là tôi không bao giờ muốn nó hoàn toàn bị bãi bỏ. Nó chính là một đặc sủng tốt đẹp. Đời sống độc thân được tuyên thệ nói lên rất

Ý kiến riêng của tôi về viễn tượng của việc độc thân là tôi không bao giờ muốn nó hoàn toàn bị bãi bỏ. Nó chính là một đặc sủng tốt đẹp. Đời sống độc thân được tuyên thệ nói lên rất nhiều điều với cái xã hội hỗn loạn. Tuy nhiên, vì nó là một đặc sủng, nên cũng khó biến thành luật.

nhiều điều với cái xã hội hỗn loạn. Tuy nhiên, vì nó là một đặc sủng, nên cũng khó biến thành luật. Ngay cả Chúa cũng nói rằng: *"Ai có thể làm được thì làm."* Rô-ma được thiết lập trên các nguyên tắc, nhưng Rô-ma vẫn luôn luôn dễ bị ảnh hưởng trước các nhu cầu mục vụ. Rô-ma cho chúng ta

30 ngàn khoản luật kết án một lỗi sống nào đấy, thế rồi khoản luật cuối cùng lại dạy rằng nếu chúng ta biết hối lỗi, thì được tha hết. Điều có thể xảy ra là thế này: một vị giám mục nào đấy đầy đầy thất vọng thốt lên: “*Một số giáo dân của chúng ta đã không có Thánh Lễ đến 12 năm rồi. Tâu Đức Thánh Cha, con có thể làm một luật trừ được không? Con có một Phó Tế đã 75 tuổi rồi. Vợ ông ta vẫn còn sống, và ông ta không có con cái. Con có thể truyền chức linh mục cho ông ta chứ?*” Rô-ma sẽ trả lời: “*Được thôi.*” Và thế là cánh cửa mở ra.

Để tôi kể các bạn nghe về một bước ngoặt quan trọng trong đời tôi. Bạn gọi nó là sự ngạc nhiên hay là sự thức tỉnh cũng được. Chừng sáu năm sau khi tôi chịu chức, gia đình Crowley xuất hiện với “Phong Trào Gia Đình Công giáo.”⁷ Trong địa hạt của chúng tôi, nó được gọi là “Gia Đình Công Giáo Hành Động.”⁸ Các cặp vợ chồng và các gia đình gặp gỡ tại nhà của họ, mang theo thủ bản và Kinh Thánh. Linh mục có thể tới dự, song không được phát biểu gì trừ năm phút cuối. Ngồi đó lắng nghe các cặp vợ chồng phấn đấu với những khó khăn, như phải lấy sữa cho con bú lúc 2 giờ sáng, con cái ghiền ma túy, người chồng lo lắng sợ thất nghiệp, tất

Tôi học được bài học tôn trọng giáo dân và ca ngợi những đặc sủng, tài năng và đời sống thiêng liêng của họ. Cho tới nay, tôi vẫn cảm thấy kính phục những con người ấy. Phong trào “Gia Đình Công Giáo Hành Động” đã lột được cái vấy che mắt tôi, giúp tôi thấy được năng quyền, vẻ đẹp và sức mạnh của giáo dân giữa những vấn đề lớn lao.

cả khiến tôi nhận ra được cuộc sống yên ổn mà tôi đang hưởng. Tôi học được bài học tôn trọng giáo dân và ca ngợi những đặc sủng, tài năng và đời sống thiêng liêng của họ.

⁷ *Christian Family Movement* (CFM) – xem ghi chú trang 28.

⁸ *Christian Family Action*.

Cho tới nay, tôi vẫn cảm thấy kính phục những con người ấy. Phong trào “Gia Đình Công Giáo Hành Động” đã lột được cái vẩy che mắt tôi, giúp tôi thấy được năng quyền, vẻ đẹp và sức mạnh của giáo dân giữa những vấn đề lớn lao. Từ đó trở đi, tôi biết rằng tôi không bao giờ còn dạy họ nữa. Trái lại họ sẽ dạy tôi. Đó là lý do tại sao tôi nhấn mạnh đến một mục vụ có sự cộng tác và chia sẻ với nhau.

Chúng tôi cũng có thể có những giây phút hết sức cảm động với các linh mục khác. Tôi vừa nhận được lá thư của một đức ông ở Anh Quốc. Ngài đã đọc cuốn sách *Này Cha, Hãy Can Đảm Lên* của tôi. Ngài nói ngài đang có ý định rời bỏ sứ vụ linh mục. Nhưng sau khi đọc xong cuốn sách, ngài quyết định ở lại. Một linh mục khác ở Nashville cũng nói với tôi tương tự như vậy. Tôi cũng viết cuốn sách mang tựa đề *Xưng Tội, Đó Chính Là Chúa*⁹. Tôi đã nhận được một lá thư đầy nghị lực của một nữ tu nói rằng cuốn sách đã đem chị trở về không còn nghiêng ngả nữa.

Tôi đã chịu chức được hơn 40 năm, và tôi tin rằng tôi đã chứng kiến một sự thay đổi tận gốc rễ trong vai trò của linh mục. Trong những năm đầu của tôi, linh mục cơ bản là bận rộn trong công việc giúp người. Giờ thì ngài bận rộn trong việc huấn luyện. Linh mục của năm 1955 là một người lo nuôi dưỡng. Ngài ban các bí tích, thăm viếng kẻ yếu đau, an ủi người lâm tử. Vì lý do thiếu ơn gọi và vì sự chuyển hướng của Vatican II, nhất là trong sắc lệnh *Tông Đồ Giáo Dân*, bây giờ chúng ta dưỡng nuôi những người nuôi dưỡng, làm mục vụ cho những thừa tác viên. Mọi việc đã khác hẳn xưa.

Về tương lai của Hội Thánh thì sao? Tôi có nhiều điều để nói về vấn đề này. Tôi đã có đủ chất liệu để viết cuốn

⁹ *Confession, It Is the Lord.*

*Giáo Xứ Cho Ngàn Năm Tới*¹⁰. Dựa trên những gì chúng ta đã thấy, tôi tiên đoán những điểm sau đây:

* Có chiều hướng chú trọng vào giáo dân trong Giáo Hội tương lai, một nền mục vụ được chia sẻ và cộng tác. Chỉ thị từ trên xuống sẽ không còn;

* Giáo Hội sẽ đặt nền tảng vững hơn vào bí tích Rửa tội và đặc sủng hơn là việc truyền chức và hành chánh. Đặc sủng sẽ giúp công việc được hoàn tất, chứ không phải hành chánh;

* Giáo Hội sẽ được diễn tả bằng các mối tương quan hơn là bằng con số thống kê và thể chế. Chúng ta sẽ có nhiều cộng đoàn có tính cách giao ước và có mục đích hơn. Trong quá khứ chúng ta kêu gọi sự vâng lời. Trong tương lai chúng ta sẽ mời gọi sự dẫn thân;

* Trong một xã hội rất đa cực, đa văn hoá, Giáo Hội của ngàn năm tới sẽ phát biểu từ sự yếu đuối hơn từ là quyền lực. Sự thật cốt lõi mà chúng ta phải sống là Ki-tô giáo ngày càng là một tôn giáo tùy chọn;

* Giáo xứ của ngàn năm tới sẽ nhấn mạnh đến truyền thống khôn ngoan hơn là truyền thống trí thức;

* Giáo xứ của ngàn năm tới sẽ giảm bớt chiều hướng làm việc theo kế hoạch, và chiều hướng làm việc theo tình thần sẽ được tăng thêm, khám phá ra Thiên Chúa trong hôn nhân, trong làng xóm, trong nơi làm việc, v.v...;

* Giáo xứ sẽ quan tâm đến việc giáo dục liên thế hệ hơn là chỉ giáo dục trẻ em. Chúng ta không liềm lĩnh đặt hết mọi quả trứng chung một rổ;

¹⁰ *The Parish for the Next Millennium* – cuốn sách đã được xuất bản năm 1997.

* Giáo xứ sẽ tiếp tục hiện hữu đúng với truyền thống giáo hội, như lẽ tự nhiên phải như vậy. Chúng ta sẽ tiếp tục là một cộng đoàn của giáo hội, chứ không còn là đơn vị biệt lập, tự trị, riêng rẽ. Và tôi nghĩ rằng tại nơi đó sứ vụ linh mục sẽ tìm được tầm quan trọng mạnh mẽ nhất. Linh mục sẽ là dấu chỉ bí tích của giáo phận rộng lớn, tức giáo hội hoàn vũ, liên kết chúng ta thành một dấu chỉ đến độ chúng ta không trở thành một giáo hội biệt lập.

Hiện nay có phải là thời điểm tốt để làm linh mục không? Thừa phải và không phải.

Không phải là thời điểm tốt, vì sự đối kháng của công luận, vì những vụ xì-căng-đan đối với việc lạm dụng tình dục trẻ em, và vì phong trào chống Công Giáo của truyền thông.

Đúng là thời điểm tốt, và đây là câu trả lời đích thực, bởi vì người ta đang bắt đầu đặt những vấn đề đó vào bối cảnh rộng lớn hơn.

Đúng là thời điểm tốt, bởi vì cuộc thăm dò của viện Gallup mới đây cho thấy sự quan tâm của dân chúng về tôn giáo có tổ chức và về linh mục đã tăng 10% . Cũng đúng là thời điểm tốt, bởi vì đây là thời kỳ nhiều thách đố, thời kỳ chuyển tiếp. Chúng ta đang thấp lại tinh thần của Giáo Hội tiên khởi, trở về thời các tông đồ, thời mà Giáo Hội hoạt động từ sự yếu đuối của mình.

Chúng ta được kêu mời phục vụ như những môn đệ, và đó mới chính là niềm vui của việc làm linh mục hôm nay. Chúng ta đang bắt đầu trở lại rửa chân cho nhau.

Và sau cùng rất là thời điểm tốt, bởi vì chúng ta đang thành hình. Chúng ta đang chờ đợi cho một Giáo Hội mới. Chúng ta được kêu mời phục vụ như những môn đệ, và đó mới chính là niềm vui của việc làm linh mục

hôm nay. Chúng ta đang bắt đầu trở lại rửa chân cho nhau. Chúng ta đang đối diện với những thách đố mà trước đây không có, trừ 50 năm đầu tiên của Giáo Hội.

Đây là sứ điệp tôi muốn nhắn gửi cho những ai đang tính chuyện làm linh mục: *“Hãy nhảy lên tàu! Đây là thời đại đầy hứng thú; bạn sẽ vẫn gặp nhiều khó khăn, sẽ đối diện với sự bất bõ, song những cuộc chiến thắng sẽ hết sức vĩ đại.”* ●

IV. HÃY CHẶN CÁC CHIÊN TA

Những Linh Mục Trở Thành Giám Mục

Khi các môn đệ ăn xong, Đức Giê-su hỏi ông Si-môn Phê-rô: “Này anh Si-môn, con ông Gio-an, anh có mến Thầy hơn các anh em này không?” Ông đáp: “Thưa Thầy có, Thầy biết con yêu mến Thầy.” Đức Giê-su nói với ông: “Hãy chăm sóc chiên con của Thầy.” Người lại hỏi: “Này anh Si-môn, con ông Gio-an, anh có mến Thầy không?” Ông đáp: “Thưa Thầy có, Thầy biết con yêu mến Thầy.” Người nói: “Hãy chăn dắt chiên của Thầy.”
– John 21:15-16

Trong phần này ba vị giám mục bác lại một giả thuyết phổ biến trước đây cho rằng tham vọng là đường dẫn đến chức giám mục. Họ kể lại họ đã cảm thấy sung mãn và hạnh phúc ra sao trong tư cách linh mục trước thời gian mũ giám mục được trao cho họ rất xa. Hai chuyện kể cho thấy họ ngạc nhiên khi được gọi trở thành giám mục và đã miễn cưỡng chấp nhận. Người thứ ba đã theo một con đường bất thường đến ngai tòa giám mục và được gọi làm giám mục sau khi được phỏng vấn cho cuốn sách này. Như Phê-rô, cả ba đồng ý lãnh nhận các trách nhiệm mới và nặng nề hơn vì Giáo Hội yêu cầu họ làm vậy. Các mục vụ của họ khi là giám mục nói lên một khía cạnh khác của sứ vụ linh mục. ●

*Giám mục***Leonard J. Olivier, S.V.D.¹****Hoa-Thịnh-Đốn**

Giám mục Len² Olivier là một con người lặng lẽ, nhân hậu, có tài đức và đầy lòng thương cảm. Ngài khởi sự đời linh mục là một thành viên của dòng Truyền Giáo Ngôi Lời. Mơ ước có mỗi một điều sau khi được truyền chức là trở thành cha xứ, ngài đã được thăng chức trái với nguyện vọng của mình từ chức vụ này qua chức vụ khác, và cuối cùng làm Giám Mục Phụ Tá Tổng Giáo Phận Hoa-Thịnh-Đốn. Giám mục Olivier là điển hình của một mục tử trong trào lưu mới như cố Hồng Y Bernadin của Chicago, là người đã lãnh đạo qua việc phục vụ khiêm tốn.

Giám mục Olivier sinh năm 1923 tại Lake Charles, tiểu bang Louisiana, theo học trong dòng Truyền Giáo Ngôi Lời, và thụ phong linh mục năm 1950.

Thành phố nơi tôi sinh trưởng, Lake Charles, tiểu bang Louisiana, thuộc vùng tây nam của tiểu bang, gần Texas. Tôi không thể cho bạn địa chỉ nhà, vì chúng tôi đã không sống trên một con đường nào cả. Căn nhà của

¹ Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời – tiếng La-tinh *Societas Verbi Divini*, viết tắt là S.V.D., tiếng Anh viết là (The Mission) Society of the Divine Word, thường hay được gọi là *Divine Word Missionaries* hay *Steyler Missionaries* vì được sáng lập tại Steyl nước Hòa-Lan năm 1875 bởi cha Arnold Janssen, một linh mục triều.

² Len – tên gọi thân mật của Leonard.

chúng tôi nằm trong một ngõ hẹp thuộc khu hầu hết là Mỹ đen của thành phố. Cuộc sống trong gia đình tôi mang lại nhiều kỷ niệm đẹp. Cả cha lẫn mẹ tôi đều là những người đạo đức. Cha tôi làm hướng dẫn viên trong nhà thờ, là một Hiệp Sĩ của hội Peter Claver³, và thành viên của Hội Thánh Danh⁴. Người sống cho Giáo Hội và cho gia đình, và chúng tôi có một đời sống gia đình cầu nguyện vững chắc. Mẹ tôi không thuộc về bất cứ hội đoàn nào, nhưng bà là người làm việc hết sức cần mẫn. Bà nấu ăn rất tuyệt. Chính nhờ bà săn sóc cho gia đình và làm việc cần mẫn, nên trong những thời buổi khó khăn cha tôi mới có thể xa gia đình, tìm cho ra việc làm, rồi trở về giúp săn sóc tám người con chúng tôi. Cha tôi yêu thương hết các con cái, và người thích thú chơi với chúng tôi khi nào nghỉ việc. Ông được nhận làm công cho Gulf State Utilities, là nơi cung cấp điện nước cho thành phố, dù rằng nhà chúng tôi không có điện. Ông có được học nghề mộc, và thường làm thêm để có thêm chút đỉnh lợi nhuận cho gia đình. Lúc ấy đang thời đói kém, và mặc dầu người ta không bị sa thải, thực sự họ phải làm việc hai tuần, rồi bị mất việc cả hai tuần kế tiếp. Không thể cung cấp đủ cho gia đình với đồng lương khiêm tốn đó, trong hai tuần mà cha tôi không có việc làm, ông lại nhảy lên tàu chở hàng, đi qua tiểu bang Texas, tìm việc làm dăm ba ngày, rồi mới trở về nhà.

Hết thầy chúng tôi đều đi học trường tiểu học Thánh Tâm Chúa Giê-su. Trường được trông coi bởi các nữ tu dòng

³ *Knights of Peter Claver* – một hiệp hội nam giáo dân Công Giáo của người Mỹ da đen, được sáng lập năm 1909 bởi một linh mục dòng Thánh Giu-se, cha Conrad Friedrich Rebersher. Hiệp hội “K.P.C.” lấy tên thánh Peter Claver, một linh mục dòng Tên người Tây-Ban-Nha đã truyền giáo tại Nam Mỹ, và rửa tội cho khoảng 300.000 người nô lệ gia nhập Công Giáo.

⁴ *Holy Name Society* hay *Society of the Holy Name*, lúc khởi đầu được biết với danh hiệu *Confraternity of the Most Holy Name of God and Jesus* – một hội nam giáo dân Công Giáo dưới sự bảo trợ của dòng Đa-minh, đặc biệt sùng kính Danh Thánh Chúa, và đền tạ các tội xúc phạm đến Chúa.

Thánh Thể⁵ là những người làm việc với dân da đỏ và Mỹ đen, và bởi các linh mục dòng Thánh Linh⁶ mà sứ mệnh đặc biệt của các ngài trong nước Mỹ này dành cho người Mỹ đen.

Công việc tôi làm ở nhà là chăn heo, cho gà ăn, cưa cây và xếp củi. Và vì tôi là con thứ năm từ trên xuống, nên tôi săn sóc mấy em nhỏ hơn. Tôi đã từng là một cậu

Thánh lễ và các bí tích lôi cuốn tôi đến chức linh mục, song có lẽ hơn tất cả mọi sự chính là tấm gương phục vụ của cha xứ chúng tôi.

giúp lễ, và được thấy với lòng ngưỡng mộ những việc mà các linh mục thường làm quanh xứ đạo. Cha xứ thật là giỏi với các trẻ em. Ngài dạy cả con trai lẫn con gái chơi bóng rổ. Ngài cũng là một tay chơi cầu lông có hạng, song ngài bỏ thời giờ lên thời khóa biểu và tận tụy dành thời gian làm việc với người nghèo, nhất là trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế. Thánh lễ và các bí tích lôi cuốn tôi đến sứ vụ linh mục, song có lẽ hơn tất cả mọi sự chính là tấm gương phục vụ của cha xứ chúng tôi. Tôi bắt đầu nghĩ đến và nói về chuyện học làm linh mục trong năm cuối trường tiểu học. Khi tôi xin đi chủng viện năm lớp Tám (được kể là năm đầu trung học), mẹ tôi nói phải đợi một năm nữa, bởi vì gia đình chúng tôi

⁵ *Sisters of the Blessed Sacrament* - được sáng lập năm 1891 bởi thánh nữ Katharine Drexel tại Hoa-Kỳ. Lúc đầu dòng được gọi là *Sisters of the Blessed Sacrament for Indians and Colored People*, vì được sáng lập để phục vụ người dân da đỏ bản xứ tại Mỹ và người Mỹ da đen.

⁶ Dòng Thánh Linh – tiếng Anh *Congregation of the Holy Spirit* mà trọn vẹn danh hiệu rất dài: *Congregation of the Holy Spirit under the protection of the Immaculate Heart of Mary*, tiếng La-tinh là *Congregatio Sancti Spiritus sub tutela Immaculati Cordis Beatissimae Virginis Mariae*, bởi thế viết tắt là C.S.Sp., một dòng gồm các linh mục và tu sĩ (sau Công Đồng Vatican II có thêm giáo dân). Các thành viên của dòng cũng được gọi là *Spiritans* ở Âu Châu và *Holy Ghost Fathers* ở các nước nói tiếng Anh. Dòng Thánh Linh do một luật sư trẻ tên là Claude-François Poullart des Places, sáng lập ở Paris năm 1703 để tạo điều kiện cho những người muốn tu học làm linh mục nhưng quá nghèo. Ít năm sau, Claude-François thụ phong linh mục, và tiếp tục mở rộng nhà dòng để phục vụ người nghèo. Ngài qua đời năm 1709 lúc mới 31 tuổi, sau ba năm trong sứ vụ linh mục.

đang có kế hoạch di chuyển chỗ ở, và cuối cùng sắp có một căn nhà đáng hoàng. Một năm sau thì mẹ không còn lý do bào chữa nữa. Bà không lo lắng cho tôi đi, không phải vì thiếu quý trọng chức linh mục, song vì bà yêu thương tất cả các con. Hai người cháu đã thường hay xin mẹ cho đi một trong các con để họ nuôi. Mẹ trả lời: *“Chúng đều là con ta; đi mà tự sinh con cho mình.”*

Và như thế, đời sống ở nhà thật là đẹp. Chúng tôi có ít của cải lắm, nhưng không nhận ra cái nghèo nàn của mình, bởi vì tình thương thì chan chứa. Cả cha lẫn mẹ đều dạy chúng tôi cầu nguyện, hầu hết là do cha chúng tôi, bởi vì mẹ tôi lớn lên trong gia đình nói tiếng Pháp, thành thử thật khó cho bà nắm vững được những kinh cầu nguyện bằng tiếng Anh. Sau năm đầu trung học, tôi vào chủng viện Ngôi Lời Thánh Au-gus-ti-nô ở Bay Saint Louis, tiểu bang Mississippi. Biết được hoàn cảnh tài chánh của gia đình chúng tôi, cha giám đốc bảo học phí sẽ được đài thọ. Tôi luôn luôn nhìn lại công việc mình làm từ khi được truyền chức như thể hoàn trả lại cho những giáo huấn tôi đã nhận lãnh, mà không chất thêm gánh nặng cho gia đình.

Theo tập tục của một số dòng tu, chúng tôi được truyền chức vào cuối năm thứ ba thần học. Trong năm thứ tư, chúng tôi được gọi là các linh mục kinh viện. Chúng tôi có thể dâng lễ và làm một ít mục vụ giới hạn, song vẫn phải đến lớp học. Cha mẹ tôi hy vọng rằng tôi sẽ được bài sai về gần nhà, nhưng thật bất ngờ, tôi được giữ lại ở chủng viện để làm một phụ tá khoa trưởng trong trường trung học của chủng viện. Tôi không có tài nghệ đặc biệt nào về thể thao, song hẳn là họ muốn tôi cống hiến một năng khiếu khác. Bởi thế, trong bốn năm kế tiếp, tôi đã dạy học chút đỉnh và sinh hoạt với các chủng sinh trong phòng ăn, phòng học chung và các lớp học. Thế rồi một chuyện ngạc nhiên khác xảy đến: tôi được bổ nhiệm làm khoa trưởng. Một người khoa trưởng

đáng lý phải là người thẳng tính, có thể giờ nắm đấm⁷ khi cần. Một lần nữa, dường như họ không mong đợi điều đó nơi tôi. Tôi giữ chức vụ ấy trong suốt 11 năm, tiếp tục đời sống cầu nguyện và hy vọng ít lâu sau sẽ được đi làm việc ở xứ đạo. Lại một lần nữa tôi bị trật đường rầy; tôi được bổ nhiệm làm giám đốc cộng đoàn tu sĩ của mình. Tôi ở lại trong công việc đó sáu năm nữa cho đến 1973. Tới lúc ấy, tôi đã thụ phong linh mục được 22 năm, và trong cộng đoàn của chúng tôi, chúng tôi có cái ưu quyền được nghỉ một thời gian sau chuỗi ngày làm việc liên lỉ. Thế là tôi đến Nhà Thiêng Liêng của chúng tôi bên ngoài Castel Gandolfo, nước Ý, trong phố Neri năm tháng. Thật là một quãng thời gian tuyệt diệu để học hỏi, cầu nguyện và du hành. Tôi thăm các ngôi đền ở Rô-ma, đi theo vài chuyến du lịch có hướng dẫn, và xả hơi sau nhiều năm làm việc hành chánh.

Sau đó, tôi nghĩ chắc chắn rằng cuối cùng mình sẽ được làm việc xứ đạo, là giấc mơ của mỗi linh mục khi được truyền chức. Song tôi lại được cử làm Bí Thư Học Vụ cho toàn bộ các chủng viện của dòng Truyền Giáo Ngôi Lời trong nước, lúc ấy khoảng 15 nhà. Trung ương của tôi nằm ở Epworth, tiểu bang Iowa, từ 1974 đến 1982. Cũng trong thời gian này tôi được bầu làm giám đốc chủng viện Epworth. Thật là một kinh nghiệm mới lạ cho tôi, bởi vì có rất ít người da đen trong vùng – chỉ có những người trong chủng viện và một số đến từ những thành phố lớn để học tại các đại học Loras và Clarke vùng phụ cận của Dubuque.

Lúc đang ở Epworth, tôi làm quen với phong trào Gặp Gỡ Hôn Nhân⁸. Một giáo sư nọ đưa tôi một tờ đơn, bảo tôi điền vào và gửi kèm \$10 Mỹ-kim tới một cặp vợ chồng ở Cedar Rapids là Dick và Carol Lensing. Họ làm việc trong nhóm tổ chức cuối tuần đó, và ba người ấy đã trở thành điểm

⁷ *Giờ nắm đấm* – ý nói *cương quyết*.

⁸ Xin xem phần ghi chú về Marriage Encounter trang 65

xoay hướng trong đời tôi. Tôi vẫn thường hay sợ các cặp vợ chồng. Điều đó nghe có vẻ kỳ kỳ –nhất nữa khi tôi sinh trưởng trong một gia đình đầy yêu thương– nhưng tôi hình dung có một khoảng cách lớn giữa đời sống hôn nhân và linh mục, đến nỗi tôi đã luôn luôn cảnh giác. Cuối tuần ấy với cặp vợ chồng Lensing, hai cặp khác nữa và một linh mục đã cho tôi thấy bản tính tự nhiên chung của con người gặp thấy trên mọi nẻo đường đời thế nào, và làm cách nào tôi có thể yêu thương và đón nhận tình yêu thương từ nơi người khác mà không phải do dự. Rồi tôi được yêu cầu thực hiện các cuối tuần cho phong trào Gặp Gỡ Hôn Nhân. Để chuẩn bị, tôi phải viết đến 15 bài nói chuyện. Những bài nói

Các cặp vợ chồng đã thách đố tôi trong một cách thế còn sâu xa hơn những huấn luyện của tôi ở chủng viện nhiều lắm. Tôi đã học cách làm thế nào để tạo được những mối liên hệ thân mật mà đứng đắn với họ.

chuyện đó bộc lộ con người tôi rất nhiều, và các cặp vợ chồng đã thách đố tôi trong một cách thế còn sâu xa hơn những huấn luyện của tôi ở chủng viện nhiều lắm. Tôi đã học cách làm thế nào để tạo được những mối liên hệ

thân mật mà đứng đắn với họ.

Có một xứ đạo người Mỹ da đen là Thánh Linh ở Opelousas, tiểu bang Louisiana không có cha sở, và giám mục hỏi tôi xem có thể làm giám quản cho đến khi tìm được cha xứ mới không. Đó là một xứ đạo Mỹ da đen lớn nhất trong tiểu bang, với khoảng 10.000 giáo dân. Bốn tháng sau tôi nhận được điện thoại từ đức Khâm Sứ Tòa Thánh, Tổng Giám Mục Pio Laghi, cho tôi biết Đức Thánh Cha đã bổ nhiệm tôi làm Giám Mục Phụ Tá Hoa-Thịnh-Đồn. Cuộc đối thoại ấy như có cái gì nhầm lẫn. Giáo xứ Thánh Linh đã tự chia làm hai phe nhóm, chỉ có một nhóm đón nhận tôi. Người giáo dân đã thật sự đến gặp giám mục vài lần yêu cầu cho cha xứ cũ của họ trở lại. Và vì thế khi ngài Khâm Sứ gọi,

tôi tưởng Hội Đồng Giáo Xứ đã không hài lòng với giám mục và đã tiến thêm một bước xa hơn. Bởi thế tôi nói: *“Thưa đức Tổng Giám Mục, con không biết ngài có nhận ra không, nhưng có xáo trộn xảy ra ở đây mà.”* Và ngài bảo: *“Này nhé, nếu cha chấp thuận đề nghị của Đức Thánh Cha, cha sẽ không phải phiền lòng về chuyện đó. Một người khác sẽ phải liệu cách giải quyết.”*

Cuối cùng tôi mới bắt đầu hiểu ra rằng ngài muốn bỏ nhiệm tôi làm giám mục. Tôi thưa ngài: *“Có lẽ đức Tổng nhằm lẫn con với một ai đó. Có một linh mục ở cách đây 20 dặm, tên ngài là Oliver, đánh vần giống y tên con, ngoại trừ tên con có hai chữ ‘i’.”* Đức Khâm Sứ bảo: *“Chúng tôi biết cha là ai mà. Tôi không nhằm lẫn cha với bất kỳ ai đâu. Tôi muốn câu trả lời trong một hay hai ngày. Xin cha gọi Hồng Y Hickey (là đương nhiệm của Tổng Giáo Phận Hoa-Thịnh-Đốn) và nói chuyện với ngài.”* Thế rồi tôi phản đối: *“Con đã 65 tuổi rồi còn gì!”* Và ngài trả lời: *“Việc ấy có liên can gì? Đức Hồng Y cần có một người gần bằng tuổi ngài.”* Cuối cùng tôi nói: *“Nhưng con không phải là nhà giảng thuyết giỏi, cũng không cứng rắn nữa.”* Ngài trả lời: *“Chúng tôi không mong đợi những điều đó; chúng tôi tìm kiếm một người có bộ óc mục tử. Cha làm ơn gọi lại trong một ngày và chấp thuận đi. Và cha nhớ là không nên từ chối Đức Thánh Cha một điều gì cả.”*

Chúng tôi tìm kiếm một người có bộ óc mục tử.

Đức Khâm Sứ có nói là tôi có thể thừa chuyện với cha linh hướng của mình. Và tôi đã hỏi. Lời khuyên của ngài là nên chấp thuận, và thế là tôi di chuyển về thủ đô của quốc gia. Giống như vị tiền nhiệm của tôi là Tổng Giám Mục Marino, tôi được trao cho một mục vụ đặc biệt với người Công Giáo da đen ở Hoa-Thịnh-Đốn, song không chỉ với họ mà thôi. Toàn tổng giáo phận là một phần của việc mục vụ.

Giáo dân đã đón nhận và nâng đỡ tôi. Tôi đã ở đây được bảy năm rồi, và thật là vui sướng. Giờ đây tôi đã trên 70 tuổi và hy vọng sẽ phục vụ Tổng Giáo Phận bao lâu hồng y còn cần tôi. Sau đó tôi sẽ về hưu và trở lại với cộng đoàn tu sĩ của mình.

Tôi đã học được giá trị của lời cam kết nơi cha mẹ tôi. Các ngài đã hết sức tận tụy với nhau và với gia đình. Tôi là linh mục trong thời buổi khó khăn, nhưng chưa bao giờ xảy ra chuyện tôi rút lui khỏi sứ vụ linh mục hay khỏi những công tác tôi đã làm ở chủng viện, mặc dù tôi nhận ra rằng tôi

Tôi đã học được giá trị của lời cam kết nơi cha mẹ tôi. Các ngài đã hết sức tận tụy với nhau và với gia đình.

đang huấn luyện những người trẻ làm linh mục trong khi những người khác thì rời bỏ hàng ngũ linh mục. Tôi chưa bao giờ nghi ngờ hay có ý nghĩ từ

bỏ cái vai trò mà tôi đã lãnh nhận. Tôi cho là mình chỉ theo gương cha mẹ tôi thôi.

Một sức mạnh khác thôi thúc trong đời linh mục của tôi là kinh nghiệm về đặc sủng. Tôi đã đến dự một số buổi cầu nguyện đặc sủng ở vùng Dubuque, nhưng những lần ấy chưa nắm bắt được tôi. Về sau khi tôi làm cha sở, một trưởng nhóm yêu cầu tôi ghé thăm một buổi hội họp của họ vào tối Thứ Ba. Tôi đã đến, và rồi dự cả tuần tĩnh tâm Đời Sống Trong Thánh Linh⁹ nữa. Song vẫn không thấy động tĩnh gì! Họ mời tôi dự một thánh lễ đặc sủng buổi chiều trước lễ Hiện Xuống cho toàn Tổng Giáo Phận Dubuque. Trong thánh lễ đó, một số người đã đặt tay cầu nguyện trên tôi. Tôi bỗng cảm thấy khác thường. Tôi không thể cắt nghĩa được điều gì đã xảy ra trong những lần cầu nguyện ấy, ngoại

⁹ *Life in the Spirit Seminar* – tương tự như khóa học *Canh Tân Đặc Sủng* của anh chị em Công Giáo Việt Nam tại Hoa-Kỳ.

trừ là bằng một cách nào đó, Chúa Thánh Linh nắm được bạn và làm một điều gì đó đối với bạn. Tôi trở nên tích cực hoạt động trong phong trào, và nhận được ơn nói tiếng lạ nữa. Tôi nghĩ rằng có được những kinh nghiệm đó thật là quan trọng để tôi có thể khuyến khích người ta trong những kinh nghiệm trở về: Gặp Gỡ Hôn Nhân, Cursillo và Phong Trào Đặc Sủng. Chúa Thánh Linh có những ân tứ khác nhau cho những con người khác nhau, và một phần then chốt trong mục vụ của một linh mục là phát triển trong con người ta những ân sủng mà Thiên Chúa đã ban cho họ.

Chúa Thánh Linh có những ân tứ khác nhau cho những con người khác nhau, và một phần then chốt trong mục vụ của một linh mục là phát triển trong con người ta những ân sủng mà Thiên Chúa đã ban cho họ.

Điều lớn lao nhất mà một linh mục có thể làm là công bố sứ điệp của Chúa Giê-su Ki-tô. Sứ điệp của Ngài là câu trả lời cho từng nhu cầu của nhân loại. Khi kết hợp điều đó với phụng vụ thánh và các bí tích khác, cũng như những cơ hội thường xuyên khi các linh mục cố vấn cho người ta, thế là chúng ta có một đời sống đầy ân sủng, ảnh hưởng và sung mãn.

Tôi không có chút trở ngại nào với lời khẩn khó nghèo. Thật vậy, tôi thích được tự do khỏi vướng mắc những chuyện vật chất. Điều ấy có thể không phải là thứ khích lệ nhất đối với lời khẩn của tôi, song nó có giúp phần nào. Tôi hơi ngạc nhiên là khi tôi được phong giám mục thì tôi lại không còn là một tu sĩ dòng nữa, và không còn phải giữ lời khẩn của một tu sĩ. Nói đúng ra tôi đã trở thành một linh mục địa phận. Tôi không còn liên hệ kinh tế nào với cộng đoàn của tôi, chỉ còn lại tình huynh đệ. Nhờ đời sống tại gia đình lúc còn thơ ấu và đời sống trong chủng viện, lời khẩn

vâng lời chưa bao giờ gây cho tôi vấn đề gì. Tuy vậy, kỷ niệm về mái ấm gia đình chính ra lại khiến đời độc thân của tôi bị thách đố. Mẹ và cha tôi tỏ dấu thân mật với nhau trước mặt con cái, và đây là một điều gì đó tôi hằng mơ ước. Nó là một phần của giá trị đời sống gia đình. Tuy nhiên, thực ra tôi không thể nói là mình cô độc. Tôi vẫn còn liên hệ chặt chẽ với gia đình tôi, có biết bao là bạn bè, và tôi coi độc thân là một điều tốt. Nó giải thoát tôi để tôi cống hiến 100% cho những người tôi phục vụ, để tôi ít bị phân tâm hơn là nếu tôi có một người phối ngẫu.

Tôi nghĩ rằng làm linh mục là một cuộc sống tuyệt diệu. Tôi biết đã có những chuyện lem nhem xảy ra và chúng gây

Trong một khía cạnh nào đó, những vụ xì-căng-đan cũng đã phục vụ cho Giáo Hội. Chúng nhắc nhở chúng ta rằng Giáo Hội vừa có thần tính vừa có nhân tính. Chúng ta thấy Thiên Chúa có thể đem lại điều thiện hảo từ trong sự gian tà và cơn đau đớn.

thương tổn. Nhưng trong một khía cạnh nào đó, những vụ xì-căng-đan cũng đã phục vụ cho Giáo Hội. Chúng nhắc nhở chúng ta rằng Giáo Hội vừa có thần tính vừa có nhân tính. Chúng ta thấy Thiên Chúa có thể đem lại điều thiện hảo từ trong sự gian tà và

cơn đau đớn. Giai đoạn này là một thứ thanh tẩy, một sự canh tân. Đây là một cách học tín thác vào Thiên Chúa hơn nữa, để không quá tự tin nơi mình. Nó đã dạy chúng ta rằng có những phần trong đời sống chúng ta mà mình không thể kiểm soát được, mà phải cậy trông vào lòng nhân từ của Thiên Chúa. ●

*Giám mục***John Mackey****Auckland, Tân-Tây-Lan**

Giám mục John Mackey sinh tại thành phố Bray, quận Wicklow, nước Ái-Nhĩ-Lan năm 1918. Lúc còn rất nhỏ, ngài đã di cư cùng với mẹ và một người cậu đến Tân-Tây-Lan. Ngài đã học ở đó và thụ phong linh mục năm 1941, sau đó được truyền chức giám mục, và về hưu vài năm trước đây. Ngài là một người khôn ngoan và dí dỏm, ngài thuật lại một bài nói chuyện khôi hài lý thú về những ngày còn làm phó xứ và một bài phân tích thật sắc sảo về tình trạng Giáo Hội đương thời. Câu chuyện ngài kể trải dài từ cuộc vượt thoát khỏi Ái-Nhĩ-Lan đến thời lớn lên ở Tân-Tây-Lan và quãng thời sau đó.

Khi tôi mới lên một tuổi, cha tôi qua đời vì bệnh cúm đen lúc ấy đang càn quét khắp Âu Châu từ năm 1916 đến 1918. Một người cậu bên họ mẹ tôi tên là Peter đã lãnh trách nhiệm săn sóc mẹ tôi và tôi. Chúng tôi rời Ái-Nhĩ-Lan vì những cuộc Biến Động, nghĩa là khoảng thời gian sau khi ký hiệp ước 1922. Năm 1916 người dân Ái-Nhĩ-Lan đã nổi loạn chống lại Anh Quốc. Cuộc nổi dậy đó bị tiêu diệt. Trong những năm sau chiến tranh, lính khổ Đen và Xám, một đội quân Anh có trang bị vũ khí, được đưa vào đất Ái-Nhĩ-Lan. Chúng rất tàn nhẫn. Năm 1912, một hiệp ước được ký kết giữa Anh Quốc và Ái-Nhĩ-Lan, và đó là căn cơ của cuộc tranh chấp hiện tại: 26 quốc gia trở nên độc lập và 6 nước còn lại là một phần của Anh Quốc. Thế rồi mặt

trận Ái-Nhĩ-Lan chung đã phân chia thành nhóm Sinn Fein là những người chấp thuận sự giàn xếp, và Quân Đội Cộng Hoà Ái-Nhĩ-Lan là những người chống lại. Chính Quân Đội Cộng Hoà Ái-Nhĩ-Lan này đã gây ra cuộc nội chiến chống lại nhóm Sinn Fein, với anh em tàn sát lẫn nhau. Sự xung khắc đó còn kéo dài mãi đến cuối thập niên 1920.

Để thoát khỏi tình trạng ấy, chúng tôi đã di chuyển tới Tân-Tây-Lan năm 1924 để sống với một người cậu nữa bên họ ngoại là John, cha sở của xứ đạo Đức Mẹ của Thánh Tâm tại Epsom, một vùng ngoại ô của Auckland. Mẹ tôi trông coi nhà cửa cho cậu, bởi thế tôi đã trải qua một phần lớn tuổi ấu thơ trong nhà xứ. Tôi thường hay nói với các học sinh trong chủng viện rằng tôi không bao giờ có thể kêu gọi việc tách rời khỏi Giáo Hội với lời tuyên cáo có một sự hiểu lầm về đời sống linh mục ra sao, bởi vì tôi đã từng kinh nghiệm nó gần gũi hơn hầu hết mọi người. Nhưng hạnh phúc thay vì hơn hết mọi thứ, những kinh nghiệm ấy đã khiến tôi nghĩ rằng tôi có một ơn gọi. Tôi thích cậu tôi lắm, đã giúp lễ cho cậu, đi kẻ liệt với cậu, và đã từng hoạt động trong xứ đạo. Tôi lớn lên trong một bầu khí gia đình ấm cúng, đầy tin tưởng và thông cảm, và theo quan điểm của những người ngoại cuộc, có thể là nuông chiều nữa. Khi tôi hoàn tất trung học, tôi đã xin giám mục chấp thuận cho tôi được đi học làm linh mục, và ngài đã hỏi tại sao tôi lại muốn thế, tôi trả lời ngài bởi vì tôi muốn cứu linh hồn mình. Ngài bảo một động lực như thế cũng đủ tốt rồi.

Một đêm kia tôi đang ngồi trên bãi biển, nhìn ra biển và ngắm trăng lên. Tôi đã cảm thấy sự hiện diện của Thiên Chúa. Tôi nghĩ rằng *“Ngài thật toàn năng, mà cũng thật gần gũi. Ngài gìn giữ tôi trong bàn tay Ngài.”* Tôi đã cố gắng luôn luôn sống với cái cảm nghiệm có sự hiện diện thần linh đó.

Bài sai của tôi sau khi thụ phong linh mục là đến một xứ đạo đáng yêu trong khu thành phố của Auckland, mang tên

Remuera. Cha xứ là một người không hạnh phúc, người mà dân Ái-Nhĩ-Lan gọi là một “người Ái-Nhĩ-Lan đen.” Ngài đến từ miền Bắc và rất khinh miệt những người Tin Lành và bất cứ thứ gì không phải là Ái-Nhĩ-Lan. Ngài không để tôi hay các phó xứ khác được giảng. Công việc duy nhất của chúng tôi là đi cuộc bộ thăm các gia đình trong giáo xứ. Chúng tôi không có xe hơi, và trong những năm chiến tranh không thể sắm nổi một chiếc xe đạp nữa. Chế độ khẩu phần đang được áp dụng, và viên quản gia lục lọi các phiếu thực phẩm của chúng tôi hầu cung cấp một vài bữa ăn hàng hoàng cho cha xứ. Dầu sao, đó là những ngày hạnh phúc đối với tôi. Năm 1942, người Mỹ đã xây một bệnh viện hải quân ngay giữa xứ đạo, và người ta xin giáo phận cung cấp cho một tuyên úy để săn sóc những thương bệnh binh đến từ Quần Đảo Solomons. Cha xứ quan sát hai chúng tôi, và quyết định tôi là người vô tích sự hơn nên cử tôi làm công việc đó. Vì thế, suốt 14 tháng tôi săn sóc những người Hoa-Kỳ đau yếu và bị thương tích. Bệnh viện bắt đầu với 800 bệnh nhân và kết thúc với khoảng 2.000 người.

Tôi thường đến bệnh viện lúc 4 giờ sáng và dành hầu hết cả ngày thăm viếng, rồi trở về giáo xứ vào ban đêm. Khi tôi thấy những người trẻ bị trúng bom, bị phỏng, bị bắn lỗ chỗ với những viên đạn súng máy, bị cá mập cắn, bị gươm đâm lưng và bị mìn nổ tung, tôi thật chẳng thể nào tránh xa họ được. Họ rất cần một ai đó. Sự giao thiệp đầu tiên ấy với người Mỹ sau này khiến tôi nghĩ đến quốc gia của họ. Tôi giữ tình bạn với các thanh niên làm việc trong bệnh viện và các y tá quân y những năm sau đó, nghe biết về đám cưới của họ cũng như việc họ sinh con cái.

Khoảng một năm sau, tôi được sai đến một xứ đạo miền quê ở Thames như thể một hình thức phạt vạ. Giám mục nói tôi đã chểnh mảng công việc mà tôi đáng lẽ phải làm khi ở Remuera.

Chuyện di chuyển đến Thames quả là việc do ý Trời. Thêm vào việc hành hạ tôi vì đã chênh mảng bồn phận, giám mục yêu cầu tôi tổ chức lễ ngân khánh của cha xứ, và nói chuyện với Hiệp Hội Phụ Nữ Công Giáo.¹ Cha Lyons lúc ấy là cha xứ, một trong những người đáng yêu nhất, bí ẩn nhất mà tôi từng gặp. Ngài tranh cãi thường xuyên với giám mục cho nên cả đời phải long đong ngoài vòng đai giáo phận, chả bao giờ được đến một xứ đạo thoải mái. Nhưng trong khi làm vậy, ngài đã lấy xong bằng cao học về lịch sử, văn bằng báo chí và xã hội học, lại còn lãnh một giải thưởng về báo chí tại trường đại học nữa. Khi tôi kể cho ngài nghe những công việc mà giám mục trao cho tôi, ngài nói: *“Tôi sẽ tự tổ chức lễ ngân khánh cho mình, và Hiệp Hội Phụ Nữ Công Giáo còn nhiều thứ để làm hơn là nghe mấy bài nói chuyện của cậu.”* Điều ấy hợp ý tôi lắm. Ngài hỏi tôi có thích đi học không, và khi tôi nói tôi thích, ngài đã sắp xếp cho tôi học lấy bằng cao học lịch sử. Sau khi tôi có bằng cấp, giám mục yêu cầu tôi lãnh trách nhiệm về hệ thống học đường trong giáo phận.

Khi tôi trở lại thành phố, tôi đã lấy xong một văn bằng về giáo dục. Một trong các giảng sư đề nghị tôi tiếp tục học và nên xin một Học Bổng Fulbright². Tôi đã xin, và nhận được một khoản trợ cấp để học ở Notre Dame. Tôi sung sướng được đến Hoa-Kỳ, và có thể làm bạn lại với những người lính tôi đã gặp trong những năm chiến tranh.

Giám mục cho phép tôi đi học một năm thôi. Tôi biết không thể nào lấy xong bằng tiến sĩ trong thời gian như vậy,

¹ Catholic Women's League - *Hiệp Hội Phụ Nữ Công Giáo* bắt nguồn từ Anh Quốc, lan sang các quốc gia trong khối Thịnh Vượng Chung qua phong trào di dân.

² *Fulbright Program* – Học bổng trao đổi giáo dục quốc tế do thượng nghị sĩ Hoa-Kỳ J. William Fulbright lập ra năm 1946, nhằm khuyến khích sinh viên, giảng sư cũng như chuyên viên từ nước ngoài nghiên cứu ngành chuyên môn tại Hoa-Kỳ và ngược lại. Hiện có giá trị trong 155 quốc gia.

nên tôi đã lấy thật nhiều lớp có thể. Điểm của tôi khá cao, và phân khoa đã viết thư cho giám mục của tôi, cho ngài biết tôi đang chuẩn bị các luận án cho bằng tiến sĩ và xin ngài gia hạn thêm. Với hai năm và hai mùa Hè có thể học ở Notre Dame, tôi nộp đơn làm ứng viên. Song ngần ấy thời gian vẫn chưa đủ. Cuối cùng tôi phải trở lại Tân-Tây-Lan với các bài học còn dang dở. Sáu năm sau tôi mới hoàn tất chương trình học và trở lại Notre Dame cho phần thi vấn đáp và bảo vệ luận án.

Trở lại Tân-Tây-Lan, chính phủ đã thông qua đạo luật Hội Nhập³ qua đó hệ thống tiểu bang được đổi thành hệ thống quốc gia. Theo đạo luật ấy, các trường tư thục có thể nộp đơn xin hội nhập và được chấp thuận nếu họ có đất đai thích hợp cho trường học, và nếu các phòng ốc hội đủ các điều kiện của chính phủ. Thật là một lợi điểm cho các trường Công Giáo, vì có thể giữ lại căn tính Công Giáo của mình, đồng thời vẫn được nộp đơn xin hoà nhập. Nếu được chấp thuận, chính phủ sẽ cung cấp lương bổng cho giáo sư, sách vở, và mọi tiện ích khác như các trường công lập. Đạo luật Hội Nhập hơi bị lệch hướng để hoà nhập các trường của cá nhân thay vì toàn hệ thống học đường, bởi thế cả một chương trình phải được thiết lập để mỗi trường đều bị kiểm tra.

Khoảng năm 1970 giám mục yêu cầu tôi về chủng viện dạy môn giáo sử và giáo dục. Đây là hai năm rưỡi rất tuyệt vời. Tôi đã viết một lịch sử ngắn gọn về Giáo Hội và đang định viết về Công Đồng Vatican II khi mà năm 1973 tôi được Đức Giáo Hoàng Phao-lô VI phong chức giám mục Auckland. Vào thời điểm ấy, Tân-Tây-Lan được chia thành bốn giáo phận. Một trong những công tác chính yếu của tôi là giúp gây dựng hai giáo phận mới. Tôi làm việc trong giáo phận 10 năm, rồi sau đó bắt đầu mắc chứng nhức đầu kinh

³ Integration Act.

khủng. Hình như tôi bị những âm hưởng của chấn thương đầu từ ba lần bị tai nạn xe cộ. Các bác sĩ nói rằng tôi sẽ phải cực nhọc lắm nếu cứ tiếp tục công việc, vì thế Rô-ma cho phép tôi được về hưu.

Khi trở thành linh mục, tôi đã không bao giờ nghĩ đến nó như một sự cam kết. Tôi đã lớn lên chỉ nghĩ rằng chức linh mục là một món quà và tôi đã may mắn được đón nhận. Mỗi lần tôi từ chủng viện về thăm nhà dịp nghỉ hè, những người không Công Giáo thường hay hỏi tôi tại sao tôi còn trở lại. Họ nghĩ rằng một cách nào đó chúng tôi đã bị cưỡng ép phải ở lại, và rằng về nhà là một dịp tốt để trốn chạy nó. Bị đuổi ra không phải là vấn đề, nhưng ở lại mới là nan đề! Các linh mục ở chủng viện không tìm cách giữ chúng tôi ở lại đó. Họ đã nghĩ đến đủ mọi lý do có thể hình dung ra được để loại trừ chúng tôi, ít nhất đây là điều mà chúng tôi nghĩ lúc còn là chủng sinh. Song tôi quyết định phải quyết chí về việc muốn trở thành cái gì. Theo ơn quan phòng, nếu lựa chọn của tôi là một điều tốt, nó sẽ lớn lên và trở thành phong phú hơn và thỏa lòng hơn cùng với năm tháng. Một cái gì đó giống như chất khoáng tụ lại quanh một hạt nhân.

Hình ảnh ấy nhắc tôi nhớ đến một câu chuyện. Một người bạn kiến trúc sư của tôi hỏi tôi là tôi quyết định trở thành linh mục khi nào. Tôi trả lời anh:

“Mới sáng nay. Đó không phải là chuyện tôi sẽ làm 20 năm hay 30 năm về sau. Đó là điều tôi quyết định với 24 tiếng đồng hồ ngay trước mặt. Điều mà tôi cam kết là cho 24 tiếng đồng hồ thôi. Và nếu điều tôi đang làm có giá trị đối với tôi, với xã hội và Giáo Hội, thì tôi sẽ tiếp tục làm nữa.”

Điều thất vọng lớn cho tôi là khi tôi được đặt làm giám mục. Tôi nghĩ rằng họ đã làm hỏng cuộc đời tôi. Song khi về hưu, tôi nói với các linh mục của mình:

“Tôi đã không bao giờ muốn làm giám mục, song tôi kể 10 năm cuối này là một trong những ân sủng lớn nhất trong đời. Bạn sẽ chẳng khi nào có thể hình dung được màu nhiệm của Giáo Hội, thực tại của Đấng Ki-tô, sự kỳ diệu của niềm tin, đến khi bạn điều hành một giáo phận. Ngay cả việc điều hành một giáo xứ cũng không đủ. Khi bạn điều khiển một giáo phận, bạn sẽ thấy những phẩm hạnh của con người như lòng can đảm, sự cam kết, lòng trung tín và quảng đại, thể hiện nơi tất cả những người làm đủ mọi công việc để xây dựng Hội Thánh.”

Một số người nghĩ rằng những giá trị đối ngược cũng đúng, rằng tất cả những vấn đề đặt trên bàn giấy của giám mục,

“Khi bạn điều khiển một giáo phận, bạn sẽ thấy những phẩm hạnh của con người như lòng can đảm, sự cam kết, lòng trung tín và quảng đại, thể hiện nơi tất cả những người làm đủ mọi công việc để xây dựng Hội Thánh.”

nhiều điều xa lạ với hàng giáo sĩ và giáo dân, đã khiến họ nản chí. Tôi sẽ nói cho bạn biết tôi đối diện với vấn đề đó thế nào. Khi tôi giảng hay huấn đức, nếu tôi không nói *“Đây là một thế giới buồn thảm và tội lỗi”* vào một lúc nào đó, thì người ta sẽ thất vọng, bởi vì tôi đã nói điều ấy bao năm rồi. Có lẽ người ta sẽ tạc câu nói đó trên mộ bia của tôi. Nhưng tôi nói với các linh mục lý tưởng:

“Hãy bắt đầu với câu nói đó như một tiền đề. Rồi hãy nhớ rằng Chúa Ki-tô đã phải chết để cứu vãn tình trạng rối ren này của nhân loại, và bạn sẽ lớn lên để cảm nhận được sự kỳ diệu của tất cả những thứ không buồn nản và không tội lỗi.”

Vai trò của linh mục ngày nay giống hệt như lúc khởi đầu của Ki-tô giáo. Giáo Hội đã thay đổi, các cảm nhận về Giáo Hội cũng đổi thay, nhưng công việc trọng tâm của linh

mục thì vẫn thế. Công Đồng Vatican II nói rằng Giáo Hội là bí tích của sự kỳ diệu của Tình Yêu Thiên Chúa, mặc khải

Giáo Hội là bí tích của sự kỳ diệu của Tình Yêu Thiên Chúa, mặc khải cho chúng ta trong Đức Ki-tô. Và linh mục là người được Thiên Chúa mời gọi dẫn thân làm cho tình yêu ấy thành một hiện thực trong đời sống của những giáo dân trong xứ đạo của mình.

cho chúng ta trong Đức Ki-tô. Và linh mục là người được Thiên Chúa mời gọi dẫn thân làm cho tình yêu ấy thành một hiện thực trong đời sống của những giáo dân trong xứ đạo của mình. Linh mục chúng ta được kêu

gọi làm công việc đặc biệt là bảo tồn sự kỳ diệu của sự hiện diện của Thiên Chúa siêu việt trong lịch sử nhân loại.

Tôi không thể nghĩ đến một ơn gọi nào khích lệ hơn là làm một linh mục. Hãy lấy một người thành công nhất trên thế giới, một người đã đạt đến các mục tiêu cao nhất có thể với tới: cuộc đời của người đó đang được tài bồi và hưng phấn bởi đức tin. Và đây chính xác là điều mà linh mục đang làm, là khích lệ, tạo thành và phát triển đức tin. Không có gì mà linh mục không thể biến thành vàng.

Về phương diện tâm lý, có hai điểm then chốt trong cuộc đời mỗi người: cuối tuổi thanh niên và tuổi 40. Chính ở những thời điểm này mà người ta cần đến sự giúp đỡ của một linh mục hơn cả. Cuối giai đoạn thanh niên, người ta quyết định những điều mà hầu hết sẽ ảnh hưởng đến lối sống trong 30 năm kế tiếp. Thế rồi, trong tuổi 40, họ bất chợt nhận ra những điều đã tạo thành cuộc sống họ; hoặc là họ sẽ điều chỉnh lại cho sâu sắc và hạnh phúc, hoặc họ sẽ thử làm những chuyện không thể thực hiện nổi, chối bỏ hẳn toàn bộ quá khứ, và bắt đầu một cuộc sống mới. Linh mục thật sự cần thiết cho các cặp vợ chồng trẻ ngày nay, vì hiện tại gia đình đang bị tấn công nhiều mặt.

Một trong những điều tệ hại nhất mà tôi phải đương đầu trong đời linh mục là giải thích về luân lý phái tính như Giáo Hội dạy, trong khi chúng ta đang trong tiến trình thay đổi. Cách duy nhất để tôi hòa giải chính mình với điều ấy là nhớ lại rằng các thánh tử đạo của Giáo Hội đã chết cho những điều mà nhiều năm sau Giáo Hội mới từ bỏ. Thánh Thomas Becket, tổng giám mục Canterbury, đã thấy mình bị kẹt giữa giáo hoàng và các vua chúa. Các quyền lợi trần thế của Giáo Hội xoay quanh tiền tài và đất đai. Vua Henry II đã tấn công những quyền lợi đó. Ngày nay hẳn chúng ta sẽ nói vua đã chỉ làm điều mà một vị vua tốt nên làm. Nhưng trong tiến trình đó, Thomas đã phải bảo vệ vị trí của Giáo Hội, và ngài đã chịu tử đạo. Điều mà ngài chết cho thì đã qua đi từ lâu rồi. Trong khi đó, giả như lúc ấy ngài đã không chết vì điều ấy, thì Giáo Hội thời Trung Cổ hẳn đã rơi vào tình trạng nghèo nàn. Bởi vậy chúng ta không bao giờ biết được chiều hướng của Đấng Quan Phòng đang làm. Tôi nghĩ rằng sẽ có những thay đổi trong giáo huấn về luân lý phái tính. Ngay lúc này, tôi đồng ý với Đức Thánh Cha rằng chúng ta phải vịn vào trọng tâm cho đến khi có thể có một sự đồng tình thực sự về việc thay đổi. Tôi cảm thấy là luân lý về phái tính của Giáo Hội gần như không nhân bản lắm, và cũng chẳng quan tâm đến sự kiện đây là một thế giới buồn thảm và tội lỗi.

Ngày nay hai tuyên cáo vẫn được truyền thông nhắc đến về đời đời sống độc thân: một là, họ cho đó là lý do chính yếu dẫn đến sự thiếu hụt linh mục; thứ hai, họ cho đó là một sự cản trở và trói buộc đối với linh mục được truyền chức. Điều thứ nhất có thể đúng lắm. Điều thứ hai thì không, ít nhất với trường hợp của tôi. Tôi không thể nói thay cho người khác. Khi học ở Notre Dame, tôi thường hay nói khôi hài rằng tôi không có vấn đề gì với đời sống độc thân cả.

Vấn đề là với đời sống khiết tịnh kia, mà đây là một vấn đề khác.

Tôi không có giải pháp đặc biệt nào đối với việc thiếu hụt linh mục, song tôi có một vài suy tư về một số điểm chung cần phải được thực hiện.

Trước hết, chúng ta phải cố gắng làm cho người Công Giáo chúng ta lấy lại được cái ý nghĩa của sự kỳ diệu trong ơn gọi, cái ý nghĩa của sự thánh thiêng trong việc trở thành linh mục. Chúng ta đã đánh mất sự phân biệt giữa cái thánh thiêng và cái trần tục đến một mức độ rộng lớn. Có lẽ trong quá khứ thì chúng ta đã quá hướng về tôn giáo, song chúng ta lại đã đi quá xa về chiều đối nghịch. Trong cái khao khát của chúng ta để xây đắp tình thân hữu, chúng ta cũng xây

Sự thân mật dẫn đến việc coi thường. Ngày nay đang có một loại khinh rẻ đối với sự thánh thiêng của những điều chúng ta cử hành.

dựng sự thân mật. Sự thân mật dẫn đến việc coi thường. Ngày nay đang có một loại khinh rẻ đối với sự thánh thiêng của những điều chúng ta cử hành. Thứ đến, có một sự đánh mất luân lý

ngay trong hàng ngũ linh mục. Chúng ta cần phải phục hồi lại sự kỳ diệu của ơn gọi chúng ta. Nếu chúng ta không thấy được sự kỳ diệu, sẽ không ai khác thấy được hết.

Bất kể sự kiện chúng ta đang sống trong một thời đại nhiễu nhương, thì tương lai của Giáo Hội vẫn tươi sáng đối với tôi. Chúng ta thường hay nói rằng Giáo Hội như một thành phố bị vây hãm dưới sự đe dọa và bị vây quanh bởi các lực lượng thù nghịch. Chúng ta thực sự đang sống trong thời đại của những thay đổi lớn lao. Một trong những thắng lợi của Công Đồng Vatican II là chúng ta đã bỏ được cái quan niệm quốc giáo Ki-tô. Chúng ta đã từng sống với niềm tin chắc rằng một ngày nào đó Thiên Chúa sẽ đem mọi dân tộc trên thế giới vào trong đàn Ki-tô hữu. Niềm hy vọng đó

không còn nữa. Chúng ta sẽ mãi như là men trong bột: thấm nhuần nó, đi qua nó, ảnh hưởng nó, nhưng không thống trị nó. Bởi vậy tôi nghĩ rằng tôi sẽ nói là chúng ta không hẳn đang tiến trên con đường xấu hay con đường tốt trong thời buổi hiện tại. Chúng ta đang trên con đường mà Giáo Hội vẫn luôn đang đi và sẽ tiếp tục đi cho đến ngày tận thế. Chúng ta là sự hiện diện của Thiên Chúa Nhập Thể giữa dân Ngài.

Hãy nói cho những ai đọc cuốn sách này hãy coi trọng những lời nói của Socrates: Một cuộc đời không được kiểm điểm là một cuộc đời không đáng sống. Hãy bảo họ rằng nếu họ muốn đời mình đáng sống, họ cần phải kiểm điểm lại đời mình trong ánh sáng của đức tin, và nghĩ tới điều vĩnh cửu. Điều vĩnh cửu đã ở trong tâm tay họ rồi. Họ đang uốn nắn nó, nắm giữ nó, và làm nó nên hình nên dạng. Bao lâu họ chưa bắt đầu kiểm điểm lại đời sống mình, họ sẽ chỉ như những thứ bông bênh và nổi trôi trên sóng nước, và sẽ bị trôi giạt vào bờ mà không có gì để chứng tỏ họ đã từng ở đó.

Lời nói của Socrates: Một cuộc đời không được kiểm điểm là một cuộc đời không đáng sống. Hãy bảo họ rằng nếu họ muốn đời mình đáng sống, họ cần phải kiểm điểm lại đời mình trong ánh sáng của đức tin, và nghĩ tới điều vĩnh cửu.

Thật là một thế giới buồn thảm và đầy tội lỗi. ●

Giám mục

Michael W. Warfel

Juneau, tiểu bang Alaska

Sinh ngày 16 tháng 9 năm 1948 ở Elkhart, tiểu bang Indiana, cha Warfel được truyền chức năm 1980 cho Tổng Giáo Phận Anchorage. Thật khó cho ngài có thể tưởng tượng một lời cầu hôn sẽ dẫn tới đâu, hoặc làm thế nào một chuyến đi nghỉ hè với gia đình bà chị sẽ thay đổi đời mình ra sao, hay một lần đến thăm một nhóm người lạ mặt đứng bên ngoài nhà thờ của ngài sẽ đưa ngài đến chỗ nào.

Vị linh mục tài năng này đã bỏ nhiều tháng ở Trung Mỹ và Phi-Luật-Tân để học ngôn ngữ của những dân tộc ở đó hầu có thể làm mục vụ tốt hơn cho những dân cư Alaska đến từ những nơi ấy.

Vào thời điểm của cuộc phỏng vấn này, cha Warfel vừa đầy sinh lực vừa rất hứng khởi đang là cha sở giáo xứ Đức Mẹ Guadalupe ở Anchorage. Hiện nay, ngài đang là giám mục giáo phận Juneau.

Gia đình tôi là một pha trộn ly kỳ của các niềm tin tôn giáo. Mẹ tôi là một người Công Giáo không đến nhà thờ, song thân của bà di cư từ Lithuania những năm đầu của thập niên 1900. Ba tôi lại càng ít đạo đức hơn; gia đình ông sinh trưởng ở miền đông quê Pennsylvania vùng người

gốc Đức. Mẹ của ba tôi theo Tin Lành Giám Lý¹. Chính ba tôi tuyên bố mình thuộc hệ phái Tin Lành Thanh Lễ², nhưng không đến nhà thờ đều đặn chút nào. Khi cha mẹ tôi đến một nhà thờ Công Giáo để sắp xếp cho lễ hôn phối, người ta nói cho họ biết họ không thể làm đám cưới trong Giáo Hội. Mẹ tôi, một người dễ nổi nóng, bước ra khỏi nhà xứ và cưới ba tôi trong một nhà thờ Tin Lành Giám Lý. Mặc dù mẹ luôn coi mình là người Công Giáo, mẹ thôi không đi dự lễ nữa. Chị lớn của tôi thuộc nhóm Ngũ Tuần³ và là một người rất đầy linh ân. Chị ấy qua đời một năm rưỡi trước đây. Một bà chị khác, lúc còn vị thành niên có đi kiếm tìm niềm tin nào đó, đã theo giáo hội Lutheran⁴, song hiện không còn giữ đạo nữa. Một người anh lớn của tôi không chịu rửa tội. Còn người em sinh đôi với tôi lại là một Chứng Nhân Giê-hô-va.⁵

Khi tôi lên khoảng 10 tuổi, tôi bắt đầu nghĩ về Thiên Chúa. Một hôm, sau khi ngẫm nghĩ rằng chắc chắn phải có một Thiên Chúa, tôi về nhà loan báo với mẹ rằng tôi sẽ bắt đầu dự lễ ở nhà thờ Lutheran đang được xây ngay cuối phố. Một cái gì đó vẫn còn lại trong niềm tin từ lâu của bà, và điều tôi nói hẳn đã nhấn phải một cái nút nào đó đối với Mẹ, nhất là sau khi chị tôi đã chịu rửa tội vào hệ phái Lutheran. Thế là trong vòng một tuần lễ tôi được ghi danh cùng với người em sinh

¹ *Methodist* – xem ghi chú trang 84.

² *Baptists* – một hệ phái Tin Lành chủ trương chỉ rửa tội người lớn và phải chìm xuống nước (ý nghĩa của từ ngữ *Thanh Lễ*). Hàng giáo sĩ của hệ phái này chỉ gồm mục sư và phó tế.

³ *Pentecostal* – một hệ phái Tin Lành nhấn mạnh đến việc rửa tội trong Thánh Linh.

⁴ *Lutheran* – một hệ phái Tin Lành theo sát thần học của Martin Luther, một linh mục Công Giáo người Đức, tách rời khỏi giáo hội Công Giáo năm 1521 vì muốn trở về nguồn Kinh Thánh. Hệ phái này vẫn duy trì nhiều bí tích và phụng vụ giống Công Giáo, nhất là Thánh Thể. Trọng tâm thần học là công chính hóa bởi ân sủng và đức tin.

⁵ *Jehovah's Witnesses* – tôn giáo do Charles Taze Russell lập ra năm 1870 từ phong trào Sinh Viên Học Kinh Thánh. Không được kể là thuộc nhóm các giáo phái Ki-tô, họ dùng bản Kinh Thánh riêng, không tin vào Chúa Ba Ngôi, không cử hành lễ Giáng Sinh và Phục Sinh...

đôi vào lớp giáo lý tại xứ thánh Vinh-sơn đệ Phao-lô. Chúng tôi học lớp *Giáo Lý Baltimore* một năm và được đón nhận vào giáo hội. Chúng tôi học tiếp những lớp về đạo và rước lễ lần đầu, rồi một năm sau đó, học thêm sức. Kết quả của những điều chúng tôi học hỏi được, mẹ tôi bắt đầu đi dự Thánh Lễ thường xuyên.

Tôi làm mọi chuyện mà một đứa trẻ vị thành niên bình thường đều làm, và thậm chí hơi nghiêng về phía phóng túng một chút. Sau năm thứ hai trung học, tôi trở nên rất ngượng chùng đối với đức tin mới tìm được của mình, bực bội vì phải đi dự Thánh Lễ mỗi tuần. Các buổi liên hoan lên đến tột đỉnh, và một cách nào đó tính chất thành thật trong tôi không cho phép tôi kéo dài nếp sống như vậy mà vẫn đến dự Thánh Lễ, thế là sau khi vào đại học, tôi ngưng không đến nhà thờ nữa. Tôi ghi danh vào Đại Học Indiana ở Bloomington và học âm nhạc. Tôi rất thành công trong các tiệc liên hoan. Không khá trong các môn học, và dút khoát không được được điểm cao. Sau một năm, tôi chuyển tới khuôn viên đại học ở South Bend. Đây là thời gian rất rối loạn trong đời sống riêng tư của tôi. Sau nửa cá nguyệt bị điểm zero, tôi quyết định nhập ngũ. Tôi không cần biết binh chủng nào. Tôi bước ra đường thấy một trạm tuyển mộ quân đội, và thế là ký tên đi lính. Lúc ấy là năm 1967, một thời điểm tôi tẻ để nhập ngũ, bởi vì đang có việc tăng quân nhiều ở Việt Nam.

Khóa huấn luyện cơ bản thức tỉnh tôi một cách phũ phàng. Tôi buộc phải tuân theo những luật lệ, và chịu đựng những gian khổ mà trước đây chưa bao giờ phải đối diện. Sau một tuần lễ tôi nghĩ đến chuyện đào ngũ. Nhưng vài tuần sau, tôi bắt đầu thật sự thích thú với kỷ luật và cơ cấu. Đến khi hoàn tất thời gian tòng quân, tôi lại phải đối diện với việc phải làm gì với suốt cuộc đời còn lại. Tôi được tự do như cánh chim, song khi đã ra ngoài tôi không có tiền, không nghề nghiệp, và vẫn không có dự tính gì. Tôi đến một văn phòng tìm việc làm,

và họ đưa tôi vào làm công việc tính toán thời lượng trong phòng kiểm soát sản xuất của một công ty máy bơm. Thật là một công việc nhàm chán vô vị, đối chiếu các dữ kiện xem mất bao lâu để dùng máy móc chế ra một số bộ phận nào đấy. Và cuộc sống tôi cũng nhàm chán: sáng đi làm, buổi chiều đến các câu lạc bộ tiêu hết số tiền tôi có. Một lúc nào đó tôi dường như đứng phải chân tường. Tôi thấy mình chán nản; không có gì cho cuộc sống tôi. Cuộc sống không nghĩa lý gì cả. Trên đường từ sở làm về nhà tôi phải đi ngang qua nhà thờ xứ đạo. Một buổi chiều kia sau giờ tan sở, tôi thấy Thánh Lễ đang bắt đầu, thế là tôi bước vào nhà thờ. Rồi tôi đã trở lại ngôi nhà thờ đó, ngày này qua ngày khác. Tôi ngồi dưới cuối nhà thờ như người thu thuế trong Phúc Âm. Dần dần, tôi từ từ ngồi lên phía trước, và một ngày kia tôi gặp cha sở, cha Fred Cardannali, một linh mục người Ý rất hiền hậu. Tôi kể cho ngài nghe câu chuyện đời mình. Ngài chỉ lắng nghe, gật gù qua những chặng đường gian khó, lúc ấy cũng như về sau này.

Sau một thời gian, tôi bắt đầu thấy tầm quan trọng của việc đi dự Thánh Lễ. Tôi rời nhà bằng cửa sau để không ai thấy tôi đi ra. Tôi bắt đầu hướng về cuộc sống tu trì và đọc hết những gì tôi tìm được về cuộc sống ấy. Cuộc đời của một tu sĩ làm tôi rất say mê. Tôi không nghĩ đến chức linh mục. Tôi rất nghi ngờ về khả năng của mình trong việc học những môn đòi hỏi cho một linh mục, và cũng vì tôi là một người quá tội lỗi. Có lẽ tôi hơi nghiêng về phía quá tỉ mỉ bởi vì những gì nhỏ nhặt nhất cũng khiến tôi đến tòa giải tội.

Một lúc nào đấy, vào khoảng lễ Giáng Sinh, tôi gặp một thiếu nữ trẻ và phải lòng yêu nàng. Chúng tôi bắt đầu hẹn hò. Đời sống tiệc tùng trở lại, và nếp sống của nàng gồm đủ thứ rượu chè. Cô ấy không phải là người Công Giáo. Cô ta không chia sẻ chung một giá trị nào với tôi trong lãnh vực tôn giáo, và tôi thấy mình bị cuốn hút ra khỏi sự biểu lộ niềm tin mà tôi mới tìm lại được. Dầu vậy, tôi đang yêu, và tôi cầu hôn với

nàng. Một thời gian sau, có một số điều trong mối liên hệ của chúng tôi trở thành tiêu cực và chúng tôi chia tay nhau. Đó là một ơn phước cho tôi, bởi vì cuộc hôn nhân của chúng tôi hẳn sẽ là một tai họa. Một lần nữa cuộc đời tôi lại bắt đầu hướng về Giáo Hội. Tôi làm quen với một chủng sinh từ Giáo Phận Fort Wayne-South Bend, và một chủng sinh khác được phái đến giáo xứ tôi ở. Chúng tôi trở thành bạn thân. Một lần kia, một trong hai chủng sinh hỏi tôi nghĩ gì về việc vào chủng viện. Tôi nói với cha Cardannali về chuyện đó, và ngài bảo: *“Sao không thử xem?”* Tôi cho ngài biết tôi không nghĩ mình có thể làm linh mục. Cha Cardannali hỏi: *“Làm sao con biết chắc được nếu không thử chứ?”* Câu hỏi của ngài có lý. Cha Cardannali giúp tôi liên hệ với cha giám đốc ơn gọi. Tôi bắt đầu thử tục thẩm tra, làm bài thi, và được chấp thuận vào chủng viện. Còn vài tháng nữa các lớp học mới bắt đầu, bởi thế tôi tiếp tục công việc làm. Nhưng nếp sống của tôi bắt đầu thay đổi.

Gia đình tôi làm dịch vụ cầu cống. Ba tôi là một chuyên viên cầu cống và đã sắp xếp cho tôi vào tập nghề trong ngành. Một hôm đang ở trong bếp, tôi nói với ông rằng mình sẽ vào chủng viện và muốn làm linh mục. Ông nổi điên lên. Ông bảo tôi đang làm một chuyện vô cùng sai lầm: *“Như thế không đúng. Mà sinh ra để làm nghề cầu cống mà.”* Thế rồi sau thời gian vài năm, ông rất hãnh diện về điều tôi làm. Tuy nhiên, một lưu ý đáng buồn: ông mất sáu tháng trước khi tôi được truyền chức. Gần đây tôi dành thì giờ cho chị lớn của tôi (người theo Ngũ Tuần) lúc chị sắp chết vì ung thư. Chị ủng hộ tôi về những gì tôi đang làm. Chị khóc ngày tôi chịu chức, và nghĩ rằng đó là một điều tuyệt đẹp và cao cả. Trong những ngày cuối cùng, chị ấy bị thu hút mạnh về phía Giáo Hội. Chị dự Thánh Lễ thường xuyên hơn, và chị yêu thích phụng vụ. Nếu chị còn sống, tôi nghĩ rằng chị hẳn sẽ trở thành người Công Giáo.

Ngon gió nào thổi tôi đến tiểu bang Alaska? Một trong các bà chị của tôi và chồng chị ấy sống ở Anchorage. Họ mời tôi về thăm dịp Giáng Sinh lúc tôi đang học năm thứ hai đại chủng viện. Mùa hè sau đó tôi lái xe đi Anchorage và làm việc trong một xưởng in. Tôi làm việc như thế hai mùa hè nữa. Alaska trở nên thân thiện và thu hút tôi hơn tiểu bang Indiana. Khi tôi trở lại học thần học, tôi thưa với cha giám đốc ơn gọi rằng tôi muốn được truyền chức linh mục cho Tổng Giáo Phận Anchorage. Ngài thảo luận vấn đề ấy với Giám Mục McManus, là người chỉ thị cho tôi phải liên hệ với Tổng Giám Mục Hurley ở Anchorage. Hai vị giám mục đồng ý là chuyện thay đổi sẽ được thực hiện. Tôi tuyên thệ làm ứng viên cho Tổng Giáo Phận Anchorage. Có một sự căng thẳng nơi tôi trong quyết định của mình. Bạn phải làm gì khi bạn có hai giám mục đều tuyệt vời cả? Tổng Giám Mục Hurley mời tôi bay lên Alaska để tôi có thể thăm các giáo xứ, và để ngài có thể xem tôi thế nào. Tôi đến vào mùa hè và trú ngụ tại giáo xứ thánh Elizabeth Ann Seton, làm việc với cơ quan Xã Hội Công Giáo. Thật là một kinh nghiệm tuyệt vời. Chúng tôi vạch ra các chi tiết, và tôi được nhận vào tổng giáo phận.

Trở lại Cincinnati, tôi tiếp tục học và thụ phong linh mục. Một tuần sau đó tôi khởi hành về Alaska, nơi tôi được bổ nhiệm về xứ thánh Bê-nê-đíc-tô ở Anchorage. Tôi ở đó năm năm, với bài sai duy nhất là làm phó xứ. Sau đó là ba lần làm cha xứ và tiếp theo là giáo xứ hiện tại của tôi, xứ Đức Mẹ Guadalupe.

Khi sống ở một trong các giáo xứ đó, xứ thánh Maria⁶ ở Đảo Kodiak, tôi để ý đến một số người đứng bên ngoài nhà thờ một mình, không đi vào với các giáo dân khác. Tôi bước

⁶ *Saint Mary's on Kodiak Island* – Căn cứ theo trang web của giáo xứ này, *Mary* đây nói về Mẹ Chúa Giê-su; tuy nhiên, theo một truyền thống nào đó từ năm 1944, họ vẫn gọi là Thánh Maria thay vì Đức Mẹ Maria.

đến nói chuyện với họ và khám phá ra họ từ Mễ-Tây-Cơ đến. Hai người trong đám họ chỉ biết nói một chút tiếng Anh. Tôi tìm hiểu về họ và nhận ra có sự hiện diện của người gốc Tây-Ban-Nha ở Kodiak. Một cặp vợ chồng Tây-Ban-Nha xin tôi rửa tội cho con của họ. Họ không biết nói tiếng Anh, mà tôi cũng chẳng biết nói tiếng Tây-Ban-Nha, vì thế tôi phải học những chữ trong nghi lễ với một cặp vợ chồng biết song ngữ. Tôi tập nói những chữ tiếng Tây-Ban-Nha để ít nhất làm cho mấy phụ huynh cảm thấy thoải mái lúc cử hành nghi lễ. Chúa Nhật đó tôi đã rửa tội cho em bé đầu tiên bằng tiếng Tây-Ban-Nha.

Đang khi cử hành nghi lễ, tôi thấy xúc động với ý nghĩ đây là một khoảnh khắc rất ý nghĩa trong cuộc sống của một gia đình, và họ không thể hiểu những gì đang diễn ra trong phụng vụ ngoại trừ qua biểu tượng. Điều ấy khiến tôi suy nghĩ. Tôi bắt đầu lưu ý là còn nhiều người Tây-Ban-Nha nữa trong xứ đạo. Họ hỏi xem tôi có nghĩ đến chuyện dâng Thánh Lễ bằng tiếng Tây-Ban-Nha không. Tôi mua một cuốn sách lễ nhỏ bằng tiếng Tây-Ban-Nha và học cách phát âm các từ ngữ. Thế rồi tôi lên chương trình Thánh Lễ tiếng Tây-Ban-Nha. Một linh mục thông thạo ngôn ngữ đó đáng lẽ sẽ đến Anchorage để cử hành Thánh Lễ, nhưng ngài đã hủy cuộc hẹn khiến tôi phải làm thay. Mồ hôi rớt thành hột, nhưng một cách nào đó tôi đã vượt qua được. Tôi cho chạy cuốn băng bài giảng tiếng Tây-Ban-Nha và xoay sở để hoàn tất lễ nghi mà không đọc sai quá nhiều chữ. Khoảng 200 người gốc Tây-Ban-Nha mà tôi chưa bao giờ gặp đã đến dự Thánh lễ. Tôi đã thấy những người này sống quanh khu vực nhà thờ, tha thiết mong mỗi một ai đó nhận ra ngôn ngữ và văn hóa của họ, và tôi lo lắng biến họ thành một phần của giáo xứ. Năm kế tiếp tôi đi nghi hê ở Guatemala, ghi danh học ngôn ngữ đó trong ba tuần tập trung. Tôi đã hơi quen thuộc với ngôn ngữ đó khi trở về nhà. Những biến cố này khiến tôi nộp đơn xin đi tu nghiệp 16 tuần để học tiếng Tây-Ban-Nha ở nước Cộng Hòa

Dominica, sau đó ở El Salvador. Từ đây tôi đến Mexico City, nơi tôi sống trong đại chủng viện và học ở đại học. Lúc tôi trở lại Kodiak, tôi bắt đầu phụng vụ hằng tuần bằng tiếng Tây-Ban-Nha. Kinh nghiệm ấy trở nên một phần rất ý nghĩa trong đời linh mục của tôi.

Tôi ở Kodiak sáu năm và mất mối liên hệ thường xuyên với các bạn linh mục. Tôi thuộc về nhóm *Jesus Caritas* phải gặp gỡ hằng tháng và có một tuần tĩnh tâm thường niên, song thật khó đến các buổi họp từ Kodiak. Bởi lý do đó, tôi đã xin chuyển về Anchorage. Tôi được bổ nhiệm về xứ Đức Mẹ Guadalupe nơi mà tôi có thể dâng Thánh Lễ bằng tiếng Tây-Ban-Nha.

Thêm vào công việc làm với người gốc Tây-Ban-Nha, tôi cũng đã làm một số mục vụ với người Phi-Luật-Tân. Có một năm tôi du hành khắp Phi-Luật-Tân để học hỏi về các vấn đề

Một trong những kinh nghiệm khích lệ nhất trong đời tôi, và tôi chắc là điều ấy đúng đối với hầu hết các linh mục, là khi một người nào đó cảm nhận được ơn chữa lành sâu xa qua bí tích hòa giải, nghĩa là một người đã rời xa Giáo Hội, rồi trở về.

xã hội, kinh tế và chính trị ở đó. Tôi cũng học cách cử hành Thánh Lễ bằng tiếng Tagalog, và tiếng mẹ đẻ của người Phi. Có một tuần lễ di sản văn hóa Phi-Luật-Tân ở Kodiak mỗi năm, và tôi được mời dâng

Thánh Lễ. Tôi cử hành lễ bằng tiếng Tagalog, và những người Phi vui mừng hết sức. Dân số vùng Kodiak vào khoảng 3.000 hay 4.000 người Phi và 1.000 gốc Tây-Ban-Nha, trong một khu dân sinh khoảng 11.000 người. Hầu hết những người Phi đều là Công Giáo. Lúc tôi rời Kodiak, giáo xứ gần như là một cộng đoàn người Phi.

Một trong những kinh nghiệm khích lệ nhất trong đời tôi, và tôi chắc là điều ấy đúng đối với hầu hết các linh mục, là khi

một người nào đó cảm nhận được ơn chữa lành sâu xa qua bí tích hòa giải, nghĩa là một người đã rời xa Giáo Hội, rồi trở về. Những biến cố như thế cho tôi thấy mình có giá trị, cái cảm tưởng là một cách nào đó tôi đã hoàn thành được một điều gì rất ý nghĩa—đúng hơn là Thiên Chúa đã hoàn thành nó qua tôi, và Chúa cần tôi cho giờ phút ân sủng đó. Thật là một điều kỳ diệu được làm khí cụ mang lại sự bình an và chữa lành cho một người bị thương tích.

Cam kết là một khái niệm quan trọng đối với tôi. Tôi không coi nhẹ lời cam kết. Khi tôi cam kết điều gì, tôi cần phải làm theo. Trong những ngày còn trai trẻ, tôi đã không làm như thế, nhưng trong quân đội tôi không có lựa chọn, việc đơn giản là tôi phải làm theo thôi. Đó là một sự học hỏi mà tôi trân quý, và tôi luôn cảm thấy thích hơn khi quân đội bó buộc tôi giữ một lời cam kết nào. Tôi nhận ra rằng tôi càng hoàn tất một điều đã khởi sự, tôi càng cảm thấy hài lòng hơn về chính mình. Cam kết trong đời linh mục và trong hôn nhân thật quan trọng. Cần có sự kiên quyết cho mỗi chặng đường trong cuộc sống.

Độc thân là một vấn đề khó cho nhiều linh mục. Tôi thấy nhiều giá trị trong đó cho bản thân mình. Đó là dấu hiệu của sự mâu thuẫn, dấu hiệu của vương quốc, và là nguồn của việc rao giảng tin mừng. Khi một người sống một cuộc đời đối nghịch lại với những giá trị của xã hội trần thế, người ta sẽ phải tự hỏi “*Tại sao họ lại làm như vậy?*” Giá như giáo luật thay đổi ngày mai, tôi sẽ không vội vàng đi tìm cô dâu. Rõ ràng có một số lợi ích trong cuộc sống tự do và một cơ hội để hiện diện cho nhiều người hơn. Tôi coi đó là một món quà cho tôi, nhưng không hẳn là món quà cho tất cả mọi người. Nhiều người đã bỏ đời linh mục, song tôi còn ở lại. Nói cho cùng, tôi tin rằng Thiên Chúa gọi tôi làm linh mục. Điều ấy nghe có vẻ đơn giản, nhưng tôi xác tín rằng chức linh mục

không phải do tôi lựa chọn: nó là điều Thiên Chúa chọn. Đây là món quà mà Thiên Chúa đã trao tặng cho đời tôi. Tôi cũng nhận biết rằng bất kể ơn gọi nào mà Chúa ban cho một người –dù là lập gia đình, làm linh mục, hay sống độc thân– đều chẳng bao giờ dễ dàng cả.

Tôi tin rằng Thiên Chúa gọi tôi làm linh mục. Điều ấy nghe có vẻ đơn giản, nhưng tôi xác tín rằng chức linh mục không phải do tôi lựa chọn: nó là điều Thiên Chúa chọn. Đây là món quà mà Thiên Chúa đã trao tặng cho đời tôi.

Thật tình tôi thích mỗi người chúng ta được tìm hiểu để tùy chọn sống độc thân. Trong giáo phận này chúng tôi sắp truyền chức cho

một người đàn ông đã lập gia đình, đó là Scott Medlock, một mục sư Giám Lý mà vợ và các con ông ấy đều là Công Giáo. Ông ta thích thú với Công Giáo, song cũng muốn làm mục sư. Với những chỉ thị mới sau Công Đồng Vatican II, ông đã tìm hiểu khả năng có thể được truyền chức linh mục. Ông tìm được một giám mục nâng đỡ, chuyển về Alaska, và trở lại đạo. *[Giáo Hoàng John Paul II đã cho phép, và mục sư Medlock thụ phong linh mục cho Tổng Giáo Phận Anchorage ngày 26 tháng 7 năm 1996. Các con trai ông giúp lễ trong Thánh Lễ truyền chức, và trong Thánh Lễ mở tay, cha Theodore Hesburgh⁷, cựu viện trưởng đại học Notre Dame và là vị linh mục đã làm phép cưới cho họ, đến giảng thuyết. Tổng giám mục Francis Hurley nhắc đến lễ truyền chức của Medlock trong bài viết “Sự Trở Lại Mục Vụ Của Các Linh Mục Đã Lập Gia Đình Không Hoạt Động” (Tạp chí America, số 28 tháng 2 năm 1998, trang 13-16)].* Cha Medlock sẽ có một chiều kích đặc biệt cho công việc mục vụ qua hôn phối và các con mà những người khác không làm được. Trong khi có một

⁷ Linh mục *Theodore Hesburgh* – xem câu chuyện của ngài trang 413.

dấu hiệu giá trị đối với đời sống độc thân không nên bị mất, những tài năng mà người đàn ông này có cũng quan trọng vậy.

Trái tim và trung tâm của đời sống linh mục là Thánh Thể: đó là điều chính yếu mà linh mục là người không thể thiếu được, và bí tích hòa giải. Nói cho ngay, linh mục là sự sống còn cho đời sống nhiệm tích của Dân Chúa. Linh mục cũng cần thiết cho các anh em linh mục của mình. Tôi thường nghĩ về kinh nghiệm của cha Michael Shields. Ngài được truyền chức trước tôi một năm. Ngài đã trải qua một giai đoạn khó khăn vì bất đồng chính kiến và đang kiếm tìm giải pháp. Ngài dường như cảm thấy có một ơn gọi theo Chúa một cách đặc biệt, một ơn gọi sẽ giúp làm mới lại sứ vụ linh mục. Cuối cùng ngài xin nghỉ một thời gian để suy nghĩ. Ngài đã thực hiện một cuộc tĩnh tâm khá dài, sau đó ngài tin rằng đã nhận được ơn gọi đi Nga, và đồng thời một ơn gọi sống hoàn toàn nghèo khó. Ngài đã phân phát hết mọi thứ mình có và mặc áo dòng: Ngài gặp hằng tuần và cầu nguyện cùng với tổng giám mục suốt một năm trọn để biện phân ơn gọi của mình. Tôi cảm động trước tinh thần của ngài, sự nhiệt thành, ngay thẳng, thành thật, cởi mở và thuận phục nữa. Tôi cũng cảm động trước liên hệ giữa linh mục với linh mục giữa cha Michael và tổng giám mục. Cha Michael đang làm tốt công việc của một cha xứ trong xứ đạo Magadan ở Nga. Magadan là một thành phố mà bảy triệu tù nhân đã đi qua để tiến đến chỗ chết –khu vực của trại tù tồi tệ nhất. Đó là nơi mà Solzhenitsyn gọi là “cái cực lạnh của trại tù khổ sai.”

Các linh mục có thể làm nhiều điều để cổ vũ ơn gọi. Chúng ta cần phải cho thấy cuộc đời mình là hạnh phúc và viên mãn, rằng có sự hoàn thành, và thỏa lòng trong những gì chúng ta đang làm. Tôi có là một linh mục hạnh phúc không? Có, tôi hạnh phúc lắm. Một vài ngày tôi không cảm thấy hạnh

phúc, song luôn luôn có ý nghĩa và sự hoàn thành trong những gì tôi làm.

Các linh mục chúng ta cũng cần mời gọi quý ông vào làm linh mục. Có một người bạn trẻ đã nói chuyện với một số cha sở về ơn gọi. Khi tôi nói chuyện với anh ta, anh bảo tôi rằng tôi là người đầu tiên xin anh trở thành linh mục. Phải, tôi có yêu cầu anh ấy. Tôi gặp một chú bé ở một đại hội mới đây và nói với em rằng em nên nghĩ đến việc làm linh mục. Em nói là đã từng nghĩ về việc học làm linh mục năm năm rồi, song chưa bao giờ được một lời khích lệ. Em đang hy vọng được vào chủng viện mùa thu này.

Tôi nói cho các anh em thuộc mọi lứa tuổi rằng chức vụ

Có một điều họ chắc chắn sẽ tìm được là sự thỏa lòng lớn lao, một niềm hạnh phúc sâu xa, một cảm giác vui thỏa và hoàn thành mỗi lần họ mang một người nào đó lại gần Chúa hơn, mỗi khi họ giúp một ai đó tìm lại ý nghĩa cuộc sống.

linh mục là một thách đố và một cuộc mạo hiểm. Tôi cho họ biết họ sẽ không tìm được một bài sai gọn gàng tốt đẹp đâu. Đúng hơn, họ sẽ tìm thấy cả hằng tấn công việc phải làm, họ sẽ gặp nhiều thử thách, song tất cả đều

là một phần của bất cứ nghề nghiệp nào. Tôi nói thêm là có một điều họ chắc chắn sẽ tìm được là sự thỏa lòng lớn lao, một niềm hạnh phúc sâu xa, một cảm giác vui thỏa và hoàn thành mỗi lần họ mang một người nào đó lại gần Chúa hơn, mỗi khi họ giúp một ai đó tìm lại ý nghĩa cuộc sống, mỗi lần họ tìm được con chiên lạc, mang con chiên ấy trên vai và mang chiên trở về đàn. ●

V. CÁC BẦY CHIÊN KHÁC CỦA TA

Những Linh Mục Đến Từ Các Truyền Thống Đức Tin Khác

“Tôi còn có những chiên khác không thuộc ràn
này. Tôi cũng phải đưa chúng về.”
– John 10:16

Phúc âm Gio-an có một mục đích rất rõ ràng. Nó được viết để tất cả tin rằng Chúa Giê-su là Đấng Ki-tô, và rằng bởi tin, họ sẽ được sống vì Danh Ngài (20:31). Sứ mạng hoàn vũ của Giáo Hội Chúa Ki-tô được diễn tả cách rõ rệt trong dụ ngôn mục tử nhân lành: Bất kỳ ai bước vào vương quốc qua Chúa Giê-su Ki-tô sẽ được an toàn.

Một trong các vấn đề tế nhị đối với Giáo Hội và chức linh mục là sự chấp nhận một mục sư từ một hệ phái khác (được gọi như thế bởi Giám Mục Warfel).

Trong hai câu chuyện sau đây, hai người kể lại cuộc hành trình của họ từ những căn gốc Tân Giáo¹ hãnh diện của mình đến chức linh mục trong Giáo Hội Công Giáo Rô-ma. Họ nói về đức tin không đổi dời của mình và nỗi đau của nhiều bạn hữu suốt đời của họ đã không đạt tới cùng một

¹ *Episcopal* – xin xem ghi chú trang 13.

đích. Trong cả hai trường hợp, viên ngọc đắt giá mà họ kiếm tìm là chức linh mục. ●

Linh mục

Jack D. Barker

Palm Springs, tiểu bang California

Từ sau Công Đồng Vatican II, khoảng 100 linh mục Tân Giáo đã gia nhập Giáo Hội Công Giáo Rô-ma. Vào tháng 11 năm 1976, Giáo Hội Tân Giáo chấp thuận cho việc phong chức phụ nữ làm linh mục. Liệu sự thu hút vào Giáo Hội Công Giáo của các linh mục Tân Giáo trước đây là một phản ứng bảo thủ và là sự phản đối quyết định ấy, hay còn có những lý do nào khác khiến họ chuyển hướng? Linh mục Jack Barker, cha sở nhà thờ thánh Phan-xi-cô Assisi ở Palm Springs, tiểu bang California, trả lời câu hỏi này từ một nhãn giới khác.

Cha Barker là một con người vừa thông thái, đầy sinh lực mà lại lịch thiệp. Cái nhìn nội tâm của ngài về Giáo Hội Công Giáo và kiến thức về lịch sử Giáo Hội thật bao quát. Cha Barker đã lãnh một bài sai có lẽ hơi khác thường đối với một cựu linh mục Tân Giáo. Ngài chịu trách nhiệm về ơn gọi vùng Palm Springs thuộc giáo phận San Bernardino.

Cha Barker sinh tại Sisseton, tiểu bang South Dakota, và lớn lên tại miền Nam California. Ngài chịu chức linh mục trong Giáo Hội Tân Giáo năm 1970, và được truyền chức linh mục Công Giáo năm 1992.

Trong trường đại học tôi đã gặp một linh mục Tân Giáo thật năng động, là người đã gây ấn tượng đầu tiên mạnh mẽ nơi tôi về ơn gọi. Ngài khiến tôi phải suy nghĩ

sâu xa hơn về điều tôi định làm trong đời. Cho đến lúc đó là năm 1963, tôi mới chỉ đơn thuần nghĩ đến việc kiếm sống qua ngày. Qua ảnh hưởng của ngài, tôi đã có thể đi Anh quốc học thần học. Tôi học trường Đại Học Phục Sinh¹ ở miền Bắc nước Anh, do Cộng Đoàn Phục Sinh² điều hành. Việc tông đồ đặc biệt của họ là giáo dục, cung cấp nhân sự cho Đại Chung Viện, và làm việc với người nghèo.

Đại Học Phục Sinh là một kinh nghiệm tôn giáo mới mẻ đối với tôi, một việc huấn luyện thực sự trong giáo hội cấp cao³. Chương trình sinh hoạt mỗi ngày hầu như giống hệt với các chủng viện bên Công Giáo thời ấy. Lời nguyện tạ ơn bữa ăn đều bằng tiếng La-tinh. Chúng tôi giữ thinh lặng sau giờ kinh tối. Phụng vụ hoàn toàn nằm trong khuôn khổ Công Giáo và dùng mọi dấu hiệu cũng như biểu tượng của một đời sống tu viện bên Công Giáo. Bởi thế, kinh nghiệm tôn giáo của tôi lúc ấy là một chủng sinh thuộc về công giáo – với chữ “c” nhỏ.

Sau thời gian huấn luyện trong chủng viện bên Anh quốc, tôi làm đơn với giám mục Tân Giáo xin được nhận vào Los Angeles. Trước hết tôi cần phải kiếm tiền, vì thế tôi làm công việc của một người kỹ sư ba năm trời, rồi trở lại chủng

¹ *College of the Resurrection* – thường được biết đến với tên *Mirfield*, là một thần học viện của Anh Giáo theo chiều hướng Anh Giáo và Công Giáo, sáng lập năm 1903 ở Mirfield, Anh quốc, do các linh mục Anh Giáo thuộc Cộng Đoàn Phục Sinh (Community of the Resurrection), đào tạo linh mục như các chủng viện Công Giáo.

² *Community of the Resurrection* (C.R.)– Cộng đoàn tu nhỏ do sáu linh mục Anh Giáo thành lập năm 1882 tại Oxford, thoát thai từ trào lưu canh tân Công Giáo tại Anh quốc. Họ thiết lập *College of the Resurrection* để đào tạo linh mục. Tinh thần cộng đoàn rất gần gũi với luật sống của dòng Biển-Đức của Công Giáo, sống khó nghèo, làm việc với người nghèo và chủ trương đại kết. Đến 2012, cộng đoàn có 22 thành viên.

³ *High Church* – từ ngữ thường được dùng để phân biệt những hội thánh trong Anh giáo vẫn nhấn mạnh đến việc hàng giáo sĩ tuân thủ nghiêm ngặt các lễ nghi phụng vụ và thần học sát với Công Giáo.

viện học năm cuối cùng. Tôi được truyền chức linh mục năm 1970.

Sau khi chịu chức, tôi làm việc một năm tại một giáo xứ, rồi làm cha sở nhà thờ Thánh Mary từ năm 1971 đến 1986, đây là một xứ đạo Anh Giáo-Công Giáo ở Los Angeles, nhỏ bé nhưng đáng kể. Trong năm đầu tiên ở đó, tôi bắt đầu tham gia vào Liên Hiệp Giáo Hội Hoa-Kỳ.⁴ Hiệp hội này gồm một nhóm giáo sĩ và giáo dân cổ võ giáo huấn Công Giáo trong giáo hội Tân Giáo về các lãnh vực mục vụ, bí tích, phụng vụ, và cũng hoạt động hướng về việc phối kết giữa Công Giáo Rô-ma và Anh Giáo. Trong khoảng thập niên 60 và 70, việc đạt tới mục đích đó xem ra có thể lắm. Tôi đã hoàn toàn dấn thân cho công việc này. Tôi tin rằng sự thiếu hiệp nhất là một cái gì xúc phạm đến Thiên Chúa, một sự phản bội lại sự hiệp nhất mà Chúa Giê-su đã cầu xin trong kinh nguyện thượng phẩm của Ngài (Gio-an chương 17). Nhưng trong thập niên 70, càng ngày người ta càng thấy rõ ràng là

Tôi tin rằng sự thiếu hiệp nhất là một cái gì xúc phạm đến Thiên Chúa, một sự phản bội lại sự hiệp nhất mà Chúa Giê-su đã cầu xin trong kinh nguyện thượng phẩm của Ngài.

sự hiệp nhất đó sẽ không thực hiện nhanh chóng được, bởi vì giáo hội Tân Giáo đã chọn đi theo hướng cấp tiến trong mục vụ. Người ta bắt đầu phong chức linh mục cho phụ nữ, mặc dầu Giáo Hoàng Phao-lô VI đã cảnh tỉnh rằng nó sẽ tạo ra một sự ngăn trở cho việc nghiên cứu sâu rộng hầu tiến tới hiệp nhất. Tôi đi tới kết luận là một sự hiệp nhất như thế sẽ không xảy ra trong đời mình.

Đó chính là lúc tôi quyết định bắt đầu cuộc hành trình trở về với Giáo Hội Rô-ma. Nếu tôi đã không thể là một phần tử của sự tác hợp từ Giáo Hội của tổ tiên tôi, thì giờ đây tôi

⁴ American Church Union.

muốn chính mình làm điều ấy. Hẳn nhiên đây không phải là vấn đề bức tức với người Tân Giáo hay chống đối việc phong chức linh mục cho phụ nữ. Tôi chỉ đơn thuần thấy rằng hướng đi của người Tân Giáo có nghĩa là, cho dù trong hiện tại hay một tương lai gần, sự hiệp nhất của hai Giáo Hội không thể nào thực hiện được. Đối với tôi, vấn đề là ở chỗ hiệp nhất. Bởi vậy, cuộc hành trình của tôi về với Công Giáo Rô-ma, dù đã bắt đầu từ lâu rồi, nay mới xoay chuyển tận gốc rễ vào năm 1977.

Một linh mục dòng Phan-xi-cô ở Portland, tiểu bang Oregon, từng là bạn của Hồng Y Seper, nguyên Tổng Giám Mục Zagreb, và là vị tiền nhiệm của Hồng Y Ratzinger với tư cách là Bộ Trưởng Thánh Bộ Đức Tin và Tín Lý, thưa chuyện với Hồng Y về ý muốn của tôi và hỏi xem tôi nên liên lạc với ai. Ngài Hồng Y nhắn lời qua vị linh mục dòng Phan-xi-cô mời tôi đến Rô-ma gặp ngài. Tôi tới đó tháng 11 năm 1977.

Trước hết tôi gặp cha William Levada từ Long Beach, tiểu bang California, lúc ấy là bí thư của hồng y. Hiện nay cha đang là tổng giám mục San Francisco. Cuối cùng hồng y tiến vào. Tôi hoàn toàn bị phủ ngập bởi lòng độ lượng và hiền hậu của ngài. Tôi kể cho ngài nghe việc tôi tham gia Liên Hiệp Giáo Hội Hoa-Kỳ, và cho ngài biết tôi đại diện mấy trăm linh mục đang có ý định trở thành linh mục Công Giáo Rô-ma. Tôi trình bày mối quan tâm và điều nghịch lý của mình, và chúng tôi đã đi đến kết luận sẽ tiến hành như thế nào từ nay trở đi. Chúng tôi có gặp thêm lần thứ hai để hoạch định một số chi tiết. Ngài bảo: *“Cha cứ tiếp tục làm mục vụ cho giáo dân của cha, làm phép cưới, an táng và rửa tội cho họ cho đến khi cha và giáo dân có thể gia nhập Giáo Hội cùng một lúc.”* Từ lúc ấy, tôi cảm thấy gắn bó với ngài hồng y. Giờ đây tôi đã bỏ lại sau lưng sự vâng lời theo luân lý đối với giáo hội Tân Giáo, và đã chuẩn bị để từ nhiệm xứ

đạo của tôi, trừ khi xứ đạo muốn gia nhập cùng với tôi. Thật ra, cuối cùng thì có đến một nửa xứ đạo đã đi theo tôi.

Năm 1978, mọi chuyện chậm lại mất một thời gian vì hai vị giáo hoàng qua đời cách nhau có một tháng. Thế rồi giáo hoàng Gio-an Phao-lô II được bầu lên. Năm 1979, Hồng Y Seper được tái bổ nhiệm làm Niên Trưởng của Công Hội và yêu cầu tôi cũng như các đại diện khác trở lại Rô-ma. Thêm nhiều cuộc trao đổi diễn ra. Thật là một giai đoạn đầy bất ổn và khó khăn vì các vấn đề đang diễn ra trong xứ đạo mà tôi phục vụ. Mãi đến năm 1987 tôi mới được đón nhận vào Giáo Hội Công Giáo.

Một nhóm thứ hai gồm các linh mục đi theo một lộ trình khác. Họ theo sự lãnh đạo của cha Jim Parker ở tiểu bang Georgia. Cha Parker tiếp sau đó trở thành bí thư của Hồng Y Law, là vị được đặc cử để hành xử các vấn đề liên quan đến Anh Giáo. Hồng Y Law là vị đại biểu của hàng giáo phẩm tại Hoa-Kỳ được phép nhận những người bên Tân Giáo đã lập gia đình nay xin làm linh mục trong Giáo Hội Công Giáo Rô-ma. Chương trình ấy được chấp thuận năm 1980. Có khoảng chừng 80 linh mục Tân Giáo đã gia nhập Giáo Hội Rô-ma trong 15 năm qua. Họ đang hoạt động trong nhiều giáo phận khắp nước Mỹ.

Điều ngạc nhiên lớn nhất từ khi tôi gia nhập Giáo Hội Công Giáo đến từ một kinh nghiệm quá khứ của tôi trong Tân Giáo. Người giáo dân của chúng tôi khi ấy được học hỏi kỹ càng.

Tôi hơi ngạc nhiên vì sự thiếu hiểu biết của nhiều người Công Giáo về những điểm căn bản trong niềm tin của họ.

Tôi hơi ngạc nhiên vì sự thiếu hiểu biết của nhiều người Công Giáo về những điểm căn bản trong niềm tin của họ.

Sự thất vọng lớn nhất có lẽ do sự ngây ngô lúc đầu, xảy ra khi người ta không hành xử như thể họ tin vào những giáo huấn trong tôn giáo của mình. Chẳng hạn, khi có sự nhỏ nhen thiếu bác ái, và những phàn nàn không căn cứ. Đây không phải là vấn đề chính yếu trong xứ đạo này, song khi nào bạn có 4.000 người hay 1.800 gia đình, bạn hầu như sẽ có ít nhất là 1% những người không cảm thấy hài lòng.

Tôi được phép đi vào trong trạng hướng để tổn thương nhất trong đời người. Thật là một phước lành được thấy sự đáp trả huyền diệu từ trong đau đớn mà đến, khi Thiên Chúa, qua vị linh mục, có thể đụng chạm tới con người ta vào những lúc quan trọng như vậy.

Niềm vui lớn lao nhất của tôi là được gần gũi với người ta vào những lúc trong đời họ khi mà họ cần sự đụng chạm chữa lành của Chúa Giê-su. Điều

đó xảy ra trong tòa giải tội, lúc làm linh hướng, khi thăm viếng người đau yếu, và khi săn sóc người hấp hối. Vào những lúc đó, tôi được phép đi vào trong trạng hướng để tổn thương nhất trong đời người. Thật là một phước lành được thấy sự đáp trả huyền diệu từ trong đau đớn mà đến, khi Thiên Chúa, qua vị linh mục, có thể đụng chạm tới con người ta vào những lúc quan trọng như vậy.

Có một điều linh mục có thể làm cho người ta mà không thành viên của nghề nghiệp nào có thể làm, đó là chú tâm đến sự trưởng thành và thánh thiện bản thân của những người mà linh mục phục vụ. Ngài cũng có thể làm điều đó cho chính mình. Các linh mục chúng tôi có những ngày thỉnh lặng, có thể đi tĩnh tâm, và có những ngày để hồi tưởng lại, cũng như có cơ hội khám phá chiều dài, chiều rộng và chiều sâu của tâm hồn. Đó là một trong các đặc ân của mục vụ được truyền chức thánh.

Ai cũng muốn làm được điều gì khác biệt trong thế giới, và tôi tin là tôi đã làm được, mặc dầu đôi khi bằng những cách thể khó mà đo lường nổi. Một thí dụ đơn giản: có lần tôi cố vấn cho một phụ nữ mà người chồng của con gái bà qua đời. Bà ta sắp di chuyển trở lại miền Đông để sống với người con gái. Tôi khích lệ bà và có vài lời đề nghị. Mười năm sau tôi nhận được một thiệp Giáng Sinh do bà gửi, cảm ơn tôi về lần trao đổi đó, nói rằng nó đã tạo nên một sự khác biệt lớn. Bà kể cho tôi nghe bà đã không bao giờ quên những lời khích lệ tôi đã dành cho bà. Bà ta đã nhập tâm những lời ấy, và chúng đã thay đổi đời bà. Tôi nghĩ tới biết bao điều khác đã từng xảy đến cho những người không có cơ hội viết ra. Khi tôi giảng Lời Chúa cho 1.000 người, thì tôi đang đụng chạm tới 1.000 bộ tai, 1.000 cuộc sống. Và sẽ có 1.000 câu đáp trả cho điều tôi đang nói.

Tôi biết là mình đã làm được điều khác biệt trong cuộc sống của những người Tân Giáo mà tôi đã đưa vào Giáo Hội. Có một vài điều nghịch lý, và công luận không được tốt. Nếu tôi làm người ta bị tổn thương vào thời điểm đó, không phải là vì cố ý. Nhưng như bất kỳ ai khác, tôi phải công nhận có khía cạnh lu mờ về ảnh hưởng của tôi với giáo dân. Về phương diện tích cực, nếu tôi đã làm được gì khác biệt, ấy là việc của Thiên Chúa, và thường khiêm tốn thôi. Khi tôi thăm viếng ai đó sắp chết hay đang bị khủng hoảng, và thấy người đó được an ủi vì điều mình nói ra, thì tôi luôn cảm thấy được tài bồi thêm lúc ra về. Thường thì tôi chào biệt họ và nói rằng tôi không biết là mình có thể mạnh sức đến thế hay can đảm như thế nếu tôi phải đối phó với những vấn đề khủng khiếp mà họ đang trải qua.

Tôi khám phá ra rằng cuộc sống độc thân quả là một kinh nghiệm rất quyền năng. Nó cho tôi có một mức độ thân mật với giáo dân và điều ấy không có được cùng một chiều

kích, nếu như tôi có một gia đình riêng. Trong một ý nghĩa nào đó, dường như người dân của Thiên Chúa ganh tị thế nào ấy với các linh mục của họ. Giả như tôi sẽ là cha của người ta –hình ảnh một người cha– điều ấy có nghĩa là tôi có mối tương quan gia đình với họ. Và người cha của một gia đình cần phải được tín nhiệm. Người ấy cần phải biết tất cả mọi điều đang diễn ra trong gia đình. Người ấy là dấu hiệu của sự hiệp nhất cho gia đình đó. Độc thân cũng là một dấu hiệu của vương quốc; nó là một thứ văn hóa khác thường. Có lúc nó có thể gặp khó khăn, song có một sự khác biệt giữa việc sống một mình và bị cô đơn. Không thiếu những lúc tôi cảm thấy trái tim mình rung động.

Tôi thấy rất rõ tương lai của việc sống độc thân qua việc đọc lịch sử Giáo Hội. Những điều mới mẻ không phải được tạo thành từ hư không. Thông thường, Giáo Hội đáp ứng lại cuộc sống. Trước hết chúng ta có đời sống, rồi chúng ta mới có luật lệ. Một điều gì đó xảy ra trước trong thân thể của tín hữu, rồi chúng ta diễn dịch nó, sau đó mới có lề luật. Trong số hơn 20 lễ nghi Đông Phương của Giáo Hội Công Giáo, trước hết có sự sống, có đức tin, và từ đó mới nảy sinh ra những cách thức khác nhau để diễn tả phụng vụ và mục vụ. Có những linh mục lập gia đình ngoài Hoa-Kỳ. Ngay trong nước Mỹ, có những linh mục đã lập gia đình từ Giáo Hội Tân Giáo đến. Tôi nghĩ rằng cuộc sống giữa các tín hữu sẽ mở ra nhiều phong thái khác nhau. Trong thế giới thứ ba, nhất là nơi dân chúng các bộ tộc, đời sống gia đình là giá trị trung tâm. Chế độ một vợ một chồng chưa từng là một điều được thực hành trong văn hoá của họ. Sống độc thân lại càng khó được chấp nhận. Thành thực mà nói, chúng ta phải thú nhận rằng việc giáo sĩ lập gia đình vốn đã hiện hữu. Rồi sẽ đến lúc Giáo Hội đối diện với thực tại ấy. Tôi không dám chắc rằng sẽ có một sắc lệnh từ trên cao bỗng dưng tuyên bố một chức linh mục được lập gia đình cho khắp hoàn vũ. Đúng hơn, nó sẽ mở ra trong phương cách từng bữa ăn nhỏ

trải một giai đoạn dài. Trong tương lai gần, có lẽ chúng ta sẽ có hai sắc thái linh mục. Sẽ có một chức linh mục dẫn đến những dòng mục vụ khác cho linh mục độc thân – một cuộc sống trong dòng tu như hình thái hiện thời chúng ta đang có. Mô thức kia sẽ là hình thái gia đình. Song tất cả những điều này sẽ chỉ xảy ra tiệm tiến thôi.

Khi hy vọng không có nhiều, chúng ta có thể bắt đầu phục hưng lại nhân đức đó bằng cách trở về đời sống thuộc linh thuần khiết. Điều ấy có nghĩa là phát triển con người toàn diện – nếu bỏ qua một phần nào là chúng ta sẽ bị rối loạn. Nói về sứ vụ linh mục, chúng ta sẽ phải thành thực đối diện với các vấn đề của mình. Một số linh mục không hoàn tất tiến trình trưởng thành của mình nên trở thành những linh mục có đầy vấn đề. Chúng ta sẽ phải đánh giá lại cách chúng ta lựa chọn, huấn luyện, và truyền chức cho các linh mục của chúng ta. Chúng ta không thể vùi đầu trong cát. Nhìn bề ngoài, đây là một thời điểm gai góc để được truyền chức linh mục. Song đối với tôi, điều ấy làm cho việc truyền chức càng phấn khích hơn.

Tôi sẽ lấy làm tiếc nếu đã được truyền chức vào một thời điểm khi mà không có vấn đề gì để giải quyết, không có núi cao để trèo, và không có đại dương để vượt qua.

Một số linh mục không hoàn tất tiến trình trưởng thành của mình nên trở thành những linh mục có đầy vấn đề. Chúng ta sẽ phải đánh giá lại cách chúng ta lựa chọn, huấn luyện, và truyền chức cho các linh mục của chúng ta.

Tôi cảm thấy ngậy ngất về món quà mà tôi đã nhận được. Ôn gọi của tôi đã mang đến cho tôi biết bao phần thưởng, biết bao điều thỏa lòng mà tôi không thể đếm hết. Theo nhận định của tôi, không có cách nào tốt hơn, cơ hội nào lớn hơn

để trở thành người mà Thiên Chúa muốn bạn trở thành hơn
là làm linh mục. ●

Linh mục

Louis A. Sigman

Phoenix, tiểu bang Arizona

Cha Louis Sigman được truyền chức trong Giáo Hội Tân Giáo năm 1957. Ngài là một linh mục không buộc phải sống độc thân, song ngài đã chọn như thế. Nhận xét của ngài về di sản của đời sống độc thân mở ra một cái nhìn mới. Năm 1965 ngài gia nhập Giáo Hội Công Giáo Rô-ma và hai năm sau chọn làm linh mục, nhân chứng sống cho niềm vui trong việc phục vụ Thiên Chúa và tín hữu qua vai trò một linh mục. Ngài chia sẻ suy tư về sự độc thân linh mục trong nhân giới lịch sử, và ngài cũng đánh giá ý nghĩa của sự vâng phục nơi người môn đệ qua những lời kể lại dưới đây.

Cha Sigman là một con người năng động, làm việc tận tụy, làm mục vụ trong một khu vực đang bùng nổ với các gia đình Công Giáo. Ngài là cha sở giáo xứ Corpus Christi ở Awahutukee, miền Nam Phoenix, phục vụ một cộng đoàn phát triển rất nhanh và đã ghi danh đến 3.000 gia đình thành viên rồi.

Tôi sinh ra ở Chicago trong một gia đình theo giáo hội Tân Giáo xác tín mãnh liệt và nếp sống đạo đức vững chắc. Giáo xứ chúng tôi có những linh mục đạo đức thuộc Tu Hội Thánh Gio-an Thánh Sứ.¹ Suốt đời tôi, tôi đã

¹ *Society of Saint John the Evangelist* (S.S.J.E.) – một dòng tu Anh Giáo cho nam tu sĩ, thành lập năm 1866 tại Cowley, Oxford, Anh quốc do cha Richard

quen với những khung cảnh đạo đức Công Giáo. Chúng tôi lần chuỗi và đọc kinh truyền tin, đi xưng tội đều đặn, nhận phước lành hằng tuần, và dự thánh lễ hằng ngày. Tôi xưng tội và rước lễ thường xuyên.

Tôi đã nghĩ đến việc học y khoa, luật khoa và ngành báo chí, tất cả đều là những nghề nghiệp hấp dẫn. Khi học tiểu học tôi đã thường nghĩ đến chức linh mục. Tôi nghĩ đến nó ít hơn khi lên trung học. Sau khi tốt nghiệp trung học, tôi đã theo ngành báo chí hai năm tại Đại Học Illinois. Mặc dù tôi

Một bác sĩ có thể cứu thân xác, nhưng thân xác đó rồi cũng đến lúc chết. Công việc của linh mục, cơ hội của ngài, là cứu một linh hồn đời đời.

thích thú với việc viết lách và cảm thấy bị lôi cuốn bởi đời sống lý thú mà báo chí có thể mang lại, song có cái gì đó thiếu vắng trong đời tôi. Thế rồi tôi chợt nhận ra rằng linh mục là

một bác sĩ thuộc hạng cao cả nhất. Một vài bạn thân của tôi làm bác sĩ y khoa, và tôi ngưỡng mộ năng khiếu của họ. Song họ chỉ chăm sóc cho thân xác. Có một người bạn, làm bác sĩ giải phẫu, là một thừa tác viên thánh thể ngoại hạng. Anh bảo rằng khi anh cầm trong tay thân thể Chúa Ki-tô, anh cho đó là giây phút thánh thiêng nhất trong đời anh, còn thánh thiêng hơn cả việc cứu vớt mạng sống người nào đó với con dao mổ của mình. Một bác sĩ có thể cứu thân xác, nhưng thân xác đó rồi cũng đến lúc chết. Công việc của linh mục, cơ hội của ngài, là cứu một linh hồn đời đời. Tôi cũng có những người bạn tốt làm luật sư. Luật pháp trong một nghĩa tốt nhất chính là phản ảnh của tình yêu Thiên Chúa đối với chúng ta. Một linh mục hành nghề luật khi ngài giảng dạy 10 giới răn và khi ngài dạy về luân lý. Chức linh mục lấy cái tuyệt hảo nhất của các chuyên gia –từ nhà tâm lý học,

Meux Benson, một linh mục Anh Giáo. Cũng được gọi là các cha Cowley (Cowley Fathers). Dòng chuyên về giảng thuyết, linh hướng và tình thần hiếu khách.

bác sĩ, luật sư đến người thợ thủ công— và tập hợp lại thành một.

Các linh mục ở xứ đạo khuyên tôi vào chủng viện. Tôi vẫn chưa hoàn toàn cảm thấy siêu lòng, nhưng các ngài bảo tôi cánh cửa luôn luôn rộng mở, và tôi cũng có thể bỏ về bất kỳ lúc nào. Tôi hoàn tất chương trình đại học trong một môi trường gần giống như chủng viện, và rồi nhập đại chủng viện Tân Giáo ở Wisconsin gần Oconomowoc. Tôi học xong chương trình huấn luyện tại Đại Chủng Viện Seabury Western ở Evanston, và thụ phong linh mục cho Giáo Phận Tân Giáo của Chicago.

Suốt trong thời gian huấn luyện, tôi cảm thấy khao khát mãnh liệt được trở thành người Công Giáo Rô-ma. Tôi gặp khó khăn với Giáo Hội của tôi về việc họ không chấp nhận vai trò giáo hoàng, và càng gặp khó khăn hơn nữa trong tình trạng chúng tôi không trực thuộc ngạch chính của Thánh Phê-rô. Những xác tín đó dẫn tôi đến việc gia nhập niềm tin Công Giáo vào tháng Giêng năm 1956, khá lâu trước khi phong trào phong chức cho phụ nữ trong giáo hội Tân Giáo dẫn nhiều người khác đến với Giáo Hội Rô-ma. Thời gian đầu, sau khi gia nhập Giáo Hội, tôi chỉ nghĩ đến việc đơn giản là làm một tín hữu Công Giáo tốt. Tôi đã có thể rước lễ mỗi ngày, và như thế tình yêu với thánh thể sẽ được sung mãn. Trong Giáo Hội Cấp Cao², các linh mục chúng tôi tin vào giáo huấn dạy việc biến thể và vào sự hiện diện thực sự khi thánh hiến bánh, nhưng tôi không chắc tất cả mọi người đều tin. Trong Giáo Hội Công Giáo, khi tôi thấy người ta rước lễ tôi biết rằng họ là người tin vào sự hiện diện thực sự của Chúa Ki-tô. Sau cùng, hồi tưởng lại những năm tôi đã dâng lễ tế với tư cách là một giáo sĩ Tân Giáo, cái ý tưởng không bao giờ được dâng thánh lễ nữa bỗng trở thành không thể nào hình dung được.

² *High Church* – xem ghi chú trang 228.

Thế là tôi quyết định gia nhập hàng linh mục Công Giáo. Tôi học tại Tu Viện Thánh Bede,³ rồi Đại Chung Viện Conception ở Missouri, và được truyền chức linh mục cho Giáo Phận Peoria. Vì cha mẹ tôi đã về hưu ở tiểu bang Arizona, hai năm sau tôi đến Giáo Phận Tucson. Tôi phục vụ một số giáo xứ trước khi đến Ahwatukee, mà bây giờ thuộc Giáo Phận mới Phoenix vừa tách ra từ Giáo Phận Tucson.

Một trong ít điều thất vọng trong đời tôi trong vai trò một linh mục là tính cực đoan hiện hữu trong Giáo Hội đương thời và sự thiếu

Một trong ít điều thất vọng trong đời tôi trong vai trò một linh mục là tính cực đoan hiện hữu trong Giáo Hội đương thời và sự thiếu kính trọng đối với Đức Thánh Cha cũng như với giáo huấn của Giáo Hội, ngay cả trong hàng ngũ linh mục.

kính trọng đối với Đức Thánh Cha cũng như với giáo huấn của Giáo Hội, ngay cả trong hàng ngũ linh mục. Để cân bằng những thất vọng thứ yếu đó, đơn giản là vẫn có những

niềm vui khôn tả trong sứ vụ linh mục. Như Elizabeth Barrett Browning đã nói: *“Tôi yêu mến Ngài thế nào? Hãy đếm những cách thế tôi biểu lộ.”* Mỗi thánh lễ là một niềm vui. Một ngày sống của tôi hẳn không thể trọn vẹn nếu không có thánh thể. Một trong những điều thỏa lòng và nhận chân giá trị của sứ vụ linh mục là được nghe những người nam và nữ mà tôi đã ảnh hưởng đến đời sống họ trong quá khứ. Tôi vẫn nhận được những cú điện thoại từ các thanh niên thiếu nữ mà tôi đã dạy họ trong trung học 15 năm trước. Họ mời tôi làm chứng lễ cưới của họ, và rửa tội các con của

³ *Thánh Bede* (673-735) – linh mục dòng trong tu viện Thánh Phê-rô tại Anh quốc, soạn hơn 60 tác phẩm giá trị về các giáo phụ và giáo sử. Giáo hoàng Leo XIII phong ngài làm tiến sĩ hội thánh năm 1899.

họ. Hoặc họ nói với tôi: “*Mẹ con mất rồi, con có thể đến thừa chuyện với cha được chứ?*” Tôi không phải là người đã làm được điều gì khác biệt trong đời sống họ –chính là chức linh mục. Họ không đến với tôi vì tôi là Louis Anthony Sigman. Họ đến với tôi vì tôi là Cha Sigman.

Tôi không quan tâm đến chuyện chụp mũ cho là bảo thủ, cấp tiến, hay truyền thống. Khi được hỏi tôi đứng về phía nào đối với vấn đề tranh cãi, tôi trả lời: “*Tôi là người trung thành.*” Điều gì Giáo Hội muốn tôi làm, tôi sẽ làm. Tôi đã không nhận trẻ gái làm các em giúp lễ. Rồi khi các giám mục nói rằng chúng ta có thể đón nhận các em gái, tôi đã huấn luyện các em gái trong vòng 24 giờ. Tôi thích nghĩ rằng tôi theo sát mẫu mực của những thần học gia lỗi lạc như John Courtney Murray, S.J. và Teilhard de Chardin, S.J. Các ngài đã kiên nhẫn chờ đợi khi những ý tưởng của mình bị Rô-ma phê phán. Họ tiếp tục nghiên cứu và cầu nguyện. Song họ là những người trung thành hết mực. Rồi khi Vatican II đến, những tư tưởng của các ngài được đón nhận. Cha Rosini là người khai sáng một cộng đoàn linh mục làm việc ở Peoria, Florida, Ái-Nhĩ-Lan và Ý. Việc ngài làm bị kẻ như nếu không phải là lạc giáo, thì ít nhất cũng nguy hiểm. Người ta đã công khai thiêu hủy các tác phẩm của ngài. Ngài nói rằng rất có thể Tòa Thánh đã có lý. Nếu điều đó là sự thật, ngài không muốn tạo ra có vấp phạm, không muốn đưa người ta xa rời niềm tin, càng không muốn là mũi dùi giữa Rô-ma và dân chúng.

Với tất cả những chuyện om xòm đòi hủy bỏ đời sống độc thân, quan điểm của tôi có thể gây ngạc nhiên. Độc thân chính là một trong những điều lôi cuốn tôi đến chức linh mục. Giáo Hội Tân Giáo không đòi hỏi điều đó, song tôi đã chọn lối sống ấy bởi vì tất cả những linh mục mà tôi ngưỡng

mộ đều là những vị độc thân. Trong những năm còn trẻ, tôi đã bắt đầu đặt vấn đề về việc độc thân, nhưng khi lớn tuổi hơn, tôi có thể nhìn lại và đánh giá các sự kiện rõ ràng hơn nhiều. Thật khó để phân cách tình yêu giữa người vợ và Giáo Hội. Tôi có mấy người bạn theo Chính Thống mà lại độc thân. Họ nhận ra giá trị chân thực trong việc độc thân.

Độc thân mang một giá trị hầu như không chạm đến được. Nó cho thấy vẻ đẹp của một tâm tính trung thực và một trái tim ngay thẳng. Khi tôi là thanh niên và có gặp các linh mục hay nữ tu bước trên đường phố Chicago, họ như tỏa ra vẻ đẹp, sự trong sáng, và một sự tận hiến hoàn toàn, trọn vẹn và tuyệt đối.

Họ nhận ra rằng những giáo sĩ lập gia đình của họ phải đặt người vợ và gia đình lên trước hết. Độc thân mang một giá trị hầu như không chạm đến được. Nó cho thấy vẻ đẹp của một tâm tính trung thực và một trái tim ngay thẳng. Khi tôi là thanh niên và có gặp

các linh mục hay nữ tu bước trên đường phố Chicago, họ như tỏa ra vẻ đẹp, sự trong sáng, và một sự tận hiến hoàn toàn, trọn vẹn và tuyệt đối.

Là một sử gia, tôi khám phá ra rằng khi đời sống độc thân trở nên tùy chọn trong bất cứ Giáo Hội nào, thì nó sẽ sớm biến mất. Nó đã biến mất trong tất cả các giáo hội ngoại trừ giáo hội Chính Thống Hy-Lạp: các giám mục của họ phải độc thân, và tất cả các giám mục của họ đều từ Hy-Lạp mà ra, bởi vì không có lấy một linh mục độc thân trong bất kỳ nơi nào khác, dù một ứng viên cũng không. Trong Giáo Hội Công Giáo Quốc Doanh Ba-Lan,⁴ là nhóm tách khỏi Rô-ma một lúc nào đó trong thập niên 1920, sự độc thân được kể là tùy chọn. Các sinh viên ưu tú nhất của họ được gửi tới chủng viện Tân Giáo. Tình trạng độc thân đã biến mất hoàn toàn trong Giáo Hội đó và ngày nay nó không còn

⁴ Polish National Catholic Church.

hiện hữu nữa. Trong Giáo Hội Công Giáo Kỳ Cựu của Utrecht⁵ tách khỏi Rô-ma sau Công Đồng Vatican I, sự độc thân cũng là tùy chọn. Nó cũng không còn tồn tại trong giáo hội đó nữa. Giáo Hội Công Giáo Phi-Luật-Tân có con số lên đến 2-3 triệu, cũng tách khỏi Rô-ma, và biến độc thân thành tùy chọn. Tương tự như vậy, nó cũng không còn tồn tại trong giáo hội ấy nữa. Bởi quá trình lịch sử như thế, tôi không ủng hộ một chức linh mục được lập gia đình. Chúng ta sẽ mất đi quá nhiều giá trị.

Trước khi giáo hoàng công bố việc phong chức phụ nữ, tôi hẳn sẽ tranh luận với các linh mục bạn, đa phần như một thao luyện lý trí hơn thứ gì khác, rằng chức linh mục chọn nam giới có lẽ là một điều thuộc văn hóa hơn là một vấn đề thuộc Kinh Thánh mặc dù đã 2000 năm rồi. Song Rô-ma đã lên tiếng dứt khoát rồi, và điều ấy đã khép vấn đề lại.

Tôi nghĩ rằng một số trong chúng tôi đã chọn sứ vụ linh mục khi chúng tôi thấy cuộc sống trống rỗng và không thể sung mãn qua bất kỳ ơn gọi nào khác. Chúng ta có thể thử học đại học hay làm việc trong ngân hàng, và vẫn thấy có cái gì đó thiếu vắng. Cha Clements, giám đốc ơn gọi, cho tôi biết điều ấy đã xảy ra trong trường hợp của ngài. Ngài tốt nghiệp từ Đại Học Tiểu Bang Arizona về ngành thương mại, có một việc làm tốt, nhưng nhận ra rằng còn có một thứ gì đó ngài mong muốn thể hiện trong đời mình, và thế là ngài nhập chủng viện. Một phi công lái máy bay đang đến chơi thăm tôi. Anh ấy làm hơn \$100.000 Mỹ-kim một năm. Anh ấy hạnh phúc, đã từng yêu thích phi cơ từ lúc lên sáu tuổi (anh ấy là một trong những người trẻ nhất từng được bằng lái sớm), nhưng có một điều gì đó thiếu vắng trong cuộc sống của anh, và anh ta đang nghĩ tới sứ vụ linh mục. Khi tôi nói chuyện

⁵ Old Catholic Church of Utrecht.

với anh ấy hay những người khác, tôi bảo họ sẽ tìm thấy bình an và niềm vui trong đời linh mục. Nếu họ trở thành linh mục và sống cuộc đời tinh thần của một linh mục, đời sống cầu nguyện của một linh mục, đời sống mục vụ của một linh mục, họ sẽ thấy hạnh phúc. Sẽ có những lúc họ thấy đơn độc, nhưng họ sẽ không bận tâm điều đó. Thật ra, đôi khi họ sẽ

Linh mục giống như một miếng xốp cao su. Suốt cả ngày ngài thấm đầy niềm vui, nỗi buồn, những bất hạnh và các vấn nạn của người giáo dân. Đêm về ngài đến trước Thánh Thể và vắt ra hết.

mong ước được ở một mình và được ở với Chúa sau một ngày bận rộn. Có lần tôi được nghe nói rằng linh mục

giống như một miếng xốp cao su. Suốt cả ngày ngài thấm đầy niềm vui, nỗi buồn, những bất hạnh và các vấn nạn của người giáo dân. Đêm về ngài đến trước Thánh Thể và vắt ra hết.

Khi tôi đang chuẩn bị cho sứ vụ linh mục, tôi đã tin vào tính bản thiện và sự thành thật của mọi người. Đời sống tôi là một linh mục chẳng những đã xác tín niềm tin ấy mà còn làm cho nó lớn lên. Sự liêm chính, vẻ đẹp của những con người đón nhận nhiệm tích hòa giải, còn vượt xa hơn điều mà tôi đã phỏng đoán trước, đặc biệt với những người đã xa rời Giáo Hội một khoảng thời gian nào đó. Sự chân thành, cởi mở và hoàn toàn thành thật của họ là một mặc khải đối với tôi. Không những nó là một sự bất ngờ, song còn là một trong những điều hưng phấn nhất từng xảy đến trong đời tôi.

Hồng Y O'Connor trong cuốn băng giảng thuyết tuyệt vời của ngài về ơn gọi đã nói rằng Giáo Hội ở trong tình trạng tốt nhất khi bị bách hại. Cũng thật đúng y như thế với một linh mục. Hồng Y O'Connor nói rằng ngày nay Giáo Hội bị bách hại tại Hoa-Kỳ bởi truyền thông và bởi xã hội nói chung. Đời sống xã hội Hoa-Kỳ trái ngược với mọi thứ

mà Giáo Hội tin. Sự nghèo khó chỉ là trò cười, đức khiết tịnh bị coi là bệnh hoạn, và đức vâng lời là điều điên rồ. Song đó là những nhân đức mà chúng tôi ôm ấp trong đời linh mục. Hoa-Kỳ đang sống trong một thời đại hậu Ki-tô giáo. Đây là một thách đố lớn. Những thách đố này tạo ra nghị lực lớn lao, và từ những nghị lực lớn lao đó mà có sự thánh thiện. Bởi thế ngày nay các linh mục của chúng ta có thể ít hơn trước, song họ có thể tốt lành hơn. ●

Đời sống xã hội Hoa-Kỳ trái ngược với mọi thứ mà Giáo Hội tin. Sự nghèo khó chỉ là trò cười, đức khiết tịnh bị coi là bệnh hoạn, và đức vâng lời là điều điên rồ. Song đó là những nhân đức mà chúng tôi ôm ấp trong đời linh mục.

VI. HÃY THEO TA

Những Linh Mục Chiến Thắng Được Các Nghi Nan

“Người bảo các ông: “Các anh hãy theo tôi, tôi sẽ làm cho các anh thành những kẻ lưới người như lưới cá.” Lập tức hai ông bỏ chài lưới mà đi theo Người.”

– Mt 4:19

Phê-rô và em ông là An-rê đã bỏ lưới cá để theo Chúa Giê-su. Họ đã bỏ ngay lập tức những gì đang làm để theo chân Chúa Ki-tô. Nhiều người Công Giáo nghĩ rằng những ai nhận được ơn kêu gọi làm linh mục đã đáp lại cùng một cách thể như Phê-rô và các môn đệ đầu tiên, nghĩa là rõ ràng, dứt khoát, và ngay tức khắc. Cũng có khi là như vậy, nhưng không phải lúc nào cũng thế. Đôi khi người ta phải vật lộn với câu trả lời của họ trước khi vào chủng viện, và ngay cả sau khi được truyền chức rồi. Đại ngôn sứ Ê-li-a đã cảm thấy chán nản và kiệt sức trong ơn gọi của mình. Ông đã đi vào sa mạc, nằm vật xuống dưới gốc cây, và cầu xin Chúa cho được chết đi. Thay vào đó, Chúa đã sai một thiên thần bảo vị ngôn sứ thức dậy ăn và uống, và chỗi dậy đi đến núi Horeb kéo không đủ thời giờ hoàn tất công việc của Chúa (I Vua 19:4-8). Phần này chia sẻ với bạn đọc câu chuyện của bốn linh mục kể lại những kinh nghiệm của họ khi phấn đấu để đáp lại lời mời gọi của Thiên Chúa. ●

Linh mục

Ned J. Blick

Wichita, tiểu bang Kansas

Benjamin là con trai út và là người con được sủng ái của Gia-cóp (STK 34:16-20). “Benjamin” cũng là một từ ngữ được ái mộ, thường được áp dụng cho các thành viên mới nhất của giới giáo sĩ. Cha Ned Blick sinh tại Hutchinson, tiểu bang Kansas tháng 6 năm 1964, là một trong hai “Benjamin” được kể đến trong cuốn sách này. Ngài thụ phong linh mục ngày 23 tháng 5 năm 1992 cho giáo phận Wichita, chỉ bốn năm trước cuộc phỏng vấn này.

Con đường dẫn thân đến sứ vụ linh mục của cha Blick là một đường cong hơn là đường thẳng. Câu chuyện về cuộc phấn đấu của ngài để đi đến quyết định mãi đến ngay chính ngày được truyền chức, có thể sẽ hữu ích cho những ai đang gặp khó khăn trong việc nhận ra và đáp lại tiếng gọi làm linh mục.

Cha Blick rất bộc trực về cuộc sống của ngài trong bốn năm sau khi chịu chức. Ngài nói thẳng thắn về đời sống độc thân, về nhu cầu dẫn thân, và đặc biệt về niềm vui làm linh mục. Ngài rất nhiệt tình trong việc khuyến khích người khác nghĩ tới việc làm linh mục.

Bây người con trong gia đình chúng tôi lớn lên trong một môi trường Công Giáo vững chắc. Chúng tôi có giờ cầu nguyện ở nhà, lần chuỗi hàng ngày, và luôn luôn

Hạt giống ơn gọi của tôi đã được ươm trong gia đình, có thể nói là đầu tiên và trước nhất.

lần chuỗi trong xe khi chúng tôi đi nghỉ hè. Hạt giống ơn gọi của tôi đã được ươm trong gia đình, có thể nói là đầu tiên và trước nhất. Cha mẹ tôi không bàn về chuyện tôi có thể học làm linh mục, nhưng bạn có thể nói được các ngài cảm thấy rộn ràng biết bao nếu tôi lựa chọn như thế. Các ngài không bao giờ nói điều gì khó chịu về một linh mục nào, cũng không cho phép chúng tôi làm vậy. Các anh em tôi và tôi thường hay chơi trò cút bắt ở sân sau nhà, và hay nói về chuyện mai sau sẽ muốn làm gì khi chúng tôi lớn lên.

Một trong các anh em tôi nói muốn làm bác sĩ. Tôi bảo tôi muốn làm linh mục. Chúng tôi nghĩ đến những điều ấy như thể hai nghề nghiệp vĩ đại nhất: một thì chữa lành thể xác, người kia thì chữa lành linh hồn. Cả hai chúng tôi đã trở thành người mình muốn làm.

Ba người trong số các dì tôi đã là nữ tu. Khi chúng tôi ghé thăm họ, tôi luôn luôn cảm kích trước cuộc sống vui tươi của họ. Họ rất an bình và hạnh phúc. Cậu tôi, một linh mục dòng Biển-Đức ở Shawnee, tiểu bang Oklahoma, lại giống như một ông già Noel, vui nhộn và lúc nào cũng cười ròn rã.

Nền giáo dục Công Giáo là một ảnh hưởng nữa đến ơn gọi của tôi. Tôi đã học trường nhà xứ cho đến khi vào đại học. Việc dự thánh lễ trước khi các lớp học bắt đầu đã là chuyện đương nhiên trong trường học. Tôi là một cậu bé giúp lễ. Lúc tôi còn ở lớp một và chúng tôi được yêu cầu vẽ một bức hình về nghề nghiệp mà chúng tôi muốn làm, tôi đã vẽ hình một linh mục. Đôi khi tôi cho người ta biết rằng tôi đã không quyết định dần thân cách nghiêm chỉnh làm linh mục cho đến khi học lớp hai.

Khi lên trung học, tôi gặp nhiều cô gái, và những ước vọng của tôi đã nguôi đi một chút. Rồi trong những năm đại học, tôi đã nói chuyện với cậu tôi, vị linh mục dòng Biển-Đức, về sự chưa kiên định của mình. Cậu bảo: *“Cứ để ngỏ những nẻo đường của cháu. Dầu sao cháu sẽ cần một bằng cấp, bất kể cuộc đời mà cháu sẽ chọn là gì.”* Tôi cho đó là một ý kiến hay, vì thế tôi tiếp tục đại học với ngành chuẩn bị cho y khoa. Ngay sau khi ra trường, cái ý tưởng làm linh mục lại trở về, và tôi đã nhập chủng viện ở Mount St. Mary tại Emmitsburg tiểu bang Maryland. Tôi có một bạn gái từ đại học mà tôi vẫn giữ liên lạc, và tôi đã chỉ tồn tại đúng một lục cá nguyệt trong chủng viện. Đơn giản là tôi không thể quyết định được. Tôi trở về đi làm một thời gian, lái một trong các xe chở bia của cha tôi, sau đó trở lại đại học học tiếp ngành kỹ sư.

Chẳng bao lâu sau, tôi khám phá ra ngành kỹ sư không phải dành cho tôi. Một lần nữa tôi lại bắt đầu nghĩ đến sứ vụ linh mục, vì thế tôi đã tự lấy một số lớp triết học ở đại học địa phương. Cuối cùng tôi đã nhận ra rằng tôi phải từ bỏ chuyện thử nghiệm và phải quyết định. Tôi nộp đơn lần thứ hai vào văn phòng ơn gọi, nói với giám đốc chủng viện rằng tôi sẵn sàng lên đường, và được chấp thuận. Tuy nhiên, tôi vẫn lừng khừng và không cương quyết. Tôi làm việc thiện nguyện cho các Sơ dòng Thánh Giu-se, các sơ dạy học cho các trẻ tật nguyền. Một trong các sơ nói với đám trẻ rằng tôi sắp trở lại chủng viện. Tôi đã xin sơ ấy giữ bí mật, vì một lần nữa, bước chân tôi lại ngập ngừng. Tôi vào trong nhà nguyện để suy nghĩ về điều ấy, và chưa bao giờ cầu nguyện tha thiết như thế trong đời. Một sơ khác, một người phụ nữ rất thoát tục, lén vào quỳ bên cạnh tôi. Sơ ấy cầm lấy tay tôi, và hỏi tôi vấn đề là ở chỗ nào. Tôi kể cho sơ ấy nghe tôi có một người bạn gái bên mình, và không thể nào quyết định được có nên trở lại chủng viện hay không. Tôi chưa bao giờ gặp một người có thể nắm bắt được các ý nghĩ và nhu cầu

của tôi sâu sắc hơn sơ ấy. Sơ cầu nguyện với tôi và đã khóc thật. Sơ bảo: *“Nếu anh không đi học làm linh mục, thì còn ai vào đây nữa?”* Lúc ấy tôi cảm thấy mình đã có câu trả lời, và thấy chắc chắn hơn bao giờ hết. Cái chắc chắn đó cũng chỉ tồn tại đúng hai tuần lễ.

Bạn có tin được không? Tôi vẫn còn những mối nghi ngại. Chúng viện sắp mở cửa lại trong mùa thu. Tôi gọi cha giám đốc và nói với ngài về chuyện không chắc chắn của mình, và rằng tôi không muốn trở lại để rồi gây rắc rối thêm một lần nữa. Ngài bảo tôi cứ việc ở nhà và cho tôi một tuần lễ để suy nghĩ lại. Cho đến hôm nay, tôi vẫn lấy làm lạ về sự kiên nhẫn cũng như thông cảm của những con người ấy. Họ đã có thể báo cáo phết bỏ tôi bất kỳ lúc nào, nhưng họ đã không làm như vậy. Cuối cùng khi tôi trình diện tại chủng viện, tôi cảm thấy thoải mái, và từ đó trở đi con đường phẳng lặng lắm.

Thực ra, gần như phẳng lặng thôi. Bạn thử đoán xem chuyện gì đã xảy đến với tôi ngay đêm trước khi được truyền chức? Tôi thức giấc lúc nửa đêm, lo lắng về quyết định lớn mà tôi sắp làm sáng hôm sau. Tôi trông thấy một cuốn Kinh Thánh trên bàn. Tôi đã từng nghe câu chuyện người ta bói Kinh Thánh, mở ra và chỉ vào một đoạn nào đấy để cho thấy Chúa muốn họ làm gì. Bởi vậy, tôi mở Kinh

Tôi cho rằng hết mọi phần đầu đều tốt cho tôi sau này. Bạn chả bao giờ chắc chắn cho đến khi giám mục đặt tay trên đầu bạn. Đôi khi Chúa Thánh Linh, vẫn vang lên lời kêu gọi tới gọi lui như Ngài đã làm cho Samuel vậy.

Thánh ra, và với đôi mắt nhắm lại, tôi đặt ngón tay xuống giữa trang sách. Câu đó là sách Giê-rê-mi-a 20:14 như sau: *“Khốn cho ngày tôi sinh ra; phải chi ngày mẹ tôi sinh ra tôi đừng bao giờ được chúc phúc.”* Đoạn Kinh Thánh

đó làm tôi không ngủ được suốt tới sáng. Có một lúc tôi đã

nghĩ đến chuyện ra đi. Rồi tôi nghĩ lại, nếu tôi ra đi, mẹ tôi sẽ tìm tôi và mang tôi trở lại. Dầu sao, bà ấy đã gửi thiệp mời ra hết rồi. Vì thế, tôi rũ bỏ mọi nghi ngờ, và không tìm kiếm đoạn Kinh Thánh nào nữa để dẫn dắt tôi. Tôi cho rằng hết mọi phần đầu đều tốt cho tôi sau này. Bạn chẳng bao giờ chắc chắn cho đến khi giám mục đặt tay trên đầu bạn. Đôi khi Chúa Thánh Linh, vẫn vang lên lời kêu gọi tới gọi lui như Ngài đã làm cho Samuel vậy.

Vì mới làm linh mục bốn năm thôi, tôi không thể chia sẻ nhiều kinh nghiệm tuyệt vời trong đời linh mục như một linh mục già, nhưng tôi có thể nói với bạn đây là bốn năm đầy hoa trái. Ba năm đầu tôi ở giáo xứ thánh Phan-xi-cô Assisi miền Tây của Wichita, một xứ lớn với 2.400 gia đình. Hiện nay tôi ở giáo xứ thánh Tô-ma Aquina bên phía Đông của Wichita với 1.400 gia đình và một trường học.

Tôi dạy học trong trường và chuẩn bị cho nhiều đám cưới. Tôi đánh giá cao công việc đó, có lẽ vì tôi đã và vẫn rất gắn bó với gia đình của mình. Chúng tôi có một chương trình khai tâm Ki-tô hữu cho người lớn với một lớp 30 người sẽ hoàn tất dịp lễ Phục Sinh. Tôi tham gia vào Trường Tôn Giáo của Giáo Xứ, dạy học cho các học sinh trường công lập. Hầu hết các học sinh giáo xứ chúng tôi đều học trường Công Giáo cho đến hết trung học. Trường trung học dành cho liên giáo xứ. Tôi thăm viếng các lớp học và dạy từng lớp một. Tôi đến với những người trở về và thăm viếng các bệnh viện. Thật là một thói quen bận rộn, nhưng tôi yêu thích nó.

Tôi rất thường hay bị các em học sinh chặn hỏi lúc đang xếp hàng lãnh bữa ăn trưa: *“Tại sao cha làm linh mục? Cha trông rất giống một người bình thường.”* Thường thì tôi không có nhiều thời gian để giải thích sâu xa về động lực của mình. Đôi khi tôi bảo các em là vì tôi trông đẹp trong bộ áo đen, hay vì tôi thua cuộc. Nhân thể, điều đó có thật đấy.

Hồi ở đại học tôi có một thỏa thuận với một cô gái rằng: “*Nếu em vào tu viện, thì anh sẽ vào chủng viện.*” Cô ấy là người chạy làng trong cuộc cá cược này. Đôi khi tôi bảo các em tôi đã cầu nguyện nhiều xin Chúa cho biết tôi có thể làm một điều gì đó tuyệt vời trong đời mình, và Chúa đã đáp lời cầu nguyện của tôi. Hoặc tôi kể cho các em có lần tôi đến thăm một ai đó trong bệnh viện, người này đã bỏ Giáo Hội và nay đã trở lại lãnh các bí tích thể nào. Và tôi có thể nói cho chính mình rằng: “*Tôi đã cứu được một linh hồn.*” Dĩ nhiên nói vậy là hơi quá đáng, nhưng nó diễn tả được điều

Tôi biết rằng các nhà tài trợ, luật sư và doanh nhân cũng có thể mang người ta trở lại với Giáo Hội, song tôi có rất nhiều cơ hội đạt được điều đó hơn họ bội phần.

tôi cảm nghiệm sau một kinh nghiệm như thế. Ít nhất tôi có thể nói rằng tôi đã làm một điều gì đó đáng kể chiều nay, một điều mà tôi hẳn không thể làm

được trong cương vị một nhà tài trợ hay một luật sư. Tôi biết rằng các nhà tài trợ, luật sư và doanh nhân cũng có thể mang người ta trở lại với Giáo Hội, song tôi có rất nhiều cơ hội đạt được điều đó hơn họ bội phần.

Tôi thường hay nói với các học sinh về giá trị của ơn gọi linh mục. Tôi nghĩ rằng khi chúng ta cứ chịu khó lục lọi khắp nơi, chúng ta sẽ tìm ra các ơn gọi. Trong giáo phận chúng tôi có 90 linh mục, nhưng có 20 người đang theo học trong chủng viện. Chúng tôi đã khởi xướng chương trình tìm hiểu cuối tuần. Mỗi năm có đến 40 hay 50 thanh niên tham dự chương trình này. Năm nay chúng tôi sẽ có đâu đó khoảng 5 đến 10 thanh niên vào chủng viện.

Tôi cũng nói với các thanh niên về tầm quan trọng của việc dẫn thân, và nói với họ rằng nếu muốn dẫn thân trọn vẹn, hãy làm linh mục. Những người trẻ hiểu và tôn trọng điều ấy. Tôi thích làm việc với giới trẻ, và cho họ thấy rằng

trong một thế giới thiếu vắng các giá trị, chúng ta có thể từ bỏ nhiều thứ mà vẫn có một cuộc sống hạnh phúc. Tôi gọi mình là một linh mục trên sân chơi. Tôi có thể hoàn thành nhiều việc trên sân trường trong một tiếng đồng hồ hơn là trong cả ngày gồm lại.

Từ khi tôi được truyền chức, tôi đã ngạc nhiên, đúng hơn là sửng sò, về ảnh hưởng trên người ta với những chuyện đòi hỏi một cố gắng nhỏ thôi về phía mình. Tôi thăm người ta trong bệnh viện, và họ không bao giờ quên điều đó. Tôi gọi một cú điện thoại đơn giản, và người tôi gọi cảm thấy rất biết ơn. Tôi làm khó một học sinh về đề tài Giáo Hội, và bỗng dưng phụ huynh cảm thấy hứng thú về Giáo Hội bởi vì tôi đã gọi được sự chú ý của con cái họ. Tôi không biết tại sao những chuyện nhỏ như vậy lại được trân trọng đến thế. Làm sao điều đó lại xảy đến với các linh mục là một điều lý thú. Có thể là vì chúng tôi đương đầu với những chiều kích tâm linh của người ta, trong khi hầu hết các nghề nghiệp khác không làm vậy. Người ta có những nhu cầu tinh thần sâu xa. Khi họ thấy những nhu cầu ấy được quan tâm, thì dù không hoàn hảo, họ vẫn đáp lại.

Người ta có những nhu cầu tinh thần sâu xa. Khi họ thấy những nhu cầu ấy được quan tâm, thì dù không hoàn hảo, họ vẫn đáp lại.

Một niềm hạnh phúc đặc biệt đối với tôi là buổi tiễn biệt mà giáo xứ trước đã dành cho tôi khi được bài sai về giáo xứ thánh Tô-ma. Con số các giáo dân đến nói với tôi họ sẽ thật sự nhớ tôi và trân trọng những gì tôi đã làm cho họ là một điều khẳng định rất âm áp bạn không thể tin được. Tôi chỉ ở đó có ba năm thôi. Tình bạn với các linh mục đồng nghiệp mang đến cho tôi một niềm vui khác nữa. Chúng tôi có một nhóm gặp nhau ăn trưa, xem chiếu bóng, đạp xe hay làm một chuyến đi chơi hồ. Khi tôi quyết định làm linh mục, tôi

đã sợ rằng mình sẽ đơn độc. Song tôi chưa bao giờ cô đơn nhờ có nhóm linh mục nâng đỡ, và nhờ nhiều bạn thân tôi có trong giáo xứ.

Độc thân không từng dễ dàng gì đối với tôi. Tôi đặt giá trị cao trên gia đình, và tôi vẫn thường mơ ước có một mái gia đình riêng mình. Trong khi lời hứa độc thân đó đã trở thành gánh nặng lúc này lúc khác, nhưng nó chưa hề là có vấp ngã. Mỗi một người chọn đời linh mục sẽ có lúc nào đó cam go, hoặc trước hay sau khi chịu chức. Tôi rất may mắn và có phước vì đã trải qua những lần vấp vào thời điểm như đã xảy ra. Tôi đã vượt qua được, và giờ đây mọi chuyện khá trôi chảy. Đối với tôi, cuộc sống độc thân là một phước lành. Tôi thích cái ý tưởng dâng hiến đời mình cho Thiên Chúa và Giáo Hội. Món quà đó tự nó có một cái gì đó lãng mạn. Sự

Sự độc thân thật sự thúc đẩy linh mục vào trong nhà nguyện để nuôi dưỡng các không gian trong đời mình. Khoảng không gian đó phải được lấp đầy bởi một sự mật thiết với Thiên Chúa. Nói cách khác, đòi hỏi ấy không những cho tôi khả năng mà còn thúc đẩy tôi có được mối tương giao sâu thẳm hơn với Chúa.

độc thân thật sự thúc đẩy linh mục vào trong nhà nguyện để nuôi dưỡng các không gian trong đời mình. Khoảng không gian đó phải được lấp đầy bởi một sự mật

thiết với Thiên Chúa. Nói cách khác, đòi hỏi ấy không những cho tôi khả năng mà còn thúc đẩy tôi có được mối tương giao sâu thẳm hơn với Chúa. Tôi muốn nói điều đó trong một khía cạnh tích cực. Tôi biết mình sẽ tìm thấy đầy đủ những bất đồng với cả các linh mục lẫn giáo dân, nhưng tôi vẫn tin rằng sự độc thân sẽ còn quanh quẩn đâu đây trong thời gian dài, và phải là vậy. Tôi hết sức nghi ngờ đời sống độc thân, trong một tương lai dài, sẽ là một cản trở cho các ơn gọi.

Quả lắc đang đu đưa trở lại từ cái thời “yêu đương tự do,” và thời gian đã chín mùi cho người ta được đụng chạm tới bởi công việc của một linh mục. Tôi có mặt ở Medjugorje¹ đôi ba năm trước

Đời tôi không hẳn hoàn hảo cả. Tôi đã từng có những ngày cam go... đó chính là một cuộc sống mà tôi phải cảm tạ Chúa mỗi ngày.

đây, lúc ấy đang giúp một nữ tu leo lên Đồi Hiện Ra. Sơ ấy thuộc dòng Mục Tử Nhân Từ². Đặc sủng của dòng ấy là cầu nguyện cho các linh mục. Sơ ấy bắt đầu chuyện vãn với tôi, hỏi về đời sống cầu nguyện của tôi. Sơ bảo: “*Các linh mục có thời giờ chơi banh, câu cá, chơi gôn, nhưng các ngài có giờ cầu nguyện không? Cha phải cầu nguyện trong giờ đó mỗi ngày.*” Tôi nghĩ rằng sơ ấy đang đọc được tâm hồn tôi. Và sơ ấy nói tiếp: “*Cha cần phải nhận ra số lượng việc lành cha làm; cha là con người trong mắt Chúa. Mỗi ngày khi thức giấc, cha hãy nhắc nhở mình về điều đó.*” Những con người như sơ ấy biết cách đem nhiệt huyết trở lại trong đời sống một linh mục. Sơ ấy làm tôi suy nghĩ lung lắm, và cũng làm tôi cầu nguyện nhiều thêm một chút.

Đời tôi không hẳn hoàn hảo cả. Tôi đã từng có những ngày cam go. Cha tôi thì lúc nào cũng lạc quan. Khi một người bạn tôi sắp được truyền chức cùng với tôi đến ở lại nhà chúng tôi, cha tôi bảo: “*Đời linh mục là một cuộc đời*

¹ Medjugorje, hay Medjugorje – xem ghi chú trang 60.

² Mục Tử Nhân Từ: Từ tiếng Anh *Good Shepherd Sisters* (GSS - hay *Sisters of Our Lady of Charity of the Good Shepherd*) do thánh Mary Euphrasia Pelletier (trước đây được biết đến dưới tên Rose Virginie Pelletier) sáng lập tại Angers, nước Pháp năm 1835, khi tách ra khỏi dòng Sisters of Our Lady of Charity of the Refuge (OLC), đã được thành lập từ năm 1641 do thánh John Eudes, ở Caen, nước Pháp. Nhà dòng GSS đầu tiên tại Hoa-Kỳ được thiết lập năm 1843 ở Louisville, tiểu bang Kentucky. Họ tuân thủ luật dòng của thánh Au-gus-ti-nô, chia thành hai nhánh: một dòng chiêm niệm và một dòng hoạt động xã hội.

cao cả”, và rồi tôi nghe mẹ tôi nói vọng lại từ xa: “*Song nó cũng là một cuộc sống khó nhọc đấy.*” Đâu đó ở giữa hai câu nói ấy là một sự thật: đó chính là một cuộc sống mà tôi phải cảm tạ Chúa mỗi ngày. ●

Linh mục

Andrew J. Umberg

Columbus, tiểu bang Ohio

Cha Andy Umberg là một linh mục khác nữa tương đối “mới.” Ngài sinh năm 1963 ở Cincinnati và thụ phong linh mục cho Tổng Giáo Phận Cincinnati năm 1991. Ngài đã làm phó xứ phục vụ tại giáo xứ Thánh Đa-minh ba năm, sau đó được bổ nhiệm làm Khoa Trưởng Học Vụ tại giáo hoàng học viện Josephinum ở tiểu bang Ohio.

Cha Umberg không phải là người lập tức bước theo Đức Ki-tô ngay sau khi nghe tiếng gọi làm linh mục. Có thể nói được rằng ngài đã tìm hiểu vòng vòng một thời gian tại cửa hàng on gọi. Ngài là một người trẻ đã phân tích giá trị của đời sống độc thân, xác tín với sự cần thiết của nó, và nghĩ rằng điều ấy nên trở thành bó buộc.

Tôi thuộc tầng lớp hậu sinh của thế hệ bội sinh¹. Tôi khao khát cùng một số điều mà thế hệ đông đảo ngay trước tôi từng khao khát. Để đưa câu chuyện vào dòng thời gian, tôi bắt đầu đi vườn trẻ năm 1968. Lúc bấy giờ Nixon đang là tổng thống, và tôi đã chứng kiến sự nghiệp

¹ *Baby-boomer* – theo định nghĩa của Wikipedia, thế hệ *bội sinh* là lớp người sinh ra rất nhiều (có thể nói là ào ạt) trong thời bình sau Thế Chiến thứ II khoảng giữa năm 1946 và 1964, nguyên tại Hoa-Kỳ là khoảng 80 triệu người. Cha Umberg sinh ra vào cuối thời kỳ này.

của ông lần mở ra. Phong trào hippie² lúc ấy đang thịnh hành và việc thi hành Công Đồng Vatican II cũng vậy. Có sự hoang mang và phản chứng. Tuy nhiên việc dạy dỗ đạo giáo thời thơ ấu của tôi nằm trong tay cha mẹ và những lớp giáo lý vỡ lòng trong trường rất là vững chắc. Từ năm 1970 đến 1977, việc trình bày giáo huấn Ki-tô giáo trong trường tiểu học hơi rời rạc. Thật vậy, rất ít giáo huấn được dạy nghiêm chỉnh. Sách giáo lý quả là một đại họa. Người ta đề cập nhiều về tình yêu tha nhân, mà họa hoằn về tình yêu Thiên Chúa. Ngay ở tuổi ấy, tôi đã cảm thấy có gì đó sai lạc, có cái gì thiếu sót trong đường lối có tính cách xã hội ấy. Biết bao nhiêu thứ chẳng theo giáo huấn chút nào. Tuy vậy vẫn có một số giáo viên hết sức can đảm và nhất định phải đưa một số điều thiết thực vào trong chương trình giáo dục tôn giáo. Tôi muốn hiểu biết thêm nữa về Chúa Giê-su. Dường như quan điểm về thế giới của tôi khác với những gì tôi đã được dạy ở trường, có thể vì cha tôi và vì lối sống của ông. Tôi coi trọng sự sống và bởi vậy cảm thấy hoang mang vì những người không làm như thế. Đây là thời đại vàng son của truyền hình, và vì thế tôi bị ảnh hưởng, đặc biệt là những xuất phẩm của Norman Lear³.

Những làn sóng tự do đang được rao giảng đã ảnh hưởng đến tôi và bắt đầu làm lung lạc nền tảng niềm tin tôn giáo của tôi. Tôi hứa theo lập trường chống lại quyền bính và coi như thế là đạo đức. Vừa thông minh vừa ngượng chứng thật là vui. Gia đình tôi dự thánh lễ mỗi ngày Chúa Nhật và các Lễ Trọng; không có lựa chọn cho những ai sống trong căn nhà này. Tôi không có vấn đề gì với điều đó; vì một vài lý do, sự

² *Hippie* hay *Hippy* – một văn hóa mới của những người trẻ tại Hoa-Kỳ phát sinh giữa thập niên 1960 rồi lan ra nhiều nước khác. Họ thường để tóc dài, ăn mặc khác thường, có loại tiếng lóng và văn hóa riêng, nghe loại nhạc kích động đặc biệt, và cũng thường dùng các loại ma túy.

³ Trong thập niên 1970, *Norman Milton Lear* là một nhà hoạt động chính trị tại Hoa-Kỳ, viết nhiều màn trình diễn nổi tiếng trên truyền hình để tranh đấu cho những thay đổi chính trị và xã hội.

phản loạn của tôi không đã động đến thánh lễ. Tôi biết dự thánh lễ là điều rất quan trọng, đầu tôi chưa bao giờ làm cậu giúp lễ (có lẽ vì chúng tôi sống xa nhà xứ vài ba dặm, và cũng vì tôi mê thể thao nên ít còn thời gian cho những chuyện khác).

Năm đầu ở một trường trung học Công Giáo đệ nhị cấp, tôi bắt đầu dự thánh lễ hằng ngày. Một trong những giáo sư của chúng tôi là một linh mục dòng Tên rất nhiệt thành, là người đã cổ vũ lòng sùng kính Thánh Tâm Chúa và phê bình một vài xu hướng thần học hiện đại. Suốt năm thứ hai trung học tôi lang thang nhiều hơn và đi dự thánh lễ thất thường. Tôi bắt đầu nghĩ đến việc cưới vợ. Trên TV người ta nói quá nhiều về tình dục, và tôi nghĩ cách đứng đắn duy nhất để có kinh nghiệm đó là phải qua hôn nhân. Tôi muốn sống theo luật lệ. Trong năm thứ ba tôi làm việc 35 giờ một tuần ở tiệm bán thực phẩm ăn liền và đi học rất ít. Một trong các anh em của tôi cũng đi theo con đường y như vậy. Chúng tôi hỏi Ba tôi xem có thể chuyển sang trường công lập vào năm cuối trung học được không, và chúng tôi ngạc nhiên khi ông bằng lòng. Ngôi trường tọa lạc sát sân sau nhà của chúng tôi, so với chuyển xe buýt phải mất 40 phút mới đến trường Công Giáo. Một trong những lý do tại sao tôi muốn chuyển trường là vì tôi cảm thấy thất vọng về việc dạy giáo lý mà tôi đang học. Các huấn luyện viên của chúng tôi chế nhạo tôn giáo, các sơ và đôi khi các linh mục nữa. Thế rồi tôi cũng khám phá ra rằng trường công lập cũng chẳng tốt gì hơn trường tư thục mà tôi đã rời bỏ. Tụi trẻ dường như rất nông cạn. Đúng là một thời kỳ hoàn toàn vật chất, thời của một quần “din Jordache” đang thịnh. Các bạn cùng lớp nghĩ tôi là thằng phản loạn chống lại lối sống của họ. Tuy nhiên tôi cũng đã uống bia và đến các dạ hội.

Song tôi cũng có những vấn đề riêng. Tôi bỗng trở thành rất phản trí thức. Tôi gán giáo dục với văn chương, và hầu

hết những áng văn chương mà được in nhiều trong thời đó đều được viết bởi các nhà văn vô thần của thế kỷ 20. Tôi đã không nhận ra rằng những người Công Giáo tốt đã viết ra những tài liệu vững chắc. Kết quả là tôi đã thấy không có mối giây nối kết giữa đời sống trí thức và đức tin. Các môn duy nhất mà tôi học đều là ngôn ngữ, là môn mà tôi cho là phù hợp với cái nghề nghiệp tôi đang dự tính trong đầu. Tôi muốn làm một đầu bếp. Tôi dự định sẽ học ở trường công một năm nữa, bỏ học đi lang thang và rồi chọn một phương cách thoát ra dễ dàng trong một trường dạy nấu ăn.

Tại sao lại theo đuổi một nghề như thế? Tôi thích nấu ăn và nấu giỏi trong bếp. Tôi muốn trở thành một đầu bếp, có một nhà hàng riêng, lập gia đình ngay khi nào tôi có khả năng tài chánh, và sẽ có một bầy con luôn. Lúc ấy tôi không còn ý định làm linh mục, mặc dầu ý tưởng ấy đã ám ảnh tôi từ thời thơ ấu. Tôi không muốn sống độc thân, và chắc chắn là tôi cũng chẳng muốn phí thời giờ trong việc học hành.

Sau khi tốt nghiệp, tôi ghi tên vào một trường kỹ thuật – không phải là một trường dạy nấu ăn đúng một – chỉ là một nơi bình thường. Vào buổi sáng đầu tiên, đang khi lái xe trên xa lộ, tôi nghĩ: *“Đây là bước khởi đầu cho nghề nghiệp của mình. Hai năm nữa ta sẽ là một đầu bếp, bốn năm sau có nhà hàng, rồi lập gia đình. Giáo hội sẽ không cản mình làm linh mục, như vậy ta sẽ được yên thân.”*

Nhưng rồi một lần nữa tôi đã thấy được sự nông cạn của các sinh viên. Luân lý của họ đã rời bỏ những gì đáng mơ ước, và họ không bao giờ đề cập đến một điều gì nghiêm chỉnh. Bỗng dưng việc trở thành một đầu bếp mất hết hấp lực. Tôi đã từng thích thú với nền văn hóa Âu Châu, âm nhạc Đức, và những món ăn đầy sáng tạo. Song tôi đã không tìm được cái lãng mạn trong trường hoặc trong những tiệm ăn mà tôi thực tập. Không thấy đâu cái lý thú trong việc sáng

tao. Mục tiêu của người ta là đưa ra một sản phẩm và kiếm lời.

Tôi quyết định là chuyện làm đầu bếp không còn phải là thứ dành cho tôi. Tôi sẽ phải trở lại học đường và lấy một bằng cấp. Nhưng bằng cấp về nghề nghiệp gì đây?

Thế rồi cha tôi bị nghẽn tim, một cú sốc nhắc nhở tôi thời giờ chúng ta có rất ít. Sự vắn vỏi của việc chúng ta hiện hữu trên mặt đất đã hình thành nhiều quyết định của tôi và kết cuộc đó là một trong những điều dẫn tôi tới việc làm linh mục.

Một lần nữa, cái ý tưởng làm linh mục lại đến. Tôi lần chuỗi ba ngày liên và làm tuần cửu nhật kính Thánh Giu-đa⁴, mong tìm ra giải đáp. Thế rồi cha tôi bị nghẽn tim, một cú sốc nhắc nhở tôi thời giờ chúng ta có rất ít. Sự vắn vỏi của việc chúng ta hiện hữu trên mặt đất đã hình thành nhiều quyết định của tôi và kết cuộc đó là một trong những điều dẫn tôi tới việc làm linh mục. Tôi tiếp tục suy nghĩ rằng nếu tôi chỉ có 60 hoặc 70 năm để sống, tôi nên sống cho đúng, bởi vì tôi sẽ chẳng còn cơ hội nào nữa. Tôi vẫn còn muốn lập gia đình, nhưng hình như việc làm linh mục là điều Chúa muốn gọi tôi đi tới. Tôi quyết định mình không thể thoái thác được nữa. Nếu quả thật tôi tin Thiên Chúa và Ngài cứ tiếp tục gõ đầu tôi thì làm sao tôi có thể khước từ lời mời gọi của Ngài? Ít ra tôi phải thử xem.

Bởi tôi không còn nghĩ đến việc thoái thác nữa, nên thật khó cho tôi khi thấy lý tưởng linh mục đang bị phản bội, ngay cả bởi một số giáo sĩ. Nhiều mô hình khác nhau của Giáo Hội được trình bày, trong đó có vài mô hình giả thiết rằng chức linh mục sẽ không còn nữa. Chức linh mục không phải sẽ hết và sẽ không bao giờ hết. Nó chỉ thay đổi, và rồi

⁴ *Saint Jude* – Thánh Giu-đa Thaddeus, là một trong 12 môn đệ của Chúa Giê-su, khác với Giu-đa Iscariot là kẻ phản Thầy.

Chúa Thánh Linh sẽ nói cho chúng ta biết những đổi thay sẽ dẫn chúng ta đến đâu. Trẻ con quan sát người lớn và tìm xem ai đang sống hạnh phúc. Khi chúng thấy người ta sống hạnh phúc trong một ơn gọi đặc biệt nào đấy, thì chúng sẽ bị

Chức linh mục không phải sẽ hết và sẽ không bao giờ hết. Nó chỉ thay đổi, và rồi Chúa Thánh Linh sẽ nói cho chúng ta biết những đổi thay sẽ dẫn chúng ta đến đâu. Trẻ con quan sát người lớn và tìm xem ai đang sống hạnh phúc. Khi chúng thấy người ta sống hạnh phúc trong một ơn gọi đặc biệt nào đấy, thì chúng sẽ bị lôi cuốn đến ơn gọi đó.

lôi cuốn đến ơn gọi đó. Tôi không muốn giả tạo với tội trẻ, song rất muốn chỉ cho chúng khía cạnh tích cực của sứ vụ linh mục. Một người cha hay mẹ thì cố gắng tạo niềm vui cho đứa con đang chán nản. Tôi phục

vụ như là một người cha về phương diện đạo đức đối với những người trẻ. Bọn trẻ tặng cho tôi một đôi giày trượt tuyết, và tôi nắm lấy mọi cơ hội để sử dụng chúng. Tôi cố gắng để ý đến loại âm nhạc mà chúng yêu thích, cho chúng thấy là tôi lưu tâm đến những thú vui lành mạnh của chúng.

Thiên Chúa đã chúc phúc cho tôi với những bài sai thú vị và các bạn bè tuyệt vời. Trong bài sai đầu tiên của tôi, mặc dầu cha sở và dân chúng đối xử tử tế và thường hay khen ngợi về công việc tôi làm, song tôi cảm thấy cô đơn. Tất cả mọi người đàn ông trong xóm đều có vợ. Tôi cảm thấy thiếu vắng một cái gì đó, và bắt đầu cảm thấy buồn cho bản thân mình. Tôi đã quyết định đúng không? Thế rồi tôi tìm được sự nâng đỡ từ bạn bè, đặc biệt nơi một số linh mục, là những người đã giúp tôi phân tích mọi chuyện. Họ khuyên tôi đừng phủ nhận bất kỳ sự khổ đau hoặc cô đơn nào, song cũng đừng quan tâm đến các cảm nghĩ của mình nữa. Tôi đắm mình trong nguyện cầu và đọc Kinh Thánh.

Những khoảnh khắc cô đơn đã đến rồi lại đi. Lúc đầu chúng làm tôi choáng ngợp, nhưng mỗi lần tôi đều xây dựng được một chiến thuật tốt hơn để đối phó với chúng, nên bây giờ tôi coi chúng ít nghiêm trọng hơn.

Độc thân, nếu sống cho đúng, là một quà tặng cho linh mục và cho thế giới. Đó là một tuyên xưng với xã hội hưởng thụ rằng một người có thể mạnh khỏe và quân bình, song vẫn tự chủ được. Và tôi tin rằng lời cam kết sống độc thân làm cho người ta nhìn đúng dẫn về chức linh mục. Nó khiến họ phản tỉnh lại về loại cam kết mà họ nên có trong đời mình. Việc cam kết thật là khó, như hết

Độc thân, nếu sống cho đúng, là một quà tặng cho linh mục và cho thế giới. Đó là một tuyên xưng với xã hội hưởng thụ rằng một người có thể mạnh khỏe và quân bình, song vẫn tự chủ được. Và tôi tin rằng lời cam kết sống độc thân làm cho người ta nhìn đúng dẫn về chức linh mục.

những gì có giá trị cũng đều khó vậy. Nó sẽ gợi hứng cho những người đã lập gia đình trung thành với người phối ngẫu, và cho những ai còn độc thân giữ lời mình hứa. Lời cam kết sống độc thân nói lên rằng chúng ta đang đánh liều một chuyện. Nó cho thấy chúng ta không phải ở trong hàng ngũ linh mục để có được những điều tự do mà ra –như tiếng tăm, vinh dự, và sự kính trọng. Nó cho thấy thực sự chúng ta tin bao nhiêu vào sự sống đời sau.

Nếu độc thân là điều tùy chọn, và một linh mục đã chọn lối sống ấy, thì dân chúng có thể sẽ nói “*Tôi đoán Cha đúng là chỉ không muốn lập gia đình.*” Họ sẽ không cho ngài một công trạng nào về việc chấp nhận đời sống đó vì một động cơ thiêng liêng. Nếu Giáo Hội thay đổi luật lệ ấy, nó sẽ gần giống như một sự giải thể; làm như đã đòi hỏi quá lẽ nơi các linh mục, ngay cả là vì Nước Thiên Chúa. Sự chọn lựa của

tôi khiến sứ vụ của mình không còn là việc làm nửa-thời-gian, song biến nó thành một lời cam kết toàn diện. Khi tôi bị cảm dỗ đi lang thang và phung phí thời giờ, tôi tự hỏi “*Chẳng lẽ mày đã bỏ dự tính lập gia đình để rồi chỉ ngồi*

Một trong những món quà ý nghĩa nhất mà tôi có thể dâng hiến là đời sống độc thân của tôi. Đó là sự đóng góp hàng đầu, bởi vì nó nói lên sự hy sinh, lòng nhiệt thành và lời cam kết, đồng thời nó khích lệ lời đoan nguyên của người ta đối với hôn nhân, niềm tin và với bạn bè của mình.

chơi thôi sao?” Độc thân giúp tôi nhận ra sứ vụ của mình trọng đại thế nào và nhớ rằng sứ vụ của tôi là rao giảng Tin Mừng. Mỗi một linh mục đều ở trong một vai trò công hiến những đóng

góp quan trọng cho xã hội. Theo phán đoán của tôi, một trong những món quà ý nghĩa nhất mà tôi có thể dâng hiến là đời sống độc thân của tôi. Đó là sự đóng góp hàng đầu, bởi vì nó nói lên sự hy sinh, lòng nhiệt thành và lời cam kết, đồng thời nó khích lệ lời đoan nguyên của người ta đối với hôn nhân, niềm tin và với bạn bè của mình. ●

Linh mục

Donald J. Goergen, O.P.¹

St. Louis, tiểu bang Missouri

Có nhiều con đường dẫn đến chức linh mục. Người thì được lôi cuốn bởi phụng vụ, người thì bởi danh giá, người khác nữa chỉ bởi một ước muốn đơn giản là phục vụ người khác. Cha Donald Goergen, dòng Đa-minh, được sinh ra để làm thầy dạy. Rồi từ thời cấp sách đến trường, ngài chẳng muốn điều gì khác hơn là làm linh mục. Trong tâm trí ngài, đường lối tốt nhất để làm thầy dạy là được truyền chức linh mục. Ngài đã không ngừng theo đuổi mục đích hai chiều đó: vừa là linh mục vừa là thầy dạy. Từ năm 1985 đến 1994, lúc mới độ 40, ngài đã là Giám Tỉnh cho các Nam Tu Sĩ Dòng Đa-minh thuộc Tỉnh Dòng Thánh Al-ber-tô Cả. Hiện nay ngài dạy ở Học Viện A-qui-nô tại thành phố St. Louis.

Cha Goergen cũng là một soạn giả khá nổi tiếng. Trong thập niên 1970 ngài viết cuốn “Người Độc Thân Có Dục Tính”² khảo sát một đề tài mà thời ấy người ta ít đụng chạm đến. Cuốn thứ hai là “Quyền Năng Của Tình Yêu,”³ một khảo luận về linh đạo Ki-tô giáo. Tiếp theo là một bộ bốn cuốn về Ki-tô học. Ngài cũng thu thập và diễn giải một cuốn sách bàn về sứ vụ linh mục và một nhật ký về thần học diễn tiến. Gần

¹ O.P. – chữ viết tắt của *Ordo Praedicatorum*, tiếng Anh *Order of Preachers*, nghĩa là Dòng Giảng Thuyết do thánh Dominic de Guzman sáng lập tại Pháp năm 1216. Sau thế kỷ 15, dòng này thường được gọi là *Dominican Order*, tức Dòng Thánh Đa-minh.

² *The Sexual Celibate*.

³ *The Power of Love*.

đây tình dòng của ngài xuất bản một chuỗi các lá thư Ngài gửi các anh chị em dòng Đa-minh khi ngài làm Giám Tỉnh.

Ít ai phát biểu vắn gọn, song lại hùng biện hơn về mẫu nhiệm Vượt Qua chưa được khám phá của đời Linh mục –niềm vui và khổ đau liên kết với nhau chặt chẽ làm sao. Dầu là một học giả toàn bích, ngài vẫn nhấn mạnh rằng người ta chẳng muốn tìm kiếm người biết về Thiên Chúa, mà muốn tìm người biết Thiên Chúa.

Cha Goergen sinh năm 1943 trong một trang trại gần Remsen, tiểu bang Iowa và chịu chức linh mục cho Dòng Giảng Thuyết năm 1975.

Ngay từ buổi đầu, tôi đã luôn luôn thích thú với học đường. Thật ra, một phần vì khi còn nhỏ tôi bị bệnh suyễn, nên tôi học ở trường giỏi hơn là làm việc ở nông trại. Đối với tôi dạy học là một lối sống kỳ thú và khi lớn lên tôi luôn ước muốn làm linh mục để có thể đi dạy học. Trong những năm đại học, tôi bắt đầu thích triết học; có lẽ tôi có thể dạy môn này. Rồi khi bắt đầu học thần học, tôi cũng thấy nó hấp dẫn, và có thể vì vậy tôi đã gắn bó với môn thần học. Là một thành viên Dòng Giảng Thuyết (Đa-minh), thì việc thuyết giảng, dạy học và đặc biệt môn thần học là những điều tôi thường làm.

Tôi được giám mục của Sioux City nhận làm chủng sinh, và tôi vào Chủng Viện Núi Thánh Bê-na-đô ở Dubuque, dự định sẽ trở thành linh mục triều. Tuy nhiên, vì một sự hiểu lầm, tôi bị đuổi về. Tôi ở nhà một thời gian, song vẫn còn muốn làm linh mục, nên tôi làm đơn xin một vài giáo phận mà không nơi nào nhận tôi cả. Một năm rưỡi sau, tôi xin nhập dòng Đa-minh, và họ đã nhận tôi vào dự tu.

Tôi vẫn luôn mang niềm tin vững mạnh vào sự quan phòng của Thiên Chúa. Khi tôi tóm kết đời mình, tôi thường

dùng câu này: Thiên Chúa 4 điểm, Goergen số không. Nhiều điều tôi dự định đều không được thể hiện theo cách mà tôi nghĩ chúng phải xảy ra; song về lâu về dài chúng luôn luôn tốt cho tôi. Giả như tôi nhất định làm linh mục triều, thì tôi đã không được phép tham dự vào hầu hết các loại mục vụ mà tôi có khả năng. Giả như tôi ở lại giáo phận Sioux City, tôi sẽ được chỉ định làm hiệu trưởng một trường trung học nào đó, và đến một lúc nào đấy tôi sẽ cảm thấy bị tù túng. Như vậy tôi đã khám phá ra ơn gọi qua những bước thăng trầm, song cũng qua sự kiên trì. Tôi đã có thể bỏ cuộc dọc đường, nhưng tôi đã không làm vậy, và như thế tôi đã kết thúc đích xác tại nơi chốn phù hợp với tôi. Tôi không bao giờ chọn lựa sẽ làm Giám tỉnh; thế mà điều ấy đã xảy ra vào đúng nơi, đúng lúc, và tôi đã được bầu chọn. Câu chuyện đời tôi là một nổ điển hình của mầu nhiệm Vượt Qua. Chỉ qua đau khổ người ta mới đạt tới hạnh phúc. Thứ Sáu Tuần Thánh đi trước Chúa nhật Phục Sinh là vậy.

Câu chuyện đời tôi là một nổ điển hình của mầu nhiệm Vượt Qua. Chỉ qua đau khổ người ta mới đạt tới hạnh phúc. Thứ Sáu Tuần Thánh đi trước Chúa nhật Phục Sinh là vậy.

Tôi thực sự tin rằng trong thế giới hôm nay lời hứa tạm thời cũng có giá trị. Nhưng lời khấn trọn đời vẫn còn có giá trị vững mạnh cho xã hội nên không được để mất. Tôi thường dùng kiểu nói so sánh này: xã hội rất cần phải có một số y sĩ và một số người làm nghề nông. Không nhất thiết mọi người phải chọn những nghề này, tuy nhiên xã hội sẽ không được lành mạnh nếu thiếu vắng họ. Tương tự như vậy, không cần mọi người đều là linh mục hay sống đời tu sĩ, song xã hội sẽ lành mạnh hơn nếu có những người dấn thân vào những chọn lựa ấy. Và những chọn lựa đó đòi hỏi một sự cam kết lâu dài hơn. Sự cam kết ngắn hạn không minh

chúng được chiều sâu của một số giá trị trong cuộc sống. Chúng ta đều có những sự cam kết tạm thời trong một vài lãnh vực. Song sẽ ra sao nếu giả như tôi nói tôi sẽ làm giáo sư hoá học trong vòng bốn năm, rồi bốn năm kế tiếp tôi sẽ là một nhà sư Phật giáo, và rồi bốn năm sau nữa tôi sẽ gia nhập quân đội? Đời sống tôi có thể sẽ phong phú, nhưng tôi sẽ không bao giờ có lúc nào để nói được chuyện đời ra sao qua

Sự cam kết lâu dài không phải đơn giản chỉ là kiên trì trong một vài điều nặng nhọc vẫn hủy hoại con người tôi. Song đích thực phải là một lời tuyên xưng rằng: đây là điều mà vì nó tôi đang hiến mạng sống mình.

những lúc thăng trầm của mầu nhiệm Vượt Qua. Hoặc giả tôi nói tôi sẽ cưới Jane ba năm, ba năm sau cưới Sue và ba năm nữa cưới Mary, tôi sẽ chẳng bao giờ thấu hiểu được mỗi tình đầu sẽ mang lại gì, và mỗi liên hệ đó sẽ như thế nào

nếu tôi dấn thân tận tình trong mối tương giao ấy.

Hầu hết mọi người đều nên có những cam kết lâu dài vào một điều gì đó, bởi vì nó giúp làm chúng, mang lại ý nghĩa và trọng tâm cho đời người. Sự cam kết lâu dài không phải đơn giản chỉ là kiên trì trong một vài điều nặng nhọc vẫn hủy hoại con người tôi. Song đích thực phải là một lời tuyên xưng rằng: đây là điều mà vì nó tôi đang hiến mạng sống mình. Vào tuổi 80 chắc là sẽ buồn lắm, nếu như tôi nhìn lại cuộc đời và thốt lên: *“Tôi hối tiếc vì đã hy sinh phục vụ cho nhân loại; tôi ân hận đã dạy học, ân hận đã làm linh mục, ân hận đã lập gia đình.”* Nhưng còn buồn hơn nữa nếu như vào quãng thời đó mà phải thốt lên: *“Thật sự tôi chưa bao giờ dâng hiến đời mình tận tình cho một điều gì hay cho một ai đó một cách sâu xa, để biết nó có đáng không hoặc có giá trị gì không.”* Chính trong ý nghĩa đó mà tôi nghĩ sự cam kết dài lâu không phải là điều lỗi thời. Nó không đòi hỏi bất cứ ai, cũng chẳng đòi hỏi trong từng lãnh vực của đời người. Chúng ta phải tôn trọng sự cam kết tạm thời. Nhưng

chỉ có những người hoàn toàn hy sinh đời mình cho một cái gì đó mới có thể khám phá ra ý nghĩa của cuộc đời và cái gì phải dâng hiến.

Điều gì đã giữ tôi trong sứ vụ linh mục, trong khi vô số bạn đồng môn đã bỏ cuộc? Khi tôi bị

**Chúng ta phải tôn trọng sự cam kết tạm thời.
Nhưng chỉ có những người hoàn toàn hy sinh đời mình cho một cái gì đó mới có thể khám phá ra ý nghĩa của cuộc đời và cái gì phải dâng hiến.**

loại khỏi chủng viện, rồi cố gắng xin vào giáo phận khác hay một nhà dòng nào đó, thì cô Mimi Vernon, một nhà hoạt động xã hội ở Dubuque đã nói với tôi: *“Có lẽ ơn gọi của anh là không được làm linh mục mà vẫn cứ kiên trì đời nhập cuộc, để cho những ai đang ở trong đó nhận ra rằng có một cái gì đáng giá để mà ở lại.”* Đúng là một nhận xét sâu sắc. Có những linh mục đang bỏ cuộc bởi vì họ không khám phá được cái gì đáng cho họ dâng hiến cuộc đời. Sau khi tôi bị loại ra khỏi chủng viện, tôi đã trải qua một số kinh nghiệm; có một lúc tôi đã nghiêm chỉnh nghĩ đến việc lập gia đình. Ngay cả khi tôi được nhập dòng Đa-minh, tôi cũng chưa chắc chắn về quyết định của mình, nhưng tôi phải đến đó để xem quyết định của mình đúng hay sai. Tôi nghĩ Thiên Chúa đã giữ tôi trong sứ vụ linh mục. Một điều nữa đã giữ chân tôi tại đây chính là sự kết thân của con người và tình bạn. Thiên Chúa đã làm việc trong đời tôi không chỉ qua lời cầu nguyện, mà còn qua món quà tình bạn mà tôi khám phá giữa anh em trong dòng Đa-minh. Tôi cũng còn được sự nâng đỡ của gia đình nữa. Vì tôi là đứa con trai độc nhất, nên hẳn đã có nhiều ray rứt khi tôi không lưu truyền tên tộc của giòng họ; song trong mọi lúc phấn đấu và trong chọn lựa cuối cùng, cả cha và mẹ tôi đều nâng đỡ và chấp thuận.

Có những linh mục đang bỏ cuộc bởi vì họ không khám phá được cái gì đáng cho họ dâng hiến cuộc đời.

Nhìn lại những năm qua, thấy những đổi thay trong xã hội, trong Giáo hội và ngay cả trong sứ vụ linh mục, tôi đã ghi lại khá nhiều

suy tư và viết về vai trò của linh mục. Xét chung, vai trò của linh mục ngày nay vẫn mãi mãi như xưa. Linh mục là người phục vụ dân chúng và đóng vai thủ lãnh thiêng liêng. Ngài được gọi trong cách nào đó để gọi lên, đáp trả và diễn tả những nhu cầu thiêng liêng trong cuộc sống người giáo dân. Song tôi cũng thấy vai trò của các linh mục triều và dòng có phần nào khác nhau. Linh mục triều, ít là những linh mục phụ trách giáo xứ, thì quan tâm đến việc xây dựng cộng đoàn bằng những việc mục vụ ở địa phương. Còn đời sống tu dòng, là khung cảnh mà tôi cảm nghiệm, lại liên quan đến sứ vụ đặc biệt của mỗi tu hội. Tôi thấy vai trò của linh mục dòng Đa-minh là rao giảng, dạy học, huấn luyện thần học, thừa sai truyền giáo và đồng lao cộng khổ với người nghèo. Dòng Tên, Biển-Đức và các cộng đoàn tu sĩ khác cũng có vai trò khá đặc biệt, tùy thuộc vào tầm nhìn xa của vị sáng lập. Tôi không thấy có sự đổi thay căn bản nào về những vai trò này trong những năm qua, mặc dầu chắc chắn có sự thay đổi tận gốc rễ đường lối hoàn thành các vai trò đó. Tôi coi mình vẫn là người dạy học và người rao giảng. Việc dạy học đến với tôi cách tự nhiên. Hồi học lớp bốn, tôi đã muốn là thầy giáo lớp bốn; lúc học lớp năm thì muốn làm thầy giáo lớp năm; đến khi học trung học, thì mơ ước là giáo sư hóa học hay La-tinh. Việc viết lách về sau mới đến.

Đời linh mục có cả nỗi đau buồn và sự mãn nguyện. Một vài nỗi đau, thực ra là phần lớn, xuất phát từ kinh nghiệm lãnh đạo. Vị thủ lãnh đi vào mâu thuẫn của người môn đồ trong một bậc thâm sâu hơn. Nói cách khác, người lãnh đạo

đi vào chiều sâu thăm của mầu nhiệm Vượt Qua. Điều đó đem đến cả nỗi đau đớn lẫn niềm vui. Tôi tin rằng, đối với hầu hết mọi ơn gọi, cuộc sống đưa đến nhiều đau khổ hơn là mình tưởng hồi còn nhỏ. Điều đó là sự thật cả trong hôn nhân cũng như trong sứ vụ linh mục. Nhưng cả hai bậc sống đều có những phần thưởng mà mình chẳng ngờ. Một nỗi đau đặc biệt của tôi trong đời linh mục là thấy sự xung đột ý thức hệ trong chính Giáo Hội, bị sự xung đột ý thức hệ của xã hội đời làm cho thêm trầm trọng. Đôi khi dường như lời cam kết sâu xa nhất của một người bị nghiêng về nhóm “khuyh tả” hay “khuyh hữu” hơn là vào Tin Mừng.

Tôi thấy ngạc nhiên là mỗi sứ vụ mà tôi đảm nhận, dù chẳng có sứ vụ nào do tôi chọn lựa, song tôi làm vì vâng lời, lại thành công ngoài sức tưởng tượng và đem lại ích lợi cho tôi. Tôi chọn làm linh mục triều; thì lại trở thành linh mục dòng Đa-minh. Khi là tập sinh, tôi dự định làm việc với cộng đoàn gồm cả nam lẫn nữ về các vấn đề xã hội. Chúng tôi sẽ sống với người nghèo ở Chicago. Một ngày trước khi chúng tôi sắp di chuyển, thì cha Giám Tỉnh nói với tôi: *“Không, anh không thể làm việc đó được.”* Ngài không muốn dây mình vào chuyện xung khắc với Hồng Y Cody. Thế là kết cuộc tôi lại đi dạy học tại Học Viện A-qui-nô ở Dubuque. Giả như tôi không theo lệnh bề trên, có lẽ tôi sẽ chẳng bao giờ đi vào lãnh vực dạy học và viết sách. Khoảng năm 1981 tôi được mời dạy ở Đại Học Công Giáo. Một số giám mục cản trở việc bổ nhiệm này, vì các ngài không thích tác phẩm đầu tay của tôi, mang tên *Người Độc Thân Có Dục Tính*. Nếu như tôi cứ đến dạy, có lẽ tôi sẽ bị chôn chặt trong vai trò đó và sẽ chẳng bao giờ trở thành Giám Tỉnh. Là Giám Tỉnh, tôi đã có cơ hội đi đến những nơi như Trung Mỹ, Bolivia và Nigeria, là những nơi chúng tôi có nhà thừa sai, và được tiếp xúc với thế giới rộng lớn hơn, một kinh nghiệm rất định hình

cho đời tôi. Như vậy, những gì tôi chọn lựa cho mình cuối cùng đều không thành tựu. Nhưng những gì tôi vâng lời chấp nhận đều trở nên ân phúc và cơ hội cho tôi phát triển. Tôi đã đi tới Ấn-Độ, và cảm nghiệm được không chỉ nơi cái thực tế của người nghèo, mà còn cả chiều sâu tâm linh của một nền văn hoá khác, nó giúp tôi có một cách nhìn khác về sự quá trần tục của xã hội của chính chúng ta. Thế đó, Thiên

Những gì tôi chọn lựa cho mình cuối cùng đều không thành tựu. Nhưng những gì tôi vâng lời chấp nhận đều trở nên ân phúc và cơ hội cho tôi phát triển.

Chúa ban ơn cho tôi qua nhiều đường lối, và những ơn phúc này tôi thường nhận được khi bực mình vì bị cản trở không được làm những gì mà mình nghĩ là tốt

cho mình. Đời linh mục là một kinh nghiệm vui sướng. Một câu nói của Thánh Phao-Lô tôi cho là thú vị “*Điều mắt chẳng hề thấy, tai chẳng hề nghe, lòng người không hề nghĩ tới, điều đó Thiên Chúa đã dọn sẵn cho những ai yêu mến Người.*” (căn cứ theo I Cor. 2:9). Chúng ta thường áp dụng câu nói đó cho cuộc sống mai sau, song đó cũng là chân lý cho cuộc sống hôm nay.

Một trong những cơ hội riêng tư để làm phong phú cho đời linh mục là cơ may tôi phải khép mình vào cuộc sống “*linh hồn*”⁴ hơn. Để tôi giải thích điều tôi muốn nói qua từ ngữ này. Trong xã hội thế tục, chúng ta thường không chịu nhìn lại mình; nhu cầu chỉ lo sống còn và kiếm ăn lớn đến độ điều mà tôi gọi là sự sống phần hồn phai mờ vào hậu cảnh. Chúng ta thường nói đến xác và hồn; đó không phải là điều tôi muốn nói khi dùng chữ sự sống phần hồn. Đúng ra, tôi muốn nói đến chiều kích của nội tâm, của sự tách biệt ra, của cái làm nên bản thể đích thực của tôi. Trong một xã hội trần

⁴ Từ ngữ của riêng cha Goergen: “*Soulful.*”

tục và hưởng thụ, người ta có khuynh hướng đánh mất liên lạc với chiều kích nội tâm đó. Nói cho ngay, người ta thường không nghĩ rằng có cái gì sâu xa hơn bên trong chúng ta ngoài đời sống tâm lý. Nhưng Thánh Kinh phân biệt rõ ràng giữa “*tâm hồn*” (Psyche) và “*khí*” (Pneuma) hay là thần khí; và chiều sâu của linh hồn là cái mà tôi gọi là thần khí. Ngày nay người ta không thấy được sự khác biệt giữa việc tham vấn tâm lý và sự hướng dẫn tâm linh, và do đó sự linh hướng thường cũng mang hình thức trị liệu. Tuy nhiên, có một cấp độ thâm sâu hơn mà chúng ta được mời gọi tới, và nhiệm vụ của tôn giáo là giữ cho người ta kết hợp với chiều kích của chính mình – chiều kích của linh hồn hay tâm linh, chiều kích linh khí. Ngày nay chúng ta sống trong nền văn hoá trị liệu tâm bệnh và vì thế người ta có thể thực sự mất linh hồn. Điều ấy có nghĩa lý gì với bạn không? Thôi thế này, xin nói vắn gọn là trong cuộc sống linh mục hằng ngày tôi có cơ hội để cứu lấy linh hồn mình, để cảm nghiệm được sự sống phần hồn của tôi.

Khi ở Dubuque, tôi thường sống những ngày cuối tuần ở Tu Viện New Melleray, một đan viện Xi-tô. Sau này tôi trải qua mấy cuộc tĩnh tâm dài ngày có người hướng dẫn; ba lần với các linh mục dòng Tên. Rồi tôi bắt đầu đến với Đan Viện Đức Ki-tô Trong Sa Mạc⁵ ở miền Bắc New Mexico trong những cuộc tĩnh tâm 30 ngày đến 40 ngày. Mới đây, tại Ấn-Độ, tôi đã sống một tuần ở Thiền Viện Ki-tô Giáo⁶ và một tuần ở Thiền Viện Ấn Giáo. Có một lần tôi đã dự tĩnh tâm Zen Catholic Christian tại đất Mỹ này. Những cơ hội này giúp tôi đạt tới mức độ thoải mái với chính mình và đào sâu cảm nghiệm của sự sống phần hồn.

⁵ *Christ in the Desert Monastery.*

⁶ *Christian Ashram* – một phong trào thiền viện tại Ấn-Độ do một linh mục thừa sai dòng Tên người Ý là Roberto de Nobili khởi xướng, để dễ dàng hội nhập văn hóa Ấn Giáo với Công Giáo.

Ngày nay người ta không tìm kiếm người hiểu biết nhiều về Thiên Chúa. Họ đi tìm người đã từng gặp gỡ Thiên Chúa,

Ngày nay người ta không tìm kiếm người hiểu biết nhiều về Thiên Chúa. Họ đi tìm người đã từng gặp gỡ Thiên Chúa, người có thể làm chứng tá cho cuộc gặp gỡ thực sự với thế giới thần thiêng, người đã đụng chạm được đến thần linh. Mỗi linh mục được kêu mời để trở nên loại người này.

người có thể làm chứng tá cho cuộc gặp gỡ thực sự với thế giới thần thiêng, người đã đụng chạm được đến thần linh. Mỗi linh mục được kêu mời để trở nên loại người này.

Một trong những phần thưởng khi làm linh mục, đó là đặc ân ngoại thường được người khác để chúng ta đi vào cuộc đời của họ và biến họ thành rất dễ bị thương tổn. Một trong những điều tôi học hỏi được khi làm việc với người ta trong mức độ thân mật như thế là cả linh mục lẫn những người mà linh mục hướng dẫn cảm thấy có hai nhu cầu bức thiết: một là sự tha thứ và hai là niềm hy vọng.

Quyền bính đối với các linh mục dòng không phải là vấn đề lớn như với các linh mục triều, lý do là một giám mục sẽ làm bề trên mãi tới 75 tuổi, chứ trong đời sống tu dòng quyền lãnh đạo thay đổi thường xuyên. Nếu một bề trên nào gây khó dễ thì chỉ cần chờ đợi ít lâu thôi vì bề trên ấy sẽ đổi đi. Tôi đã có một vấn đề tạm thời với Tòa Thánh khi viết cuốn *Người Độc Thân Có Dục Tính* năm 1975. Cuốn sách được đông đảo đón nhận và cũng được duyệt lại kỹ càng, nhưng năm 1980 bề trên Giám Tỉnh của tôi nhận được yêu cầu của Vatican phải xem lại tính cách chính thống của nó. Bề Trên Cả của Dòng đã ủng hộ tôi nên vấn đề được giải quyết bằng một cuộc tra vấn nhẹ nhàng. Giả như ngày nay tôi viết về cũng một chuyên đề đó, thì sẽ là một cuốn sách

khác hẳn. Nhưng vào thời điểm ấy chưa có cuốn sách nào viết về lãnh vực này.

Hôn nhân có thể làm hưng phấn đời sống tinh thần của một số linh mục, nhưng nó cũng làm con người ta bị cuốn hút vào những chuyện không phải là thiết yếu với đời linh mục. Theo thiên ý cá nhân, tôi ủng hộ việc các linh mục triều có thể lập gia đình. Đối với các thành viên của cộng đoàn tu dòng, độc thân là một phần tự nhiên của đời sống chúng tôi. Các linh mục dòng Đa-minh sống thành cộng đoàn; đó là điều chúng tôi chọn. Giả như chúng tôi chọn đời sống hôn nhân, hẳn chúng tôi đã có một lối sống khác. Độc thân mở được nhiều cánh cửa cho tôi trong khả năng đáp ứng cho một thế giới rộng lớn hơn. Tôi cảm thấy được chúc phúc vì không bị ràng buộc vào những vấn đề cụ thể của đời sống hôn nhân. Tôi có thể đi tĩnh tâm cả 40 ngày hay đi tu học hoặc viếng một thiền viện hay ẩn mình suốt ngày. Trên lý thuyết thì trong hôn nhân cũng có thể làm được những chuyện như vậy, nhưng thực tế, thường là không được. Độc thân cũng làm tôi phong phú thêm trong những mối liên hệ thân thiết mà tôi đã bắt đầu. Độc thân là câu hỏi hóc búa cho con người trong thời đại này. Nhưng nếu bạn quan sát những người độc thân Ấn Giáo trong các thiền viện hay nhìn vào kinh nghiệm của thánh Gandhi⁷ và vào những truyền thống tôn giáo khác trên khắp thế giới, bạn sẽ thấy độc thân làm cho đời họ có ý nghĩa cao cả, vì độc thân giúp họ tự do. Theo tôi, độc thân như chúng ta đang thực hành trở nên khó khăn vì nó không được chọn lựa một cách tự do. Tuy nhiên, độc thân đã cho tôi sự tự do để tiếp tục hình thành và gọt dũa

⁷ *Thánh Gandhi* – tên đầy đủ là *Mohandas Karamchand Gandhi* (thường được gọi tắt là *Mahatma Gandhi*) sinh ngày 2 tháng 10 năm 1869, bị ám sát ngày 30 tháng Giêng năm 1948. Ông là một thủ lĩnh trong phong trào Quốc Gia Ấn-Độ thời Anh quốc đang cai trị ở đó. Qua những cuộc biểu tình không bạo loạn, ông đã đem lại độc lập cho nước Ấn-Độ và được coi là một vị thánh của dân tộc ông.

lại cuộc đời mình; cứ cho là được như vậy, trong một mức độ nào đó. Tôi không nhìn độc thân như một sự tù túng về bất kỳ phương diện nào. Đó là một cơ hội, chứ không phải là cái giầy thòng lọng.

Hồi mới 40 tuổi, tôi nhớ đã nhìn lại cuộc đời tu dòng và đời sống của chính tôi, và tự hỏi mình: *“Chỉ có ngần đó thôi sao?”* Phải, chỉ có ngần đó thôi. Song bây giờ tôi phải tìm tòi học hỏi xem *cái ngần đó* ấy là gì, và thấy rằng có cái gì lớn lao hơn cái mắt tôi thấy. Có người trong nhóm chúng tôi bảo tôi: *“Tôi già đời đủ để học được rằng khu vực bên trong cái hàng rào này bao giờ cũng xanh tươi hơn.”* Lúc đầu khổ chúng ta nghĩ rằng phía bên kia xanh hơn. Xanh thì có thể lắm, nhưng không xanh hơn đâu. Đời sống là cái mà bạn tạo ra từ đó vậy.

Trong thân thể của Chúa Ki-tô có nhiều quà tặng. Chúng ta nên sử dụng tất cả. Tôi không phản đối việc các linh mục lập gia đình, cũng không phản đối việc đón nhận lại những ai trước đây đã bỏ về lập gia đình, nhưng vấn đề then chốt sẽ luôn luôn là chiều sâu của họ thể nào, phẩm chất của họ là gì? Tôi ủng hộ việc cho phép các hội đồng giám mục quốc gia gánh lấy trách nhiệm nhiều hơn trong việc đáp ứng những nhu cầu của các vùng địa lý. Cái tốt cho Ấn-Độ không nhất thiết là tốt cho Ecuador.

Những đòi hỏi đối với các linh mục sẽ ngày càng gia tăng. Sẽ có nhiều người gốc Tây-Ban-Nha đến Hoa-Kỳ, và bước đầu họ sẽ khá nghèo, như các di dân tổ tiên của chúng ta vậy. Đồng thời, di dân Công giáo thế hệ thứ hai và thứ ba cũng chuyển mình nhập vào dòng chính và ngày càng trở nên giàu có. Và như thế chúng ta sẽ phải đối diện với một sự cách biệt rõ rệt hơn giữa người giàu và người nghèo cũng như một xã hội với nền văn hoá đa dạng hơn. Người ta sẽ mong đợi chúng ta mở rộng vòng tay ra với nhiều lớp người

mỗi ngày một dị biệt hơn. Có vài người cho rằng sẽ có một sự phân hóa trong Giáo Hội. Điều đó không thể đoán trước được. Song tôi tin nơi Chúa Thánh Thần, Đấng là nguyên ủy của sự hiệp nhất cũng như của sự đa dạng.

Hồi trước tôi đã là một người theo chủ nghĩa không tưởng. Tôi đã nghĩ mình có thể thay đổi thế giới. Về sau nhiều mục tiêu của tôi đã thu hẹp lại. Song tôi tin là mình đã tạo được ảnh hưởng trên cuộc sống một số người, làm họ được thêm phong phú, khiến đời họ bớt đau khổ và có ý nghĩa hơn trước. Vài năm trước có một cuốn phim nhan đề là *Julia*, kể chuyện hai

cô gái người Đức cùng lớn lên với nhau như là bạn rồi phải xa nhau, sau đó họ trở lại thăm nhau. Khi họ kể lại những thảm cảnh bọn Na-zi⁸ gây ra và ngẫm lại để thấy hiệu quả rất ít mà họ có được trong

Làm linh mục ngày nay đòi hỏi phải tự tin nhiều; chúng ta không còn có thể ỷ vào những cơ cấu để được nâng đỡ. Song hãy xem lại những cái chúng ta đang có: mềm dẻo hơn, chấp nhận sự đa diện mà vài năm trước đây không hề biết tới, và một cơ hội để là chính mình, để sáng tạo.

chế độ đó, một trong hai cô nói một câu khiến tôi nhớ lại hoài mỗi khi tôi cho rằng mình vẫn chưa làm đủ. Cô nói: *“Hôm nay chúng ta phải làm điều mà hôm nay chúng ta có thể làm được.”* Tôi bước vào một thư viện và cảm thấy choáng ngợp vì những cuốn sách mà tôi nên đọc. Rồi tôi nhớ lại lời nói của cô gái, và tự nhủ: *“Mình sẽ chẳng bao giờ đọc hết được những cuốn sách đó; nếu mình đọc hơn ngày hôm qua một cuốn thôi, thế đã là tốt rồi.”*

⁸ Nazis – Đảng viên Đức Quốc Xã thời Adolf Hitler.

Chúng ta đang sống trong một thời đại như được diễn tả trong *Chuyện Của Hai Thành Phố*⁹ –tốt nhất và xấu nhất của mọi thời đại. Có những xung đột về ý thức hệ, thiếu hướng đi, xáo trộn đáng sợ. Song đây là thời đại mạo hiểm, và tất cả những điều trên có thể được nhìn dưới nhãn quan của cơ hội. Nếu chúng ta dám mạo hiểm, thì chúng ta cũng phải mở lòng đón nhận cả những gì chẳng tiên đoán được. Làm linh mục ngày nay đòi hỏi phải tự tin nhiều; chúng ta không còn có thể ỷ vào những cơ cấu để được nâng đỡ. Song hãy xem lại những cái chúng ta đang có: mềm dẻo hơn, chấp nhận sự đa diện mà vài năm trước đây không hề biết tới, và một cơ hội để là chính mình, để sáng tạo. Linh mục không còn được bọc trong một lớp vỏ cứng nữa. Tôi tin số lượng những đau khổ trong đời tương ứng với cả kho niềm vui; nếu chúng ta chặn lại khả năng chịu đau khổ, thì cũng chặn mất khả năng đón nhận niềm hoan lạc. Những khả năng đóng góp tận tình của một linh mục ngày nay cho xã hội không bao giờ vơi cạn. ●

⁹ *A Tale of Two Cities* – cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của Charles Dickens xuất bản năm 1859 về cuộc cách mạng Pháp. Đã bán trên 200 triệu cuốn.

Linh mục

James A. Krings

St. Louis, tiểu bang Missouri

Cha Jim Krings sinh năm 1945 tại thành phố St. Louis¹, và thụ phong linh mục vào năm 1971 cho tổng giáo phận này. Ngài thường trú tại giáo xứ Thánh Cronan và làm tuyên úy cho Bệnh Viện Thánh Mary.²

Cha Krings coi trọng lời cam kết và lòng chính trực. Sự gắn bó mật thiết của cha với gia đình thật rất cảm động. Cha có thể khóc lên được khi nói về tình thương của mình đối với cô em gái hay người em trai đặc biệt tên John. Sự săn sóc của gia đình Krings dành cho John tự nó đã là một mẫu chuyện đáng nói rồi.

Điều gì đã xảy ra cho những linh mục rời bỏ mục vụ một thời gian để xét lại lời thề và để đánh giá lại mục đích cuộc đời mình? Một số vị đã có công ăn việc làm thuận lợi nhờ có vốn liếng học vấn cao; có vị đã lập gia đình. Chuyện của cha Krings là chuyện nói về một linh mục đã quyết tâm trở lại.

Năm nay tôi kỷ niệm 25 năm linh mục. Cách đây mười năm tôi bị một chứng ung thư khá nặng và rất đáng sợ. Tôi không ngờ còn được mừng ngày sinh nhật thứ 50 hay cử hành lễ ngân khánh linh mục. Tôi sẽ kể

¹ St. Louis – Viết tắt của *Saint Louis* (theo tên của Vua thánh Lu-y thứ IX nước Pháp), tên một thành phố của tiểu bang Missouri Hoa-Kỳ.

² Linh mục Krings qua đời ngày 27 tháng 6 năm 2009 tại Missouri.

chuyện đó sau.

Sau khi tôi chào đời một thời gian vẫn, mẹ tôi mang thai hai đứa em song sinh. Đứa trước được đặt tên Joseph, chết ngay khi lọt lòng mẹ. Vì không nghĩ là mẹ tôi sinh đôi, nên các bác sĩ đã không hành động kịp thời để lấy đứa thứ hai ra, bởi thế John sinh ra bị chấn thương bộ não. Người ta gọi triệu chứng này là não bị tê liệt. Sau đó ít lâu mẹ tôi lại sẩy thai. Khi tôi học lớp sáu, mẹ tôi sinh em gái Annie. Sau những khó khăn với em John, sự mất mát Joseph và lần mẹ sẩy thai, tất cả chúng tôi rất vui mừng chào đón Annie. Em quả thật là đứa em gái tuyệt vời và đã trở thành một trong những người bạn thân nhất của tôi.

Khi tôi còn học trường tiểu học, thì cha James Finley, một linh mục trong giáo xứ đã ảnh hưởng đến tôi. Cha rất thương người và có lòng bác ái. Có lần cha nói với tôi rằng khả năng trí thức của cha rất hạn hẹp, khó khăn lắm mới học xong chương trình ở chủng viện. Tuy nhiên cha rất hiền hậu, tử tế, tốt lành như một linh mục mà bạn có thể tìm thấy bất cứ nơi đâu. Cuộc sống tốt lành của cha là một điều tuyệt vời lôi cuốn và kèm hãm tôi một phần nào đấy trong những quan điểm riêng về chính trị, xã hội và thần học. Một ngày kia từ trường về nhà, tôi nói với mẹ: con muốn làm linh mục y như cha Finley.

Cha mẹ tôi là niềm phấn khích cho tôi. Các ngài luôn vui vẻ dẹp bỏ mọi nhu cầu riêng mình để săn sóc con cái, đặc biệt là John. Khi John còn bé, các bác sĩ đã bảo em khó mà sống đến 15 tuổi. Lúc em chớm tuổi vị thành niên, các bác sĩ lại bảo khó lòng sống đến tuổi 20. Rồi khi em 20, họ lại bảo không có cách gì sống đến 30 được. Thế mà nay chú em đã 47 tuổi rồi. Tôi hy vọng chú sẽ sống đến tuổi 50. Chú đã sống lâu hơn mọi dự đoán. Rõ ràng chú sống được là do sự chăm sóc tận tình của cha mẹ chúng tôi. Hiện nay chú đang ở Nhà Hưu Dưỡng Nữ Vương Thánh Mẫu Ma-ri-a.

John vào nhà hưu dưỡng cùng năm tôi chịu chức linh mục. Đó là một chặng đường rất khó khăn đối với cha mẹ tôi. Một năm với bao nhiêu biến cố! Các ngài vui vì tôi làm linh mục, đồng thời cũng buồn vì phải đem John ra khỏi nhà cha mẹ. Tôi biết tôi không thể hiểu hết được nỗi đau khổ của các ngài, song hẳn là một gánh nặng khi phải gửi John vào nhà hưu dưỡng Nữ Vương Thánh Mẫu. Tuy nhiên, tôi biết giả như John còn sống ở gia đình, thì thế giới của chú ấy sẽ rất nhỏ bé. Hết cha đến mẹ rồi lại máy truyền hình thôi. Bây giờ chú đã vượt qua cú sốc bị đem vào nhà hưu dưỡng, nên chú cảm thấy vui, cười nhiều, có thể làm cho người khác hiểu mình, và được săn sóc rất chu đáo. Có lẽ vì chú là người nhỏ tuổi hơn so với những người già lão cư trú ở đây, nên chú được mọi người chú ý. Thế là từ năm 1971 đời chú như nở hoa. Thế giới của chú rộng hơn và có nhiều người chăm lo cho chú.

Nhà hưu Regina Cleri của các linh mục tọa lạc ngay trong khu vực của nhà hưu dưỡng Nữ Vương Thánh Mẫu. Mỗi lần cha tôi và tôi đến thăm John, chúng tôi đều dắt chú tới nhà hưu. Một vài linh mục hưu đã biết chú từ khi chú còn ở với gia đình đã ra ngoài thăm chú. Thật tuyệt vời cho chú và chúng tôi. Chú là cửa ngõ dẫn chúng tôi tới nhà hưu. Nếu không vì John, có lẽ cha tôi và tôi ít khi có dịp đến thăm các linh mục về hưu, còn bây giờ chúng tôi thăm các ngài thường xuyên. Và đó là món quà lớn cho John. Các ngài cũng đến thăm chú và chúc lành cho chú.

John là trọng tâm trong những chặng đời khó khăn của tôi, kể cả những quãng đời không lành mạnh, song cũng là điều tuyệt nhất trong đời tôi. Khi John được chừng một tuổi và tôi thì lên bốn, tôi bắt đầu ý thức được thế nào là cùng lớn lên với người em bệnh tật liệt não. Tôi đã thấy em bị xa lánh, thấy em phấn đấu một cách khó nhọc trong việc tập nói và tập đi. Tôi luôn ở đó khi em bị đưa đến nhà thương giải phẫu hết lần này đến lần khác. Nhưng vì còn nhỏ, tôi không hiểu

được hết những điều đó. Chú chỉ là em tôi thôi. Đến nay tôi mới hiểu rằng đó là lý do tại sao tôi dễ thấy phần nộ khi người ta bị đối xử bất công, dù đó là người đồng phái luyến ái, là dân Mỹ da đen, là Do-Thái hay bất cứ ai bị đối xử khác

Đến nay tôi mới hiểu rằng đó là lý do tại sao tôi dễ thấy phần nộ khi người ta bị đối xử bất công... Khi bạn lớn lên mà thấy em bạn bị xa lánh, bị xách nhiều và bị nhạo cười, hẳn lòng bạn sẽ khơi lên một nỗi giận dữ trước bất kỳ sự bất bình nào.

biệt. Khi bạn lớn lên mà thấy em bạn bị xa lánh, bị xách nhiều và bị nhạo cười, hẳn lòng bạn sẽ khơi lên một nỗi giận dữ trước bất kỳ sự bất bình nào.

Bài học thứ hai rút ra từ hoàn cảnh của John là tôi đã biết chạnh lòng từ lúc còn rất nhỏ. Tôi đã thường thay tã cho John tới khi John đến tuổi vị thành niên. Những bạn thân của tôi rất cảm thông với John. Chúng tôi đẩy John trên xe lăn đến trường Thánh Gio-an Arc để xem các trận đấu, và khi chúng tôi làm thế, có một phần nào đó trong tôi muốn nói lên rằng John thực sự vẫn bình thường. Khi lớn lên tôi biết đàn ông cũng nhạy cảm và làm những việc vặt trong nhà. Dĩ nhiên đàn ông cũng khóc. Đàn ông cũng rửa chén. Đàn ông cũng giặt quần áo mình vậy.

Hoàn cảnh của John ảnh hưởng đến đời tôi một điều thứ ba nữa. Bởi vì phải lưu tâm đến những gì John cần, gia đình tôi không thể lúc nào cũng có nhiều thời giờ dành cho tôi, và vì thế tôi phải tự săn sóc lấy. Đứa con đầu lòng nào sớm muộn cũng sẽ không còn được chăm sóc nhiều nữa và phải học để chấp nhận; việc ấy lại càng mau chóng xảy đến với tôi bởi những nhu cầu đặc biệt của John. Tôi nhớ khi còn nhỏ tôi thích ở một mình. Tôi thích tự chơi một mình, tôi thích sự đơn độc. Chính trong sự đơn độc đó, tôi đã khám phá được sự bao dung và thiện hảo của Thiên Chúa.

Một sợi chỉ dệt nên đời tôi, được phát triển từ hồi thơ ấu, đã bắt nguồn từ sự yêu thích sống đơn độc ấy. Sau mười năm chịu chức linh mục, tôi cảm thấy say mê với Đan Viện Dòng Trap³ ở Ava, tiểu bang Missouri. Tôi đã tới đó hai lần trong một năm để tĩnh tâm 4-5 ngày, và bây giờ tôi muốn xin đi tu nghiệp một năm để thử sống ở đây. Nhìn lại, đời tôi không khác gì cố cắm một cây vuông vào trong một lỗ tròn. Tôi trình bày với Tổng Giám Mục May và một số vị linh hướng, các ngài đều đặt vấn đề liệu đó có phải là khôn ngoan không. Các ngài bảo *“Biết là cha thích đi tĩnh tâm, nhưng một năm trong đan viện là một thời gian dài lắm đó.”* Tổng giám mục May miễn cưỡng chấp thuận lời thỉnh cầu của tôi, và tôi đến Ava vào đầu tháng Bảy. Trong vòng một tuần lễ, tôi đã thấy khổ sở. Sau một tuần nữa thì tôi cảm thấy xuống tinh thần. Thế là tôi trở về, hết sức mắc cỡ vì đã thất bại. Khắp tổng giáo phận người ta tung tin là Jim⁴ chỉ sống đời ẩn tu được có hai tuần. Một người bạn tuyệt vời của tôi là cha Bob Krawinkel đã mời tôi đến ở với ngài. Về phương diện cảm xúc, tôi bắt đầu nhận ra một sự kiện rằng tôi được chọn làm con người hoạt động mục vụ tích cực, trong khi tôi đã tự kỷ dẫn mình vào một lối sống khác. Tôi đã không lắng nghe tiếng Chúa qua các vị cố vấn của mình.

Tôi nhớ khi còn nhỏ tôi thích ở một mình. Tôi thích tự chơi một mình, tôi thích sự đơn độc. Chính trong sự đơn độc đó, tôi đã khám phá được sự bao dung và thiện hảo của Thiên Chúa.

Khi tôi đang dạy ở trường trung học, tôi có làm việc

³ *Trappist* – Tên tắt thường dùng để gọi các nam tu sĩ dòng khổ tu Xi-tô. Nguyên ngữ tiếng La-tinh là *Ordo Cisterciensis Strictioris Observantiae*, viết tắt O.C.S.O. Tiếng Anh là The Order of Cistercians of the Strict Observance.

⁴ *Jim* – tên gọi thân mật của *James*.

cùng với một phụ nữ trong tư cách tuyên úy cho trường. Tình bạn giữa chúng tôi vẫn tiếp tục khi tôi sống ở đan viện cũng như sau đó. Tôi không cảm thấy hài lòng với một số vấn đề của tổng giáo phận và của Giáo Hội. Cô ta cũng đang sửa soạn làm nữ tu dòng Maryknoll, song cũng không hài lòng về đời sống tu trì, và cảm thấy bị Giáo Hội coi thường. Bởi ảo tưởng về cuộc sống và bởi hấp dẫn nhau, chúng tôi đã yêu nhau. Khi tôi ở giáo xứ Thánh Cronan thì cô ta đang sống ở miền Tây, điều hành một ngôi nhà dành cho những phụ nữ bị xách nhiễu, điều khiển những khóa học và các buổi tĩnh tâm. Tôi quyết định xin tạm ngưng thi hành sứ vụ linh mục để đến sống ở đó và thử giúp những phụ nữ này, đồng thời cùng với cô bạn của tôi tìm hiểu xem mối quan hệ của mình có nghĩa lý gì, và xem chúng tôi có thực sự yêu nhau không.

Tôi đã viết thư cho Bê Trê, Tổng Giám Mục John May, vào tháng 12 năm 1985, với ý định ra đi vào tháng Giêng. Đó không phải là một lá thư tử tế hay tế nhị. Tôi chỉ nói với ngài tôi sẽ nghỉ một thời gian và đi Washington⁵ làm một số việc. Cuối thư tôi viết: *“Nếu Đức Cha muốn nói chuyện với con về bất cứ vấn đề gì, con sẵn lòng.”* Ngài đã đích thân gọi điện thoại cho tôi, không qua vị thư ký, và nói ngài muốn đến gặp tôi. Cuộc gặp gỡ thật không thể tin được. Ngài ngồi đó với lá thư và nói: *“Cha Jim, tôi muốn hỏi cha một câu. Có bóng hình một người đàn bà trong trường hợp này, phải không?”* Tôi đáp lại: *“Vâng, làm sao Đức Cha biết?”* Ngài trả lời: *“Thật ra, thường là có như vậy.”*

Rồi tổng giám mục nói thêm: *“Này cha Jim, phần đông những người tạm ra đi sẽ không trở lại. Song tôi nghĩ cha có thể lắm. Tôi sẽ viết thư cho cha và vẫn giữ tên cha trong sổ*

⁵ *Washington* – tiểu bang Washington nằm ở phía Tây Bắc nước Mỹ, khác với *Washington, D.C.* mà chúng tôi thường dịch là *Hoa-Thịnh-Đốn*, tức thủ đô của nước Mỹ.

bảo hiểm sức khỏe của các linh mục.” Tôi rất sững sờ trước sự tử tế và cảm thông của ngài. Tôi đi về miền Tây và gửi ngay cho ngài vài chữ. Ngài viết thư hồi âm liền. Bất cứ khi nào tôi viết thư cho Tổng Giám Mục May, là ngài hồi âm ngay hôm sau. Sau năm hay sáu tháng trời, tôi viết thư cho ngài biết là mọi việc không suông sẻ, và tôi đã nghĩ nên bắt đầu điều đình về việc xin trở lại, mặc dầu tôi có thể sẽ mất cả năm. Ngài viết thư trả lời: *“Tốt lắm. Không có vấn đề gì cả. Cha luôn được chào đón trở về khi nào cha sẵn sàng.”*

Việc quyết định tách rời khỏi mối liên hệ với người bạn phụ nữ ấy đã đến với tôi trong một cuộc tĩnh tâm. Tôi đã ngã bệnh. Tôi đã từng chạy bộ và đạp xe, thế mà bất ngờ không thể tiếp tục những chuyện này được nữa. Tôi bắt đầu thấy khó thở và tình trạng ngày càng thêm nặng. Một bác sĩ khám bệnh bảo tôi bị viêm cuống phổi thường thôi. Tuy nhiên chẳng có thuốc nào chữa khỏi, và cuối cùng tôi nhận ra rằng có điều gì thực sự nghiêm trọng đang diễn ra. Tôi đã đi tĩnh tâm gần Seattle với một người bạn để cầu nguyện và để tìm xem Chúa đang hướng dẫn mình đi đâu. Một ngày kia, ngồi đằng sau nhà tĩnh tâm, cảm thấy sức khỏe càng lúc càng tệ hơn, tôi nhận ra mình đang chuẩn bị đi vào cõi chết. Tôi nhớ rõ ràng đã tự hỏi *“Jim, mày muốn chết cách nào?”* Và tôi thấy rất rõ tôi muốn trở lại St. Louis chết với tư cách một linh mục được phục chức. Ngay lập tức tôi hiểu ra nếu tôi muốn chết với tư cách một linh mục được phục chức, thì đó cũng là cách mà tôi phải sống. Thế là tôi bắt đầu tiến trình trở lại St. Louis.

Ngay lập tức tôi hiểu ra nếu tôi muốn chết với tư cách một linh mục được phục chức, thì đó cũng là cách mà tôi phải sống.

Tôi về St. Louis và đến Bệnh Viện Barnes để khám nghiệm. Chỉ trong một hay hai ngày là tổng giám mục gọi điện thoại cho tôi và đến thăm tôi. Ngài bảo: *“Chúng ta cần*

đưa những hóa đơn bệnh viện này vào quỹ bảo hiểm của các linh mục, bởi vì cha không đủ khả năng trang trải đâu. Cha cũng hãy giảm bớt số khách thăm viếng để giữ gìn sức khoẻ.” Sau đó chúng tôi đã có một cuộc đàm thoại tuyệt vời. Tôi hỏi ngài có thủ tục nào cho một linh mục phục chức không. Ngài trả lời: “Thật ra, tôi không biết. Cha là người đã tuyên bố muốn thôi không làm linh mục nữa. Nếu cha muốn bắt đầu lại, tôi nghĩ cha cứ bắt đầu thôi.” Tôi hỏi xem tôi có thể cử hành Thánh Lễ ngay được không. Ngài bảo: “Dĩ nhiên là được; và khi nào cha sẵn sàng nhận bài sai, cứ cho tôi biết.” Trong đời, tôi chưa bao giờ được đối xử tử tế hơn thế, vậy mà lần này tôi lại nhận được từ một người mà tôi thường nghĩ rằng ngài điều hành tổng giáo phận hoàn toàn sai lạc.

Bác sĩ quyết định cần phải giải phẫu lá phổi của tôi, và gửi tôi đến bệnh viện Do-Thái để khám nghiệm thêm. Ngày thứ Năm họ lấy từ phổi tôi ra chút tế bào để xét nghiệm, và sáng thứ Sáu sẽ có kết quả. Khoảng giữa trưa ngày thứ Sáu kết quả vẫn chưa được thông báo, tôi đoán kết quả chắc là xấu lắm. Cha Bob Krawinkel đến thăm tôi. Thế rồi khoảng nửa tá bác sĩ tiến vào phòng và đến đứng chung quanh giường tôi. Tôi cảm thấy kinh hãi. Tôi xin cho cha Bob ở lại nghe báo cáo, và các bác sĩ đồng ý. Họ cho tôi biết tôi bị ung thư phổi. Thật khủng khiếp khi nghe tin ấy! Nước mắt chảy dài trên gò má cha Bob và tôi. Ngài vẫn nhớ mồn một là lúc ấy các bác sĩ cho tôi hay tôi sẽ chết trong một thời gian rất vắn. Tôi sẽ báo tin cho cha mẹ tôi làm sao đây? Việc cha Bob tình nguyện làm công việc này vẫn còn làm tôi xúc động với sự kính nể và biết ơn về tình thương mến và lòng can đảm của ngài.

Căn bệnh được chẩn định vào ngày thứ Sáu. Hôm thứ Hai sau đó, bác sĩ Peter Weiss đến và bàn về một số lựa chọn có thể thực hiện. Ông nói: *“Nếu những lựa chọn đó không thành công, thì chúng tôi có thể thử một phương án có tính cách thí nghiệm khác.”* Khi chúng tôi bắt đầu việc chữa trị, vị bác sĩ Do-Thái tên Peter nói: *“Lời cầu*

“Lời cầu nguyện của cha, của gia đình, của cộng đoàn và bè bạn cha sẽ cũng quan trọng như thuốc men tôi dùng vậy. Thuốc sẽ đem lại hiệu quả ít lắm nếu cha không cầu nguyện.”

nguyện của cha, của gia đình, của cộng đoàn và bè bạn cha sẽ cũng quan trọng như thuốc men tôi dùng vậy. Thuốc sẽ đem lại hiệu quả ít lắm nếu cha không cầu nguyện.”

Tôi đã trải qua quá trình hóa liệu pháp, và những phản ứng phụ cũng khủng khiếp không kém. Nhưng rồi dần chậm chạp, tôi đã bắt đầu hồi phục, và bây giờ triệu chứng ung thư không còn nữa. Bác sĩ công khai gọi trường hợp của tôi là phép lạ. Một ngày kia viếng văn phòng của ông, tôi nhắc lại việc ông đã đem đến cho tôi niềm hy vọng. Ông trả lời: *“Đúng, ngay cả những hy vọng lạc quan nhất của tôi là cha sẽ được chữa lành cũng còn phải kinh ngạc nữa kìa.”*

Khi sức khoẻ bình thường từ từ hồi phục, và các phản ứng phụ của liệu pháp giảm dần, tôi bắt đầu nghĩ về sứ vụ sắp tới. Một vài trường Công Giáo trung học tại địa phương mời tôi, song tôi không còn thích thú trở lại dạy học nữa. Tôi quyết định tìm hiểu ngành tuyên úy và nhận lời mời thường trú ở bệnh viện Saint Mary phụ trách về việc Huấn Luyện Mục Vụ Thường Trục. Đức Tổng Giám Mục đồng ý rằng, vì tôi đã có nhiều kinh nghiệm về bệnh tật, nên đây có thể là thời điểm thuận lợi để làm việc theo chiều hướng đó. Thế là tôi đã làm tuyên úy ở bệnh viện Saint Mary từ năm 1988.

Nhiều năm sau, Tổng Giám Mục May bị một khối u trong não. Tôi cảm thấy vinh dự khi được ngài để tôi thăm viếng tại

nơi cư trú của ngài. Chúng tôi nói chuyện về bệnh ung thư của ngài, và về những gì mà ngài phải đối phó. Tôi chia sẻ với ngài những lo sợ của chính mình lúc tôi bị ung thư phổi. Rồi ngài được chuyển tới dưỡng đường nơi em John tôi ở. Ngài suy t bị hôn mê, và các cử động tay chân gần như không còn. Nhưng tôi còn nhớ kỷ niệm cuối cùng về ngài khi tôi đưa em John vào phòng vị giám mục và nói cho ngài biết John là em tôi. Tay phải ngài không thể cử động được, song ngài gắng gượng giơ tay trái lên và chúc lành cho John.

Đời sống độc thân rõ ràng có những lúc là vấn đề đối với tôi. Tôi chỉ có thể nói cho chính bản thân mình, song tôi nghĩ có một điều gì đó trong tôi không đủ khả năng gắn bó với riêng một người nào, và cách lành mạnh nhất là sống với thật nhiều bạn bè tốt. Tôi sẽ sống khá hơn, hạnh phúc hơn, bớt hành động theo bản năng, bớt bị lôi kéo, khi tôi không có mối liên hệ riêng nào quá thân mật. Khi kiểm điểm lại những gì đã trải qua, tôi nhận ra rằng không có một giao tiếp nào mà tôi đã từng dành cho riêng ai đó lại thành công cả. Tôi cho rằng tôi không còn muốn trao trái tim và tâm hồn mình cho một người nào nữa. Khi nói chuyện với cô em gái và em rể tôi về người phụ nữ ở Washington, tôi cho biết cô ta không muốn dọn về đây, và tôi cũng chẳng muốn di chuyển đến đó. Cả hai chúng tôi đều đặt ra một số điều kiện tiên quyết về mối quan hệ của mình. Em rể tôi nói rằng những mối quan hệ bền chặt không thể có những thứ điều kiện tiên quyết như thế, và hôn nhân sẽ không tốt gì cho tôi. Cậu ấy nói đúng. Tôi không có thành tích nào nói rằng tôi có thể sống đời hôn nhân cả. Bởi thế những liên hệ của tôi với phụ nữ có khuynh hướng dẫn vào con đường không lành mạnh, vào một ngõ cụt mà thôi. Đời sống độc thân là lựa chọn đúng đối với tôi. Như người nghiện rượu nói anh ta không thể uống được nữa, tôi phải khiêm tốn thú nhận rằng tôi

không thể để mình rơi vào hoàn cảnh mà một người phụ nữ nào đó lại trở thành trung tâm của đời tôi. Nó sẽ luôn luôn kết thúc cùng một cách, đó là tôi phải xa rời mối quan hệ ấy và làm tổn thương đến người phụ nữ ấy. Những lần tham vấn tâm lý đã giúp tôi hiểu đời sống độc thân như đã kể trên.

Tôi thích đoạn Kinh Thánh nói rằng có những ân sủng khác nhau cho những con người khác nhau. Tôi chưa bao giờ làm cha sở và không ham muốn làm cha sở chút nào. Tôi đã từng thích thú với công việc ở trường trung học mặc dầu lúc đầu tôi còn ngỡ ngàng. Tôi thích làm tuyên úy bệnh viện. Tôi thích viết lách. Tôi chí thú dạy các lớp Kinh Thánh. Tôi biết ơn vì có dịp làm được nhiều việc khác nhau như thế. Tôi cũng thích có cơ hội để sống trầm lặng. Một điều nữa cũng tốt cho tôi, đó là mấy năm gần đây tôi đạp xe đi nghỉ hè ở Ái-Nhĩ-Lan, Nga và Pháp.

Tôi đã kinh nghiệm khá nhiều về thảm cảnh. Năm nọ khi tôi đang dạy học ở Dubourg, có một giáo sư và bảy học sinh chết vì tai nạn xe hơi, một người bị giết và một vì ung thư. Vì một lý do nào đấy, tôi được chọn để báo tin nhóm người chết thứ nhất. Thế rồi thành tiền lệ, và tôi phải tiếp tục thông báo như thế suốt cả năm. Ngoài ra, vì làm việc ở bệnh viện này tôi có kinh nghiệm về nhiều cái chết.

Tôi yêu mến Công Đồng Vatican II, song tôi nghĩ từ đó chúng ta mất đi ít nhiều. Tất cả thần học về sự sống lại, ngôi mộ trống, thần học lột xác đều hay cả, nhưng tôi nghĩ rằng những lễ an táng cũng nên gồm có việc thương tiếc và đau buồn. Bởi vậy tôi cho rằng sự chuyên biệt của tôi trong lãnh vực sinh tử là khả năng để tôi tỏ bày lòng thương cảm, cùng chịu đau khổ với họ. Có một điều lạ là khi được hiện diện với một người trong giờ chết thì gần như không thấy rung mình bằng khi nghe tin báo tử qua điện thoại. Có ai gọi và nói: *“Người này người nọ đã chết”* thì gây chấn động trong

tôi mạnh hơn là khi tôi ở trong phòng với họ và chứng kiến họ ra đi. Kinh nghiệm cho tôi thấy họ chưa thực sự ra đi. Trái tim họ ngưng đập, phổi họ ngưng thở, nhưng tâm linh của người đang sống ấy vẫn còn đó.

Khi tôi chịu chức, tôi đã nghĩ đời linh mục sẽ thật dễ dàng. Song tôi ngạc nhiên là khi phải quyết định mới thấy khó biết bao. Chúng ta cần phải công nhận rằng cuộc sống đương nhiên là khó. Chặng đường nào cũng có thánh giá. Tôi xác tín là chúng ta hạnh phúc nhất khi chúng ta trung thành vác thánh giá. Nhưng thánh giá đương nhiên là có gây đau khổ. Bởi thế sự khó khăn khi phải quyết định, và những

gặp gỡ đụng chạm đúng là thánh giá cả.

Chúng ta cần phải công nhận rằng cuộc sống đương nhiên là khó. Chặng đường nào cũng có thánh giá. Tôi xác tín là chúng ta hạnh phúc nhất khi chúng ta trung thành vác thánh giá.

Với tất cả những lúc gặp khó khăn, cũng có những giờ phút tràn ngập niềm

vui trong đời linh mục. Hiện giờ, niềm vui lớn nhất của tôi là vẫn còn được sống. Dịp kỷ niệm 25 năm linh mục, tôi dâng một trong những thánh lễ Chúa Nhật thường lệ ở giáo xứ. Tôi mời một vài gia đình tới dự, họ là những người đã nuôi dưỡng tôi lớn lên qua một cách thể đặc thù nào đấy. Nhưng bữa tiệc chính được tổ chức đêm hôm ấy ở sân banh. Bốn trăm người đến chúc mừng tôi và xem đội Cardinals⁶ thi đấu. Niềm vui thật thanh khiết. Tên tôi được ghi trên bảng điểm.

Tôi tin rằng tôi đã làm được điều khác biệt trong cuộc sống nhiều người. Vì quan niệm cầu toàn của tôi, tôi không nghĩ rằng tôi đã gây được nhiều sự khác biệt như đáng lẽ tôi phải làm. Song tôi thấy có một số học sinh của tôi đã quyết

⁶ *Cardinals* – tên một đội bóng chày của Mỹ, lấy tên một loài chim mà con đực có lông màu đỏ tươi; người Việt gọi là chim hồng tước.

định giả từ hãng McDonnell Douglas⁷ chỉ vì người ta chế tạo vũ khí. Họ đã học được một điều gì đó trong lớp dạy về công bình của tôi. Tại giáo xứ Thánh Cronan, cha sở cũ, cha sở hiện nay và tôi đang tạo cho những người Công giáo đã bị tước quyền công dân một chỗ đứng. Chúng ta là người Công Giáo Rô-ma, chúng ta trung thành với giáo huấn của Giáo Hội, còn những nhà hoạt động chính trị, tranh đấu cho nữ quyền, đồng phái luyến ái cả nam lẫn nữ cũng phải tìm được mái ấm cho niềm tin riêng của họ và vẫn liên kết với Giáo Hội hoàn vũ và với Rô-ma. Đây là những người đã có thể rời bỏ Giáo Hội từ lâu rồi, nếu chúng ta không gặp được họ tại giáo xứ Thánh Cronan.

Hiện giờ có một bạn trẻ trong giáo xứ cho thấy những dấu chỉ là anh ta sẽ trở thành một linh mục tuyệt vời. Tôi nói chuyện với gia đình của anh về chuyện đó. Gia đình anh tỏ ra thận trọng vì thời cuộc lúc đó, song tôi vẫn tiếp tục thảo luận với Sam về ơn gọi. Nếu một bạn trẻ có ơn gọi nội tâm mà gặp được sự triu mến, sự cảm thông, sự quan tâm và lòng chân thực, thì anh ta sẽ vào chủng viện.

Nếu một bạn trẻ có ơn gọi nội tâm mà gặp được sự triu mến, sự cảm thông, sự quan tâm và lòng chân thực, thì anh ta sẽ vào chủng viện.

Tôi có thể nói được rằng thật bất ngờ khi khám phá ra đời linh mục tuyệt diệu biết bao. Tôi được Thiên Chúa dẫn dắt qua những mối liên hệ hiểm nghèo và qua bệnh hoạn để đạt tới một sự tự do thật ngọt ngào. Có thể kết luận rằng những lo lắng về sứ vụ của tôi đều đã chết trên giường trong bệnh viện. ●

⁷ *McDonnell Douglas* – viết tắt là MD, hãng chế tạo máy bay thương mại và quân sự lớn nhất tại Mỹ, ra đời năm 1967 khi chủ của hai công ty là James Smith McDonnell and Donald Wills Douglas sát nhập lại. Năm 1997, MD sát nhập với hãng Boeing.

VII. TA ĐÃ TỪNG GẶP HIỂM NGUY

Các Linh Mục Vượt Qua Được Những Khó Khăn Bất Thường

“Ba lần bị đánh đòn; một lần bị ném đá; ba lần bị đắm tàu; một đêm một ngày lênh đênh giữa biển khơi! Tôi còn hơn họ, vì phải thực hiện nhiều cuộc hành trình, gặp bao nguy hiểm trên sông, nguy hiểm do trộm cướp, nguy hiểm do đồng bào, nguy hiểm vì dân ngoại, nguy hiểm ở thành phố, trong sa mạc, ngoài biển khơi, nguy hiểm do những kẻ giả danh là anh em. Tôi còn phải vất vả mệt nhọc, thường phải thức đêm, bị đói khát, nhịn ăn nhịn uống và chịu rét mướt trần truồng. Không kể các điều khác, còn có nỗi ray rứt hằng ngày của tôi là mối bận tâm lo cho tất cả các Hội Thánh!”
– 2: Cor 11:25-28

Họ hoàn mới có những người phụng sự Thiên Chúa cố ý tìm kiếm những gian khổ hay tranh đua với thánh Phao-lô về những khốn khó của ngài. Tuy nhiên, những ai lựa chọn phục vụ trong yêu thương thường hay gặp phải những trở ngại gây thách đố thực sự cho họ. Việc trải qua những trở ngại đó có thể làm nản lòng. Chuyện kể của ba vị linh mục kể tiếp được nhấn mạnh vì phương cách hân

hoan khi họ gặp những khó khăn cũng như sự khuấy nhiễu và an ủi mà họ đã cảm nhận được qua những phần đầu của mình. ●

Linh mục

Raymond B. Kemp

Hoa-Thịnh-Đốn

Cha Kemp sinh năm 1941, và chịu chức linh mục năm 1967 cho Tổng Giáo Phận Hoa-Thịnh-Đốn. Hiện ngài là điều hợp viên của một chương trình được biết đến dưới danh xưng “Rao Giảng Lời Chân Lý,” một dự án của Viện Thần Học Woodstock tại Hoa-Thịnh-Đốn.

Cha Kemp đã trải qua phần lớn đời linh mục tại các giáo xứ, ngài nói bằng một giọng oang oang có lẽ để che giấu một trái tim đầy thương cảm với những con người bị đọa đầy, bị hiểu lầm, và những người bị lãng quên. Câu chuyện của ngài kể lại những xung đột tôn giáo và xã hội trong thập niên sôi động của 1960, mà ngài đã dự phần trong một số các biến cố như người chủ động, và gọi lại một cách hết sức sống động con sốt, nỗi giận dữ và sự bất lực của những ngày nhũn nhời đó.

Một khi biết là có công việc cần phải làm, cha Kemp không phải là thứ người tránh né trách nhiệm vì khó khăn. Trái lại, ngài là người dám bước vào con đường mà trước đây chưa ai đặt chân tới. Ngài là người nhất định tìm cách giải quyết vấn đề hơn là chỉ tay năm ngón. Cũng vậy, ngài là người chứng tỏ rằng sứ vụ linh mục cho người ta cơ hội phát triển và sử dụng tài năng của mình trong những cách thế không giới hạn và không ngờ được.

Tôi lớn lên tại giáo xứ thánh Mi-ca-e ở Silver Spring, tiểu bang Maryland. Cha mẹ tôi đóng góp quảng đại cho Giáo Hội, và xứ đạo là trung tâm cuộc sống của các ngài. Chính sự trọng kính của các ngài đối với các giáo sĩ và đạo giáo đã khích lệ tôi đáp lại ơn kêu gọi. Các linh mục thường ra vào những lớp học của chúng tôi cũng như gia đình chúng tôi, và vì thế tôi cảm nhận được các ngài quan tâm đến chúng tôi, và đáng cho tôi noi theo.

Vào khoảng năm học lớp sáu hay lớp bảy, tôi đã biết rằng mình muốn làm linh mục. Sau khi hoàn tất trung học, tôi nhập chủng viện ở Đại Học Thánh Ca-rô-lô tại Catonsville, tiểu bang Maryland. Thời ấy là những ngày tiền Công Đồng, những năm 1959-1960, triều đại của Giáo Hoàng Piô XII. Các linh mục trong ban giảng huấn cho chúng tôi biết về một phong trào mới mẻ và tuyệt diệu mang tên là Nhóm Thợ Kitô Hữu Trẻ¹. Chúng tôi cũng nghe nói về Phong Trào Gia Đình Công Giáo², và Hồng Y Joseph Cardijn ở Bỉ là người dạy về chương trình Xem-Xét-Làm³. Có một cái gì đó để hy vọng, để có thể noi theo Chúa Giê-su trong mọi cảnh huống cuộc đời. Chúng tôi xác tín rằng cuộc sống linh mục tương lai của chúng tôi sẽ phải sinh hoa quả tốt.

Sau hai năm học ở đại học Thánh Ca-rô-lô, tôi được gửi tới một chủng viện cổ nhất trong nước để học Triết, đó là Chủng Viện Thánh Mary trên Đường Paca ở Baltimore. Một linh mục Xuân-Bích gây ấn tượng rất sâu xa nơi tôi khi ngài nói về sự phát triển của một cộng đoàn mới giữa Hoa-Thịnh-

¹ *Young Christian Workers* – YWC, tiếng Pháp là *Jeunesse Ouvrière Chrétienne*, vì thế cũng viết tắt là JOC, một tổ chức quốc tế khai sáng bởi linh mục người Bỉ Joseph Cardijn (nay là hồng y), lúc đầu với tên *Young Trade Unionists*, năm 1924 mới đổi thành *Young Christian Workers*. Năm 1926 tổ chức lan tràn qua Pháp và hiện nay phát triển trên 51 quốc gia. Tổ chức bênh vực giới thợ thuyền và truyền giáo cho đồng nghiệp.

² *Catholic Family Movement* – xin xem ghi chú về CFM trang 28

³ *See, Judge and Act* – phương pháp làm việc của Hồng Y Cardijn.

Đốn và Baltimore gọi là Columbia, và về việc người ta dự định pha trộn chủng tộc trong một thứ cộng đoàn kiểu mẫu. Khá nhiều điều đang bắt đầu xảy ra trên đất nước Mỹ, kể cả phong trào Dân Quyền. Ở Đường Paca, chúng tôi sống giữa trung tâm của nội thành, một thứ trại tập trung. Người Mỹ da đen sống ngay bên kia bức tường chủng viện. Các hoạt động của mục sư Martin Luther King, Jr. và dự phóng của Giáo Hoàng Gio-an XXIII trở nên những yếu tố nóng cốt trong đời tôi. Phụng vụ đang được cải tổ và có tính cách mời gọi dự phần hơn. Những điều này cho tôi một cái nhìn về linh mục cần phải như thế nào.

Thần học quả là một cái túi trộn đủ thứ. Một số giáo sư dạy điều cổ điển, số khác dạy những điều họ nghĩ là mới mẻ, và những người khác nữa lại quá cấp tiến khiến chúng tôi không biết họ từ đâu đến. Dầu sao đó là thứ bầu khí sinh động. Chúng tôi thấy được sự hợp lý của tôn giáo, sự cần thiết của Giáo Hội. Đúng là một thời đại lý thú trong đời tôi. Chúng tôi đọc, học hỏi, bàn luận về các quan điểm thần học trong các lớp buổi tối. Chúng tôi trao đổi về những điều đang xảy ra trên thế giới. Chúng tôi nghĩ rằng mình sẽ là những người mang lại một Giáo Hội hoàn toàn mới mẻ.

Hồng Y O'Boyle, Tổng Giám Mục Hoa-Thịnh-Đốn, gọi chúng tôi lên văn phòng của ngài hôm trước ngày truyền chức và bảo: *"Mấy người đã học nhiều thứ trong chủng viện. Tôi muốn các người quên hết đi và lo mà giảng về Kinh Tin Kính."* Chúng tôi phá ra cười. Lúc ấy chúng tôi biết rất mập mờ rằng đây chính là phát tên bắn xẻ và sẽ hiện lên chính trường trong khoảng một năm sau, khi tông huấn *Humanae Vitae* ra đời.

Ngay sau ngày thụ phong linh mục, tôi làm việc 6 đến 8 tuần trong một trại do Hội Bác Ái Thánh Vinh-sơn tổ chức cho đám trẻ da đen trong nội thành ở miền Nam Maryland. Thế rồi tôi nhận được bài sai tới xứ Thánh Au-gus-ti-nô.

Những người diu dặt vĩ đại trong đời tôi gồm có George Gringos, lúc ấy là linh mục chánh xứ, nay đã khuất, một con người thật lạ thường trong Ủy Ban Giao Tế Nhân Sinh⁴ của ngài Thị Trưởng, và Geno Barini, một nhà hoạt động ở Pennsylvania.

Có một thứ hứng khởi mãnh liệt trong những con người dẫn thân vào cuộc tranh đấu. Martin Luther King đã ảnh hưởng đến tôi cũng như nhiều người theo truyền thống Công Giáo bằng việc nói lên và chỉ cho thấy việc mục vụ có thể làm được gì.

Có lẽ tất cả những mối liên hệ trong quá khứ này đã đưa tôi đến việc dẫn thân cho người thiểu số, đặc biệt những người Mỹ da đen. Có một thứ hứng khởi mãnh liệt

trong những con người dẫn thân vào cuộc tranh đấu. Martin Luther King đã ảnh hưởng đến tôi cũng như nhiều người theo truyền thống Công Giáo bằng việc nói lên và chỉ cho thấy việc mục vụ có thể làm được gì.

Vào tháng Tư năm 1968, lúc tôi đang phục vụ ở xứ Thánh Au-gus-ti-nô, Martin Luther King bị ám sát. Trái tim và linh hồn của làng xóm cũng như xứ đạo mà tôi đang làm phó xứ bỗng nổ bùng lên. Một đám thật đông người quy tụ tại trụ sở chiến dịch Người Nghèo chỉ cách nhà xứ một dãy phố, theo dõi tin tức về việc mục sư King bị bắn. Khi người ta báo cáo rằng ông đã từ trần, một nhóm năm ngàn người bắt đầu diễu hành xuống Đường 14, cách nhà xứ 100 thước, hướng về phố D.C. Họ thực sự giận dữ. Lửa bốc ra trong mắt họ và trong tim họ. Stokey Carmichael, một nhà hoạt động lúc ấy, gặp họ khoảng một khu phố về phía nam của Đường Chữ U và bảo họ: *“Hãy về nhà đi. Martin King hẳn không muốn chúng ta giận dữ như vậy.”* Anh ta đã đổi hướng của họ nhờ giọng nói mạnh mẽ, song rất tiếc anh ấy

⁴ Human Relations Committee.

không làm họ nguôi ngoai được. Họ diễu hành trở lại Đường 14 về phía nhà thờ, và bây giờ thì nổi loạn thực sự. Thành phố bốc cháy suốt ba ngày liền.

Đêm hôm ấy hai thiếu niên da đen ngồi thức chung với chúng tôi. Các em nói: *“Cha tưởng là nhờ mặc chiếc cổ trắng mà cha có thể đi lại tự do sao? Đêm nay thì không thể được đâu. Chúng con muốn thấy cha còn sống đến sáng mai.”* Các em đã ở lại với chúng tôi, và chúng tôi theo dõi tin tức báo cáo đến 3 giờ sáng. Vừa chớm hừng đông, chúng tôi bước ra Đường

14. Bạn sẽ tưởng là mình đang ở Dresden. Cả khu phố rực lửa. Mùi hơi làm cay mắt còn nồng nặc trong không khí. Chúng tôi tưởng thế là đã xong,

Chúa Giê-su hành động trên đường phố. Chúng tôi cũng phải xuống đường. Tôi học được rằng ảnh hưởng của chúng ta trên đường phố không thể đo lường bằng những gì xảy ra trong nhà thờ hay trường học. Chúng ta phải làm một cái gì đấy trong một cung cách có tổ chức cho những người nghèo hơn trong xứ.

nhưng khi mặt trời vừa lên, mọi chuyện lại bắt đầu lại. Thành phố cứ thế tiếp tục cháy, không chỉ Đường 14, mà Đường Chữ H và các khu xóm khác nữa. Quả là lần mở mắt lớn cho Raymond B. Kemp. Tôi học được rằng ngay cả linh mục cũng không được an toàn trong nhà thờ. Chúa Giê-su hành động trên đường phố. Chúng tôi cũng phải xuống đường. Tôi học được rằng ảnh hưởng của chúng ta trên đường phố không thể đo lường bằng những gì xảy ra trong nhà thờ hay trường học. Chúng ta phải làm một cái gì đấy trong một cung cách có tổ chức cho những người nghèo hơn trong xứ. Tôi bị xô đẩy vào hướng đi bắt đầu tổ chức khu xóm và cộng đoàn, dần dần giúp người ta tự kiểm soát lấy số phận của họ. Tôi dùng trọn mùa hè 1968 để làm đơn xin trợ giúp của chính phủ liên bang cũng như địa phương để cổ vũ các chương trình mùa hè trong trường của chính chúng

tôi và các trường khác. Chúng tôi đã nhận được các khoản trợ cấp rất khá; người ta gọi nó là tiền bỏ tù lạnh; nghĩa là ngân khoản để làm nguôi lòng người Mỹ da đen. Chúng tôi đã có thể xây dựng các tổ chức cộng đoàn còn tồn tại đến 10, 15 năm sau.

Năm 1968, ba tuần sau ngày mục sư King bị ám sát, tôi bị bắt cùng với những người thuộc phe King. Số là một nhóm giáo sĩ chúng tôi được Tổ Chức Quốc Gia về Quyền Hưởng Trợ Cấp⁵ mời tham dự đêm thắp nến trong khuôn viên của điện Capitol. Chúng tôi đến tham dự và rồi bị bắt giữ. Tôi ở một đêm trong tù với các bà mẹ của hội Quốc Gia về Quyền Hưởng Trợ Cấp. Khi cha xứ thức giấc, ngài không thấy hai ông phó xứ đâu cả. Phần chúng tôi phải gọi điện thoại cho cha Baroni ở Văn Phòng Bộ Khu Phố⁶, và kể cho ngài nghe chuyện đã xảy ra. Ngài báo tin cho cha xứ là hai ông phó của cha đang ở trong tù. Cha xứ đáp lại: “*Cứ để họ ở trong đó một thời gian.*” Tuy nhiên, ngài và Hồng Y O’Boyle đã hỗ trợ chúng tôi nhiều lắm, và chúng tôi được thả về.

Một chuyện khác cũng xảy ra năm 1968. Đó là việc công bố tông huấn *Humanae Vitae*. Lúc ấy tôi đang hoạt động cho mục vụ nội thành và phải đối phó với phong trào dân quyền. Thế rồi thông điệp của giáo hoàng bùng nổ ngay tại chỗ. Trước đó là các huấn lệnh liên quan đến việc dạy giáo lý về phái tính, kể cả việc ngừa thai nhân tạo, do Giám Mục Sheehan của Baltimore và Hồng Y O’Boyle của Hoa-Thịnh-Đốn phát động. Một nhóm 75 linh mục đã gặp gỡ để thảo luận về các huấn lệnh này, giống như một quả banh được rà thử trước khi *Humanae Vitae* ra đời. Họ ký một văn kiện nói rằng họ tin rằng người ta có thể sử dụng việc kiểm soát sinh sản theo lương tâm. Vài ngày sau, *Humanae Vitae*

⁵ National Welfare Rights Organization.

⁶ Office of Urban Affairs.

được phát hành, củng cố điều mà các giám mục đang loan truyền. Ngài hồng y liên lạc với 75 linh mục và bảo chúng tôi: “*Ngừng lại và hủy bỏ ngay!*” Có 41 linh mục không chịu ngưng, kể cả tôi. Rồi áp lực tăng lên dần. Khởi đầu, tôi bị bắt, và rồi tôi bị kể vào nhóm các linh mục bất mãn cười ngạo tông huấn của giáo hoàng.

Ngài O’Boyle huyền chức cả bọn chúng tôi. Chuyện cất chức này xảy ra ở nhiều cấp độ khác nhau. Tôi và một số linh mục khác không được ngồi tòa giải tội. Một số nữa không được giảng, dạy học và ngồi tòa. Hai vị thủ lãnh là cha Jack Corrigan, người đã giảng trong lễ Mở Tay của tôi, và cha Joe O’Donohue, người có một người em thuộc dòng Maryknoll, cũng bị treo chén không được dâng lễ. Ngài hồng y giới hạn việc ngăn cấm không cho tôi ngồi tòa giải tội, vì ngài nói tôi còn trẻ và có lẽ bị ảnh hưởng bởi mấy linh mục lớn tuổi hơn. Đến lúc ấy đã có hơn 15 người rời bỏ sứ vụ linh mục.

Sau khoảng một năm, bốn người chúng tôi từ nội thành đến gặp ngài O’Boyle và trình bày: “*Thưa Đức Hồng Y, các giáo dân của chúng con vượt ngoài vòng tranh luận của Humanae Vitae. Họ biết rằng chúng con bị trở ngại vì đã bất đồng ý kiến với Đức Hồng Y. Có thể có cách nào cho chúng ta đi đến một thoả thuận không?*” Chúng tôi đã thảo ra một thứ ngôn ngữ chấp nhận được và ký tên vào. Việc huyền chức được tháo gỡ. Mười hai linh mục khác tiếp tục bị treo chén, và không giải quyết được cho đến khi nội vụ đến tận Rô-ma.

Trong một số bài sai trước đây, lúc tôi đang phục vụ một giáo xứ của các linh mục dòng thánh Giu-se ở Baltimore, tôi có quen với cha Phil và Dan Berrigan, là hai anh em hoạt động chống chiến tranh ở Việt Nam. Họ đã yêu cầu tôi tiếp tay với họ trong vụ tẩy trừ công ty Dow Chemical Company

vì công ty này chế bom *napalm*⁷. Tôi đã từ chối vì công việc mục vụ. Tuy vậy, ngày mà họ đổ máu trên các tài liệu ở Catonsville tôi đã đến đón cha Dan từ trong nhà tù D.C. theo lời yêu cầu của cha Phil. Nhìn chung, năm 1968 quả là một năm đầy biến động.

Thời ấy Giáo Hội không có vẻ hiếu khách lắm, và nhiều người trong số các bạn tôi rời bỏ hàng ngũ linh mục. Đường

Trong giai đoạn khó khăn và đầy vết thương lòng đó, có hai điều giúp tôi sống sót: một là phép Thánh Thể, vừa bẻ bánh vừa chia sẻ Lời Chúa; điều thứ hai là chứng kiến sự tranh đấu khổ cực của sáu thế hệ Mỹ da đen từ lúc được giải phóng, và giúp họ phấn đấu đạt cho được chỗ đứng và trở nên những thành phần bình đẳng trong xã hội này.

như ai cũng đang theo nhau nhảy khỏi tàu. Song một nhóm chúng tôi quyết định ở lại. Tôi cưỡng lại việc thỏa hiệp với anh em Berrigan về vụ Việt Nam, cho họ biết ơn gọi của tôi thật rõ ràng: *Tôi sẽ làm việc với người*

nghèo, với người Mỹ da đen ngay trong lòng nội thành. Trong giai đoạn khó khăn và đầy vết thương lòng đó, có hai điều giúp tôi sống sót: một là phép Thánh Thể, vừa bẻ bánh vừa chia sẻ Lời Chúa; điều thứ hai là chứng kiến sự tranh đấu khổ cực của sáu thế hệ Mỹ da đen từ lúc được giải phóng, và giúp họ phấn đấu đạt cho được chỗ đứng và trở nên những thành phần bình đẳng trong xã hội này.

Bởi thế, tôi nỗ lực gấp đôi trong vùng phụ cận. Tôi biết Saul Alinsky, tay tổ chức cộng đồng từ Chicago đến. Cha

⁷ *Napalm* – tên kết hợp của 2 hóa chất: *naphthenic acid* và *palmitic acid*. Trộn chung với dầu hỏa hay một chất đốt tương tự, napalm trở một loại bom dùng để thiêu hủy nhà cửa trong thành thị, cây cối trong rừng, có thể dính vào da thịt và đốt cháy đến tận xương. Chế tạo năm 1943 trong một phòng nghiên cứu bí mật tại Đại Học Harvard ở Massachusetts, do nhà hóa học Louis Fieser dẫn đầu.

Jack Egan⁸, một nhà tổ chức khác, trước đây là bạn tốt của tôi. Tuy nhiên, tôi chọn đi con đường hơi khác một chút. Tôi xoay chí thú về hướng giáo dục quần chúng, và năm 1971 tôi đã tự thuyết phục mình ra ứng cử vào Hội Đồng Giáo Dục của D.C., lúc ấy mới chỉ hiện hữu được ba, bốn năm. Hồng Y O'Boyle gọi tôi lên văn phòng ngài và bảo: *“Cha không thể làm chuyện này được. Họ sẽ giết cha. Họ sẽ giết cả tôi nữa. Rồi họ sẽ hủy diệt Giáo Hội cho xem.”* Và tôi đáp lại: *“Đây là việc phát triển tự nhiên của công việc con đang làm trong vùng phụ cận, và con muốn làm điều đó.”* Ngài không cấm tôi ứng cử vào hội đồng, song việc ngài không muốn tôi tham gia lại được người ta đưa lên mặt báo khiến tôi càng được nhiều người biết tới hơn tôi dự tính. Có lẽ đó là một trong những lý do giúp tôi thắng cử.

Thời gian sẽ trả lời cho biết rằng ngài hồng y có lý. Người ta đã giết chúng tôi thật. Tôi đã can dự vào quá nhiều chuyện, nào là các nhóm vùng phụ cận, chương trình học công lập, và giáo xứ nữa. Cuối cùng toàn bộ đã trở thành quá sức.

Hai năm đầu trong Hội Đồng Giáo Dục cũng khá lý thú. Ông Marion Barry, thị trưởng của Hoa-Thịnh-Đôn làm chủ tịch. Chúng tôi tìm cách cứu vãn các trường công lập ở D.C., hồi ấy vào năm 1966 đang ở trong tình trạng rối ren. Chúng tôi đã gây khó dễ với một tay thanh tra. Ông Marion Barry hiểu rõ những gì đang xảy ra tại các trường hơn vị thanh tra nhiều. Cuối cùng viên thanh tra ấy phải bỏ việc. Rồi chúng tôi phỏng vấn các ứng viên thay thế vào việc đó. Có một phụ nữ từ Chicago đến xin việc. Cả ba chúng tôi đều không thể hình dung nổi làm sao chị ta có thể làm được việc, và nói cho chị ta biết như vậy. Cô em gái của Whitney Young, trước đây là chủ tịch Hiệp Hội Dân Phố⁹, nói với tôi rằng

⁸ Đức Ông *Jack Egan* – xem câu chuyện của ngài trang 25.

⁹ Urban League.

người đàn bà này không thể làm thanh tra thanh trác gì hết. Tôi lập lại điều đã nghe được trong một phiên họp tôi nghĩ là cẩn mật. Vậy mà rồi nó lại bị đưa lên mặt báo, và dĩ nhiên là cô em gái của Young chối phăng đi. Thế là người phụ nữ ấy được cử vào làm việc. Chỉ trong vài tháng thôi mà phòng họp của hội đồng không khác gì chiến địa. Trong thời gian đó, trước cửa nhà thờ của tôi có lính gác. Vào lúc ấy, công việc của Giáo Hội không đến nỗi tồi tệ lắm. Tôi bị hụt hẫng. Chính trường trong thành phố ngày càng hỗn độn. Tôi bị thất bại nặng. Có những buổi họp kéo dài đến một hai giờ sáng. Lúc đó tôi mới chịu nghĩ tới đủ các thứ giải pháp thứ hai.

Có lúc cũng bị cám dỗ về lập gia đình, nhưng rồi luôn luôn là nhờ Thánh Thể, luôn luôn là chức linh mục, và luôn luôn nhờ hình ảnh Đức Ki-tô giữ tôi lại. Tôi tìm hướng đi và sự nâng đỡ. Tôi đã từng chứng kiến những người bỏ cuộc, đã thấy cuộc sống họ thế nào sau khi cởi áo dòng, và những điều đó quá đủ để nói cho tôi rằng dù bất cứ khó khăn nào, thất bại nào, vẫn còn rất nhiều điều bạn có thể làm trong lòng Giáo Hội. Hãy ở lại với Giáo Hội.

Năm 1976, tôi trở thành đồng chánh xứ và dành mọi quan tâm cho công việc trong giáo xứ. Hai xứ thánh Phao-lô và thánh Au-gus-ti-nô nhập lại thành một. Mười phần trăm dân xứ là những người trên 80 tuổi.

Khu vực này ngày một thưa thớt vào thời điểm chúng tôi đang làm công việc tổ chức nội thành. Chúng tôi cần phải xây dựng lại giáo xứ. Chúng tôi đưa vào một ca đoàn hát thánh ca Tin Mừng, bắt đầu phát triển phụng vụ, và người ta bắt đầu đến tham dự. Rồi người ta truyền tai nhau ngày càng nhiều. Và thế là giáo xứ khởi sự thăng tiến.

Lúc ấy tôi không hay biết gì, nhưng quả là tôi đã cạn kiệt thật. Có lúc cũng bị cám dỗ về lập gia đình, nhưng rồi luôn

luôn là nhờ Thánh Thể, luôn luôn là sứ vụ linh mục, và luôn luôn nhờ hình ảnh Đức Ki-tô giữ tôi lại. Tôi tìm hướng đi và sự nâng đỡ. Tôi đã từng chứng kiến những người bỏ cuộc, đã thấy cuộc sống họ thế nào sau khi cởi áo dòng, và những điều đó quá đủ để nói cho tôi rằng dù bất cứ khó khăn nào, thất bại nào, vẫn còn rất nhiều điều bạn có thể làm trong lòng Giáo Hội. Hãy ở lại với Giáo Hội.

Tôi đã có viết một quyển sách về Nghi Thức Gia Nhập Kitô Hữu Cho Người Lớn¹⁰ (RCIA). Năm 1976 và 1979, một giáo lý viên tên là Christianne Brusselmans và cha Jim B. Dunning ở Seattle là chủ tịch Diễn Đàn Bắc Mỹ về Tân Tòng¹¹ ghi tên tôi đi nói chuyện với các xứ đạo về đề tài làm sao để thực hiện chương trình RCIA. Chẳng bao lâu sau, tôi tìm được nghề thứ hai trong đầu thập niên 1980, đi khắp nước tổ chức các khóa học hỏi. Vào thời điểm đó, Tổng Giám Mục Hickey, vị mới được bổ nhiệm về Hoa-Thịnh-Đôn đặt ra vai trò Thư Ký phụ trách Đời Sống và Thờ Phụng Trong Giáo Xứ và trao công tác ấy cho tôi.

Rõ ràng là mọi chuyện đều xoay chiều vào sự sống của Giáo Hội, và chính ngài hồng y cũng đang đổi hướng. Ngài nhận được nhiều bài sai từ Rô-ma, kể cả việc điều tra Tổng Giám Mục Hunthausen ở Seattle. Bầu không khí bắt đầu thay đổi. Chính Thống đang trở thành ưu tiên một. Các linh mục dòng thánh Giu-se rời một xứ đạo năm 1986, và cha Ray East cùng với tôi được yêu cầu đảm nhận giáo xứ Đấng An Ủi –xứ Thánh Cyprian vào mùa thu năm 1986. Cha East là người kế vị cha George Stallings khi cha George bắt đầu tách biệt với nhà thờ cho người da đen riêng của ngài. (Cha Stallings được phong chức giám mục bởi một giám mục

¹⁰ *Rite of Christian Initiation of Adults* – viết tắt RCIA. Một tiến trình đặc biệt tại Hoa-Kỳ dành cho người lớn và trẻ em lớn tuổi gia nhập Công Giáo; gồm tìm hiểu, cầu nguyện và học giáo lý. Có thể kéo dài từ 8 tuần đến 2 năm tùy theo sự tiếp nhận của mỗi người.

¹¹ North American Forum on the Catechumenate.

Công Giáo Cổ Cựu). Đúng là giấc mơ của nhà xã hội học, một giáo xứ đầy những dân nghiện ngập và hút sách.

Chúng tôi bắt đầu giảng về bệnh hoa liễu, bạo hành, thuốc phiện, và một thứ bệnh dịch mới khi bọn trẻ nổi sùng lung tung và giết chóc lẫn nhau. Cha Ray East bắt đầu một việc mà các nhà thờ thuộc hệ phái Phúc Âm¹² thường làm, một chương trình xây dựng trên một cử chỉ có tính cách biểu tượng gọi là “*mở các cửa thánh đường*.” Việc này được thực hiện trong phụng vụ Chúa Nhật ngay sau bài giảng. Chủ tế hoặc một ai đó tiến đến máy phóng thanh nói: “*Xin các anh chị em phục vụ đi mở các cửa thánh đường*.” Đây là một biểu tượng cho thấy chúng tôi đang để cho người ta và Chúa Thánh Linh tiến vào. Chúng tôi sẽ không khóa Chúa Thánh Linh ở bên ngoài. Rồi vị chủ tế hay một phục vụ viên sẽ nói:

“Một số anh chị em đang ngồi đây đã là thành viên của thánh đường này; nhiều người khác chưa phải là thành viên. Nhiều người trong anh chị em đến đây lần đầu tiên hoặc mới chỉ một đôi lần, song đang tìm kiếm một thánh đường nhà cho mình. Bất kỳ ai trong anh chị em muốn tuyên nhận rằng Chúa Thánh Linh có thể đang thôi thúc anh chị em chọn lấy nơi đây làm nhà của mình, hãy để Chúa Thánh Linh dẫn anh chị em ra khỏi hàng ghế và tiến lên cung thánh.”

Rồi khi họ tiến lên, chúng tôi hỏi danh tính họ, và điều gì họ mong đợi nơi Giáo Hội. Nó giống như mời gọi lên bàn thờ kiểu cổ xưa vậy. Song chương trình đơn giản đó đã thành công rất lớn, và đã thay đổi toàn bộ não trạng của tôi về việc Lời Chúa và Bí Tích thực sự mang lại hiệu quả như thế nào. Qua tất cả các việc tôi làm, tôi lấy lại được sứ vụ

¹² *Evangelical* – một hệ phái Tin Lành xuất hiện từ thập niên 1730 với tứ trụ: 1) sự tái sinh; 2) Kinh Thánh; 3) ơn cứu chuộc từ thập giá; 4) hoạt động (truyền giáo và xã hội).

linh mục và tìm lại được ý nghĩa của sức sống Giáo Hội khi tôi thấy cả người trẻ lẫn già tiến lên theo lời mời gọi đó.

Trong vòng hai năm rưỡi chúng tôi đã giúp từ 250 đến 300 người hoàn tất một chương trình cai thuốc 28 ngày. Chúng tôi đã khiến Hội Bắc Ái Công Giáo thực hiện lại toàn bộ kế hoạch cho người vô gia cư. Chúng tôi bắt đầu thấy mình trở thành một cộng đoàn nâng đỡ giúp người ta đi từ giai đoạn chuyển tiếp của việc chữa trị đến thế giới thực tế. Hồng Y Hickey có đến đọc thư mục vụ của ngài về hút sách và bạo hành trên toà giảng, rồi khuyến khích các giám mục khác tấn công vấn đề bạo hành và hút sách trong các thành phố. Quả là một kinh nghiệm lý thú đối với tôi.

Vào cuối nhiệm kỳ sáu năm của tôi, cha Jim Connor dòng Tên, là người đang điều hành Trung Tâm Thần Học Woodstock, yêu cầu tôi giúp cha Walter Burghardt điều hợp chương trình mà ngài muốn nghỉ hưu là *“Rao Giảng Lời Chân Lý.”*¹³ Tôi từ chối ngài hai lần. Đến lần thứ ba tôi tới gặp đức hồng y và hỏi xem ngài nghĩ thế nào. Ngài bảo:

Chương trình đơn giản đó đã thành công rất lớn, và đã thay đổi toàn bộ não trạng của tôi về việc Lời Chúa và Bí Tích thực sự mang lại hiệu quả như thế nào. Qua tất cả các việc tôi làm, tôi lấy lại được sứ vụ linh mục và tìm lại được ý nghĩa của sức sống Giáo Hội khi tôi thấy cả người trẻ lẫn già tiến lên theo lời mời gọi đó.

“Còn ai vào đây nữa. Cứ nhận lời đi.” Cha Jack Egan cũng khuyên tôi cứ nhận lời, và thế là tôi nhận. Chúng tôi đã đi khắp cả nước. Chúng tôi đã

thực hiện được trên 50 buổi tĩnh tâm rồi. Hơn 2.100 linh mục đã tham dự chương trình này.

¹³ *Preaching the Just Word* – xem phần mở đầu câu chuyện của linh mục Walter J. Burghardt trang 41.

Giờ đây, sau bốn năm thực hiện chương trình, tôi không dám chắc điều kế tiếp sẽ là gì. Tuy nhiên, được thấy khá nhiều về Giáo Hội ở Hoa-Kỳ và chút ít ở Úc, Canada và Jamaica, tôi hết sức ngưỡng mộ sự cần mẫn quảng đại của những con người rất nhân hậu đang cai quản và giảng dạy ở các xứ đạo. Chúng ta có khá nhiều linh mục thật đáng trân quý. Tôi chỉ hy vọng rằng thế hệ của tôi và thế hệ kế tiếp trẻ trung hơn có thể giữ cho ngọn lửa sống động để những người khác cũng được lôi cuốn đến loại mục vụ này.

Niềm vui thực sự đời linh mục của tôi là tôi vẫn còn có thể ngồi xuống thưa rằng: *“Lạy Chúa Giêsu, con ở bên Chúa đây.”* Và Ngài sẽ đáp lại: *“Cha cũng ở bên con, bất kể mọi chuyện, bất kể lần bất trung nào của con. Cha muốn bao bọc con trong tình yêu của Cha và giữ con sống để còn thực hiện bao điều có thể làm trước mặt.”* Thật an ủi cho tôi khi nghe được lời như vậy, và được thấy ý tưởng đó kiên cường bởi rất nhiều người còn chịu đau khổ hơn tôi gấp bội. Hình ảnh Đức Giê-su như Đấng an ủi, như người bạn, người khích lệ ở với tôi luôn mãi.

Các linh mục chúng ta cần phải tự vấn mình câu hỏi này: *“Người sẽ làm gì để khích lệ người ta bắt chước điều mà người được kêu gọi để làm?”* Lần đầu tiên khi có ai đó hỏi

Có một chuyện khác chúng ta cần phải làm trong những giai đoạn khủng hoảng ơn kêu gọi đó là để cho giáo dân dự phần. Linh mục không thể làm được hết mọi chuyện.

tôi câu ấy, tôi trả lời: *“Tôi sợ rằng tôi đã thường hay than van và gây chú ý quá đổi, đến độ thật dễ dàng cho một người nào đó phán đoán rằng tôi không cảm thấy hạnh phúc trong đời linh mục. Bởi vậy tôi*

nên ngừng những điều đang làm lại, và bắt đầu khuyến khích bọn trẻ.” Vì tôi vẫn đang phụ giúp cha Walter

Burghardt, tôi có được bốn người bạn trẻ làm việc cho mình. Hai trong số bốn người đó bây giờ đang sống trong chủng viện rồi. Một người thì học trong dòng Tên, người kia thì học tại Đại Học Bắc Mỹ để làm linh mục triều. Chúng tôi đang vật lộn với những thứ cứng nhắc, kỳ cục của thời đại đầy những chao đảo. Khó mà khuyến khích một người nam làm linh mục độc thân trong cái thứ văn hóa không trân quý sự cam kết lâu dài này.

Có một chuyện khác chúng ta cần phải làm trong những giai đoạn khủng hoảng ơn kêu gọi đó là để cho giáo dân dự

Không có nơi chốn và thời gian nào mà linh mục lại không thể có chỗ đứng trong vai trò giúp đỡ người ta.

phần. Linh mục không thể làm được hết mọi chuyện. Chúng ta đã sinh sản ra một chuỗi những công tác không thể thực hiện nổi cho các linh mục. Các linh mục cần phải có thời giờ để học hỏi, thời giờ để đi nghỉ, thời giờ thư giãn và giải trí nữa. Chúng ta cần phải xác định công việc, để nó trở thành rõ ràng làm sao đạt cho được công việc chính yếu là trao gửi sứ điệp Tin Mừng.

Có một điều làm tôi ngạc nhiên về sứ vụ linh mục là, dù rằng với đủ thứ thông tin ngôn luận ồn ào cho rằng chúng tôi đang bị giáo hoàng và tổng giám mục kiểm soát, tôi ghi nhận rằng đây là công việc duy nhất trong cả toàn thế giới mà bạn có thể uốn nắn những gì mình đang làm, để đáp lại điều mà bạn cảm thấy Chúa kêu gọi mình thực hiện. Điều này khiến một số chúng tôi gặp rắc rối, bởi vì chúng tôi không biết nói rằng đã đến giờ đi ngủ hay nghỉ xả hơi một chút. Tuy nhiên, trong vai trò linh mục, bạn có thể theo đuổi trực giác tốt nhất của chính mình về việc rao giảng, về việc tổ chức nhân sự, về việc nên dùng thời giờ như thế nào. Quả là niềm vui lớn lao cho tôi khi được làm việc với nhiều lớp người như vậy –từ người của thành phố, đến đại học, đến

người ở phòng chuông ấn, và giới thợ thuyền. Không có nơi chốn và thời gian nào mà linh mục lại không thể có chỗ đứng trong vai trò giúp đỡ người ta.

Liệu tôi đã làm được điều gì khác biệt đối với con người? Đây là câu hỏi lớn, và câu trả lời là “có.” Khi tôi đi ngủ mỗi đêm, tôi mang theo lên giường câu chuyện của mọi người mà tôi đã gặp trong cuộc sống, vì tôi đã làm được điều khác biệt cho cuộc đời những con người đó. Tôi có thể kể bạn nghe danh sách dài như chuỗi kinh cầu của những con người mà tôi dám nói rằng mình đã làm được điều khác biệt trong đời họ. Và điều ấy mang lại cho tôi sự thỏa lòng lớn lao. Tôi có thể trao cho bạn danh sách các trẻ em trong lớp tôi dạy, hay của các linh mục mà tôi đã đụng chạm đến trong công tác này, và sáu tháng sau tôi đã nhận được ít hàng chữ cảm ơn nói rằng:

Tôi không biết còn có thứ công việc nào trên toàn thế giới mà ta có thể làm được điều khác biệt đến thế, bởi vì trong công tác này, người ta mở lòng ra với chúng tôi, họ rất thành thật và đồng thuyền với chúng tôi. Đó là lý do tại sao tôi không thể hình dung mình lại đi làm một chuyện gì khác.

“Thời gian chuyện vẫn với cha hay khi xưng tội là thời gian đã được dùng chính đáng.” Hay có người nói: *“Cha thay đổi cuộc đời tôi về cách nhìn vào chức linh mục.”* Tôi không biết

còn có thứ công việc nào trên toàn thế giới mà ta có thể làm được điều khác biệt đến thế, bởi vì trong công tác này, người ta mở lòng ra với chúng tôi, họ rất thành thật và đồng thuyền với chúng tôi. Đó là lý do tại sao tôi không thể hình dung mình lại đi làm một chuyện gì khác. Nếu tôi sống lâu được đến tuổi 80, tôi hy vọng là mình có thể vẫn làm việc được, và còn làm chăm chỉ nữa.

Những kinh nghiệm gian khổ tôi trải qua đã là điều tốt cho sứ vụ linh mục của tôi. Tôi có thể nhìn vào ơn gọi của mình như thể được giải cứu bởi người Mỹ da đen. Tôi có thể thấy nó như được cứu vãn nhờ những tranh đấu cho dân quyền. Tôi có thể thấy nó như được cứu vãn nhờ những điều kỳ diệu khi tổ chức giáo xứ. Tôi có thể thấy nó như được cứu vãn nhờ sự phát triển cộng đoàn tương trợ đầy những người nghiện ngập và hút sách. Tôi có thể thấy nó như được cứu vãn qua những buổi tĩnh tâm của tổ chức “*Rao Giảng Lời Chân Lý*.” Tất cả đều là Chúa Giê-su Ki-tô. Trong tất cả mọi cảnh ngộ tôi đã thuật lại, Chúa Ki-tô trong cái chết và phục sinh của Ngài đã gìn giữ tôi trong sứ vụ linh mục. ●

*Linh mục***Robert L. Marciano****Warwick, tiểu bang Rhode Island.**

Cha Marciano bỗng dưng phải đương đầu với một nan đề trong công việc của ngài mà hầu hết chúng ta đều sẽ thấy thật là tệ hại. Qua một sự nhận diện lầm lẫn khủng khiếp, ngài bị kết án công khai và sai lầm là người lạm dụng tình dục trẻ em. Mặc dầu tả tơi vì cú sốc, và danh tiếng bị vùi dập, cha Bob đã thẳng thắn đối diện với vấn đề.

Cha Marciano có một quan điểm về cuộc sống hết sức trưởng thành. Ngài dẫn thân sâu xa với đời linh mục, quân bình, đỉnh đạc, ưa hài hước lý thú, là những thứ ngài cần có khi phải đối đầu với nỗi thống khổ vì việc bị đưa ra công chúng chung quanh vụ kết án ngài.

Ngài sinh trưởng tại Providence, tiểu bang Rhode Island, và thụ phong linh mục cho Giáo Phận Providence năm 1983. Ngài mới được bổ nhiệm làm cha xứ nhà thờ Thánh Rô-sa Lima ở Warwick.¹

Phải thú nhận rằng chính cha mẹ tôi đã nuôi dưỡng trong tôi lòng yêu mến các linh mục và các nữ tu. Hầu như họ là một phần của gia đình, và được coi là các bạn thân nhất của chúng tôi. Cha mẹ tôi rất nể trọng quyền bính,

¹ Hiện nay linh mục Robert L. Marciano đang làm cha sở giáo xứ Our Lady of Good Help tại Mapleville, đồng thời làm Tuyên Ủy Công Giáo tại Bryant University ở Smithfield kể từ năm 2010.

dù là đời hay đạo. Các ngài nói rằng chúng ta được chúc phúc với quà tặng đức tin và không bao giờ nên lấy dễ làm thường. Các ngài nói chúng ta không bao giờ được hy sinh sự liêm chính hay sự thành thực của mình. Một khi đã mất các đức tính đó, bạn không khi nào lấy lại được. Nhiều năm về sau tôi còn được nhắc nhở về lời cảnh cáo ấy. Khi còn đi học, tôi luôn kể đủ mọi thứ chuyện cho mẹ tôi nghe. Có một chuyện tôi nhớ rất rõ, mẹ khuyên tôi rằng con không bao giờ được phép sống tàn nhẫn. Con có thể kỷ luật hay nghiêm khắc, nhưng không bao giờ được tàn nhẫn.

Tôi theo học tại trường Trung Học Giám Mục Hendricken, do các Sư Huynh Ki-tô Hữu² người Ái-Nhĩ-Lan dạy. Tôi rất khâm phục các sư huynh, và đã nghĩ đến chuyện gia nhập với họ. Trong năm học lớp 10 hay 11, tôi đã ghi danh cùng với năm bạn học tham dự một ngày tìm hiểu on gọi ở New York. Nhưng vì một lý do nào đây cái ngày này đã không thu hút tôi. Thật ra, lúc ấy tôi đang hẹn hò đều đặn với bạn gái và đã nghĩ tới việc trở thành một bác sĩ thú y. Tôi chỉ muốn ổn định lại, lấy vợ, và có một gia đình. Tuy nhiên, tôi đã bị lôi cuốn bởi các linh mục mà tôi đã gặp.

Thế là tôi quyết định thử vào chủng viện. Những người thân của tôi bị chấn động, nhưng đều chấp nhận. Họ nghĩ đó là một cuộc sống cô độc với những gánh nặng khó nhọc, và họ chỉ muốn tôi được hạnh phúc. Họ nói với tôi: *“Con cứ chọn bất cứ điều gì con cảm thấy đúng. Chỉ cần làm tốt hết sức, và cha mẹ sẽ luôn hỗ trợ con.”* Chủng viện có một chương trình học mở rộng mà bạn có thể tham dự các lớp tại Đại Học Providence. Tôi chọn chương trình ấy và được chấp thuận. Lúc tôi dọn đồ đạc vào va-li thì mẹ tôi khóc. Tôi thưa mẹ con chỉ đi xa có mấy khu phố xuống cuối đường thôi, nhưng bà coi đó là cả triệu cây số xa nhà. Tôi đã không lấy

² Sư Huynh Ki-tô Hữu – xin xem ghi chú *Congregation of Christian Brothers* trang 27.

đồ ra khỏi va-li trong hai tuần, nghĩ rằng cái ý tưởng ấy rồi sẽ qua đi. Nhưng phải mất hai năm cha mẹ tôi cuối cùng mới chấp nhận ơn gọi của tôi. Khi các ngài thấy tôi hạnh phúc quá, các ngài cũng cảm thấy hạnh phúc lây. Bạn đừng quên họ là những người Ý, và người Ý bao giờ cũng trông mong ít nhất có 50 đứa cháu con.

Tôi có một số bạn tuyệt vời trong chủng viện, song cũng bùng tình một cách phũ phàng. Tôi nhận ra rằng tất cả các linh mục đều không sánh được như các linh mục ở xứ đạo mà tôi đã lớn lên.

Chủng viện đang bị chao đảo trong thập niên 1970. Một vài vị dâng lễ ngay trên gốc cây bị cắt cụt ở trước nhà nguyện.

“Nếu cậu không hài lòng với những gì đang xảy ra, thì đừng chạy trốn nó. Cứ xông vào. Hãy trở thành một linh mục tốt nhất mà cậu có thể làm, và thay đổi hoàn cảnh.”

Cách thức như vậy làm tôi cụt hứng. Tôi vào chủng viện với một niềm xác tín rằng bí tích Thánh Thể sẽ là trung tâm đời sống tôi. Kế đó tôi được nghe một số vị trong ban giảng huấn nói: *“Nếu bạn không muốn đi dự lễ, thì cũng không sao. Cứ việc nằm lại trên giường cầu nguyện là được.”* Lúc ấy tôi nghĩ mình có điều gì sai chẳng. Cuối cùng tôi hiểu rằng mấy người làm ra những chuyện này là những người không cảm thấy hạnh phúc gì. Họ là những người thật thảm hại, và nó lộ ra khá rõ. Đó là một giai đoạn khủng hoảng và việc một số linh mục cảm thấy vỡ mộng đã ảnh hưởng nặng nề trên các chủng sinh. Tôi quyết định không tiếp tục nữa, và tâm sự quyết định đó với một bạn học. Tôi vẫn nhớ lời bạn ấy nói: *“Nếu cậu không hài lòng với những gì đang xảy ra, thì đừng chạy trốn nó. Cứ xông vào. Hãy trở thành một linh mục tốt nhất mà cậu có thể làm, và thay đổi hoàn cảnh.”* Tôi cho rằng bạn ấy có lý. Hóa ra tôi chỉ đang tìm một cơ nào đó để trốn tránh một điều mà tôi biết mình phải làm. Và thế là tôi ở lại.

Trong khi dự tuần tĩnh tâm chuẩn bị lãnh chức phó tế, tôi bắt đầu cảm thấy dằn vặt và không chắc mình có xứng đáng với ơn gọi này không. Đời sống cầu nguyện của tôi sau những năm trong chủng viện không hẳn là tốt lắm. Tôi trở lại chủng viện Thánh Gio-an và thưa với cha linh hướng rằng tôi không thể nhận chức thánh vì cảm thấy bất xứng. Ngài bảo: *“Đương nhiên là thầy không xứng đáng rồi. Không một ai trong chúng ta xứng đáng cả. Ngày nào thầy cảm thấy mình xứng đáng là một linh mục chính là ngày thầy nên ra đi.”* Lời nói ấy làm tôi yên tâm, và tôi chưa hề có một ngày nào không hạnh phúc trong đời linh mục. Những ngày khó khăn, phải, nhưng không là những ngày khó chịu. Tôi đã cảm thấy bình an vào những thời điểm lạ lùng nhất, ngay cả bên cạnh giường bệnh của một em bé đang chết dần mòn vì khối u trong não. Đây là một dịp đáng buồn nhưng tôi thấy bình an vì tôi biết rằng là một linh mục, tôi có thể giúp gia đình đó sống sót qua cuộc khủng hoảng trong đời họ.

Khi tôi sắp nhận bài sai đầu tiên, giám mục gọi tôi vào, lược qua hồ sơ cá nhân và hỏi tôi thích loại giáo xứ nào. Tôi diễn tả giáo xứ ấy cho ngài, và ngài phái tôi đến một xứ đạo

Ngoài cái ảnh hưởng rõ nét mà cha mẹ tôi và các linh mục ở xứ đạo có trên tôi, tôi nghĩ rằng điều đã đưa tôi đến chức linh mục chính là cách mà người ta để các linh mục được dự phần vào những gì sâu xa nhất trong đời họ.

hoàn toàn trái ngược. Tôi đã thưa với ngài tôi vâng phục và sẵn lòng đi bất kỳ nơi đâu ngài sai đi. Ngài nói: *“Thời đại này tôi không thường được*

nghe điều đó.” Tôi không vâng lời một cách mù quáng, và đôi khi tôi phản ứng mãnh liệt chống lại lệnh truyền. Tôi đã thách thức quyền bính khi còn ở trong chủng viện, và đã bị yêu cầu làm một số điều kỳ dị mà tôi đã bất đồng ý kiến về chúng.

Ngoài cái ảnh hưởng rõ nét mà cha mẹ tôi và các linh mục ở xứ đạo có trên tôi, tôi nghĩ rằng điều đã đưa tôi đến sứ vụ linh mục chính là cách mà người ta để các linh mục được dự phần vào những gì sâu xa nhất trong đời họ. Chúng tôi có mặt khi họ sinh ra, khi họ cưới hỏi, và khi họ chết. Khi một linh mục lần đầu tiên hỏi tôi tại sao muốn trở thành linh mục, tôi thưa với ngài rằng tại vì tôi muốn giúp đỡ người ta. Ngài bảo: *“Con có thể giúp người ngay cả khi mở trạm xăng kia.”* Vì thế tôi bắt đầu nghĩ lại những lý do thúc đẩy và khám phá ra rằng điều mà tôi thực sự cần làm là giúp người ta đạt tới ơn cứu chuộc vĩnh cửu cho đời họ. Tôi muốn hiến đời mình để làm một số điều sẽ tồn tại lâu hơn bản thân mình. Tôi biết mình có khả năng và có thể dễ dàng kiếm sống thoải mái. Song những thứ vật chất ấy không tồn tại.

Công việc của một linh mục như tôi thấy chính là đem đến cho con người gương mặt nhân tính của thần tính. Tôi cố gắng cho thấy khía cạnh hạnh phúc của sứ vụ linh mục. Thỉnh thoảng một bạn trẻ sẽ nhập chủng viện vì những gì em thấy nơi tôi, và điều đó cho tôi một sự khích lệ đặc biệt, một cảm giác kỳ diệu của sự thành tựu.

Tôi thực sự có một đời sống sung mãn. Tôi dạy trong trường học, làm việc với giới trẻ và người già, và làm tuyên úy quân đội cho lính trừ bị. Thật là một kinh nghiệm tuyệt vời khi tiếp xúc với người ta thuộc mọi thành phần. Tôi làm đám cưới cho đôi hôn nhân, rửa tội cho con cái họ, rồi đồng hành với họ suốt cuộc đời còn lại của họ. Công việc của một linh mục như tôi thấy chính là đem đến cho con người gương mặt nhân tính của thần tính. Tôi cố gắng cho thấy khía cạnh hạnh phúc của sứ vụ linh mục. Thỉnh thoảng một bạn trẻ sẽ nhập chủng viện vì những gì em thấy nơi tôi, và điều đó cho tôi một sự khích lệ đặc biệt, một cảm giác kỳ diệu của sự thành tựu.

Tôi nói là tôi nhắm tới việc cho thấy khía cạnh hạnh phúc của đời linh mục, vì chúng luôn luôn có khía cạnh gặp ghèn. Hầu hết những giai đoạn khó khăn đối với tôi đều ở trong chủng viện. Có một thời gian tôi đã nghĩ mình ở trong một giáo hội lầm lạc vì những cha linh hướng mà chúng tôi có. Song tôi đã cố gắng duy trì sự quân bình, và ít lâu sau khi tôi được truyền chức, sáu em trai nhập chủng viện từ giáo xứ mà tôi đã được sai đến. Giám mục ghi nhận điều đó và yêu cầu tôi làm chủ tịch hội đồng ơn gọi.

Tôi không dám nói rằng việc sống độc thân chưa bao giờ là vấn đề đối với tôi. Không dễ để bỏ gia đình mình, nhưng tôi nhận ra rằng đó là một phần của ơn gọi mà Thiên Chúa đã ban tặng tôi. Vì điều ấy chính đáng cho Giáo Hội, nên nó cũng chính đáng với tôi. Một khi bạn phải lòng một người nào –trong trường hợp này là Thiên Chúa– thì không ai sánh bì được. Điều ấy cũng đúng với đời sống hôn nhân. Khi một người đàn ông gặp một phụ nữ rồi thật lòng yêu nàng, lúc ấy không khó để sống với lời cam kết trong hôn nhân bởi vì đâu còn ai sánh bì kịp với nàng. Tuần tới tôi sẽ tham dự hội nghị Vệ Binh Quốc Gia³ dành cho tuyên úy. Trong những dịp như thế các linh mục và mục sư thường hay thảo luận về đời sống độc thân. Lần hội thảo trước có một mục sư da đen nói với tôi: *“Thật lạ lùng về điều xảy ra khi các linh mục Công Giáo đến đây và vào nhà nguyện trong trại binh. Có một sự ngưỡng mộ tức thì dành cho họ. Họ được mời dự bữa ăn tối tại các gia đình mà họ vốn không quen biết.”* Điều đó là thật, và tôi nghĩ rằng đời sống độc thân có liên quan đến sự kiện ấy. Chúng tôi thuộc về và cũng là thành phần của mỗi gia đình vậy.

³ National Guard – cha tuyên úy Marciano đã được thăng cấp đại tá trong Air National Guard của tiểu bang Rhode Island.

Giai đoạn khốn khổ nhất xảy đến bởi một vài điều người ta buộc tội tôi qua truyền thông. Nó xảy ra vào tháng Ba năm 1993 khi tôi đang phục vụ giáo xứ Thánh Kevin. Lúc ấy tôi đã tới sảnh đường thành phố Warwick để dâng lời nguyện nhân lễ thánh Giu-se. Tôi trở lại giáo xứ sắp xếp vali để đáp máy bay đến Chung Viện Núi Thánh Mary⁴ ở Emmitsburg, nơi mà tôi sẽ giảng tuần phòng mùa Vọng cho các chủng sinh. Cô thư ký nói với tôi: *“Thưa cha, mời cha ngồi lại đã. Một trong những băng tần truyền hình Boston đã phát hình cha trong phần tin tức ngày hôm qua hai lần, và sáng nay lại phát hình nữa với cái tên ghi sai dưới bức hình. Đó là danh tính của một linh mục mà trước đây đã bị kết tội lạm dụng tình dục trẻ em.”* Tôi biết người ấy. Linh mục ấy lớn hơn tôi khoảng 10 tuổi, và tên gọi của ngài là Robert. Còn tôi thì giáo dân và bọn trẻ luôn gọi là cha Bob, và hầu hết họ còn không biết tên họ của tôi là gì. Thế là các cú điện thoại dồn dập đổ tới văn phòng xứ. Các em học sinh khóc lóc. Cha Bob đã bị bắt giữ rồi. Làm sao bạn có thể lấy lại những chiếc lông nhồi khi cái gối đã rách?

Đúng là một cơn ác mộng, và đây là một trường hợp hoàn toàn bất cần. Những cáo buộc về con người này đã xảy ra từ năm 1973 khi tôi còn học trung học. Dưới bức hình của tôi trong sổ niên giám của giáo phận có in năm tôi chịu chức là 1983. Khi bức hình được phát sóng lần đầu tiên, một bạn học ở Boston gọi vào đài truyền hình và nói cho họ biết là họ đã lầm lẫn về hình người. Câu chuyện lại được phát hình lần nữa, và anh ấy đã gọi họ lần thứ hai. Đường như họ chỉ xào lại những bản tin cũ bởi vì cần điền vào chỗ trống. Cuối cùng họ ngừng phát hình khi luật sư của tôi trao cho họ các sự kiện. Chúng tôi có bằng chứng được ghi lại là họ đã tiếp tục phát hình sau khi được báo lỗi. Lúc đầu họ nói là không

⁴ *Mount Saint Mary Seminary* - cũng chính là Mount Saint Mary's University trong vùng núi Catocin thuộc tiểu bang Maryland.

từng nhận được sự sửa lỗi nào. Sau đó họ thú nhận có nhận được báo cáo, nhưng đổ lỗi cho trục trặc kỹ thuật nội bộ. Tôi đã trình bày với giám mục. Ngài khuyên tôi nên yên lặng. Ngài bảo: *“Nếu cha kiện họ, cha sẽ bị bôi nhọ và tả tơi hơn nữa bởi các tin tức lập đi lập lại.”* Tôi thưa ngài: *“Không, con sẽ chấp nhận cái rủi ro khi bị đưa lên trước công chúng. Con muốn lấy lại danh tiếng của mình, và con muốn họ công khai rút lời lại.”*

Luật sư Peter McGinn và tổ hợp luật sư của ông ta rất hữu ích. Họ cho biết tôi có thể đòi hỏi bất cứ thứ gì tôi muốn, và tôi sẽ đạt được. Nhưng tôi không muốn trở thành triệu phú chỉ vì một người nào đó bất cần. Chúng tôi đã khởi tố. Tôi yêu cầu ba điều. Thứ nhất, đài truyền hình phải thực hiện một vài buổi phát hình đặc biệt về một số linh mục tốt. Tôi sẽ chọn các linh mục đó; họ sẽ làm phóng sự đặc biệt. Họ đồng ý và đã thực hiện một cuốn phim rất tuyệt về cha xứ đầu tiên của tôi, cha Blain, theo chân ngài với máy truyền hình. Họ cũng thực hiện một tiết mục về đời linh mục mang tên *“Làm Một Điều Khác Biệt.”* Thứ hai, tôi yêu cầu giám đốc đài truyền hình, không phải người cấp dưới, xin lỗi trước công chúng. Thứ ba, tôi yêu cầu một khoản tiền sẽ được sử dụng theo điều tôi muốn. Chúng tôi đã đạt được cả ba mà không một lời bàn cãi. Trong thời gian khởi tố và sau đó, sự hỗ trợ của mọi người thật đáng kể. Tôi có cả một túi thư *“Chúng tôi yêu mến cha,” “Chúng tôi không bao giờ tin điều ấy nơi cha.”* Tuy nhiên, tôi không thể để điều ấy xảy ra. Ba tôi đã đặt tên cho tôi. Ông là một con người thành thật và cần mẫn. Ông đã không phải xấu hổ vì cái tên ấy, và em tôi cũng vậy. Đài truyền hình sẽ không thể nhục mạ nó. Tôi muốn hồ sơ được rửa sạch.

Tôi tin rằng ngày nay linh mục phải là một con người của cầu nguyện; mọi chuyện khác đều phát lưu ra từ đó. Tôi phải biệt hẳn ra thời gian mỗi ngày, đi đến nhà thờ, và dành thời gian trước Thánh Thể. Linh mục là người mời gọi người ta sống thánh thiện, và thách đố họ sống cuộc sống tốt hơn. Để làm được như vậy, trước hết ngài phải gắn bó với việc cầu nguyện thường xuyên. Tôi nghĩ chúng tôi là tiếng nói của luân lý đạo đức được kính nể cuối cùng còn lại.

Linh mục là người mời gọi người ta sống thánh thiện, và thách đố họ sống cuộc sống tốt hơn. Để làm được như vậy, trước hết ngài phải gắn bó với việc cầu nguyện thường xuyên.

Một trong những điều tôi thích thú nhất về cuộc đời của mình là việc rao giảng. Tôi rất coi trọng sự kiện tôi có một cử tọa chịu trận mỗi ngày Chúa Nhật, và tôi bắt đầu soạn bài giảng vào cuối tuần trước khi giảng. Tôi dùng các câu chuyện và cố gắng đề cập đến các vấn đề hằng ngày. Khi ở giáo xứ trước đây, tôi có một mục trên tờ thông tin Chúa Nhật yêu cầu người ta gợi ý về các đề tài họ muốn nghe từ tòa giảng. Điều ấy đã thể hiện khá tốt. Có những vấn đề nóng bỏng, và chúng cần phải được thảo luận mặc dù chúng có thể chọc giận người ta. Có một lần tôi nói về chuyện phá thai. Một phụ nữ rất giận dữ đến nói với tôi: *“Cha không có quyền gì để bảo tôi muốn là một người Công Giáo tốt tôi phải phò sự sống.”* Tôi gõ bảng tên của mình đưa cho chị ta và bảo: *“Đây, hãy làm cha xír đi. Cứ nói về những vấn đề quan trọng đối với Giáo Hội xem. Đó là điều tôi vẫn đang làm, và khi tôi ngưng làm điều ấy, chị nên dẹp tôi qua một bên thì hơn.”* Chị ta đáp: *“Thôi chịu thua cha luôn, nhưng cha hơi cứng rắn về chuyện ấy.”* Và tôi trả lời: *“Nếu chị đến gặp một bác sĩ và ông ấy nói chị bị ung thư, nhưng không*

sao, chị vẫn được tiếp tục hút thuốc, tôi hy vọng chị sẽ chọn bác sĩ khác thôi. Nếu chị đến với một linh mục, và ngài bảo chuyện phá thai là xấu, nhưng KHÔNG SAO cứ việc thỉnh thoảng phá thai, vậy thì hãy kiếm cho được một linh mục mới đi.” Chị ta bây giờ là

Phá thai, ly dị, và những đề tài nhạy cảm khác không hẳn phải là những hạt sạn thường xuyên trong bài giảng, nhưng chúng cần phải được bàn đến, bằng không thì chúng ta không làm tròn bốn phận của người rao giảng.

người hỗ trợ tôi tích cực nhất, và đến dự lễ hằng ngày. Phá thai, ly dị, và những đề tài nhạy cảm khác không hẳn phải là những hạt sạn thường xuyên trong bài giảng, nhưng chúng cần phải

được bàn đến, bằng không thì chúng ta không làm tròn bốn phận của người rao giảng.

Chúng ta dường như đang bên lề của việc tự kiểm vĩ đại xem Giáo Hội chúng ta là gì. Tôi lạc quan về ơn gọi trong tương lai. Trong thập niên 60 và 70 chúng ta đã chênh mảng không mời gọi các thanh niên trở thành linh mục. Hiện nay tôi thấy những lời mời gọi đó đang được trải ra. Mỗi năm hai lần trong bài giảng, tôi nhấn mạnh đến bốn phận chúng ta phải cổ vũ ơn gọi. Chúng ta thường nghe rằng giáo dục Công Giáo miễn phí. Thật ra nó chưa bao giờ miễn phí cả. Nó luôn luôn đắt giá đối với các gia đình Công Giáo. Nhiều năm trước, các gia đình không những đóng góp tài chánh, nhưng còn thịt và máu họ nữa. Họ dâng hiến con trai, con gái họ để phục vụ Giáo Hội. Ngày nay, vì người Công Giáo đã ngừng không dâng hiến kho báu đó nữa, thành thử chúng ta có ít nữ tu và linh mục hơn để dạy học, khiến cho phải nâng học phí lên, đôi khi rất không may là nó vượt quá khả năng góp trả của nhiều người.

Các bài báo cho chúng ta biết có những người đồng tính trong chủng viện; một số bài còn nói rằng chủng viện đầy những người như vậy. Những bài sau này nói không đúng. Những bài trước thì không thành vấn đề. Bao lâu chúng ta còn kêu gọi con người làm linh mục, thì bấy lâu không tránh được một số người sẽ có khuynh hướng tính dục như thế. Giáo huấn của Giáo Hội khẳng định: Khuynh hướng không phải là tội; chiều theo xu hướng đó mới là tội. Những người giữ độc thân trong khuynh hướng đồng tính có cùng những bồn phận như những người độc thân trong khuynh hướng khác giới tính. Thực sự tôi có cảm thấy hơi nản lòng với các linh mục yêu một người phụ nữ nào đó, vậy mà rồi lại nói họ không bao giờ hiểu rõ đời sống độc thân. Ngay cả một chủng sinh cũng có tám năm tròn để giải quyết vấn nạn ấy, thời gian còn dài hơn cả khi một đôi hôn nhân dành ra để khám phá bản

chất của một lời cam kết lâu dài với người phối ngẫu của mình.

Đối với tôi, điều mà một số người gọi là thiếu hiếm linh mục

Gần như chúng ta đã đánh mất cái ý nghĩa tự trọng trong vai trò linh mục... Trước hết, linh mục phải thấy hạnh phúc trong ơn gọi của mình và hãnh diện về nó. Thứ hai, ngài cần phải chủ sự giờ phụng vụ với lòng cung kính, coi đó như một phương tiện đưa đến Đấng linh thánh.

dường như liên quan đến cuộc khủng hoảng căn tính. Gần như chúng ta đã đánh mất cái ý nghĩa tự trọng trong vai trò linh mục. Khi chúng ta lấy lại được điều đó, khi chúng ta lại cảm thấy tự hào về việc chúng ta là ai và được mong đợi phải là gì, thì cuộc khủng hoảng về ơn gọi sẽ được giải quyết phần lớn. Nếu các linh mục có được hai phẩm chất này, các thanh niên sẽ được lôi cuốn vào chủng viện. Trước hết, linh mục phải thấy hạnh phúc trong ơn gọi của mình và hãnh diện về nó. Thứ hai, ngài cần phải chủ sự giờ phụng vụ với lòng cung kính, coi đó như một phương tiện đưa đến Đấng

linh thánh. Các linh mục chúng ta có cơ hội trở thành dấu chỉ của sự mâu thuẫn đối với xã hội, hầu đại diện Chúa Ki-tô. Lý do người ta bước theo Chúa Giê-su là vì Ngài trội hẳn trong đám đông, không phải vì Ngài đi theo dòng xã hội. Một ngày nọ có người bảo tôi: *“Tôi nghĩ rằng linh mục các người quên mất năng quyền của mình. Chúng tôi mời linh mục tới bệnh viện, tới nhà chúng tôi, để cầu nguyện với chúng tôi, và chúng tôi coi các ngài như những con người đầy quyền năng với những ân đức hiếm quý để đại diện Chúa Ki-tô trong đời sống chúng tôi.”* Tôi cũng nghĩ là chúng ta phải chắc chắn rằng các linh mục được truyền chức rồi đều cảm thấy hạnh phúc và thỏa lòng trong công việc. Tôi mong muốn được thấy nhiều linh mục hơn nữa nơi các trường học. Đây chính là tiền tuyến cho các người trẻ và chính là nơi đầy năng lực vậy. ●

Linh mục

John F. Carney

Tijeras, tiểu bang New Mexico

Cha John Carney sinh ngày 25 tháng 6 năm 1946 tại thành phố Nữu-Uớc. Sau khi học trường Công Giáo suốt từ tiểu học đến đại học, tất cả đều ở New York, ngài đã trải qua 20 năm thành công trong quân đội Hoa-Kỳ. Sau khi giải ngũ, ngài đã học làm linh mục và được truyền chức năm 1991 cho Tổng Giáo Phận Santa Fe. Lúc được phỏng vấn cho tập sách “Những Cuộc Sống Phi Thường” này, cha Carney đang là cha sở giáo xứ Holy Child ở Tijeras, ngay phía đông của Albuquerque, đồng thời cũng là giám đốc ơn gọi của tổng giáo phận.

Ngoại diện trẻ trung của cha Carney khiến người ta không biết về một sự kiện là ngài đã hoàn tất một nghề nghiệp rồi. Ngài là một con người năng động, cảm thấy phấn khởi về sự hồi phục mà tổng giáo phận đã làm được từ khi bị mang tai tiếng, và đặc biệt là về sự gia tăng kỳ diệu các ơn gọi tại địa phương trong mấy năm vừa qua. Những thay đổi đột ngột đầy chấn động của những năm 80 và đầu thập niên 90 liên quan đến việc giáo sĩ sách nhiễu trẻ em và lạm dụng tình dục nói chung đã tìm được tụ điểm chấn động mạnh trong Tổng Giáo Phận Santa Fe, với 150 vụ kiện các linh mục. Cha Carney thuật lại câu chuyện một cách cởi mở và thành thực. Tổng Giám Mục Michael Sheehan của Santa Fe ghi thêm vào một số chi tiết nữa.

Chúng ta không thể nào hiểu được làm sao một người đàn ông đã được đào luyện trong binh nghiệp lại đi nhận cái công tác là giám đốc an gọi trong khi giáo phận đang bị cuốn trôi đi vì những cáo buộc về hành vi không nói ra được. Ở đây ta tìm thấy một chiều kích của chức linh mục hiếm thấy và cũng hy vọng là hiếm khi cần đến.

Cha mẹ tôi, vốn sinh trưởng ở Ái-Nhĩ-Lan, đến Mỹ cuối thập niên 1920. Họ gặp nhau và làm đám cưới tại Thành Phố Nữ-Uớc. Mẹ tôi giờ đã 85 tuổi và vẫn còn linh hoạt lắm. Bà dành các cuối tuần đến Tijeras ở với tôi, và người ta quý mến bà. Có một người mẹ sống trong giáo xứ làm cho giáo dân gặp cha sở dễ dàng hơn, tôi nghĩ vậy. Và các giáo dân đều rất tử tế, một phần là vì bà. Họ mang đến đủ thứ bánh trái sau các Thánh Lễ cuối tuần. Một Chúa Nhật nọ mẹ tôi bảo: “*Chắc là con đã làm cho người ta giận vì bài giảng của con.*” Tôi hỏi tại sao. Mẹ nói: “*Bởi vì sáng nay họ không mang đến cho con được lấy nhiều hơn hai hộp bánh.*”

Tôi là một học sinh khá ở trung học, nhưng lên đại học thì dở lắm, bởi chí thú quá nhiều về tiệc tùng, bia và phụ nữ trẻ, mặc dầu tôi đã xoay sở để vượt qua được và ra trường năm 1967. Tôi đã bắt đầu học mấy môn chuẩn bị cho y khoa, nhưng thấy là nó đòi quá nhiều bài vở, nên tôi ghi danh vào mấy lớp khoa học chính trị, vì ở đây, với ba tác lười lém lỉnh của tôi, tôi có thể luôn lách theo cách của mình qua các kỳ thi khảo.

Quân Đoàn Huấn Luyện Sĩ Quan Trừ Bị là một chương trình bị đòi hỏi phải học, và tôi thấy yêu thích nó liền. Lúc bấy giờ các lực lượng vũ trang đang tham chiến tại Việt-Nam, và tôi mong đến ngày được phục vụ trong quân ngũ tại đó. Ngày ra trường, tôi lãnh quân hàm Thiếu Úy, Sĩ Quan Bộ Binh trong quân đội chính quy, và rồi đã dành 20 năm kế tiếp trong quân vụ. Tôi đã đến một số các quân trường: bộ

binh, biệt kích, nhảy dù và những trường khác nữa. Sau đó tôi qua Việt-Nam một năm làm trung đội trưởng trong một đơn vị tác chiến không vận. Từ năm 1969 đến 1971 tôi làm Sĩ Quan Hành Quân, Đại Đội Trưởng, và trong nhiều chức vụ khác tại Đức trước khi trở lại Việt-Nam. Trong đợt nghĩa vụ lần thứ hai đó, tôi là cố vấn cho Quân Lực Việt-Nam Cộng Hoà. Khi phần đất phía bắc của Nam Việt rơi vào tay Cộng Sản ngày 30 tháng 5 năm 1972, tôi lại được điều qua bên Đức lần nữa. Sau đó tôi được bổ nhiệm vào chức vụ tuyển mộ tại University of Southern Colorado, rồi đến thụ huấn trong Trường Chỉ Huy và Tham Mưu¹ tại Fort Leavenworth, tiểu bang Kansas, là trường đào tạo sĩ quan tương lai cho cấp tiểu đoàn và lữ đoàn. Tôi ra trường ở đó năm 1980 và làm việc tại Ngũ Giác Đài cho Cơ Quan Tình Báo Quốc Phòng², cùng với Cơ Quan Tình Báo CIA, cung cấp tin tức cho Phòng Chiến Tranh (Trung Tâm Chỉ Huy Quân Sự Quốc Gia). Tôi có nhiệm vụ báo cáo cho các viên chức trong chính phủ, thỉnh thoảng cho cả Casper Weinberger, là Tổng Thư Ký Bộ Quốc Phòng lúc bấy giờ. Sau hơn ba năm, khi ấy đã thăng Trung Tá, tôi được bổ nhiệm làm sĩ quan hành chính cho một lữ đoàn ở Triều Tiên. Trong hai năm trước khi giải ngũ vào năm 1987, tôi làm cố vấn cho một Lữ Đoàn Phòng Vệ Quốc Gia ở Decatur, tiểu bang Illinois.

Mặc dầu tôi đã đi học trường Công Giáo cho đến đại học, đức tin của tôi vẫn không phải là trọng tâm trong đời sống. Tôi thuộc một hạng người có thể gọi được là thứ Công Giáo lười. Trong quân ngũ, tôi có ghi là Công Giáo Rô-ma trên tấm thẻ bài, và luôn luôn đi xưng tội rước lễ trước một trận hỏa chiến khi biết rằng tôi có thể tử trận –vừa đủ để có thêm một chút bảo hiểm. Song Thiên Chúa lúc ấy không quan

¹ Command and General Staff College.

² Defense Intelligence Agency hoặc DIA.

trọng gì lắm đối với tôi. Các hứng thú của tôi lúc bấy giờ là tiệc tùng, các bạn gái, xe cộ, tiền bạc và sự thành công về quân sự. Khi tôi khoảng 30 tuổi, cuối cùng tôi nhận ra rằng cuộc sống là cái gì đó còn hơn cả những thứ ấy, vì thế tôi lại bắt đầu đến nhà thờ. Tôi trở nên tích cực trong các xứ đạo nơi tôi sống và làm công việc tình nguyện cho các chương trình giáo xứ. Ban đêm khi tôi trở về trại sau một ngày giúp người, tôi cảm thấy khoan khoái lắm. Lúc ấy tôi chưa nhận ra, nhưng Chúa đã đang dùng tôi làm máng chuyển ân sủng của Ngài. Chúa hơi tùy tiện trong việc ban phát ân sủng Ngài, thành thử nó vương vãi tung tóe khắp nơi. Mỗi người đều nhận được chút ít, kể cả cái máng chuyển nữa. Chẳng bao lâu sau tôi tự nhủ: *“Minh không ngại làm công việc này suốt cả đời, nhưng làm cách nào đây? Hay là trở thành một linh mục chăng?”*

Tôi đã luôn luôn đặt các linh mục lên bệ cao. Tôi ý thức tình trạng tội lỗi của mình, và chẳng bao giờ nghĩ đến việc trở thành một linh mục. Tôi đã nghĩ rằng bạn phải là thực sự thánh thiện mới làm linh mục được. Hình ảnh đó cứ như vậy cho đến khi tôi gặp mấy linh mục trong quân đội. Họ không phải là những người xấu đâu, chỉ là người thôi mà. Họ là những người cũng có tội trong một vài khía cạnh nào đó, song họ là những linh mục tốt và vui tươi trong sứ vụ linh mục. Bởi thế, hóa ra những người mẫu của tôi về sứ vụ linh mục không phải là những vị thánh. Họ là những người bình thường vẫn có lỗi lầm, nhưng họ yêu mến Thiên Chúa và yêu thích làm linh mục. Tôi nhìn vào họ và nói: *“Được thôi, bởi vì bạn không cần phải là hoàn hảo để làm linh mục, có lẽ Chúa sẽ đón nhận tôi.”* Chúa đã nhận, và tôi dâng lời cảm tạ mỗi ngày vì ơn được truyền chức linh mục.

Tôi thích thú với việc phục vụ trong quân ngũ, nhưng còn thèm muốn một thứ gì đó cho cuộc đời hơn là quân đội.

Sứ vụ linh mục đã nằm trong trí óc tôi từ lâu, nhưng là một cái gì thứ yếu xa xôi so với các nghề nghiệp khác. Song bây giờ, cái ý tưởng đó đang trở nên thu hút hơn. Chị tôi và cha mẹ tôi đã di chuyển về New Mexico và yêu thích tiểu bang đó. Thật là một vùng trời tuyệt đẹp khiến tôi cũng muốn đến đó ở, vì thế, tôi làm đơn xin nhập Tổng Giáo Phận Santa Fe, và được chấp thuận.

Tổng Giáo Phận Santa Fe đã gặp nhiều rắc rối kinh khủng trong mấy năm vừa qua. Nếu bạn hỏi Đức Thánh Cha xem nơi đâu có vấn đề lớn nhất trong thế giới Công Giáo, nếu không bàn đến chiến tranh –có thể là Croatia– nhưng nói về sự diêm nhục, có lẽ ngài sẽ trả lời với một chút nhấn mạnh rằng: “*Đó là Santa Fe.*” Hàng tá linh mục đã sách nhiễu trẻ em và dây dưa vào những lem nhem khác. Chúng tôi vừa mới giải quyết xong hơn 130 vụ kiện, và còn nhiều vụ nữa đang được phơi bày. Tuy nhiên hiện nay chúng tôi đã nắm được đuôi. Chúng tôi đang có chiều hướng thăng tiến. Chúng tôi có đến 91 giáo xứ trong Tổng Giáo Phận, và tương đối chỉ còn ít linh mục khoẻ mạnh để phục vụ các xứ đạo đó. Hơn nữa, trong ba năm qua, chúng tôi đã mất đi hơn 30 linh mục. Khoảng 20 người trong số họ đã phải rời nhiệm sở và không còn có thể thi hành nhiệm vụ linh mục được nữa. Một số khác đã hồi tục vì họ không thích những thay đổi do vị tổng giám mục mới đặt ra, đặc biệt là yêu cầu của ngài rằng ai nấy phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Bởi thế, đây là thời gian thê thảm. Trong vòng gần một năm, bất kỳ hàng tít lớn nào trên báo chí ở Santa Fe đều nói về các vụ xì-căng-đan ấy.

Lần đầu tiên khi nghĩ đến chức linh mục, tôi thường nhắm mắt lại và mừng tượng ra New Mexico, mảnh đất Thần Tiên, và thường mơ đến chuyện rửa tội cho trẻ thơ, chôn xác người chết, và ăn loại ớt hiểm mà người ta mang

đến. Tôi sẽ chơi gôn, câu cá, và thưởng thức một cuộc sống dễ dãi. Dầu sao tôi cũng đang về hưu sau khi đã phục vụ trong quân đội. Nhưng Chúa có kế hoạch cho tôi mà tôi không biết. Giả như lúc ấy mà tôi biết được như bây giờ, có thể tôi đã không trở thành linh mục. Tuy nhiên, nói thế thì mắc cỡ chết. Tôi mừng là vì đã không biết trước các điều ấy. Tôi sẽ ghét những thứ gì cầm chân không cho tôi làm linh mục. Chúa mớm đồ ăn cho người ta bằng muỗng trước, sau đó thì thả bom cái rằm.

Bài sai đầu tiên của tôi là làm phó xứ tại xứ thánh Tô-ma Aquina ở Rio Rancho. Hai linh mục chúng tôi săn sóc 4.000 gia đình. Một năm sau, tôi được bổ nhiệm về xứ Holy Child ở Tijeras –làm cha xứ chỉ sau một năm làm linh mục! Thế rồi một năm sau nữa, toà tổng giám mục yêu cầu tôi nhận thêm nhiệm vụ làm Giám Đốc Ôn Gọi.

Xứ Holy Child lớn hơn người ta thấy. Chúng tôi có đến tám nhà thờ trong vùng này. Một linh mục và một thầy phó tế vĩnh viễn chăm sóc cho tất cả các nhà thờ ấy. Tôi ước ao có được một hai linh mục trẻ phụ một tay với giáo xứ, không phải để bớt gánh nặng cho tôi, nhưng là để làm việc với nhóm người cần sự lưu tâm của linh mục nhất: đó là các thanh thiếu niên. Khu vực này rộng khoảng 28 dặm từ bắc chí nam, và 12 dặm từ đông sang tây. Một số ngôi nhà thờ đã được xây từ nhiều năm trước, không có xứ nào ở đây trong vùng đồi núi cho đến năm 1962, và vì thế mỗi một cộng đoàn nhỏ người Tây-Ban-Nha tự xây giáo đường cho mình. Trước đây đã lâu, có một linh mục đến đó mỗi năm một lần vào ngày lễ bổn mạng. Ngài rửa tội các trẻ nhỏ, làm phép cưới, và làm phép các ngôi mộ trong nghĩa trang. Ngày nay, chúng tôi có năm đến sáu lễ dịp cuối tuần, rải rác khắp tám địa điểm này. Có nơi có lễ hàng tuần, có nơi chỉ có lễ mỗi tháng. Một họ lẻ nọ chỉ có lễ trong ngày lễ bổn mạng thôi. Thật ra, có vẻ khó khăn hơn thế. Mỗi ngôi nhà thờ là

một hạt kim cương nhỏ; mỗi họ lẻ có một chánh trương được bổ nhiệm, đây là người chăm lo cho họ đạo, họ làm nhiệm vụ thật tuyệt vời. Khi linh mục không có ở đây để dâng thánh lễ, người giáo dân tự đi viếng chặng đường thánh giá.

Tổng Giám Mục Michael Sheehan, đã từng là giám mục giáo phận Lubbock ở tiểu bang Texas, được bổ nhiệm về Santa Fe ba năm trước đây. Khi ngài ủy nhiệm tôi làm giám đốc ơn gọi, chúng tôi chỉ có năm chủng sinh trong toàn bộ chương trình. Hai người trong số họ bị yêu cầu rời chủng viện trong một thời gian ngắn. Xin nhớ đây là năm 1993, trước khi các vụ lạm dụng bị đưa ra trước công chúng. Bởi vậy, chuyện khan hiếm –chỉ có ba chủng sinh tồn tại– không phải là vì những vụ xì-căng-đan. Đó là một điểm quan trọng cần lưu ý.

Chỉ ba năm sau, chúng tôi có 23 chủng sinh, 19 người trong số họ học thần học hay dự bị thần học, bốn người học đại học. Như thế, vào cùng thời

Trước hết, thành thực mà nói, các linh mục của chúng ta đã không hề cố võ ơn gọi... Lý do thứ hai cho sự tăng triển: đó là trong thời buổi nhiều nhương, những người nam và nữ tốt lành mới nổi lên.

điểm mà những câu chuyện tai tiếng bùng nổ, chúng tôi đã có sự tăng triển đáng kể trong ơn gọi, hoàn toàn trái ngược với điều bạn nghĩ. Tại sao thế? Xin thưa một đôi lý do. Trước hết, thành thực mà nói, các linh mục của chúng ta đã không hề cố võ ơn gọi. Vị giám đốc ơn gọi tiền nhiệm của tôi đã rời bỏ hàng ngũ linh mục. Ngài là một linh mục không cảm thấy hạnh phúc. Ngài thú nhận mình không quý trọng chức linh mục dù rằng bốn phận của ngài là cố võ ơn gọi. Đúng là một chủ trương để mà thất bại. Thật ra chúng ta đã xua đuổi ơn gọi. Lý do thứ hai cho sự tăng triển: đó là trong

thời buổi nhiều nhương, những người nam và nữ tốt lành mới nổi lên. Sự kiện rõ ràng là những người xin gia nhập vào tổng giáo phận của chúng tôi ngày nay đều thực sự bị lôi cuốn bởi chính những xáo trộn đó. Như những thủy thủ, họ thẳm định rằng chúng ta cần “một số ít linh mục tốt lành.” Một số chủng sinh cho biết một trong những lý do khiến họ đến đây là vì họ muốn tiếp tay chấn chỉnh lại những gì đang đổ vỡ.

Giám đốc Chủng Viện Mount Angel là một linh mục tuyệt vời đã làm bao nhiêu chuyện kỳ lạ. Khi tôi bắt đầu công tác giám đốc ơn gọi, tôi nói với ngài chúng ta sẽ có 35 chủng sinh trong vòng năm năm. Ngài cười tôi: *“Này, cha John, đừng làm trò cười chứ! Đừng đặt ra mục tiêu mà cha không cách nào đạt tới được.”* Về sau hóa ra tôi nhầm thật. Chúng tôi sẽ không có 35 người, mà đúng hơn sẽ có đến 40 hay ngay cả 50 lặn.

Một niềm vui lớn lao tôi có được là thấy những thanh niên nhiệt thành trong chủng viện. Hai người trong số họ là bác sĩ, hai người nữa là luật sư. Chúng tôi có một bác sĩ 37 tuổi đã dành khá nhiều thời giờ cứu giúp những người nghèo. Một ngày kia anh ta thức giấc và tự nhủ: *“Tại sao mình lại không làm linh mục, khi ấy mình có thể làm công việc này toàn thời gian?”* Anh ta vẫn giữ bằng hành nghề. Anh ta sẽ có thể xức dầu thánh, cho vài viên thuốc trụ sinh, và rồi xé hoá đơn đi. Một trong hai luật sư sắp thừa hưởng thương vụ hình luật của thân phụ anh ở miền đông. Nhưng anh ta đã không nhận. Anh ta đang kề cận một cơ hội làm giàu, nhưng đó không phải là điều anh ta muốn cho đời mình. Luật sư thứ hai, trước đây là luật sư cấp quận, đã 40 tuổi rồi, nay đang học ở Rô-ma và cho tôi biết rằng: trong đời anh chưa bao giờ cảm thấy hạnh phúc như thế. Anh ta đang thăng hoa. Có một chủng sinh 48 tuổi từ giáo xứ này. Ngày nay một người học thần học lúc 28 tuổi được kể là hươu non đấy.

Tôi thách đố từng bạn trẻ đến nộp đơn xin làm chủng sinh. Tôi kể qua cho anh ta biết những vấn đề chúng tôi đang phải đối đầu. Rồi một khi tôi quyết định là mình đang có được một thỉnh sinh tuyệt hảo, thì tôi thử anh ta. Hy vọng là anh ta không chấp nhận, tôi đề nghị anh ta đến một giáo phận khác có ít vấn đề hơn. Mỗi khi tôi dùng chiêu bài đó, người ứng viên liền chống lại ý tưởng này. Và tôi bảo: *“Bạn có hơi khùng không đấy, ai lại đi học cho giáo phận Santa Fe chứ?”* Tôi thích cái phong cách mà người bạn trẻ gân cổ cãi lại tôi: *“Thưa cha, đó mới chính là lý do tại sao con muốn làm linh mục nơi đây. Con muốn để cho Chúa sử dụng con. Con muốn được dự phần vào việc giải quyết vấn đề. Con muốn tiếp tay chấn chỉnh lại những đổ vỡ, và con tin là mình có thể làm được.”*

Một số các thỉnh sinh của chúng tôi hiện đang học luật, y khoa hay nha khoa và đang ở bên bờ vực, song sự quyến rũ của việc làm ra nhiều tiền quả là sức thu hút mạnh đối với họ. Chúa đang thử thách họ, nhưng chúng tôi cũng đang cạnh tranh với các giá trị trần thế: tiền bạc, quyền hành, tiện nghi. Điểm then chốt cho họ suy xét là Tin Mừng sẽ an ủi người đau khổ. Chức linh mục mang lại niềm vui và sự an bình cho tâm hồn mà tôi không hề tìm thấy nơi nào khác, ngay cả khi tôi dần thân tích cực với Giáo Hội trong cuộc sống đời thường. Điểm nóng nhất để quảng cáo về sứ vụ linh mục là một linh mục hạnh phúc. Không ai lại đi gia nhập vào một tổ chức thê thảm cả.

Điểm nóng nhất để quảng cáo về sứ vụ linh mục là một linh mục hạnh phúc. Không ai lại đi gia nhập vào một tổ chức thê thảm cả.

Một hai năm trước đây, các giám đốc ơn gọi tu sĩ ở Hoa-Kỳ có tổ chức một hội nghị toàn quốc tại Albuquerque. Tổng giám mục Sheehan được mời dâng lời nguyện khai mạc, và tôi cũng tham dự với ngài. Hầu hết những người

tham dự đều là giám đốc ơn gọi cho dòng tu của họ. Bởi vì địa điểm của chúng tôi, nên hình thái tổ chức mang tính cách văn hóa miền Tây. Không có ai đeo cổ côn trắng cả, thành thử người ta nhìn tôi cách khôi hài vì thấy đeo cổ trắng. Đàn ông thì đội mũ cao bồi và đi giày ủng. Đàn bà mặc thời trang kiểu Annie Oakley và đi giày ủng cao. Thuyết trình viên chủ chốt là một nữ tu, xét theo những gì bà viết đã được xuất bản, thì bà không ưa gì các linh mục. Tôi tự nhủ: *“Đây là những người đến họp để tìm cách thẩm định các căn nguyên của việc thiếu ơn gọi ư? Cứ nhìn họ xem, chính họ đang làm nhụt ơn gọi.”* Và thế là tôi bỏ về. Về sau có một người đàn ông hỏi tôi tại sao không ở lại. Anh ta bảo: *“Sơ ấy đã hiệu triệu một bài thật tuyệt vời!”*

Tôi trả lời: *“Phải rồi, và tôi đánh cá là bà ấy đã xé tan xác giáo hoàng ra.”*

Anh ta đáp lại: *“Cha đoán đúng đấy. Sơ ấy không thể chịu nổi ngài, mà ai chịu nổi đây chứ?”*

Câu trả lời của tôi đại khái như sau:

Không lạ gì chúng ta đang gặp vấn đề. Một số người không tin vào việc mình đang làm. Và nếu một số người không tin vào nó, thì một số người sẽ chẳng bao giờ rao bán được cho ai khác hết. Bạn có thể tưởng tượng một người tuyển mộ lính lại đi ghét quân đội? Bạn có thể hình dung ra cảnh tượng mình đến một trạm tuyển mộ mà người ngồi đằng sau bàn giấy nói rằng: *“Anh muốn nhập bọn với chúng tôi à? Chắc anh đang đùa đấy. Đội quân này tệ khủng khiếp. Chúng tôi không thể nào chịu nổi viên đại tướng. Hắn là người bần tiện. Cả quân đội đều hỏng hết.”* Không lạ gì chẳng có lấy người nào ghi danh làm linh mục cả.

Mọi chuyện đang bắt đầu sáng sủa hơn trong giáo phận. Chúng tôi đã đi được một số bước cụ thể. Chúng tôi có một hội đồng duyệt xét với một đường giây điện thoại miễn phí. Bất cứ ai có điều gì khiếu nại đều được yêu cầu dùng đường giây đó gặp. Chúng tôi thuê bốn chuyên viên thẩm tra để làm công việc nghiên cứu và tìm cho ra các nạn nhân còn chưa được báo cáo, và tìm cách giúp đỡ họ. Chúng tôi cảm thấy có trách nhiệm với họ. Tổng giáo phận đã có nguy cơ phải khai phá sản, nhưng vấn đề đó đang được giải quyết.

Khi gặp thời buổi khó khăn, những chuyện tốt lại xảy ra. Giáo Hội này bây giờ đang quỳ gối. Chúng ta làm được nhiều việc tốt nhất khi chúng ta biết quỳ gối xuống. Khi

Chúng ta làm được nhiều việc tốt nhất khi chúng ta biết quỳ gối xuống. Khi Giáo Hội kiêu kỳ và cao ngạo, là lúc chúng ta không làm theo điều Chúa Giê-su đã làm: Ngài bước đi trên đời bằng hai đầu gối.

Giáo Hội kiêu kỳ và cao ngạo, là lúc chúng ta không làm theo điều Chúa Giê-su đã làm: Ngài bước đi trên đời bằng hai đầu gối. Mọi chuyện đã và đang thay đổi tận gốc rễ chỉ trong ba năm, và tôi cũng cảm thấy lạc quan. Chúng tôi đang trông chờ có 30 chủng sinh vào tháng Tám. Chúng tôi vừa thực hiện xong một khóa tìm hiểu cuối tuần, có 18 người nam tham dự. Hầu hết họ đang ở lứa tuổi 20, 30 và 40. Chúng tôi đang thấy các ơn gọi già hơn, những người mà một cách nào đấy phản ánh câu chuyện của chính tôi. Họ đã khởi sự theo một hướng đi và rồi nhận ra có cái gì đó còn thiếu vắng. Giờ đây họ muốn cống hiến cuộc đời còn lại cho Giáo Hội.

Khi tôi rời quân ngũ để vào chủng viện, lúc ấy tôi đang ngồi trên chóp của thế giới. Tôi đã từng yêu quý những sĩ quan mà tôi cùng phục vụ với họ, và tôi nghĩ: bây giờ thì tôi

đang gia nhập một quân đoàn tinh nhuệ của các linh mục. Hẳn sẽ còn tốt hơn nhiều. Nó đã không xảy ra kiểu đó. Niềm vui lớn lao nhất của tôi vẫn là được biết Chúa Giê-su, biết Ngài thâm sâu hơn trước khi tôi được truyền chức rất nhiều.

Mỗi ngày tôi đều thấy những phép lạ của sức mạnh Thiên Chúa thi thố trên nhân loại. Đó là niềm vui của tôi, được gặp Đức Ki-tô Phục Sinh qua dân Người, nhất là qua những người cùng khốn.

Tôi đã gặp Ngài trong nhiều cách thể khác nhau qua dân Ngài. Tôi gặp Ngài khi tôi xúc dầu thánh cho người sắp chết, và thấy được sức mạnh đức tin mà họ có khi đối diện với vĩnh cửu. Đức

tin của tôi đã thoát ra khỏi đầu và đang thấm vào trong trái tim. Mỗi ngày tôi đều thấy những phép lạ của sức mạnh Thiên Chúa thi thố trên nhân loại. Đó là niềm vui của tôi, được gặp Đức Ki-tô Phục Sinh qua dân Người, nhất là qua những người cùng khốn.

Các linh mục chúng ta có một ảnh hưởng lớn lao trên dân chúng, và chính là vì chúng ta hành động *trong bản thể Đức Ki-tô*. Người ta sẽ kể cho linh mục điều gì đang làm họ bối rối, những chi tiết kín mật nhất của đời họ. Điều ấy thật giống như lột bỏ hết khí giới. Thật khó mà tin được người đàn ông này hay đàn bà nọ lại đang nói cho tôi nghe những điều tuyệt đối kín mật mà họ chưa hề bao giờ thổ lộ cho một con người nào khác.

Tôi đã làm được gì khác biệt cho thế giới? Câu trả lời là một tiếng “có” không tự hào. Tôi đã từng có mặt đó với những người hấp hối, nghe họ xưng tội, và đem lại cho họ sự bình an khi tôi phó dâng linh hồn họ trong tay Thiên Chúa. Dầu tôi bất xứng, tôi biết rằng có những người hôm nay đang ở trên thiên đàng vì tôi đã trả lời “vâng” với sứ vụ này.

Thỉnh thoảng tôi nói với những người đang tìm hiểu ơn gọi làm linh mục:

“Cứ dành đủ thời giờ để quyết định, nhưng xin hãy quyết định, bởi vì có những con người ở đây đang chờ chết mà không có lấy một linh mục, có những người đang đói khát Bánh Hằng Sống. Mỗi ngày mà chúng ta không có lấy một linh mục cho những con người này, một số linh hồn sẽ hư mất. Các bác sĩ thì làm được điều khác biệt khi họ cứu mạng sống tạm bợ. Chúng ta cứu vớt cuộc sống vĩnh cửu. Không phải vì chúng ta xứng đáng làm điều ấy, song là Chúa làm việc qua chúng ta.”

Tôi cũng đã có những lúc gặp khó khăn trong đời linh mục, nhất là khi tôi chứng kiến những thảm kịch giữa những người dân của tôi mà chỉ có thể làm được đến ngần ấy cho họ. Tôi mới cử hành lễ an táng cho một phụ nữ 37 tuổi chết trong một tai nạn xe cộ, để lại ba đứa con nhỏ. Tôi ước chi mình có thể gỡ rối được chút gì và hàn gắn tất cả lại. Tôi ước sao có thể gọi La-za-rô đó ra khỏi mộ như Chúa Giê-su đã làm. Mỗi khi có niềm vui nào sâu đậm trong sứ vụ, thời tôi cũng sẽ gặp thấy nỗi phiền não tốt cùng. Làm như hai thứ ấy luôn đi song đôi.

Theo phán đoán của tôi, linh mục chẳng những phải cam kết toàn diện mà còn cam kết vĩnh viễn. Ngạc nhiên thay, sống cuộc đời cam kết lại là một lối thoát dễ dàng. Nếu bạn yêu thích một thứ gì song lại không cam kết với nó, thì mỗi sáng thức giấc bạn lại phải mất công nặn nghĩ cho ra cả vũ trụ. Bạn luôn luôn nhìn vào cái rốn của mình, thành thử cứ phải thường xuyên xem xét nội tâm. Tôi là một người đơn giản. Tôi thích quân đội và đã cam kết với nó đến 20 năm. Tôi đã từng yêu thích làm một người lính. Giờ đây tôi đang cam kết với một thứ vĩ đại hơn bội phần. Ngay cả muốn so sánh hai thứ đó cũng không được. Bởi vậy, tôi cho rằng cam

kết với một điều gì bằng cả linh hồn, tâm trí và con tim, và hết sức mình thì chính là giải phóng mình. Nó giải thoát bạn khỏi phải điên đầu tìm lại ý nghĩa cuộc sống mỗi giờ mỗi ngày.

Độc thân là một quà tặng đối với tôi, một món quà mà đến lượt tôi có thể trao tặng lại cho người giáo dân của mình. Không có người nào được truyền chức mà lại không có cơ hội để suy xét điều ấy cho kỹ lưỡng. Chúng tôi phải đối diện với nó mỗi tuần trong suốt bốn năm ở chủng viện. Nó là đề tài mặc nhiên của mỗi lần gặp gỡ trong buổi linh hướng. Nếu bạn thấy không kham nổi, thì cánh cửa lúc nào cũng rộng mở. Tôi đã nhận được vô số những hướng dẫn về cuộc sống độc thân còn hơn là 80 giờ huấn luyện trong Trường Nhảy Dù trước khi họ đạp tôi ra khỏi máy bay. Những ai lập gia đình không có được nhiều sự huấn luyện như vậy. Dĩ nhiên, độc thân chỉ là vấn đề thuộc kỹ luật, không phải là tín điều, nhưng tôi thực tình hy vọng là trong tương lai ít nhất chúng ta tiếp tục duy trì nó như là một lựa chọn tùy ý. Một số người nói rằng vì tất cả những vụ lem nhem tình dục, các linh mục nên lập gia đình. Điều đó không có nghĩa lý gì cả. Hầu hết những người lạm dụng trẻ nít đều là những người đã lập gia đình. Ở Mỹ có nhiều vụ loạn luân còn hơn là lạm dụng trẻ nít. Bởi thế, nếu chúng ta có những giáo sĩ lập gia đình, chúng ta lại sẽ có những vấn đề khác phải đối phó. Những ai móc nối vấn đề độc thân với những vụ tội tệ này cần phải được đối chất.

Tôi chưa hề gặp vấn đề thứ thiệt nào với hệ thống quyền bính. Có lẽ là nhờ những năm tôi sống trong quân ngũ. Tôi rất cảm thông với những vị được phong chức giám mục và rồi lạm dụng quyền bính. Ngay cả vị tổng giám mục trước đây của chúng tôi, người dường như từng có vấn đề với chuyên lãnh đạo, lại là người tôi yêu mến. Phải có ai đó cảm

đầu chữ. Chúa Giê-su biết rõ bản chất con người, và vì vậy Ngài đã đặt một người để làm đầu mọi chuyện. Thoạt tiên Ngài có 72 người, rồi 12, và rồi còn lại một. Ngài chấp nhận hệ thống quyền bính. Tôi đã làm việc với hai giám mục và thấy các ngài là những người trọng lý lẽ. Hai vị giám mục mà tôi từng làm việc với đều không cường bức hay hà khắc, chẳng bao giờ hô đồ hay bốc đồng. Các ngài là những người chân thành và cần mẫn. Các linh mục có vấn đề với quyền bính có thể là vì họ có các giám mục khác với giám mục của tôi.

Những vấn đề lớn của Giáo Hội dường như không đáng bận tâm lắm trên cánh đồng ở đây, nơi còn khối việc phải làm. Dầu vậy, tôi biết là còn có nhiều vấn đề phức tạp, và tôi không phải là người giải quyết chúng. Tôi chuyển giao cho các giám mục và các thần học gia. Tạ ơn Chúa tôi không phải là giáo hoàng hay giám mục. Tôi chỉ là một linh mục đơn giản, cho nên những vấn đề nan giải của Giáo Hội không làm tôi phải thức giấc giữa đêm khuya.

Những điều tốt đẹp trong Giáo Hội đang diễn ra phía trước. Chúng ta sẽ thấy chức linh mục tăng triển về số lượng, đào tạo vững chắc cũng như phẩm chất tốt. Thay đổi ngày nay diễn ra nhanh chóng hơn trước kia. Nhưng nếu chúng ta có được sự tăng triển về ơn gọi, thì tôi hy vọng là chúng ta sẽ chẳng bao giờ lùi lại cái thời mà các linh mục phải lo ôm giữ sổ sách, vẽ vạch sân bóng chày, hay phải trông chừng những buổi khiêu vũ cho đám choai choai. Khi nói chuyện với các chủng sinh, tôi bảo họ: *“Nếu có lúc nào*

Chúng ta không bị cạn kiệt vì làm việc quá mức, song cạn kiệt vì thiếu công việc lành mạnh, vì thiếu cầu nguyện, vì thiếu một cuộc sống quân bình, và vì thiếu giải lao để tái tạo. Tôi chưa hề thấy một linh mục nào sống đời cầu nguyện mà bị cạn kiệt cả.

đó bạn cảm thấy gánh nặng chồng chất, hãy xem lại những gì đang làm, và tự hỏi mình: ‘Tôi có cần phải được truyền chức để làm công việc này không?’ Nếu câu trả lời là không, thì hãy trao cho người nào đó để họ làm.”

Mỗi giáo xứ đều có đầy những người có tài sẵn sàng và sẵn lòng tiếp tay, bởi thế chúng ta không bao giờ phải lo sợ sẽ bị cạn kiệt. Chúng ta không bị cạn kiệt vì làm việc quá mức, song cạn kiệt vì thiếu công việc lành mạnh, vì thiếu cầu nguyện, vì thiếu một cuộc sống quân bình, và vì thiếu giải lao để tái tạo. Tôi chưa hề thấy một linh mục nào sống đời cầu nguyện mà bị cạn kiệt cả.

Có một điều giúp cho các chương trình của chúng tôi là sự thành công đem lại sự thành công. Chúng tôi tổ chức một buổi nướng thịt ở nhà của tổng giám mục vào tháng Tám. Khi các chủng sinh đến, họ thấy một nhóm đàn ông khỏe mạnh, hạnh phúc và vui nhộn. Đàn ông thường diễn tả sự quý mến nhau bằng cách chuyện vãn ồn ào. Khi các chủng sinh thấy người ta làm như thế, không thô lỗ, nhưng với nụ cười, họ đang thấy được đàn ông cư xử cho ra đàn ông.

Người ta muốn yêu mến linh mục, và sẽ yêu mến nếu họ được linh mục tạo cho lấy nửa cơ hội thôi. Bao lâu chúng ta cư xử với người ta bằng sự kính trọng, thì họ sẽ tin cậy chúng ta.

Những người giờ đây đang học cho tổng giáo phận trông giống những người đàn ông Mỹ có đủ các vết bầm, vết dập và mụn nhọt mà mọi đàn ông đều có.

Người ta hoan nghênh những biện pháp tích cực mà vị tổng giám mục đã thực hiện. Họ thấy rằng chúng tôi đã có lầm lỗi, song đang thành thực cố gắng chấn chỉnh lại trong một phương cách để chúng sẽ không bao giờ xảy ra nữa. Những người gia nhập chủng viện của chúng tôi không cần phải sợ rằng hình ảnh của linh mục đã bị quá hoen ố đến nỗi thiên hạ sẽ coi khinh họ. Tôi đeo cổ

côn trắng ở bất kỳ nơi nào tôi đến, và không có ai nhìn tôi soi mói cả. Người ta buồn lòng, giận dữ và thất vọng vì những gì đã xảy ra, song họ đã không bỏ Giáo Hội. Thực ra, người giáo dân đã đối xử dễ dãi với linh mục hơn là linh mục đối xử với giáo dân. Tôi chưa bao giờ được người ta đón nhận như bây giờ. Dĩ nhiên, chúng ta phải làm việc để được đón nhận như thế. Một lần kia khi tôi đang chuẩn bị lễ nửa đêm lúc còn là chủng sinh, một linh mục trong phòng áo cử phản nản về chuyện ngài làm việc quá vất vả ra sao, thế mà không ai yêu thích ngài cả. Cứ khoảng mỗi năm phút lại có người đến cửa mang quà cáp hay một tấm ngân phiếu. Ngài cảm ơn họ rồi phản nản tiếp. Vị linh mục ấy là một trong các vấn nạn của chúng ta. Người ta muốn yêu mến linh mục, và sẽ yêu mến nếu họ được linh mục tạo cho lấy nửa cơ hội thôi. Bao lâu chúng ta cư xử với người ta bằng sự kính trọng, thì họ sẽ tin cậy chúng ta. Thật hơi dễ sợ khi thấy người ta yêu quý và đón nhận linh mục của họ như thế. ●

*Tổng giám mục***Michael Sheehan****Santa Fe, tiểu bang New Mexico**

Tổng giám mục Michael Sheehan là người đứng đằng sau sự phục hồi kỳ diệu của Tổng Giáo Phận Santa Fe. Ngài tự nguyện ghi thêm ít ý kiến vào câu chuyện kể của cha Carney. Mặc dầu người ta có thể cảm nhận được cái áp lực khủng khiếp mà vị tổng giám mục đang lãnh chịu, song ngài biểu lộ ra bên ngoài rất ít sự căng thẳng hay lo âu. Ngài quả là một vị giám mục không vô tích sự, hoàn toàn trung thành với Giáo Hội.

Tôi đến Santa Fe ba năm về trước và đón nhận tổng giáo phận trong một tình trạng hết sức tồi tệ. Lờn bàn ra tán vào về các linh mục dấy dựa đến chuyện lạm dụng trẻ em và những lem nhem khác thì đầy dẫy trên các trang nhất của báo chí, và là tiết mục hằng ngày trên các đài truyền hình. Luân lý chưa có thời nào lại xuống cấp đến thế. Có đến 150 vụ riêng rẽ kiện Tổng Giáo Phận, và số tiền bồi thường được yêu cầu qua các vụ án này ngày càng tăng bội. Toà Tổng Giám Mục lúc ấy đang đối diện với việc khai phá sản.

Điều trước tiên chúng tôi phải làm là lấy lại niềm tin tưởng của quần chúng vào việc quản trị của mình. Chúng tôi gặp gỡ giới truyền thông, thảo luận về tình hình một cách thẳng thắn, không che giấu gì cả. Chúng tôi đặt ra một ủy

ban gồm các linh mục và giáo dân để thực sự tìm ra các nạn nhân và phanh phui những trường hợp mới. Ủy ban này gồm những người đã được huấn luyện chuyên nghiệp về luật pháp, y khoa và tư vấn. Dần dần công chúng ý thức được là chúng tôi có ý hướng đương đầu trực diện với vấn đề. Cùng lúc đó, chúng tôi cần phải giải quyết nguy cơ phá sản. Các công ty bảo hiểm không sẵn sàng để trả nhiều hơn một phần nhỏ xíu của những gì cần thiết cho việc giàn xếp ổn thỏa các vụ kiện. Hội Đồng Quốc Gia của các Giám Mục Công Giáo cung cấp sẵn một số luật sư được đào tạo cao cấp về việc khai phá sản để đại diện cho chúng tôi nói chuyện với các hãng bảo hiểm, và cho chúng tôi những lời khuyên giá trị hầu ngăn ngừa một sự suy sụp hoàn toàn về tài chánh của tổng giáo phận. Chúng tôi nhận được sự giúp đỡ từ ba nguồn khác nhau. Trước hết, chúng tôi kêu gọi sự đóng góp từ các giáo phận trên toàn quốc, và nhiều nơi đã đáp lời một cách tuyệt vời. Thứ đến, chúng tôi nhận được trợ giúp ít nhiều từ các hội bảo trợ. Cuối cùng, tôi gặp gỡ các linh mục chánh xứ trong tổng giáo phận, cho họ

Những chuyện kỳ diệu đã và còn đang xảy ra: các thánh đường đầy ắp người, tiền quyên góp tăng lên, và con số các chủng sinh của chúng tôi cứ tăng gấp đôi mỗi năm.

biết tình trạng tài chánh của chúng tôi, và đề nghị là nếu họ có được bất kỳ ngân khoản nào chưa dùng tới, thì họ có thể làm một việc đáng quý là chi ra những ngân khoản đó. Một cha xứ nọ

đứng lên tuyên bố: *“Thưa đức Tổng Giám Mục, con có \$100.000 chưa phải dùng đến; số tiền này là của đức Tổng.”* Cử chỉ đó đã bắt đầu một làn sóng, và chẳng bao lâu sau, các giáo xứ của chúng tôi góp lại được gần hai triệu Mỹ-kim từ các khoản để dành của họ.

Chúng tôi đã thanh toán được 137 vụ kiện rồi. Có lẽ sẽ còn nữa. Nhưng chúng ta đang bắt đầu nhìn thấy ánh sáng. Những chuyện kỳ diệu đã và còn đang xảy ra: các thánh

đường đầy ắp người, tiền quyên góp tăng lên, và con số các chủng sinh của chúng tôi cứ tăng gấp đôi mỗi năm. Các chủng sinh đều là những người tốt lành, những người Công Giáo không phức tạp, vui vẻ trong sự hiệp nhất với Giáo Hội hoàn vũ. Làm thế nào tất cả những chuyện đó xảy

Các chủng sinh đều là những người tốt lành, những người Công Giáo không phức tạp, vui vẻ trong sự hiệp nhất với Giáo Hội hoàn vũ... đó là một bằng chứng rằng chính Chúa Ki-tô đã khai sinh ra Giáo Hội.

ra được? Đối với tôi, đó là một bằng chứng rằng chính Chúa Ki-tô đã khai sinh ra Giáo Hội. Nếu không phải là Ngài, tổng giáo phận này đã đi xuống cống rãnh rồi. Đây cũng là dấu chỉ làm cách nào Giáo Hội đã lớn mạnh qua những khó khăn. Tôi xác tín rằng sự thăng thấn của chúng tôi trong việc hành xử các vụ kiện đã làm được biết bao điều tốt đẹp. Quả là một kinh nghiệm cực kỳ đau đớn, song cũng là một cuộc hành trình đức tin thật lạ lùng, ngoài tầm hiểu biết của con người. ●

VIII. HÃY CHỖI DẬY MÀ ĐI

Các Linh Mục Đã Thay Đổi Với Cái Nhìn Nội Tâm Mới

“Vậy đang khi ông đi đường và đến gần Đa-mát, thì bỗng nhiên có một luồng ánh sáng từ trời chiếu xuống bao phủ lấy ông. Ông ngã xuống đất và nghe có tiếng nói với ông: “Sa-un, Sa-un, tại sao ngươi bắt bớ Ta?” Ông nói: “Thưa Ngài, Ngài là ai?” Người đáp: “Ta là Giê-su mà ngươi đang bắt bớ. Nhưng ngươi hãy đứng dậy, vào thành, và người ta sẽ nói cho ngươi biết ngươi phải làm gì.”

– CV 9:3-6

Ai cũng biết chuyện kể về cuộc trở lại sâu sắc này của thánh Phao-lô. Không phải mỗi cuộc trở về đều tận gốc rễ như vậy. Song thường người ta sẽ trải qua một kinh nghiệm đức tin sâu xa và toàn diện. Hai linh mục kể lại “kinh nghiệm trên đường Damas” của cá nhân họ. Mỗi kinh nghiệm đều khác nhau, song cả hai linh mục đều khám phá trong khoảnh khắc bất chợt của nội tâm đó một hướng đi mới cho công việc tông đồ của họ khiến thay đổi tận gốc rễ cuộc đời họ. ●

Đức Ông

Thomas C. Brady**South Belois, tiểu bang Illinois**

Đức Ông Thomas Brady là một trong số những linh mục mà vị giám mục tin cậy, là người mà giám mục của ngài có thể trao phó những công tác khó khăn để giải quyết. Dù hết việc này đến việc khác chồng chất trên vai, ngài sẽ vẫn ân cần đón nhận từng công việc và hoàn thành một cách hiệu quả. Ngài không hề có khuynh hướng giữ riêng gì cho mình, và vì thế, ngài không đành lòng từ chối một gánh nặng nào dù có thể làm ngài kiệt sức. Ít ra, đó là cách ngài sống cho đến khi lòng quảng đại của ngài suýt nữa lấy đi sức khỏe và sự lành mạnh của ngài. Thế rồi, ngài đã trải qua một kinh nghiệm trở về làm biến đổi hẳn cuộc đời.

Cho dù một linh mục có tài và có năng lực mấy chăng nữa, một đôi khi ngài không nhận ra rằng quá nhiều công tác dồn nhận vì vâng lời có thể khiến ngài phải đốt cây nến đến cạn kiệt cả hai đầu. Điều lạ lùng ở vị linh mục làm việc rất hiệu quả này là nơi ngài toát ra một niềm hạnh phúc thầm lặng đến nỗi các linh mục quanh ngài thường nói: “Phải chi tôi có được những gì mà cha Brady đang có!”

Đức Ông Brady sinh tại Harvard, tiểu bang Illinois ngày 4 tháng 10 năm 1927, và thụ phong linh mục cho Giáo Phận

Rockford năm 1954. Ngài đang là cha xứ nhà thờ Thánh Phê-rô tại South Belois, tiểu bang Illinois.¹

Nhìn lại, tất cả khởi đầu với người anh lớn của tôi, người đã luôn mong muốn làm linh mục và dự định sẽ vào chủng viện khi anh ấy giải ngũ. Tôi còn nhớ đã từng giúp lễ với một người bà con là Phil O'Neill. Linh mục phó xứ lúc ấy là cha Fred O'Rourke gọi chúng tôi đến bên nói: *"Cả hai đứa tụi con có khi nào nghĩ đến chuyện làm linh mục chưa?"* Tôi trả lời: *"Dạ chưa. Tuy nhiên anh Bob của con sẽ là một trong số ấy."* Đêm hôm đó, hạt giống đã được gieo xuống, và tôi không tài nào xua đuổi cái ý tưởng đó ra khỏi đầu óc mình được.

Tôi viết thư cho anh lúc ấy đang ở trong quân đội, tâm sự cho anh ấy biết điều đang ám ảnh tôi. Lá thư bị trả lại. Anh ấy vừa tử trận ở Burma, khi ấy đang là sân khấu chính trị của Ấn-Độ. Cái chết của anh ấy càng làm tôi quả quyết vào chủng viện hơn bao giờ hết.

Khi hoàn tất chương trình trung học, tôi từ chối học bổng chơi banh tại DeKalb State Teachers College, và ghi danh vào Loras College tại Dubuque, tiểu bang Iowa. Trường Loras nhận tôi với điều kiện, vì điểm trung học của tôi tồi lắm. Tuy nhiên, bây giờ tôi đã có một mục tiêu, nên đã chăm chỉ học, và bản thân tôi cũng phải ngạc nhiên khi thấy tên mình trên bảng danh dự. Tôi chỉ mất hai năm đã học xong chương trình La-tinh bốn năm.

Sau đó, tôi vào Đại Chủng Viện Thánh Mary² trên

¹ Ngài đã về hưu từ tháng 7 năm 2004, song vẫn còn đang phục vụ giáo phận với tư cách là một trong các Chánh Văn Phòng cho đến bây giờ.

² *St. Mary's Seminary and University* – Chủng viện đầu tiên tại Hoa-Kỳ ở Baltimore, tiểu bang Maryland, sáng lập năm 1791 do các linh mục người Pháp thuộc Dòng Xuân-Bích; được Giáo Hoàng Pi-ô VII chuẩn nhận năm 1822.

Đường Paca ở Baltimore. Chiến tranh đang diễn ra, và nhiều học sinh bỏ về, một số nhập ngũ, số khác vào làm cho FBI³. Tôi được khuyến khích tham dự cuộc huấn luyện chương trình FBI, song tôi chọn ở lại chủng viện, và bốn năm sau thụ phong linh mục với người bạn cùng quê là Phil O'Neill. Nhớ lại nhờ đâu mà tôi và Phil đạt tới đích, tôi không bao giờ quên mời gọi các em giúp lễ đi tu.

Trước khi được truyền chức, có lúc tôi cũng nghi ngờ về ơn gọi của mình, nhưng sau đó thì không bao giờ nữa. Chưa một lần nào tôi thích cái ý tưởng rời bỏ sứ vụ linh mục. Đêm trước ngày chịu chức, tôi suy ngẫm lại cuộc đời mình. Tôi biết rằng mình phải hy sinh một số điều để trở thành linh mục. Tôi đã có hẹn hò và từng có liên hệ tình cảm nghiêm chỉnh với hơn một người thiếu nữ. Đó là những hướng đi khác, song cũng là hướng đi nguy hiểm. Cắt đứt những mối liên hệ ấy không dễ dàng chút nào. Dầu vậy, sự hy sinh sống độc thân vẫn là một trong những điều luôn luôn thu hút tôi tới sứ vụ linh mục. Và điều ấy chưa bao giờ là vấn đề đối với tôi. Nó liên quan trực tiếp đến chức linh mục nên tôi ít khi nghĩ tới nó. Tôi yêu quý trẻ nhỏ và đôi khi cũng thấy tiếc là không có con cái riêng mình, và không có ai đó để yêu quý một cách thân mật. Tuy vậy, buổi chiều hôm ấy tôi đã thề nguyện dâng hiến trọn vẹn cho sứ vụ linh mục, và tôi chưa bao giờ ân hận về quyết định này.

Sau ngày thụ phong, tôi được bài sai làm phó xứ cho cha xứ cũ của tôi tại Harvard, tiểu bang Illinois; sau đó tôi phục vụ thêm bốn năm ở nhà thờ Thánh Gia-cô-bê tại Rockford. Cả hai kinh nghiệm trên đều đáng kể, và hai cha xứ đều là những người tuyệt vời. Tôi bắt đầu gắn bó với Phong Trào Gia Đình Công Giáo, lúc ấy đang thịnh hành. Chúng tôi lập được 12 nhóm trong giáo xứ. Được thấy người giáo dân học

³ FBI - *Federal Bureau of Investigation*: Cơ quan tình báo của chính phủ Hoa-Kỳ đặc trách điều tra tội phạm trên đất Mỹ.

hỏi Kinh Thánh một cách sinh động và áp dụng vào đời sống của họ quả đã mở rộng tầm nhìn của tôi nhiều lắm.

Một ngày kia Giám Mục Lane gọi điện thoại cho tôi. Liệu tôi có muốn đi học trở lại, lấy một mảnh bằng, rồi về làm việc với các trường trung học địa phương? Tôi phân trần: *“Thưa Đức Cha, con thật sự thích công việc nơi xứ đạo, và con chưa bao giờ dứt giai đoạn khi còn đi học mà.”* Tôi thật là ngây ngô không nhận ra rằng quyết định đã được đóng ván trước rồi. Giám mục bảo tôi: *“Cha đến trường Notre Dame ghi danh ngay. Các lớp học bắt đầu Thứ Hai này.”* Thế là tôi đi học Notre Dame một năm và hai mùa hè để lấy bằng Cao Học điều hành trường ốc. Giám mục nài tôi ở lại học thêm để lấy cho xong bằng Tiến Sĩ, song lần này tôi từ chối kịch liệt. Và rồi tôi được cử về trường Trung Học Marian bốn năm, tại đó tôi dạy lịch sử và tôn giáo Âu Châu thời cận đại và làm giám luật. Hai năm sau, tôi được cử làm thanh tra. Sau khi hoàn tất bài sai Marian, tôi phục vụ sáu năm trong vai trò hiệu trưởng của Trung Học Boylan Central tại Rockford.

Trong khi làm việc với các trường trung học, tôi lấy một số môn tại Đại Học Loyola với một người đã gây ảnh hưởng lớn trong đời tôi, đó là cha Charles A. Curran, một nhà tâm lý thực nghiệm. Ngài đưa tôi vào con đường tâm linh thần bí hoàn toàn mới mẻ. Mọi điều tôi học về tâm lý từ nơi ngài đều có cả trong Kinh Thánh rồi, và ngài đưa ra ánh sáng một cách khéo léo. Thế là tôi học hết các lớp ngài dạy. Và vì các trường tôi đảm trách ở khá xa Loyola, tôi chuyển qua chương trình mùa hè, và lấy xong một bằng Cao Học thứ hai, lần này về giáo dục trong Đạo. Năm 1969, Giám Mục Lane đặt tôi làm Giám Đốc ngành Giáo Dục Người Lớn toàn giáo phận.

Tôi tưởng mọi vấn đề đã xong, thực ra mới chỉ bắt đầu thôi. Khi Giám Mục Lane qua đời, một linh mục trong giáo

phận là Arthur O'Neill được phong làm giám mục. Tôi nói cho ngài biết rằng, bất kỳ bài sai tôi làm gì, tôi vẫn rất muốn cũng được làm một số công việc với xứ đạo nữa. Thêm vào những công tác mà tôi đang đảm nhận, ngài đặt tôi làm Giám Đốc Giáo Dục. Công việc của tôi là tìm cách tập trung hóa chương trình trung học Công Giáo. Tôi cũng được cử làm Giám Đốc Nhân Sự, Đặc Trách Đào Tạo Tâm Linh, đồng thời làm cha sở một giáo xứ nhỏ ở Rockford, xứ thánh Phê-rô và Phao-lô. Sau đó tôi được yêu cầu đảm nhận trách vụ Chánh Văn Phòng và giám đốc nhà tĩnh tâm.

Một hôm tôi vừa huấn đức cho các bề trên những dòng nữ xong, vừa trở về và đang ngồi tại văn phòng chuẩn bị buổi gặp gỡ với hội đồng nghị viên tại khách sạn Faust, bỗng dưng tôi tưởng mình bị nghẹn tim. Tôi nghỉ ngơi một chút, rồi vào trong nhà uống một hai ly rượu nóng. Hôm sau tôi cảm thấy tệ hại hơn. Đầu tôi có cảm tưởng như sắp nổ tung ra. Tôi đi gặp bác sĩ, và ông ta cho tôi nhập bệnh viện. Khi xuất viện, tôi rơi vào trạng thái không chịu nhận là mình mắc bệnh. Tôi không thể nào đau ốm được. Còn quá nhiều công việc phải làm.

Giám mục gửi tôi đi Florida dưỡng sức. Ở đây tôi bị ngắt xỉu vì áp huyết cao. Thế là tôi bắt đầu uống (rượu) nhiều hơn một chút và chơi gôn nữa. Rồi có một cú điện thoại gọi đến nhắc tôi là phải thuyết trình tại Căn Cứ Không Quân Offut. Tôi lại bị xỉu lần nữa. Trong lúc hoảng hốt, tôi bay về nhà, uống ngay mấy viên an thần. Giám mục bước vào phòng làm việc của tôi, ngài quan sát tôi rồi ra lệnh: *"Cha sẽ không đi đâu hết. Phải tìm người thay thế."*

Câu chuyện chưa chấm dứt ở đó. Công việc thì ngập lên tận cổ, và cái cố tật của tôi là không thể từ chối bất cứ công tác nào được trao phó. Tôi nghĩ mình có thể đi trên mặt nước mà! Mới qua tuổi 40, mà tôi đã cảm thấy như thể là tôi chỉ còn có vài năm để hoàn thành bất cứ điều gì có thể làm cho

Giáo Hội, và tôi sẽ dốc hết khả năng. Song bệnh tình của tôi tiếp tục xuống cấp đến độ tôi không thể dâng thánh lễ được nữa. Mẹ tôi bảo thà mẹ thấy tôi chết còn hơn là nhìn thấy tình trạng của tôi hiện tại. Đến lúc nằm liệt giường, tôi mới bắt đầu nhận ra mình đã có thái độ rất sai lạc. Tôi nhiều tham vọng quá. Tôi đã không muốn một điều gì hủy hoại công việc của tôi trong Giáo Hội. Tuy nhiên, sau khi suy sụp hoàn toàn, tôi mới sẵn sàng đón nhận niềm vui lớn lao nhất trong đời – một kinh nghiệm trở về thực sự – còn quan trọng đối với tôi hơn cả việc chịu chức. Nó đã khởi đầu một cách khá hồn nhiên.

Đến lúc nằm liệt giường, tôi mới bắt đầu nhận ra mình đã có thái độ rất sai lạc. Tôi nhiều tham vọng quá. Tôi đã không muốn một điều gì hủy hoại công việc của tôi trong Giáo Hội. Tuy nhiên, sau khi suy sụp hoàn toàn, tôi mới sẵn sàng đón nhận niềm vui lớn lao nhất trong đời – một kinh nghiệm trở về thực sự – còn quan trọng đối với tôi hơn cả việc chịu chức.

Số là sau khi làm việc và học với cha Curran, tôi đã bắt đầu giúp tĩnh tâm. Để mở rộng kiến thức cơ bản và việc huấn luyện để giúp tĩnh tâm, tôi ghi danh học tại Loyola lấy bằng tiến sĩ cổ vấn giáo dục và tâm lý. Ít lâu sau đó, trong lúc giảng tĩnh tâm, tôi có

dịp gặp gỡ một số linh mục thuộc phong trào canh tân đặc sủng. Tôi đặt nhiều vấn nạn về chương trình đó. Một số linh mục được đặc sủng trong vùng gặp trắc trở, một ít đã rời bỏ chức linh mục. Tôi cho rằng các vị đó chỉ là một nhóm các người đạo đức quá độ. Một buổi tối nọ, vì tò mò, tôi đã đến tham dự một buổi họp trong vùng Loves Park. Người ta đứng lên nói về Chúa Ki-tô cứ như thể là một người bạn thân thiết, và rồi cầu nguyện tự phát nữa. Tôi ngạc nhiên, hơi cảm thấy sợ, nhưng cũng thấy đang học được điều gì phần

khởi lắm. Dầu vậy, tôi vẫn nghĩ không thích hợp với mình. Rồi tôi được mời đến dự buổi cầu nguyện ở một nơi khác. Người ta cầu nguyện, ca hát, nói tiếng lạ, ai cũng ôm chầm lấy người bạn bên cạnh. Cảnh tượng đó khiến tôi đóng cửa lòng lại, và tôi bỏ ra ngoài. Vài tuần lễ sau, tôi tổ chức tĩnh tâm ở Căn Cứ Không Quân McGuire. Sau một trong các bài giảng huấn, có người tiến lên gặp tôi nói: *“Thưa cha, hẳn là cha đã được chịu phép rửa trong Chúa Thánh Linh.”* Tôi hỏi vị tuyên úy xem điều gì đã xảy ra. Ngài bảo thành phần cốt cán đến dự buổi tĩnh tâm đều thuộc nhóm đặc sủng, và khi họ nghe tôi giảng, họ tưởng tôi là một người trong nhóm họ.

Trong giờ giải lao, tôi thăm hỏi mấy anh chị em nhóm đặc sủng và nhận thấy là họ đều dịu dàng, tử tế cả. Tôi bảo họ: *“Mấy người có được điều mà tôi không có, và nếu điều ấy tốt cho tôi và cho Giáo Hội, thì tôi cũng muốn có ơn ấy.”* Đêm hôm đó, họ phủ ngập tôi trong kinh nguyện, và tôi bắt đầu đọc các sách của họ. Khi tôi trở về nhà, một số bạn giáo dân hỏi tôi có muốn chịu phép rửa trong Chúa Thánh Linh không. Lần này tôi trả lời *“Có.”* Thế là họ kéo ghế lại cầu nguyện cho tôi. Tôi mong chờ một điều gì đó đầy quyền năng xảy ra, nhưng không cảm thấy gì cả, và tôi thất vọng lắm.

Sáng hôm sau khi tôi thức giấc, mọi sự đều khác lạ. Tôi không thể cắt nghĩa được, nhưng là lần đầu tiên tôi bắt đầu nhận ra Chúa yêu thương tôi chừng nào. Và tôi quy phục tình yêu đó, từ đấy, cuộc đời tôi không bao giờ còn như cũ nữa... Và từ đó trở đi, tôi bỏ hẳn mọi tham vọng, không còn gì quan trọng hơn ngoài việc làm linh mục và là một linh mục thật tốt.

Sáng hôm sau khi tôi thức giấc, mọi sự đều khác lạ. Tôi không thể cắt nghĩa được, nhưng là lần đầu tiên tôi bắt đầu nhận ra Chúa yêu thương tôi chừng nào. Và tôi quy phục

tình yêu đó, từ đây, cuộc đời tôi không bao giờ còn như cũ nữa. Dần dà, tôi lần ra khỏi lớp sương mù. Kinh nghiệm canh tân đặc sủng của tôi giúp áp huyết tôi hạ xuống. Và từ đó trở đi, tôi bỏ hẳn mọi tham vọng, không còn gì quan trọng hơn ngoài việc làm linh mục và là một linh mục thật tốt.

Có khá nhiều điều thay đổi trong tôi. Tôi thêm khát đọc Kinh Thánh. Tôi dự lễ an táng một linh mục, và tôi thề cầu nguyện cho vị chủ tế

Đúng là một kinh nghiệm trở về được cảm nhận sâu xa và biến đổi con người tôi tận gốc rễ, một sự bùng tỉnh đầy thần bí không tài nào giải thích được... Tôi sẽ không đổi những gì tôi đang lãnh nhận cho dù là để được trúng số hàng triệu đi chăng nữa. Giờ đây mọi thứ đều mang ý nghĩa riêng. Tôi có đôi mắt để nhìn xem và đôi tai để nghe mà trước đây tôi không hề có.

giảng thật hay mà trước đây hẳn là tôi chỉ ngồi đó và phê bình thôi. Đúng là một kinh nghiệm trở về được cảm nhận sâu xa và biến đổi con người tôi tận gốc rễ, một sự bùng tỉnh đầy thần bí không tài nào giải thích được.

Tôi cũng không trao tặng nó cho người khác được, song tôi cầu xin hằng ngày cho các giáo dân trong xứ cũng sẽ được cảm nghiệm như vậy. Tôi sẽ không đổi những gì tôi đang lãnh nhận cho dù là để được trúng số hàng triệu đi chăng nữa. Giờ đây mọi thứ đều mang ý nghĩa riêng. Tôi có đôi mắt để nhìn xem và đôi tai để nghe mà trước đây tôi không hề có.

Tôi nhớ lại có lần nói chuyện tại một giáo xứ sau khi được đổi mới trong ơn đặc sủng. Cha sở giới thiệu tôi nói rằng: *"Tôi mong ước có được điều mà cha Brady đang có."* Lần đầu tiên tôi nhận ra rằng những gì mà tôi đã cảm nghiệm qua phong trào đặc sủng đã thay đổi con người tôi hoàn toàn.

Về sau tôi khám phá ra có đủ thứ kinh nghiệm trở về: nào là Nghi Thức Nhập Môn Kitô Giáo Cho Người Lớn⁴, phong trào Cursillo, Gặp Gỡ Hôn Nhân, và cả Medjugorje⁵ nữa. Tất cả đều đem đến sự thức tỉnh. Mỗi một kinh nghiệm ấy dường như làm cho chúng ta chịu đựng người khác dễ hơn, tôn trọng họ hơn, và tử tế hơn. Ngày nay khi tôi lái xe mà có kẻ cản đường trước mũi xe tôi, tôi vẫn còn bị cảm dỗ suýt buột miệng nói “*Tránh đường ra, đồ ...@#&!!*” Và rồi tôi nhận ra rằng con người ấy cũng đang được liên kết với tôi qua Chúa Ki-tô. Mọi điều trước đây tôi biết qua tri thức, thì giờ đây đều trở nên thực hữu đối với tôi. Thánh Thể mang ý nghĩa hơn bội phần. Tôi chỉ muốn là một linh mục thật tốt theo khả năng tôi có thể làm. Nghe thì có vẻ cường điệu, song tôi phải học lắng nghe tiếng Chúa Thánh Linh, và sẵn sàng làm máng chuyển những chỉ thị Ngài dành cho tôi.

Tôi nhìn ra được nhiều dấu hiệu tốt lành của một cuộc phục hồi những giá trị cổ truyền mà Giáo Hội vẫn lưu giữ. Tôi nhìn ra sự thay đổi nơi các giám mục không còn luôn luôn vin vào giáo luật, song có sự thương cảm và am hiểu các linh mục và giáo dân của các ngài hơn. Nay chúng tôi có một linh mục trẻ nói về ơn gọi trong trường tiểu học, điều mà chúng tôi đã làm từ lâu lắm, và rồi lại bỏ bằng vì lý do nào đó. Tôi giảng về ơn gọi trong giáo xứ. Tôi ghi mấy lời nhắn trong tờ thông tin xin mọi người điền vào phiếu nếu họ biết bạn trẻ nào có thể sẽ làm một linh mục tốt. Sau đó tôi gọi điện thoại cho bạn trẻ ấy và xin em suy nghĩ về điều đó, không phải vì tôi cho rằng em có thể làm linh mục, mà vì cộng đoàn đều nghĩ như vậy. Khi nói chuyện với các sinh viên, tôi bảo họ nếu họ chọn làm linh mục, thì đó là đang bước vào một nghề nghiệp đầy lý thú, bởi vì chỉ có một ít

⁴ RCIA - *Rite of Christian Initiation of Adults* – xem ghi chú trang 307.

⁵ *Međugorje*, hay *Medjugorje*: xem ghi chú trang 60.

thời đại trong lịch sử khi mà giáo sĩ có thể làm được điều khác thường như thế trong đời sống người giáo dân. ●

Đức Ông

Charles Fortier

Los Angeles, tiểu bang California

Đức ông Charles Fortier, được quý mến gọi là Padre Carlos¹, là một con người khiêm tốn và giản dị, nhiều thành tích, song ít khi kể lại. Ngài thông thạo Anh ngữ, Pháp ngữ và tiếng Tây-Ban-Nha, đồng thời có kinh nghiệm làm việc cả với người Bồ-Đào-Nha. Ngài có cái giọng hơi khác thường kết hợp giữa tiếng Pháp, tiếng Canada và tiếng miền Nam, vì đã từng làm việc ở tiểu bang Louisiana. Tài năng về ngôn ngữ của ngài thật đã đưa ngài đi khắp thế giới, làm việc trong những chức năng về đời sống gia đình, mãi thị, và đời sống thôn dã nữa. Đức ông Fortier là một tấm gương của một linh mục mà đối với ngài, một khi đã chấp nhận, thì mọi trở ngại đều mở ra một con đường dẫn đến sự phục vụ lớn lao và những kinh nghiệm khác thường.

Những ai chưa có kinh nghiệm về một cuộc hoán cải đặc sủng có lẽ sẽ hơi ngỡ vực về việc làm sao có thể thay đổi đời sống một con người. Đây là câu chuyện của một linh mục đầy tài năng đã được đổi mới qua một kinh nghiệm trở về kỳ diệu sau khi được truyền chức.

Đức ông Fortier sinh ngày 2 tháng 1 năm 1919 ở gần thành phố Quebec, Canada, và được truyền chức linh mục ở Louisiana cho giáo phận Lafayette năm 1945. Ngài được gọi là một Hồng Y Nội Địa năm 1963 khi còn rất trẻ, và hiện đang

¹ Padre Carlos: “Cha Cạc-lô” tiếng Tây-Ban-Nha.

làm việc trong văn phòng đời sống gia đình của Tổng giáo phận Los Angeles.

Sau khi theo học các trường địa phương trong Tỉnh Quebec, tôi nhập chủng viện ở Thành Phố Quebec. Năm đầu tiên tôi không được điểm tốt trong các lớp, nên năm sau tôi phải ở nhà. Tôi đi học trường dịch vụ một năm, rồi ghi danh vào một khóa đặc biệt gọi là *Trường sứ đồ* ở Đại Học Lewis đi từ Thành Phố Quebec qua phía bên kia sông Saint Lawrence. Khi hoàn tất các chứng chỉ rồi, tôi làm đơn với Giáo Phận Amos miền đông quê, nơi mà gia đình tôi lúc ấy đang sống ở đó. Tôi được chấp nhận, và được gửi tới chủng viện Thánh Phao-lô ở Ottawa học thần học. Sau năm đầu tiên ở đây, người anh bà con mà tôi đã dự lễ truyền chức linh mục tạo cho tôi một cơ hội đi nghỉ hè với anh ấy ở Đại học Laval và lấy một bằng cấp về triết lý.

Tôi gửi bản sao lá thư của người anh họ cho giám mục, nhưng trong thư trả lời, ngài nói ngài muốn tôi nghỉ mùa hè với ngài. Ngài đưa ý kiến là nếu tôi đã đến một thành phố lớn rồi, tôi sẽ chẳng bao giờ trở lại cái giáo phận nhỏ bé Amos. Tôi trình diện ở văn phòng ngài tại Amos, nhưng ngài không có ở đó, mà suốt cả mùa hè tôi cũng chẳng gặp ngài. Ngài đã để lại chỉ thị là tôi phải đốn cây bằng tay ở Nhà Tĩnh Tâm Thánh Giu-se suốt mùa hè. Tôi cảm thấy đơn độc và quyết định là sẽ tìm một giáo phận khác sớm hết sức có thể. Mùa hè kế tiếp tôi làm việc với tính cách tư vấn ở Hồ Androscoggin tại Lewiston, tiểu bang Maine, với các linh mục dòng Đa-Minh. Tôi bắt đầu học chút ít Anh ngữ. Cuối mùa hè tôi nhận ra rằng mình có thể làm việc trong khu nói tiếng Anh của lục địa Bắc Mỹ như thể ở Quebec vậy, vì thế tôi tự nộp đơn cho các giáo phận Saskatoon và Winnipeg ở miền tây Canada. Tôi không bao giờ nhận được hồi âm của họ.

Thế rồi cha giám đốc chủng viện đề nghị tôi viết thư cho Lafayette thuộc Louisiana, nơi mà giám mục đang tìm linh mục nói tiếng Pháp. Tôi viết lá thư cho Giám Mục Jeanmard, được chấp thuận ngay lập tức, và học năm thần học cuối cùng ở New Orleans.

Nhiều bài sai tuyệt vời xảy ra sau đó. Giáo xứ đầu tiên tôi làm chánh xứ là Đức Mẹ Cứu Chữa Tức Thi² ở phía nam Lafayette. Hai tuần lễ sau khi tôi nhận chức, giám mục yêu cầu tôi lo cho tờ *Công Giáo Hành Động của Miền Nam*³, một tờ báo được phát hành trong Tổng giáo phận New Orleans cùng với một số giáo phận khác. Từ 1949 đến 1954 tôi là giám đốc dịch vụ địa phương. Tôi cũng được bài sai làm cha sở giáo xứ Thánh Genevieve⁴. Một thời gian ngắn sau đó, tôi được yêu cầu làm Giám Đốc Trung Tâm Thông Tin và Giám Đốc Truyền Thanh Truyền Hình của địa phận, đồng thời chịu trách nhiệm về các nghĩa trang. Đúng là một mớ hỗn độn!

Năm 1965 Tổng Giám Mục Cody của New Orleans tìm người tình nguyện tổ chức một dịch vụ hợp tác giữa Bắc và Nam Mỹ. Giám mục của tôi cho phép tôi nộp đơn vào vai trò này, và tôi được nhận. Ngày 15 tháng 6 năm 1965, tôi từ nhiệm tất cả mọi công tác trong giáo phận Lafayette và lái một chiếc xe mượn với tất cả hành trang đi New Orleans. Đêm hôm ấy trên đài phát thanh người ta nghe được thông báo là Tổng Giám Mục Cody vừa được bổ nhiệm làm Tổng Giám Mục Chicago. Thế là công việc mới của tôi bị dẹp bỏ. Trút hết mọi gánh nặng, tôi đi cùng với một người bạn cố tri là cha Al Sigur đến viếng Công Đồng Vatican, và tìm xem điểm nóng của thời đại lúc ấy là gì.

² Our Lady of Prompt Succor.

³ *Catholic Action of the South*.

⁴ Thánh nữ Genevieve là bốn mạng Paris, nước Pháp. Năm 451, Paris thoát khỏi cuộc tấn công của Thành Cát Tư Hãn nhờ chiến dịch cầu nguyện do thánh nữ khởi xướng. Lễ kính ngày 3 tháng Giêng.

Trong khi ở Rô-ma, tôi ghi danh vào Đại Học Gregorian. Mục trên tờ đơn chưa kịp khô thì Giám Mục McGrath của Panama tạo cơ hội gửi tôi đi cùng với cha Pablo Steele, một thừa sai dòng Scarboro từ Toronto, để dạy học cho các đối tác và tuyển mộ sinh viên cho một học viện được tài trợ bởi chính phủ Mỹ ở Panama. Tôi làm công việc đó 7 tháng, rồi trở về Philadelphia và bắt đầu làm việc với Khoa Mãi Thị Thực Phẩm của Học Viện Thánh Giu-se, bây giờ là Đại Học Thánh Giu-se. Tôi giúp thiết lập phân khoa mãi thị ở Rafael Landivar, một đại học của dòng Tên ở Thành Phố Guatemala. Trong thời gian làm công việc đó, tôi đã đi thăm hết các quốc gia vùng Trung Mỹ.

Ba năm sau, vào năm 1967, tôi trải qua vài tháng ở Bihar, Ấn-Độ, làm việc với các linh mục dòng Tên trong một phân khoa liên hệ lao động quốc tế, để thành lập phân khoa mãi thị. Năm 1971 tôi trở lại Chung Viện Notre Dame ở New Orleans. Tôi dạy học ở đó trong thời gian dọn bằng tiến sĩ qua tín chỉ học tiếp ở Đại Học Tiểu Bang Louisiana tại Baton Rouge.

Cha giám đốc chủng viện là Đức ông Al Sigur mà tôi đã biết từ năm 1944. Chúng tôi thân nhau như anh em. Chúng tôi cùng mua chung một chiếc phi cơ và còn lái máy bay qua cả Cuba. Đương nhiên ấy là trước khi Castro nắm chính quyền. Chúng tôi đã bay khắp nước Mỹ, Canada, và Mễ-Tây-Cơ. Đức ông Al là một nhà rao giảng đầy quyền năng

và một nhà lãnh đạo có đặc sủng. Một trong những nhu cầu chính yếu của một linh mục là phải giao thiệp tốt với bằng hữu của mình. Thật là quan trọng phải có

**Mỗi một trở ngại tôi gặp trên đường tu lúc còn là chủng sinh hay khi là linh mục đều trở thành ơn phúc lớn lao trong đời tôi...
Mỗi một lần bề trên đề nghị tôi hay sai phái tôi đến một nơi tôi không muốn đến, thì các vận hội mới và tuyệt diệu lại mở lối.**

một bạn thân, một bạn tâm tình, cũng là người linh hướng cho mình. Đối với tôi sợi giây an toàn cứu đắm ấy là đức ông Al. Tôi đã gặp lại ngài mới vài tháng trước đây. Sức khỏe ngài có hơi suy giảm, song ngài vẫn là người bạn như xưa, vẫn là người khích lệ của thời chúng tôi còn trai trẻ.

Tôi liệt kê hết các công việc và những di chuyển vừa kể trên để đưa ra một điều. Mỗi một trở ngại tôi gặp trên đường tu lúc còn là chủng sinh hay khi là linh mục đều trở thành ơn phúc lớn lao trong đời tôi. Những sự đối lập tôi phải đối diện đáng lẽ đã khiến tôi ra tồi tệ, nhưng chúng không làm được gì. Mỗi một lần bề trên đè nén tôi hay sai phách tôi đến một nơi tôi không muốn đến, thì các vận hội mới và tuyệt diệu lại mở lối. Khi Giám Mục Desmarais đối xử với tôi như ngài đã làm ở Amos, tôi lại tìm ra một cơ hội để làm việc ở Louisiana dưới quyền một Giám Mục tinh tế nhất mà tôi từng biết. Khi Tổng Giám Mục Cody cho biết chúng tôi không thể khởi sự Học Viện mà chúng tôi đã kế hoạch trên bảy tháng trước, tôi lại có được cơ may tham dự phiên họp cuối cùng của Công Đồng và khám phá các cơ hội ở Châu Mỹ La-tinh và Học Viện Thánh Giu-se ở Philadelphia. Khi tôi chịu trách nhiệm về các môn học tiếp cho New Orleans, Giám Mục Schexnayder kéo tôi ra khỏi xứ đạo của tôi. Vì ngài làm thế, nên tôi được tự do hai năm để điều hợp một chương trình cho các giám mục

Mỗi lần tôi đón nhận một quyết định nuốt không trôi, thì sự chấp nhận của tôi lại mở ra một quãng đường mới trong đời mình. Chúng ta thường nghe về các linh mục để cho quyền bính hạ họ xuống. Nếu các linh mục này chấp nhận quyết định của bề trên của họ, có lẽ họ sẽ ngạc nhiên và thích thú bởi điều sẽ xảy đến cho họ trong bài sai mới.

Hoa-Kỳ trong vùng thôn dã. Mỗi lần tôi đón nhận một quyết định nuốt không trôi, thì sự chấp nhận của tôi lại mở ra một quãng đường mới trong đời mình. Chúng ta thường nghe về

các linh mục để cho quyền bính hạ họ xuống. Nếu các linh mục này chấp nhận quyết định của bề trên của họ, có lẽ họ sẽ ngạc nhiên và thích thú bởi điều sẽ xảy đến cho họ trong bài sai mới. Chắc chắn đã xảy ra cho tôi như thế đó.

Năm 1978 tôi đến Des Moines, tiểu bang Iowa dự Đại Hội Công Giáo Quốc Gia về Đời Sống Thôn Dã⁵ để thiết lập một chương trình cho các linh mục, nữ tu và lãnh đạo trong các vùng thôn dã của cả nước. Một năm sau tôi bắt đầu làm việc với phong trào Gặp Gỡ Hôn Nhân Quốc Tế⁶, chủ yếu là bằng tiếng Tây-Ban-Nha. Nguyên năm đó mà thôi, tôi đã tổ chức 16 cuối tuần bằng tiếng Tây-Ban-Nha trong khu vực Los Angeles. Tôi rời khỏi chương trình Đời Sống Thôn Dã năm 1980 và di chuyển về Los Angeles để làm việc toàn thời gian cho phong trào Gặp Gỡ Hôn Nhân. Tôi được bổ nhiệm làm Phụ Tá Giám Đốc Đời Sống Gia Đình của tổng giáo phận, làm việc đặc biệt với người nói tiếng Tây-Ban-Nha trong việc chuẩn bị hôn phối. Trong những năm gần đây tôi làm việc chủ yếu với Gặp Gỡ Những Người Đã Đính Hôn và Tìm Lại⁷ (một chương trình tương tự như cho người đã ly dị); trong khi vẫn tiếp tục với Gặp Gỡ Hôn Nhân. Nhờ năng khiếu về ngôn ngữ, tôi có được cái ưu quyền tổ chức các cuối tuần trong 14 quốc gia khác nhau cũng như các buổi huấn luyện cuối tuần ở Tây-Ban-Nha, Úc, Tân-Tây-Lan, Canada, và những quốc gia thuộc Trung và Nam Mỹ.

Ít linh mục có được đặc ân du hành tới nhiều nơi như tôi đã được. Tôi vừa trở về Canada nơi tôi đã tổ chức khóa huấn luyện bằng tiếng Pháp cho các lãnh đạo của phong trào Tìm Lại. Tháng này tôi sẽ tổ chức những khóa tương tự tại La Paz, Bolivia và Trung Mỹ.

⁵ National Catholic Rural Life Conference.

⁶ Worldwide Marriage Encounter – xin xem ghi chú về Gặp Gỡ Hôn Nhân trang 65.

⁷ Engaged Encounter and Retrouvaille.

Có vẻ như tôi đánh giá quá cao về phong trào Gặp Gỡ Hôn Nhân. Có thể là như vậy, song tôi biết điều gì mà phong trào đó đã làm cho ơn gọi linh mục của tôi. Khi tôi từ Ấn-Độ trở về và tổ chức cuối tuần cho Gặp Gỡ Hôn Nhân, lần đầu tiên tôi nhận ra mình đã đi lạc quá xa ơn gọi của

Khi tôi từ Ấn-Độ trở về và tổ chức cuối tuần cho Gặp Gỡ Hôn Nhân, lần đầu tiên tôi nhận ra mình đã đi lạc quá xa ơn gọi của mình. Tôi đã dạy học và làm tiếp thị, mà không thực sự làm sứ vụ của một linh mục.

mình. Tôi đã dạy học và làm tiếp thị, mà không thực sự làm sứ vụ của một linh mục. Tôi dâng lễ hằng ngày và đã làm nhiều công việc hành chánh, mà hầu hết đáng lẽ có thể do bất cứ người giáo dân nào có khả năng làm. Tôi đã không sống điều mà tôi có thể gọi được là đời sống tư tế linh mục. Khi tôi gặp các cặp vợ chồng tuyệt vời đó trong những cuối tuần Gặp Gỡ, và thấy những cam kết của họ với nhau, với Giáo Hội, tôi bắt đầu định giá lại tôi là ai, ơn gọi của tôi là gì, và tôi phải làm gì để phụng sự Chúa Ki-tô và dân của Ngài. Nếu ngày nay tôi là một linh mục tốt, thì đa phần là do các cặp hôn nhân ảnh hưởng lớn trên tôi. Tôi đã từng khá kiêu kỳ, lúc nào cũng quá tự tin nơi mình, quá tự hãnh với các thành tích. Tôi đã từng là người dạy dỗ kẻ khác. Giờ đây tôi cho phép người ta dạy dỗ tôi. Và tôi đã học hỏi được rất nhiều nơi họ.

Kinh nghiệm được sự quảng đại của người giáo dân chắc chắn là một trong những bất ngờ chân thực của ơn gọi linh mục nơi tôi. Tôi tưởng tôi biết người ta đủ rồi, song tôi đã thay đổi quan niệm từ khi bước vào phong trào Gặp Gỡ. Ước nguyện của các cặp hôn nhân muốn dâng hiến chính họ và trở nên môn đệ Chúa Ki-tô thật tuyệt vời. (Đối nghịch sự quảng đại này với tính ích kỷ chung chung là tác phong của

văn hóa đương thời). Khi cử hành kỷ niệm 50 năm linh mục năm 1995, tôi trở lại giáo phận Lafayette. Ở đó tôi gặp những người con và cháu của các cặp hôn nhân mà tôi đã làm lễ cưới cho. Một cử hành khác được tổ chức ở thành phố Chihuahua, nước Mê-Tây-Cơ, nơi tôi đã thiết lập phong trào Tìm Lại. Chúng tôi đã dâng lễ chiều Chúa Nhật, và 50 trẻ em con của những người đã tham dự cuối tuần với tôi bước vào, mỗi em cầm theo một bông hoa hồng. Một cử hành nữa là ở giáo xứ quê tôi, nhà thờ Thánh Isidore của Dorchester

Nếu ngày nay tôi là một linh mục tốt, thì đa phần là do các cặp hôn nhân ảnh hưởng lớn trên tôi. Tôi đã từng khá kiêu kỳ, lúc nào cũng quá tự tin nơi mình, quá tự hãnh với các thành tích. Tôi đã từng là người dạy dỗ kẻ khác. Giờ đây tôi cho phép người ta dạy dỗ tôi. Và tôi đã học hỏi được rất nhiều nơi họ.

tại Quebec, và rồi một lần nữa ở Los Angeles, do bà Joan Vienner, xếp của tôi trong Văn Phòng Đời Sống Gia Đình tổ chức. Thật là tuyệt diệu. Có rất nhiều khoảnh khắc vui mừng trong đời

linh mục, song có ít thứ trong đời có thể so sánh với niềm vui của lễ Ngân Khánh hay Kim Khánh, được vây quanh bởi những người mà đời sống họ ngài đã đụng chạm đến cách đặc biệt, và bởi những người yêu mến Giáo Hội cũng như quý trọng chức linh mục.

Năm 1995, cùng với 27 linh mục khác từ Los Angeles, tôi đã đi hành hương Đất Thánh và Rô-ma. Trong một buổi diện kiến giáo hoàng, bởi đã được nghe về công việc tôi làm, ngài đã nói với tôi: *“Ta muốn chúc lành cho con và những cặp hôn nhân đã làm việc với con trong ơn gọi rất đặc biệt của con. Làm việc với các gia đình và với các cặp vợ chồng là công việc tông đồ quan trọng nhất trong Giáo Hội ngày nay.”*

Nhìn lại, tôi thấy Vatican II là một trong những điều tích cực nhất đã diễn ra trong thế kỷ này. Nhưng thay đổi là một điều không dễ đối phó, và đáng tiếc là một số linh mục và nữ tu chúng ta, ngay cả một số các báo chí Công Giáo, đã đọc sai ý định của Công Đồng. Thêm vào đó những cuộc tranh cãi liên tục và những chỉ trích bất kỳ ai có thẩm quyền, kết cục là sự mất

Làm việc với các gia đình và với các cặp vợ chồng là công việc tông đồ quan trọng nhất trong Giáo Hội ngày nay.

mất một số rất nhiều linh mục và nữ tu. Không một ai trừ Đức Thánh Linh biết được rồi đây sẽ có giải pháp nào. Sự độc thân đã bị quy trách vì sự mất mát đó, nhưng tôi hoàn toàn không chắc như thế. Nếu một linh mục thành thật với chính mình, ngài sẽ thú nhận rằng độc thân không phải là vấn đề. Một số người đã đề nghị truyền chức cho đàn ông đã lập gia đình. Tôi không phiền hà gì về ý tưởng đó cả. Khi làm mục vụ tôi đã từng thấy bí tích hôn phối trở thành một ảnh hưởng định hình trên nhiều người nam, khiến họ trở nên các tông đồ cho Giáo Hội. Vì cũng một lẽ đó, nếu có ngày nào phụ nữ được truyền chức, tôi cũng rất muốn rằng họ sẽ là những phụ nữ có gia đình. Tôi sẽ trân quý sự trở về của nhiều linh mục đã lập gia đình. Một số có thể làm công việc tuyệt đẹp, có thể là công tác đặc biệt trong các nhà tù. Mỗi linh mục trở về hẳn sẽ được đánh giá trên căn bản cá nhân. Nhưng trong khi chúng ta làm công việc đó, chúng ta cũng nên đánh giá lại các linh mục đang hoạt động trong giáo phận chúng ta, và các dòng tu nữa. Một số trong họ không làm tốt công việc như những vị đã rời bỏ chức linh mục. Các công ty và quân đội đánh giá các viên chức của họ định kỳ. Không phải là một ý tưởng dở khi Giáo Hội cũng nên làm như thế.

Khi tôi nói chuyện với các trẻ em về việc trở thành linh mục, tôi cho các em biết đây là một ơn gọi gai góc. Lúc tôi vào chủng viện, linh mục là một con người có đặc quyền. Bây giờ thì ngài là một tôi tớ khiêm tốn. Tôi nói với các thanh niên rằng nếu họ có thiện ý, nếu họ muốn dâng hiến cuộc sống phục vụ người khác, nếu họ có thể yêu thương và chăm sóc cho những người nghèo khổ trên thế giới, thì có lẽ họ có ơn gọi.

Tôi nhớ lại đã tổ chức một cuối tuần Gặp Gỡ ở Ba-Tây. Có bốn chị nữ tu trong cuối tuần này, và cả giám mục địa phận cũng có mặt. Ngài ngạc nhiên thấy tôi đã mời các nữ tu tham dự. Ngài bảo tôi là có lẽ họ không nên có mặt ở đây cuối tuần này. Ngài nói họ có thể sẽ trở nên rất thân thiện với các cặp vợ chồng đến nỗi tất cả sẽ muốn lập gia đình mất. Vào buổi chiều Chúa Nhật, các nữ tu chia sẻ với tất cả chúng tôi một sự thật là cuối tuần này chính là ân phước lớn lao nhất cho ơn gọi của họ. Họ kể lại việc kinh nghiệm tình yêu thương của những cặp vợ chồng này thật kỳ diệu biết bao, và điều ấy khuyến khích họ can đảm chia sẻ tình yêu thương của mình với các học sinh thế nào. Giám mục đã thay đổi tư tưởng về việc các chị nữ tu tham dự cuối tuần. Ngài tâm sự với chúng tôi là có đến 150 linh mục trong giáo phận ngài, và ngài lấy làm tiếc vì chưa bao giờ nói với một ai trong họ rằng ngài thương mến họ. Giám mục đó đã thay đổi chính mối tương giao với các linh mục của ngài sau cuối tuần ấy.

Có ai lấy làm lạ tại sao tôi ở lại với Phong Trào Gặp Gỡ không? Đó thật là một quà tặng cho chức linh mục của tôi! Và thật chức linh mục là một quà tặng tuyệt vời cho tôi vậy. ●

IX. ĐỂ NIỀM VUI CỦA CÁC CON ĐƯỢC TRỌN VẸN

*Những Linh Mục Sẽ Chọn Lại
Lần Nữa Y Như Thế*

“Chúa Cha đã yêu mến Thầy thế nào, Thầy cũng yêu mến anh em như vậy. Anh em hãy ở lại trong tình thương của Thầy. Các điều ấy, Thầy đã nói với anh em để anh em được hưởng niềm vui của Thầy, và niềm vui của anh em được nên trọn vẹn.”

– Jn 15:9,11

Rất thường, các linh mục mà chúng tôi phỏng vấn đều nói về niềm vui khôn tả mà họ tìm thấy trong ơn gọi, dù là trong công việc ngày này qua ngày khác của cha xứ, hay trong công việc của một mục vụ bất thường. Họ khám phá ra rằng việc hiến thân cho Thiên Chúa đem lại nhiều niềm vui hơn là họ có thể tưởng tượng được. Hãy nghe những lời họ kể. Đọc để thấy từng chi tiết. Cuộc đời của năm linh mục được nhấn mạnh ở đây, nhưng cũng một niềm vui, đôi khi được diễn tả bằng một giọng dịu dàng, đều thấy được trong chuyện kể của họ. ●

Đức Ông

John V. Sheridan

Malibu, tiểu bang California

Đức ông John V. Sheridan là một linh mục thuộc Tổng Giáo Phận Los Angeles. Là cha phó một giáo xứ, ngài chỉ thú đặc biệt trong việc tổ chức các bạn trẻ và đương đầu với các hoạt động băng đảng. Ngài là một chuyên gia trong nhiều lãnh vực truyền thông khác nhau. Là giám đốc của Trung Tâm Thông Tin Công Giáo trong khu buôn bán Los Angeles, ngài phát triển các chương trình truyền thanh và truyền hình, có thời khóa biểu nói chuyện thường xuyên về nền thần học hiện đại, viết bài trên báo, và là tác giả 10 cuốn sách lớn. Hiện ngài về hưu trong tư cách cha xứ danh dự của giáo xứ Đức Mẹ Malibu, là mái ấm của nhiều người Công Giáo làm dịch vụ giải trí. Các bức tường trong phòng làm việc của ngài treo đầy những bằng tưởng lệ và tuyên dương của tổng thống Hoa-Kỳ, tiểu bang California và thành phố Malibu. Có lần ngài được chọn là Người Cửa Năm trong thành phố Los Angeles.

Dầu câu chuyện của Đức Ông Sheridan hấp dẫn, và dù ngài là một người học rộng, chúng ta đừng quên nhìn tới mối liên hệ của việc ngài suýt phải vong mạng với việc kiên cường khả năng cố vấn cho người đau yếu, và sự thương cảm của ngài bằng bạc trong những bài nói chuyện và bài viết của ngài. Ngài đã viết một thẩm định thực tế về việc dân thân trong xã hội đương thời. Đức Ông Sheridan đã kết thúc bằng một đoạn văn toát lược rất ý nghĩa về chức linh mục.

Sự kiện tôi còn sống sót đến hôm nay vẫn là một trong những ngạc nhiên liên tục của tôi. Chẳng phải đơn thuần vì tuổi già, nhưng vì một điều đã xảy đến với tôi 60 năm về trước. Vào tháng 9 năm 1933, tôi ghi danh vào chủng viện học trình độ đại học tại Ái-Nhĩ-Lan. Rồi vào tháng Tư năm tiếp theo, tôi ngã bệnh với chứng nước trong phổi. Tôi phục hồi trong phòng bệnh của trường đại học và trở lại lớp học năm thứ hai đại học vào tháng Chín. Đến tháng 12 cùng năm ấy, tôi lại phải nằm bệnh viện thật bất ngờ, vì được chẩn bệnh là ho lao sưng màng phổi. Cuộc giải phẫu đầu tiên thành công, nhưng tôi lại trở thành nạn nhân cho cả một chuỗi những phức tạp về đường ruột, bị kể là thập tử nhất sinh. Đây là cuộc khủng hoảng lớn nhất trong đời tôi.

Tôi còn nhớ cha tôi và vị tuyên úy bệnh viện đứng bên cạnh giường tôi. Họ được các bác sĩ giải phẫu sai đến để cho tôi biết rằng tôi chỉ còn sống được ba ngày thôi. Họ phải phấn đấu lắm qua làn nước mắt để nói cho tôi biết nhận định của bác sĩ. Ở chặng đường đó của cuộc hành trình mà được cho biết rằng mình sắp phải chết, khi mà chung quanh tôi mọi chuyện đều rạng ngời sức sống, thật là khó đón nhận. Sự cần thiết hoàn toàn phải đối diện với cái chết, cái chết ngay trước mắt, với các quan năng sáng suốt nếu không bị chất morphine bắt đầu giảm thiểu cơn đau khủng khiếp của thể xác, là điều tôi không bao giờ có thể quên được. Bác sĩ ghi nhận như sau: *“Chất độc và sự tắc nghẽn đang hủy hoại từng khúc ruột mà mấy hôm trước đây dường như còn có thể cứu vãn được.”* Thế là hết! Toán cứu thương đã làm tắt cả những gì họ có thể.

Vị linh mục đề nghị tôi chuẩn bị phó dâng cuộc đời non trẻ của mình một lần nữa cho Thiên Chúa. Cha tôi, lúc nào cũng u sầu, ghi nhớ *“Con thật có phước vì thoát được bao nhiêu gian khó của cuộc sống, để hiệp đoàn với các thánh*

trên thiên quốc và cứu giúp gia đình con cùng bạn bè con dưới thế này.” Năm tháng qua, tôi thường nhìn vào trái tim mình để tìm lời lẽ hay sự thinh lặng nào khả dĩ mang được sức nặng của những điều tôi được nghe kể lại về buổi chiều hôm ấy, những lời nói hay sự câm lặng nào có thể bổ túc cho sự hiện diện của tôi đối với những người bị cuốn hút vào cùng một cơn lốc xoáy. Đứng đợi bên giường bệnh của người sắp chết, tôi đã kiểm tìm những lời lẽ thích hợp mà *đã không tìm ra được ngôn từ nào*. Chỉ cần hiện diện thôi. Ấy đã là tất cả. Chỉ một tuần trước đây, tôi được thấy gương mặt của một cụ già biến đổi khi ông được xúc dầu, loại dầu cho bệnh nhân, không ai nói lời

Đứng đợi bên giường bệnh của người sắp chết, tôi đã kiểm tìm những lời lẽ thích hợp mà đã không tìm ra được ngôn từ nào. Chỉ cần hiện diện thôi. Ấy đã là tất cả.

nào ngoài nghi thức bí tích. Linh mục chúng ta thường có kinh nghiệm về sự chấp nhận cuối cùng đó, về niềm hy vọng cơ bản ấy khi nó thay thế cho sự nghi ngờ và hoang mang. Song cho đến hôm nay, tôi biết rằng mình chưa bao giờ nói ra với lòng tin và sự hiệu quả của những lời nói từ miệng cha tôi và vị tuyên úy trong nhà thương đó 60 năm về trước. Vào lúc ấy, tôi đã chấp nhận cái chết thật hoàn toàn đến nỗi tôi sẽ chẳng bao giờ sợ chết nữa, cũng như tôi chẳng bao giờ có thể chuẩn bị tốt hơn cho sự khởi đầu của một mầm sống mới hơn là ngày hôm ấy.

Tuy nhiên, tôi chưa đến lúc phải chết đâu. Sau 18 tháng nằm bệnh viện, một vết lở trong ruột không lành, vài cuộc giải phẫu, và được xác nhận là ghiền morphine, tôi được cho phép về nhà để chờ chết. Các bác sĩ đều xác tín rằng chuyện phục hồi của tôi là việc không thể nào có được về phương diện y khoa. Vào một buổi sáng Chúa Nhật năm 1937, trong khi gia đình tôi dự thánh lễ, tôi quỳ gối xuống và trực tiếp xin Chúa cho một dấu chỉ của thánh ý Ngài là tôi nên hay

không nên áp ủ cái ý tưởng tiếp tục học để làm linh mục. Vết thương trong ruột của tôi đã liên tục chảy mủ trong hầu như gần ba năm rồi. Dấu hiệu mà tôi xin là vết lở đó sẽ lành trong vòng một tuần, và quả thực, nó đã lành thật! Chúa Nhật kế tiếp, mủ không còn chảy nữa, không còn cần phải rửa vết thương và băng bó nữa.

Trong tháng đó, tôi đã viết thư cho cha giám đốc chủng viện, và xin cho được thả nhận lại. Sững sờ với cái tin tôi được phục hồi, ngài yêu cầu tôi cung cấp cho ngài giấy chứng nhận của bác sĩ rằng tôi đã lành mạnh. Vị bác sĩ ký giấy chứng nhận đã kèm theo một ghi chú riêng cho tôi như sau:

“John à, tôi xác tín rằng có một Đấng nào đó vĩ đại hơn tất cả chúng ta đã dẫn dắt bạn tới mức này. Thật sự bạn không cần phải ở lại đây. Ruột của bạn từng giống như chất nhầy vậy. Nếu đây không phải là sự đáp trả cho lời cầu nguyện, thì hẳn cầu nguyện thật là vô nghĩa. Hãy biết ơn, làm việc của Chúa, hồi bạn trẻ, và cầu nguyện cho chúng tôi với.”

Tuy nhiên, hãy trở lại từ đầu. Khu đồng ruộng của vùng trung thổ Ái-Nhĩ-Lan nơi tôi sinh ra và lớn lên thì không xa nguồn cội của Sheridan lắm. Gia đình chúng tôi thuộc giòng họ cổ xưa và dễ dàng truy cứu, và gồm cả các linh mục trong mọi thế hệ mà chúng tôi có thể nhận ra. Chén lễ của gia đình tôi có khắc năm 1769. Chú bác, các ông chú, và các cụ kỵ đều cử hành thánh lễ với chén thánh đó, thường là trên những tảng đá làm bàn thờ ở Ái-Nhĩ-Lan, hay trong những hang trú ẩn nơi mà họ bị săn đuổi bởi những kẻ lùng bắt linh mục, những tay sai của cái chính quyền chống Công Giáo một cách cay nghiệt đã cai trị hòn đảo này từ nhiều thế kỷ qua.

Giống như rất nhiều người đồng hương, một số thành viên của gia đình cha mẹ tôi đến Mỹ để làm việc và tiếp tục

việc học vấn. Chú tôi, Joseph Sheridan, một chuyên viên kế toán ở New York, đã theo học làm linh mục tại thành phố Emmitsburg. Chú đã mất lúc làm cha xứ ở thành phố Birmingham, tiểu bang Alabama. Cha tôi làm việc cho công ty đường rầy Old Brooklyn-Manhattan (do ngựa kéo) và học ở Fortham. Cô Margaret của tôi, người con út trong gia đình, đã vào dòng Cát-Minh ở New York.

Một số thành viên khác của gia đình tôi đi học tại đại học Rockwell ở miền nam Ái-Nhĩ-Lan, do các cha dòng Thánh Linh¹ đảm trách. Hai người anh em của tôi học làm linh mục và gia nhập dòng đó. Như thế gia đình trực hệ của tôi gồm năm anh em trai và hai chị em gái đã tiếp tục truyền thống lâu đời của giòng họ Sheridan, kết quả là ba linh mục và một nữ tu.

Mặc dầu tất cả những bối cảnh đạo giáo kể trên, tôi vẫn tin rằng ảnh hưởng của mẹ tôi chính là điều định hướng chúng tôi về đời sống linh mục. Họa hoằn mới có một tuần lễ qua đi mà không có một trong các linh mục địa phương ghé thăm hoặc uống trà trong nhà chúng tôi, hầu như luôn luôn do mẹ tôi mời. Cha tôi là người góa vợ trước khi cưới mẹ tôi, nên ông lớn tuổi hơn mẹ nhiều. Ông là một người sống kín đáo, rất thông minh, có một cảm nhận sâu xa về sự hiện diện của Thiên Chúa, tính hài hước cổ hủ, mà cũng sâu muộn một cách lạ lùng. Mẹ thì hoàn toàn khác hẳn, bà hết sức quảng đại, hoạt bát và hăng hái. Ít khi nào nhà chúng tôi không có khách. Cha tôi gọi bà là *“món quà đặc biệt của Thiên Chúa, người vợ và người mẹ lý tưởng.”*

Mọi người trong môi trường tôi được nuôi lớn lên đều yêu mến và kính trọng linh mục. Họ mau mắn tha thứ cho cha xứ của họ về những yếu hèn và mỏng dòn của nhân tính. Cha mẹ tôi vui sướng khi thấy ba đứa con trai của họ trở nên

¹ Holy Ghost Fathers – xin xem ghi chú Dòng Thánh Linh trang 193.

thích thú với sứ vụ linh mục, song không hề áp lực chúng tôi đi theo hướng đó. Các ngài cảnh cáo riêng từng người về sự nguy hiểm của việc trở thành linh mục mà rồi sau đó lại không cảm thấy hạnh phúc. Nhiều năm sau, các anh tôi và tôi vẫn thường tự hỏi không lẽ các ngài đã biết một số linh mục nào đó đã rồi bỏ chức linh mục hoặc không hài lòng với cuộc sống của họ.

Lúc còn nhỏ, theo khuynh hướng tự nhiên tôi đã muốn làm một nông phu. Bầy ngựa, đàn bò, việc cày xới và rẫy cỏ, những mùa gặt, thảo nguyên và cây cối, những cuộc trao đổi giữa người lớn về việc dầy xéo của bầy ngựa, chuyện bò cái đẻ, và những hội chợ nông nghiệp... tất cả đều nói lên một lối sống mà một đứa trẻ hạnh phúc một cách hợp lý trong khung cảnh đồng ruộng sẽ lấy làm thú vị. Tuy nhiên, Giáo Hội và các linh mục đều dự phần khá nhiều vào cuộc sống của chúng tôi. Vị linh mục dạy học ở trường thăm viếng gia đình chúng tôi, và rửa tội cho các em trai và em gái của chúng tôi. Dầu còn trẻ như chúng tôi, chúng tôi đã lưu ý đến sự tử tế của ngài đối với người già cả, người đau yếu, và những người có nhu cầu đặc biệt.

Trường chúng tôi thường hay mời các nhà truyền giáo, hầu hết là những người đàn ông đã lớn lên trong làng xóm, để nói chuyện với các lớp lớn. Tụi trẻ chúng tôi có ấn tượng tốt với các vị ấy, và hay nói về chuyện đi Trung-Hoa, Phi Châu, Phi-Luật-Tân hoặc ngay cả Pháp. Đây là những ảnh hưởng đã quyến rũ tôi xa rời cuộc sống lý tưởng của một người nông dân và đến với lý tưởng của một linh mục.

Trong khi các thành viên khác của gia đình tôi đi học nội trú, tôi lại theo học trường La-tinh mà phần lớn các học sinh ở đó đều tiếp tục theo đuổi làm linh mục. Khi tôi ra trường, tôi đã quyết định xong là mình có một ơn gọi, hay ít nhất tôi sẽ thử cuộc sống ở một chủng viện rồi sau sẽ phán đoán lần chót về việc tôi thực có ơn gọi không.

Sau khi trải qua cơn bệnh thập tử nhất sinh, tôi trở lại chủng viện. Một hai năm sau tôi đến tiểu bang California học thần học và thụ phong linh mục tại Los Angeles năm 1943. Những năm tôi sống trong nội thành, ở nhà nguyện dưới khu phố và trung tâm thông tin thật đáng ghi nhớ. Tôi đã dấn thân trong nhiều lãnh vực để tiếp xúc với hàng ngàn người không đếm xuể: báo chí, truyền thanh, truyền hình, các khóa học hội và diễn thuyết, các lớp giáo dục người lớn, cổ vấn, giải tội suốt ngày, bảy thánh lễ mỗi ngày. Đây là việc mục vụ không ngừng nghỉ với các giới chức cao cấp, các viên chức hành chánh, người nghiện rượu, những kẻ sát nhân không cố ý, những người mà việc giải tội được thực hiện khi cùng họ bước trên vỉa hè là hình ảnh của Chúa Kitô giương cao một biểu ngữ: *“Cuộc hành trình khởi sự và chấm dứt ở đây.”*

Giờ đây trong tuổi bát tuần, tôi có thể nói được rằng chưa hề có một lần nào, ngay cả một khoảnh khắc nào, mà tôi lại hối tiếc vì đã làm linh mục. Tôi chưa bao giờ cho phép mình cái xa xỉ của việc sống trong một thế giới nào khác hoặc không thực. Không một con người nào thực sự dấn thân lại có thể có hơn một lối sống căn bản. Dĩ nhiên là tôi cũng đã nghĩ đến những lối sống khác, song tôi không thể hình dung có cách nào khác lại hấp dẫn hơn, thoải mái hơn, nhiều sáng khoái trong tâm hồn hơn đời sống của một linh mục Công Giáo. Tôi không biết có lối sống nào khác cho tôi có cảm tưởng rõ ràng hơn về việc mình được người ta cần đến hoặc có nhận thức sâu sắc rằng tôi đang là một khí cụ mang lại những ân phước thầm lặng, và niềm an ủi cho hàng ngàn người không kể xiết.

Tôi không biết có lối sống nào khác cho tôi có cảm tưởng rõ ràng hơn về việc mình được người ta cần đến hoặc có nhận thức sâu sắc rằng tôi đang là một khí cụ mang lại những ân phước thầm lặng, và niềm an ủi cho hàng ngàn người không kể xiết.

ngàn người không kể xiết. Đây là chưa kể đến các tội lỗi của tôi, những yếu đuối của tôi, và vô số những lần thất bại không trở thành mẫu người mà tôi mong muốn. Tôi nhận ra sự bất lực của mình không đạt tới được mức độ thánh thiện như nhiều phần tử khiêm tốn nhất trong đàn chiên của tôi, song như thánh Phao-lô, tôi không bao giờ hết hy vọng, không khi nào ngừng ý thức và đón nhận tình yêu vô điều kiện của Thiên Chúa. Đó là điều tôi rao giảng mỗi Chúa Nhật.

Khái niệm về sự cam kết ngày nay đã thay đổi tận gốc rễ, chẳng những trong hôn nhân và chức linh mục, mà còn thấy trong bất kỳ mối liên hệ cam kết ước nào. Tôi đã chứng kiến đôi lứa tan vỡ hằng ngày, và tôi cảm thương họ vô cùng; tuy nhiên, đặt mình vào hoàn cảnh của họ tôi có thể hiểu được. Chúng ta đã từng bị đặt vào điều kiện xã hội và triết lý để cam kết tạm bợ, và hoàn cảnh đó sẽ không thay đổi được trừ phi chúng ta tự điều chỉnh lại chính mình hầu đón nhận khả năng căn bản con người là chọn và giữ cam kết. Tôi biết vấn đề này phản ngược lại lối suy tưởng của phái hiện sinh đương thời, nhưng tôi nghĩ thế là đúng. Những người trong phong trào Nghiện Rượu Vô Danh² cho chúng ta một tấm gương để noi theo; họ lập lại lời cam kết của họ mỗi ngày. Đối với tôi, dường như bất kỳ sự cam kết nào cho được bao phủ sự quân bình của đời sống một người thì phải là loại quyết định cần được đối diện với nó trên căn bản mỗi ngày.

Ngày nay, việc người ta không có khả năng cam kết lâu dài không phải là phản ảnh của một sự ích kỷ. Đây là do một sự thay đổi xã hội trong đó chúng ta không còn coi việc cam kết vĩnh viễn nhất thiết là tốt. Đã có một sự thay đổi hơn là

² *Alcoholics Anonymous* (AA) – một hội tương trợ quốc tế sáng lập năm 1935 do Bill Wilson và Tiễn sĩ Bob Smith ở Akron, tiểu bang Ohio. Mục đích chính của hội là tránh rượu và giúp người khác cũng chừa được rượu như vậy. Hội viên lập lại 12 điều truyền thống mỗi ngày như tâm niệm để khuyến khích lẫn nhau.

sự giảm sút trong các giá trị của con người ta. Chúng đã được ghép cho một viễn ảnh khác. Chúng ta đã từng đặt giá trị cao trong việc ở lại làm cho một công việc hay với một công ty suốt đời. Một trong những điều thực tế xã hội hôm nay là sự kiện kỹ thuật tân tiến thay đổi quá mau lẹ đến nỗi trong vài năm người ta lại thấy làm một công việc khác thì tốt hơn.

Để tôi kể bạn nghe một kinh nghiệm tôi đã có được khoảng 25 năm trước đây. Hồi ấy tôi đã cạn kiệt, hoàn toàn mệt mỏi, bị suy sụp cả về tinh thần lẫn tâm lý. Cần phải có một cuộc tĩnh tâm và tôi đã đến Menlo Park. Trong tuần tĩnh tâm, tôi xin được thổ lộ với Tom, một người vừa là bạn tôi vừa là một linh mục tâm lý. Tôi xỏ hết cả tâm hồn ra với ngài. Ngài đưa cho tôi một cuốn sách mang tựa đề *Như Tấm Bánh Bị Bẻ Ra*³ do linh mục Peter G. Van Breemen đồng Tên viết. Vấn đề trọng tâm của cuốn sách là nhu cầu được đắm rề trong niềm hy vọng; nó đã thay đổi toàn bộ đời sống tôi. Tôi trở về là một con người mới, khởi sự viết cuốn sách của tôi về cái chết và cơn hấp hối mang tên *Và Khi Rạng Đông Đến*.⁴ Có thể nói được là tôi đã thấy mình đem vào mỗi chương sách một mức độ tin tưởng mới vào tình yêu không điều kiện của Thiên Chúa và Đức Ki-tô. Cuốn sách ấy đã được tái bản mấy lần, và nó được hoan nghênh bởi các hiệp hội ung thư và trung tâm giúp người ta chết bình an khắp cả Hoa-Kỳ. Đôi khi một kinh nghiệm trở về như thế này đưa chúng ta vào khuôn phép lại và giúp cho lời cam kết bản thân có ý nghĩa lại.

Vai trò của linh mục đã thay đổi khá nhiều từ khi tôi chịu chức linh mục. Chúng tôi đã từng có những cộng đoàn tu rất có sắc tộc tính, như những người Đức và người Ai-Nhĩ-Lan,

³ *As Bread That Is Broken.*

⁴ *And When It Is Dawn.*

nơi mà chúng tôi có một đơn vị xã hội người ta rất dễ nhận diện. Ngày nay có khá nhiều cá nhân chủ nghĩa. Chúng ta đang phát triển một thứ bộ lạc mới thay thế cho những nhóm sắc dân cũ. Và bởi thế, ngày nay trong khi về phương diện thần học vai trò của linh mục vẫn thế, chúng ta vì áp lực của hoàn cảnh phải là người xây dựng cộng đoàn và là người giúp dẫn lối hơn. Trọng tâm ơn gọi của linh mục ngày nay là phụng vụ. Nói vậy tôi không có ý nói là chỉ làm theo công thức, nhưng phụng vụ ở mức độ thâm sâu nhất, là công việc của Dân Chúa. Tôi ước gì

Phụng vụ đi xa hơn bảy bí tích nhiều. Nó hòa nhập thâm sâu với đời sống. Nó phải dẫn chúng ta đến mối liên hệ mới với môi trường, với con người quanh ta, và với chính chúng ta nữa.

các bí tích theo ý nghĩa truyền thống được nhấn mạnh hơn nữa, bởi vì phụng vụ đi xa hơn bảy bí tích nhiều. Nó hòa nhập thâm sâu với đời sống. Nó phải dẫn chúng ta đến mối

liên hệ mới với môi trường, với con người quanh ta, và với chính chúng ta nữa. Đồng thời chúng ta cũng phải nhấn mạnh sự nhập thể. Sự nhấn mạnh mới đây về sự hiện diện của Chúa Thánh Thần cũng là sự phát triển song đôi.

Ngày nay chúng ta nói rất nhiều về truyện giới trẻ có vai trò khá quan trọng. Đương nhiên họ quan trọng. Một số trong chúng ta, kể cả tôi, đã từng sống như vô thần trong một quãng đời nào đó lúc còn trẻ. Tất cả chúng ta đều trải qua những chặng đường đó, và chúng ta không thực sự mong đợi giới trẻ thấm nhuần một mớ tín lý khổng lồ. Nơi mà tôi thấy nhu cầu lớn cần được đặc biệt chú ý là những người trẻ vừa tới tuổi trưởng thành, nhất là những ai đối diện với các khủng hoảng như công việc bấp bênh, sức khỏe không khả quan, căng thẳng với mối quan hệ phụ thê. Những chặng đời họ đã trải qua thường khiến họ dễ đến với các bí tích. Ngày

nay có một điều tạo thêm khó khăn khi làm việc với tuổi trẻ là sự kiện băng đảng đã chiếm đoạt chẳng những vị trí của gia đình mà cả vị trí của Giáo Hội nữa. Đúng vậy, tôi thấy những người cần giúp đỡ nhất hiện nay là các gia đình và những người đang trải qua những chặng biến đổi trong đời. Về phía chúng ta, có một sự kiện là người ta đến với linh mục khi họ không đến với ai khác để được hướng dẫn tinh thần, mặc dù những người khác có thể còn thành thạo về những khía cạnh khác hơn nhiều.

Bài giảng vô cùng quan trọng trong đời một linh mục. Người ta yêu cầu chúng ta vẫn gọn trong các trình bày. Tiếc thay với sự kiện thiếu trường Công Giáo và quãng thời gian hạn hẹp người ta có được để tìm hiểu đức tin của họ, chúng ta cần nhiều bài giảng để giải thích hơn: chúng rất hệ trọng, và không thể nào giảng giải chỉ trong vài phút ngày Chúa Nhật. Nhưng ngay cả khi chúng ta không trình bày đủ, chúng ta sẽ thấy người giáo dân đói khát sự an ủi và niềm hy vọng, và đó chính là điều chúng ta có thể cống hiến cho họ trong bài giảng.

Những điều khó hiểu trong cuộc sống mang lại một sự ngạc nhiên; sự hiện diện của Thiên Chúa chẳng hạn, trong màn tối của toàn thể điều kiện của nhân loại và hoàn vũ. Sự hiện diện của Ngài là điều ngạc nhiên cố hữu của tôi. Tôi đã gặp những con người mà tôi đã cho là không có đức tin, thế mà họ đã khiến tôi ngạc nhiên về niềm tin của họ. Tôi cũng gặp những con người khác mà tôi đã cho là đức tin nông cạn, song họ lại trở thành cột trụ của Giáo Hội. Trong vài lần cử hành lễ, tôi đã gặp những người nói: *“Ô, thưa cha, cha đã làm cho chúng tôi những điều kỳ diệu.”* Chúng là những điều mà tôi còn không thể nhớ ra được. Tôi đã tạo ra một tập quán tạ ơn Thiên Chúa mỗi buổi sáng vì món quà sự sống.

Nói chung, thái độ đó mang theo sự ngạc nhiên và kinh ngạc đều đặn với sự kỳ diệu của nó. Tôi ngạc nhiên vì được liên lạc với Thiên Chúa và được Thiên Chúa làm cho phấn khởi.

Để tôi kể cho bạn nghe một thí dụ về một kinh nghiệm lớn lao mà tôi có được với một người anh em linh mục. Anh ta đã biết yêu một cách cuồng nhiệt; nàng là một người con gái khỏe mạnh và xinh đẹp. Họ đến bàn luận với tôi. Tôi đã dành một thời gian khá dài cho họ, và cuối cùng tôi đã đã thông được với anh ta, và cho anh ta thấy anh sẽ mất mát những gì khi rời bỏ chức linh mục. Anh ta đã ở lại, và hiện nay đang làm một công việc tuyệt vời cho tổng giáo phận.

Trong số nhiều điều tốt đang xảy ra cho chúng ta có sự kiện Giáo Hội đang tiến vào thời đại hiệp nhất. Và chúng ta đang thực hiện điều này mà không làm tan loãng hay vô hiệu hóa những thực tại cơ bản của đức tin –như sự nhập thể, ơn cứu chuộc, và sự diễn tả có tính cách bí tích về mối tương quan với Đức Ki-tô. Rồi sẽ đến lúc chúng ta phải thỏa thuận với Giáo Hội Chính Thống, một bước tiến không dễ dàng gì. Chúng ta thì nhấn mạnh khía cạnh pháp lý của sự việc; họ thì nhấn mạnh khía cạnh thần bí của linh đạo. Một trong các

Chúng ta đang tiến dần về một Giáo Hội hoàn vũ hơn, một Giáo Hội bao gồm những văn hóa khác nhau.

nan đề của chúng ta, là qua sự bó buộc của lịch sử, chúng ta đã cơ cấu hóa linh đạo và tôn giáo, còn người ta thì lại không muốn thuộc về một giáo hội có cơ cấu. Dĩ

nhiên, chúng ta phải có một hệ thống cơ cấu –không có cách nào khác– song tôi nghĩ rằng chúng ta đang tiến dần về một Giáo Hội hoàn vũ hơn, một Giáo Hội bao gồm những văn hóa khác nhau. Thí dụ, việc nhập thể có thể áp dụng dễ dàng vào một nền văn hóa đã sản sinh ra Ấn-Giáo và Phật giáo,

cũng như một nền văn hóa hoạt động từ một bối cảnh luật lệ như Do-Thái giáo. Chúng ta phải phát triển một nhãn quan ngày càng hoàn vũ hơn, bao quát hơn về thế giới của Thiên Chúa. Điều này không có nghĩa là chúng ta sẽ phải chối bỏ những sự thật hiển nhiên của căn bản Tây Phương của ta. Nó có nghĩa là chúng ta cần phải cởi mở đón nhận niềm tin của người khác.

Chúng ta phải phát triển một nhãn quan ngày càng hoàn vũ hơn, bao quát hơn về thế giới của Thiên Chúa... Nó có nghĩa là chúng ta cần phải cởi mở đón nhận niềm tin của người khác.

Tôi muốn rõ ràng về điểm này: Ngày nay Giáo Hội không bị tổn thương nặng nề. Người ta cũng không thực sự mất niềm tin của họ. Có thể họ đã mất niềm xác tín vào một giáo hội cơ cấu. Trong quá khứ, chúng ta đã quá bảo thủ, luôn luôn nhìn về phía sau xem ai là kẻ lạc đạo. Tất cả những thứ đó đang thay đổi, và đó là lý do tại sao tôi nghĩ rằng đây là một thời điểm tuyệt vời cho một người bạn trẻ nghĩ tới chức linh mục. Có những thử thách lớn lao Giáo Hội phải đương đầu, và những cơ hội cũng lớn lao để hợp tác với tín đồ của niềm tin khác. Đúng vậy, chúng ta đã từng có những vụ ì xèo, và thật là đau lòng. Song chúng có gây đau đớn nhiều như chúng ta giả định không? Một vị giám mục Ái-Nhĩ-Lan nọ có vấn đề chè chén say sưa dường như bị si nhục đến tận cùng bởi truyền thông và bởi cộng đồng. Ngài đã tổ chức một cuộc họp báo và nói với giới truyền thông hãy về nhà và suy xét lại lương tâm của mình. Ngài nói: *“Mấy người đang xé tan cái Giáo Hội đã giáo huấn các người.”* Dầu có những vụ ì xèo, người ta dường như vẫn biết những linh mục tốt và tin tưởng các ngài. Họ nói: *“Phải, tôi biết những bác sĩ gian lận, song không phải bác sĩ của tôi. Tôi biết những luật sư bóp méo luật pháp, nhưng không phải là luật sư của tôi. Tôi biết các linh mục đã không trung thành, song không phải linh mục của tôi.”*

Cha Bill Kerze, cha sở của giáo xứ ở Malibu mà tôi đã từng phục vụ 25 năm, nói với tôi mới đây sau thánh lễ chiều: *“John này, thật là một ngày bận rộn cho tôi, song là một ngày tốt.”* Hôm ấy ngài đã chủ sự một lễ rửa tội, hai lễ cưới, một lễ an táng và một lễ giỗ. Tất cả những chuyện đó diễn ra bên cạnh việc cố vấn cho một số cá nhân. Chúng ta có hàng ngàn linh mục, tôi chắc chắn như vậy, mà cuộc sống cũng bận rộn, cũng chiêm niệm, cũng thỏa lòng như cuộc đời cha Bill. Có hàng ngàn người không kể xiết, mà nếu họ thực sự biết được đời sống của các linh mục như chúng ta biết, hẳn họ sẽ tham gia vào hàng ngũ chúng ta ngay bây giờ thôi.

“Hãy nhìn quanh bạn và xem thế giới đầy đầy các linh mục, song trong mùa gặt của Chúa, một người lao công thực khó tìm. Bởi vì mặc dù chúng ta đã nhận làm linh mục, chúng ta đã không hoàn tất những đòi hỏi của chức vụ ấy.”

Chính Thánh Giáo Hoàng Gregory Cả (540-604) đã phải đối diện, không phải với sự thiếu linh mục, song là sự giảm sút việc dân thân của linh mục trong thời đại của Ngài, và thốt lên:

“Hãy nhìn quanh bạn và xem thế giới đầy đầy các linh mục, song trong mùa gặt của Chúa, một người lao công thực khó tìm. Bởi vì mặc dù chúng ta đã nhận làm linh mục, chúng ta đã không hoàn tất những đòi hỏi của chức vụ ấy.”

Ai sẽ nói rằng các linh mục và Giáo Hội của chúng ta ngày nay lại không ngàn lần tốt hơn thời của giáo hoàng Gregory? Bởi thế, hãy vui mừng lên. Hãy hãnh diện. Hãy đem tin vui về việc chúng ta là ai nói cho mọi người mà chúng ta gặp gỡ. ●

*Đức Ông***Francis J. Smith****El Paso, tiểu bang Texas**

Đức ông Francis Smith sinh năm 1935 ở Chicago, và được truyền chức năm 1967 cho giáo phận El Paso, tiểu bang Texas. Ngài là chánh xứ nhà thờ Thánh Raphael, một trong những xứ đạo lớn nhất giáo phận. Với trên 3.000 gia đình, ngài làm việc với ba cha phó: một Phi-Luật-Tân, một người Mễ-Tây-Cơ, và một người đàn ông góa vợ có 11 con vừa được truyền chức linh mục. Cùng cư ngụ tại đó có một linh mục thứ tư cũng người Phi-Luật-Tân.

Đức ông Smith làm Tổng Đại Diện cho giáo phận của ngài suốt 13 năm. Ngài vận động ba ngày mỗi tuần để giữ thân thể khỏe mạnh cho những nhu cầu cần nhiều nghị lực của xứ đạo.

Nhìn thoáng qua, đức ông Smith là một người rất tự tin. Khi hiểu ngài rõ hơn, chúng ta sẽ thấy ngài là một linh mục tử tế, thành công, dịu dàng, hoạt bát, rất quân bình và vui sướng, người đã nắm vững đời sống thiêng liêng của linh mục. Chúng tôi sau đây cho thấy bằng chứng sự yêu mến của Đức Ông Smith đối với chức linh mục, và sự nhân hậu của ngài với các linh mục bạn.

Tôi xuất thân từ một gia đình tuyệt vời và đầy yêu thương. Người trong nhà không phải là thánh thiện gì, chỉ bình thường thôi, nhưng Giáo Hội có vai trò quan trọng đối với chúng tôi. Khi có vấn đề gì, chúng tôi đến nhà

thờ và cầu nguyện theo ý chỉ đó. Cha tôi là một thợ trong xưởng thép. Ông có những súng kính đặc biệt, và mẹ tôi có cách riêng của bà. Tôi không có chị em gái nào, và điều ấy cắt nghĩa được tại sao tôi lại ăn nói hoạt bát thế. Các chị em gái thường có khuynh hướng làm cho người em trai bị lu mờ. Cha mẹ tôi, nhất là mẹ, liệu cách để chúng tôi dự thánh lễ mỗi Chúa Nhật. Khi tôi nói với các ngài rằng tôi muốn đi tu làm linh mục, cha mẹ tôi chấp thuận và nâng đỡ, nhưng không thúc bách và cũng không ép uống.

Tôi sinh ra và lớn lên trong vùng Phía Nam của Chicago, thuộc giáo xứ thánh Justin Tử Đạo. Đường như mọi linh mục mới được truyền chức đều được cử về xứ đạo đó. Các

Chính nhờ tấm gương của các linh mục tôi đã gặp, đặc biệt là các cha phó của xứ đạo, đã khiến tôi mong ước trở thành linh mục.

linh mục ở đây là những vị xuất chúng. Một trong số họ, cha Jack Egan¹, hoạt động tích cực trong các chương trình xã hội ở Chicago. Một linh mục nữa là Francis Spellman mà đến nay tôi vẫn giữ liên lạc.

Chính nhờ tấm gương của các linh mục tôi đã gặp, đặc biệt là các cha phó của xứ đạo, đã khiến tôi mong ước trở thành linh mục.

Việc học hành lúc tôi còn bé không có gì khác thường, song Giáo Hội là phần then chốt trong đời học sinh của chúng tôi. Khi học lớp Năm đến lớp Tám, chúng tôi tự nguyện dự thánh lễ trước khi đi học. Có bốn người trong lớp cùng ra trường sau này trở thành linh mục, ba người trong bọn họ sống trong cộng đoàn tu sĩ.

Cha sở của tôi ở Chicago là một bạn thân với Giám Mục Metzger của El Paso, đã đề nghị tôi đến đây và làm việc với giáo phận để tìm hiểu ơn gọi của mình. Tôi đã làm việc

¹ Đức ông *Jack Egan* – xin đọc chuyện kể của ngài trang 25.

trong giáo phận hai năm, rồi đi Đại Học Thánh Bonaventura ở Olean, tiểu bang New York, hoàn tất chương trình học, và thụ phong linh mục năm 1967.

Bốn năm sau tôi được bổ nhiệm làm cha xứ một họ đạo đã biến ngôi nhà thờ trống vắng của hội thánh Tin Lành Thanh Lễ² thành thánh đường giáo xứ. Giáo phận này gồm 70% là Công Giáo; thành phố thì 75% là Công Giáo. Một vài lần chúng tôi đã cải biến cơ sở của Tin Lành thành những giáo xứ mới để giảm thiểu gánh nặng của việc tài trợ. Mười bảy năm sau và một lần làm chính xứ nữa, tôi được bổ nhiệm về giáo xứ Thánh Raphael.

Chúng tôi có một cộng đoàn đông đảo. Ngôi nhà thờ gồm 1.500 chỗ ngồi. Mỗi thánh lễ chiều thứ Bảy, có đến hơn 1.850 người tham dự. Mỗi Chúa Nhật có sáu giờ phụng vụ. Một lễ có thể ngồi thoải mái, các lễ còn lại chỉ đủ chỗ đứng thôi.

Trong tuần làm việc, chúng tôi chỉ có thể đụng chạm tới được một phần nhỏ của những người đến đây. Tôi coi bài giảng Chúa Nhật là phương thức tuyệt nhất của chúng tôi, thực ra là phương thể duy nhất để đi vào tâm hồn họ. Giảng thuyết là một phần hết sức quan trọng trong mục vụ của chúng tôi. Chúng ta không cần phải giảng dài, thường là 15 đến 18 phút. Song chúng ta phải chuẩn bị thật chu đáo để đến khi người ta rời nhà thờ, họ còn có cái gì để bám víu vào, một cái gì đó sẽ làm thay đổi cuộc sống họ, và cuộc đời của các thành viên trong gia đình họ... Chúng ta ảnh hưởng trên dân chúng nhiều hơn chúng ta tưởng.

² Baptist – hội thánh Tin Lành Thanh Lễ – xin xem ghi chú trang 214.

bám víu vào, một cái gì đó sẽ làm thay đổi cuộc sống họ, và cuộc đời của các thành viên trong gia đình họ.

Tôi rất ngạc nhiên thấy những người trong các hàng ghế thực sự lắng nghe chúng tôi, ngay cả khi họ có vẻ như không đáp ứng. Chúng ta ảnh hưởng trên dân chúng nhiều hơn chúng ta tưởng. Có một cặp vợ chồng đến với tôi mấy tuần trước, và nhắc tôi nhớ về một lời khuyên tôi đã dành cho họ nhiều năm về trước. Họ bảo: *“Cha hoàn toàn đúng. Đáng lẽ lúc ấy chúng tôi nên làm theo lời cha đề nghị.”* Những người khác thì nói: *“Sao cha lại không nói điều này với con trước đây.”* Hoặc: *“Con đoán là niềm tự hãnh của chúng con đã ngăn cản không cho mình nhận rằng mình đã lầm.”*

Mỗi năm chúng tôi có sáu hay bảy lớp rước lễ lần đầu. Khi tôi giảng cho các em, tôi vẫn nhắc lại bài giảng mà Đức Ông Jack Egan đã giảng tại xứ đạo của tôi ở Chicago khi tôi được rước lễ lần đầu. Ngài kể cho chúng tôi nghe một chuyện thời chiến tranh đại khái như sau:

Một bạn trẻ nọ, người con trai duy nhất, được gọi nhập ngũ. Khi anh ta ra đi, người cha nói: *“Con à, hãy ở gần vị đại tướng.”* Cậu trai không hiểu điều ấy nghĩa là gì cho đến sau này, khi cậu khám phá rằng lúc đánh nhau vị đại tướng luôn luôn ở phía đằng sau. Bài học luận lý là thế này: Ở gần bên Thiên Chúa thì bạn sẽ chẳng bao giờ bị xáo trộn cả.

Tôi cho rằng người ta mong đợi khá nhiều nơi vị linh mục ngày nay cũng như họ đã từng mong đợi khi tôi chịu chức. Họ cần sự hướng dẫn, đời sống tâm linh, và câu trả lời cho các vấn nạn của họ. Giáo dân trong xứ đạo này suy nghĩ khá phóng khoáng. Tuy vậy, không cần biết họ đã trở nên tân tiến bao nhiêu, trong lãnh vực thiêng liêng họ vẫn bám chắc vào những điều căn bản.

Giới trẻ, nhất là các em từ lớp Sáu trở lên, đều rất cần sự quan tâm của các linh mục ngày nay. Những người lớn tuổi thì đã chọn một lối sống cho mình; còn những người trẻ thì mới bắt đầu tập tễnh các quyết định trong cuộc sống. Chúng tôi tổ chức ba ngày tĩnh tâm cho các trẻ em chuẩn bị chịu phép thêm sức. Kỳ tĩnh tâm để lại âm hưởng đầy hiệu năng trên các em. Chúng bắt đầu thấy được tầm quan trọng của đức tin của mình. Trong kỳ tĩnh tâm, chúng chợt nhận ra những gì cha mẹ chúng đã từng cố gắng làm cho chúng. Các phụ huynh gọi lại và cho chúng tôi biết sau ba ngày ấy con cái của họ trở về nhà như các người trẻ đã thay đổi.

Có một nhóm người cần sự nâng đỡ, sự đón nhận, và tình bằng hữu của chúng tôi, đó là chính các bạn linh mục. Chúng tôi sống một cuộc đời đơn độc, thường hay cảm nghiệm sự thiếu lòng biết ơn, và đôi khi tự hỏi không biết có đáng bỏ ra công sức như vậy không. Đây chính là lúc chúng tôi cần một người bạn

Có một nhóm người cần sự nâng đỡ, sự đón nhận, và tình bằng hữu của chúng tôi, đó là chính các bạn linh mục.

linh mục. Tôi cố gắng luôn luôn nhớ đến nhu cầu của một bạn linh mục nào đó. Tôi đã giúp đỡ cho một số linh mục, cũng như họ đã giúp lại tôi. Mới đây có một linh mục đến với tôi và thẳng thắn nói với tôi về điều anh ta đang dự định làm. Tôi vạch ra một ranh giới và nói: *“Không, đây mới là điều bạn sẽ phải làm.”* Anh ta ngỡ ngàng, nhưng đã chấp nhận đề nghị của tôi. Hiện nay chúng tôi là đôi bạn thân, một phần vì tôi đã không nương tay với anh ta. Tôi bảo anh ta hãy đứng lên và hãy là một nam tử. Và anh ta đã làm như vậy. Tôi nhìn mỗi linh mục với sự kính phục. Ngài có thể thiếu một hay hai tài năng nào đó. Ngài có thể có lúc lầm lẫn. Nhưng ngài vẫn là đặc biệt trước con mắt của Thiên Chúa,

và tôi luôn gọi ngài là Cha. Mới tháng này tôi đã viết một lá thư cho một giáo sư cũ đã già của tôi, ngài có khuynh hướng quên mất những điều tuyệt diệu đã đạt được. Đây là một phần thư tôi viết:

“Cha Pete thân mến,

Rất nhiều lần con đã quên mất rằng cuộc sống thì ngắn ngủi, và điều con muốn nói lên thì hoặc là trì hoãn, hay là bỏ quên. Mỗi lần con gọi đến cha và chúng ta hồi tưởng lại, con gác điện thoại cảm thấy thoải mái hơn vì đã nói chuyện với cha. Con còn nhớ lắm những ngày trong chủng viện. Con đã chọn làm linh mục chính vì tấm gương của những người như cha, Martin Porter, Giám Mục De Palma, Bill Nolken, thầy John, và những người khác nữa. Con không thể nghĩ đến họ mà không nhắc lại sự trung thành và gần gũi Chúa của họ. Họ được ưu tuyển trên những người khác, mặc dầu họ không biết điều đó. Họ là những con người cao cả. Trong khi họ không hoàn hảo, thì sự thánh thiện của họ che khuất tất cả những gì bất toàn. Con nghĩ rằng chúng ta không nhận ra chúng ta có thể khích lệ nhau biết mấy trong đời linh mục, một cuộc đời mà đôi lúc có thể đơn độc.

Cha có thể nghĩ rằng vì các bệnh tật thể xác và tất cả những hệ lụy mang lại bởi đã chiến đấu một cách anh dũng, cha không thể cho được nhiều. Hãy để những ý tưởng đó xa khuất tâm trí cha. Cha vẫn là một bậc thầy, một người khích lệ, một nguồn phấn khích cho tất cả những người mà cha giao tiếp. Đời sống thiêng liêng, sự khôn ngoan và tình thương của cha đã cho thấy cha là một giáo phụ thời đại mới. Cha có cái khả năng, qua tính hài hước và vui tươi, làm cho người khác cảm thấy lên tinh thần, và đó là điều chúng ta cần ngày hôm nay trong cuộc sống xáo trộn điên loạn.

Con hy vọng cha biết sự trân trọng con dành cho cha và bao nhiêu ân sư khác đã đụng chạm đến cuộc đời con. Chúa đã ban cho cha món quà có thể làm cho người khác cảm thấy được đón nhận.”

Một trong những giải pháp thường được đưa ra để giải quyết vấn nạn thiếu linh mục là cho họ được phép cưới vợ. Một phần của gia đình tôi theo nghi lễ Công Giáo Byzantine của người Ukrain. Tôi đã gặp một số linh mục đã lập gia đình trong lễ nghi đó và không thấy có gì trong đời sống của họ có thể gây tổn hại cho cộng đoàn đức tin. Họ là những người có đời sống tâm linh cao. Tôi chưa hề thấy những người này sơ sót trong việc quan tâm đến cộng đoàn của họ. Một linh mục bạn của tôi tại nhà thờ Chính Thống thánh George Syrian có gia đình gồm 11 người con. Chúng ta thường hay nói về việc lập gia đình cho các giáo sĩ. Chúng ta thấy cả hai phía ủng hộ và chống đối.

Đức vâng lời có lẽ là một gánh nặng cho tôi còn lớn hơn cả đời sống độc thân, bởi vì khi cúi đầu trước quyền bính tôi cảm thấy mình bị lấy mất đi một phần nào ý muốn của mình. Tuy vậy tôi phải nhìn nhận rằng luôn luôn có một ai đó bên trên tất cả chúng ta. Ngay cả giáo hoàng cũng có Chúa bên trên ngài. Thỉnh thoảng chúng ta lại thấy mình ở dưới một bề trên thích cười lên đầu người khác. Khi điều ấy xảy ra, tốt nhất chúng ta nên có một đời sống tâm linh được triển nở đầy đủ và khiêu hài hước nữa.

Tôi xác tín rằng bất kể chúng ta phát triển bao nhiêu chương trình để cổ võ chức linh mục, thì ơn kêu gọi thật ra vẫn khởi đầu từ mái ấm gia đình. Ngày nay, khi con trai hay con gái muốn theo đuổi nghề

Tôi xác tín rằng bất kể chúng ta phát triển bao nhiêu chương trình để cổ võ chức linh mục, thì ơn kêu gọi thật ra vẫn khởi đầu từ mái ấm gia đình.

nghiep nào, thông thường cha mẹ sẽ phỏng đoán xem lương bổng năm đầu tiên của chúng sẽ là bao nhiêu. Trong những trận gôn lớn, người thông tin viên thường dành khá nhiều thời giờ để xem xét: không phí nhiều thời giờ lắm để xem một tay gôn cự phách đã thắng bao nhiêu trận, song là anh ta đã kiếm được bao nhiêu tiền. Những công ty cũng phân tích thành công của họ trên căn bản từ hạ tầng. Chúng ta luôn bị ám ảnh với tiền bạc, và không có vị linh mục đáng làm muối men nào lại quan tâm đến lương lậu bao lâu các nhu cầu của ngài được người ta lo cho. Chúng ta cần tìm cho được những người trẻ có thể nhận ra rằng hạnh phúc không phải được đo lường bằng tiền bạc. Quyển rũ của những tiếng gọi khác đôi khi quá nhiều đối với những người trẻ. Song tôi nghĩ rằng họ đã quên mất là hạnh phúc thật trong cuộc đời thường đến khi bạn làm được điều mà bạn muốn làm, cho dù là thuộc ngành

Hạnh phúc thật trong cuộc đời thường đến khi bạn làm được điều mà bạn muốn làm.

nghe thầy thuốc, luật pháp, thương mại hay bất kỳ nghề nghiệp chuyên môn nào. Lúc tôi ở chủng viện, có một linh mục lão thành đã ở trong trại tập trung của Nazi đến nói chuyện với

chúng tôi. Ngài nhìn thấy sự trù phú của đất nước này và tất cả những cơ hội để thành công về vật chất, ngài nói với chúng tôi rằng ngài thán phục biết bao những người sẵn lòng từ bỏ những quyển rũ đó để phục vụ Đức Ki-tô. Đây là một buổi nói chuyện tôi không bao giờ quên.

Tôi thực sự tin rằng tiềm năng của một linh mục để hoàn thành công việc ngày nay còn lớn lao hơn thế hệ trước đây. Chúng ta có khá nhiều khí cụ để tùy nghi sử dụng. Tôi nhận được điện thư từ Rô-ma mỗi ngày; đó là những gì tôi đọc trước hết sau khi duyệt qua báo sáng. Nó giống như nhận được nhật báo về Giáo Hội. Truyền thông đã tiến bộ đến

mức tôi có thể loan tin đến cộng đồng những thông tin chỉ mất trong vài phút, thay vì trước đây sẽ mất vài tuần. Nhưng ngay cả có những khí cụ đó trong tay cũng chưa đủ. Một linh mục không thể là người chỉ biết cầm đầu làm việc. Chúng ta cần phải giữ cho mình khỏe mạnh cả tâm lý lẫn thể lý. Chúng ta phải có thời gian nghỉ ngơi, có một vài thú tiêu khiển, thưởng thức chúng để rồi trở lại với con người tươi mới và sẵn sàng cho công tác.

Chúa Nhật trước, khi chúng tôi đón nhận những học viên giáo lý của chương trình RCIA³, tôi đã thực sự xúc động trước đức tin của họ. Đây là một ngày hạnh phúc cho họ, và niềm vui cho tôi. Tôi nghĩ tới những ghi nhận nho nhỏ mà chúng tôi đón nhận được từ nơi giám mục hoặc những người trong các hàng ghế, tới

Không có gì vĩ đại hơn là sự thỏa lòng vì đã làm được một điều gì đó hữu ích cho người khác hoàn toàn miễn phí.

việc tổ chức rước lễ lần đầu và chứng kiến lòng tin cũng như niềm vui của các tâm hồn ngây thơ, hoặc nghĩ tới việc có thể giúp được một ai đó đã mất đi người thân yêu. Giúp cho người ta vượt qua được một số khó khăn mà không mong đợi được đáp trả điều gì cả là một việc rất tưởng lệ. Chúng tôi không gửi hóa đơn. Chúng tôi không cần đồng hồ để ước lượng phải lấy công bao nhiêu cho việc chúng tôi làm. Không có gì vĩ đại hơn là sự thỏa lòng vì đã làm được một điều gì đó hữu ích cho người khác *hoàn toàn miễn phí*.

³ RCIA: viết tắt của *Rite of Christian Initiation for Adults* (hoặc *of Adults*) – xem ghi chú trang 307.

Những vị được tuyển chọn làm giám mục ngày nay phải là những con người có chiều sâu tâm linh thật nhiều. Hơn thế nữa, họ nên hiểu biết, nâng đỡ và chấp nhận các linh mục của họ. Họ phải coi các linh mục như anh em.

Một ý nghĩ cuối cùng. Những vị được tuyển chọn làm giám mục ngày nay phải là những con người có chiều sâu tâm linh thật

nhiều. Hơn thế nữa, họ nên hiểu biết, nâng đỡ và chấp nhận các linh mục của họ. Họ phải coi các linh mục như anh em. Có rất nhiều chương trình ơn gọi ngày nay. Để tôi thử đề nghị một chương trình tốt đỉnh. Hãy chọn những giám mục biết yêu thương các linh mục của mình, là người nhân hậu với họ, là người tôn trọng họ và chỉ muốn họ lớn lên trong mối tương giao với Đức Ki-tô. Các giám mục, khi cống hiến bản thân mình cho các linh mục và cho họ thấy sự nâng đỡ cũng như lòng nhân hậu, thời sẽ được mọi người biết đến, và tiếng lành đồn xa. Rồi ơn gọi sẽ đến thôi. ●

Linh mục

Edward Ramacher

Breezy Point, tiểu bang Minnesota

Cha Ed¹ Ramacher sinh ngày 5 tháng 9 năm 1917, lớn lên trong một gia đình ở tiểu bang Minnesota gồm 13 người con.

Khi ngài quyết định sẽ muốn học làm linh mục, ngân quỹ cho việc học của ngài rất hạn chế. Bởi thế ngài đã theo học Giáo Hoàng Học Viện Josephinum ở Columbus, tiểu bang Ohio, nơi mà tất cả các phí tổn được học viện trả hết. Trong thời gian học ở Josephinum ngài nhận hết mọi công việc làm thêm mà người ta dành cho: người ta cần hình ảnh –ngài trở thành thợ chụp hình chính thức của chủng viện; sân trường rộng lớn của chủng viện cần chăm sóc –ngài lãnh trách nhiệm của người giữ sân; chủng viện tìm kiếm một ngân quỹ để thực hiện một chương trình mới –ngài gây quỹ; bạn học cần cắt tóc –ngài trở thành thợ hớt tóc. Công việc ngoài chương trình chẳng những dạy ngài rất nhiều thứ ngoài phòng học song cũng cung cấp cho ngài những khí cụ sẽ hữu ích cho cuộc sống sau này. Ngài thụ phong linh mục ngày 10 tháng 3 năm 1945 cho Giáo Phận Saint Cloud.

Cha Ramacher tiếp tục nhiều loại sinh hoạt sau khi chịu chức. Tài khéo với người ta khiến ngài trở thành một cố vấn hôn nhân, làm việc với các tài tử Hollywood, gồm có Lennon Sisters, Dennis Day và Pat O'Brien. Huấn luyện viên túc cầu nổi tiếng của Notre Dame là Frank Leahy đã đến tiểu bang Minnesota để tiếp trợ cha Ramacher gây quỹ. Ngài tiếp tục sở

¹ Ed – tên gọi thân mật của Edward.

thích về hình ảnh qua việc chụp hình các cơ sở truyền giáo ở tiểu bang California. Là giám đốc gây quỹ cho giáo phận Saint Cloud, ngài đã đứng mũi chịu sào một chiến dịch \$10 triệu Mỹ-kim cho các chương trình của giáo phận và các trường học giáo xứ. Có lẽ hót tóc là tài năng duy nhất cha Ramacher phát triển ở chủng viện mà không được ngài theo đuổi sau khi chịu chức.

Cha Ramacher có một sự yêu mến rõ rệt với sứ vụ linh mục, và đã có thể dành trọn buổi phỏng vấn cho đề tài đó. Tuy nhiên, ngài được yêu cầu bắt đầu bằng việc nhắc tới một số bằng chứng thưởng của ngài.

Bởi quý vị đã hỏi, nên tôi sẽ kể lại một vài điều tôi đã đạt được. Tôi đã được bình chọn là Người Xuất Sắc của tiểu bang Minnesota năm 1949, có lẽ vì công việc mà tôi đang làm với giới trẻ lúc đó. Tôi đã xây hai sân chơi lớn cho mùa Đông và trang bị hết các ván trượt tuyết cho các em bé. Ý tưởng của tôi là nếu tôi có thể làm cho những người trẻ thích thú với một điều gì mà Giáo Hội cung cấp, thì các cha mẹ cũng sẽ theo. Và quả thực họ đã theo. Trong năm kỷ niệm Bách Niên của tiểu bang Minnesota tôi đã được chọn là một trong “100 Vĩ Nhân Đang Sống của Tiểu Bang” chính vì việc tôi đã làm.

Nếu tôi có thể làm cho những người trẻ thích thú với một điều gì mà Giáo Hội cung cấp, thì các cha mẹ cũng sẽ theo.

Tạp chí *Đất Nước Đẹp Tươi*² đã là niềm yêu thích của tôi trong sáu năm. Chúng tôi muốn xuất bản nó để diễn tả

việc Thiên Chúa đã chúc phúc cho xứ sở này biết bao với những nguồn tài nguyên tuyệt diệu đến thế, và thúc đẩy người ta bảo tồn chúng. Tạp chí ấy đã tiếp tục cho đến khi có

² *Country Beautiful*.

ai đó tiêu quá nhiều tiền mà họ không nên tiêu, và chúng tôi không thể tiếp tục ấn bản được nữa. Tổng Thống Kennedy đã viết cả một chương cho tạp chí, nói về sự cam kết của chúng ta đối với tương lai.

Một người bạn của tôi, là cha Huebsch, và tôi đã thực hiện 76 chương trình phát hình màu cho băng tần KSTP-TV ở tiểu bang Minnesota về đời sống của Giáo Hội, gia đình, và những đề tài khác nữa. Sau đó, chúng tôi đã thực hiện 26 buổi truyền hình về một chuỗi các câu chuyện trở lại đạo rất thành công đến nỗi đài KSTP-TV phát hình luôn hai năm thay vì một năm. Hầu hết thời gian rảnh rỗi của tôi được dùng vào việc gây quỹ, một hoạt động mà tôi nghĩ là có năng khiếu. Tôi đã gây quỹ cho Hội Nghị Công Giáo Quốc Gia Về Đời Sống Nơi Thôn Dã, song chính yếu là việc gây quỹ cho chính giáo phận của mình. Tôi có hai dự án đang diễn ra lúc này. Tôi đang tìm cách gây quỹ cho nhà thờ Thánh Mi-ca-e ở Morongo Valley, nhà hưu dưỡng cho các linh mục gần Palm Springs. Những linh mục nào không thể theo kịp giá cả vùng đô thị song muốn thăm viếng khu vực ấy có thể ngủ lại với giá \$8 Mỹ-kim một ngày. Dự án thứ hai của tôi là ca đoàn con trai thuộc giáo xứ Thánh Gio-an. Tôi sẽ gây quỹ nửa triệu Mỹ-kim cho vốn đầu tư của nhóm trẻ tuyệt vời đó.

Dường như trong quá khứ những người cổ vũ ơn kêu gọi thường là các linh mục ở xứ đạo. Cha sở của tôi đã đề nghị tôi nghĩ đến ơn gọi linh mục, và không có sự thúc giục của ngài có lẽ tôi đã chẳng nghĩ được rằng việc ấy có thể xảy ra. Hầu hết các bạn tôi đều cũng được thúc đẩy như vậy.

Cha mẹ là yếu tố quan trọng khác nữa. Tôi không tin họ từng là nguồn gốc chính yếu của ơn gọi, nhưng ngày nay họ là một trong những ngăn trở lớn nhất đối với ơn gọi. Họ rất thường mong muốn con trai của mình đạt đến đỉnh cao sự

nghiệp cũng như doanh nghiệp. Dù rằng họ có sự kính trọng đối với chức linh mục, nhưng họ dường như không thấy chính con mình được kể là “thành công” trừ khi chúng gặp được cơ hội lớn. Điều đó cũng dễ hiểu thôi. Tôi không phê bình. Chỉ muốn nói đơn giản rằng đó là một sự kiện trong cuộc sống.

Tôi nghĩ rằng điều ngạc nhiên nhất trong đời linh mục của tôi là sự kính nể và quý trọng mà người ta vẫn dành cho linh mục mặc dầu có những vụ công xúc đẩy đẩy trên truyền thông ngày nay. Tôi đã cảm nhận được sự quý trọng đó ngay giây phút được truyền chức. Tôi có thể cảm thấy nó không chỉ trong nhà thờ và trường học, nhưng cả ở ngoài đường, trong quán cà phê –nghĩa là khắp nơi. Đại đa số các linh mục đang làm những công việc tuyệt diệu: làm việc chăm chỉ, giảng dạy, thăm viếng kẻ đau yếu, chuẩn bị đôi hôn phối, và cả trăm lẻ một công việc mà một linh mục được kêu gọi để

Người ta nhận ra nhu cầu cần có linh mục để tiếp tục công việc của Giáo Hội, và người ta quý trọng trách nhiệm của các ngài.

làm. Họ có mặt trên tuyến đầu của các giáo xứ, bệnh viện, nhà tù, trường trung học, và đại học. Họ từ bỏ gia đình và lương bổng lớn vì họ yêu người, vì họ yêu thương trẻ em, và vì họ yêu mến Chúa Ki-tô. Tôi tin rằng

người ta nhận ra nhu cầu cần có linh mục để tiếp tục công việc của Giáo Hội, và người ta quý trọng trách nhiệm của các ngài.

Tôi mới kỷ niệm 50 năm linh mục. Tôi nói với những người tham dự lễ kim khánh rằng tôi đã là một linh mục hoàn toàn hạnh phúc và chẳng bao giờ muốn điều gì khác ngoài việc làm linh mục. Thật vậy, tôi không thể hình dung mình làm một nghề nào khác. Tôi đã có một cuộc sống rất thỏa lòng. Tôi đã nhận được đủ các loại phần thưởng và

bằng tưởng lệ, nhưng không một thứ nào trong chúng có thể thấp một ngọn nến vui mừng mà tôi cảm nghiệm được khi mà, sau một tiến trình dài và cẩn thận dạy đạo cho một người muốn vào đạo, tôi được thấy niềm vui trên gương mặt của người ấy khi họ đón nhận mình và máu Chúa Ki-tô lần đầu tiên.

Tôi đã nhận được đủ các loại phần thưởng và bằng tưởng lệ, nhưng không một thứ nào trong chúng có thể thấp một ngọn nến vui mừng mà tôi cảm nghiệm được khi mà, sau một tiến trình dài và cẩn thận dạy đạo cho một người muốn vào đạo, tôi được thấy niềm vui trên gương mặt của người ấy khi họ đón nhận mình và máu Chúa Ki-tô lần đầu tiên.

Tôi yêu mến chức linh mục. Tôi biết việc truyền chức đó đã đặt tôi vào một vị trí khiến tôi có thể làm vô vàn điều tốt và mang lại điều gì đó xứng đáng cho đời sống người ta. Tôi nhận ra rằng tôi đã có thể giúp đỡ người ta nếu tôi là một luật sư, bác sĩ, hay một doanh nhân. Song đối với linh mục, các cơ hội kể như không giới hạn, nếu chúng ta sống những lời hứa của mình, nếu chúng ta là những người cầu nguyện, và nếu chúng ta thực sự công nhận điều thiện hảo nơi người khác. ●

Linh mục

Patrick J. Waite

San Diego, tiểu bang California

Cha Pat¹ Waite sinh ngày 1 tháng 6 năm 1927 tại Winner, tiểu bang South Dakota, và được truyền chức linh mục cho giáo phận Sioux City, tiểu bang Iowa năm 1954. Cha Pat là một tuyên úy Hải Quân về hưu, rất hãnh diện về nguồn gốc của mình và về việc lớn lên ở vùng miền quê Iowa.

Cha Waite chọn khách sạn Marriott trong vùng ngoại ô của San Diego cho cuộc phỏng vấn này. Chúng ta hiểu ra rất mau tại sao ngài chọn nơi gặp gỡ đó. Mỗi một người phục vụ nam, hay nữ, và thư ký đều biết ngài một cách thân thiện và đều đưa tay cao “high five”² khi ngài bước qua. Bất kể những thành công ngài đã có được trong hải quân, rõ ràng ngài đã đạt được sự nổi danh thầm lặng giữa những thường dân vùng San Diego, họ nhìn ngài như người cha đặc biệt của họ. Niềm vui hiển nhiên mà ngài cảm thấy trong đời linh mục của mình lan truyền đến mọi người mà ngài gặp gỡ.

¹ Pat – tên gọi thân mật của Patrick.

² “High Five” – Cách hai người Mỹ (thường là trong đội banh) bày tỏ sự chúc mừng hay đồng tình, bằng cách giơ cao một hay cả hai tay vỗ vào bàn tay người kia.

Khi tôi học lớp một, Sơ Gilbert, một nữ tu dòng Nữ Tỳ Bác Ái Ki-tô Hữu³, đã gây một ấn tượng sâu đậm nơi tôi và đã khiến tôi nghĩ tới điều mình sẽ trở thành khi làm người lớn. Ở lứa tuổi còn trẻ đó, sơ đã có cái năng khiếu làm tôi thích thú tận hiến cho Thánh Tâm Chúa, thức tỉnh lương tâm tôi, và giúp tôi ý thức về sự thực hữu của tội lỗi. Các sơ khuyến khích chúng tôi nghĩ tới chức linh mục, và tôi đã suy nghĩ về nó một cách đứng đắn trong những năm tiểu học, dù rằng sự lôi cuốn ấy dường như phai mờ thời trung học.

Cha mẹ tôi xác tín vào giá trị của nền giáo dục Công Giáo. Mỗi khi cha mẹ tôi di chuyển, trước hết các ngài sẽ xem có trường Công Giáo quanh đó không. Gia đình chúng tôi luôn đặt một bàn thờ trong nhà, và vì lý do nào đó bàn thờ lại được đặt trong phòng tôi. Tôi giả bộ đóng vai linh mục, em gái tôi trang hoàng bàn thờ, và hai đứa em nhỏ thì làm chú giúp lễ. Gia đình tôi đã trải qua trận hạn hán và những năm suy sụp của tiểu bang Dakota, rồi nền kinh tế phá sản năm 1929, và đã chứng kiến ảnh hưởng tàn phá của thời đại đó trên các linh mục. Khi các cha dòng Phan-xi-cô mời tôi vào một tiểu chủng viện sau lớp tám, mặc dù cha mẹ tôi yêu mến và kính trọng các linh mục, họ do dự, và thay vào đó lại gửi tôi đến một trường Công Giáo cho nam sinh ở Sioux City, do Hội Dòng Mary⁴ quản trị.

Ngay khi xong trung học, vào mùa xuân năm 1945 tôi gia nhập Hải Quân. Lúc ấy là kết thúc của Thế Chiến thứ II. Tôi sống một năm trên đảo san hô Eniwetok trong quần đảo Marshall, và trong thời gian ở đó, tôi lại bắt đầu nghĩ đến chức linh mục. Trở về nhà năm 1946, tôi dùng tiền lương

³ Nữ Tỳ Bác Ái Ki-tô Hữu - Sister of Christian Charity (viết tắt là S.C.C.) do Chân Phước Pauline von Mallinckrodt sáng lập năm 1849 tại Đức để săn sóc người mù.

⁴ Hội Dòng Mary – *Society of Mary*, một trong bốn hội dòng cùng tên, gồm các linh mục và nam tu sĩ.

của linh để học trường đại học Evangelical United Brethen College ở gần Le Mars, tiểu bang Iowa. Tôi biết yêu và suốt nữa thì làm đám cưới. Một lần nữa, chức linh mục lại xâm chiếm tâm trí tôi, và tôi đã nghĩ rằng nếu tôi có phải đối diện với sự thúc bách này và có quyết định gì, tốt hơn tôi nên học trường đại học Công Giáo.

Mùa thu 1947 tôi đến Loras College học chương trình của chủng viện. Lúc đầu, tôi đã nghĩ đến việc hoặc là gia nhập hội thừa sai Maryknoll hay là dòng Phan-xi-cô. Một người bạn cùng phòng học chương trình chủng viện hỏi tôi: “*Có chuyện gì vậy? Bộ Sioux City không đủ hay rồi sao?*” Và thế là tôi bắt đầu nghĩ đến việc trở nên một thành viên trong hàng giáo sĩ của địa phận.

Khi học trong Chủng Viện Immaculate Conception ở thành phố Conception thuộc tiểu bang Missouri, tôi gặp một cha giải tội tuyệt vời, Giles Zaramella, dòng Don Bosco, sau này làm tu viện trưởng của tu viện San Giorgio ở Venice nước Ý. Trong năm thứ hai, khi sự quả quyết sẽ tiếp tục của tôi đang phôi phai dần, cha Giles đề nghị tôi đọc lại các thư của sứ đồ Phao-lô mà chúng tôi đã học qua trong năm thứ nhất rồi, và đọc lại lần nữa, lần này lưu ý tới cá tính và tư cách của Phao-lô. Việc nghiên cứu đó là một mặc khải cho tôi và đã khích lệ tôi tiếp tục.

Sau khi chịu chức, bài sai của tôi cho mấy năm kế tiếp là dạy cả trường tiểu học lẫn trung học, và làm cha phó trong những xứ đạo nhỏ miền quê tiểu bang Iowa. Tôi hết sức thích làm việc với các học sinh. Tôi cũng làm huấn luyện viên bóng rổ, banh bầu dục và chạy đua nữa. Những vai trò đó đòi hỏi nhiều, song cũng rất thỏa lòng.

Năm 1958, lúc đang trụ trì ở Bancroft, tiểu bang Iowa, tôi gặp một linh mục là người sẽ có tầm ảnh hưởng lớn trong việc phát triển của tôi, đó là đức ông Bob Quinn. Ngài là một tuyên úy và là đại úy trên chiếc USS *Kearsage*, một

hàng không mẫu hạm Hải Quân. Ngài trở về Bancroft, quê hương mình, để cử hành lễ ngân khánh 25 năm linh mục. Ba năm sau tôi làm đơn xin giám mục bổ nhiệm hoặc làm thừa sai ở Nam Mỹ, hoặc làm tuyên úy trong quân đội. Ngài hỏi tôi thích binh chủng nào, và tôi trả lời tôi không chắc chắn. Với trí nhớ đồ sộ của ngài, ngài nói: “*Cha đã từng ở Hải Quân trước đây, bộ không phải sao? Cha có muốn trở lại không?*” Tôi trả lời “*Thưa có.*” Thế là ngày 22 tháng 12 năm 1961 tôi tuyên thệ vào Hải Quân. Tháng kế tiếp tôi đến trường Tuyên Úy Hải Quân ở Newport, tiểu bang Rhode Island. Sau đó là bắt đầu bài sai thứ nhất trong số 16 lần bổ nhiệm làm tuyên úy.

Hải Quân là một trong những cao điểm đời linh mục của tôi. Suốt 26 năm tôi phục vụ ở hải ngoại và những lần được cử về phía lục địa Hoa-Kỳ trên cả bờ biển Đông và Tây. Có rất nhiều công tác, nhiều nguy hiểm, song cũng có nhiều tình đồng đội giữa những tuyên úy Hải Quân, Không Quân và Lục Quân. Những người lính Hải Quân luôn luôn dành cho chúng tôi một sự triu mến đặc biệt, gọi chúng tôi là *Padres*⁵ khác biệt hẳn với các tuyên úy khác, và chúng tôi tạo tình bạn thân thiết với họ. Tôi đã đi bốn chuyến với các người lính Hải Quân, bốn chuyến với phi cơ hải quân, và một chuyến với lính Bảo An Bờ Biển Hoa-Kỳ. Tôi cũng đi nhiều chuyến như vậy trên nhiều căn cứ lớn khác nhau, dọc theo lục địa hay ở hải ngoại. Chúng tôi thường được cử đến các căn cứ có đông các gia đình, và điều đó cho chúng tôi nhiều kinh nghiệm khác nhau trong công việc mục vụ. Chuyến đi lý thú nhất của tôi là ở trên boong hàng không mẫu hạm USS *Randolph* (CVS-15).

Khi tôi rời Hải Quân vào tháng 6 năm 1988, tôi được phép của giám mục Sioux City để ở lại San Diego và tiếp tục công việc với quân đội. Tôi chịu trách nhiệm tuyển mộ Hải

⁵ *Padre* – tiếng Tây-Ban-Nha nghĩa là “cha,” số nhiều là *Padres*.

Quân và phụ trách ca đêm tại Bệnh Viện Hải Quân, xúc dầu cho bệnh nhân và những người sắp chết. Khi các linh mục đương nhiệm không có mặt, tôi làm tang lễ cho các cựu chiến binh và phối ngẫu của Thế Chiến thứ II, Triều Tiên, và Việt-Nam ở Nghĩa Trang Quốc Gia. Tôi cũng làm lễ cưới cho các cặp quân sự cũng như dân sự. Ngay cả công việc trong thời gian về hưu quân đội cũng là một kinh nghiệm linh hoạt và thú vị.

Tôi có được nhiều kinh nghiệm phong phú trong thời gian phục vụ ngành Hải Quân. Năm 1973-1974 tôi được gửi đến trường huấn luyện cao cấp tại Graduate Theological Union ở Berkeley, tiểu bang California. Thật là một cơ hội tuyệt vời cho tôi nâng cấp việc học hỏi mặt chuyên môn về thần học và bí tích cũng như thần học thực tiễn. Cùng lúc đó tôi được giới thiệu lần đầu tiên với phong trào Gặp Gỡ Hôn Nhân⁶. Tôi dự khóa cuối tuần và thấy hấp dẫn với việc có thể dùng chương trình đó cho các cặp trong quân đội. Tôi dự khóa Gặp Gỡ Thâm Sâu Hơn⁷, một cuối tuần bổ túc cho các thành viên trong đội huấn luyện ở Los Angeles. Tuần lễ ấy thật là một dịp mở mắt cho thấy tiềm năng phong phú của phong trào Gặp Gỡ đối với việc làm khởi sắc đời sống hôn nhân. Tôi tổ chức các khóa Gặp Gỡ Hôn Nhân cuối tuần ở vùng San Diego. Rồi tôi bắt đầu làm việc trong phong trào Gặp Gỡ Người Đính Hôn⁸, liên kết với chương trình của địa phận do cha Bill Ortmann trước đây là một cha sở ở Sioux City hướng dẫn. Mùa thu này tôi dạy một lớp nhỏ gồm các em lớp hai chuẩn bị cho việc rước lễ lần đầu của chúng. Ngày chúng rước lễ lần đầu hóa ra nhằm đúng ngày kỷ niệm 42 năm linh mục của tôi. Thật là một kinh nghiệm độc đáo

⁶ Marriage Encounter – xem ghi chú Gặp Gỡ Hôn Nhân trang 65.

⁷ Deeper Encounter.

⁸ Engaged Encounter.

dạy cho các trẻ nhỏ sau khi đã dạy các học sinh trung học, các thủy thủ và Hải Quân!

Công tác mới nhất của tôi là với Dự Án Rachel⁹, ban bí tích giải tội và cử hành thánh lễ Các Thánh Vô Tội¹⁰ cho các phụ nữ đang phục hồi sau khi phá thai. Thánh lễ diễn ra vào các chiều Chúa Nhật sau một cuối tuần linh ân để kiểm lại những năm đau buồn, mặc cảm và hối hận. Đối với tôi, đây là một việc tông đồ khích lệ lớn lao. Mỗi một cuối tuần, các cuộc hôn nhân được kiện toàn lại và người ta lấy lại được sức sống trong giáo xứ.

Như hầu hết các linh mục trẻ, lúc đầu tôi không xác tín lắm về bản thân mình. Tôi vui thích với việc giảng dạy, nhưng phải phấn đấu với nó. Trong quân đội, khả năng giảng thuyết của tôi tăng triển lên. Tôi vẫn phải dành khá nhiều thời giờ chuẩn bị bài giảng. Thực là một thách đố để gạn lọc những bài đọc, suy nghĩ về ý nghĩa của chúng, và áp

Lời Chúa và Thánh Thể là trung tâm điểm cho đời sống của bất kỳ linh mục nào. Tôi hy vọng mình sẽ chẳng bao giờ đi đến chỗ cảm nghĩ rằng tôi có thể bước lên toà giảng mà không có sự chuẩn bị kỹ càng, kể cả cầu nguyện thật nhiều.

dụng chúng vào cuộc sống hàng ngày. Lời Chúa và Thánh Thể là trung tâm điểm cho đời sống của bất kỳ linh mục nào. Tôi hy vọng mình sẽ chẳng bao giờ đi đến chỗ cảm nghĩ rằng tôi có thể bước lên

toà giảng mà không có sự chuẩn bị kỹ càng, kể cả cầu nguyện thật nhiều.

⁹ *Project Rachel* – một mục vụ chữa lành của Công Giáo dành cho những phụ nữ đã phá thai và những ai bị đè nặng bởi hậu quả của việc phá thai. Sáng lập năm 1984 trong tông giáo phận Milwaukee bởi Vicki Thorn. Hiện tại Dự Án Rachel hoạt động trong hơn 110 giáo phận của Hoa-Kỳ.

¹⁰ Holy Innocents – khác với Holy Infants (*Các Thánh Anh Hài*).

Một điều ngạc nhiên đối với tôi trong mục vụ là sự khác biệt sâu xa giữa việc phục vụ trong bối cảnh giáo xứ và trong Hải Quân. Trong quân ngũ, cái gì cũng là nhất thời. Cả những người được các linh mục phục vụ và chính vị tuyên úy có thể phải di chuyển bất kỳ lúc nào, bởi thế luôn có cái áp lực phải làm cho xong công việc không trì hoãn. Tôi thực sự thích thú với công việc đang làm với những người được tuyển vào Hải Quân. Họ là những người trẻ mới xong trung học. Tôi đã là linh mục giải tội cho họ trong tám năm qua. Nhiều người trong số họ đã xa rời Giáo Hội một khoảng thời gian nào đấy, và thực sự là một niềm vui đặc biệt khi thấy họ trở về.

Một trong những nhiệm vụ của các tuyên úy là Thăm Viếng Nâng Đỡ Thương Vong khi có người chết. Chúng tôi hộ tống vị đội trưởng hay chỉ huy trưởng của căn cứ đến gặp người góa phụ. Đây là những cuộc thăm viếng rất khó khăn, song chúng tạo một cơ hội giúp người ta vượt qua những chặng khủng hoảng. Phía tiêu cực của những buổi thăm viếng này là đôi khi người góa phụ, trong cơn phiền muộn, lại khoắc lên chúng tôi cái vai trò của người phối ngẫu đã chết của họ, và chúng tôi có thể mau chóng trở thành quá liên lụy. Những hoàn cảnh như thế hầu hết không thể giải quyết được. Chúng tôi phải biểu lộ lòng tử tế và ân cần, song chính những đức tính ấy lại dễ bị hiểu lầm là có cảm tình. Đây là một vấn đề cho tôi trong cuối thập niên 1960. Tuy nhiên, năm 1969, Hải Quân đã khai triển một chương trình hôn nhân để giúp chúng tôi đối phó với những trường hợp như thế tốt hơn, nên mỗi nguy hiểm cũng giảm đi.

Tôi vẫn có sự thu hút mạnh đối với người khác phái, và kinh nghiệm cho thấy, họ cũng có sự thu hút đối với tôi. Tôi nghĩ rằng lời khẩn độc thân của chúng ta đôi khi mang đến sự thách thức cho một số phụ nữ, và nó hầu như trở thành

một thách đố để thu hút chúng ta. Chúng ta không thể và không được coi thường hay hủy bỏ đời sống độc thân. Nó rất quý báu, và đó là một đặc sủng. Chúng ta phải cẩn trọng gìn giữ nó. Tôi cũng nghĩ rằng điều ấy nên được đề cho người ta tình nguyện. Có một lần các em trong lớp hai của tôi hỏi chúng có thể nhận bao nhiêu bí tích. Tôi trả lời chúng: *“Có phụ giáo của các em đã lập gia đình, và có lẽ cô ấy sẽ chẳng bao giờ lãnh bí tích truyền chức thánh. Tôi thì đã được truyền chức linh mục, và có lẽ sẽ chẳng bao giờ lãnh bí tích hôn phối.”* Bọn trẻ làm bầm, và tôi bảo: *“Phải rồi, có lẽ đến năm 2020 chúng ta sẽ có các giáo sĩ lập gia đình, nhưng lúc ấy tôi sẽ 110 tuổi rồi.”* Một trong bọn trẻ đáp lại: *“Thưa cha, lúc cha 110 tuổi, con khó có thể nghĩ rằng cha còn hấp dẫn đối với bất kỳ phụ nữ nào.”* Lời phát ra từ miệng trẻ thơ thể đấy...!

Tôi khuyến khích các thanh niên nghĩ về một ơn gọi. Tôi hỏi họ: *“Các bạn có nhận ra mình có cái năng khiếu và can đảm để học làm linh mục không?”* Tôi cố gắng gieo trồng cái ý tưởng đó và để nó lớn lên. Tôi phải cẩn thận để không chỉ tạo cái ý tưởng đó cho một số trẻ thông minh mà không công hiến ý tưởng ấy cho một vài em xem ra không thông

Tôi nghĩ rằng lời khấn độc thân của chúng ta đôi khi mang đến sự thách thức cho một số phụ nữ, và nó hầu như trở thành một thách đố để thu hút chúng ta. Chúng ta không thể và không được coi thường hay hủy bỏ đời sống độc thân. Nó rất quý báu, và đó là một đặc sủng. Chúng ta phải cẩn trọng gìn giữ nó.

minh lắm, song rất có thể sẽ trở thành thánh Gio-an Vianney của thời đại. Tôi chắc rằng sự hiện diện của

mình với các trẻ lớp hai có ý nghĩa lắm. Tôi nhớ lại lời cha John Curry, một linh mục dòng Phan-xi-cô, đã vào trong lớp

một của chúng tôi, với tay lấy quyển giáo lý đang sau mũ trùm đầu của ngài, và nói: *“Các con ơi, nếu các con học cuốn sách này suốt cả đời, các con sẽ không hiểu được hết*

mọi điều viết trong đó.” Câu nói ấy để lại một ấn tượng sâu sắc trong tôi. Có một điều gì đó trong chức linh mục hết sức đặc biệt đến nỗi nó cần cả một cuộc đời để học hỏi. ●

**Có một điều gì đó trong chức linh
mục hết sức đặc biệt đến nỗi nó
cần cả một cuộc đời để học hỏi.**

*Linh mục***Theodore M. Hesburgh, C.S.C.¹****Notre Dame, tiểu bang Indiana**

Một trong những người Mỹ được biết đến rất nhiều và rất được trọng vọng là Viện Trưởng Danh Dự của Đại Học Notre Dame, ấy là cha Ted² Hesburgh. Mặc dù ngài đã “nghỉ” làm viện trưởng từ năm 1987 sau 35 năm trong nghề, ngài vẫn ở lại trường đại học và tiếp tục làm công việc điều hợp một số các trung tâm mà ngài đã từng giúp họ thiết lập.

Cha Hesburgh là một nhà lãnh đạo xuất sắc trong cả lãnh vực tôn giáo lẫn đời thường. Ngài đã làm cố vấn cho bảy vị tổng thống và một số giáo hoàng. Ngài phục vụ trong 15 ủy ban của tổng thống và là một thành viên của Hội Đồng Ân Xá của Tổng Thống sau Chiến Tranh Việt-Nam, có nhiệm vụ xét lại 15.000 đơn xin xá giải cho các binh sĩ đã trốn tránh trong đợt động viên hoặc giải ngũ trong tình trạng thất sủng từ các binh chủng trong quân đội. Ngài đã dâng Thánh Lễ ở Nam Cực, đạt một tốc độ kỷ lục thế giới bay vượt quá Mach 3.35 trong một chiếc phi cơ SR 71 Ó Đen, đã giảng cho người Nga trong chính các nhà thờ của họ, và nhận được 120 bằng cấp danh dự.

¹ C.S.C. - Viết tắt của tiếng La-tinh *Congregatio a Sancta Cruce*, tiếng Anh là *Congregation of Holy Cross*, Dòng Thánh Giá gồm các linh mục và nam tu sĩ, do A Thánh Basile Antoine-Marie Moreau sáng lập năm 1837 tại Le Mans, nước Pháp. Dòng chuyên lo việc giáo dục và gửi thừa sai đi truyền bá Tin Mừng tại nhiều quốc gia.

² *Ted* – tên gọi thân mật của *Theodore*.

Mặc dù có tất cả những gì đã đạt được, cha Hesburgh nhấn mạnh rằng ngài sẽ sẵn lòng từ bỏ tất cả nếu trong một cách nào đó chúng đe dọa cái thành tích mà ngài yêu quý nhất: đó là việc được truyền chức linh mục.

Văn phòng cha Hesburgh nằm trên tầng thứ 14 của thư viện đại học được đặt tên để vinh danh ngài, trong một khu vực có thể được diễn tả là khiêm tốn nhất, với một biệt trừ. Bên cạnh phòng của thư ký ngài có một phòng hội thật lộng lẫy cho du khách và các nhóm đặc biệt. Dọc theo bức tường là hằng tá những bằng tưởng lệ và danh dự được trao tặng cho cha Hesburgh trong nhiều năm qua. Trên một chiếc bàn rộng ở giữa phòng, các cuốn album đầy hình ảnh về những thành tích của ngài được trưng bày. Một máy truyền hình màn ảnh rộng trong góc cuối phòng biến khu vực đó thành một nơi giải trí cho khách khứa, nhất là những ngày thứ Bảy có trận đấu banh bầu dục.

Trong một căn phòng phía sau căn phòng đặc biệt trên, vẫn làm việc một ngày 12 tiếng và vẫn dự phóng những giấc mơ cho một trường Notre Dame danh tiếng hơn, chính là vị nguyên viện trưởng, một con người mà nghề nghiệp của ngài, cũng như viện đại học của ngài, đang là một truyền thuyết trên đất Mỹ. Ngài sinh ra ở thành phố Syracuse, tiểu bang New York ngày 25 tháng 5 năm 1917, và được truyền chức linh mục tại Notre Dame năm 1944. Cha Hesburgh là một tu sĩ của Dòng Thánh Giá.

Đúng vậy, có lẽ vị linh mục người Mỹ được biết đến nhiều nhất chính là người đã tóm tắt trọn cuộc đời mình và mọi sự nghiệp trong hai chữ: LINH MỤC.

Tôi cho là mình luôn luôn muốn làm linh mục. Tôi đã có dịp tiếp xúc với một số linh mục tốt tuyệt vời trong xứ đạo tôi sống, là giáo xứ Rất Thánh Mân Côi ở

Syracuse. Các cha phó rất gần gũi với bọn trẻ chúng tôi, mà một trong các linh mục giỏi nhất là cha Harold Quinn, người đã huấn luyện các em giúp lễ, tổ chức tĩnh tâm cho chúng tôi, và là cha giải tội thường xuyên của chúng tôi nữa. Thật là một giáo xứ rất đặc biệt, và trong suốt 30 năm hiện hữu đầu đời, nó đã sản xuất ra 34 linh mục và 28 nữ tu. Các Sơ Dòng Trái Tim Vô Nhiễm³ dạy chúng tôi học. Đúng là một nơi lý tưởng để lớn lên, và từ những ngày thơ ấu ở trường, tôi không hề mong muốn điều gì khác hơn là được chịu chức linh mục. Tôi thường được hỏi là nếu chỉ có thể viết lên bia mộ của mình một chữ thôi, tôi sẽ chọn chữ nào? Xin thưa, là chữ “Linh Mục.”

Tôi đã được truyền chức linh mục hơn 50 năm rồi, và thật là một cuộc đời sung mãn một cách tuyệt diệu. Tôi đã gặp và làm quen với vô số bạn bè, đàn ông lẫn đàn bà, trong hầu hết mọi quốc gia trên thế giới. Hầu hết những gì tôi đã thực hiện được, có lẽ tôi đã không thể làm được ngoài vai trò linh mục.

Hầu hết những gì tôi đã thực hiện được, có lẽ tôi đã không thể làm được ngoài vai trò linh mục. Tôi đã có thể đụng chạm đến cuộc đời của người ta vào những thời điểm quan trọng nhất, cả khi người ta vui mừng lẫn lúc họ buồn sầu... tôi đã đến gần được biết bao nhiêu người chính bởi vì cuộc sống độc thân đó.

Tôi đã có thể đụng chạm đến cuộc đời của người ta vào những thời điểm quan trọng nhất, cả khi người ta vui mừng lẫn lúc họ buồn sầu. Và bạn có biết không, thật ngạc nhiên là tôi đã đến gần được biết bao nhiêu người chính bởi vì cuộc sống độc thân đó. Người ta không có ấn tượng gì về chuyện tôi không có lấy một trương mục nào trong ngân hàng, cũng

³ *Immaculate Heart of Mary Sisters* - viết tắt là I.H.M., nguyên thủy mang tên *Daughters of the Most Holy and Immaculate Heart of the Blessed Virgin Mary*, sáng lập năm 1848 ở Tây-Ban-Nha do linh mục Joachim Masmitjá để xây dựng xã hội qua việc dạy học cho các thiếu nữ.

chẳng do chuyện tôi có một lời khẩn đức vâng lời, bởi vì dù muốn hay không, hầu hết mọi người đều có bổn phận vâng lời đối với công ty của họ, với quân đội, có lẽ ngay cả với người phối ngẫu nữa. Nhưng dường như có một cái gì đó về đời sống độc thân khiến người ta chú ý. Họ thấy rằng tôi vẫn là người “bình thường.” Tôi có mối quan hệ rộng rãi với các phu nhân của những viên chức ngoại giao, các vị đại sứ, ngay cả các tổng thống nữa. thỉnh thoảng các vị phu quân có đến hỏi tôi: *“Làm sao mà các bà xã của chúng tôi quay quần quanh cha, thích cha, và cảm thấy thoải mái với cha, trong khi không được như thế với bất kỳ gã đàn ông nào trong nhóm này cả?”* Câu trả lời của tôi luôn luôn là: *“Đơn giản lắm. Tôi không phải là mối đe dọa cho các bà ấy. Họ có thể thư giãn khi đến với tôi.”* Và tất cả bọn họ gọi tôi là Cha không chút ngưng ngừng. Dù họ là Công Giáo, Tin Lành hay Do-Thái, luôn luôn là Cha Ted. Dường như họ biết là tôi tình nguyện sống cuộc đời như thế để có thể thuộc về bất cứ ai, và sẵn lòng giúp bất kỳ người nào cần đến tôi.

Dường như họ biết là tôi tình nguyện sống cuộc đời như thế để có thể thuộc về bất cứ ai, và sẵn lòng giúp bất kỳ người nào cần đến tôi.

Đời sống độc thân vô cùng hữu ích cho chức linh mục, bởi vì lối sống của chúng tôi, những nơi chốn mà chúng tôi phải đến, những việc chúng tôi phải

làm. Nếu tôi có bắt đầu lại tất cả, thì tôi vẫn muốn là một linh mục độc thân. Và tôi phủ nhận chuyện các linh mục, nếu có gặp khó khăn trong lãnh vực tình dục, đã làm vậy chỉ vì độc thân. Tôi tin rằng đời sống độc thân quan trọng cho các linh mục dòng vì họ sống trong một cộng đoàn. Nhưng đối với các linh mục triều, đặc biệt là những vị sống trong các xứ truyền giáo xa xôi, tôi nghĩ rằng có lẽ tốt hơn nếu họ được lập gia đình.

Qua những điều tôi nghe được, có khá nhiều bạn trẻ không vào chủng viện chỉ vì phải sống độc thân. Tuy nhiên, tôi xác tín rằng ngoài kia vẫn có đủ người tình nguyện cam kết với cả hai chuyện làm linh mục và sống độc thân. Đây không phải là một cam kết dễ dàng. Nó giống như leo một vách đá thẳng đứng; tất cả chúng ta đôi lúc gần như sắp rơi xuống, chỉ trừ khi là do ân sủng của Chúa thôi. Dầu sao tôi cũng không quá bận tâm về đời sống độc thân. Đối với những giáo sĩ sống giữa đời, sự đơn độc có thể là một vấn đề không vượt qua được. Tôi đã từng thấy các linh mục lên tận rừng Amazon sinh con cái. Tôi đã từng thấy những nhà xứ mà bàn tay phụ nữ rất cần. Các linh mục Chính Thống Hy-Lạp và Nga có lập gia đình, và họ là những người đàn ông tốt. Các linh mục Anh Giáo cũng thế. Tuy nhiên, tôi không tin rằng linh mục lập gia đình là câu trả lời cho mọi chuyện. Hôn nhân đòi hỏi mọi thứ cũng phải cam kết nhiều và vất vả như đời linh mục vậy. Nó đòi sự trung tín. Tôi cũng không ủng hộ cái đề nghị là bạn có thể ghi danh cho năm năm, rồi giải thể. Bạn có thể làm thế trong Hải Quân. Tôi không dám chắc bạn có thể làm như vậy trong đời linh mục, nơi mà sự cam kết quá thâm sâu và quá cá nhân. Với chính tôi, tôi có thể thành thực nói rằng tôi đã từng thấy giá trị lớn lao trong đời sống độc thân và đã cố gắng phấn đấu. Và tôi hy vọng tôi có thể đi đến cùng. Nếu tôi làm được, sẽ là vì tôi cố gắng trung thành trong những việc như đọc kinh nhật tụng, dâng Thánh Lễ mỗi ngày, lần chuỗi và nguyện ngắm.

Tôi đã từng thấy giá trị lớn lao trong đời sống độc thân và đã cố gắng phấn đấu. Và tôi hy vọng tôi có thể đi đến cùng. Nếu tôi làm được, sẽ là vì tôi cố gắng trung thành trong những việc như đọc kinh nhật tụng, dâng Thánh Lễ mỗi ngày, lần chuỗi và nguyện ngắm.

Đời linh mục là một ơn gọi tuyệt vời. Nếu như bạn được gọi, hãy quỳ gối tạ ơn Chúa và cầu xin với Chúa rằng: một khi bạn được truyền chức linh mục, bạn sẽ mãi là một linh mục, bởi vì đây không phải là một cuộc đời dễ dàng gì, và cám dỗ thì nhiều lắm.

Linh mục thi hành một chức vụ then chốt trong xã hội. Vai trò của ngài hôm nay vẫn giống như xưa khi Chúa Giê-su chọn các môn đệ ngài. Ngài bảo họ ra đi và dạy dỗ, rửa tội, và đem ơn cứu chuộc đến cho người ta. Công việc đó không hề thay đổi trong cơ bản, và nó liên đới với mỗi một xã hội, nền văn hóa và địa lý. Năm 1955 khi mà Đức Thánh Cha đến Hoa-Kỳ, ngài đã đến không phải như nhà ngoại giao, nhưng như một linh mục. Ngài đã dâng Thánh Lễ cho hàng ngàn người, giảng dạy cho họ, chúc lành cho họ, nói chuyện với Liên Hiệp Quốc về các quyền nhân bản, nền hòa bình và tự do. Thế giới ngày nay cần những chức năng ấy nơi chức linh mục cũng y như họ đã cần trong thời của Chúa Giê-su vậy.

Linh mục hết sức cần thiết trong mọi môi trường của xã hội. Tôi biết rằng mỗi nhóm người đều quan trọng –trẻ em trong trường tiểu học và trung học, những người trẻ mới lập gia đình, những người già đối diện với cái chết. Song nếu tôi

Nếu tôi phải chọn một nhóm người thật hệ trọng, tôi cho rằng đó là các bạn trong tuổi sinh viên... họ đang trở thành các Ki-tô hữu lớn tuổi, đối diện với những cam kết và các nan đề sẽ ảnh hưởng đến cả cuộc đời còn lại của họ

phải chọn một nhóm người thật hệ trọng, tôi cho rằng đó là các bạn trong tuổi sinh viên, là nhóm người mà tôi đã làm việc với gần như hết cả đời mình. Họ đã vượt quá cái hạn tuổi của một niềm tin đơn giản; đúng

hay sai không còn là chuyện con nít, nhưng là chuyện rất nghiêm chỉnh. Họ đang trở thành các Ki-tô hữu lớn tuổi, đối

diện với những cam kết và các nan đề sẽ ảnh hưởng đến cả cuộc đời còn lại của họ –hôn nhân, nghề nghiệp, niềm tin. Họ đang đặt một nền móng mà sẽ còn mãi cho một thời gian rất dài. Tôi muốn giúp họ quyết định những lựa chọn đúng đắn trong những năm chủ yếu này.

Rao giảng là một chức năng vô cùng quan trọng của linh mục. Tôi làm nhiệm vụ rao giảng chính yếu trong các Thánh Lễ tại các khu vực nội trú, cả thấy 30 địa điểm. Tôi thấy được hiệu quả của việc rao giảng tốt trên gương mặt của những người trẻ này. Họ phản ứng tích cực trước một bài giảng ý nghĩa. Song tốt nhất tôi phải chuẩn bị, bởi vì nếu tôi chỉ cần thử vung bừa ra, họ sẽ tìm tôi ngay, và nói cho tôi biết rằng đó không phải là một trong những bài giảng hay nhất. Tôi không bao giờ dùng tấm giấy

Rao giảng vô cùng quan trọng. Nó là một nửa việc truyền giáo của linh mục. Song đừng quên rằng đời sống của một con người là một bài giảng hay hơn hết cả. Tất cả chúng ta có lúc thất bại. Nhưng nếu người ta biết rằng chúng ta đang phấn đấu chăm chỉ để trở thành điều mà chúng ta tuyên xưng, thì đó là cách rao giảng hữu hiệu nhất.

nhỏ ghi chú cho các bài giảng của mình. Khi tôi giảng một bài dở, các sinh viên không hồi tiếc nói cho tôi biết rằng tôi đã lạc đề quá xa. Và khi tôi giảng một bài hay, họ cũng cho tôi biết thế. Việc chuẩn bị của tôi gồm hai mặt: trước hết, tôi nghiên cứu các bài đọc kỹ lưỡng; thứ đến, tôi cầu nguyện với Chúa Thánh Linh. Tôi nghĩ rằng Chúa Thánh Linh quá ít được yêu cầu đến bởi hầu hết các Ki-tô hữu, ấy là không kể đến khá nhiều linh mục. Đó là quân bài chủ lực cao nhất của tôi. Đáng An Ủi không bao giờ làm tôi thất vọng. Rao giảng vô cùng quan trọng. Nó là một nửa việc truyền giáo của linh mục. Song đừng quên rằng đời sống của một con người là

một bài giảng hay hơn hết cả. Tất cả chúng ta có lúc thất bại. Nhưng nếu người ta biết rằng chúng ta đang phấn đấu chăm chỉ để trở thành điều mà chúng ta tuyên xưng, thì đó là cách rao giảng hữu hiệu nhất. Một người bạn tôi, cha Charlie Sheedy, thường hay nói: *“Đời sống tu trì dẫn đến một điều thôi: đó là phải xuất hiện. Đừng là một linh mục vắng mặt. Hãy có mặt nơi nào bạn được cần tới.”* Đó là hai nửa của sứ vụ linh mục, mang Lời Chúa và ân sủng của Chúa cho con người.

Tôi cho rằng mạc khải vĩ đại nhất đối với tôi là con người ta tốt lành biết bao. Khi tôi mới được truyền chức, tôi đã nghĩ rằng tôi sẽ bị vỡ mộng bởi những gì tôi nghe được trong tòa giải tội; thật ra là ngược lại. Tôi thấy người ta khiêm tốn xưng thú tội lỗi mình, ao ước nên tốt, thành thực và chân thật. Đúng là một bất ngờ thú vị.

Tôi thường hay ngẫm nghĩ về việc linh mục có thể cống hiến cách đặc biệt cho xã hội thế nào, và tôi tin rằng đơn thuần chỉ cần là một *Alter Chritus*, một “Ki-tô Khác.” Chúa

Chúa Giê-su muốn hiện diện với người ta mọi nơi chốn, và một trong những phương thể Ngài có thể thực hiện điều đó là qua các linh mục của Ngài. Chúng ta làm cho Ngài hiện diện trước hết bằng cách truyền thông sứ điệp của Ngài. Để cho được hiệu quả, sứ điệp đó phải được thích ứng với thời hiện đại, phải là thực cho người ta, nếu không nó sẽ chỉ là những lời nói suông.

Giê-su muốn hiện diện với người ta mọi nơi chốn, và một trong những phương thể Ngài có thể thực hiện điều đó là qua các linh mục của Ngài. Chúng ta làm cho Ngài hiện diện trước hết bằng cách truyền thông sứ điệp của Ngài. Để cho được

hiệu quả, sứ điệp đó phải được thích ứng với thời hiện đại, phải là thực cho người ta, nếu không nó sẽ chỉ là những lời

nói suông. Chúa Giê-su đã có thể làm điều ấy trong thời của Ngài; nhưng ngày nay thì Ngài không thể. Ngài cần một ai đó để chuyển tải những sứ điệp của Ngài cho con người thuộc mọi thế kỷ, bằng một hình thức mang ý nghĩa với họ. Thứ đến, linh mục phân phát ân sủng, chính thức qua các bí tích, nhưng thường là bởi sự hiện diện cũng đủ. Hồng Y Suhard của Paris, một trong những anh hùng thời thơ ấu của tôi, có một cách diễn tả tuyệt vời: *“Sứ vụ của sự hiện diện,”* chỉ cần có mặt ở đó. Ngài đã nói đến cùng một điều mà cha Sheedy đã nói về chuyện chường mặt ra vậy.

Thỉnh thoảng tôi nhìn lại cuộc đời mình và nhớ lại những cơ hội khi mà điều gì đó đã xảy ra được coi như làm cho nó đáng công, khi một điều gì tốt xảy đến mà có lẽ đã không xảy ra nếu tôi không là một linh mục. Tôi đã có được nhiều khoảnh khắc như vậy. Đôi khi những biến cố ấy xảy ra đơn thuần chỉ vì tôi là vị linh mục duy nhất ở đó. Ngoài trừ khi ở Notre Dame, khu vực của tôi thường là ở vòng ngoài của Ki-tô giáo. Bạn không tìm thấy nhiều linh mục ở Nam Cực hay điện Cẩm-Linh hay trong Liên Hiệp Quốc hoặc trong phái đoàn như Gorbachev. Tôi sẽ kể bạn nghe một biến cố nhé. Một đêm kia chúng tôi đang ở Đại Học Vienna với các nhà khoa bảng và bác học, tham dự một Hội Nghị Quốc Tế về Năng Lượng Nguyên Tử, một chương trình của Liên Hiệp Quốc về Nguyên Tử Cho Hoà Bình. Vị dẫn đầu phái đoàn Liên-Xô, một giảng sư về luyện kim ở Mạc-Tư-Khoa, nói lời khai mạc. Ông ta tuyên bố: *“Có nhiều người ở đây, từ khoa học gia, những người đoạt giải Nobel, các giảng sư từ những đại học danh tiếng. Song ở đây chỉ có một người mà tôi tin tưởng hoàn toàn, và đó là Cha Ted, bởi vì ngài chưa hề nói dối tôi điều gì, và tôi cũng chưa hề nói dối ngài một lần nào.”* Đó là một khoảnh khắc mà tôi trân trọng.

Một trong những điều thỏa lòng lớn lao nhất cho bất cứ một linh mục nào là nhận ra mình đã làm được điều khác biệt thế nào trong đời sống của người ta. Tôi sẽ đưa ra một thí dụ xem chừng có vẻ đi ra ngoài nhãn quan bình thường của linh mục. Tôi đã làm được điều khác biệt với tính cách là thành viên của Ủy Ban về Dân Quyền trong 15 năm, bốn năm cuối cùng làm chủ tọa. Trong khoản Luật Dân Quyền Omnibus năm 1964, chúng tôi đã thay đổi đất nước Hoa-Kỳ theo nghĩa đen. Chúng tôi đã coi sự tách biệt chủng tộc tệ hại như ở Nam Phi, và loại trừ nó qua dự luật ấy. Tổng thống Johnson được coi là có điểm trong việc thông qua dự luật này. Kennedy có lẽ đã không hề vượt qua được các rào cản, mà ông cũng chẳng cố gắng thử xem. Nhưng Johnson đã khiến dự luật được chấp thuận, và làm thành luật lệ hiện hành. Thật là một cảm giác thú vị khi cho những ai đã đến Mỹ như nô lệ hơn 200 năm qua được quyền bình đẳng. Phần lớn trọng tâm của dự luật đó liên quan đến một nhận thức đơn giản về nhu cầu công bình cho những dân tộc thiểu số. Khi chúng tôi đang hội thảo ở miền Nam, thỉnh thoảng một vài người bạn đời thường của tôi đã khiến tôi khó xử. Một trong các thành viên của Ủy Ban nghiêng đầu qua bên tôi, và viết trên một mảnh giấy ghi chú màu vàng: *“Thưa cha, cho họ một chút thần học đi.”* Thế là tôi sẽ nói về quan điểm của Ki-tô giáo. Sau đó, họ sẽ nói: *“Cha đã lợi dụng chúng tôi một cách không công bằng. Chúng tôi biết cha có lý, nhưng lối sống của chúng tôi khó mà thay đổi.”*

Đời linh mục là một cuộc sống tuyệt diệu, song nó hẳn là có vấn đề, như bất kỳ lối sống nào khác. Một trong số đó là sự cô đơn. Chúng ta đang sống trong một thế giới mà mọi người quanh ta đều có một người vợ và con cái; còn chúng tôi thì không. Tôi trở lại căn phòng đơn độc ở Sảnh Đường

Corby gần các thùng rác, và đây chính xác không phải là một nơi vĩ đại gì cho việc tương giao của con người. Nhưng chúng tôi xem đó như một phần của cái giá chúng tôi phải trả. Chúng tôi không thể thuộc về một người nếu chúng tôi thuộc về mọi người. Sự đơn độc là có thật, tuy nhiên, nó có thể được thăng hoa trong sự kiện là chúng tôi có rất nhiều thân hữu. Tôi đã hôn vài ngàn phụ nữ, thường là lên má họ. Tôi được tự do hơn nhiều trong cách thể đó hơn là nếu tôi bị ràng buộc với một người vợ và gia đình. Đó là điều mà tôi gọi là tình bạn cởi mở trong đó chúng ta tin tưởng mọi người, và hy vọng mọi người cũng tin tưởng chúng ta. Đó là một thứ tình bạn dẫn đến một loại thông hiệp giữa con người với nhau khá thiêng liêng.

Tôi lạc quan về tương lai của Giáo Hội. Chúng ta đang lớn mạnh rất nhanh trong quốc gia này. Nơi đây tại Notre Dame mà 85% là Công Giáo, chúng tôi có 21 người trẻ đang học để gia nhập Giáo Hội. Mỗi thời đại người Công Giáo chúng ta phải đối diện với những nan đề, và trong mỗi thời đại thì Giáo Hội dường như phản chiếu lại các dòng thời gian. Khi Âu Châu đang trong Thời Kỳ Tăm Tối⁴, chúng ta cũng vậy. Trong suốt thời gian Cộng Sản cầm quyền ở Đông Âu, chúng ta ở trong tình trạng bị đàn áp. Chúng ta đã trải qua một giai đoạn khôn đốn với

Người ta bị bó buộc phải làm tông đồ qua phép rửa tội và thêm sức. Họ được trang bị toàn diện để dự phần vào phụng vụ và mang Chúa Ki-tô cho người khác. Tôi thực sự tin rằng Chúa Thánh Linh đang dẫn dắt chúng ta hướng về ý niệm của người giáo dân như thế qua sự khan hiếm linh mục hiện nay.

⁴ *Dark Ages* – có người dịch là “*Thời Kỳ Ám Thế*” được gọi như thế để chỉ một giai đoạn dài ở Âu Châu khi mà các sử gia không ghi lại được nhiều biến cố trong suốt thời gian từ khi đế quốc Rô-ma sụp đổ cho đến thế kỷ 13 hay 14.

Đế Quốc Rô-ma. Cuối cùng, khi chúng ta được đón nhận, tất cả sự hưởng thụ của đế quốc đi vào trong Giáo Hội, và chúng ta trở nên một thứ vương quốc đế tiện do những giám mục và hồng y ngự trị. Tôi đã viết luận án tiến sĩ về cái ý tưởng là người ta bị bó buộc phải làm tông đồ qua phép rửa tội và thêm sức. Họ được trang bị toàn diện để dự phần vào phụng vụ và mang Chúa Ki-tô cho người khác. Tôi thực sự tin rằng Chúa Thánh Linh đang dẫn dắt chúng ta hướng về ý niệm của người giáo dân như thế qua sự khan hiếm linh mục hiện nay.

Đây có phải là thời điểm tốt để làm linh mục không? Tôi nghĩ rằng bất kỳ lúc nào cũng là thời điểm tốt. Nếu như tôi được sinh ra những năm 1150, 1600 hay 2000 đi nữa, tôi vẫn chọn làm linh mục. Giả như có ai đó thực sự muốn làm tôi bị thương tổn, họ sẽ chỉ cần bảo tôi là không thể dâng Thánh Lễ được nữa, không được cử hành các bí tích hoặc giảng dạy nữa, bởi vì người đó đang nói rằng tôi không còn là một linh mục nữa. Bạn đừng quên hai chữ mà tôi muốn được khắc trên mộ bia của tôi chứ. ●

LỜI CUỐI

Các câu chuyện trong cuốn sách này không tin vào những lời bình phẩm tiêu cực vẫn được đăng tải trên truyền thông Công Giáo và đời thường. Các bản thăm dò của tờ *Los Angeles Times*, của Liên Đoàn Quốc Gia Các Hội Đồng Linh Mục và những kết luận của cha Andrew Greeley căn cứ trên những bản thăm dò đó cho thấy rằng những gì bạn đọc ở đây là nét tiêu biểu của hầu hết các linh mục Công Giáo chúng ta. Các linh mục được phỏng vấn đều hãnh diện về công việc họ làm. Họ tìm thấy trong công việc một cơ hội để đạt tới khả năng tối đa của họ. Họ tin vào những giáo huấn của Giáo Hội. Họ liên li tâm niệm rằng những gì họ làm đều góp phần vào sự bình an và cứu rỗi của những ai họ đụng chạm tới. Và họ mau mắn đề nghị người khác đi theo lối sống của họ, đây là biện pháp tối quan trọng cho sự thỏa lòng trong công việc.

Sau cùng, các câu chuyện này khiến chúng tôi nhận ra rằng chúng ta, tất cả chúng ta, có thể góp phần vào mục vụ của linh mục được truyền chức bằng cách cô vũ ơn kêu gọi, bằng cách công nhận các linh mục của mình, bằng việc tin vào quyền năng của Chúa Thánh Linh. Từ những gì các linh mục này đã nói, chúng ta có thể sung sướng đồng ý với Robert Browning trong *Rabbi ben Ezra*:

*Lớn lên cùng với tôi!
 Điều tuyệt hảo rồi sẽ đến,
 Sự sống cuối cùng,
 bởi đó sự sống đầu tiên được tạo thành:
 Thời đại chúng ta ở trong tay Ngài,
 Đáng đã phán: Ta đã chuẩn bị toàn bộ
 Người trẻ mới chỉ biểu lộ phân nửa;
 Hãy tin vào Thiên Chúa:
 ngắm nhìn tất cả, cũng đừng sợ hãi. ●*

GHI ÂN

Trong nỗ lực hai năm của chúng tôi, hơn 200 con người tuyệt vời đã cống hiến những góp ý, khích lệ, các đầu mối, thời gian, và giúp đỡ tài chánh. Không có sự nâng đỡ của họ, chúng tôi hẳn đã không thể đạt đến kết cuộc. Dù không thể liệt kê hết ra đây, song chúng tôi không thể không tri ân.

Chúng tôi đặc biệt ghi ơn:

– Một số linh mục mà sự hiểu biết về đời linh mục của họ đã giúp định hình và hướng đi cho cuốn sách: Frederic F. Curry, Timothy L. DeVenney, Robert L. Ferring, Daniel E. Flores, Louis H. Greving, Joseph L. Hauer, James E. Hayes, Joseph P. Herard, Douglas J. Loecke, Thomas Naughton, S.J., Williams J. Ortmann, Paul L. Weis và Tổng Giám Mục Jerome G. Hanus, O.S.B.;

– Các chức sắc và thành viên của Câu Lạc Bộ Serra tại Dubuque vì sự nâng đỡ liên li và hỗ trợ tài chánh của họ; và

– Các tác giả của những Lời Mở Đầu: Virgil DeChant, Hiệp Sĩ Tối Cao của Hội Hiệp Sĩ Columbus, và Raymond F. Mohrman, Chủ Tịch của Hội Serra International.

Cuối cùng, do bởi quá nhiều thời giờ, nỗ lực, và những đề nghị luôn được cống hiến một cách quảng đại, sau khi đọc một số bản hiệu đính của cuốn Những Cuộc Sống Phi Thường, chúng tôi cần phải kể ra đây 4 người bạn thân:

Sharon Cruse, Freda Reynolds,
George Freund, James White. ●

ĐÔI DÒNG VỀ HAI TÁC GIẢ

Đức ông Francis P. Friedl sinh ngày 26 tháng 11 năm 1917 tại thành phố Waterloo, tiểu bang Iowa. Ngài được truyền chức linh mục cho giáo phận Dubuque năm 1943. Đức ông Friedl có bằng tiến sĩ tâm lý từ Đại Học Công Giáo Hoa-Kỳ. Phục vụ trong nhiều mục vụ khác nhau trong nhiều năm với tư cách linh mục, kê cả giáo sư đại học, Viện Trưởng đại học, Giám Đốc liên hệ đại chúng, và cha sở, đức ông Friedl hiện còn đang tổ chức các buổi tĩnh tâm và những khóa tu nghiệp khắp Hoa-Kỳ.

Đức ông Friedl mong nhận được lời bình của bạn về cuốn *Những Cuộc Sống Phi Thường* này. Ngài có thể được liên lạc qua điện thư ở địa chỉ dbqfriedl@impresso.com.

Tiến sĩ Rex V. E. Reynolds (M.A., J.D.) về hưu năm 1994 sau khi đã làm giáo sư dạy Luật và Đối Thoại Bằng Lời ở đại học Loras thuộc thành phố Dubuque, tiểu bang Iowa. Ông là chủ bút của một số tác phẩm và các bài viết, và là tác giả của hai cuốn sách *China's New Romanized Alphabet* và *Missalet* (xuất bản bởi Russain năm 1993). Rex và vợ ông là Freda có một con gái, ba con trai và hai cháu nội ngoại.

Rex Reynolds cũng mong được nghe bạn về những lời bình và phản ứng sau khi đọc *Những Cuộc Sống Phi Thường*. Địa chỉ điện thư của ông là frryn@mwci.net.¹ ●

¹ Tiến sĩ Reynolds qua đời ngày 15 tháng 8 năm 2012, sau khi cùng với đức ông Friedl cho phép Phạm Đình Đài thực hiện bản dịch Việt ngữ.

PHỤ LỤC

Những Khác Biệt Quan Trọng Giữa Bản Văn Đã Dịch Tại Việt Nam Và Hoa-Kỳ

Để tiện so sánh, chúng tôi dùng các ký hiệu: 1) mỗi đoạn trích trong bản dịch từ Việt Nam được đánh dấu (✧); 2) sau đó là phần Anh ngữ trích trong nguyên bản Extraordinary Lives (■); 3) và cuối cùng là phần chúng tôi dịch lại (➤) với chữ in nghiêng.

Phần Mở Đầu

✧ “Chúng ta lại hỏi độc thân có giá trị gì để đem Chúa đến với dân và đem dân đến với Chúa?”

■ “We may also ask what possible values celibacy might have, whether or not it is an outdated detriment for priests in bringing God to people and people to God.” (trang 12, dòng 5)

➤ “*Chúng ta cũng có thể hỏi cuộc sống độc thân liệu có thể mang lại những giá trị gì, liệu nó có phải là một hiểm họa đã lỗi thời cho các linh mục trong việc mang Chúa đến cho con người và mang con người đến với Chúa không.*”

✧ “Nếu không có ai muốn đọc những câu chuyện này, chúng tôi nghĩ cố gắng của chúng tôi hình thành và xuất bản cũng đủ.”

■ “If no one were to read these stories, we think our efforts would have been worthwhile merely for our own edification and growth.” (trang 12, dòng 32)

➤ “Giả như không có ai đọc những mẩu chuyện này, chúng tôi vẫn nghĩ các nỗ lực của mình là đáng công lắm, dù chỉ là để được khai mở và tăng trưởng cho chính mình.”

Linh mục Michael Heras

✧ “[thiếu một câu] Chẳng thể bảo Ngài: “Tôi hiểu, chúng ta là những chàng độc thân đáng thương, song cần sự dứt khoát”. Tôi xác định vậy, nhưng sợ làm Ngài khó chịu.”

▪ “There was no way I was going to tell him that it was all right. I wasn’t going to say: “I understand, we poor celibates need a break once in a while.” I was firm, but not harsh with him.” (trang 79, dòng 31)

➤ “Không có cách nào để tôi có thể nói với anh ấy rằng mọi chuyện rồi sẽ ổn. Tôi không định nói rằng: “Tớ hiểu, những người độc thân như chúng mình thỉnh thoảng cần một chút xả hơi.” Trái lại tôi cứng rắn, nhưng không phũ phàng với anh ấy.”

Linh mục Thomas M. Anglim

✧ “Chúng ta có thể nói về con người linh mục này bằng cách kể ra những đoàn thể mà ngài phục vụ”

▪ “We say we can tell the character of a person by the company he keeps.” (trang 81, dòng 14)

➤ “Chúng ta thường bảo mình có thể nói lên cá tính của một con người qua những giao tiếp của người ấy.”

✧ “Tiền thuê nhà cho phép nợ. Thật là hữu ích cho họ.”

▪ “Today the project is debt-free. And what a boon it has been for our elderly parishioners!” (trang 83, dòng 1)

➤ “Ngày nay dự án đã hết nợ nần. Và dự án đó thật là một điều ích lợi cho những giáo dân già cả trong xứ!”

Linh mục Richard W. Moyer

✧ “...tôi đi ra với một sự thoải mái, đầu tuổi đã 70”

▪ “...I walk out of there with my hearbeat under seventy.” (trang

86, dòng 20)

➤ “...tôi bước ra khỏi đó với nhịp tim đập dưới 70.”

✧ “Tôi quyết định hai việc: đi thăm một vài bạn đồng hương và kiếm một việc làm nào đó hơn là nhập ngũ.”

▪ “...I decided to do two things: see some of the country and choose my own branch of the service rather than be drafted.”
(trang 87, dòng 30)

➤ “...tôi quyết định làm hai chuyện: đi thưởng ngoạn một số nơi trong nước và chọn cho mình một binh chủng thay vì để cho bị động viên.”

Linh mục Arnold Weber

✧ “Tôi phải vất vả tìm thể giới ấy để làm việc trong 40 giờ một tuần. Tôi đã đọc nhiều về các Linh mục làm việc quá tải, song chẳng có vấn đề gì xảy ra.”

▪ “I would find it hard to get my work done in a forty-hour week. I read a lot about overworked priests, but I don’t see that a problem for me.” (trang 94, dòng 29)

➤ “Tôi thấy khó mà hoàn tất công việc nếu chỉ làm việc có 40 giờ một tuần. Tôi đã đọc nhiều về các linh mục làm việc quá sức, song chẳng coi đó là vấn đề đối với tôi.”

✧ “Trái lại, nếu chúng ta rao giảng sứ điệp Tin Mừng mà không biết người chúng ta đang nói, thì chúng ta sẽ chỉ tác động đến những con người vô tâm.”

▪ “On the other hand, if we preach that gospel message without knowing to whom we are speaking, we are going to come across as being heartless.” (trang 95, dòng 17)

➤ “Trái lại, nếu chúng ta rao giảng sứ điệp Tin Mừng mà không biết người chúng ta đang nói với là ai, thì chúng ta sẽ bị kể là những con người vô tâm.”

✧ “Có một thời tôi nghĩ tôi chỉ là một thành viên trong bất cứ quyết định nào của Giáo xứ đào luyện kiểu người Đức của tôi

“khiến tôi có đường lối này.”

▪ “There was a time when I thought I had to be part of every decision. My strong German background made me that way.” (trang 95, dòng 32)

➤ “*“Đã có một thời tôi nghĩ rằng mình phải có tiếng nói trong bất cứ quyết định nào. Việc tôi được đào luyện theo kiểu người Đức đã khiến tôi đi theo hướng đó.”*

✧ “Chẳng hạn, mỗi Chúa nhật tôi không đề cập đến chiến tranh, đến hạn chế sinh sản, không cho đó là những đề tài quan trọng.”

▪ “For example, I’m not going to talk about war or birth control every Sunday, important as those topics are.” (trang 96, dòng 8)

➤ “*“Chẳng hạn, tôi sẽ không đề cập đến chiến tranh hay hạn chế sinh sản mọi ngày Chúa Nhật, dầu đó là những đề tài quan trọng.”*

✧ “Một năm tôi du hành một lần. Tôi sắp xếp thời giờ, không nhờ vả ai làm thế công việc của tôi. Tôi không cảm thấy là quá cần thận, bởi vì tôi nghĩ đó là điều giáo dân tôi muốn.”

▪ “Once a year I take a trip. And I do space my time. I don’t recommend my schedule for others and don’t feel virtuous about it. But I can do it, so I do because that is what I think my people need.” (trang 98, dòng 21)

➤ “*“Mỗi năm tôi đi đâu đó một lần. Và tôi sắp xếp thời giờ một cách thoải mái. Tôi không đề nghị người khác theo một thời khóa biểu như tôi, và không cảm thấy đó là nhân đức gì cả. Nhưng tôi làm được, và tôi làm thế bởi nghĩ rằng đó là điều giáo dân tôi cần.”*

✧ “Giúp cho dân quyết định tin thác vào Chúa Giêsu thì cần nhiều tiếng gọi bàn thờ.”

▪ “Getting people to make a commitment to Jesus involves more than an altar call;” (trang 98, dòng 32)

➤ “*“Giúp cho người ta quyết định tận hiến cho Chúa Giê-su thì cần nhiều thứ hơn tiếng gọi phục vụ nơi bàn thánh;”*

Linh mục William Trienekens

✧ “Khi chúng ta đảm nhận một nhiệm vụ, cần thiết chúng ta chỉ nhắm vào đích, mà bỏ lại sau một số việc. Song ngày nay chúng ta lại chỉ có một ngón tay mà việc thì vô kể.”

▪ “When we assume an obligation, we necessarily put aside a number of things for a single goal. But today we want to have a finger in everything.” (trang 102, dòng 10)

➤ *“Khi chúng ta đảm nhận một nhiệm vụ, chúng ta cần thiết phải gạt qua một bên một số việc để chỉ nhắm vào một đích điểm. Song ngày nay chúng ta lại muốn xía ngón tay vào mọi thứ chuyện.”*

Linh mục William J. Bausch

✧ “Ngay từ lớp ba tôi đã hay nói. Để giúp tôi giữ im lặng, Sr Francos Carmel đã di chuyển bàn học tôi gần bàn của Sr, gần như vậy mà tôi vẫn nói chuyện ào ào. Sr đã giúp tôi thích thú làm vị truyền giáo...”

▪ “I was a recalcitrant, even in the third grade. In order to keep me in line, Sister Frances Carmel moved my desk next to hers. Such close proximity resulted in frequent conversations, and she got me interested in becoming a missionary...” (trang 105, dòng 18)

➤ *“Ngay từ khi học lớp ba tôi đã là một đứa trẻ cứng đầu. Để giữ tôi vào khuôn phép, Sr Frances Carmel đã di chuyển bàn học của tôi tới gần bàn của sr. Sự gần gũi như thế đưa đến những cuộc đối thoại thường xuyên, và rồi sr đã khiến tôi thích thú muốn trở thành một nhà truyền giáo...”*

✧ “Cái đã như là một đại họa trong đời tôi, thì nay đã biến về phía sau trường học. Tôi được phần thưởng.”

▪ “What has begun as a disaster in my life, being left behind in school, turned out to be a gift.” (trang 106, dòng 9)

➤ *“Điều bị coi như là một đại họa trong đời tôi từ lúc khởi sự, tức là việc bị học xuống lớp ở trường, đã hóa thành một món quà quý báu.”*

Linh mục Ned J. Blick

✧ “Cậu tôi bảo : “Cứ mở ngỏ những chọn lựa. Đừng quan tâm đến việc chọn lựa những loại hình cuộc sống. Điều cần là bằng cấp.”

▪ “He said: “Just keep your options open. You will need a degree, no matter what kind of life you choose.””(trang 157, dòng 16)

➤ “*Cậu bảo: “Cứ để ngỏ những nẻo đường của cháu. Dầu sao cháu sẽ cần một bằng cấp, bất kể cuộc đời mà cháu sẽ chọn là gì.””*

✧ “Nửa đêm tôi thức dậy. Tôi lo âu về bước nhảy lớn mà tôi sẽ nhảy sáng ngày.”

▪ “I woke up in the middle of the night, anxious about the big leap I was to take in the morning.” (trang 158, dòng 20)

➤ “*Tôi thức giấc lúc nửa đêm, lo lắng về quyết định lớn mà tôi sắp làm sáng hôm sau.*”

✧ “Tôi nghĩ nếu tôi khua chiêng gõ mõ, tôi sẽ tin được ơn gọi.”

▪ “I think when we beat the bushes we will find the vocations.” (trang 159, dòng 37)

➤ “*Tôi nghĩ rằng khi chúng ta cứ chịu khó lục lọi khắp nơi, chúng ta sẽ tìm ra các ơn gọi.*”

✧ “Tôi cho một học sinh biết thời khó khăn của Giáo hội, thế mà cha mẹ em xúc động vì tôi đã lưu tâm đến con cái của họ.”

▪ “I give a student a hard time about the Church, and all of a sudden the parents are excited about the Church because I got the attention of their child.” (trang 160, dòng 17)

➤ “*Tôi làm khó một học sinh về đề tài Giáo Hội và bỗng dưng phụ huynh cảm thấy hứng thú về Giáo Hội bởi vì tôi đã gọi được sự chú ý của con cái họ.*”

Linh mục Andrew J. Umberg

✧ “Tôi thuộc loại Linh mục trẻ mà được uỷ nhiệm chức lớn.”

▪ “I am sort of a post baby-boomer.” (p162, dòng 14)

➤ “*Tôi thuộc tầng lớp hậu sinh của thế hệ bội sinh.*”

(Baby-boomer – theo định nghĩa của Wikipedia, thế hệ bội sinh là lớp người sinh ra rất nhiều (có thể nói là ào ạt) sau Thế Chiến thứ II khoảng giữa năm 1946 và 1964, nguyên tại Hoa-Kỳ là khoảng 80 triệu người. Cha Umberg sinh ra vào cuối thời kỳ này.)

✧ “Gia đình tôi đi lễ mỗi Chúa Nhật và Lễ Trọng. Không có ai trong gia đình đặt vấn đề này, tôi lại có. Vì một vài lý do và vì sự phản loạn của tôi, tôi đã không đi lễ.”

▪ “My family went to Mass every Sunday and Holy Days; for those living in the house there was no option. I had no problem with that; for some reason or other my rebellion didn’t cover the Mass.” (trang 163, dòng 6)

➤ “*Gia đình tôi dự thánh lễ mỗi ngày Chúa Nhật và các Lễ Trọng; không có lựa chọn cho những ai sống trong căn nhà này. Tôi không có vấn đề gì với điều đó; vì một vài lý do, sự phản loạn của tôi không đủ để động đến thánh lễ.*”

✧ “Trên TV nói nhiều về tình dục và tôi nghĩ giải pháp thích đáng duy nhất là phải có kinh nghiệm mới dám đi tới hôn nhân.”

▪ “There was so much talk of sex on TV, and I thought the only proper way to have that experience would be through marriage.” (trang 163, dòng 19)

➤ “*Trên TV người ta nói quá nhiều về tình dục, và tôi nghĩ cách đúng đắn duy nhất để có kinh nghiệm đó là phải qua hôn nhân.*”

✧ “Tôi thích văn chương, văn chương thời đó có dấu ấn mạnh thường được viết bởi các nhà văn vô thần của thế kỷ 20. Tôi không thể hiểu được tại sao những người Công giáo tốt lại viết về vật chất nặng nề như thế.”

▪ “I associate education with literature, and most of the literature that got heavy press during that time was written by twentieth-century atheists. I didn’t realize that good Christian people wrote solid material.” (trang 163, dòng 37)

➤ “*Tôi gán giáo dục với văn chương, và hầu hết những áng văn chương mà được in nhiều trong thời đó đều được viết bởi các nhà*

văn vô thần của thế kỷ 20. Tôi đã không nhận ra rằng những người Công Giáo tốt đã viết ra những tài liệu vững chắc.”

✧ “Chức Linh mục không và sẽ không bao giờ giẫy chết, chức Linh mục chỉ đổi thay. Chúa Thánh Thần đã nói với chúng ta ở đâu có sự đổi thay thì sự đổi thay sẽ hướng dẫn chúng ta.”

▪ “The priesthood is not dying, and it never will. It is changing, and the Holy Spirit has yet to tell us where the changes will lead us.” (trang 165, dòng 8)

➤ “*Chức linh mục không phải sẽ hết và sẽ không bao giờ hết. Nó chỉ thay đổi, và rồi Chúa Thánh Linh sẽ nói cho chúng ta biết những đổi thay sẽ dẫn chúng ta đến đâu.*”

Linh mục James A. Krings

✧ “Việc tập đi và học hỏi của tôi đều bị hạn chế bởi sự săn sóc của John.”

▪ “The normal letting go that every first-born has to undergo and learn to accept was accentuated by John’s unique needs.” (trang 179, dòng 28)

➤ “*Đứa con đầu lòng nào sớm muộn cũng sẽ không còn được chăm sóc nhiều nữa và phải học để chấp nhận; việc ấy lại càng mau chóng xảy đến với tôi bởi những nhu cầu đặc biệt của John.*”

✧ “Thích sống cô đơn của thời nhỏ khiến lớn lên tôi vẫn thích.”

▪ “A thread in my life, developing during childhood, went back to that love of solitude.” (trang 179, dòng 34)

➤ “*Một sợi chỉ dệt nên đời tôi, được phát triển từ hồi thơ ấu, đã bắt nguồn từ sự yêu thích sống đơn độc ấy.*”

✧ “Tôi muốn chạy trốn mà không trốn được.”

▪ “I had been a runner and biker, and suddenly I couldn’t do these things any more.” (trang 181, dòng 17)

➤ “*Tôi đã từng chạy bộ và đạp xe, thế mà bất ngờ không thể tiếp tục những chuyện này được nữa.*”

✧ “Cha có một người đàn bà trong tâm trí phải không?”

▪ “There is a woman in the picture, isn’t there?” (trang 181, dòng 2)

➤ “*Có bóng hình một người đàn bà trong trường hợp này, phải không?*”

✧ “Tôi không bao giờ được đối xử tử tế hơn. Bởi đó, tôi thường có thành kiến với những người điều hành giáo phận đều sai.”

▪ “I have never been treated more kindly in my life, and this by someone whom I had often thought was running the archdiocese all wrong.” (trang 182, dòng 5)

➤ “*Trong đời, tôi chưa bao giờ được đối xử tử tế hơn thế, vậy mà lần này tôi lại nhận được từ một người mà tôi thường nghĩ rằng ngài điều hành tổng giáo phận hoàn toàn sai lạc.*”

✧ “Cha Bob tình nguyện làm công việc này. Tôi bớt sợ hãi. Cha Bob thật tốt và can đảm.”

▪ Bob’s willingness to take on that task still moves me with awe and gratitude for his love and courage.” (trang 182, dòng 20)

➤ “*Việc cha Bob tình nguyện làm công việc này vẫn còn làm tôi xúc động với sự kính nể và biết ơn về tình thương mến và lòng can đảm của ngài.*”

✧ “Tôi chỉ có thể nói với tôi, song tôi nghĩ : khả năng gắn bó với bất cứ ai và cách lành mạnh nhất là sống với một số bạn bè tốt.”

▪ “I can only speak for myself, but I think there is something within me that lacks the ability to commit to any one person, and my healthiest way to live is with a lot of wonderful friends.” (trang 183, dòng 17)

➤ “*Tôi chỉ có thể nói cho chính bản thân mình, song tôi nghĩ có một điều gì đó trong tôi không đủ khả năng gắn bó với riêng một người nào, và cách lành mạnh nhất là sống với thật nhiều bạn bè tốt.*”

✧ “Tôi đã thiếu may mắn hạnh phúc và kém lôi kéo ép buộc, vì tôi không có kiểu giao tiếp thân mật.”

▪ “I am better off, happier, less compulsive, less driven when I don’t have an “in love” kind of relationship.” (trang 183, dòng 20)

➤ “Tôi sẽ sống khá hơn, hạnh phúc hơn, bớt hành động theo bản năng, bớt bị lôi kéo, khi tôi không có mối liên hệ riêng nào quá thân mật.”

✧ “Những lúc khó khăn trong đời Linh mục chính là lúc vui bất ngờ.”

▪ “With all the difficult times, there have been unbelievable moments of joy in the priesthood.” (trang 185, dòng 3)

➤ “Với tất cả những lúc gặp khó khăn, cũng có những giờ phút tràn ngập niềm vui trong đời linh mục.”

✧ “Có vài học sinh của tôi đã quyết định rời bỏ McDonnell Douglas để giúp ích người khác.”

▪ “But I see some of my students who have made a decision to leave McDonnell Douglas because they were making arms.” (trang 185, dòng 14)

➤ “Song tôi thấy có một số học sinh của tôi đã quyết định giã từ hãng McDonnell Douglas chỉ vì người ta chế tạo vũ khí.”

Đức ông John V. Sheridan

✧ “Tuy nhiên, tôi không thể nào hiểu trong hoàn cảnh của họ được.”

▪ “...yet vicariously I can understand it.” (trang 241, dòng 4)

➤ “...tuy nhiên, đặt mình vào hoàn cảnh của họ tôi có thể hiểu được.” ●

LỜI BÌNH

Cuốn sách *‘Những Cuộc Sống Phi Thường’* đã thu hút chúng tôi ngay từ trang đầu tiên, và thúc đẩy chúng tôi đọc nghiền ngấu cho tới trang cuối cùng.

Ít khi chúng tôi đọc một cuốn sách mà say sưa như vậy. Say sưa vì tên cuốn sách, vì tính tò mò, say sưa vì nội dung cuốn sách, vì tính cách đa dạng nơi những mảnh đời riêng tư của 34 Linh Mục ở nhiều miền khác nhau, nắm giữ những chức vụ khác nhau. Say sưa vì những lời tâm sự chân thành đến ngạc nhiên của các tác giả.

Phải nói ngay rằng *‘Những Cuộc Sống Phi Thường’* là một cuốn sách có giá trị mà mọi người nên đọc. Giáo sĩ nên đọc để hiểu rõ hơn về thiên chức của mình, để có quyền ngẩng đầu lên, tự hào về chính mình và những người bạn anh hùng đáng khen của mình, để quyết tâm phục vụ cho đến cùng, bất chấp mọi chông gai, trở ngại trên đường đời, vượt thắng mọi cám dỗ thường tình trong cuộc sống.

Giáo dân nên đọc để thông cảm với những khó khăn, yếu đuối, cả những sa lầy của quý Linh Mục, những người Cha thiêng liêng của mình, để yêu mến, nâng đỡ, ủi an và can đảm đứng ra bên vực các ngài, nếu cần.

Chúng tôi tha thiết đề nghị: các đại chủng sinh nên đọc kỹ cuốn sách này trước khi quyết định lãnh thánh chức linh mục, chắc chắn họ sẽ vượt qua được những cạm bẫy hiểm nguy trên đường đời.

Quả thực, cuốn sách được chuyển ngữ rất tài tình. Mặc dầu tác giả những câu chuyện là các linh mục “ngoại quốc”, nhưng,

nội dung vẫn phản ánh rất sát với đời sống và tâm tư của các linh mục Việt Nam.

Tuy nguyên bản Anh ngữ đã ra đời năm 1997, cuốn sách này chưa lỗi thời về nội dung, trái lại, vẫn cần thiết cho Giáo Hội và thời đại chúng ta.” ●

NGUYỄN VĂN NHUỆ & THU-NHI

Đạo Binh Hồn Nhỏ



Những Cuộc Sống Phi Thường ghi lại những câu chuyện của 34 linh mục với ơn gọi sứ vụ của họ. Tôi cũng đã đọc vài câu chuyện đăng tải trên NET. như dịch giả minh định. Lần này, đọc trọn vẹn, với tôi: Đây là tác phẩm tuyệt vời nói lên nét đẹp của đời linh mục, không chỉ là lý thuyết mà bằng chính cuộc sống. Văn phong của bản dịch rất trau chuốt, sáng và dễ hiểu. Muốn sống đúng đắn trong chức vụ linh mục, ngoài những quan tâm mục vụ với chiều kích nhân bản, linh mục không thể thiếu đời nội tâm như John F. Carney nói: *“Tôi chưa bao giờ thấy một linh mục nào sống đời cầu nguyện mà bị cạn kiệt cả”* (trang 341), hoặc như tâm sự của Louis A. Sigman: *“Suốt cả ngày, ngài (linh mục) thấm đầy niềm vui, nỗi buồn, những bất hạnh và các vấn nạn của người dân. Đêm về, ngài đến trước Thánh Thể và vắt hết cả”* (trang 244).

Với ơn gọi và sứ mạng, linh mục không thể phấn đấu bằng sức mình, nhưng chiến thắng mình bằng sự trợ lực của Chúa. Chính đời sống nội tâm đã biến các linh mục thành những người đạt được cuộc sống phi thường.

Tôi thấy nội dung của cuốn sách đáng là nơi tham khảo cho các giáo sư Đại Chủng Viện để có thêm kinh nghiệm giảng dạy; các linh mục cũng nên đọc để “được thêm lửa” cho sứ vụ hết sức khó khăn nhưng cao đẹp của mình. Giáo dân cũng cần đọc để kiên vững niềm tin vào Chúa và sứ vụ của Hội Thánh.

Đặc biệt các bạn thanh niên, nam sinh viên cần đọc, để biết đâu: Chúa cũng mời gọi các bạn tiếp nối “*Những Cuộc Sống Phi Thường*”. ●

LM. GIUSE TRẦN ĐÌNH THỤY

Giám Học ĐCV Thánh Quý – Cần Thơ – Việt Nam



*1) Là một linh mục, sau khi đọc cuốn sách “**Những Cuộc Sống Phi Thường**” viết về cuộc đời, hãy dùng hơn những lời tâm sự của các linh mục khác, cảm nghĩ chung của cha thế nào?*

Nếu linh mục hiểu cho đúng ý nghĩa chức vụ Mục Tử, thì không còn lối sống nào khác hơn lối sống của Chính Chúa Giêsu mà chúng ta phải bắt chước...

Nếu chiêm ngắm chính xác vai trò cứu thế của Chúa Giêsu mà các linh mục đang bước theo, thì cuộc sống của các Ngài ngày nay phải dần thân, hy sinh và từ bỏ hơn nữa,

Nếu cứ như lời dạy của Chúa Giêsu: “*Như Cha đã sai Thầy, Thầy cũng sai anh em...*” thì rõ ràng Linh Mục chỉ là người được sai đến, làm những công việc được trao phó. Và như người đầy tớ trung tín chờ đón Ông Chủ trở về.

2) Cha nghĩ những ai nên đọc cuốn sách này, và cuốn sách có thể mang ích lợi gì cho họ?

Là câu chuyện hay thì ai cũng có quyền đọc, nhưng đọc để giải trí, để qua thời gian trống vắng, hay đọc để xem lại hình ảnh Đức Giêsu đã rõ nét nơi cuộc sống của tôi chưa (?),

Mỗi cuộc sống đặc biệt đó, là một cái gì riêng tư cho mỗi cá nhân, mỗi hoàn cảnh, mỗi tập tính riêng, họ đã nỗ lực để bắt chước cuộc sống của Chúa nơi những phạm vi riêng tư đó,

Họ đã bắt chước cuộc sống của Chúa vào đời sống riêng tư của họ, họ đã chiếu giải ánh sáng của Chúa, đã loan truyền Lời Chúa, đã trở nên là tiếng chuông cảnh tỉnh cho mọi người qua

lối sống. Và như thế, mỗi người giáo sĩ hay giáo dân một cách mặc nhiên đã trở thành Giêsu –Đấng cứu độ– cho thời đại hôm nay.

3) *Cha nghĩ có nên đề nghị cuốn sách này trở thành một cuốn sách phải đọc cho các đại chủng sinh trong chủng viện? Và nếu họ đọc trước khi chịu chức, cuộc đời linh mục của họ liệu có ảnh hưởng tốt hơn không?*

Nếu nói “phải đọc” thì có lẽ không nên, vì trong chủng viện đã có quá nhiều môn học, và môn học nào cũng phải ra công tìm kiếm thêm tài liệu, nên sau 2 năm triết, 4 năm thần học, cũng đã quá đủ cho mỗi người khi “ra trường” để có một mẫu người “mục tử” xứng đáng với Lòng Chúa mong muốn..

Tuy nhiên, nếu mọi người khi “ra trường” đều có một đời sống mục tử xứng đáng như lòng Chúa mong ước, và lợi ích cho công cuộc truyền giáo hôm nay, thì cuốn sách “*Những Cuộc Sống Phi Thường*” không cần thiết đề xuất bản nữa. Vì những lối sống đó cũng chỉ là bình thường, và là hậu quả đương nhiên của nền giáo dục trong các Đại chủng viện.

Vấn đề được đặt ra là, bên cạnh những mẫu gương mục tử sống động, thì cũng không ít những mục tử chưa đủ mức độ xứng đáng...

Do đó, với tư cách cũng là Linh Mục, tôi cảm ơn bạn đã gửi cho tôi “bản thảo” với những câu hỏi này để góp thêm vài ý kiến.

Khi đọc xong tập sách, tôi phải giật mình: Họ thật hy sinh – quảng đại – hết mình cho Dân Chúa. Họ làm được, còn tôi sao chưa làm được? Tôi nghĩ đọc những mẫu gương này cũng đem lại cho tôi niềm phấn khởi mới. ●

LM TỔNG ĐÌNH QUÝ, I.C.M.¹

Chánh xứ Ninh Loan, Đức Trọng

¹ I.C.M. – Xem ghi chú trang 22.



Hơn hai ngàn năm trước, Ông Thầy Giê-su đã là nguồn cảm hứng cho những người được tiếp xúc và nghe nói về Ông. Những lời rao giảng về một tôn giáo đầy yêu thương và khoan dung đã lôi cuốn từ những người cùng khổ, những phụ nữ không có vị trí gì trong xã hội đương thời, tới những người thuộc tầng lớp cao hơn nhưng có thiện ý và luôn trăn trở về kiếp người mỏng lung, vô định. Ông đã nói về một vị Chúa đầy yêu thương, ý nghĩa của kiếp người và Ông đã minh chứng bằng những hành động đầy khoan dung của trái tim luôn chạnh lòng thương trước những nỗi khổ nhân gian.

Và tôi nghĩ rằng linh mục chính là những người đã “phải lòng” tấm gương yêu thương ấy và muốn tiếp tục công việc của Người Thầy Giê-su, đem yêu thương xoa dịu nỗi đau nhân loại. Khi yêu thương thôi thúc, họ đã dấn thân vào sứ vụ mà không so đo, toan tính cho bản thân mình.

Nhưng cuộc sống là những cam go. Đôi khi những yếu đuối của phận người có thể làm họ hoang mang, chùn bước. Rất cần những đỡ nâng và khích lệ từ tấm gương của những người “đồng chí” như trong cuốn sách này, để họ xốc lại tinh thần và tiếp tục tiến bước. Và có lẽ cũng dành cho cả những ai đang bị thôi thúc bởi tấm gương của Người Thầy Giê-su, hy vọng cuốn sách như một luồng gió mới, thổi bùng lên ngọn lửa đam mê dấn thân phục vụ để họ mạnh dạn ra đi.

Gương mẫu của Đức Giáo Hoàng Francis đang làm tươi mới lại nguồn cảm hứng đi theo Người Thầy nhân hậu Giê-su. Mong cho cuốn sách này cũng góp phần làm tươi lại sự lôi cuốn của thiên chức linh mục. ●

LÊ VĂN PHÁN

Cựu chủng sinh Long Xuyên



Tôi đọc cuốn sách này với tất cả lòng cảm phục và kính mến các đầy tớ Chúa là những vị Linh Mục, Đức Ông, Giám Mục, và Tổng Giám Mục, những người đã dâng hiến cuộc đời mình để phục vụ Chúa và tha nhân. Đời sống và sự phục vụ của các ngài quả là những món quà vô cùng cao đẹp và vô giá cho xã hội. Cảm tạ Chúa về ân sủng diệu kỳ của Ngài đối với các ngài, những cuộc đời đã tận hiến cho Chúa.

Đọc quyển sách này bạn sẽ cảm thông hơn tâm tình và thiên chức của các linh mục, những người lãnh đạo thuộc linh của bạn. Chấp nhận cuộc sống độc thân, giản dị, thánh khiết, và vâng lời để phục vụ Chúa và tha nhân không phải là những đức hạnh ai cũng có thể làm. Những nan đề, thách thức, và gánh nặng của người hầu việc Chúa, bất luận Công Giáo hay Tin Lành, đều là những sự thật mà quý đầy tớ Chúa phải đối diện thường xuyên. Ước mong bạn sẽ cảm thông, cầu nguyện, và nâng đỡ chức vụ thánh của các ngài. Nguyện những tấm gương sáng ngời này sẽ là nguồn cảm hứng cho những người trẻ hiến dâng cuộc đời mình để phục vụ Chúa và tha nhân. Mong lắm thay. •

MỤC SƯ ĐẶNG NGỌC BÁU,

*District Superintendent, East District
California-Pacific Annual Conference
The United Methodist Church*

✠ ✠ ✠

Vốn là người khi còn trẻ có ước vọng dâng mình vào nhà Chúa nhưng mong muốn không được toại nguyện, tôi đã đọc quyển sách “Những Cuộc Sống Phi Thường” một cách say mê. Trong cuốn sách, 34 vị linh mục đã thuật lại cuộc sống mục vụ và phục vụ của mình một cách chân thành và đầy xác tín, khiến ai đọc cũng đem lòng cảm phục.

Ở thời đại trước, chúng ta đã từng cảm phục linh mục Jean Vianney hay linh mục Don Bosco vì tấm gương yêu thương và

phục vụ của các ngài, thì trong thời đại hôm nay, những linh mục trong quyển sách “Những Cuộc Sống Phi Thường” này cũng khiến chúng ta cảm phục không kém.

Điều quan trọng hơn sự cảm phục là người đọc nhận chân được giá trị của thiên chức linh mục và có những nhận định chính xác hơn về những “con người phi thường” này. Ngày nay người ta than phiền rằng con người, nhất là người trẻ, sống không có lý tưởng. Trong xã hội hôm nay, hai chữ “lý tưởng” trở nên xa lạ và hầu như đồng nghĩa với “không tưởng” thì các linh mục chính là biểu tượng sống động của lý tưởng. Nói cách khác, các vị ấy đã đốt lên một ngọn đuốc, soi vào đêm đen của thế giới, để người ta nhận ra rằng có một thứ giá trị khác của cuộc sống –chứ không phải là giá trị của hưởng thụ– đó là giá trị của yêu thương và phục vụ.

Trong những năm gần đây, giới truyền thông có những đợt tấn công ồ ạt vào các linh mục, dựa trên một vài linh mục không giữ trọn được thiên chức của mình. Những cuộc tấn công này vì “chuyện bé xé ra to” cũng có, vì trục lợi cũng có, mà vì ác ý cũng có. Chúng khiến cho một số người chao đảo và không biết còn nên đặt niềm tin và lòng quý trọng vào các linh mục hay không, thì quyển sách “Những Cuộc Sống Phi Thường” này chính là một trong những minh chứng sống động rằng đại đa số các linh mục Công giáo là những người có cuộc sống cao đẹp nhất của cộng đồng nhân loại, và rằng các vị ấy thật xứng đáng để nhận nơi người khác sự tin tưởng và lòng tôn kính.

Dịch giả Phạm Đình Đài, với bút pháp vững chãi và cách chuyển dịch chính xác, đã cống hiến cho người đọc một bản dịch khả tín của quyển sách rất giá trị này. Với bản dịch này, độc giả người Việt có thể tin rằng khi đọc, hầu như mình đã đọc chính nguyên bản bằng Anh ngữ vậy.

Một mong muốn của tôi, muốn được chia sẻ với bạn đọc: mong rằng một ngày nào đó, các linh mục Việt Nam cũng kể lại cuộc đời mục vụ và phục vụ của mình cho giáo dân biết rõ hơn về thiên chức linh mục. Người Công giáo Việt Nam hân

diện vì đã cung hiến cho Giáo Hội và nhân loại rất nhiều linh mục thánh thiện, và cuộc sống của các vị ấy cũng là “Những Cuộc Sống Phi Thường”. ●

QUYÊN DI

Nhà Văn, Giáo Sư Ngôn Ngữ và Văn Hóa Việt Nam đại học UCLA



Bất kể những công kích tiêu cực trên báo chí, một cuộc thăm dò mới đây cho thấy 70% các linh mục Công Giáo đều khẳng định họ sẽ vẫn làm linh mục nếu được chọn lại. Đồng thời, hầu hết các linh mục đều cảm thấy thỏa lòng với phẩm chất của những sứ vụ họ đang thi hành, ủng hộ giám mục và giáo hoàng, và không nhất thiết thuận ý với việc xóa bỏ đòi hỏi độc thân của linh mục.

Đức ông Francis Friedl và một giáo dân là tiến sĩ Rex Reynolds nghĩ rằng: đây là một công việc rất đáng làm và mở rộng kiến thức khi tìm hiểu sâu xa hơn trong mức độ cá nhân với nhiều chi tiết qua các chuyện kể của những linh mục hạnh phúc nghĩ về ơn gọi của họ.

Để hoàn thành cuốn sách này, đức ông Friedl và tiến sĩ Reynolds đã du hành đến mọi miền trên đất nước Hoa-Kỳ –qua cả Gia-Nã-Đại và Tân-Tây-Lan– để phỏng vấn một số linh mục tiêu biểu đương thời, và để nghe họ tâm sự. Cụ thể, hai tác giả đã phỏng vấn các thành viên của những dòng tu và các linh mục triều, cha sở, phó xứ và giám mục, tuyên úy quân đội, chuyên viên hành chánh và hoạt động viên, và những linh mục trong lứa tuổi từ 20 đến 80.

Những điều khám phá được quả là chứng từ hùng hồn cho những ai suốt đời cảm thấy thu hút với ơn gọi đặc biệt này, và luôn luôn là những suy tư thật hấp dẫn trong cuộc sống của những linh mục ấy.

Các linh mục đã chia sẻ một cách bộc trực và thành thật niềm vui của họ, những tưởng lệ, và cả những lúc nản lòng trong nếp sống đặc biệt ấy. Những Cuộc Sống Phi Thường là một cuốn sách đầy khích lệ cho bất cứ ai đang nghĩ đến việc làm linh mục, cho những vị đã được truyền chức, và cho bất kỳ người Công Giáo nào mong muốn tìm hiểu sâu xa hơn và nguồn hứng về cuộc sống dân thân của người môn đồ Đức Kitô Giê-su. ●

AVE MARIA PRESS

✠ ✠ ✠

“Độc giả sẽ tìm thấy những lời khích lệ trong những câu chuyện cá nhân của các linh mục trong nhiều sứ vụ khác nhau—hết thấy đều đã tìm được sự thỏa lòng lớn lao và niềm vui thâm sâu khi phục vụ Đức Kitô và Giáo Hội của Ngài.”

HỒNG Y TGM ROGER MAHONY

Tổng Giám Mục Los Angeles

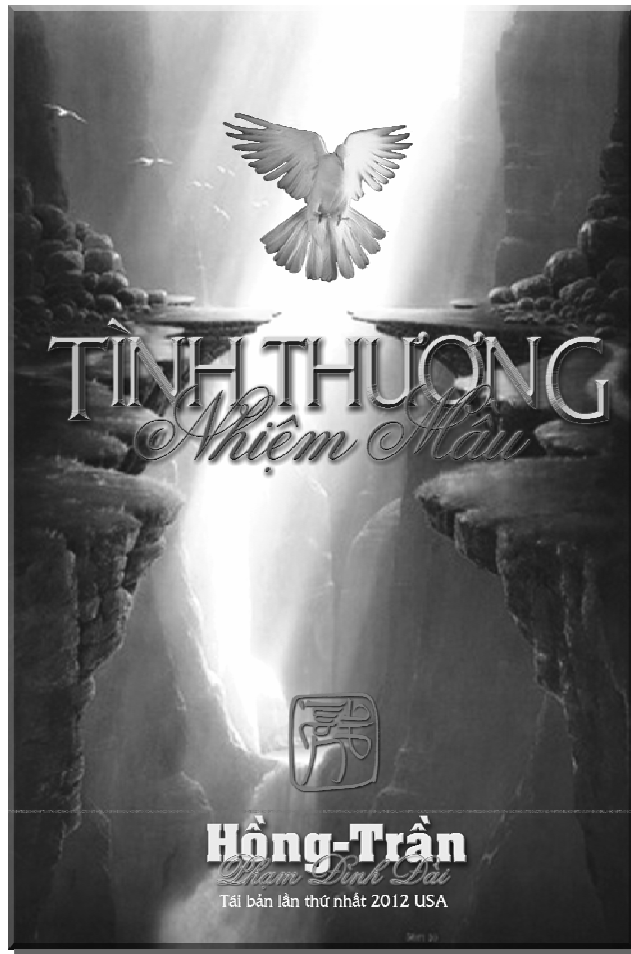
✠ ✠ ✠

“Quả là những mẫu chuyện cá nhân sâu sắc của 34 linh mục Công Giáo, những người yêu mến sứ vụ linh mục của mình, và hãnh diện về mối tương giao huynh đệ đặc thù của họ. Một cuốn sách dễ đọc và đầy phấn khích cho người Công Giáo thuộc mọi lứa tuổi.”

TGM FRANCIS T. HURLEY

Tổng Giám Mục Anchorage

✠ ✠ ✠



Audio CD thánh ca ***Tình Thương Nhiệm Màu***
12 nguyên tác của Hồng-Trần Phạm Đình Đài
Hòa âm: Quang Đạt
Studio: Hải Âu
Điều khiển: Văn Dũng, Hải Chiều
Tiếng hát: Nhóm hợp ca Hồng Ân, Kê-Sắt, Hổ-Nai
Phát hành lần thứ nhất: Mùa Phục Sinh 2004
Tái bản lần thứ nhất tại Hoa-Kỳ: 2012

Những Cuộc Sống Phi Thường

Chịu trách nhiệm xuất bản: Phao-lô Thiện Bản

Trình bày và bìa: Phạm Đình Đài

In 1.000 cuốn, khổ 5.5in x 8.5 in

Tại Nhà In ...

Số đăng ký kế hoạch xuất bản:

Cục xuất bản ký ngày ...

In xong và nộp lưu chiểu ...